

VL00005639



ỮNG
TRẬN ĐÁNH
LỊCH SỬ
CỦA
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM

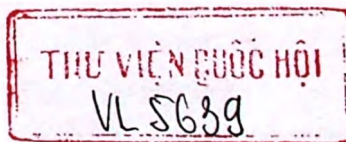
VL00005639



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

CƠ LONG
(Sưu tầm, biên soạn)

**NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập tại một khu rừng nằm giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được lãnh tụ Hồ Chí Minh ủy nhiệm lãnh đạo, đội biên chế thành 3 tiểu đội do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng và đồng chí Xích Thắng làm chính trị viên. Đội chỉ có 34 chiến sĩ, trong đó có 31 nam, 3 nữ có 29 chiến sĩ là dân tộc thiểu số còn lại 5 chiến sĩ dân tộc Kinh đứng theo hàng ngang. Lá cờ đỏ sao vàng giương cao trước hàng quân. Các chiến sĩ ăn mặc giản dị nhiều người còn đi chân đất, thể hiện trang bị của quân đội cách mạng ban đầu còn rất thô sơ. Song nó cũng thể hiện đó là đạo quân “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân phục vụ”. Quân đội nhân dân còn có một cái tên khác mà nhân dân yêu mến đặt cho là “Bộ đội cụ Hồ”.

Sự ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với lịch sử quân đội ta. Ngay sau khi ra đời, thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, “trận đầu nhất định phải thắng”, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã lập chiến công oanh liệt: Ngày 25-12-1944, hạ đồn Phai Khắt; ngày 26-12-1944, hạ đồn Nà Ngần trong hoàn cảnh “ăn mỗi ngày một bữa, đánh mỗi ngày 2 trận”. Những chiến thắng này báo hiệu cho toàn dân tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu để chuẩn bị cho thời kỳ đứng lên giành lấy chính quyền, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Hai chiến thắng đó đã mở đầu truyền thống đánh thắng trận đầu, đánh liên tục và nhiệm vụ nào cũng hoàn thành của quân đội ta. Và những tháng ngày “trúng nước” đó, đội quân 34 chiến sĩ nhanh chóng phát triển trong nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, mở rộng cơ sở chính trị trong quần chúng, hợp nhất với Đội Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân, cùng các “đội quân đàn em” khác trên mọi miền đất nước đóng vai trò nòng cốt hỗ trợ cho toàn dân ta vùng dậy khởi nghĩa giành thắng lợi.

Bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược, quân đội ta ước chừng tám vạn người mà thực chất mới chỉ là đội quân du kích, trang bị vũ khí rất thiếu thốn, thô sơ. Vừa xây dựng, vừa chiến đấu, đội quân ấy liên tiếp mở các cuộc phản công và tiến công trên khắp chiến

trường: đập tan cuộc càn quét, cướp phá của gần hai vạn quân Pháp khi chúng tiến công Việt Bắc trong Thu Đông 1947; tập trung lực lượng mở chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 đập vỡ tuyến phòng thủ đường số 4 mà thực dân Pháp cố công xây dựng, chấm dứt thời kỳ ta buộc phải chiến đấu trong vòng vây. Tiếp đó, quân ta mở ba chiến dịch tiến công: chiến dịch Trần Hưng Đạo, chiến dịch Hoàng Hoa Thám, chiến dịch Hà Nam Ninh; tiến công gần 30 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh và các đơn vị kỹ thuật của quân l'hap tại mặt trận Hòa Bình và giành thắng lợi vang dội. Trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954, để đập tan nỗ lực quân sự cuối cùng của phía Pháp, Đảng ta chủ trương điều một bộ phận chủ lực mở các cuộc tiến công nhằm những hướng địch sơ hở ở miền rừng núi, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích vùng sau lưng địch ở đồng bằng. Lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta đã thực hiện thành công chủ trương chiến lược này, giành thắng lợi to lớn và toàn diện trong tổng tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, góp phần quyết định buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève, chấm dứt tham vọng tái chiếm Đông Dương, sau chín năm ròng rã lao vào cuộc chiến tranh xâm lược và chịu nhiều tổn thất nặng về sinh lực, của cải và uy tín.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm, Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng một lần nữa vào trận với quyết tâm to lớn: cùng toàn dân giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước. Truyền thống, kinh nghiệm tích lũy từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp tiếp tục được những người lính "Bộ đội Cụ Hồ" phát huy lên tầm cao mới trong những điều kiện mới. Trên chiến trường miền Nam, dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng phát triển trên ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị), kết hợp chặt chẽ và nhịp nhàng phương thức tác chiến của chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, lực lượng vũ trang ba thứ quân đã đẩy mạnh tiến công địch về quân sự, lập nên những chiến công vang dội gắn với những địa danh đã trở thành bất tử, như: Ấp Bắc, Ba Gia, Đồng Xoài, Núi Thành, Vạn Tường, Pleime, Đất Cuốc, Bàu Bàng, Đắc Tô - Tân Cảnh, "Tam giác sắt" Củ Chi - Bến Cát, chiến khu Dương Minh Châu, Đường 9 - Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Đường 9 - Nam Lào... Đó còn là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, giáng đòn chí

tử vào ý chí xâm lược của kẻ thù bằng cách đánh chiến lược mới rất độc đáo và sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam; là cuộc tiến công chiến lược 1972 đập vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài kiên cố nhất của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ. Trên vùng trời, vùng biển miền Bắc, lực lượng phòng không-không quân, phòng thủ biển ba thứ quân đương đầu và chống trả địch đáng máy bay, tàu chiến Mỹ; đập tan cuộc tập kích khổng lồ của Mỹ bằng pháo đài bay B52 trên bầu trời Hà Nội - Hải Phòng, lập nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” trong những ngày cuối năm 1972. Những chiến công oanh liệt trên hai miền Nam, Bắc của quân và dân ta đã buộc đế quốc Mỹ dù còn ngoan cố vẫn phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam. Hơn 60 năm chiến đấu và xây dựng, chiến thắng và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã phấn đấu liên tục, không ngừng giữ vững, nêu cao và phát huy mạnh mẽ truyền thống anh hùng cách mạng, giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và truyền thống vẻ vang của quân đội, xứng đáng với danh hiệu “Bộ đội Cụ Hồ”.

Để tri ân với những thế hệ đi trước đã hy sinh xương máu để giữ cho được từng tấc đất quê hương, bờ cõi chúng tôi biên soạn cuốn sách *Những trận đánh lịch sử của Quân đội nhân dân Việt Nam*. Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết phân tích về những trận đánh lịch sử của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ. Cuốn sách giúp thế hệ hậu sinh thêm hiểu và yêu mảnh đất mà mình đang sống bởi mỗi tấc đất quê hương đều thấm đẫm mồ hôi và xương máu của bao lớp thế hệ cha anh. Đây là cuốn sách được biên soạn trên cơ sở sưu tầm, chọn lọc từ các nguồn tư liệu khác nhau đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Do điều kiện khách quan chúng tôi chưa trực tiếp liên hệ để xin phép trước, thành thật xin sự lượng thứ của các tác giả.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được sự rộng lòng lượng thứ và những đóng góp ý kiến của quý độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu!

NGƯỜI BIÊN SOẠN



*Hình 1. Bảo vệ Hồ Chủ tịch trên đường trở về ATK (An toàn khu).
Ảnh: Tư liệu.*



*Hình 2. Chiến sĩ cảm tử quân Hà Nội ôm bom ba càng sẵn sàng xông
vào xe tăng địch. Ảnh: Tư liệu.*



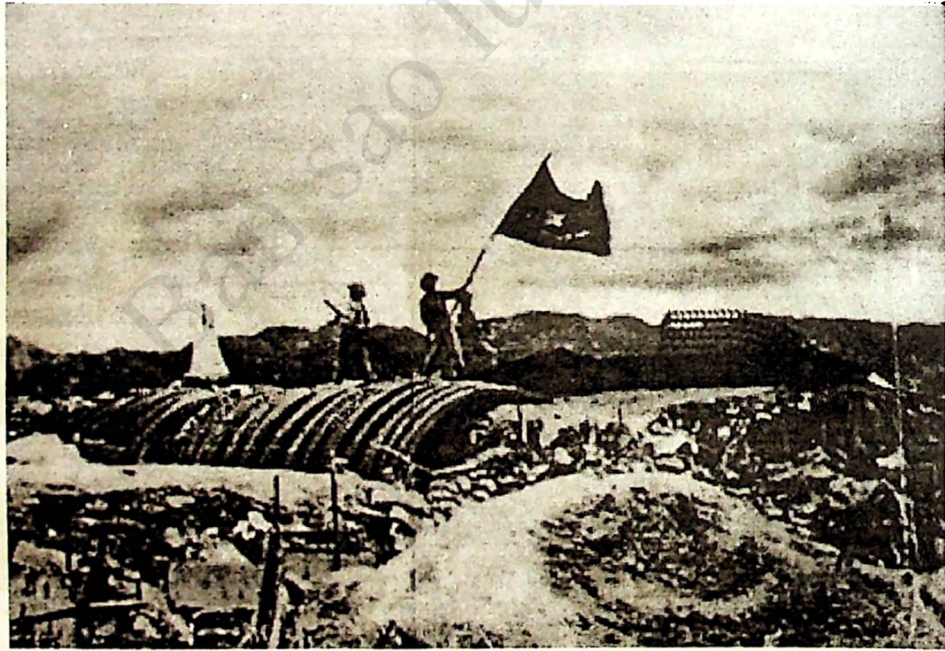
Hình 3. Cán bộ Bộ chỉ huy chiến dịch thị sát tình hình trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947. Ảnh: Tư liệu.



Hình 4. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (người ngồi sau, phía bên trái) cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và hai sỹ quan quân đội nghiên cứu sơ đồ tác chiến Chiến dịch Biên Giới (1950). Ảnh: Tư liệu.



Hình 5. Bộ đội ta đánh chiếm hầm tướng De Castries, cứ điểm cuối cùng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ảnh: Tư liệu.



Hình 6. Lá cờ chiến thắng Chiến dịch Điện Biên Phủ của quân đội ta trên nóc hầm De Castries. Ảnh: Tư liệu.



Hình 7. Nhân dân Nam bộ trong những ngày đầu kháng chiến.
Ảnh: Tư liệu.



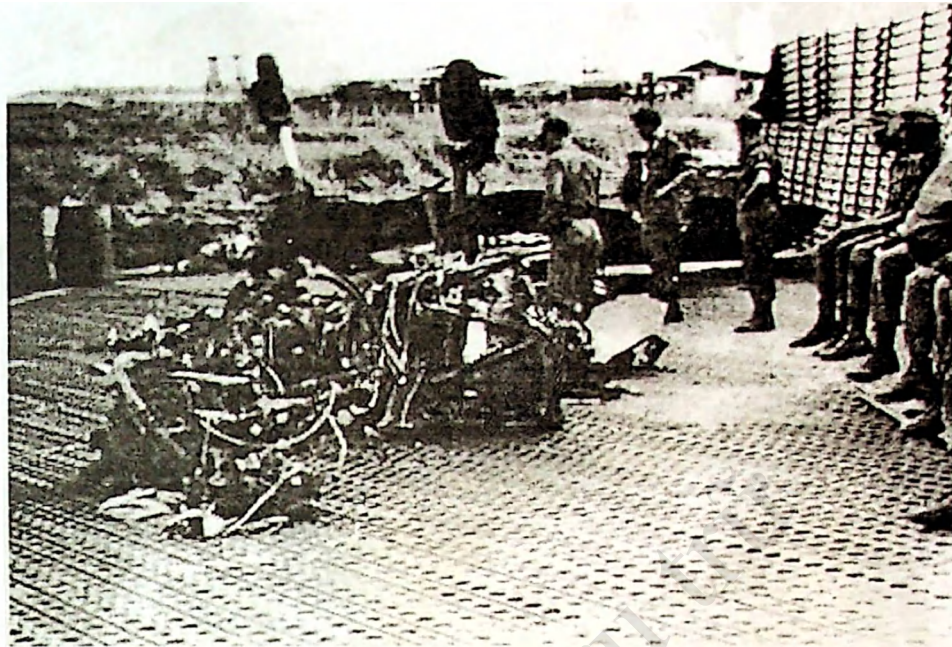
Hình 8. Thiết giáp M113 của Mỹ - nguy bị quân Giải phóng bắn hỏng
trong trận Ấp Bắc. Ảnh: Tư liệu.



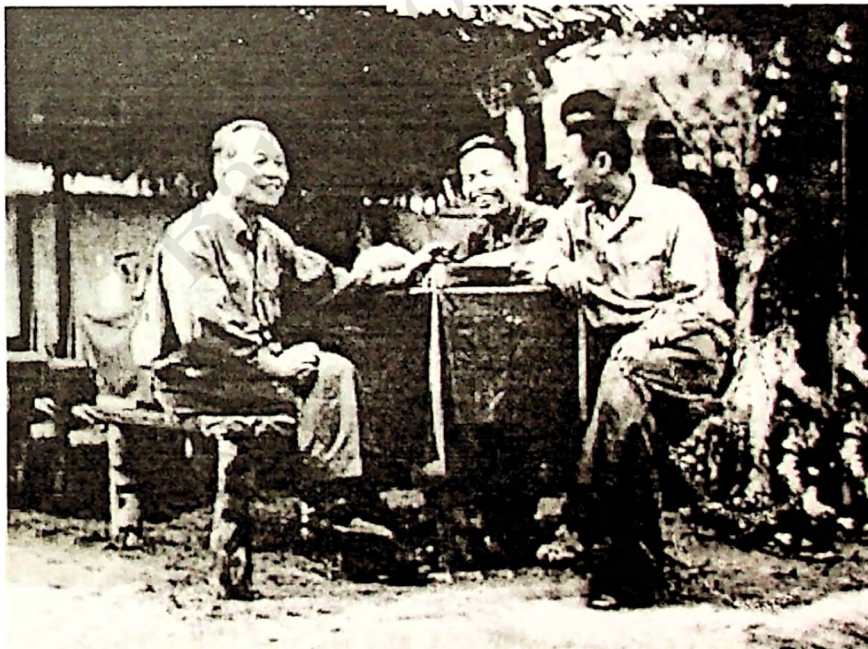
Hình 9. Trục thăng Mỹ bị bắn rơi ở Bình Giã. Ảnh: Tư liệu.



Hình 10. Lực lượng vũ trang quân khu Sài Gòn - Gia Định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Ảnh: Tư liệu.



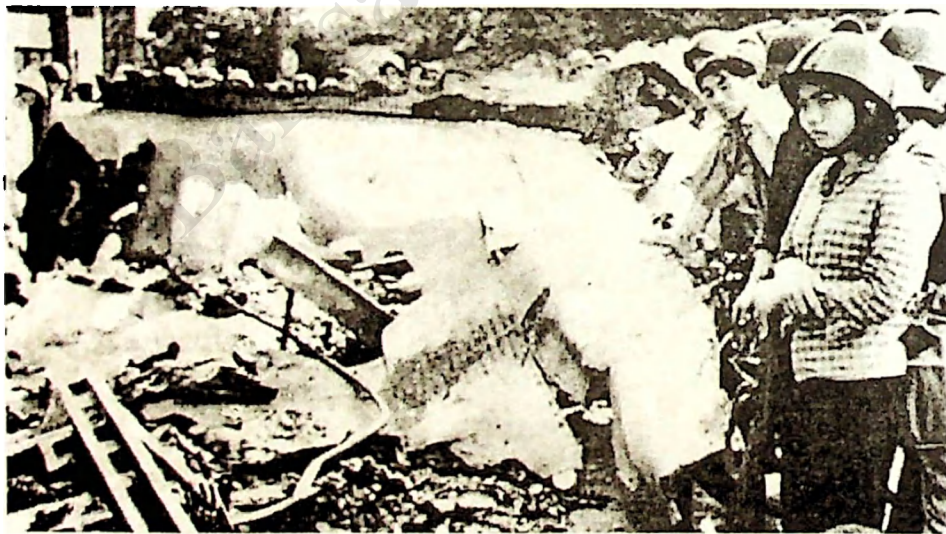
Hình 11. Sân bay dã chiến của Mỹ tại Cần Thơ bị phá hủy trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Ảnh: Tư liệu.



Hình 12. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí chỉ huy Đoàn 559 trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào. Ảnh: Tư liệu.



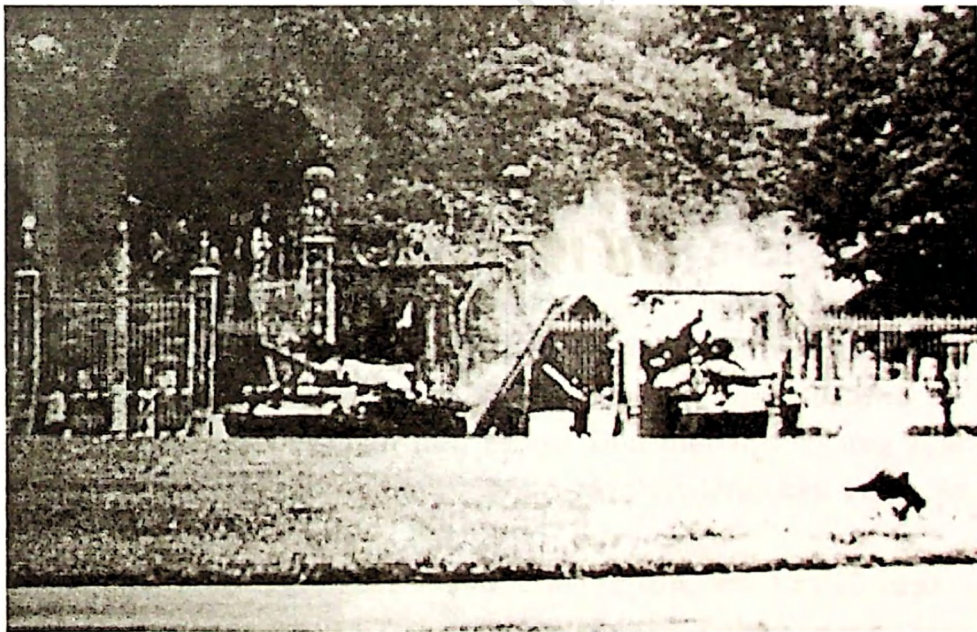
Hình 13. Một khẩu đội pháo cao xạ bảo vệ bầu trời Hà Nội trong Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không 1972. Ảnh: Tư liệu.



Hình 14. B-52 phơi xác trên đường phố Hà Nội. Ảnh: Tư liệu.



Hình 15. Ngày 11-3-1975, trận đánh Buôn Ma Thuột mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên.



Hình 16. Xe tăng quân giải phóng lao qua cổng dinh Độc Lập ngày 30-4-1975. Chiếc xe tăng 843 bị kẹt ở cổng phụ, chiếc xe tăng số 390 lao qua cổng chính. Ảnh: Tư liệu.

CHƯƠNG I
NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP
(TỪ 1945 – 1954)

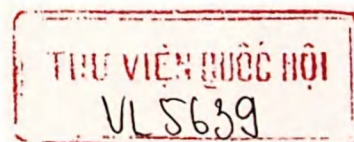
CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC

Ngày 7-10 năm 1947 quân Pháp nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn. Cuộc tiến công mùa khô của địch bắt đầu từ một thị xã nằm sâu trong lòng Việt Bắc. Đây là chuyện ngoài dự kiến của ta. Điều khiến Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp lo lắng là đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh vừa lên đây công tác và Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái cũng đang có mặt ở thị xã.

Kế hoạch tiến công Việt Bắc do Đại tướng Raoul Salan, Tư lệnh chiến trường Bắc Đông Dương vạch ra và được Chính phủ Pháp phê chuẩn tháng 7-1947. Âm mưu của cuộc tiến công này, như lời Vally tuyên bố, là Pháp “sẽ chơi ván bài cuối cùng” nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của Việt Minh, lập nguy quyền toàn quốc, kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị thực dân trên toàn bộ nước Việt Nam; đồng thời nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Trung Quốc. Đối đầu với đại tướng Salan là nhà chỉ huy quân sự trẻ tuổi Võ Nguyên Giáp, chưa từng học ở một trường quân sự chính quy nào. Người đương đầu với Salan lần này chỉ mới 36 tuổi, 3 năm trước mới đưa một trung đội Tuyên truyền Giải phóng quân chỉ gồm có 34 người vào đánh hai đồn nhỏ ở Pha Khắt và Nà Ngần rồi hai năm sau lại vừa mới đứng bên chiến lũy Khâm Thiên theo dõi trận vây hãm quân Pháp trong thành Hà Nội.

Ngày 7-10, quân Pháp bắt đầu tiến công Việt Bắc. Ngay tối hôm đó, Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các khu ủy thông báo tình hình và ra lệnh cho các khu ủy, quân khu ủy chỉ huy bộ đội đánh mạnh để chia xẻ lực lượng địch, phá kế hoạch tiến công của chúng. Ngày 8, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi quân dân ra sức tiêu diệt địch. Cùng ngày, Bộ Tổng Chỉ huy hạ quyết tâm chiến dịch và ra nhật lệnh kêu gọi quân dân anh dũng chiến đấu.

Thực dân Pháp tập trung một lực lượng lớn, với 12.000 binh sĩ, 40 máy bay, 800 xe cơ giới do Trung tướng Xalăng trực tiếp chỉ huy chia thành 3 hướng tiến công Việt Bắc. Về phía ta, để phản công đánh bại địch, Bộ Tổng chỉ huy đã huy động các trung đoàn 147, 165 (chủ lực của Bộ); 72, 74, 121 (của Khu I), 11, 36, 59, 98 (của Khu XII); một tiểu đoàn pháo binh



và trung đoàn Sông Lô (của Khu X); năm tiểu đoàn độc lập (của Bộ, Khu I, Khu XII); các binh chủng và lực lượng du kích của các địa phương.

Diễn biến chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong 2 đợt:

Đợt I: từ 7-10; Sau khi nhảy dù xuống Bắc Kạn, ngày 8-10 quân Pháp chiếm chợ Đồn.

Ngày 9-10, một tiểu đoàn quân dù nhảy xuống thị xã Cao Bằng. Ngày 10-10, từ Hà Nội, 35 tàu chiến dịch theo sông Hồng tiến lên đổ quân ở Sơn Tây. Cũng trong ngày 10 trên đường số 7 quân Pháp tiến tới Thất Khê. Bộ Tổng chỉ huy điện gấp cho Khu 10 chuẩn bị đánh địch trên sông đồng thời cử tiểu đoàn 42 tiến nhanh về phía Bình Ca, bảo vệ cửa ngõ phía Tây của Việt Bắc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi thư tay cho tiểu đoàn 42 với mệnh lệnh "Tiểu đoàn 42 sống chết với con đường Bình Ca - Thái Nguyên".

Ngày 12-10, badôka của ta bắn chìm một tàu LCVP. Đây là chiến công đầu tiên của quân ta trên sông Lô. Cùng ngày tiểu đoàn 42 đánh bại cuộc tấn công đổ bộ của địch tại bến Bình Ca và vinh dự mang tên tiểu đoàn Bình Ca.

Các đơn vị bộ đội của ta lúc này ở căn cứ không quá ít nhưng trừ trung đoàn Thủ Đô và lạng Sơn đã được thử thách ít nhiều thì hầu như tất cả các đơn vị khác đều chưa qua chiến đấu. Trình độ tổ chức, trang bị của ta chưa cho phép tiến hành các trận đánh lớn. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận thấy cách đối phó thích hợp nhất với cuộc tiến công chiến lược của địch là thực hiện ngay chiến lược 'đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung'. Bất ngờ ngày 9-10, đại đội trợ chiến của Trung đoàn 74 được bố trí trên đồi Thiên An đã bắn rơi một máy bay Junker - 52. Trên máy bay này chở một sĩ quan tham mưu của Bộ Chỉ huy Pháp đi thị sát chiến trường. Những người đi trên máy bay đều chết trong đó có thiếu tá Lambert, đặc phái viên của Bộ Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở miền Bắc Đông Dương. Trong số những tài liệu thu được có bản kế hoạch tiến công Việt Bắc của Pháp. Kế hoạch mà chúng dự định gồm hai cuộc hành binh lớn mang mật danh là Lesa và Clos - Cloc.

Kế hoạch Léa hình thành 2 gọng kìm bao vây toàn bộ khu căn cứ địa Việt Bắc của ta bao gồm 5 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên

Quang và Thái Nguyên. Hợp điểm của hai gọng kìm này sẽ là Đài Thị và Pháp đã không thực hiện được ý định này như mong muốn.

Kế hoạch Clos - Clos có nghĩa là vây kín để càn quét khu tam giác Bắc Kạn - Chợ Chu - Chợ Mới và phía tây đường số 3. Bộ chỉ huy Pháp dự kiến 2 cánh quân sẽ gặp nhau, khép kín vòng vây ta vào ngày 13 ở Đài Thị. Tuy nhiên âm mưu chụp bắt, đánh nhanh, thắng nhanh của địch cơ bản đã thất bại.

Ngày 15, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp". Cũng trong ngày 15-10, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết "Lời kêu gọi quân và dân Việt Bắc", vạch ra:

"Địch hội quân ở Bắc Kạn, tạo thành cái ô bọc lấy Việt Bắc rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cho được cơ quan đầu não của kháng chiến. Chúng mạnh ở 2 gọng kìm, gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại".

Đợt II: (từ ngày 21-11 đến 22-12). Các đơn vị của ta thực hiện chiến lược và đánh du kích, đánh vận động trên các địa bàn, trọng điểm là các mặt trận Đường số 3, Đường số 4, Sông Lô tổ chức phục kích tiêu diệt địch, bao vây, cắt tiếp tế, bức địch rút khỏi khu vực Chợ Đồn, Chợ Rã, đưa pháo lên đánh địch trên sông Gâm, bức địch phải rút khỏi Chiêm Hóa, Đầm Hồng... bẻ gãy các mũi tiến công đường không, đường bộ, đường thủy của các binh đoàn đổ bộ đường không, binh đoàn bộ binh thuộc địa, phục kích ở bản Sao, đèo Bông Lau (30-10); bắn tàu chiến, ca nô tại Khoan Bộ (23-10); Đoan Hùng (24-10); Khe Lau (10-11)... Ngày 31-10, mặt trận đường 4 báo tin chiến thắng lớn ở Bông Lau, tiểu đoàn 374 phục kích một đoàn xe trên đèo phá hủy 27 xe, diệt và bắt sống 205 tên địch, thu toàn bộ vũ khí... Chính tướng Pháp Salan cũng đã viết trong hồi ký:

"Họ đánh những trận phục kích lớn hàng mấy trăm người bằng những quả mìn điều khiển từ xa kết hợp với súng máy phục kích trên những đoạn đường dài khiến cho quân Pháp bị tổn thất nặng".

Trong chiến dịch Việt Bắc, quân Pháp bị bắt 270 tên, bị thương hơn 3.000 tên và hơn 3.000 tên khác chết. Các đơn vị ta đã bắn rơi 16 máy bay, phá hủy 225 xe cơ giới, khoảng 100 khẩu pháo, cối; bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô; thu được hàng chục tấn vũ khí, quân trang, quân dụng.

Cuộc tiến công chiến lược của Pháp vào Việt Bắc chính là cuộc tiến công mang nhiều tham vọng nhất của Pháp trong suốt quá trình chiến tranh xâm lược Đông Dương. Chiến dịch diễn ra trong tình thế binh lực của Pháp còn ở độ mạnh nhất trong khi lực lượng vũ trang của ta còn ở tuổi ấu thơ. Tướng Raoul Salan, người đã chứng tỏ được tài năng khi còn là chỉ huy trưởng Sư đoàn số 9 thuộc địa trong chiến dịch giải phóng nước Pháp, đã có 13 năm binh nghiệp ở Đông Dương rất quen thuộc vùng thượng du Bắc bộ. Trước khi mở đầu cuộc tiến công Salan từng tự tin tuyên bố sẽ hoàn tất mọi mục tiêu trong 3 tuần. Tuy nhiên hẳn đã quá chủ quan với những kinh nghiệm từ khi còn là đồn trưởng một đồn binh ở thượng du thời Pháp thuộc. Chính Trung sĩ Gaston Garenne đã phải bị đạn bắn tĩa từ trên núi xuống. Thượng úy Thibaut thì than thân “Chúng tôi không còn quét được gì hết, vì vừa đi qua địch trở lại ngay”.

Đối với Pháp cuộc tiến công Việt Bắc Thu - Đông 1947 là một thất bại nặng nề về chiến lược. Áo tướng dùng hành động quân sự quy mô lớn hòng kết thúc chiến tranh đa nhanh chóng tan thành mây khói

Đối với ta, đây là lần đầu tiên tổng chỉ huy ta trực tiếp đứng ra chỉ huy một chiến dịch do địch chủ động mở. Với phương châm tác chiến đúng, tổ chức biên chế lực lượng thích hợp với khả năng phối hợp tác chiến sáng tạo, mưu trí ta đã dành được thắng lợi về mình. Thắng lợi đó là nhờ sớm tìm ra được cách đánh thích hợp với kẻ thù mạnh hơn. Chiến thắng Việt Bắc đã làm phá sản chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, đưa cuộc kháng chiến của quân dân Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới.

NGHỆ THUẬT TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG TRONG CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU - ĐÔNG 1947

Thực hiện mưu đồ triệt phá cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta nhằm giành thắng lợi quyết định kết thúc chiến tranh, ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động lực lượng tinh nhuệ nhất trong hải, lục, không quân khoảng 10 nghìn quân¹ tiến công ô ạt theo 3

¹ 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 3 đại đội cơ giới, 2 phi đội (40 máy bay), 3 thủy đội (40 tàu, xuồng).

hướng: đường không, đường bộ và đường sông vào vùng căn cứ địa Việt Bắc. Đối với ta, do các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các trung đoàn bộ đội chủ lực cùng một loạt nhà máy, xí nghiệp vừa sơ tán khỏi Hà Nội về vùng căn cứ địa Việt Bắc; bộ đội chủ lực mới hình thành, trình độ tác chiến còn thấp; lực lượng vũ trang địa phương chưa kịp xây dựng... nên gặp nhiều khó khăn. Nhưng, với ý chí và tinh thần quả cảm, lại có lợi thế về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, toàn dân và toàn quân ta quyết tâm chiến đấu đến cùng để giữ vững độc lập, tự do của dân tộc. Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947 đã được Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Tổng chỉ huy sáng suốt chỉ huy bộ đội cùng với nhân dân các dân tộc Việt Bắc phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, vượt qua mọi hiểm nguy, từng bước tháo gỡ khó khăn, giành quyền chủ động, đánh bại cuộc hành binh đầy tham vọng của thực dân Pháp. Ở đây, nghệ thuật tổ chức và sử dụng lực lượng để đánh bại cuộc hành binh của địch được xem là nguyên nhân bao trùm và quan trọng nhất làm nên thắng lợi của Chiến dịch quan trọng này.

Kịp thời điều chỉnh tổ chức, biên chế bộ đội chủ lực, đẩy mạnh xây dựng bộ đội địa phương. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá kỹ tình hình, Bộ Tổng chỉ huy đã thống nhất nhận định: địch tuy có ưu thế về máy bay, pháo binh, cơ giới, nhưng không thể phát huy được đầy đủ trên chiến trường rừng núi. Điểm yếu chí tử của chúng là lực lượng phải dàn mỏng trên một chiến trường rộng (khoảng 12 tỉnh), lại xa hậu phương, trong điều kiện rét buốt mùa đông; chỉ có thể tiếp tế, tăng viện bằng đường bộ và đường sông. Ta triển khai lực lượng chủ lực (13 trung đoàn và 11 tiểu đoàn) chiến đấu trên địa bàn rộng (gồm 3 khu: 1, 10 và 12), khắc phục những hạn chế của vũ khí, trang bị, nhất là phương tiện thông tin liên lạc. Dựa trên phân tích khoa học, đánh giá đúng tương quan so sánh lực lượng địch - ta, Bộ Tổng chỉ huy xác định phương châm tác chiến là: không tập trung binh lực lớn bộ đội chủ lực tiến công vào các căn cứ, đối mặt với bộ binh, cơ giới của địch; chỉ tổ chức lực lượng “đại đội độc lập” và “tiểu đoàn tập trung” bí mật, bất ngờ tập kích vào đội hình, các vị trí đồn trú của quân Pháp dọc đường hành quân. Bộ Tổng chỉ huy hạ quyết tâm chiến đấu: tập trung bao vây, giam chân, cô lập địch ở những vị trí chúng vừa chiếm; cắt đứt đường giao thông liên lạc, tiếp tế, chi viện, ứng cứu giữa các bộ phận, nhất là chia cắt hậu phương với lực lượng hành binh của quân Pháp.

Đồng thời, xác định đối tượng tác chiến chủ yếu là lực lượng cơ động trên bộ và trên sông, nên ta chủ trương điều chỉnh tổ chức đơn vị chủ lực thành các “đại đội độc lập” và “tiểu đoàn tập trung”.

Theo đó, Bộ Tổng chỉ huy đã điều 30 “đại đội độc lập” (trong đó có nhiều cán bộ tiểu đoàn đã có kinh nghiệm xây dựng lực lượng trong những ngày đầu kháng chiến được điều làm cán bộ đại đội) về các huyện trọng điểm thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng và Tuyên Quang làm lực lượng nòng cốt xây dựng bộ đội địa phương, dân quân, du kích; phát động chiến tranh nhân dân. Cán bộ, chiến sĩ trong các “đại đội độc lập” đã vượt mọi khó khăn, gian khổ, xuống các thôn, bản tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thành lập các tổ, đội dân quân, du kích, các đơn vị bộ đội địa phương; giúp đỡ nhân dân vận chuyển, cất giấu tài sản; di chuyển, phân tán các cơ quan, nhà máy, kho tàng, bệnh viện... Vì thế, lực lượng vũ trang địa phương ở các tỉnh trong địa bàn Chiến dịch đã nhanh chóng được hình thành và không ngừng lớn mạnh; hằng ngày, hằng giờ đánh phá, quấy rối quân Pháp trong các thị xã, thị trấn; phá đường giao thông, cắt đứt liên lạc giữa các căn cứ, nhất là giữa hậu phương địch với quân hành binh. Các cuộc càn quét, cướp phá của quân Pháp không đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Bởi, đi đến đâu chúng cũng gặp “vườn không nhà trống” làm cho đội quân “dũng mãnh” có sức mà như không, đã thiếu thốn lương thực lại càng thiếu thốn hơn, tinh thần chiến đấu bị giảm sút, bị lôi cuốn vào cách đánh du kích của quân và dân ta.

Đối với các lực lượng chủ lực, Ban Thường vụ Trung ương Đảng vẫn chủ trương phát triển dần từng bước, từ quy mô tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn để đánh lớn. Tuy nhiên, trước yêu cầu phải bảo toàn lực lượng để đánh lâu dài, Bộ Tổng chỉ huy đã quyết định, trước mắt phải phân tán các trung đoàn bộ binh thành nhiều tiểu đoàn (khoảng 20 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh tập trung) biên chế nhỏ, gọn, có khả năng cơ động linh hoạt, luồn sâu vào vùng địch tạm chiếm, bám dân, xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang địa phương, phát động chiến tranh du kích. Đây không phải là bước “lùi” về tổ chức, xây dựng lực lượng chủ lực mà là chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Bộ Tổng chỉ huy. Thời điểm đó, do còn nhiều yếu tố tác động, ta chưa thể tập trung đơn vị quy mô cấp trung đoàn, đại đoàn để đánh địch, nên cấp tiểu đoàn được xác định là đơn vị tác chiến chủ yếu,

bố trí ở những vị trí thuận lợi cho cơ động, triển khai lực lượng đánh địch cơ động ứng cứu, tăng viện, tiếp tế lương thực và những bộ phận đồn trú nhỏ, lẻ ở từng khu vực, từng mặt trận. Việc điều chỉnh tổ chức, biên chế lực lượng bộ đội chủ lực theo hướng đó trên 3 mặt trận: Sông Lô - Đường số 4 - Đường số 3, có ý nghĩa hết sức quan trọng về nghệ thuật chiến tranh du kích, làm cho các cuộc càn quét, đánh phá của địch “không có” đối tượng tác chiến, thậm chí trước mắt quân Pháp là cả một khoảng không gian “trống rỗng”. Nhưng, chúng lại rất dễ bị các “tiểu đoàn tập trung” bao vây, tiêu diệt ở khắp mọi nơi trong địa bàn Chiến dịch. Vì thế, ta không những bảo toàn được lực lượng mà còn hạn chế đến mức thấp nhất sức mạnh tiến công, từng bước vô hiệu hoá, tiến tới bẻ gãy từng gọng kìm của quân Pháp. Việc quyết định phân tán các trung đoàn bộ binh thành các “đại đội độc lập” và “tiểu đoàn tập trung” để phá vỡ ý đồ hành binh của thực dân Pháp đã thể hiện rõ nghệ thuật tổ chức, sử dụng lực lượng sáng tạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sử dụng lực lượng hợp lý, phát huy tối đa sức mạnh của các đơn vị, đánh địch rộng khắp, bằng mọi thứ vũ khí. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng chỉ huy và các mặt trận, bộ đội địa phương, dân quân, du kích và nhân dân các dân tộc Việt Bắc đã thực hiện triệt để “tiêu thổ kháng chiến”, “tiểu phi giữ nhà”... tránh các cuộc càn quét, đánh phá, cướp bóc của quân Pháp. Do vậy, “Những nhát búa tiến công của địch đã giáng vào chân không... Chúng ta đã kịp thời khai thác đúng chỗ yếu nhất của cuộc tiến công là những đoàn quân xa, những chiến thuyền buộc phải thường xuyên di chuyển trên những trục đường bộ, đường sông nhất định để duy trì sức sống cho một đạo quân lớn không thể tìm ra lương thực, đạn dược ở địa phương. Nó cho phép những đơn vị nhỏ của ta với trình độ, trang bị hạn chế có thể giáng trả quân địch những đòn hiệu quả”¹. Lực lượng vũ trang của các địa phương trong căn cứ địa Việt Bắc còn tích cực, chủ động phá các công trình kiên cố, cầu đường, đập ụ chống xe tăng cản địch; làm trận địa giả, trận địa nghi binh để lừa địch; cắm chông tre, chông sào ở các khu vực trống trải để phòng địch nhảy dù... Đồng thời, lực lượng này còn đảm trách việc kiểm soát, tuần tra, canh gác những khu vực bố trí các

¹ Đại tướng Võ Nguyên Giáp - *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb QĐND - Nxb Thanh niên, H. 1995, tr.210.

cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng; đoạn đường trọng điểm, những nơi xung yếu... Với nghệ thuật sử dụng lực lượng (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích) linh hoạt, khéo léo của Bộ Tổng chỉ huy, Chiến dịch đã có nhiều hình thức, biện pháp đánh địch sáng tạo đạt hiệu suất chiến đấu cao: sử dụng lực lượng vũ trang địa phương vừa làm nhiệm vụ bảo vệ, vừa nghi binh, tạo giả (đốt rơm, rạ tạo khói; gây tiếng nổ...) nhằm thu hút hỏa lực địch về trận địa giả, tạo điều kiện, thời cơ cho các đơn vị bộ đội chủ lực (bộ binh, pháo binh, pháo cao xạ) nổ súng tiến công tiêu diệt địch. Cùng với đó, Bộ Tổng chỉ huy đã tổ chức hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong từng mặt trận, giữa các mặt trận phục kích, bao vây, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng chi viện, tiếp tế, trên sông, trên bộ, thậm chí còn đánh tiêu diệt những bộ phận nhỏ nằm sâu trong địa bàn Chiến dịch...

Có thể khẳng định rằng, với việc vận dụng linh hoạt nguyên tắc tập trung lực lượng, chúng ta vừa tạo được ưu thế ở những địa điểm, thời cơ quyết định, vừa giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ, từ đó cơ động, phục kích đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở để tiêu diệt địch. Do tổ chức, biên chế lực lượng chủ lực hợp lý, khoa học, nên các “đại đội độc lập” và “tiểu đoàn tập trung” đã phát huy tối đa sở trường, thế mạnh của từng loại vũ khí trên từng mặt trận. Trên hướng Tây (Sông Lô), Bộ đội Pháo binh vừa tổ chức lực lượng bảo vệ, nghi binh lừa địch, vừa mưu trí, dũng cảm bố trí pháo ở sát bờ sông bắn chìm nhiều tàu địch, đánh thắng nhiều trận. Đặc biệt, trong trận Đoàn Hùng ngày 24-10-1947, ta đã bắn chìm 2 tàu, bắn bị thương 2 tàu khác, diệt nhiều tên địch, buộc chúng phải ngừng hoạt động dài ngày trên tuyến Sông Lô. Trên hướng Đường số 4, ngày 29-10-1947, Bộ Tổng chỉ huy đã kịp thời chỉ đạo Tiểu đoàn 249 của Trung đoàn 11 Lạng Sơn tổ chức thành công trận phục kích tại Bản Sao - đèo Bông Lau, phá hủy 27 xe quân sự, diệt 94 lính Âu Phi, 51 lính ngụy, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, cắt đứt Đường số 4 nhiều ngày, buộc quân Pháp phải dùng máy bay tiếp tế cho lực lượng ở Cao Bằng, Bắc Kạn và tổ chức đóng thêm nhiều đồn bốt lẻ để bảo vệ việc vận chuyển trên Đường số 4...

Như vậy, với việc tổ chức binh lực thích hợp, phát động phong trào toàn dân đánh giặc, cả nước phối hợp với Việt Bắc; dùng cách “đánh nhỏ ăn chắc”, phối hợp tác chiến của các “tiểu đoàn tập trung” với hoạt động

của các “đại đội độc lập” và lực lượng vũ trang tại chỗ, quân và dân ta đã làm thất bại cuộc tiến công của quân Pháp, góp phần đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trên toàn chiến trường Việt Bắc. Thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947 khẳng định chủ trương tổ chức “đại đội độc lập” và “tiểu đoàn tập trung” là đúng đắn và phù hợp với điều kiện trang bị, trình độ tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như đặc điểm chiến trường của ta lúc bấy giờ. Nghệ thuật tổ chức và sử dụng lực lượng trong Chiến dịch năm xưa là một bước sáng tạo, trở thành phương thức cần thiết để phát động phong trào toàn dân đánh giặc, tạo thế, tạo lực cho “du kích chiến” phát triển và “du kích vận động chiến” có đà mở rộng ra phạm vi chiến trường cả nước. Đây là bước phát triển mới, đặt nền móng cho nghệ thuật chiến dịch Việt Nam; góp phần vào thắng lợi của quân và dân ta trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Đại tá Phạm Hữu Thắng
(Tập chí Quốc phòng toàn dân)

BÌNH CA, CHIẾN CÔNG ĐẦU MÃI CÒN VANG DỘI

Cùng với quân dân Việt Bắc, Tiểu đoàn 42 vinh dự được giao nhiệm vụ trấn giữ bến Bình Ca. Ngày 10-10-1947, nhận được chỉ thị của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp: “Tiểu đoàn sống chết với con đường Bình Ca - Thái Nguyên”, Tiểu đoàn 42 đã nhanh chóng điều động các đơn vị về vị trí chiến đấu.

Trận địa Bình Ca được giao cho Trung đội 12, Đại đội 4 do đồng chí Vũ Xuân Vinh làm Đại đội trưởng, đồng chí Vũ Phương làm Trung đội trưởng. Trung đội 10, Đại đội 4 do đồng chí Ngô Thế Nùng làm Trung đội trưởng là lực lượng dự bị sẵn sàng tiếp ứng, tăng cường cho trận địa. Xác định Bình Ca là vị trí chiến lược quan trọng trong việc bảo vệ căn cứ địa cách mạng, trung đoàn đã tăng cường cho trận địa một số vũ khí như súng trường, lựu đạn và được ưu tiên cấp một khẩu bazoca để bắn tàu chiến địch...

Tiểu đội 3 do đồng chí Trần Chất làm Tiểu đội trưởng, đồng chí Đỗ Văn Kim làm Tiểu đội phó có vinh dự nhận khẩu bazoca, lựu đạn, súng trường bố trí trên ngọn đồi Ba Cô bên bờ sông Lô, phía huyện Sơn Dương nơi có đền Ba Khuôn, ngay sát đường 13A. Quả đồi có cây rừng rậm rạp,

kín đáo cho việc nguy trang, đồng thời địa hình thuận tiện để quan sát phát hiện tàu địch vì theo dòng chảy của sông Lô buộc chúng phải chạy sát vào bờ sông, nơi ta bố trí trận địa bazoca. Ở vị trí trên cao, tiểu đội đặt đài quan sát, tổ súng trường gồm Tiểu đội phó Đỗ Văn Kim và các chiến sĩ Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Đức Thuyết, Phạm Văn Quyết, Trần Văn Thông, Phạm Văn Chi, Nguyễn Văn An đào công sự trên đồi yểm trợ cho tổ bazoca. Tổ bazoca gồm Trung đội trưởng Vũ Phương trực tiếp đi cùng để chỉ huy đánh tàu địch cùng Tiểu đội trưởng Trần Chất, chiến sĩ Phạm Văn Chiêu (xạ thủ), Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Phú Phán (tiếp đạn) đào hầm hào ếch ở lưng chừng thành vai, cao hơn mặt nước sông khoảng một mét.

Trận địa chính của trung đội bố trí trên bờ thành vai, sát quốc lộ 37, cách bến phà khoảng 300m do đồng chí Minh Sơn, Đại đội phó Đại đội 4 chỉ huy. Các tiểu đội 1 và 2 làm công sự cho cả tiểu đội 3, xây dựng trận địa địa lôi khá công phu với chiều dài khoảng 500m.

Ngày 12-10-1947, từ sớm đến trưa, máy bay địch từ phía Đoàn Hùng bay lên Tuyên Quang, rà soát dọc hai bên bờ sông Lô nhiều lần. Khoảng 16 giờ, đài quan sát đặt gần đền Ba Khuân báo tin có đoàn tàu địch đi theo đội hình một tốp 3 chiếc xuất hiện. Toàn trận địa nhận lệnh chuẩn bị chiến đấu. 10 phút sau, khi chiếc tàu đầu tiên của địch đi vào tầm bắn, tổ bazoca nổ súng nhưng chệch mục tiêu, ta bắn tiếp phát thứ hai nhưng vẫn không trúng. Tổ súng trường trên đồi cùng đồng loạt phát hỏa. Đồng chí Khiêm bắn gục một tên trên boong tàu. Lúc này, hai tàu địch dùng pháo bắn trả lên đồi làm cây cối bị gãy, đổ ngổn ngang, cả vạt vầu trước cửa đền gãy gục gần hết. Lúc này, vị trí đặt bazoca chưa bị lộ, đồng chí Vũ Phương cho chỉnh lại súng thì vừa lúc đó tốp thứ hai của đoàn tàu địch đi đến và phát đạn thứ ba đã nổ chính xác vào thân chiếc LCVP. Tàu địch bốc cháy, ngã nghiêng, cố vọt đi khoảng 1km thì chìm. Hai chiếc tàu còn lại của địch bắn trả dữ dội. Lúc này tổ bazoca và đồng chí Vũ Phương đều bị ù tai và bồng vì hầm hào ếch nơi đặt súng quá chật. Nhận thấy không còn cơ hội bắn tiếp, ta không có hỏa lực mạnh đối chọi với địch, để tránh thương vong, đơn vị đã rút về trận địa chính để bảo toàn lực lượng.

Vào lúc xẩm tối, địch dừng bắn và cho một đại đội đổ bộ lên bãi đất cạnh ngôi Xoan ngủ qua đêm. Lúc này, địch chủ quan, coi thường lực lượng

của ta, chúng thấp đèn sáng trưng, ăn uống, hò hét âm ỉ. 7 giờ sáng ngày 13-10-1947, địch tập hợp đội ngũ vượt qua ngòi Xoan theo đường quốc lộ tiến về phía Đa Năng. Tổ xích hầu là lính da đen đi trước dò đường, đại đội địch lục tục đi theo. Chờ cho chúng lọt vào trận địa, ta giật bom mìn và đồng loạt nổ súng, ném lựu đạn từ trên thành vai xuống. Bị đánh bất ngờ, gần 20 tên gục ngã, số còn lại hốt hoảng co cụm dùng hỏa lực bắn trả vào trận địa ta, sau đó gom xác đồng đội xuống tàu rút về phía thị xã Tuyên Quang. Quân ta thừa thắng xuất kích khiến chúng vội vã tháo chạy, bỏ lại chiến trường một trung liên, hai khẩu cácbin Mỹ, một số thùng đạn và quân dụng.

Trận đánh thắng lợi. Ta đã đập tan cuộc đổ bộ của thực dân Pháp, đập tắt ý đồ đổ bộ vào căn cứ Tân Trào của địch, giữ vững cửa ngõ phía tây của ATK, góp phần duy trì hoạt động bình thường của cơ quan đầu não kháng chiến, tạo điều kiện cho nhân dân khu căn cứ sơ tán, cất giấu tài sản, lương thực và tổ chức kháng chiến.

Chiến công của Tiểu đoàn 42 đánh chìm một tàu chiến Pháp ngày 12-10-1947 được ghi nhận là chiến công đầu tiên của quân đội ta trên mặt trận sông Lô. Đây là chiến công của lực lượng bộ binh bắn chìm chiếc tàu chiến đầu tiên của địch, mở màn cho Chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947.

Quan Văn Dũng

TƯỚNG BAUFRE KỂ CHUYỆN CUỘC TẤN CÔNG VIỆT BẮC

Năm 1947, Baufre chỉ huy cánh quân phía Đông từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, vòng xuống Bắc Kạn bắt liên lạc với binh đoàn nhảy dù Sauvagnac rồi tiến sang phía Tây hợp vây với binh đoàn đường thủy Communal ở Tuyên Quang, hình thành hai gọng kìm bao vây toàn bộ căn cứ địa Việt Bắc. Đây là cuộc hành binh Léa nhằm chụp bắt Chính phủ Hồ Chí Minh, tiêu diệt đội quân chủ lực còn non trẻ của ta, bóp chết cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Quân và dân ta trong năm đầu kháng chiến toàn quốc gặp nhiều khó khăn bở ngỡ, nhưng đã chuyển bị động thành chủ động, triển khai thế trận chiến tranh toàn dân, bảo vệ được căn cứ địa kháng chiến, đánh bại

chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, đưa cuộc kháng chiến phát triển sang giai đoạn mới.

Sự kiện lịch sử quan trọng này trong hơn nửa thế kỷ qua đã được nhiều nhà khoa học, nhà báo, các nhân chứng lịch sử kể lại, phân tích, nghiên cứu cả ở phía ta và phía đối phương.

Nhân kỷ niệm 60 năm chiến thắng Việt Bắc, chúng tôi giới thiệu hồi ức của tướng Baufre nhan đề Giữa trung tâm khu cố thủ Việt - Cuộc hành binh Léa¹. Hồi ức có nhiều chi tiết lý thú. Các đầu đề nhỏ là của chúng tôi.

Ý đồ tấn công Việt Bắc của Pháp có từ bao giờ?

Baufre kể: “Khi tôi đến Đông Dương vào tháng 2-1947, tướng Valluy mà tôi đến trình diện tại Sài Gòn có nói với tôi về một “cuộc hành binh rất quan trọng” dự kiến sẽ tiến hành tại vùng cực Bắc nhằm kiểm soát đường biên giới với Trung Quốc. Lúc đó tôi không ngờ rằng tôi sẽ có trách nhiệm đối với việc này.

Tại Hà Nội, nơi tôi được cử đến, tướng Salan chỉ huy miền Bắc phái tôi đi hai cuộc kiểm tra và nghiên cứu: một ở xứ Thái theo dọc sông Đà lên Sơn La và Điện Biên Phủ, một ở vùng biên giới từ Tiên Yên đến Lạng Sơn. Khi tôi trở về, tướng Salan nói: “Vào mùa khô, ta sẽ mở một cuộc tấn công trên phía Bắc, nhảy xuống chụp bắt chính phủ Việt Minh ở Bắc Kạn và tái kiểm soát đường biên giới với Trung Quốc. Việc liên lạc với Bắc Kạn sẽ khởi đầu từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng rồi tạt về phía Tây xuống Bắc Kạn. Anh hãy suy nghĩ về cuộc hành binh này và gửi cho ta một dự thảo kế hoạch ngắn 2 trang. Đến đây tôi mới biết việc này trực tiếp liên quan đến tôi”.

Qua lời kể của Baufre thì các tướng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương đã có ý đồ tấn công Việt Bắc từ tháng 2-1947. Đó là thời gian sau khi Trung đoàn Thủ Đô đã rút ra khỏi Hà Nội và Trung ương, Chính phủ đã “thiên đô” lên Việt Bắc. Điều này khác với ý kiến của Thiếu tướng Yves Gras trong sách *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương* (Histoire la guerre

¹ Bài *Au coeur du réduit Viet-opé ratinon Léa* (Giữa trung tâm khu cố thủ Việt - Cuộc hành binh Léa) của tác giả Général Baufre đăng trong cuốn *Historia 24 horserie-Note guerre d'Indochine 1/ Lepiège* (Lịch sử 24 số đặc biệt. Cuộc chiến tranh của chúng ta ở Đông Dương 1/ cái bẫy) của nhà sách Tallendier) (Librairie Tallendier) 1972.

ở Indochine) cho rằng Valluy soạn thảo kế hoạch hành binh lớn lên Việt Bắc sau cuộc gặp gỡ bất thành giữa Paul Mus với Hồ Chí Minh. Cuộc gặp diễn ra tại thị xã Thái Nguyên đã tiêu thổ kháng chiến ngày 20-4-1947. Trong cuộc gặp này, Paul Mus, đặc phái viên của Cao ủy Bolart đưa ra các điều kiện buộc ta phải hạ vũ khí. Bác Hồ đã thẳng thắn bác bỏ.

Ai là kẻ chủ mưu tấn công Việt Bắc?

Theo lời kể của Baufre thì Valluy là người nêu ra ý tưởng đánh lên Việt Bắc, còn Salan là người tổ chức thực hiện. Khác với ý kiến của Salan trong hồi ức *Việt Minh, địch thủ của tôi* (Việt Minh Mon adversaire) khoe rằng “chính bản thân” đã có sáng kiến mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc. Theo một số tư liệu khác, Valluy có ý kiến cho rằng muốn tái chiếm Việt Nam, phải “đập nát cái đầu” (écraser la tête) và tiêu diệt “khu cố thủ Việt” (réduit Viet) nằm ở thượng du Bắc bộ.

Cuộc hành binh mang mật danh Léa

Baufre kể: “Kế hoạch tác chiến như sau: 3 tiểu đoàn dù do đại tá Sauvagnac chỉ huy sẽ bất ngờ nhảy xuống Bắc Kạn, chợ Mới, chợ Chu là nơi mà Hồ Chí Minh đã di chuyển chính phủ lên đó. Để tiếp sức cho quân dù và rút họ ra chuẩn bị cho các hành động tiếp sau, phải xuất phát từ Lạng Sơn rồi tiến quân qua 300km trong vùng Việt Minh kiểm soát, đi theo một đường vòng cung trên một địa hình rừng núi và vượt qua ngọn đèo Léa (do đó mà đặt tên cho cuộc hành binh này) rồi quặt xuống phía Nam”.

Tại sao có cuộc nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng?

Baufre kể: “Các đội trinh sát đường không cho thấy đoạn 120km đầu tiên trên đường số 4 bị phá hoại nghiêm trọng (khoảng 130 điểm phá). Lại phải vượt sông Kỳ Cùng ở Thất Khê, sông rộng 100m mà cầu thì bị phá. Tuy nhiên ở Cao Bằng, cây cầu còn nguyên vẹn. Như vậy kế hoạch của tôi là cho một tiểu đoàn quân dù nhảy xuống Cao Bằng chiếm giữ cây cầu, mặt khác cho công binh nhanh chóng khắc phục những đoạn bị phá hoại để bộ binh có thể tiến đến Cao Bằng trong vòng ba đến bốn ngày rồi lên xe hành quân cơ giới trên đoạn đường 200km còn lại để đến Bắc Kạn, hội quân với Sauvagnac trong vòng sáu bảy ngày. Để giữ yếu tố bất ngờ, các cuộc hành quân sẽ tiến hành ban đêm, còn ban ngày là sửa đường. Lực lượng có trong tay tôi là 4 tiểu đoàn dù, 3 tiểu đoàn lê dương, một tiểu đoàn lính Maroc, một tiểu đoàn lính thuộc địa, một cụm pháo binh, một

trung đoàn xe bọc thép (RICM). Ngoài ra, tôi tổ chức một lực lượng vận tải lừa ngựa khoảng một tiểu đoàn”.

Vụ rắc rối ở Bắc Kạn

Baufré kể tiếp: “Ở Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Chu, các cuộc nhảy dù tiến hành hoàn hảo. Duy có một sự cố kỳ lạ xảy ra: Trên chiếc máy bay Catalina bay trên vùng trời chiến sự, một điện báo viên cộng sản (un radio communista) phát đi một bức điện báo tin đã bắt được Hồ Chí Minh và yêu cầu ngừng bắn.

Tướng Salan vốn tính cẩn thận, yêu cầu kiểm tra. Vì chiến sự vẫn tiếp diễn, điện báo viên kia báo tin là tình hình Bắc Kạn nguy ngập và yêu cầu tăng viện. Salan lập tức điều tiểu đoàn dù của Foxey Francois đáng lẽ... nhảy xuống chợ Chu, nay chuyển sang Bắc Kạn. Sauvagnac rất ngạc nhiên khi thấy Foxey đến gặp, từ đó mới biết có chuyện rắc rối xảy ra”.

Đến đây có chú thích của Ban biên tập (NDLR) rằng: “Một ủy ban điều tra được thành lập đã bắt giữ kẻ tình nghi số 1 là Tan-guy thuộc hàng không hải quân, điện báo viên trên chiếc Catalina có chức năng tổng đài thông tin. Người ta (không thể xác định là anh ta có ác ý hay có ý định phản bội”.

Qua lời kể của Baufré và chú thích nói trên, ta thấy phía Pháp đã tiến hành điều tra sự việc và cho đến nay vẫn chưa kết luận.

Về phía ta, ta biết rõ hôm ấy, bọn lính dù bắt được một ông già chững chạc, nói tiếng Pháp, yêu cầu chấm dứt ngay chiến tranh xâm lược. Đó là cụ Nguyễn Văn Tố, trưởng ban Thường trực Quốc hội. Khi biết không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng đã sát hại cụ dã man.

Về chiếc máy bay bị bắn rơi ở Cao Bằng

Baufré viết: “Tại Cao Bằng, cuộc nhảy dù không suôn sẻ bởi vì chiếc máy bay đi đầu bị súng máy cao xạ Việt Minh bắn hạ”. Chiếc máy bay ấy là chiếc Funker 52 bị đại đội trợ chiến của Trung đoàn 74 bố trí trên đồi Thiên Văn bắn rơi. Máy bay chở một số sĩ quan tham mưu của bộ chỉ huy Pháp đi thị sát chiến trường, trong đó có Lambert phó tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Pháp miền Bắc Đông Dương. Trong số tài liệu thu được từ trên máy bay có bản kế hoạch tiến công Việt Bắc kèm theo bản đồ. Ban chỉ huy trung đoàn 74 đã phái liên lạc viên Nguyễn Danh Lộc chạy bộ liên tục 4 ngày 3 đêm từ Cao Bằng về đến Định Hóa (Thái Nguyên) nộp tài liệu vô

giá này lên Bộ Tổng tham mưu. Nắm được kế hoạch của địch, Bộ Tổng chỉ huy ta có thêm cơ sở vững chắc để điều hành cuộc phản công cho đến thắng lợi.

Nỗi buồn của tướng Baufre

Sau cuộc tấn công Việt Bắc, Baufre thuyên chuyển vào Nam kỳ. Nhiều năm sau nghĩ lại, ông viết:

“Thành công tuyệt diệu của tôi ở Cao Bằng năm 1947 lúc đó ít được nói đến, không ngờ sau này để lại cái tên Cao Bằng gắn với kỷ niệm đáng buồn về một cuộc thất bại”.

Ý nói đến “Thảm họa Cao Bằng” (Le dé sastre de Cao Bằng) mà người Pháp đặt tên cho cuộc thảm bại trong Chiến dịch Biên giới năm 1950. Trong chiến dịch này, quân ta đã tiêu diệt hai binh đoàn tinh nhuệ của Charton và Le Page, mở đầu cho giai đoạn phản công và tiến công tiến tới thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ.

(Báo *Quân đội nhân dân*)

TRẬN PHỤC KÍCH Ở BẢN SAO, ĐÈO BÔNG LAU

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, Trung đoàn 28, bộ đội Lạng Sơn được Bộ Tổng tư lệnh và chỉ huy Khu 12 giao nhiệm vụ tổ chức lực lượng hoạt động ở khu vực đường số 4, gây khó khăn cho địch; phát động chiến tranh du kích dọc đường số 4 làm cho địch không yên; triệt để thực hiện “vườn không nhà trống”, không cho địch bắt dân, bắt lính. Trận phục kích địch ở bản Sao, đèo Bông Lau, do Tiểu đoàn 249, Trung đoàn 28 Lạng Sơn và các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân du kích tiến hành ngày 30-10-1947 là trận phục kích đầu tiên trên đường số 4, góp phần đánh bại cuộc tiến công của quân đội Pháp lên Việt Bắc trong Thu - Đông 1947.

Tiểu đoàn 249 có ba đại đội bộ binh 184, 185, 186 và một đại đội trợ chiến; được trang bị tương đối đầy đủ so với các đơn vị khác lúc bấy giờ. Vũ khí chính có một khẩu đại liên Hốt-kít, bốn khẩu trung liên, một súng cối 60mm; mỗi đại đội có vài khẩu tiểu liên Tô-m-xơn, mỗi tiểu đội có ba đến bốn khẩu súng trường, còn lại là mã tấu, kiếm... Các tổ chiến đấu có lựu đạn. Địa hình tác chiến hiểm trở, đi lại khó khăn, song cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn đã khéo lợi dụng địa hình, chuẩn bị chu đáo, quyết tâm chiến đấu cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ban chỉ huy tiểu đoàn đã nghiên cứu kỹ địa hình, chọn trận địa phục kích ở đoạn bản Sao - đèo Bông Lau (dài khoảng 2km), địa hình hiểm trở, đường độc đạo. Lực lượng tham gia trận đánh được chia thành 5 bộ phận. Bộ phận chính gồm Đại đội 184 và Đại đội 185, được tăng cường một tiểu đội công binh đánh mìn, một khẩu bazoca, hai khẩu trung liên, bố trí ở đông bắc điểm cao 420 trên dãy Khau Gia, có nhiệm vụ tiêu diệt lực lượng chủ yếu của địch trong khu vực tác chiến. Đại đội 186 (thiếu) được tăng cường một khẩu trung liên, bố trí ở đông đường số 4, tây điểm cao 480, đối diện với bộ phận chính, có nhiệm vụ sẵn sàng tiêu diệt địch nếu chúng chạy xuống khe suối. Bộ phận chặn đầu, gồm một trung đội bộ đội địa phương Thất Khê, được tăng cường một khẩu trung liên, bố trí ở sườn tây điểm cao 420, có nhiệm vụ tiêu diệt bộ phận địch đi đầu, chặn đứng đội hình xe của địch không cho chúng chạy thoát về Thất Khê và chặn đánh quân tiếp viện từ Thất Khê lên. Bộ phận khóa đuôi gồm một trung đội bộ đội địa phương Thất Khê, bố trí ở sườn đông - nam điểm cao 459 trên bình độ 200, có nhiệm vụ tiêu diệt địch ở cuối trận địa, chặn không cho địch chạy về Đông Khê, chặn đánh quân tiếp viện từ Đông Khê xuống. Về hỏa lực, ta bố trí đại liên ở sườn tây nam điểm cao 480, cách vị trí chỉ huy của tiểu đoàn 20m; cối 60mm đặt ở sườn bắc điểm cao 420, có nhiệm vụ tiêu diệt địch trong khu vực trận địa chính và chi viện cho các hướng khác khi có lệnh. Đến 5 giờ sáng ngày 30-10-1947, các lực lượng và vũ khí đã sẵn sàng.

Khoảng 15 giờ, địch cho bốn chiếc máy bay khu trục bay qua trận địa, dọc theo đường về hướng Lạng Sơn, sau đó, một trung đội tuần tiểu của địch đi trước lùng sục, trinh sát hai bên sườn núi. Trận địa của ta do nguy trang kín đáo, giữ bí mật tuyệt đối, nên chúng không phát hiện được. Lúc 17 giờ, đoàn xe 33 chiếc của quân đội Pháp vận chuyển binh lính, vũ khí trang bị từ Cao Bằng về Lạng Sơn đã lọt vào trận địa phục kích. Khoảng cách giữa các xe từ 7 đến 8m; chỉ huy tiểu đoàn phát lệnh chiến đấu. Bị đánh bất ngờ, cả đoàn xe địch bị dồn lại, lính trên xe nhảy xuống đường, xô nhau chạy tán loạn, một số chui vào gầm xe để tránh đạn. Cùng lúc đó, đại liên, trung liên, cối 60mm của ta từ hai bên sườn núi bắn dồn dập vào đội hình địch.

Trận đánh thắng lợi, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Ta tiêu diệt gọn một đoàn xe cơ giới của địch, phá hủy 27 xe, diệt 94 tên, bắt sống 101 tên, thu 600 chiếc dù và toàn bộ vũ khí trang bị.

Nguyễn Nhật Quang (Báo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN THẮNG SÔNG LÔ

Cuối năm 1946, thực dân Pháp bội ước trở lại xâm lược nước ta lần thứ 2. Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng đã quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng tại Việt Bắc để lãnh đạo toàn dân “Trường kỳ kháng chiến”. Ngày 19-12-1946 Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Từ đó cuộc chiến đấu của quân và dân ta đã trở thành cuộc chiến tranh nhân dân trên phạm vi toàn quốc. Chiến tranh càng kéo dài, giặc Pháp càng gặp nhiều khó khăn, lúng túng nên bằng mọi giá, chúng nhanh chóng tìm cách kết thúc cuộc chiến tranh. Bằng chiến thuật “đánh nhanh, thắng nhanh”, mở rộng lấn chiếm vùng tự do, đánh vào các khu du kích và những cơ sở cách mạng của ta.

Thu đông năm 1947, sau khi bình định được một số vùng ở đồng bằng và trung du, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta, hủy căn cứ địa kháng chiến, kết thúc chiến tranh xâm lược Việt Nam một cách nhanh chóng. Đánh lên Việt Bắc, địch còn nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn sự liên lạc giữa ta với quốc tế. Kế hoạch tấn công của địch được triển khai theo hướng tập trung lực lượng mạnh tiến theo đường số 4 và đường sông Lô, tạo thành 2 gọng kìm lớn từ phía Đông và phía Tây nhằm kẹp chặt căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Âm mưu đó được thể hiện trong lời phát biểu của Tướng Salan ngày 9-6-1947: “Bịt kín biên giới ngăn chặn không cho Việt Minh liên lạc với Trung Quốc. Loại trừ mọi sự chi viện từ ngoài vào. Truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt. Đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ...”. Tướng Pháp còn huyênh hoang: “Cuộc tấn công Việt Bắc là một đòn quân sự cực mạnh để kết thúc chiến tranh Đông Dương như một cuộc bắn pháo hoa đẹp mắt. Để thực hiện ý đồ trên, thực dân Pháp đã huy động hơn 2.000 quân tinh nhuệ, 800 xe cơ giới, 40 máy bay, 40 ca nô, tàu chiến tấn công lên Việt Bắc. Gọng kìm phía đông theo đường số 4 do binh đoàn Bôphrê đảm nhiệm. Gọng kìm phía Tây theo đường sông Lô do binh đoàn Commuynan

đảm nhiệm. Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp". Chỉ thị đã trở thành mệnh lệnh hành động và ý chí quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta trên khắp chiến trường Việt Bắc. Trên mặt trận Sông Lô, Ban Chỉ huy các lực lượng khu 10 (bộ đội chủ lực) đã triển khai kế hoạch phối hợp với dân quân, du kích của tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang tích cực phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu. Tại Chí Đám (Đoan Hùng) và Bình Ca (Tuyên Quang), ta xây dựng trận địa phục kích, chặn đánh tàu chiến của địch trên đường tấn công Việt Bắc. Nơi đây là ngã ba sông Lô và sông Chảy, hai bờ sông là những quả đồi thấp lau sậy mọc um tùm, có lợi thế giấu quân mai phục, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Với mục tiêu: Diệt gọn toàn bộ cánh quân thủy của địch, Ban chỉ huy mặt trận đã xây dựng kế hoạch hợp đồng tác chiến chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực gồm pháo binh, bộ binh, công binh... với dân quân, du kích địa phương. Pháo binh mạnh được thí điểm áp dụng chiến thuật mới "đặt gần, bắn thẳng", đã bố trí trận địa giả ở các xã Hữu Đô, Đại Nghĩa, Văn Cương nhằm nghi binh thu hút hỏa lực địch. Nhân dân địa phương các xã thuộc huyện Đoan Hùng nằm dọc ven sông Lô nô nức tham gia đóng góp lương thực, thực phẩm và các phương tiện phục vụ cho trận đánh; đã chuẩn bị trống, mõ, kèn, thùng khoa vang để gây thanh thế cho trận chiến; đặc biệt là nhân dân xã Chí Đám và xã Hữu Đô đã hái quả bưởi đem sơn đen vỏ rồi thả xuống dòng sông Lô giả làm thủy lôi hướng luồng tàu địch. Tất cả các đơn vị, mọi binh chủng tham gia trận đánh đều được phân công nhiệm vụ cụ thể và có đủ điều kiện phối hợp để phát huy triệt để mọi khả năng tác chiến, đảm bảo thắng lợi cho trận đánh.

Ngày 24-10-1947 đoàn tàu địch gồm 5 chiếc, được 6 máy bay yểm trợ từ Tuyên Quang xuôi sông Lô đi ứng cứu cho tàu chở quân từ Hà Nội lên đang bị ta chặn đánh tại Khoan Bộ (Lập Thạch - Vĩnh Phúc). Khi tới Chí Đám (Đoan Hùng) chúng lọt vào trận địa phục kích của ta. Pháo binh và bộ đội chủ lực đã phối hợp cùng dân quân, du kích được lệnh nổ súng tiêu diệt tàu chiến địch. Sau gần 6 giờ chiến đấu quyết liệt, pháo binh ta đã bắn chìm 2 tàu chiến trọng tải 500 tấn, bắn cháy và bắn bị thương 3 chiếc khác; 350 tên địch cùng một số lớn vũ khí, đạn dược bị tiêu diệt. Ta thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Sau trận đánh, lực lượng tiếp tế của

địch không còn khả năng tiến thêm nữa, số còn đóng tại Tuyên Quang hoang mang đến cực độ. Tình thế này đã khiến cho quân xâm lược Pháp chẳng những không thực hiện được kế hoạch Lea “đánh nhanh, thắng nhanh” mà còn bị lâm vào thế “tiến thoái lưỡng nan”. Ngày 22-11-1947 địch từ Tuyên Quang theo sông Lô rút lui về Việt Trì; đường sông, tàu thủy và ca nô đi chậm; đường bộ, lính bộ binh do thám và sục sạo dễ phòng bị phục kích; có máy bay yểm trợ trên không. Ngày 24-11-1947 tàu chiến địch tới Chí Đám (Đoan Hùng) bị trúng trận địa thủy lôi của ta. Tàu chở các sĩ quan của địch bị trúng đạn, hơn 100 tên chết chìm theo tàu. Thủy binh địch rối loạn, cố vùng vẫy để thoát được ra khỏi trận địa của ta. Trên đà thắng lợi ta tiếp tục truy kích địch diệt thêm nhiều lính giặc. Tính tổng cộng trên mặt trận sông Lô - Thu đông năm 1947 ta tiêu diệt hơn 1.000 tên địch; 10 tàu chiến và 1 ca nô; hạ 1 thủy phi cơ (máy bay chiến đấu), thu rất nhiều vũ khí, đạn dược và đồ dùng quân sự.

Thắng lợi trên mặt trận sông Lô đã làm nức lòng nhân dân cả nước. Khí thế hào hùng của dân tộc ta bật dậy, cổ vũ toàn dân ta quyết tâm kháng chiến thắng lợi. Thắng lợi này chẳng những đã góp phần bẻ gãy gọng kìm bao vây phía Tây căn cứ địa Việt Bắc của Pháp, mà còn tác động mạnh vào việc phá tan kế hoạch tấn công mùa đông của địch. Âm mưu thâm độc của kẻ thù nhằm tiêu diệt quân chủ lực của ta, phá vỡ căn cứ địa cách mạng Việt Bắc và tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến đã hoàn toàn bị sụp đổ. Sau chiến thắng sông Lô, hàng loạt chiến thắng khác của quân và dân Việt Bắc nối tiếp nhau đã giáng cho kẻ thù những đòn chí tử. Cục diện chiến trường chuyển sang giai đoạn mới: Ta từ phòng ngự chuyển dần sang cầm cự và tích cực tổng phản công; địch lúng túng, bị động và thất bại.

Đánh giá về chiến thắng sông Lô đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng đã viết: “Những trận đánh vô cùng anh dũng của quân và dân ta trên sông Lô và trên con đường Tuyên - Hà tuy chỉ tiêu diệt được trên 1.000 tên tinh nhuệ địch, nhưng khiến cho binh lính, sĩ quan địch mất tinh thần. Chẳng những nó làm sai kế hoạch của địch mà còn phá một phần lớn kế hoạch tấn công Việt Bắc. Giá trị của trận sông Lô chính là ở chỗ đó”.

Chiến thắng sông Lô khẳng định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh do Đảng ta chủ trương và lãnh đạo là hoàn toàn đúng đắn. Đó còn là sự sáng tạo trong nghệ thuật chiến tranh của quân và dân ta, biết kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc.

Chiến thắng sông Lô là chiến thắng đầu tiên của quân và dân Phú Thọ trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954); đã gắn với những tên đất, tên làng như: Chí Đám, Sóc Đăng, Phan Lương, Khoan Bộ, Đoan Hùng... "Chiến thắng Đoan Hùng đã giành được thắng lợi: Tiêu diệt được nhiều địch, thu được nhiều vũ khí, tinh thần chiến đấu của bộ đội địa phương, dân quân du kích được nâng cao, dân chúng tin tưởng tiền đồ cuộc kháng chiến".

Sau chiến thắng, sông Lô đã trở thành nguồn cảm hứng cho hàng loạt tác phẩm văn học, thơ ca, nhạc, họa... Bản *Trường ca sông Lô* của nhạc sĩ Văn Cao; *Lô giang* của nhạc sĩ Lương Ngọc Trác... đã ra đời và 60 năm sau đến nay vẫn xứng danh là những bài ca đi cùng năm tháng.

Cuối tháng 11-1947 tại lễ mừng chiến thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng chỉ huy quân đội đã đọc nhật lệnh tuyên dương công trạng của quân và dân Việt Bắc trong đó có chiến thắng sông Lô; pháo binh khu 10 được vinh dự mang tên "Pháo binh sông Lô". Đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận định: "Chiến thắng Đoan Hùng như một luồng gió mát thổi lan khắp Việt Bắc trong những ngày nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh... Chiến thắng Đoan Hùng mở đầu cho những chiến thắng oanh liệt của bộ đội chủ lực ta trong chiến dịch Việt Bắc...".

60 năm đã trôi qua, chiến thắng sông Lô vẫn mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân ta.

(Báo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN THẮNG SÔNG LÔ

*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u
Thu ru bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu
Sông Lô sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang
Ai qua bến nặng hồng lặng nhìn màu nước Lô xưa...*

Nhạc sĩ Văn Cao, “người nghệ sĩ tài ba xuất chúng” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết năm 1995 lưu bút tại gia đình cố nhạc sĩ Văn Cao), đã dựng nên cảnh sông Lô vừa hùng tráng vừa trữ tình thơ mộng.

Qua giai điệu và ca từ tuyệt đẹp của bản trường ca, chúng ta cảm nhận được hào khí của chiến thắng Sông Lô. Chúng ta sống lại những giờ phút lịch sử với các chiến sĩ Sông Lô:

... Chiến sĩ Sông Lô thân rừng áo sương đang ca rằng:

Giờ mở thực dân sóng lấp cát vàng

Chiến sĩ Sông Lô oai hùng đấu tranh gào kêu vang sóng

Đây giặc Pháp tàn trong căm gan toàn dân...

Chúng ta gặp lại những người dân Sông Lô chất phác, khi giặc đến đã vùng lên đánh giặc, khi giặc thua lại trở về dựng lại cuộc sống bình yên.

... Trên dòng sông trở về đoàn người

Reo mừng vui trên sóng nước biếc

Trôi đầy sông bao đám xác thù

Dân hân hoan nghe sóng reo vì vì xa xa...

... Vui hát ca hòa, vui hát ca hòa

Dân buông lưới, Phan Lương trôi bóng thuyền

Lều dựng lên ven sông, bóng người sấm uất bến Then...

"Trường ca Sông Lô" sống mãi với thời gian, với dân tộc, với các thế hệ mai sau như một điểm sáng trong nền nghệ thuật Việt Nam.

Binh đoàn đường thủy Communal

Ngày 10 tháng 10 năm 1947, trên sông Hồng đoạn từ Hà Nội đến Sơn Tây xuất hiện một đoàn tàu chiến 35 chiếc hùng hổ rẽ sóng ngược dòng sông, trên trời máy bay “bà già” quan sát yểm hộ. Đến Việt Trì, đoàn tàu rẽ ngoặt vào sông Lô, nhạc sĩ Lương Ngọc Trác tác giả ca khúc *Lô giang* đã miêu tả:

... Một trời chiều buồn, Lô giang rung lên

Từng đoàn tàu chiến xé dòng hòa bình gây mầm hoang tàn

Tiếng súng âm vang, khói mù mịt trời

Làn sóng xô xao, núi rừng xào xạc, bao nhà mái xiêu...

Đoàn tàu chiến ấy là binh đoàn Communal theo đường thủy tiến lên bao vây khu căn cứ địa Việt Bắc về phía tây. Bao vây Việt Bắc về phía đông là binh đoàn Baufre theo đường số 4 từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng.

Phối hợp với hai gọng kìm là binh đoàn Sauvagnac bủa vây từ trên không, nhảy dù xuống Bắc Kạn.

Đây là một cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn với ý đồ chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh", "đánh một đòn chết tươi", tiêu diệt chủ lực ta, chụp bắt cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến, sớm kết thúc chiến tranh. Theo kế hoạch tác chiến của Pháp, ngày 7-10-1947, binh đoàn Sauvagnac nhảy dù xuống Bắc Kạn. Ngày 13-10-1947 hai gọng kìm Communal và Baufré hợp vây tại Đài Thị (Tuyên Quang).

Binh đoàn Communal ngược dòng Lô đã bị pháo binh ta bắn chặn tại Phan Dư (11-10), tại Đuan Hùng (12-10), bị vướng kè tại Tiên Du, Sóc Đăng, nhưng kết quả chỉ làm chậm bước tiến của địch, chưa tiêu diệt được tàu chiến địch nên chúng nghênh ngang ngược dòng Lô. Đến địa đầu tỉnh Tuyên Quang thì chúng bị trưng trị. Đó là trận Bình Ca.

Bình Ca - trận đầu đánh thắng trên sông Lô

16 giờ ngày 12-10-1947, tốp tàu chiến đầu tiên của quân Pháp đi vào khu vực Bình Ca. Tổ bazoka của tiểu đội trưởng Trần Chất do trung đội trưởng Vũ Phương chỉ huy nổ súng. Hai phát đạn nhằm bắn vào hai chiếc tàu đi đầu bị chệch mục tiêu. Khi tốp tàu chiến thứ hai lọt vào trận địa, phát đạn bazoka thứ ba đã phóng chính xác, trúng vào thân một chiếc LCVP. Đây là tàu đổ bộ loại nhỏ dài 11m; trọng tải 15 tấn, chở được một trung đội, được trang bị một pháo 20mm. Tàu địch nghiêng ngả bốc cháy, cố vọt lên được 1km thì bị chìm. Đó là chiếc tàu địch đầu tiên bị bắn chìm trên sông Lô. (Sau này Tuyên Quang đã trục vớt chiếc tàu đắm, các chiến lợi phẩm thu được hiện còn trưng bày tại Bảo tàng Tuyên Quang).

Ngày 13-10, khi địch đổ bộ lên bến Bình Ca, chúng lọt vào trận địa phục kích của ta. Quân ta giật bom mìn, đồng loạt nổ súng, ném lựu đạn tiêu diệt 20 tên địch, đánh lui cuộc đổ bộ của quân Pháp vào Bình Ca.

Trận đầu đánh thắng trên bến Bình Ca làm cho quân và dân Khu 10 nức lòng và tin tưởng rằng ta đủ mưu trí và sức mạnh để thắng giặc. Đồng chí Song Hào khi ấy là chính ủy Khu 10 đã viết trong hồi ký: "Chiến thắng Bình Ca đã báo hiệu một sự chuyển biến mới về tình hình chiến cuộc. Quân Pháp không còn có thể bình yên vô sự tiến vào Khu 10 như vào đất không người nữa".

Chiến thắng Bình Ca còn có ý nghĩa bảo vệ cửa ngõ phía tây của An toàn khu (ATK) nơi Bác Hồ và Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo kháng chiến.

60 năm đã trôi qua, chiến thắng Bình Ca trên sông Lô đã đi vào sử sách.

Ngày nay, trên bến Bình Ca, Tuyên Quang đã xây một đài chiến thắng uy nghi, trên đó khắc dòng chữ biểu dương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp:

"Trận Bình Ca, Tiểu đoàn 42 đã đánh lui một trận đổ bộ của giặc, xung phong cướp súng, bắn chìm pháo thuyền, ghi một chiến công đầu tiên, mở đầu cho những chiến công rực rỡ khác trên sông Lô".

Chiến thắng Bình Ca là một trong ba chiến thắng đầu tiên có tác dụng cổ vũ quân và dân Việt Bắc thi đua giết giặc lập công. Chỉ thị ngày 15-10-1947 của "Trung ương Cứu Quốc hội" (tức Ban Chấp hành Trung ương Đảng): "Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" đã nêu lên 3 chiến thắng đầu tiên ấy. Đó là:

- Học sinh quân trường Võ bị Bắc Kạn giết hàng chục quân nhảy dù xuống cạnh nhà trường (7-10-1947).

- Đội cao xạ của ta ở Cao Bằng hạ được một máy bay, giết hơn 10 tên địch, trong đó có một võ quan cao cấp Pháp, phó tham mưu quân đội Pháp ở miền bắc Đông Dương (8-10-1947).

- Vệ quốc quân đánh lui quân địch đổ bộ lên Bình Ca thuộc Tuyên Quang (13-10-1947).

Ba trận đánh nổi tiếng của Pháo binh Sông Lô

Sau những lần bắn không trúng tàu địch, Bộ chỉ huy Khu 10 chỉ thị các đơn vị pháo binh rút kinh nghiệm, tìm nguyên nhân. Qua sinh hoạt dân chủ quân sự, cán bộ, chiến sĩ pháo binh càng củng cố quyết tâm "biến sông Lô thành mồ chôn các thủy đội Pháp", nhưng để bắn trúng tàu địch phải đặt gần bắn thẳng, ngắm bắn qua nòng, chọn trận địa ở nơi hiểm có thể bắn được rộng và xa, đồng thời phải hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh bảo vệ và dân quân du kích.

*** Trận Khoan Bô**

Trưa ngày 23-10, hai tàu vận tải địch chở đầy quân ngược sông Lô lọt vào trận địa của trung đội 175 sơn pháo cơ động đặt ở bờ sông làng

Khoan Bộ. Pháo ta bắn chiếc thứ nhất, đạn trúng tàu địch, nổ trên boong. Chiếc thứ hai cũng trúng đạn, lửa bùng lên ở phía đuôi. Tàu địch vội dạt sang phía bờ hữu ngạn, phun khói đen đặc cả mặt sông để che mắt ta. Trung đội trưởng Nông Văn Cờ chỉ huy trung đội bắn bảy viên đạn nổ trên không vào phía tàu địch. Tuy tàu địch chưa bị chìm, nhưng cách đánh gần của pháo binh ta trong trận Khoan Bộ bước đầu đã có kết quả.

*** "Thảm họa Đoan Hùng"**

Ngày 24-10, một đoàn tàu 5 chiếc của địch được máy bay hộ tống xuôi qua Bình Ca.

Vào lúc 11 giờ 45 phút, đoàn tàu địch lọt vào tầm bắn của trung đội 200 bố trí ở Đoan Hùng. Trong 10 phút, khẩu đội pháo cao xạ 75 và khẩu đội sơn pháo bắn chìm tại chỗ hai chiếc đi đầu (một LCM và một LCVP). Toàn bộ quân địch chết dưới sông. Máy bay địch quần thảo bắn phá, nhân dân và du kích các làng Hữu Đô, Chí Đám, Thọ Sơn... đốt lửa tạo nên những cột khói nghi binh, đánh lừa máy bay địch, bảo vệ trận địa pháo.

Du kích xã Chí Đám xâu dây qua các quả bưởi đã được bôi đen, rồi thả nổi trên mặt sông giả làm thủy lôi làm cho tàu địch sợ chạy sang bờ hữu ngạn gần nơi pháo ta đã bố trí. Pháo ta tiếp tục bắn hỏng nặng hai chiếc tàu nữa. Chỉ có một chiếc quay đầu chạy rất chậm trở lại Tuyên Quang. Trận Đoan Hùng pháo binh ta thắng lớn. Báo chí và đài phát thanh Pháp gọi đây là "thảm họa Đoan Hùng". Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp gửi điện cho Khu 10 biểu dương chiến công xuất sắc của Pháo binh sông Lô và ra lệnh đưa pháo lên đánh địch trên sông Gâm, bức địch rút khỏi Chiêm Hóa.

*** Trận Khe Lau**

Đồng chí Doãn Tuế nhận nhiệm vụ do đồng chí Vũ Hiến, Tham mưu trưởng Khu 10 trao, đưa trung đội sơn pháo vừa chiến thắng ở Đoan Hùng lên bố trí phục kích gần ngã ba sông Gâm - sông Lô, nơi dòng sông hẹp, nước sâu chảy xiết, hai bờ rậm rạp cỏ lau. Trận đánh mang tên là trận Khe Lau.

Ngày 10-11-1947, với 10 viên đạn pháo, ta đã bắn đắm 4 trong số 5 tàu địch, thu được rất nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có 2 khẩu lựu pháo 105.

Nhạc sĩ Văn Cao viết:

Sông Gâm âm vang súng trái phá

*Bao rừng thu như bát ngát cười
Dân hoan hô chiến sĩ pháo binh Việt Nam ghi công
Tiếng trái phá quân thù gục chìm dòng Lô
Đây dòng Lô, đây dòng Lô...*

Các trận đánh thắng giòn giã của Pháo binh sông Lô bắn chìm bắn hỏng nặng tàu chiến, tàu vận tải của địch đã góp phần quyết định bẻ gãy gọng kìm phía tây của cuộc hành binh của địch lên Việt Bắc.

Tuyên Quang, mồ chôn giặc Pháp

Do những trận đánh liên tiếp của ta trên sông Lô nên cánh quân Communal tiến rất chậm, đến ngày 26-10-1947 chúng mới tới Đài Thị thì cánh quân Baufre đã lui quân. Cuộc gặp gỡ giữa hai cánh quân ở hợp điểm Đài Thị đã không diễn ra. Tinh thần binh lính địch sa sút nghiêm trọng. Báo cáo của viên quan tư Lơ-giôn ngày 13-11-1947 viết: "Vì trận đại bại của thủy binh, nên binh lính rất chán nản. Sĩ quan ra sức giữ vững tinh thần nhưng không nên đưa họ ra trận nữa vì tinh thần sẽ suy sụp mạnh.. Những hạ sĩ quan và đội trưởng tốt nhất đều bị thương".

Từ cuối tháng 10-1947, cả hai gọng kìm đều bắt đầu co lại. Phía Tây, Communal rút khỏi Chiêm Hóa. Phía Đông, Baufre rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã.

Ngày 19-11-1947, công an và tự vệ thị xã Tuyên Quang đã đánh một trận địa lôi tại Km7 đường Tuyên Quang - Hà Giang làm cho quân địch kinh hoàng. Cơ quan thông tấn Pháp đã gọi "Tuyên Quang là một nghĩa địa khổng lồ".

Ngày 21-11-1947, lúc 2 giờ sáng, quân Pháp bí mật rút khỏi thị xã Tuyên Quang. Địch bỏ lại toàn bộ quân trang, quân dụng vì không dám đốt phá. Vì thiếu tàu và sợ chạm trán với pháo binh ta, địch chỉ có một bộ phận nhỏ đi tàu xuôi sông Lô, còn đại bộ phận đi đường bộ rút về Đại Từ, Thái Nguyên theo đường 13 qua Bình Ca - Sơn Dương. Ở mặt trận Sông Lô lại diễn ra một số trận phục kích trên bộ, trên sông ở Bình Ca, Sơn Dương, Km5, Lã Hoàng đánh đắm một số tàu, diệt một bộ phận quân địch rút lui.

Lời tiên đoán của Bác Hồ

Khi địch nhảy dù xuống Bắc Kạn (7-10-1947) và hai cánh quân lớn của địch xuất hiện trên đường số 4 và trên sông Lô, ngày 15-10-1947,

Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị: "Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp".

Cùng ngày 15, Bác Hồ ra lời kêu gọi quân và dân Việt Bắc ra sức đánh bại cuộc hành binh của địch, quân và dân cả nước tích cực đánh địch để phối hợp với Việt Bắc.

Bác Hồ viết: "Địch hội quân ở Bắc Kạn tạo thành cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cho được cơ quan đầu não của kháng chiến... Chúng mạnh ở hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy, thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại".

Quân và dân sông Lô đã biến lời tiên đoán của Bác Hồ thành sự thực, bẻ gãy gọng kìm phía Tây của cuộc hành binh, góp phần tích cực làm thất bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của giặc Pháp thu đông năm 1947.

Giá trị của chiến thắng Sông Lô chính là ở chỗ ấy. Chiến thắng Sông Lô là một mốc son sáng chói trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Trung tướng Hồng Cư (Báo Quân đội nhân dân)

TÂM VU! ĐÂY ĐÓ VẠNG LỬNG CHIẾN CÔNG

Trên địa bàn Tâm Vu, các lực lượng vũ trang của ta đã nhiều lần đánh thắng quân viễn chinh Pháp với nhiều cách đánh "thiên biến, vạn hóa". Tâm vóc mỗi trận khác nhau. Song tất cả đều đã góp phần tạo nên niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp Cách mạng tháng Tám năm 1945 và gần đây nữa, Tâm Vu là tên một ấp thuộc xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp. Hiện nay Thạnh Hòa tách làm hai, Tâm Vu thuộc xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Từ thành phố Cần Thơ đến Tâm Vu dài 17km. Thời Pháp thuộc chưa có con đường liên tỉnh Cần Thơ - Ô Môn - Thốt Nốt - Rạch Giá, muốn từ tỉnh trung tâm đồng bằng sông Cửu Long qua Rạch Giá, xuống Hà Tiên nhất thiết phải qua Tâm Vu. Vì thế Tâm Vu giữ một vị trí quan trọng trên đường giao thông chiến lược từ Tây Đô đi các tỉnh nhìn ra biển Đông phía tận cùng của đất nước. Cũng vì vậy, tại Tâm Vu, chỉ kể từ năm 1945 đến 1948, đã diễn ra nhiều chiến công oanh liệt của quân dân Cần Thơ nói riêng và miền Tây Nam bộ nói chung.

Lịch sử cho thấy, trên địa bàn Tâm Vu bát ngát ruộng vườn, xe pháo đi lại dễ dàng này - biết dựa hẳn vào dân, được dân đùm bọc, giúp đỡ và giữ bí mật - các lực lượng vũ trang của ta đã nhiều lần đánh thắng quân

viễn chinh Pháp với nhiều cách đánh “thiên biến, vạn hóa”. Tâm vóc mỗi trận khác nhau. Song tất cả đều đã góp phần tạo nên niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược.

Trận thắng đầu tiên ở Tầm Vu diễn ra vào ngày 20/1/1946, là một trận “tao ngộ chiến”. Trong trận này, một đơn vị nhỏ của ta do đồng chí Nguyễn Đăng chỉ huy, với tinh thần gặp địch là nổ súng, đã diệt một xe Jeep làm chết 4 tên xâm lược Pháp, trong đó có tên đại tá Dessert - một trong 5 tên đại tá chỉ huy các mặt trận trên toàn cõi Đông Dương hồi đó. Dessert cũng là sĩ quan cao cấp nhất bỏ mạng đầu tiên trên chiến trường 3 nước Việt - Lào - Campuchia sau năm 1945. Tầm Vu là địa danh đầu tiên ghi chiến công này.

Trận thắng thứ hai ở Tầm Vu diễn ra ngày 12-11-1946, do bộ đội Cần Thơ thực hiện. Người chỉ huy trận đánh là đồng chí Ngô Hồng Giới. Trong trận này, 3 xe camiong của Pháp bị thiêu cháy, hơn 60 lính lê dương bị tiêu diệt. Ta thu trên 60 súng các loại. Trong trận này, chiến sĩ Dương Thành Thuận hy sinh. Tưởng nhớ chị, từ sau ngày ấy, cầu Tầm Vu - nơi diễn ra trận đánh - được mang tên cầu Dương Thành Thuận.

Trận thắng thứ ba ở Tầm Vu diễn ra ngày 3-5-1947. Trận này ta tiêu diệt 6 xe camiong (mỗi xe chở chừng 20 lính Pháp) thu 8 đại liên và nhiều súng trường, đạn dược, quân trang, quân dụng... So với hai trận trước, trận này số quân của ta tham gia đông hơn, súng đạn cũng nhiều hơn và hiện đại hơn. Có cả bộ đội của Khu phối hợp tác chiến với lực lượng vũ trang của Cần Thơ. Khu đội trưởng Huỳnh Phan Hộ là người chỉ huy cao nhất trong trận này.

Trận này, ta đánh theo kiểu “vận động chiến”, giải quyết nhanh, tiêu diệt gọn. Hơn 100 tên giặc phải dền tội. Thây xác ngổn ngang. Xe địch cháy trụi. Tiếng vang lan truyền khắp miền Tây Nam bộ. Bài hát *Tầm Vu* (nhạc: Đắc Nhân, lời: Quốc Hương) có câu mở đầu: “Hùng thay! Tầm Vu! đây đó vang lừng chiến công...” được ra đời sau ngày chiến thắng này.

Trận thắng thứ tư ở Tầm Vu diễn ra ngày 19-4-1948. Đây là trận phục kích chặn đánh đoàn xe quân sự của Pháp ở Tầm Vu do các chi đội 24, 25, 26 bộ đội chủ lực Khu IX thực hiện. Chỉ huy trận đánh là Khu bộ trưởng Trương Văn Giàu và Tham mưu trưởng Võ Quang Anh. Trong trận này, hơn 100 tên giặc bị diệt (trong đó có 1 tên quan ba). Nhóm lính nguy

gác cầu cũng bị diệt gọn; 14 xe vận tải quân sự địch bị phá hủy. Ta thu được 1 khẩu pháo 105 ly (đây là khẩu pháo 105 ly đầu tiên ta thu được trên chiến trường Khu IX trong kháng chiến chống Pháp), nhiều súng máy, tiểu liên, súng trường và quân trang, quân dụng khác.

Có thể nói, mỗi trận Tầm Vu đều có ý nghĩa riêng của nó. Trận Tầm Vu thứ tư với chiến công quả thật là to lớn, song người dân Cần Thơ, người dân miệt đất tận cùng ở khu Tây Nam bộ cũng vô cùng trân trọng, đánh giá cao những chiến thắng Tầm Vu trước đó. Ba trận Tầm Vu trước đã tạo tiền đề thắng lợi cho trận Tầm Vu thứ tư. Đặc biệt, trận Tầm Vu thứ nhất diễn ra sau ngày Tây Đô bị tái chiếm không lâu, lại diệt được tên đại tá Dessert cũng là một chiến công nổi bật.

Cả bốn trận Tầm Vu đều là những sự tích anh hùng, những chiến công vẻ vang, khẳng định nghệ thuật quân sự tài ba của các cơ quan và cán bộ chỉ huy, tinh thần chiến đấu dũng cảm, sáng tạo của Bộ đội Cụ Hồ và các chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, sự đóng góp hết mình, rất quyết định của người dân Tầm Vu, Châu Thành, Phụng Hiệp, Cần Thơ cho những chiến thắng lịch sử vang lừng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

(Báo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN THẮNG TẦM VU & ĐÔI TRÂU HUYỀN THOẠI

Cách nay tròn sáu mươi năm, sáu mươi năm dài chiến đấu và xây dựng hòa bình với biết bao biến đổi thần kỳ, vậy mà mỗi lần nghe lại bài hát *Tầm Vu* hoặc nghe ai kể lại chuyện đôi trâu kéo pháo 105 ly trong chiến thắng Tầm Vu 4 ngày 19-4-1948, người dân Nam bộ đều dâng lên niềm cảm xúc và lòng đầy tự hào.

Trong những năm đầu chống Pháp, nếu như ở chiến trường miền Đông Nam bộ quân và dân ta đã giết chết Đại tá De Sairigne, chỉ huy Sư đoàn lê dương thứ 13 và Đại tá Parut, Tổng Tham mưu phó Quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương thì chiến trường miền Tây Nam bộ lại tự hào với trận Tầm Vu 4, đoạt đại bác 105 ly đầu tiên trên chiến trường toàn quốc đã khiến cho địch phải kinh hoàng và làm chấn động dư luận thế giới.

Chiến thắng Tầm Vu 4 đã ghi vào trang sử hào hùng của quân và dân Cần Thơ, quân dân Khu 9 một mốc son chói lọi, tạo niềm tin vững

chắc cho những chiến thắng kế tiếp vang dội hơn. Đặc biệt là chiến công lần này lại có đôi trâu “hy sinh” khiến cho âm vang của Tầm Vu 4 đã đi vào huyền thoại:

Ngồi buồn kể chuyện đánh Tây

Tầm Vu một trận diệt bầy xâm lăng

Sợ gì thiết giáp xe tăng

Quân ta cướp súng thân công kẻ thù.

Để được nghe tường tận về chiến thắng oanh liệt này, năm 2006 tôi đã tìm đến ông Ngô Hồng Giới, người đã có mặt ngay từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Ông kể:

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân Cần Thơ đã cùng với cả nước tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, trong đó trận Tầm Vu 1 (1946) và Tầm Vu 2 (1947) được coi là những trận đánh hào hùng mà lực lượng vũ trang Cần Thơ đã áp dụng thành công chiến thuật phục kích. Đến khi mở màn trận Tầm Vu 4, dưới sự chỉ huy của Khu 9, tôi nhận nhiệm vụ Trung đoàn trưởng Trung đoàn 122 cùng với Trung đoàn 123, 124, cùng với các lực lượng du kích, công an và dân công hỏa tuyến áp sát đồn Bảy Ngàn của Pháp để nã pháo. Lúc đó lực lượng ta áp dụng chiến thuật “Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị” nhằm làm cho địch hoang mang hết hoảng. Khởi đầu, lực lượng ta bố trí trận địa cách cầu Tầm Vu chừng vài trăm mét về phía Rạch Gòn, nhưng địch vẫn án binh bất động. Chiều 18-4 ta rút quân, nhưng sau đó lại bí mật bố trí lại trận địa. Sáng hôm sau, địch kéo quân vào nhưng vừa tới cầu Tầm Vu chúng đã xuống xe, thận trọng tiến từng bước một. Bên ta ém quân chờ địch quay về mới “công kỳ vô bị” và đợi cho pháo 105 ly lọt vào giữa trận địa mới ra lệnh phát hỏa địa lôi và nổ súng tấn công, quân ta hoàn toàn làm chủ chiến trường, diệt 14 xe quân sự, loại khỏi vòng chiến 100 tên, trong đó có tên chỉ huy trưởng, bắt sống 80 tên, thu 200 vũ khí các loại và khẩu trọng pháo 105 ly.

Ngày nay, mỗi lần khách tham quan vào thăm Viện Bảo tàng Quân đội Hà Nội đều nhìn thấy khẩu đại bác 105 ly mang bảng tên “Tầm Vu”, hoặc theo Quốc lộ 61 vào Khu di tích Lịch sử Văn hóa Tầm Vu - Hậu Giang sẽ bắt gặp hình ảnh đôi trâu kéo khẩu đại bác được khắc họa sinh động

trên bức phù điêu hoành tráng như gợi nhớ về một chiến công lừng lẫy và đôi trâu kéo pháo thu được của giặc trên chiến trường miền Tây Nam bộ.

Ông Ngô Hồng Giải kể tiếp:

Sau khi giành được chiến thắng, quân ta đốt xe địch, thu toàn bộ chiến lợi phẩm và chuẩn bị điều động khẩu đại pháo về căn cứ an toàn. Việc khó khăn lớn nhất lúc bấy giờ là làm thế nào kéo khẩu pháo từ trận địa đến bờ rạch Láng Hầm, để đưa xuống ghe cà dom chuyển đi. Lúc nhắc đến đôi trâu, đôi mắt vị cựu trung đoàn trưởng năm xưa có vẻ đượm buồn. Sau khi bộ đội công binh mở được khóa súng, anh em vô cùng phấn khởi, quyết tâm đẩy pháo nhưng không tài nào di chuyển nổi. Ngay lúc đó, một số anh em đã nghĩ ra cách phải nhờ đến sức trâu. Thế là tôi cử người cấp tốc chạy vào xóm nhờ bà con chọn giùm một đôi trâu dưng mãnh. Đồng bào hay tin rất phấn khởi và sẵn sàng ra tay tiếp sức. Họ không những cho mượn trâu, mà còn ra sức hỗ trợ đẩy pháo... Trong không khí hồ hởi, lớp trâu kéo, lớp người đẩy, ai nấy cũng đều cố hết sức để vượt qua con mương lộ, nhưng khi đến một cái lung sình lầy thì khẩu pháo bị lún khiến đôi trâu đuối sức thở hồng hộc, nước mắt và nước bọt cùng chảy ra. Với sự trợ lực của bộ đội ta, đôi trâu cố gắng bươn lên từng bước, nhưng một con đã quy xuống và chết ngay tại chỗ. Con còn lại vẫn một mình cố nhích lên từng li từng tí để cùng bộ đội ta đưa khẩu đại bác tới bờ. Cuối cùng khẩu trọng pháo cũng được chuyển xuống ghe đang đậu chờ. Sau đó, bà con đã thả con trâu ra đồng cho nó nghỉ ngơi, hy vọng nó sẽ hồi sức và tỉnh táo trở lại, nhưng buồn thay, bảy hôm sau có người đi ruộng đã gặp xác nó nằm bên một bờ đìa, bụng phình to.

Chiến thắng Tầm Vu 4 đã vang dội khắp các chiến trường và khơi nguồn cho nhạc sĩ Đắc Nhân và ca sĩ Quốc Hương viết lên bài tráng ca *Tầm Vu* bằng một giai điệu trầm hùng "Hùng thay, Tầm Vu, đây đó vang lừng chiến công...". Đến chiến thắng Tầm Vu 4, Đại tá Trần Tuấn Khải, nguyên Trung đoàn trưởng TĐ.29 cũng có hai câu cảm tác về Tầm Vu:

Tầm Vu chiến trận miền Tây

Tên người tên đất còn đây tự hào.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông Ngô Hồng Giải đã trở về quê cũ tại xã Vị Thủy, Long Mỹ và tiếp tục đóng góp cho cách mạng với vai trò Chuyên viên kinh tế tỉnh Hậu Giang (cũ) cho tới lúc về hưu

năm 2000. Ông đã đề nghị UBND tỉnh tưởng thưởng công lao cho gia đình cho mượn đôi trâu đã “tử trận”.

Hồng Phương (Báo Hậu Giang online)

ĐỂ HIỂU THÊM VỀ TÁC GIẢ BỨC TRANH TRẬN TÂM VU

Hùng thay! Tâm Vu, vang danh oai Vệ Quốc quân...

Câu hát trong bài hát *Trận Tâm Vu* của nhạc sĩ Đắc Nhân qua giọng ca của Nghệ sĩ Nhân dân Quốc Hương đã vang lên từ hơn nửa thế kỷ nay. Nói đến chiến thắng Tâm Vu oai hùng thời kháng chiến chống Pháp, ngày 19-4-1948 của quân dân Khu 9, và có dịp đi qua vùng đất thiêng Thạnh Xuân (Châu Thành - Hậu Giang) không ai là không nghĩ về một bài hát, một giọng ca đã đi vào lịch sử ấy. Nhưng nói về trận Tâm Vu (1948) còn phải nhắc đến một bức tranh cũng được sáng tác “tại trận”. Đó là bức *Trận Tâm Vu* của họa sĩ Nguyễn Hiêm - tác phẩm đã được trao Giải nhất triển lãm Mỹ thuật toàn quốc (1956), Giải thưởng Bộ Quốc phòng (1984), Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt đầu tiên năm - 1996 (cùng các bức *Hành quân đêm*, *Ghé thăm nhà*, *Qua chiến trường xưa*) và hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Bức *Trận Tâm Vu* được vẽ bằng chất liệu bột màu, khổ 64x95cm, mô tả trực diện trận đánh ngày 19-4-1948 tại Tâm Vu với khói lửa đầy trời, và tưởng như nghe được cả tiếng hét “xung phong” của những người lính. Nhưng *Trận Tâm Vu* của Nguyễn Hiêm không chỉ có máu lửa mà có cả sắc vàng của mùa màng đang vào vụ thu hái, có những làng xóm thanh bình phía xa xa... và sắc hồng như vẫy gọi của những lá cờ chiến thắng. Về *Trận Tâm Vu*, Nguyễn Hiêm như muốn gửi tới người xem tranh một thông điệp, một ước mơ cháy bỏng của con người là hòa bình. Họa sĩ - Đại tá Phạm Thanh Tâm, nguyên Giám đốc Xưởng Mỹ thuật quân đội kể, năm 1956 ông gặp Nguyễn Hiêm tại buổi trao Giải thưởng Mỹ thuật, họa sĩ cho biết tác phẩm *Trận Tâm Vu* được ông vẽ “tại trận”. Người họa sĩ - chiến sĩ đã “ngồi dựa vào thành một hố đạn pháo, đặt giấy trên tấm bìa cong queo” mà... tốc họa. Ông vẽ mãi mê trong không khí nồng nặc mùi khói súng và trong tiếng hô xung phong vang trời của những chiến binh.

Nguyễn Hiêm (1917 - 1976) sinh tại một làng quê thuộc tỉnh Châu Đốc, nhưng lên Sài Gòn học “trường vẽ” (cùng khóa với danh họa Nguyễn

Sáng) từ nhỏ. Kháng chiến 9 năm bùng nổ, ông “lên ngàn” và được biên chế vào một đơn vị quân báo của Khu 8, sau đó về tỉnh đội Long Châu Hà làm tờ *Tin Chiến sĩ*. Tuy bận bịu với việc làm báo, in ấn ông vẫn tranh thủ thời gian đi cùng bộ đội xuống các đơn vị tham gia chiến đấu, sản xuất. Chính nhờ có những năm tháng lăn lộn trong kháng chiến này mà về sau ông có “vốn sống” để sáng tạo ra nhiều tác phẩm hoành tráng, trong đó có bức sơn mài *Hành quân đêm* (còn có tên là *Qua cầu khỉ*) vẽ năm 1958, khổ 100x150cm nguyên tấm. Bức tranh này năm 1962 được đưa sang Liên Xô tham dự triển lãm Mỹ thuật quốc tế Moskva và in trên nhiều tờ tạp chí nghệ thuật có uy tín ở Đông Âu. Với tác phẩm này, tên tuổi Nguyễn Hiêm thêm được nhiều người biết tới, trong đó có giới mỹ thuật các nước XHCN.

Là một họa sĩ miền Nam, nhưng Nguyễn Hiêm lại rất gắn bó với đất Bắc; đặc biệt là Hà Nội. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, Nguyễn Hiêm cùng đồng đội tập kết ra Bắc rồi được điều động về Tổng cục Chính trị công tác. Ông vô cùng vui sướng bởi không chỉ được ra mảnh đất mà nhiều người con của miền Nam bao đời mơ ước được đặt chân về như câu thơ của “tướng quân thi sĩ” Huỳnh Văn Nghệ: *Từ độ mang gươm đi mở cõi / Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long*, mà về Tổng cục Chính trị, ông còn được gặp rất nhiều “văn nghệ binh”, nhiều bạn bè từ khắp các miền quê, từ nhiều đơn vị, những người mà ông mới chỉ “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”. Gặp nhau trên “phố nhà binh” - Lý Nam Đế có đủ các văn nghệ sĩ áo lính từ các quân khu, các đại đoàn chủ lực, trong đó có những người con Nam Bộ quê ông như: Huỳnh Văn Nghệ, Hoàng Việt, Nguyễn Ngọc Tấn, Hoàng Văn Bồn, Hà Mậu Nhai...

Nhưng sau những ngày vui trọn niềm vui với Hà Nội mới giải phóng là những ngày “ngày Bắc đêm Nam”, “ăn cơm tập thể, nằm giường cá nhân” với Nguyễn Hiêm. Rồi chiến tranh lan ra miền Bắc, khó khăn chồng chất khó khăn, gian khổ tiếp sau gian khổ. Cái thiếu cái đói chẳng từ một ai, kể cả ông họa sĩ đeo lon cấp tá người thô mập như ông hộ pháp trong chùa như Nguyễn Hiêm. Bà con xóm chợ Bưởi - nơi Nguyễn Hiêm mới tựu được căn nhà, nhà tranh vách đất thô - vô cùng ngạc nhiên bởi chiều chiều sau giờ làm việc lại thấy ông bộ đội miền Nam bằm bèo, thái chuối nấu cháo nuôi heo; đục đẽo làm khung tranh pháo, rồi đào tăng xê,

dụng hãm kèo để vợ con tránh máy bay Mỹ... Giới họa sĩ già trong quân đội đến nay mỗi khi nhắc tới Nguyễn Hiêm còn đùa: "Ông ấy như cái xe đạp không đi là đổ, ngồi yên là bệnh!"

Biết Nguyễn Hiêm là một họa sĩ vừa có tài vừa say mê công việc, các đồng chí lãnh đạo chỉ huy cao nhất của Tổng cục Chính trị, Cục Tuyên huấn rất quan tâm, tạo những điều kiện tốt nhất có thể để ông sáng tác. Một lần đồng chí Thiếu tướng Văn Phác - bấy giờ là người phụ trách cả "nhà số 4" gồm: Phòng Văn nghệ Quân đội, Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân đến thăm nhà họa sĩ Nguyễn Hiêm ở làng Bưởi thấy ông đánh trần tôi vôi, nhào đất thó, già than củi... làm họa phẩm đã rất xúc động, khâm phục. Và, ngay khi trở về Sở chỉ huy, Văn Phác đã ký lệnh mua để "cấp" cho Nguyễn Hiêm một số vật tư làm tranh sơn mài mà theo như họa sĩ về sau nói lại thì, ông chỉ thấy ở... trong mơ!

Sau ngày đại thắng 30-4-1975, Nguyễn Hiêm đưa cả gia đình trở lại quê hương miền Nam. Ông được chính quyền cách mạng cấp cho một ngôi nhà gần cầu Sài Gòn khá đàng hoàng. Ở đó, ông có thể thả sức "làm ăn lớn", sáng tác những bức sơn dầu, sơn mài cỡ lớn như ông từng mơ ước khi còn ở Hà Nội... Và, nhiều chương trình sáng tác đã được ông đặt ra, một cuộc triển lãm tranh Nguyễn Hiêm cũng đang được chuẩn bị nhân dịp anh sinh viên "trường vẽ" Gia Định trở về thành phố sau 30 năm xa cách. Nhưng tất cả đều không kịp! Nguyễn Hiêm đã đột ngột đi xa, rất xa trong nỗi bàng hoàng thương nhớ của con cháu, bạn bè. Mùa hè vừa qua nghe nói trên kênh 7 của HTV có phát đi một chương trình về ông. Rất tiếc là nhiều bạn bè Hà Nội và những đồng nghiệp của ông ở Tổng cục Chính trị năm nào không xem được. Vậy nhưng, mỗi khi nói đến chiến thắng Tầm Vu 1948, mỗi khi nhắc đến mỹ thuật Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính không một ai không nhắc tới ông - họa sĩ tài năng Nguyễn Hiêm.

Thập Tam trại, tháng 7-2009

Ngô Vĩnh Bình (Báo *Quân đội nhân dân*)

TRẬN ĐÁNH PHỤC KÍCH XUẤT SẮC LẠ NGÀ

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Quân đội Nhân dân Việt Nam luôn ở thế yếu hơn về lực lượng, lạc hậu thô sơ hơn về phương tiện nhưng đội quân này lại rất giỏi sáng tạo ra các chiến thuật khiến

địch thủ không biết đầu mà lường. Quân đội Nhân dân Việt Nam đã phát triển và hoàn thiện chiến thuật phục kích đến tầm mức nghệ thuật khiến đối phương luôn bị ám ảnh.

Phục kích là một chiến thuật rất phổ biến trong chiến tranh. Tuy nhiên khi được Quân đội Nhân dân Việt Nam áp dụng, chiến thuật này đã được phát triển, hoàn thiện đến tầm mức nghệ thuật khiến đối phương luôn luôn bị ám ảnh.

Ta muốn đánh, địch không thể thoát

Tháng 2-1948, qua tin tình báo, ta nắm được vào đầu tháng 3 nhiều sĩ quan Pháp sẽ lên Đà Lạt để họp bàn kế hoạch tổ chức càn quét ở Nam bộ. Bộ tư lệnh Nam bộ quyết định sẽ chặn đánh đoàn xe chở sĩ quan địch từ Sài Gòn lên Đà Lạt họp. Nhiệm vụ được giao cho chi đội 10 (đơn vị chi đội trong kháng chiến chống Pháp tương đương cấp trung đoàn) của ông Huỳnh Văn Nghệ.

Nắm chắc được lộ trình của đoàn xe địch sẽ chạy từ Sài Gòn lên Đà Lạt theo đường 20, phía ta đã chọn vị trí phục kích là đoạn từ cầu La Ngà đến Định Quán với chiều dài 7km. Trong khu vực này, đường chạy quanh co men theo các cánh rừng, địa hình xung quanh trung bình cao hơn mặt đường từ 1-2m, có chỗ cao hơn tới 6m. Đây là một địa hình rất thuận lợi để dùng chiến thuật ém quân phục kích.

Muốn trận đánh thắng lợi, ta cần phải hạn chế được hoạt động của máy bay địch. Trong điều kiện chưa được trang bị súng phòng không, chi đội 10 đã khéo lợi dụng yếu tố thời tiết. Ở vùng này, về chiều thường hay có sương mù, nếu trận đánh diễn ra từ 15h trở đi thì màn sương mù sẽ là tấm giáp che chở cho quân ta trước các đợt ném bom của máy bay địch.

Bên cạnh đó, khi quân ta nổ súng ở phía Tây đường 20 thì ở phía Đông, một số chiến sĩ sẽ đốt nhiều đám lửa dưới tán cây rừng để máy bay địch tưởng đó là nơi đang giao tranh sẽ ném bom vào đó.

Đoạn đường từ Sài Gòn lên đến trận địa phục kích trên dưới 100km. Phải tìm cách kéo dài thời gian đi đường của địch để khi chúng lọt vào trận địa thì trời đã có sương mù. Một đại đội được giao nhiệm vụ cùng với du kích địa phương quấy rối làm chậm bước tiến của đoàn xe. Tuy nhiên không được đánh mạnh quá khiến địch lo ngại mà dừng cuộc hành quân đã định sẵn.

Một vấn đề quan trọng nữa là làm thế nào chôn được địa lôi (mìn) một cách bí mật. Vì trận địa nằm giữa hai đồn La Ngà và Định Quán của địch, đoạn đường này quân địch thường xuyên tuần tiễu. Nếu làm không khéo, địch phát hiện ra sẽ tăng cường đề phòng hoặc thay đổi kế hoạch hành quân thì mọi sự chuẩn bị của quân ta sẽ thành công cốc.

Tính toán nhiều lần, cuối cùng các chiến sĩ chi đội 10 cũng tìm ra một phương án. Lợi dụng đặc điểm của đoạn đường này hay có những đàn voi rừng đi qua, quân ta đặt địa lôi trên đường rồi ngụy trang bằng những bãi phân voi.

Các vấn đề vướng mắc đã được giải quyết xong, kế hoạch đánh phục kích đoàn xe chở sĩ quan Pháp từ Sài Gòn lên Đà Lạt hợp được thông qua. Trận địa phục kích kéo dài 7km từ cầu La Ngà đến Định Quán được chia làm 3 khu vực A, B, C.

Tiểu đoàn Xuân Lộc bố trí ở khu vực A (từ km 111 đến km 113) chặn đầu diệt xe thiết giáp và lực lượng hộ tống. Liên quân 17 (gồm các đơn vị đang huấn luyện ở chi đội 10) bố trí ở khu vực B (từ km 108 đến km 111) diệt đoàn xe vận tải. Tiểu đoàn Tân Uyên ở khu vực C (từ km 105 đến km 108) có nhiệm vụ tiêu diệt lực lượng đi phía sau đồng thời sẵn sàng chặn đánh địch từ phía sau lên ứng cứu. Ngày 1/3, mọi việc chuẩn bị trên thực địa đã sẵn sàng chờ giặc.

Tướng địch phải thán phục

Ngày 1-3, hàng chục chiếc xe chở đoàn sĩ quan Pháp nối nhau tiến lên Đà Lạt. Đoạn đường từ Sài Gòn ra Biên Hòa êm ả đã ru ngủ các sĩ quan Pháp. Nhưng đoàn xe vừa đi đến Hồ Nai thì bắt đầu gặp sự cố, chiếc xe thiết giáp đi đầu phát hiện một cây to bị đổ chắn ngang đường. Viên sĩ quan Pháp cùng với một số lính xuống dọn cây ra để đi thì bất ngờ một quả mìn đã cài sẵn trong đó phát nổ gây thương vong cho một số lính Pháp.

Từ Hồ Nai lên đến ngã ba Dầu Giây, đoàn xe liên tiếp phải dừng lại khi thì vướng cành cây chắn đường, khi thì trên mặt đường phát hiện có một hố mới đào. Mỗi khi như thế, cả đoàn xe phải dừng lại, đám lính hộ tống phải mang máy móc đến dò xem có mìn không, khi không thấy gì khả nghi mới lại đi tiếp.

Không chỉ có vậy, mỗi khi dừng lại quân Pháp lại nghe tiếng súng bắn tía của du kích khiến chúng rất căng thẳng thần kinh nên lại càng

thận trọng hơn. Với những phương án quấy rối như vậy ta đã làm chậm bước tiến của quân địch. Khi đến cầu La Ngà thì sương mù đã bắt đầu xuất hiện. Lúc này, bộ đội ta mới bắt đầu “cất lưới” bắt quân thù.

Lúc 15h, chiếc xe đầu tiên trong đoàn xe địch bắt đầu tiến vào trận địa C. Vừa đi chúng vừa bắn vu vơ sang bên đường để tự trấn an. Các chiến sĩ ta vẫn nằm im trên trận địa phục kích, kiên nhẫn chờ đợi. Theo kế hoạch, bộ đội ta phải đợi cho địa lôi ở trận địa A nổ thì trận địa C mới nổ súng khóa đuôi và trận địa B mới xung phong đánh địch.

Đến 15h10, địa lôi ở trận địa A nổ diệt chiếc xe thiết giáp đi đầu làm đội hình đoàn xe bị ùn lại. Địch hoảng loạn nhảy ra khỏi xe lập tức bị chiến sĩ ở trận địa A xung phong tấn công mãnh liệt. Nghe thấy tiếng nổ ở trận địa A, trận địa B lập tức xung phong và trận địa C cũng nổ mìn diệt các xe chở quân hộ tống đi sau để khóa đuôi.

Ở trận địa C, một số xe của địch ở phía sau thấy xe đi trước bị đánh liền dừng lại tổ chức đội hình lên ứng cứu. Một mặt, tiểu đoàn Tân Uyên dùng hỏa lực ngăn chặn, mặt khác tổ chức nhiều mũi tấn công vào bên sườn toán quân này, bẻ gãy những đợt tấn công của chúng để đảm bảo cho các đơn vị đang tiêu diệt đoàn xe ở phía trong.

Sau gần 1 giờ đồng hồ, trận đánh kết thúc, quân ta đã phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, bắt 270 tù binh. Trong số 150 tên bị chết có nhiều sĩ quan chỉ huy như Đại tá De Sérigné - Tư lệnh bán Lữ đoàn Lê Dương 13, Đại tá Paruit - Phó tham mưu trưởng thứ nhất Quân đội Pháp ở Nam Đông Dương; Thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; Đại úy Jean Couvreur - trưởng phòng xe máy...

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách đi cùng đoàn xe, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, sức yếu, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

Trận phục kích La Ngà làm cả nước Pháp bàng hoàng, giới quân sự Pháp bị một cái tát vỡ mặt vì trước đó huênh hoang tuyên bố đã cơ bản tiêu diệt Việt Minh. Đối với quần chúng, nhiều người trực tiếp chứng kiến

bộ đội Việt Minh chiến đấu và cách đối xử khoan hồng nhân đạo với tù hàng binh, khi trở về đã thay đổi cách nhìn nhận về Việt Minh và cuộc kháng chiến nói chung.

Về mặt quân sự, năm 1971, tướng Salan xuất bản cuốn hồi ký của mình, khi nhắc tới trận La Ngà đã phải cất lời khen: “Đây là một trận đánh tuyệt diệu cả về tổ chức, chỉ huy và nắm thời cơ nổ súng, là trận đánh bất hạnh đối với quân viễn chinh Pháp”.

(Theo *Kienthuc.net.vn*)

CHIẾN DỊCH THẬP VẠN ĐẠI SƠN VÀ NHỮNG CÔNG TRÌNH TƯỢNG NIỆM LIỆT SĨ

Chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn là một chiến dịch quân sự diễn ra trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 10-1949 do liên quân giữa bộ đội Việt Nam và Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc thực hiện tại biên khu Việt - Quế chống lại quân đội của Quốc dân đảng phản động. Mục tiêu của chiến dịch là mở rộng vùng giải phóng tại khu vực dãy núi Thập Vạn Đại Sơn tại 3 huyện Ung Châu, Long Châu và Khâm Châu giáp biên giới với vùng Đông Bắc Việt Nam, tạo điều kiện phát triển lực lượng phối hợp với đại quân của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc khi đó đang ào ạt tiến về phía Nam.

Thập Vạn Đại Sơn là một dãy núi dài khoảng 170km, rộng khoảng 15-30km, ở đông nam Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc. Dãy núi này chạy theo hướng đông bắc - tây nam, phía nam cao hơn phía bắc. Đầu phía đông bắc bắt đầu từ Khâm Châu, đầu phía tây ở huyện Ninh Minh, sát biên giới với Việt Nam. Đỉnh cao nhất (Thị Lương Lĩnh) cao 1.462m so với mực nước biển. Hiện nay, tại huyện Thượng Tư, có điểm du lịch nổi tiếng “Lâm viên Thập Vạn Đại Sơn”.

Lực lượng tham gia chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn lịch sử năm 1949, gồm có:

Lực lượng của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc gồm 3 tiểu đoàn địa phương, do Trần Minh Giang (Chen Mingjiang) chỉ huy. Lực lượng Việt Nam tham gia chiến dịch gồm một số đơn vị thuộc 3 trung đoàn 28, 174, 95, do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy. Lực lượng quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc gồm 5 trung đoàn.

Lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia liên quân là theo đề nghị của phía Trung Quốc. Năm 1949, theo đề nghị của Đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc và Tư lệnh Biên khu Việt - Quế (Quảng Đông - Quảng Tây), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam phái một lực lượng vũ trang sang giúp Trung Quốc “xây dựng một khu giải phóng ở vùng Ung - Long - Khâm liền với biên giới Đông Bắc nước ta, thông ra bể, tạo điều kiện khuếch trương lực lượng, đón Đại quân Nam Hạ” (Mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 23-4-1949).

Chiến dịch diễn ra trên hai hướng: Khâm Châu và Long Châu.

Trên hướng Long Châu, bộ đội Việt Nam đánh chiếm Bằng Tường, Thủy Khẩu (ngày 12-6), Hạ Đông (ngày 13-6). Ngày 18-6, tiêu diệt viện binh Quốc dân đảng từ Long Châu xuống và tiến đánh Ninh Minh.

Trên hướng Khâm Châu, trong thời gian từ ngày 3 đến ngày 9-7, liên quân Trung Việt đánh thị trấn Trúc Sơn (Zhushan) (trên đường Đông Hưng - Phòng Thành) nhưng không thành công. Ngày 25-7, liên quân chuyển sang tấn công quân Quốc dân đảng tại Vòng Chúc, Mào Lêng, rồi tiến sát Phòng Thành. Quân Quốc dân đảng phải rút khỏi các đồn bốt nhỏ, tập trung về các thị trấn Long Châu, Nà Lương, Phòng Thành, Đông Hưng.

Chiến dịch kết thúc vào tháng 10 khi cánh quân từ phía bắc của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đánh chiếm Nam Ninh. Đến đây, liên quân Trung - Việt đã chiếm được 10 trên 12 vị trí thuộc 3 huyện Long Châu, Khâm Châu, Phòng Thành, mở rộng vùng kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đánh chiếm hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.

Lịch sử chiến đấu của Lực lượng vũ trang Quân khu 1 cũng ghi rõ: Lực lượng vũ trang quân khu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế vẻ vang:

“Thực hiện thỏa thuận giữa Đảng ta và Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 23-4-1949 Bộ tổng tư lệnh ra Mệnh lệnh số 246/BIS/TTL, giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Liên khu 1: “Giúp Giải phóng quân Trung Quốc xây dựng một khu giải phóng ở vùng Ung Long - Khâm Liên giáp với biên giới Đông Bắc của ta thông ra biển, tạo điều kiện để khuếch trương lực lượng, đón quân tiến xuống phía Nam, đồng thời hoạt động ở Đông Bắc để mở

rộng khu tự do của ta ra sát tận biên giới và thông ra biển, liền với khu giải phóng Việt Quế của bạn”.

Chiến dịch diễn ra trên hai mặt trận: Mặt trận Điện Quế do đồng chí Nam Long làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hoàng Bình (Trung Quốc) làm Chỉ huy phó, đồng chí Đỗ Trình làm Chính trị viên. Mặt trận Tả Giang - Long Châu do đồng chí Thanh Phong, Phó tư lệnh Liên khu 1 làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 74 và đồng chí Long Xuyên, Trung đoàn phó Trung đoàn 28 làm Tư lệnh phó. Bộ Chỉ huy chiến dịch “Thập Vạn Đại Sơn” do đồng chí Lê Quảng Ba làm Tư lệnh, đồng chí Trần Minh Giang (Trung Quốc) làm Chính trị ủy viên. Ngày 10-6-1949, chiến dịch bắt đầu, bộ đội ta phối hợp với quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, tiêu diệt nhiều đồn bốt, mở rộng khu Điện Quế, Việt Quế và các khu căn cứ Tả Giang, Thập Vạn Đại Sơn. Tháng 10-1949, các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ quốc tế trở về nước. Hình ảnh, những việc làm và chiến công của các chiến sĩ Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế đã để lại những tình cảm tốt đẹp còn lưu mãi trong lòng nhân dân Trung Quốc”.

Đài tưởng niệm Liệt sĩ Trung - Việt tại Đông Hưng

Để ghi công và tưởng nhớ các chiến sĩ đã hy sinh trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn, tại thị trấn Đông Hưng (Trung Quốc), bên dòng sông Bắc Luân, có một đài liệt sĩ uy nghi trên khắc song ngữ Việt - Trung: “Đài kỷ niệm liệt sĩ cách mạng nhân dân Trung - Việt”.

Đài tưởng niệm uy nghi này được dựng tại nơi cao nhất ở trung tâm Công viên hữu nghị Nhân dân Trung - Việt được xây dựng từ năm 1958, theo thỏa thuận của thành phố Đông Hưng, thuộc Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và tỉnh Hải Ninh (năm 1963 hợp nhất với Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh) của Việt Nam. Năm 2000 công viên được trùng tu tôn tạo mở rộng, với tổng diện tích là 260 mẫu. Trong công viên có hai cây Hữu Nghị do Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cây giống và trồng vào năm 1960.

Hài cốt của các liệt sĩ Việt Nam và Trung Quốc được quy tập và an táng dưới chân tượng đài kỷ niệm này.

Nghĩa trang liệt sĩ Trung - Việt tại Thủy Khẩu

Trong chiến dịch, tại Thủy Khẩu (thị trấn cửa khẩu thuộc huyện Long Châu, Trung Quốc, đối diện cửa khẩu Tà Lùng, Cao Bằng, Việt Nam)

có một trận đánh kéo dài 2 ngày đêm của liên quân Trung - Việt chống lại 6 trung đoàn quân Quốc dân đảng. Trong số những người hy sinh tại trận đánh này có Phó chủ tịch huyện Long Tân Ngu Khắc Hàn, một số cán bộ, chiến sĩ Trung Quốc khác và 22 chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Để tưởng nhớ liệt sĩ, những hài cốt của các liệt sĩ hai nước đã an táng tại Khiếu Lâm, La Hôi và Hạ Đông được cải táng di chuyển về Thủy Khẩu, đồng thời xây dựng “Nghĩa trang Liệt sĩ Trung - Việt tại Thủy Khẩu Long Châu” (Long Châu Thủy Khẩu Trung - Việt liệt sĩ mộ viên).

Cùng với tượng đài liệt sĩ hai nước Trung - Việt uy nghi, trên tấm bia lớn chạm khắc văn bia ghi sự tích oanh liệt của các liệt sĩ hy sinh trong trận chiến đấu tại Thủy Khẩu, bằng hai thứ tiếng Trung Quốc và Việt Nam.

Nội dung văn bia như sau:

“Tháng 6-1949, nhằm phối hợp với Quân Giải phóng nhân dân vượt sông công kích chính phủ Quốc dân đảng Nam Kinh, triệt để giải phóng toàn Trung Quốc, dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Mạc Nhất Phàm, Chi đội Tả Giang, Đội du kích địa phương của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã triển khai cuộc chiến đấu Thủy Khẩu tiến hành bao vây công kích 6 trung đoàn Bảo an nguy quân. Cuộc chiến đấu này được sự chi viện của bộ đội vũ trang cách mạng Việt Nam. Chiến sĩ cách mạng hai nước Trung - Việt kẻ vai sát cánh chiến đấu kịch liệt với quân địch suốt hai ngày đêm, bắn chết trên 300 tên địch, bắt làm tù binh trên 20 tên địch, giành được thắng lợi hoàn toàn. Do địch ta bắn nhau dữ dội, đồng chí Ngu Khắc Hàn, Phó chủ tịch Chính quyền dân chủ huyện Long Tân và một số chiến sĩ du kích Trung Quốc đã hy sinh, bộ đội vũ trang cách mạng Việt Nam hy sinh 22 người.

Để nêu gương sáng của các bậc tiên liệt, giáo dục các thế hệ sau, nay đưa hài cốt các liệt sĩ Trung - Việt đã an táng tại Khiếu Lâm, La Hôi, Hạ Đông, di chuyển về an táng tại đây, xây dựng thành “Nghĩa trang Liệt sĩ Trung - Việt Thủy Khẩu” (Thủy Khẩu Trung - Việt liệt sĩ mộ viên), để nhân dân viếng thăm chiêm ngưỡng.

Ngày 10-10-1997

Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây”.

(Báo Quân đội nhân dân)

KẾT HỢP “ĐÁNH ĐIỂM, DIỆT VIỆN” VỚI LUÔN SÂU ĐÁNH HIỂM

Giữa năm 1952, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Liên khu 5 mở Chiến dịch Hè - Thu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nhằm phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, chuẩn bị cho Chiến dịch Tây Bắc, hỗ trợ trực tiếp cho phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, tiêu diệt sinh lực, phá thế uy hiếp của địch và giành lại vùng du kích Gò Nổi, Điện Bàn (Quảng Nam) một trọng điểm “chiêu an”, “bình định” của địch từ đầu năm 1950.

Căn cứ mục đích nhiệm vụ chính trị của chiến dịch đề ra, đặc biệt là phương châm “đánh điểm, diệt viện” trên chiến trường, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định sử dụng bộ đội chủ lực kết hợp bộ đội địa phương tỉnh và huyện cùng dân quân, du kích xã, thôn tham gia. Trong quá trình triển khai và thực hành chiến dịch, phải thường xuyên hiệp đồng chặt chẽ giữa tiến công tiêu diệt cứ điểm đồn bốt địch với việc bố trí lực lượng sẵn sàng đánh địch càn quét; giữa tiến công địch ở phía trước với việc đưa bộ đội luôn sâu đánh hiểm ở phía sau, buộc chúng phải phân tán đội hình đối phó trên nhiều hướng; giữa tiến công quân sự với phát động quần chúng diệt tề trừ gian, mở rộng vùng và quyền làm chủ...

Thực hiện phương châm tác chiến “đánh điểm, diệt viện”, Bộ tư lệnh chiến dịch lệnh giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 803 chủ lực của Liên khu sử dụng các tiểu đoàn tiến công tiêu diệt các đồn bốt Xuân Đài, Phú Bông, cứ điểm kiên cố Vân Lý, khu hành chính thị tứ Phù Kỳ ở vòng ngoài; giao cho các phân đội bộ đội chủ lực, bộ đội đặc công, cùng du kích địa phương bí mật luôn sâu vào vùng địch kiểm soát, rồi bất ngờ đột phá tháp canh Bàu Mặt, Dốc Nhót, đây là những yếu địa lợi hại ở phía bắc Đà Nẵng.

Bị ta tiến công từ nhiều phía và bị mất nhiều vị trí chiến thuật quan trọng, nhất là tuyến phòng thủ Nam sông Thu Bồn, Bộ chỉ huy quân Pháp ở Quảng Nam - Đà Nẵng lập tức tập trung 2.000 lính tinh nhuệ, chưa kể máy bay, pháo binh, xe thiết giáp, mở cuộc hành quân với quyết tâm tiêu diệt chủ lực đối phương và giành lại khu vực tây Gò Nổi. Sau gần một tháng, Bộ tư lệnh chiến dịch cho Trung đoàn 803 hoạt động theo phương thức phân tán (cấp tiểu đoàn, đại đội) cùng lực lượng vũ trang địa phương chống càn và đánh địch nhỏ lẻ giành nhiều thắng lợi, buộc địch phải dừng lại củng cố, bỏ dở cuộc hành quân.

Từ ngày 19-8 đến đầu tháng 9-1952, Bộ tư lệnh chiến dịch tập trung Trung đoàn 803 mở đợt tiến công tiêu diệt một số chốt điểm trên đường 14 (đoạn Đà Nẵng đi Ái Nghĩa), khu hành chính Kỳ Lam, tháp canh Túy Loan... Trong đó có cứ điểm mạnh Túy Loan do một đại đội lính Âu - Phi chốt giữ. Trong ba đêm 16, 17, 18-9, bằng những trận tiến công của bộ đội chủ lực, được bộ đội địa phương và du kích Thăng Bình, Quế Sơn, Tiên Phước, Tam Kỳ phối hợp hỗ trợ, đã tiêu diệt các cứ điểm Ba Du, Thượng Phước, Lê Sơn, Dốc Nhất... làm cho hệ thống cứ điểm của địch ở vùng trung Điện Bàn, tây Hòa Vang và bắc Đà Nẵng vỡ, thủng từng mảng lớn.

Được chiến thắng quân sự cổ vũ, lực lượng quần chúng vùng tạm chiếm nô nức đứng lên tự vũ trang cướp chính quyền xã, thôn tay sai Pháp, giành quyền làm chủ. Trước đòn quân sự và nổi dậy mạnh mẽ của quân và dân ta, bọn tề điệp, ngụy quân, phần tan rã, phần chui rúc lẩn tránh vào các cứ điểm. Giữa tháng 9-1952, phong trào cách mạng và vùng du kích của ta mở rộng đến sát bờ Nam sông Cẩm Lệ, phát triển ra hầu hết vùng cát phía đông đường số 1 đến ngoại ô thị xã Hội An và thành phố Đà Nẵng.

Chiến dịch tiến công Quảng Nam - Đà Nẵng Hè - Thu năm 1952 giành thắng lợi không chỉ khẳng định việc vận dụng cách đánh thích hợp, sáng tạo giữa đòn tiến công của bộ đội chủ lực với phong trào chiến tranh du kích phát triển, qua đó từng bước phá vỡ phòng tuyến trong, ngoài của địch ở Quảng Nam, Đà Nẵng, nối liền khu du kích đồng bằng với căn cứ miền núi của tỉnh, giải phóng một số xã thuộc các huyện: Điện Bàn, Hòa Vang, Đại Lộc, mà còn góp phần làm cho thế và lực chiến trường Khu 5 chuyển biến rõ rệt. Nhiều khu du kích và căn cứ du kích vùng địch tạm chiếm được củng cố mở rộng và phát triển tạo thành thế liên hoàn giữa vùng du kích và vùng tự do. Trong đó nổi bật là khu vực Gò Nổi - một trọng điểm kim kẹp, bình định của địch đã trở thành vùng căn cứ du kích mạnh của ta. Đồng thời, thành công của chiến dịch này, đã tạo ra thời cơ và thuận lợi mới để quân dân Liên khu 5 mở Chiến dịch An Khê vào đầu năm 1953 giành thắng lợi.

CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ: CHỦ ĐỘNG TẠO THẾ TÁC CHIẾN TỔNG HỢP

Sau khi đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng ra các tỉnh xung quanh, từ đầu năm 1949, địch tập trung lực lượng tăng cường đánh chiếm Tây

Nguyên, củng cố các đồn bốt; xây dựng bộ máy cai trị, đánh phá, càn quét ác liệt các căn cứ của ta ở Tây Nguyên.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Liên khu 5, nhằm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, kết hợp phát động quần chúng nhân dân nổi dậy phá vỡ bộ máy kìm kẹp, đẩy mạnh chiến tranh du kích, Bộ tư lệnh Liên khu quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ ở nam Tây Nguyên, trọng điểm là vùng tam giác Cheo Reo - Biển Hồ - Ma Đrác. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm hai Trung đoàn 803, 84, một số đại đội của Trung đoàn 108 và bộ đội, du kích địa phương... Hình thức tổ chức lực lượng chiến dịch được đặt dưới sự chỉ huy thống nhất, trực tiếp của Bộ chỉ huy chiến dịch, với phương châm kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự và sự nổi dậy của quần chúng. Chiến dịch chia làm 2 đợt. Đợt 1 từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 8-1950 tiến hành các hoạt động tác chiến trên đường số 7, kết hợp đánh địch ở Ma Đrik (Blang), đường số 21, diệt một bộ phận quân địch, hỗ trợ bộ đội, du kích địa phương vũ trang tuyên truyền tiến lên Biển Hồ. Đợt 2 (trong tháng 9-1950), ta tập trung lực lượng đánh địch phản kích vào vùng Ma Đrác - Cheo Reo, đường số 21, mở rộng khu du kích Biển Hồ, thọc sâu vào Buôn Ma Thuột, đẩy mạnh chiến tranh du kích, gây nhiều khó khăn cho địch.

Với phương châm hoạt động tổng hợp về quân sự, chính trị, đầu tháng 7-1950, ta sử dụng Trung đoàn 803 đánh mạnh các cứ điểm trên đường số 7 tiến lên Buôn Hồ, kết hợp đánh tiêu hao địch ra phản kích giải tỏa, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giải phóng một số khu vực quan trọng, đánh thắng địch phản kích vào vùng Ma Đrác - Cheo Reo, đưa lực lượng thọc sâu vào Buôn Ma Thuột. Bộ đội, du kích, các cơ quan dân chính đảng đẩy mạnh các hoạt động tác chiến thu hút, phân tán chủ lực địch, đấu tranh chính trị vào sâu vùng địch tạm chiếm gây cơ sở, gây phong trào, tạo được một khu căn cứ địa vững chắc từ vùng Cheo Reo - Biển Hồ nổi tây đường 14 với phía đông của Campuchia..

Thắng lợi của chiến dịch này đã giải phóng vùng căn cứ nam Tây Nguyên, đánh dấu bước phát triển về khả năng và trình độ bộ đội ta nâng lên tầm nghệ thuật trong tác chiến và vận dụng phương pháp đấu tranh

tổng hợp; tổ chức lực lượng linh hoạt, sáng tạo; từng bước thực hành tiến công quân sự và nổi dậy có hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

(Theo *Quán đội nhân dân*)

CHIẾN DỊCH BẾN CÁT

Vào giữa năm 1950, cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta đang trên đà phát triển mạnh. Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 6-1950, Chiến dịch Biên giới nổ ra, nhằm tiêu diệt quân địch, mở rộng căn cứ Việt Bắc, giải phóng vùng biên giới phía Bắc, nối liền nước ta với hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tại chiến trường Nam bộ, chiến tranh du kích phát triển rộng khắp. Tháng 8-1950, Xứ ủy Nam bộ chủ trương xây dựng lực lượng chủ lực và đẩy mạnh hoạt động du kích đánh địch khắp nơi. Đặc khu Sài Gòn - Gia Định sáp nhập vào Bộ Tư Lệnh Quân khu 7. Đại đội địa phương huyện Bến Cát được củng cố và bổ sung lấy tên là đại đội Lê Hồng Phong. Trên địa bàn huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một) lúc này chiến tranh nhân dân đã phát triển mạnh nhất trong các tỉnh Miền Đông Nam bộ.

Để phối hợp với chiến trường chính Bắc bộ, tháng 7-1950 Bộ chỉ huy Quân khu 7 quyết định mở chiến dịch Lê Hồng Phong trên địa bàn huyện Bến Cát.

Mục đích là cắt đứt giao thông trên tỉnh lộ 14, số 7, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ, cầm quân địch không cho chúng đưa quân ra chiến trường Biên giới. Cụ thể là tiêu diệt được 4 đồn, 17 tháp canh trên tỉnh lộ 14 và số 7, thuộc phân chi khu Bến Súc, do tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn thuộc địa số 43 đóng giữ và sẵn sàng đánh địch chi viện đến.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: tiểu đoàn chủ lực 303 của Quân khu 7, Tiểu đoàn 302 của của liên trung đoàn 301-310, 2 đại đội Tiểu đoàn 304 thuộc liên trung đoàn 306-312, 2 đội pháo binh, công binh, 5 đại đội độc lập các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Châu Thành, Trảng Bàng (Tây Ninh) và Hóc Môn (Gia Định) cùng dân quân du kích các xã huyện Bến Cát, với 3.000 dân công phục vụ chiến trường. Ngoài ra, Xứ ủy còn chỉ đạo các tỉnh thành trong xứ đẩy mạnh hoạt động đánh địch, vận động nhiều binh sĩ ngụy đào, rã ngũ... làm cho chúng không tiếp ứng được Bến Cát.

Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Tô Ký, Phó Tư Lệnh Quân Khu 7 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Đức Anh làm tham mưu trưởng, đồng chí

Vũ Duy Hanh, Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một làm chính ủy. Ngoài nhiệm vụ chỉ huy chung, Bộ chỉ huy chiến dịch trực tiếp chỉ đạo mặt trận số 2, từ chiến khu Long Nguyên đến Bến Súc. Các đồng chí Lâm Quốc Đăng (Tư Thước) huyện đội trưởng và đồng chí Nguyễn Văn Theo (công an huyện Bến Cát) phụ trách an ninh và cung ứng hậu cần.

Chiến dịch tiến công địch trên 5 mặt trận, trong đó mặt trận chính là mặt trận số 2 (các mục tiêu trên đường số 14 và số 7 từ Bến Cát đến Rạch Bắp - Bến Súc - Dầu Tiếng: trong đó mục tiêu chủ yếu là đồn Bến Súc). Lực lượng tham gia mặt trận này có tiểu đoàn 302, 1 trung đội của đại đội Lê Hồng Phong, 1 đại đội của trung đoàn 306 cùng du kích các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An. Chỉ huy trưởng đánh đồn Bến Súc là đồng chí Phan Văn Thuận, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 302, đồng chí Tạ Minh Khâm đại đội trưởng đại đội độc lập làm chỉ huy phó. Đồng chí Khoa, chính trị viên tiểu đoàn 302 làm chính trị viên.

Nhiệm vụ chính của mặt trận số 2 là tiêu diệt đồn Bến Súc, chiếm xe bọc thép của địch để phát triển lực lượng tiến công quét sạch đồn bốt, tháp canh trên đường số 14 và đường số 7.

Từ cuối tháng 9 công việc chuẩn bị cho chiến dịch rất khẩn trương khắp căn cứ, xóm ấp đến các làng công nhân. Bộ đội chủ lực đắp mô hình đồn Bến Súc như thật với 5 lô cốt, tường thành với nhiều lớp rào kẽm gai để luyện tập. Các đoàn thể, nhất là các Hội mẹ chiến sĩ, Hội phụ nữ cứu quốc tích cực vận động nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm, thuốc men nuôi quân. Các đội du kích và dân công hăng hái phá đường, vận chuyển lương thực, thực phẩm, đạn dược.

Nhân dân xã Phú An, An Tây, An Điền, An Nhơn Tây (Củ Chi) chặt cây đóng chặt hàn sông từ Mương Đào đến Rạch Bắp dài hơn 3 cây số, ngăn tàu địch đi lại trên sông Sài Gòn. Khắp các nẻo đường vang dậy tiếng hò:

*Phá đường là chặt chân Tây
Xe tăng thiết giáp của mày chạy đâu?
Hò hê, phá rộng, phá sâu
Phá tan, phá nát, phá sâu, phá liền!
Hò hê, anh chị ráng lên!*

Nhiều làng xã, cả nhà hưởng ứng tham gia phá đường:

*Chông vắc xẻng, vợ vắc lèng
Con xách lồng đèn cầm vá theo sau
Cả nhà chung sức với nhau
Đào hố, đào hào, chống pháo, chống bom.*

Theo kế hoạch, đúng 23 giờ ngày 7-10-1950, khi tiếng mìn đánh sập Cầu Đò, cất dương số 7 là hiệu lệnh cho Tiểu đoàn 302 và các đơn vị phối thuộc nổ súng vào mục tiêu đã định. Nhưng đội đánh tháp canh Si-nô trên đường tiến nhập gặp địch đã nổ súng lúc 21 giờ. Đội đánh tháp canh Kiến Điền nổ súng lúc 22 giờ, nên cơ giới địch từ Bến Cát đi tiếp viện làm cho bộ phận đánh mìn Cầu Đò chưa kịp hành động, đành rút lui. Một bộ phận đơn vị phối thuộc đánh đồn Bến Súc đi lạc đường, đến 3 giờ sáng ngày 8-10 mới chuyển đúng mục tiêu. Cán quân của huyện đội với quyết tâm cao, đào hầm dài 6 cây số từ Vườn Điều sẽ trở cửa lên vào giữa đồn Rạch Bắp để từ trong đánh ra kết hợp với bên ngoài đánh vào, nhưng vì nhầm lệch hướng nên cửa trở lên nằm ngoài hàng rào. Các chiến sĩ ta liền nổ mìn uy hiếp địch trước khi rút lui. Trước tình hình đó, ta tập trung cối, đại liên bắn vào đồn để hỗ trợ cho các mũi tiến công địch. Mũi tiến công 1 vừa vượt qua hàng rào kềm gai lại gặp xe thiết giáp của địch. Chiến sĩ Bé ôm bom anh dũng xông lên cản xe địch và hy sinh. Mũi 2, tiếp tục xông vào, nhưng chưa phá được đồn địch. Đến 7 giờ sáng, lực lượng dự bị xông lên tiếp ứng cho mũi tấn công 1, đánh giằng co với địch, nhưng không dứt điểm được.

Cuối cùng các đơn vị rút lui. Kết quả đợt này ta tiêu diệt 50 tên, phá hủy 3 lô cốt.

Vào đợt 2, ta chuyển hướng sang đánh giao thông, tiêu diệt các tháp canh còn lại trên đường 14 và số 7, chặn đứng đoàn công-voa địch trên quốc lộ 13, diệt 65 xe, đánh chìm 3 tàu chiến giặc trên sông Sài Gòn.

Đợt 3, bắt đầu từ ngày 30-10, ta tiếp tục đánh địch trên quốc lộ 13, tỉnh lộ 14 và số 7. ngày 8-11, chiến sĩ Nguyễn Văn Rỡ, tiểu đội trưởng công binh, bí mật phá hỏng nòng pháo 155 ly của địch đã khích lệ thêm tinh thần chiến đấu của chiến sĩ ta. Sau đó địch đã đưa thêm một trung đội lính Âu - Phi, có trung liên 12 ly 7 đến cố thủ tiền đồn Bến Súc, liền bị các chiến sĩ đặc công tiểu đoàn 302 đợt nhập đánh sập, diệt tên quan 2

chỉ huy và toàn bộ lính trong đồn, thu khẩu 12,7 ly và nhiều quân trang quân dụng khác.

Ngày 15-11, tiểu đoàn 302 cùng tiểu đoàn 303, 304 chặn đánh địch trên quốc lộ 13, phá hủy 1 xe thiết giáp, 20 xe quân sự và tiêu diệt lực lượng hộ tống của chúng.

Đến tối hôm đó, đại đội độc lập và 1 đại đội tiểu đoàn 302 bí mật tiếp cận dùng Pê-ta đánh sập Cầu Đò, làm thiệt hại nặng đại đội địch bảo vệ Cầu. Tiếng mìn nổ làm sập Cầu Đò cũng là pháo lệnh kết thúc chiến dịch Bến Cát.

Thế là suốt 39 ngày đêm ròng rã (7-10 đến 15-11-1950) quân và dân ta đã đánh 500 trận lớn nhỏ, kết hợp vận động, đặc công, tập kích diệt trên 500 tên địch, phá hủy 104 xe quân sự, xe bọc thép, cắt đứt giao thông trên quốc lộ 13 từ Bến Cát đến Chơn Thành, tỉnh lộ số 7 từ Bến Cát đi Bến Súc, Bến Cát đi Dầu Tiếng, phá sập Cầu Đò, 12 tháp canh trên tỉnh lộ 14 và số 7, khai thông đường hành lang từ chiến khu Đ đến chiến khu Dương Minh Châu và thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Đây là lần đầu tiên quân và dân miền Đông Nam bộ mở chiến dịch với quy mô lớn giành thắng lợi vang dội. Tại cuộc tổng kết chiến dịch, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam bộ đã khen ngợi.

Chiến dịch Bến Cát đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang Quân khu 7, góp phần đưa phong trào kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam bộ hòa nhập vào cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước.

Trần Thanh Đạm (Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương)

CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI THU - ĐÔNG 1950

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) đầy gian khổ, hy sinh song rất đổi hào hùng của dân tộc ta, chiến thắng Biên giới Thu - Đông năm 1950 có một vị trí đặc biệt quan trọng. Cùng với thắng lợi của quân và dân ta trên khắp chiến trường cả nước, chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 mở ra một giai đoạn mới của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chiến dịch Biên giới là chiến dịch đầu tiên do ta chủ động mở để khai thông biên giới, phá thế bao vây của địch hòng cô lập ta. Đây là cuộc tiến công quy mô lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp (1945-1954) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Đây là chiến dịch do Bộ Tổng Tư lệnh tổ chức, chỉ huy; Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp làm Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy. Đây cũng là chiến dịch duy nhất địch thân Chủ tịch nước - Hồ Chí Minh ra mặt trận, trực tiếp chỉ đạo.

Theo nhận định của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đường số 4 chạy dọc vùng biên giới Việt - Trung, từ Lạng Sơn lên Cao Bằng phải lần lượt qua Thất Khê và Đông Khê. Vì thế đánh Đông Khê trước sẽ chặt đứt con đường nối Cao Bằng với Thất Khê, nhất là cứ điểm Đông Khê của địch mặc dù đã được củng cố vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của quân ta. Mất Đông Khê một là địch sẽ phải chiếm lại, hai là sẽ phải rút khỏi Cao Bằng, ta sẽ có điều kiện tiêu diệt địch ở ngoài công sự. Nếu địch không chiếm lại Đông Khê, ta sẽ đánh tiếp Thất Khê, quay lại giải phóng Cao Bằng. Khi đã mất cả Đông Khê và Thất Khê tinh thần quân địch sẽ khác đánh địch sẽ thuận lợi hơn nhiều, ta có thể bao vây buộc địch đầu hàng

6 giờ sáng ngày 16-9-1950, pháo 75 của ta bắt đầu nổ, trút đạn vào đồn chính sau đó tất cả các loại pháo của ta nổ giòn giã vào các mục tiêu với mục đích cô lập Cao Bằng, uy hiếp cứ điểm Thất Khê và phá thế trận phòng thủ của quân Pháp trên đường số 4... Cả Đông Khê chìm trong khói pháo. Bộ binh các hướng phối hợp nhịp nhàng tiến công vào đồn chính. Đây là trận đánh xuất hiện nhiều tấm gương anh hùng dũng cảm của quân đội ta như: La Văn Cầu, Trần Cừ. Ngày 18-9, ta đánh vào Sở chỉ huy ở Đông Khê bắt sống viên đại úy đồn trưởng và các sĩ quan tham mưu và kết thúc trận đánh lúc 10 giờ. Đúng như ta dự tính, việc đánh Đông Khê là chặt đứt đường số 4 ở quãng giữa khiến địch phải co hai đầu lại.

Đợt II của chiến dịch bắt đầu từ ngày 21-9 đến 8-10.

Đêm 30-9:

Pháp nhanh chóng điều động quân đội ở Bắc bộ thực hiện cuộc "hành quân kép":

- Một cánh do trung tá Le Page chỉ huy hành quân từ Thất Khê lên nhằm chiếm lại cứ điểm Đông Khê mở lại đường số 4 và thu hút chủ lực của quân Việt Minh;

- Một cánh do trung tá Charton chỉ huy tiến công từ Cao Bằng xuống gặp Le Page ở Đông Khê.

Trung đoàn 209 (Trung đoàn Sông Lô) của Việt Minh đã hành quân lên Quang Liệt, phía bắc Đông Khê để chặn đánh binh đoàn Charton. Ngày 6 tháng 10, cánh quân của Charton cũng đến được Cốc Xá và bắt liên lạc được với Le Page. Đại đoàn 308 lập tức bao vây chặt Cốc Xá và điểm cao 477. Trung đoàn 209 chặn ở phía bắc. Phía nam, Trung đoàn 174 chốt chặn đường rút ở Cốc Tôn - Khau Pia. Sáng sớm ngày 6-10, Trung đoàn 36 bắt đầu tấn công Cốc Xá và đến buổi trưa thì gần như toàn bộ binh đoàn Le Page đã bị xóa sổ chỉ còn 650 trên tổng số 2.500 người, số ít còn lại cố chạy sang điểm cao 477 cùng với chỉ huy Le Page. Nhưng tại 477, 5 tiểu đoàn của Đại đoàn 308 và của Trung đoàn 209 đã vây chặt quân Charton. Hai bên giành nhau quyết liệt tại các điểm cao ở đây. Đến chiều, binh đoàn Charton trở nên rối loạn khi biết tin binh đoàn Le Page đã bị xóa sổ. Charton đã tập hợp những người còn sống sót rút khỏi điểm cao 477 mở đường máu về Nà Cao, nhưng đến chiều thì bị bắt làm tù binh cùng với toàn bộ ban tham mưu.

Những quân lính còn lại của Le Page cùng với chỉ huy của mình mất liên lạc với Charton đã tìm cách rút theo đường rừng để về Thất Khê nhưng đến sáng ngày 8-10, Le Page cũng đã bị các quân sĩ của Trung đoàn 88 Đại đoàn 308 bắt làm tù binh cùng với các sĩ quan tham mưu của mình.

Tính đến ngày 8-10, bộ đội Việt Minh đã loại khỏi vòng chiến đấu 8 tiểu đoàn quân Pháp, làm sụp đổ kế hoạch phòng thủ biên giới.

Trước nguy cơ Thất Khê sẽ lại bị tiêu diệt như Đông Khê, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã ra lệnh rút khỏi Thất Khê trong rối loạn và phải chịu những tổn thất nặng nề khi bị 4 tiểu đoàn của Đại đoàn 308 cùng toàn bộ Trung đoàn 174 (Cao Bắc Lạng) truy kích. Chiến dịch Biên giới mùa thu 1950 kết thúc thắng lợi giải phóng một khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập rộng 40.000km². Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên sau 4 năm kháng chiến giành thắng lợi. Nó có ý nghĩa chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh. Ta bước sang giai đoạn chiến lược phản công - tiến công. Pháp chuyển sang phòng ngự và dần mất quyền chủ động.

Về phía Pháp, phái đoàn thanh tra tại chỗ do Đại tướng Revers, Tổng tham mưu trưởng quân lực Pháp cầm đầu sang Đông Dương thị sát

cũng đã xác nhận tình hình khủng hoảng, bế tắc cả về chính trị và quân sự của quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Trận Biên giới được coi là một trận quan trọng trong lịch sử quân sự Việt Nam và quốc tế về phương diện chiến lược. Bộ sách Pháp *Những trận lớn trong lịch sử* (Socomer - Paris) đã dành 2 cuốn cho Điện Biên Phủ và bi kịch đường 4 như sau: "Đây là trận thua lớn nhất trong chiến tranh thuộc địa Pháp từ khi tướng Montcalm thua Anh và chết ở Canada năm 1759" (Theo Hữu Ngọc - Tháng 10 đến, nhớ đường số 4).

Đến ngày 17-10, Việt Minh chủ động kết thúc chiến dịch.

Dưới sự uy hiếp của bộ đội Việt Minh và sự hoang mang của bộ chỉ huy Pháp, đến ngày 22-10-1950, quân Pháp phải rút bỏ hoàn toàn khỏi các cứ điểm còn lại trên đường 4 như Thất Khê, Na Sầm, Đồng Lập, Lạng Sơn... với thiệt hại rất nặng về trang bị.

Sự phát triển của Nghệ thuật quân sự Việt Nam

Đây là chiến dịch đầu tiên mà bộ đội Việt Minh chủ động tấn công, làm thay đổi cục diện chiến trường: bắt đầu giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc bộ. Quân Pháp thất bại lớn cả về quân sự và chính trị, bị đẩy lùi vào thế phòng ngự bị động. Chiến dịch này có ý nghĩa bản lề quan trọng, là bước ngoặt của cuộc chiến tranh.

Đây cũng là lần đầu tiên ta thực hiện một kế hoạch tác chiến mới với tên gọi "Đánh điểm diệt viện". Có thể hiểu đó là nghệ thuật vây điểm, hay diệt điểm để kéo địch ra khỏi công sự. Đây là một giai đoạn hết sức quan trọng, có tác dụng mở màn, tạo thời cơ để thực hiện mục tiêu chủ yếu là đánh tiêu diệt lớn quân địch ngoài công sự. Vấn đề đặt ra là chọn đúng điểm, chọn đánh ở đâu để khi bị đánh, bị bao vây cô lập, địch nhất định phải điều quân ứng cứu, giải vây vào đúng thời điểm, thời gian ta đã chọn là một nghệ thuật rất cao.

Trong chiến dịch Biên giới, ta chọn đánh cứ điểm Đông Khê, buộc hai binh đoàn Le Page và Charton từ hướng Lạng Sơn, Cao Bằng về ứng cứu cho Đông Khê. Và ta chặn đánh địch trên đường chúng ứng cứu cho địa điểm bị quân ta đã chọn công kích trước đó.

Với đường lối chiến tranh đúng đắn kết hợp với nghệ thuật chiến tranh đạt tới đỉnh cao, cùng với sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt đã tạo nên chiến thắng to lớn ngoài dự kiến trong Chiến dịch Biên giới 1950.

Thắng lợi to lớn này đã mở ra một thời kỳ mới trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược - thời kỳ thế chủ động trên chiến trường hoàn toàn nằm trong tay quân đội cách mạng Việt Nam.

Bước ngoặt cơ bản của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và sự trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Theo nhận định của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Trải qua 29 ngày đêm chiến đấu vô cùng quyết liệt, anh dũng và mưu trí của quân và dân ta (16-9/14-10-1950), Chiến dịch tiến công Biên giới Thu - Đông 1950 đã giành được thắng lợi to lớn.

1. Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới mang tầm chiến lược, tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, thực dân Pháp đẩy mạnh việc củng cố hành lang Đông - Tây, đồng thời thực hiện kế hoạch mở rộng phạm vi chiếm đóng ở trung du và đồng bằng Bắc bộ, củng cố tuyến phòng thủ biên giới Đông Bắc. Yêu cầu chiến lược của ta lúc này là phá tan âm mưu phong tỏa biên giới phía Bắc của địch, mở đường giao lưu giữa nước ta với các nước anh em để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế. Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950 mở ra và giành được thắng lợi đã biến quyết tâm chiến lược trên đây thành hiện thực. Chiến thắng đó có ý nghĩa lịch sử to lớn, mang tầm chiến lược; là kết tinh sức mạnh tổng hợp của cả nước, thành quả của quân và dân ta suốt cả chặng đường 5 năm (1945-1950) chiến đấu trong vòng vây bốn bề của chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Trong chiến dịch này, ta đã thực hiện thắng lợi trọn vẹn mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra là giải phóng hoàn toàn khu vực biên giới từ thị xã Cao Bằng đến thị trấn Đình Lập (Lạng Sơn), một địa bàn chiến lược xung yếu, tạo nên một thế trận mới vững chắc. Căn cứ địa Việt Bắc - Thủ đô kháng chiến của cả nước được mở rộng và củng cố, trở thành vùng tự do an toàn. Đường giao thông quốc tế được mở rộng nối liền căn cứ địa Việt Bắc với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, qua đó đến Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu. Thế bị bao vây, cô lập của cuộc kháng chiến được khắc phục. Sự nghiệp "kháng chiến, kiến quốc" của ta có điều kiện thuận lợi để tiếp nhận sự viện trợ về vật chất, vũ khí, trang bị quân sự và học hỏi kỹ, chiến thuật của quân đội các nước anh em, tiếp thu lý luận, kinh nghiệm xây dựng xã hội mới theo nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thắng lợi này “làm cho toàn dân và toàn quân ta từ Nam chí Bắc vô cùng phấn khởi, tinh thần của quân và dân ta tăng lên một cách nhảy vọt. Mọi người qua thắng lợi đó đều thấy Đảng, Chính phủ, dân tộc mình, quân đội mình và chính mình đã lớn mạnh lên nhiều, rằng kháng chiến lâu dài không phải là vô hạn độ, triển vọng thắng lợi đã nhích lại gần chúng ta hơn trước nhiều, địch đã phải chịu thất bại chua cay và không thể huênh hoang như trước nữa!”¹

Với thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, cuộc kháng chiến của ta chuyển mạnh từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn.

Biên giới Thu - Đông 1950, đối với phía Pháp là một thất bại cay đắng. Giới cầm quyền và tướng lĩnh Pháp cũng phải thừa nhận rằng, thất bại của quân đội Pháp ở biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn trong Thu - Đông 1950 có ảnh hưởng quyết định đối với nửa cuối cuộc chiến tranh, tình thế cuộc chiến đã thay đổi theo hướng bất lợi cho quân Pháp. Trong số các đơn vị bị loại khỏi vòng chiến đấu, có 5 tiểu đoàn cơ động chiến lược, chiếm 55% lực lượng cơ động chiến lược của địch ở Bắc bộ (5/9 tiểu đoàn), 41% lực lượng toàn Đông Dương (5/12 tiểu đoàn). Thất bại đó gây hiệu ứng dây chuyền, quân Pháp không chỉ phải rút khỏi toàn bộ Liên khu Biên giới Đông Bắc, mà còn phải rút khỏi các vùng quan trọng khác như Lào Cai, Hòa Bình, Thái Nguyên v.v...; thậm chí phía Pháp phải báo động toàn vùng Bắc Bộ và bàn tính đến chuyện rút lui chiến lược về cố thủ từ miền Trung trở vào.

Thất bại đó đã làm phá sản âm mưu “khóa chặt biên giới Việt - Trung” hòng cô lập cách mạng Việt Nam với các nước anh em; tuyến phòng thủ Liên khu Biên giới Đông Bắc bị xóa bỏ, “hành lang Đông - Tây” bị chọc thủng, chủ trương phòng thủ Đông Dương theo “Kế hoạch Rơ-ve” của Pháp tiêu tan.

Sau thất bại ở Biên giới, quân Pháp lâm vào tình thế khó khăn, mất quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc bộ. Tâm lý lo lắng về thất bại trên chiến trường không chỉ diễn ra trong đội quân viễn chinh

¹ Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, *Yếu tố tinh thần của Quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, trong cuốn *Điện Biên Phủ - Trận thắng thế kỷ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.600.

Pháp mà ngày càng lan tràn đến giới cầm quyền chính trị và quân sự Pháp. Tại nước Pháp, phong trào đấu tranh chống “cuộc chiến tranh bẩn thỉu” của thực dân Pháp ở Đông Dương ngày càng dâng lên mạnh mẽ. Nhiều nghị-sĩ trong Quốc hội Pháp lên tiếng công kích Chính phủ theo đuổi cuộc chiến tranh phi nghĩa, hao người, tốn của ở Đông Dương. Cao ủy, Tổng chỉ huy và các tướng lĩnh Pháp ở Đông Dương mâu thuẫn và tranh cãi quyết liệt về vấn đề tập trung hay phân tán lực lượng để chiếm giữ đất đai, bình định vùng chiếm đóng, giữa giữ đất, giành dân với thu hẹp phạm vi chiếm đóng để bảo toàn lực lượng.

Lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, trót “đâm lao phải theo lao”, thực dân Pháp phải tăng thêm quân cho chiến trường Đông Dương, triệu hồi Cao ủy Phi-nông (Pignon) và Tổng chỉ huy, tướng Các-păng-chi-ê (Carpentier) về nước và cử tướng Đờ Lát-đờ Tát-xi-nhi (De Latre de Tassigny) sang Đông Dương kiêm luôn cả chức Cao ủy lẫn Tổng chỉ huy. Không những thế, Pháp phải cầu viện Mỹ về vũ khí và phương tiện chiến tranh và chính vì vậy, Pháp phải thỏa hiệp, nhượng bộ quyền lợi cho Mỹ, để Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương, điều mà Pháp không muốn nhưng buộc phải làm.

Có thể nói, Chiến dịch Biên giới mở ra và giành được thắng lợi đã đáp ứng kịp thời những yêu cầu cấp thiết về chiến lược, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ ta giành, giữ và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc bộ, liên tục tiến công địch, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng lớn và giải phóng nhiều vùng đất đai quan trọng, tạo được thế trận mới.

2. Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sau 6 năm kể từ ngày thành lập (22-12-1944) đến Thu - Đông năm 1950, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã lớn mạnh không ngừng trên mọi phương diện và đã giành được nhiều chiến công xuất sắc. Chiến thắng Biên Giới đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của Quân đội ta về nhiều mặt, đặc biệt là về nghệ thuật chiến dịch, chiến thuật. Từ những đợt hoạt động, những chiến dịch nhỏ, đến chiến dịch Biên giới, lần đầu tiên ta mở chiến dịch tiến công quy mô lớn, tập trung tới 4,5 vạn người, kể cả bộ đội và dân, trong thời gian gần một tháng. Đây là chiến dịch lớn, hiệp đồng một số

binh chủng, tiến công vào hệ thống phòng ngự mạnh của địch trên tuyến dài gần 100km. Trong chỉ đạo, ta đã đề ra phương châm tác chiến chiến dịch đúng, lựa chọn chính xác hướng tiến công chủ yếu, kiên quyết và khéo léo tập trung ưu thế binh, hỏa lực, tạo thế trận đánh hiểm, có cách đánh sáng tạo và có hiệu quả. Chiến dịch Biên giới là một điển hình về đánh vận động, truy kích, nghệ thuật đánh điểm, diệt viện và đánh tiêu diệt trong nghệ thuật tác chiến của quân đội ta. Thành công đó đánh dấu bước trưởng thành của quân đội, chứng tỏ trình độ chỉ huy, kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội ta có sự tiến bộ vượt bậc. Bộ đội ta đã tác chiến tập trung với quy mô lớn hơn so với trước, tiêu diệt được tiểu đoàn địch trong công sự vững chắc và binh đoàn địch trong đánh vận động. Ta đã giữ quyền chủ động trong suốt quá trình chiến dịch, chuyển hóa thế trận tốt, xử lý tình huống tập trung, chia cắt tiêu diệt từng bộ phận dẫn tới tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch trên toàn chiến trường. Bên cạnh đó, trong điều kiện phải chiến đấu dài ngày, tình huống diễn biến mau lẹ, chiến dịch diễn ra trên địa bàn rộng lớn, địa hình phức tạp, nhưng công tác bảo đảm hậu cần, bảo đảm vũ khí đạn dược, thông tin liên lạc, cứu chữa và chăm sóc thương bệnh binh, v.v... vẫn được đảm bảo.

Không chỉ bó hẹp trên chiến trường biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn, Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950 cho thấy sự chỉ đạo tác chiến đã phát triển lên tầm cao mới. Khi bộ đội ta tiến công địch ở mặt trận chính Cao Bằng, Lạng Sơn thì lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương từ Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, cả Liên khu 3, Bình Trị Thiên, Nam Trung bộ đến Nam bộ đều đẩy mạnh các hoạt động phối hợp tiến công địch, "chia lửa" với hướng tiến công chính, buộc chúng phải căng kéo, dàn mỏng lực lượng đối phó ở khắp nơi.

Chính kẻ địch cũng thừa nhận Quân đội Nhân dân Việt Nam đến cuối năm 1950 đã "có một phương châm tác chiến vững vàng, điều khiển các trận đánh kế tiếp nhau, gắn bó với nhau một cách mạch lạc và làm cho quân Pháp không kịp thở trên một chính diện rộng lớn từ Đông Khê đến Thất Khê"¹. Trong quá trình Chiến dịch Biên giới, bộ đội ta đã "thực sự làm chủ tình thế, thay đổi bố trí ban đầu rất nhanh, hướng sự cố gắng

¹ Marchand, *Thảm kịch Đông Dương*.

vào sự bao vây tiêu diệt quân Pháp”¹. Với cuộc chiến đấu trên đường số 4, Cao Bằng - Lạng Sơn trong Thu - Đông 1950, bộ đội ta “tổ ra là một quân đội hiện đại, căn cứ vào hình thức tác chiến cũng như sức mạnh trong chiến đấu”².

Sau chiến thắng Biên giới, phát huy thế chủ động chiến lược giành được trên chiến trường chính Bắc bộ, Bộ Tổng tư lệnh tập trung các trung đoàn chủ lực, thành lập 3 đại đoàn bộ binh (312, 316, 320) và Đại đoàn công pháo 351; liên tiếp tổ chức, chỉ huy các chiến dịch tiến công quy mô lớn ở trung du và đồng bằng, miền núi Bắc bộ. Đáng kể là: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (25-12-1950/18-1-1951), tiến công địch ở trung du Bắc bộ, từ Đông Việt Trì, Vĩnh Yên, Phúc Yên đến Tây sông Cầu; Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (23-3/7-4-1951), tiến công vào tuyến phòng thủ của Pháp trên đường số 18 từ Phả Lại đến Uông Bí; Chiến dịch Quang Trung (28-5/20-6-1951) tiến công vào phòng tuyến sông Đáy của quân Pháp từ Nam Phủ Lý (Hà Nam) đến Yên Mô (Ninh Bình); Chiến dịch Lý Thường Kiệt (29-9/31-10-1951), tiến công địch ở Nghĩa Lộ (Yên Bái); Chiến dịch Hòa Bình cuối 1951 đầu 1952, tiến công địch ở khu vực thị xã Hòa Bình - Sông Đà - Đường số 6, v.v... đồng thời đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trên khắp chiến trường Bắc, Trung, Nam và toàn Đông Dương.

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 thực sự là bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta, tạo nên tảng, cơ sở để LLVT ta cùng toàn Đảng, toàn dân giành được thắng lợi to lớn hơn trong giai đoạn tiếp theo của cuộc kháng chiến, mà quan trọng là trong Đông Xuân 1953-1954, với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

Sau những năm chiến đấu giữa vòng vây của quân thù, Chiến dịch Biên giới mở ra và giành thắng lợi đã góp phần quyết định đưa sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta bước sang một giai đoạn mới. Nói cách khác, chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 mang tầm vóc và ý nghĩa chiến lược đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đánh dấu bước thất bại chiến lược của địch; là bước ngoặt, mang lại thế và lực mới cho cuộc kháng chiến, đánh dấu sự trưởng thành của Quân đội ta. Đảng ta khẳng định: “Đi qua Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch Trung du, quân đội ta đã

¹ Marchand, *Thăm kịch Đông Dương*.

² Marchand, *Thăm kịch Đông Dương*.

tiến bộ vượt bậc trên con đường từ du kích chiến, chuyển sang chính quy chiến. Do vận động chiến đã được đẩy mạnh, sự quan trọng của vận động chiến trên chiến trường Bắc Bộ đã được đưa lên ngang hàng với du kích chiến”¹.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã chứng minh tính đúng đắn đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính mà Đảng ta đã vạch ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến. Với tinh thần “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, trong suốt những năm “chiến đấu trong vòng vây”, chúng ta đã nỗ lực xây thế và lực cho cuộc kháng chiến, xây dựng quân đội ngày càng vững mạnh, đủ sức tiến hành và giành thắng lợi trong những trận đánh lớn làm xoay chuyển cục diện tình hình có lợi cho ta. Bài học về phát huy nội lực, xây dựng thực lực kháng chiến, xây dựng quân đội để làm nên chiến thắng Biên giới vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Kỷ niệm 60 năm chiến thắng Biên giới (1950/2010) diễn ra trong bối cảnh đất nước ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X, hướng tới Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI. Đây là dịp chúng ta ôn lại chiến công vẻ vang của dân tộc, tôn vinh các anh hùng liệt sĩ, những người con của đất nước đã cống hiến máu xương, tuổi xuân, công sức, trí tuệ cho sự toàn thắng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, khơi dậy niềm tự hào, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Đại tướng Phùng Quang Thanh (Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN THUẬT ĐÁNH ĐIỂM DIỆT VIỆN TRONG CHIẾN DỊCH ĐÔNG KHÊ 1950

Đánh điểm diệt viện là một chiến thuật truyền thống của quân đội ta bắt nguồn từ trận đánh Đông Khê trong chiến dịch Biên giới 1950.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, 1951, NXB CTQG, Hà Nội, 2001, tr.271.

Đòn điểm huyết

Năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp đã bước sang năm thứ 5, trên chiến trường quân Pháp vẫn ở thế bị động. Và để lấy lại thế chủ động, Pháp thực hiện tăng cường hệ thống phòng ngự đường số 4, khoá biên giới Việt - Trung.

Những âm mưu này là nhằm: cô lập căn cứ địa Việt Minh với bên ngoài, thiết lập hành lang Đông - Tây, cô lập Việt Bắc với đồng bằng Bắc bộ, chuẩn bị lực lượng để tấn công Việt Bắc lần 2 để tiêu diệt đầu não Việt Minh.

Để phá thế bị bao vây cô lập, quân đội ta quyết tâm phá tan hệ thống phòng thủ trên đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng của giặc Pháp. Theo hội ý của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ban đầu cơ quan tham mưu của ta dự định mục tiêu tấn công là thị xã Cao Bằng.

Nhưng khi đi trinh sát thực địa, bộ đội ta thấy rằng lực lượng địch đóng ở Cao Bằng có tới 2 tiểu đoàn với hỏa lực rất mạnh cộng với địa hình hiểm trở thuận lợi cho phía phòng thủ, bất lợi cho người tấn công. Bộ đội ta cho đến lúc đó vẫn chưa đánh công kiên vào một mục tiêu nào lớn như thế.

Tuy nhiên, cách Cao Bằng về phía đông nam 30km, cụm cứ điểm Đông Khê chỉ có 2 đại đội trấn giữ. Cũng phải nói thêm, quân Pháp phòng thủ dọc đường số 4 với lực lượng binh lực và hỏa lực rất mạnh nhưng có nhược điểm là các cứ điểm phòng thủ cách nhau xa hàng chục km. Cứ điểm ăn sâu nhất vào hậu phương của ta chính là căn cứ ở thị xã Cao Bằng.

Bên dưới Cao Bằng, dọc theo đường số 4 là cứ điểm Đông Khê. Cách Đông Khê 20km là cứ điểm Thất Khê do 1 đại đội chốt giữ. Với địa thế và cách bố trí như thế, nếu mất Đông Khê, quân Pháp phải lập tức rút khỏi Cao Bằng để tránh bị bao vây tiêu diệt hoặc tăng cường quân viện đến chiếm lại Đông Khê. Trong cả hai trường hợp, ta đều có điều kiện đánh vận động chiến tiêu diệt quân địch đã ra khỏi công sự.

Sau khi phân tích kỹ tình hình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi mục tiêu từ Cao Bằng sang Đông Khê. Lực lượng chính tham chiến của ta gồm 5 trung đoàn với 3 trung đoàn của Đại đoàn 308 và 2 trung đoàn độc lập 174 và 209.

Sáng 16-9, hai trung đoàn 174 và 209 nhận lệnh nổ súng tiến công cứ điểm Đông Khê. Trung đoàn 174 là đơn vị chủ công đánh hướng Bắc và Đông Bắc. Trung đoàn 209 giáp công từ hướng Đông Nam. Đến 9h, trung đoàn 174 chiếm được một số vị trí tiền tiêu nhưng ở phía Đông - Nam, trung đoàn 209 hành quân lạc đường nên không kịp bố trí trận địa tiến công. Quân Pháp dựa vào công sự vững chắc phòng thủ và cho máy bay ném bom vào đội hình tiến công của quân ta.

Suốt đêm 16, hai trung đoàn quân ta mở nhiều đợt tấn công nhưng chỉ chiếm được thêm một vài vị trí. Sang ngày 17, trung đoàn 174 đề nghị cho đổi hướng tiến công sang hướng đông vì hướng Bắc địch đang tập trung hỏa lực đối phó.

Sau khi pháo binh chế áp các mục tiêu một mũi tiến công của 174 chiếm đầu cầu phía đông pháo đài, mũi ở phía bắc chiếm nhà thương, thọc sâu đến lô cốt số 7 thì bắt liên lạc được với 1 tiểu đoàn của 209 cùng phối hợp đánh vào sau lưng pháo đài. Bộ binh các hướng phối hợp nhịp nhàng cùng tiến công vào đồn lớn.

Đến 4h30 ngày 18-9-1950, bộ đội ta đánh vào sở chỉ huy Đông Khê bắt sống viên đại úy đồn trưởng và các sĩ quan tham mưu. 10h, trận đánh kết thúc thắng lợi, địch chết và bị bắt 300 tên, một số tên chạy thoát về Thất Khê.

“Thảm họa Cao Bằng”

Quá đúng như dự liệu của quân ta, sau khi mất Đông Khê, địch ở Cao Bằng chơ vơ. Tướng Carpentier - Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ra lệnh rút hết quân khỏi Cao Bằng. Trên mặt trận Biên giới, quân Pháp điều 1 binh đoàn gồm 3 tiểu đoàn do trung tá Le Page chỉ huy được không vận từ Lạng Sơn đến Thất Khê rồi hành quân lên tái chiếm Đông Khê để mở lại đường số 4 đồng thời thu hút quân ta.

Mặt khác, toàn bộ quân đồn trú ở Cao Bằng dưới sự chỉ huy của Trung tá Charton từ Cao Bằng tiến về Đông Khê để gặp binh đoàn của Le Page, sau đó hai lực lượng này sẽ bảo vệ cho nhau để rút về Lạng Sơn.

Cẩn thận hơn, Carpentier cho mở một cuộc hành quân đánh lên Thái Nguyên hòng thu hút lực lượng chủ lực ta để quân ở Cao Bằng rút an toàn. Nhưng tất cả đã quá muộn, cuộc hành binh đánh lên Thái Nguyên từ sớm đã được quân ta dự liệu nên đã bố trí sẵn lực lượng chặn đánh. Trên đường số 4,

hai binh đoàn của Charton và Le Page không bao giờ có thể gặp được nhau vì đại đoàn 308 của ta đã lập các trận địa phục kích chờ đợi từ đầu chiến dịch.

Ngày 1-10, binh đoàn của Le Page tiến gần Đông Khê thì lập tức bị các đơn vị của 308 và trung đoàn 209 chặn đánh quyết liệt. Liên tiếp đến ngày 4-10, binh đoàn này đã bị thiệt hại nghiêm trọng và bị dồn vào thung lũng Cốc Xá cách Đông Khê 6km về phía tây nam.

Ngày 2-10, binh đoàn Charton cũng bắt đầu rút về Đông Khê để hội quân với Le Page. Tuy nhiên, nó đã bị trung đoàn 209 chặn đánh liên tục. Đến ngày 6-10, binh đoàn Charton và Le Page gặp nhau ở Cốc Xá. Lập tức, đại đoàn 308 vây chặt thung lũng này và bắt đầu mở cuộc tấn công vào. Quân Pháp nằm chịu trận dưới sức mạnh của hỏa lực từ các điểm cao của quân ta từ xung quanh bắn vào.

Đến ngày 8-10, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 8 tiểu đoàn quân Pháp, trong đó có gần 6.000 quân của cả 2 binh đoàn, chỉ có 1.388 người chạy thoát được về Thất Khê và Lạng Sơn. Hai trung tá chỉ huy đều bị bắt làm tù binh. Kế hoạch rút lui của Pháp thất bại hoàn toàn. 1 tuần sau đó là thời gian quân Pháp rút quân khỏi toàn bộ hệ thống phòng thủ trên đường số 4 trong tình cảnh bị quân ta truy kích sát nút. Sau chiến tranh, các tướng lĩnh Pháp nói về sự kiện này đều dùng cụm từ "thảm họa Cao Bằng".

Biết cũng khó tránh

Chiến dịch Biên giới với "chìa khóa" - trận đánh Đông Khê là minh họa tiêu biểu cho chiến thuật đánh điểm diệt viện. Chiến thuật này còn được quân ta sử dụng lại nhiều lần nữa, mỗi lần lại có nét sáng tạo riêng mặc dù vẫn dựa trên tư tưởng chủ đạo là đánh điểm diệt viện. Một loạt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ như chiến dịch Ba Gia, chiến dịch Plei - me, chiến dịch Sa Thầy... đều áp dụng thành công chiến thuật này và giành thắng lợi.

Chiến thuật này được quân đội ta áp dụng nhuần nhuyễn đến mức thành sở trường, nghệ thuật. Chính tướng Westmoreland - Tư lệnh quân Mỹ tại Nam Việt Nam cũng phải thừa nhận điều này trong "Tường trình của một quân nhân".

"Phục kích là chỗ mạnh của Việt cộng và là chỗ yếu của quân đội Nam Việt Nam. Bằng phục kích, trong nhiều dịp Việt cộng đã tiêu diệt nhiều đại đội của quân đội Nam Việt Nam... Một chiến thuật thông thường

của Việt cộng là đánh vào một tiền đồn của quân đội Nam Việt Nam rồi nằm chờ lực lượng dự bị của quân Nam Việt Nam hành quân đường bộ đến cứu tiền đồn đó”, Westmoreland viết.

(Theo *Kienthuc.net.vn*)

CHIẾN DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO: MỞ LỐI CHO CÁCH ĐÁNH VẬN ĐỘNG CHIẾN

Ngay từ đầu năm 1950, Ban thường vụ trung ương Đảng ta đã xác định: Đánh dần Trung du, củng cố căn cứ địa chính là nhiệm vụ thiết thực của quân và dân ta. Vì cùng với khu vực sông Đáy ở phía tây nam, Trung du đã thật sự trở thành tuyến phòng thủ chủ yếu của địch, là bàn đạp thuận tiện để chúng tập trung lực lượng binh khí kỹ thuật tiến công uy hiếp Việt Bắc.

Được Trung ương phê chuẩn, cuối tháng 9-1950 Bộ Tổng tư lệnh quyết định gấp rút mở chiến dịch Trần Hưng Đạo (còn gọi là chiến dịch Trung du) tiến công địch ở Trung du. Mục đích: Tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng khu lương thực, phát triển du kích chiến tranh, phá kế hoạch củng cố, tạo điều kiện mới để tiêu diệt sinh lực của địch nhiều hơn nữa. Tuân thủ theo nguyên tắc: Trước chia lực lượng đánh nhỏ, sau tập trung đánh to, góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn. Áp dụng cách đánh bôn tập, chuẩn bị sẵn từ xa cơ động tới đánh nhanh, giải quyết nhanh rồi rút ngay. Mọi công tác bảo đảm phục vụ chiến dịch được Tổng cục Cung cấp gấp rút triển khai. Một hệ thống kho tàng, bệnh viện dã chiến bố trí trên tất cả các hướng tiến công, tổ chức 3 bệnh viện, đội điều trị trên cả 3 hướng của chiến dịch, nhiều kho gạo nhỏ được đưa sát khu vực dự kiến trận địa. Hơn 300 bác sĩ, y tá cứu thương được huy động. Trên dưới cùng một quyết tâm: Chiến dịch này phải giáng một bài học nhớ đời cho quân xâm lược.

Tất cả các đơn vị đều nhận lệnh trực tiếp từ Bộ chỉ huy. Lực lượng trên hướng chủ yếu là hai Đại đoàn 308, 312 và 3 liên đội sơn pháo 75. Hướng phụ (đông bắc) có hai trung đoàn 174 và 98. Khu vực Liên khu 3 giao cho hai Đại đoàn 320, 304 hoạt động ở vùng Ninh Bình và Sơn Tây... Trước mắt 308 tiêu diệt 4 vị trí: Hữu Bằng, Tú Tạo đồi Cà Phê và Chợ Thá. Đại đoàn 312 trên hướng thứ yếu, diệt bằng được hai đồn Chợ Vàng

và Ba Huyền. Trên các hướng phối hợp, tại khu duyên hải đông bắc, trung đoàn 174 và 98 phải xoá sổ hai cứ điểm Bình Liêu và Hoàn Mô...

Theo kế hoạch đợt 1 dự kiến nổ súng vào ngày 26, bộ đội đang bí mật vào các vị trí ém quân. Nhưng thật bất ngờ ngày 25, binh đoàn cơ động số 3 (GM3) của địch đột ngột tổ chức 3 tiểu đoàn mở cuộc hành quân Bê-cát-sin đánh lên 3 vị trí Xuân Trạch, Liễn Sơn, Thẩn Sơn thuộc Vĩnh Yên (đúng vào khu vực tập kết của Đại đoàn 312). Tuy bị bất ngờ, song thế trận không gây đảo lộn lớn, 312 đã kịp thời nhận lệnh phải chặn đánh bằng được cuộc hành quân này để mở màn chiến dịch, bộ đội cũng đã chuẩn bị xong và sẵn sàng nổ súng. 5 giờ sáng ngày 27, Đại đoàn 312 phát lệnh tiến công, chỉ trong vòng 15 phút bộ đội 312 đã bí mật vây chặt mục tiêu. Sau 2 đợt tiến công quyết liệt bộ đội 312 đã hoàn toàn làm chủ khu vực này. Diệt gọn nguyên một tiểu đoàn địch, bắt sống 240 tù binh có một tên đại úy tiểu đoàn trưởng. Trên hướng chủ yếu, 3 đêm liền (27, 28, 29-12) Đại đoàn 308 lần lượt tiêu diệt 5 vị trí: Tú Đạo, đồi Cà Phê, Hữu Bằng, Thẩn Làn và Yên Phụ. Điều đặc biệt là khi tiến công các vị trí này các đơn vị thuộc Đại đoàn 308 đều dùng hình thức "Bôn tập". Bộ đội vận động trên 10km, vừa hành quân vừa chuẩn bị, khi tiếp cận mục tiêu thực hành đánh rất nhanh, giải quyết nhanh rồi rút ngay trong đêm. Ở hướng phối hợp Duyên hải, hai trung đoàn 174, 98 cũng đã diệt gọn cứ điểm Bình Liêu khoảng 300 tên. Tổ chức đánh viện ngay trên đường 18, làm cho địch phải co về lập khu đề kháng ở Tiên Yên để cố thủ.

Thực hành tiến công đợt 2, Đại đoàn 312 được giao nổ súng tiến công Bảo Chúc để thu hút viện binh. Hai trung đoàn 98 và 174 đánh Cẩm Ly, Đông Kế để nghi binh địch. Trên hướng chính trung đoàn 141 được giao đánh đồn Ba Huyền, đây là một cứ điểm rất mạnh tiền đồn phía bắc của thị xã Vĩnh Yên, do 5 trung đội (có 3 trung đội lính Âu - Phi) chiếm giữ. Các lực lượng còn lại lần lượt đánh chiếm các bốt: Tâm Lộng, Quất Lưu, Mậu Thông, Mậu Lâm rồi áp sát xuống trục đường số 2. Thắng lớn của ta trên khu vực Vĩnh Yên lập tức gây náo động tới Hà Nội. Ngay hôm sau chúng điều GM1 từ Lục Nam lên, thả một tiểu đoàn dù xuống để hỗ trợ. Lực lượng này lập tức bị 308 tổ chức phục kích đánh chặn. Cuộc chiến ở đây diễn ra vô cùng ác liệt, địch dùng cả bom napan loại bom cháy mới được Mỹ viện trợ để chống trả. Sau nhiều lần tổ chức quyết lấy lại thị xã Vĩnh Yên, chúng tăng cường tới đây hai binh đoàn cơ động (GM1, GM3) chia làm 3 cánh đánh chiếm khu

vực Núi Đanh, một dãy điểm cao có giá trị ở phía bắc và đông bắc thị xã. Nắm được ý đồ của địch, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định hai trung đoàn 88, 36 thuộc đại đoàn 308 cùng trung đoàn 209 của 312 tập trung đánh tại đây chặn đứng đường rút lui của chúng về thị xã. Tạo điều kiện cho bộ đội từ các hướng thu quân kết thúc chiến dịch.

Hơn 20 ngày tham chiến ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 5 nghìn tên, bắt sống gần 3 nghìn, đánh thiệt hại nặng 6 tiểu đoàn, diệt 30 vị trí, thu hàng nghìn súng, pháo, máy VTĐ... ý nghĩa lớn hơn cả là ta đã giải phóng được một phần phía bắc tỉnh Vĩnh Yên - Phúc Yên ở Trung du và hai huyện Bình Liêu, Hoàn Mô ở Đông Bắc. Chiến dịch Trần Hưng Đạo được coi như một bước tiến mới cả về chỉ đạo, tổ chức chuẩn bị và thực hành chiến đấu. Vừa tổ chức tiến công đồng loạt các căn cứ theo kế hoạch, vừa nhanh chóng chớp thời cơ tập trung lực lượng diệt các cụm lớn quân địch tạm dừng hoặc phòng ngự lâm thời ngoài căn cứ. Đây là chiến dịch đầu tiên ta sử dụng cùng một lúc cả 2 đại đoàn tác chiến ở vùng đồi núi thấp, nơi địch có điều kiện và ưu thế phát huy hỏa lực ở chiến trường rừng núi. Tạo điều kiện cho bộ đội ta tăng thêm một bước quan trọng về khả năng tác chiến ở cả hai cách đánh công kiên (đánh địch trong công sự), và vận động (đánh địch ngoài công sự); cả đánh đêm và đánh ngày; cả trong điều kiện phải thường xuyên đối phó với phi pháo của địch ở địa hình trống trải. "Chiến dịch Trần Hưng Đạo là một thắng lợi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, một bước tiến vững chắc của bộ đội ta về kỹ thuật, chiến thuật và tinh thần chiến đấu... Một bước thành công như việc mở lối trên con đường tiến tới cách đánh vận động chiến của quân đội ta..".

Nguyễn Ngọc Lan (Báo Quân đội nhân dân)

SỞ CHỈ HUY CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP TRONG CHIẾN DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO 1950-1951

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Sở Chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được bố trí ở nhiều nơi khác nhau, nhằm bảo đảm các yếu tố bí mật quân sự và thuận lợi chỉ đạo. Đã có lúc Tam Đảo được chọn làm Tổng hành dinh. Dù thời gian đóng quân và làm việc ở Tam Đảo không lâu nhưng tại đó Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Đảng ủy chiến

dịch Trần Hưng Đạo đã trực tiếp ra những mệnh lệnh chỉ huy chiến dịch và có những kỉ niệm khó quên về vùng đất và nhân dân Trung du.

Trở lại lịch sử, trong kế hoạch tác chiến Thu - Đông 1950 Bộ Tổng tham mưu đã xác định sau chiến dịch Biên giới (Lê Hồng Phong 2) sẽ mở tiếp chiến dịch mới ở Trung du. Việc mở chiến dịch mới ở hướng Trung du được Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch dự kiến sớm. Vào cuối tháng 9-1950 Bộ đã cử cán bộ xuống phối hợp với Liên khu Việt Bắc tiến hành chuẩn bị chiến trường. Sau khi chiến dịch Biên giới kết thúc, cơ quan lại cử thêm cán bộ xuống Liên khu Việt Bắc để tăng cường công tác chuẩn bị.

Việc cấp trên quyết định mở chiến dịch ở hướng Trung du là điều hợp lý lúc này không những nằm trong dự kiến kế hoạch mà chiến trường Trung du đã được chuẩn bị, thuận lợi cho việc cơ động lực lượng và bảo đảm hậu cần, lại là chiến trường rất quen thuộc với Bộ Tư Lệnh nói chung và Bộ Tổng tham mưu nói riêng. Ngày 18-11-1950 Đảng ủy chiến dịch họp lần đầu nghe Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình công tác chuẩn bị, tình hình địch và phương án tác chiến. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Thường vụ Trung ương làm Bí thư; Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Trung ương; Chu Văn Tấn, Ủy viên Trung ương; Trần Hữu Dực; Phó Chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị; Đào Văn Trường, Phó Tổng Tham mưu trưởng.

Ngày 15-12-1950, Đảng ủy chiến dịch họp tại xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên để kiểm điểm thêm về công tác chuẩn bị, đề ra công việc phải hoàn thành, đồng thời triệu tập hội nghị giao nhiệm vụ cho các đại đoàn ở hướng chủ yếu. Một số Bí thư Tỉnh ủy và Tỉnh đội trưởng các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc và Thái Nguyên được mời dự họp.

Thời gian mở chiến dịch dự kiến ngày 25-12-1950. Các mặt trận phối hợp và bộ đội địa phương, dân quân du kích hoạt động từ 25-12-1950. Sau khi giao nhiệm vụ, Sở Chỉ huy chuyển về xã Quân Chu, huyện Đại Từ, dưới chân núi Tam Đảo. Tại đây Ban Quản lý hành chính đã xây dựng thêm nhà cửa, hầm hào và Ban Thông tin đã bố trí mạng điện thoại trực tiếp với cơ quan Tham mưu hậu phương ở vùng Chợ Mới Bắc Cạn giúp cho bộ đội phía trước và phía sau liên hệ chặt chẽ với nhau, nắm vững diễn biến của chiến dịch và các mặt trận phối hợp.

Đợt 1 kết thúc vào 30-12-1950, cơ quan Tham mưu tiến hành sơ kết đợt 1 và chuẩn bị đợt 2 Chiến dịch.

Phương án đợt 2 dự kiến như sau:

- Hướng chính: Vĩnh Phúc;
- Hướng phụ: Bắc Giang, Bắc Ninh;
- Hướng phối hợp: Liên khu 3 và các chiến trường khác;

Ngày 10-1-1951, cơ quan Tham mưu chiến dịch đã tổ chức hội nghị giao nhiệm vụ cho các đơn vị ở hướng chính tại Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi giao nhiệm vụ, đồng chí Tổng Tham mưu trưởng trở về hậu phương để chỉ đạo các mặt trận phối hợp. Chỉ huy sở chiến dịch được tổ chức lại gọn nhẹ gồm các cán bộ thật cần thiết và ngày 12-1-1951 Chỉ huy sở hành quân bộ lên Tam Đảo. Thị trấn Tam Đảo theo kế hoạch tiêu thổ kháng chiến trước đây đã bị phá hủy. Sở Chỉ huy dựa vào các căn hầm còn lại ở khu nghỉ mát của viên Toàn quyền và các biệt thự cũ.

Những tư liệu trên được trích từ *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)* (Bộ Tổng Tham mưu - Ban Tổng kết biên soạn lịch sử - Hà Nội 1991, tr.419- 441).

Ngoài ra còn có một số ghi chép của Đại tướng Võ Nguyên Giáp liên quan đến sự kiện này. Đó là những ghi chép quan trọng và cảm động về những ngày giáp Tết Tân Mão 1951 của Đại tướng trên đất Vĩnh Phúc:

“Ngày 27-12-1950: Tại một địa điểm ở tiền tuyến vừa di chuyển tới ba hôm nay.

Đã gần 1 giờ đêm rồi.

Theo quyết định thì lúc này cuộc tiến công ở Trung du đã bắt đầu. Ngược gió, các tiếng súng đại bác nghe xa và rồi lại súng địch, hay súng ta phân biệt không rõ. Báo cáo của các đơn vị chưa về đến. Anh em tác chiến đang dôn đốc.

Alô, alô, reng không ngớt tiếng chuông điện thoại.

Suốt ngày hôm nay hết sức rộn rịp...”

“... Sáng 26, quân ta đã tấn công Bình Liêu, cứ điểm có độ 300 địch ở Đông Bắc. Cuộc tấn công bắt đầu vào lúc 2h sáng, đến 1 giờ trưa đã chiếm được đồn to. Rất có thể chiều qua đã giải quyết. Đang nóng ruột tin thắng lợi giòn giã để truyền đi cho khắp chiến trường.

Điện thoại lại gọi, tiếng đại bác và đại liên, trung liên đã nổ ở mạn Đa Phúc, quân ta đã tấn công vào các vị trí địch ở mạn Đa Phúc, phía ta từng loạt đại bác nổ liên tiếp. Ngày hôm qua, trong Ban Chỉ huy rộn rịp như 30 Tết.

Tôi làm việc suốt ngày, đôn đốc, kiểm tra nơi này, nơi kia, thông tin, điện đài, tác chiến thất. Đêm hôm nay tương tự như một đêm Giao thừa. Giá quân ta thắng to thì ngày mai sẽ có không khí ngày Tết, rộn rịp phấn khởi hơn ngày Tết, chỉ thiếu mít, bánh, nước trà ướp sen...”

“Suốt ngày 26, tiếng súng địch đã nổ ở mạn Lập Thạch, quân ta đã giao chiến và đã tiêu diệt một bộ phận phía bên đó cũng thấy ngày xuân ngày mai sẽ làm cho mùa đông có vẻ tươi thắm lắm...”.

“Địa điểm Ban chỉ huy ngộ lắm kiến trúc hơn cả vùng địa điểm cũ của ta. Tôi với anh Tấn cùng ở một ngôi nhà bé nhỏ, xinh. Trong phòng có một cái bàn con hiện đang ngồi làm việc, một chiếc giường con gọn ghẽ, một cái tủ như ở đằng xuôi, trên tường là địa đồ Bản đồ của toàn tuyến Trung du đến duyên hải. Cạnh nhà có hầm phòng không rất là kiên cố. Hầm sâu, trong có chỗ làm việc. Đây là một công trình do công binh xây dựng...”.

Chiến dịch Trung du - ngày 2/1/1951:

“Thực ra rộn rịp về Tết thì chỉ được một phần, còn rộn rịp về chuẩn bị tác chiến thì tấp nập hơn.

Anh em đi các mặt trận về kể rất nhiều chuyện lý thú. Tại các nơi báo cáo về cũng lắm chuyện. Những chiến sĩ vệ quốc, những đội viên, anh binh nhì vẫn là những người anh dũng, gian khổ, ngộ lắm.

Lần này hành quân toàn đi đêm suốt 12 đêm, đến là đánh liền, không được nghỉ ngơi. Thế mà anh em vẫn không kêu ca. Mất buồn ngủ riu lại nhưng chân vẫn chạy, cấp hành quân có anh đang hành quân ngã té xuống hố rồi nằm ngủ luôn để đến lúc bừng tỉnh dậy mới biết bộ đội đã đi xa.

Nhiều anh em, trung đội nào cũng có, lúc đã tiến sát đồn giặc, trong lúc đợi đại bác bắn xong để xung phong cũng lợi dụng mấy phút đợi chờ mà ngủ khi chỉ có lệnh mới tỉnh dậy xung phong. Sau 3, 4 hôm tác chiến, nguyện vọng lớn lao nhất của anh em là ngủ cho no mắt. Chỉ mong được ngủ một đêm để hôm sau lại đi đánh.

Dân trong vùng hôm nay cũng rộn rịp, tấp nập. Đêm 26, khi mới nghe tiếng súng nổ, nhiều nơi ở Thái Nguyên đã bảo nhau: “A, chiến dịch

đã nổ!". Dân nghe tiếng súng thức tỉnh sung sướng như nghe tiếng pháo ngày Tết. Những đêm tiếng đại bác từ tiền tuyến vang dội như sấm, dân nhiều xã thức suốt đêm rủ nhau lên ngọn núi đồi nghe tiếng súng đợi tin mặt trận. Nhất là những gia đình tản cư từ vùng địch ra, phen này ắt phải trở về vườn tược, làng mạc. Dân chúng có cảm tình với bộ đội rất nhiều.

Một đêm, từ xa họ thấy hàng nghìn vệ quốc quân rầm rập, im lặng chạy về hướng đồn giặc. Rồi tiếng súng nổ liên tiếp, rồi súng im bật, rồi tin tức truyền ra, giặc chết ngổn ngang, đồn giặc đã bị tiêu diệt.

Vì bí mật, vì phải tranh thủ thời gian, anh em bộ đội không kịp nói gì với dân chúng nhưng dân yêu mến bộ đội vô cùng. Dọc đường hành quân dân thức cả đêm, mang nước và quà cho anh em.

Ngay trong vùng địch, dân chúng cũng tốt quá, nấu cháo, đun nước và giết gà mang ra mặt trận, bộ đội đánh thắng dân đã vội dọn đồ đạc sơ tán về.

Ở mạn Đa Phúc, cảnh tượng đại để cũng như thế, ở mạn Vĩnh Yên nơi cơm trắng, nước trong dân ủy khao bộ đội đủ thứ...".

Chỉ huy sở chiến dịch Trần Hưng Đạo trong hai thời gian từng ở hai địa điểm khác nhau nhưng cách nhau không xa, một nơi ở xã Quân Chu dưới chân núi Tam Đảo thuộc huyện Đại Từ, Thái Nguyên (từ ngày 15-12-1950 đến 24-12-1950) và một địa điểm ở Tam Đảo (trên bình độ 900m - theo ghi chép của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định từ 25-12-1950 đến 16-01-1951). Cả hai nơi đều cần được bảo tồn, ghi nhớ để các thế hệ mai sau hiểu thêm về lịch sử Tam Đảo.

Đại tá, TS. Nguyễn Thị Lâm Hà (Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam)

QUÂN DÂN VINH PHÚC TRONG CHIẾN DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO

Trong kháng chiến chống Pháp, quân và dân Vĩnh Phúc đã phối hợp với bộ đội chủ lực tiến công tiêu diệt địch trong nhiều chiến dịch. Trong chiến dịch Trần Hưng Đạo, quân dân Vĩnh Phúc đẩy mạnh chiến tranh du kích tạo nên chiến thắng, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Sau thất bại ở Việt Bắc năm 1947 và Biên giới 9-1950, để cứu vãn tình thế chiến tranh xâm lược Đông Dương, xóc lại tinh thần binh lính

địch và giành lại lòng tin đối với Mỹ. Ngày 6-12-1950, Chính phủ Pháp quyết định phái đại tướng De Lattre de Tassigny nhi sang Đông Dương làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp. Tại đây De Lattre De Tassigny đã vạch ra kế hoạch chiến lược gồm 4 điểm chính và được cả Chính phủ Pháp và Mỹ chuẩn y. Thực hiện kế hoạch, Tassigny đã tăng cường các hoạt động bắt lính, viện binh từ Pháp sang, thành lập các binh đoàn cơ động chiến lược, đồng thời cho xây dựng phòng tuyến “boong ke” bằng bê tông, sắt thép vững chắc chạy dài từ Hồng Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh qua Vĩnh Phúc, Sơn Tây đến Ninh Bình, tạo thành một hành lang bảo vệ khá chắc chắn từ Đông sang Tây.

Để đối phó với âm mưu mới của địch, dưới ánh sáng của các nghị quyết Trung ương, Đảng ta chủ trương cần phải tận dụng thời cơ, tranh thủ thời gian, tiếp tục mở một số chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch củng cố, bình định của chúng ở trung du và đồng bằng, phát triển chiến tranh du kích, giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Phương hướng để mở chiến dịch là nhằm vào khu vực trung du và đồng bằng, trước mắt là đánh vào trung du. Vì sau thất bại ở Biên giới, trung du trở thành tuyến phòng thủ chủ yếu, chính diện của địch đối mặt với căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc của ta, là nơi đông người nhiều của, mặt khác trung du còn có nhiều giá trị chiến lược quan trọng các mặt khác.

Sau khi phân tích kỹ tình hình ta và địch trên chiến trường Bắc bộ, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã phê chuẩn phương án tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh, quyết định mở chiến dịch Trần Hưng Đạo, tiến công địch ở trung du và một số phương hướng khác. Trong thời kỳ đầu, hướng chính của chiến dịch là vùng trung du từ Việt Trì đến Bắc Giang (nên còn gọi là chiến dịch Trung du), trong đó địa bàn chủ yếu diễn ra là tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 30-11-1950, Trung ương quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận, đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư, trực tiếp làm chỉ huy trưởng Mặt trận. Các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Bộ chỉ huy chiến dịch Biên giới chuyển thành cơ quan của Bộ chỉ huy chiến dịch Trần Hưng Đạo. Thực hiện quyết định của Trung ương Đảng, từ ngày 26-12-1950 đến 17-1-1951, chiến dịch Trần Hưng Đạo diễn ra với mức độ vô cùng ác liệt. Lực lượng tham gia chiến dịch trên cả hướng chính và phụ gồm có Đại đoàn 308 (có 3 Trung đoàn 102, 88, 36);

Đại đoàn 312 (có 2 Trung đoàn 209, 141) bộ đội chủ lực; 2 Trung đoàn độc lập của Bộ là 174 và 98; 4 Tiểu đoàn bộ đội địa phương, 4 đại đội pháo binh 75mm và ngoài ra là dân quân du kích. Nguyên tắc chỉ đạo chiến dịch là *"trước chia lực lượng đánh nhỏ, sau tập trung đánh to"*, góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn. Về chiến thuật, áp dụng cách đánh *"bôn tập"*, tức là chuẩn bị sẵn, rồi từ xa cơ động tới tập kích địch, đánh nhanh, giải quyết nhanh, rút nhanh, cố gắng dứt điểm trong đêm. Động tác đánh địch là du kích chiến, phù hợp với yêu cầu của tác chiến vận động, vừa phát huy cao độ tính chủ động linh hoạt sáng tạo của các đơn vị, vừa có sự chỉ đạo chỉ huy thống nhất.

Nhận thức rõ tầm quan trọng và những thuận lợi lớn của chiến dịch, đưa cuộc kháng chiến của tỉnh tiến lên một bước mới, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc đề ra chủ trương cho quân dân toàn tỉnh: *"Phối hợp với bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang các huyện và dân quân du kích xã đẩy mạnh hoạt động quân sự vùng địch hậu, đi đôi với củng cố xây dựng cơ sở, phát triển chiến tranh du kích, trọng tâm hoạt động vào hai huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc. Tiểu đoàn 64 sẽ phối thuộc vào các đại đoàn bộ đội chủ lực; Chuẩn bị đầy đủ cán bộ, phương tiện để tiếp thu kịp thời những nơi giải phóng; Thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị chiến dịch do Trung ương giao"*.

Phán đoán ta đánh ở trung du, hàng ngày địch cho từng tốp máy bay sục sạo trên bầu trời trinh sát và bắn phá những nơi chúng nghi ngờ ta hành quân hoặc trú quân, tập kết. Ở mặt đất địch cho quân đánh thăm dò một số nơi. Ngày 25-10-1950, địch dùng binh đoàn cơ động số 3 (GM3) gồm 3 tiểu đoàn và tiểu đoàn Mường bắt ngờ mở cuộc hành quân Bécassine đánh vào vùng tự do Lập Thạch và Tam Dương, đúng vào nơi một bộ phận bộ đội tham gia chiến dịch đang tập kết. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương tập trung lực lượng của Đại đoàn 312 kết hợp với bộ đội địa phương nhanh chóng bẻ gãy cuộc hành quân Bé cassine, đồng thời kiên quyết tiêu diệt địch theo kế hoạch đã định và sẵn sàng đánh địch tăng viện ứng cứu. Ngày 25-12-1950, tiểu đoàn 10 dù thuộc địa và tiểu đoàn Mường chia làm hai cánh tiến vào Thản Sơn và Liên Sơn (Lập Thạch) lập tức bị Trung đoàn 141 và bộ đội địa phương Vĩnh Phúc chặn đánh, gây cho chúng thiệt hại nặng, buộc phải co cụm ở Liên Sơn chờ ứng cứu. Ngày 26-10, tiểu đoàn Senegal lên ứng cứu cũng chịu chung

số phận, buộc chúng phải dừng lại ở Xuân Trạch tiếp tục chờ ứng cứu. Nắm thời cơ đó, ngày 27-12-1950 quân và dân Vĩnh Phúc phối hợp với Đại đoàn 312 tiến đánh địch dữ dội ở Xuân Trạch - Xuân Hoà (Lập Thạch). Kết quả, tiểu đoàn Senegal bị tiêu diệt gần hết, ta diệt 200 tên địch, bắt sống 150 tên, thu 5 súng cối, 1 đại liên, 13 tiểu liên, 132 súng trường và nhiều quân trang quân dụng, số địch sống sót còn lại rút chạy về Vĩnh Yên. Cuộc hành quân Bécassine của địch hoàn toàn bị thất bại, tiểu đoàn dù số 10BPC bị tiêu hao nặng, tiểu đoàn 24 BMTS, đơn vị lê dương nổi tiếng hung hăng bị xóa tên trong danh sách quân đội viễn chinh Pháp. Đòn phản kích đập tan cuộc hành quân Bécassine đã mở màn thắng lợi cho chiến dịch Trần Hưng Đạo.

Phát huy thắng lợi, chiến dịch Trần Hưng Đạo tiếp tục được mở theo đúng kế hoạch định sẵn, liên tiếp trong 3 ngày 27, 28 và 29-12-1950 bộ đội chủ lực và quân dân Vĩnh Phúc đã tiến đánh quyết liệt địch ở nhiều nơi vùng địch hậu, quân ta đã tiêu diệt địch tại các vị trí Tú Tạo, Đồi Cà Phê, Hữu Bằng, Thần Lăn. Ngày 29-12, kết thúc đợt một chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 1.000 tên địch, thu nhiều vũ khí, đạn dược, giải phóng một phần huyện Đa Phúc, làm cho tinh thần binh lính địch hoang mang. Những trận tiến công bất ngờ của ta vào phòng tuyến Vĩnh Yên, trực tiếp uy hiếp Hà Nội đã khiến bộ chỉ huy Pháp ở Bắc bộ hết sức do dự lúng túng trong cách đối phó. Pháp không thể rút bỏ Vĩnh Yên vì đây là một trong những cửa ngõ vào Hà Nội, là nơi sống còn đối với chúng.

Ngày 3-1-1951, hội nghị cán bộ Bộ chỉ huy chiến dịch, sau khi phân tích tình hình đã đề ra quyết tâm cho đợt tác chiến mới. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định vẫn chọn Vĩnh Phúc là hướng tiến công chủ yếu, Đại đoàn 308, 312 và các tiểu đoàn bộ đội địa phương được giao nhiệm vụ tác chiến. Phương châm đánh địch được xác định là *"đánh điểm diệt viện"*. Triển khai kế hoạch chiến đấu mới, quân dân Vĩnh Phúc tiếp tục bám sát nhiệm vụ cùng bộ đội chủ lực đánh địch thắng lợi. Ngày 13-1-1951 tiến đánh đồn Bảo Chúc, đây là một cứ điểm mạnh, vững chắc làm tiền đồn phía bắc thị xã Vĩnh Yên, đến ngày 14 ta mới tiêu diệt được, lực lượng địch đi ứng cứu bị ta tiêu diệt truy quét tới sát cửa ngõ thị xã Vĩnh Yên. Ở các hướng tiến công khác, quân ta trên đà thừa thắng nhanh chóng hạ một loạt đồn bốt: Tam Lộng, Quất Lưu, Mậu Thông, Mậu Lâm... áp sát xuống đường số 2. Ở

Hương Canh bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đã tiến đánh mạnh tiêu diệt và bức rút một số tháp canh, diệt viện nhỏ, tiến sát sân bay thị xã. Trước thế tiến công ồ ạt mạnh mẽ của ta, địch vô cùng hoang mang, chỉ huy Bắc bộ Salan vội điều thêm lực lượng ứng cứu cho mặt trận Vĩnh Phúc, Tát-xi-nhi vừa trở về Sài Gòn tức tốc quay ra Hà Nội đích thân lên Vĩnh Yên để chỉ đạo, trấn an tinh thần binh lính.

Ngày 14-1-1951, quân ta tiến hành bao vây thị xã Vĩnh Yên và đánh địch tăng viện giải vây cho thị xã. Cuộc chiến đấu đã diễn ra quyết liệt, địch dùng máy bay, xe cơ giới, bom và các loại đạn pháo đánh trả ta quyết liệt. Trong bom đạn, bộ đội và quân dân đã bám sát từng cánh quân đánh địch, ngày 15-1 ta chặn đánh địch ở Ngoại Trạch (Bình Xuyên), Khai Quang, Mậu Thông (Tam Dương) loại khỏi vòng chiến đấu 250 tên, đồng thời hạ hàng loạt vị trí của địch, tiếp tục áp sát thị xã Vĩnh Yên. Sau một thời gian chuẩn bị gấp rút, ngày 16-1-1951 đã diễn ra trận kịch chiến giữa ta và địch ở điểm cao 101 và 210 (Núi Đanh) nằm ở phía Đông bắc thị xã Vĩnh Yên. Địch phải dùng máy bay ném bom cứu nguy cho đồng bọn. Ta đã dùng thủ pháo, lựu lê đánh giáp lá cà với địch, tiêu diệt và bắt sống nhiều tù binh. Ngày 17-1-1951, ta tiếp tục đánh địch ở đồi 41 (Bảo Sơn), đồi 47 (Đình Ấm) tiêu diệt 127 tên địch, bắt sống một quan hai và một số tù binh làm cho binh đoàn ứng chiến của địch bị tổn thất nặng, số còn lại buộc phải rút về cố thủ ở thị xã Vĩnh Yên.

Phối hợp với chiến trường chính, ở vùng tạm chiếm, quân dân Vĩnh Phúc cùng với bộ đội chủ lực đánh phá các tháp canh, lô cốt của địch ở Vân ố, Phú Đa, Tứ Trung, Hưng Lục (Vĩnh Tường), Giã Bàn (Yên Lạc), làm tan rã nhiều ban tề nguy phản động. Ở Đa Phúc, Kim Anh phong trào phá tháp canh, diệt tề, trừ khử phản động đã làm cho bộ máy nguy quyền bị tan rã ở nhiều nơi.

Chiến dịch Trần Hưng Đạo kết thúc, bên cạnh những tổn thất hy sinh, quân dân Vĩnh Phúc đã giành được thắng lợi lớn, tiêu diệt 2.565 tên, bắt sống 1.577 tên, trong đó hai binh đoàn cơ động gồm phần lớn là quân Âu-Phi tình nguyện bị tiêu diệt, ta thu 1.478 súng các loại, phá 32 tháp canh, lô cốt, làm tan rã 219 ban tề nguy phản động, phá hủy 12 xe quân sự. Hệ thống phòng thủ của địch trên tuyến đột xuất bị ta phá vỡ, giải phóng 9 xã, 3 thôn, đồng thời mở rộng cơ sở kháng chiến ra 353 thôn.

Bên cạnh thắng lợi về quân sự, trong chiến dịch Trần Hưng Đạo quân dân Vĩnh Phúc đã huy động hàng vạn ngày công làm nhiệm vụ tải đạn, tải thương, đưa đón bộ đội và cung cấp kịp thời nhiều lương thực, thực phẩm cho bộ đội chiến đấu. Qua thực tiễn chiến đấu và phục vụ chiến đấu đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo chiến đấu. Lực lượng vũ trang địa phương được rèn luyện trưởng thành qua thực tiễn chiến đấu.

Ngô Chí Tuệ (Báo điện tử *Đảng Cộng sản Việt Nam*)

CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH

Cuối tháng 10-1951, vừa trở lại Hà Nội, De Lattre đã tuyên bố ngay: “Đã tới lúc giành lại quyền chỉ động trên chiến trường, buộc Việt Minh phải tiếp nhận chiến đấu trên một địa điểm do Pháp lựa chọn”. De Lattre đã thống nhất với Salan đề xuất việc đánh chiếm Hòa Bình, địa điểm chỉ cách Hà Nội 76 km, nằm trong tầm hoạt động của máy bay ném bom Pháp.

Chiều ngày 14-11 ba tiểu đoàn dù nhảy xuống thị xã Hòa Bình. Chiều ngày 15, De Lattre chủ trì cuộc họp báo ở Hà Nội báo tin chiến thắng Hòa Bình và tuyên bố: “Tiến công Hòa Bình có nghĩa là chúng ta bắt buộc đối phương phải xuất trận. Trận Hòa Bình sẽ có ảnh hưởng quốc tế lớn”. Ngày 19, De Lattre đích thân đến thăm thị xã Hòa Bình. Trước việc quan Pháp nhảy dù xuống Hòa Bình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định triệu tập Hội nghị Quân ủy ngày 15, đề nghị Trung ương và Hồ Chủ Tịch cho mở chiến dịch Hòa Bình, chuyển hướng hoạt động thu đông sang tiến công địch ở nơi chúng mới chiếm đóng. Hòa Bình là chính, các nơi khác là hướng phối hợp. Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch”.

Chiến dịch tiến công do 3 đại đoàn chủ lực của Bộ đội Việt Nam cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến hành ở khu vực Hoà Bình - Sơn Tây (cách Hà Nội khoảng 40 - 60 km về phía tây). Lực lượng Pháp gồm 4 binh đoàn cơ động (GM): 2, 3, 5, 7 và sau được tăng cường 2 binh đoàn cơ động (GM): 1, 4. Mục đích: diệt sinh lực địch, giải phóng thị xã Hoà Bình, phá phòng tuyến Sông Đà (hướng chủ yếu) và tạo điều kiện phát triển chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ (hướng phối hợp).

Đợt 1 (từ 10 đến 26-12-1951)

Theo kế hoạch, giai đoạn đầu chiến dịch, ta tập trung binh hỏa lực đợt phá khu phòng ngự sông Đà, xác định trận mở màn quyết định là cứ

điểm Tu Vũ (nay thuộc xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ). Mục tiêu trận đánh là tiêu diệt một bộ phận sinh lực, triệt đường tiếp tế chủ yếu trên sông của địch, mở rộng đường giao thông vận chuyển chiến lược của ta, tạo thế cho chiến dịch phát triển để giành thắng lợi.

Các lực lượng tham gia trận đánh Tu Vũ gồm Trung đoàn 88 (Đại đoàn 308) được tăng cường một tiểu đoàn bộ binh và 8 khẩu sơn pháo 75mm, cùng một đại đội súng phòng không 12,7mm. Theo kế hoạch, 17 giờ ngày 10-12-1951, các đơn vị bí mật hành quân vào chiếm lĩnh trận địa, đến hơn 23 giờ ngày 10-12 cơ bản tới các vị trí tập kết. Ngay sau đó, bộ đội tổ chức các mũi tiến công mãnh liệt vào các vị trí quân địch. 3 giờ 30 phút ngày 11-12-1951, quân ta làm chủ hoàn toàn trận địa. Thắng lợi của trận Tu Vũ tạo thuận lợi cho bộ đội ta phát triển chiến dịch tiến công, từng bước đánh bại quân địch, giành thắng lợi, kết thúc Chiến dịch Hòa Bình (ngày 25-2-1952).

Chiến thắng Tu Vũ, trận công kiên then chốt lớn cho thấy, ta đã chọn đúng mục tiêu, hướng tiến công trong trận mở màn chiến dịch. Tại cứ điểm Tu Vũ, địch bố trí một tiểu đoàn Âu - Phi, một đại đội người địa phương, tổ chức phòng ngự thành 3 khu (A, B, C) với 3 xe tăng, có công sự gỗ đất, 4 hàng rào kềm gai, được lực lượng pháo binh ở Chẹ, Đá Chông, Thủ Pháp yểm trợ. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Cứ điểm Tu Vũ thuộc phân khu Sông Đà - Ba Vì, tổ chức phòng ngự ở vào thế tương đối yếu so với các vị trí khác, bởi nằm ở vị trí dễ bị cô lập khi ta tiến công do sông ngăn cách và xa các căn cứ Sơn Tây, Trung Hà. Muốn ứng cứu cho cứ điểm Tu Vũ khi bị ta tiến công, địch chỉ có thể sử dụng đường bộ theo trục đường số 87 và đường thủy theo dòng sông Đà.

Trên cơ sở lựa chọn đúng mục tiêu tiến công, Bộ chỉ huy chiến dịch xác định 3 hướng tiến công vào cứ điểm Tu Vũ: Hướng chủ yếu, do Tiểu đoàn 29 được tăng cường một khẩu ĐKZ 57mm, 2 badoka, tổ chức 2 mũi đột phá tiến công, tiêu diệt sở chỉ huy Tiểu đoàn 1 và lực lượng địch ở khu A. Hướng thứ yếu, do Tiểu đoàn 23 được tăng cường một khẩu ĐKZ 57mm, hai đại liên, tổ chức thành hai mũi đột phá, tiêu diệt địch ở khu B. Hướng phối hợp, Tiểu đoàn 322 được tăng cường một đại đội bộ binh, hai khẩu ĐKZ 57mm, hai cối 82mm, hai đại liên, một sơn pháo 75mm, tiến công

tiêu diệt địch ở khu C. Còn Tiểu đoàn pháo binh 80 (thiếu) làm đội dự bị sẵn sàng chi viện hỏa lực cho các hướng khi có lệnh.

Sự lựa chọn 3 mục tiêu và xác định 3 hướng tiến công trong trận mở màn chiến dịch là hoàn toàn có cơ sở, bảo đảm yếu tố đánh chắc thắng. Đây cũng là sự lựa chọn phù hợp với phương châm chiến dịch là tập trung binh hỏa lực đột phá từng khu vực phòng ngự, triệt phá đường tiếp tế chủ yếu bằng đường thủy của địch và trận đánh cơ bản đã diễn ra như dự kiến. Mặc dù trước trận đánh xảy ra tình huống ngoài dự kiến, khi bộ đội ta hành quân vào chiếm lĩnh trận địa, bị địch phát hiện và dùng pháo binh bắn ngăn chặn dữ dội, nhưng trận Tu Vũ vẫn diễn ra đúng kế hoạch. Ngay đêm 10-12, trên hướng phối hợp, quân ta nổ súng trước, sau 2 giờ chiến đấu chiếm được khu C. Tiếp đó, trên hai hướng chủ yếu và thứ yếu, sau khi dùng hỏa lực pháo binh chế áp, các đơn vị tổ chức thành các mũi đồng loạt đột phá mãnh liệt vào 2 khu A và B, tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm địch.

Trận Tu Vũ là một trong những trận đánh công kiên điển hình quy mô trung đoàn tiêu diệt các cứ điểm độc lập tiểu đoàn địch ở trung du - đồng bằng, nơi địch có ưu thế về hỏa lực và sức cơ động lực lượng. Song, do ta chọn đúng mục tiêu địch có những sơ hở; cán bộ, chiến sĩ ta làm tốt công tác chuẩn bị, quyết tâm chiến đấu cao, nên trận đánh thành công. Điểm nổi bật là ta chọn điểm đột phá chính xác, tập trung binh hỏa lực vào khu vực mục tiêu hướng chủ yếu, đồng thời chú trọng cả hai hướng thứ yếu và phối hợp. Ngay từ đầu khi nổ súng, Trung đoàn 88 đã nhanh chóng tiến công, phá vỡ mối liên kết từng vị trí trong thế phòng thủ cứ điểm của địch, tạo điều kiện cho các mũi đột phá thọc sâu phát triển chiến đấu, chia cắt tiêu diệt địch. Trong quá trình diễn ra trận đánh, địch huy động pháo binh bắn gần 5.000 quả đạn ngăn chặn, gây nhiều khó khăn cho ta khi tiếp cận mục tiêu, nhưng chỉ huy trung đoàn đã kịp thời củng cố đơn vị, tổ chức đưa lực lượng ở tuyến sau vượt qua những làn đạn khốc liệt của địch, tiến sát hàng rào kẽm gai để tránh hỏa lực địch sát thương. Dựa vào thế hiểm của địa hình, bộ đội ta tổ chức 6 mũi đột phá cùng một lúc, vừa hạn chế thương vong, vừa phân tán lực lượng địch đối phó, tạo thế bất ngờ, nhanh chóng hình thành nhiều mũi tiến công chia cắt, phá vỡ thế phòng thủ để ta diệt từng vị trí địch. Chiến thắng Tu Vũ tạo điều kiện cho Chiến dịch Hòa Bình phát triển giành thắng lợi vẻ vang.

Thắng lợi của trận Tu Vũ mở ra khả năng một trung đoàn bộ binh ta hoàn toàn có đủ lực lượng và sức mạnh quân sự đánh thắng một tiểu đoàn tăng cường quân địch có xe tăng, thiết giáp phòng ngự cứ điểm có công sự vững chắc, với hỏa lực pháo binh chi viện mạnh. Đây cũng là trận đánh thể hiện bước tiến bộ rõ rệt về nghệ thuật đánh trận then chốt mở màn chiến dịch lớn của bộ đội chủ lực ta trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đợt II (từ 27 đến 3-12-1951), ta tiếp tục đập vỡ tuyến sông Đà tiêu diệt các điểm cao 400. 600. Đá Chông, Che, chặn đánh các cánh quân viện trên các trục đường 87, Ba Vì, Mỹ Khê

Cũng trong thời gian này Salan nhận thấy không có đủ lực lượng để tiếp tục bảo vệ tuyến sông Đà nên ngày 6.1.1952, Salan quyết định rút toàn bộ lực lượng trên toàn tuyến sông Đà chỉ để lại cụm cứ điểm Đan Thê - La Phù gần Trung Hà (Sơn Tây)

Tất cả những lực lượng rút về sẽ tăng cường cho tuyến phòng ngự thị xã Hòa Bình - Đường số 16. Quyết định của Salan chưa kịp thực hiện thì đã gặp ngay phải trận tấn công của ta bắt đầu nổ ra ở thị xã Hòa Bình và trên đường 6. Trong đợt phản kích thứ 2 của chiến dịch Hòa Bình chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã viết một lá thư tay gửi đại đội 41 trước giờ xuất kích. Bức thư có đoạn viết: "Tôi tin các đồng chí sẽ làm tròn nhiệm vụ, và trước khi các đồng chí ra trận tôi gửi tới các đồng chí lời chào quyết thắng".

Đợt 3 (từ đêm 7.1 đến ngày 25-2-1952. Trên hướng phối hợp ta tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ, liên tục tấn công vào quân địch góp phần vào thắng lợi của mặt trận chính. Phương châm hoạt động của ta là: "Đánh nhỏ nhưng đồng thời ở nhiều nơi, phát triển tốt bậc hành động phá hoại, gây rối, tích cực tiêu hao địch. Nếu chúng chưa rút khỏi Hòa Bình ta có thể tổ chức đánh diệt viện. Nếu địch rút tranh thủ tiêu diệt bộ phận cuối cùng của chúng

17 giờ ngày 22-2-1952, 5 tiểu đoàn địch ở thị xã lạng lẹ vượt sông Đà. Tuy nhiên sợ bị đánh một cách bất ngờ tướng Gilles lệnh cho các trận địa pháo bắn chặn mọi ngã đường bộ đội ta có thể xuất hiện. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị cơ quan tham mưu ra lệnh cho các đơn vị theo sát tình hình sẵn sàng xuất kích ngay khi địch rút lui.

Phía địch cố gắng bảo vệ cho các đơn vị rút lui bằng pháo mở đường, pháo bảo vệ, bắn chặn thậm chí bằng cả máy bay nối nhau lao xuống trút bom vào quân ta. Trận địa phòng không 12,7 mm của ta có lúc đã bắn rơi tại chỗ một máy bay Bearcat. Có lúc địch huy động đến 12 máy bay khu trục do một chiếc Morane chỉ điểm vừa bắn vừa ném bom vào đội hình truy kích của quân ta để mở đường cho những chiếc xe cuối cùng rút chạy về Tân Mai.

Theo lời nhà báo Bernard Fall: “Chiến dịch Hòa Bình đối với Pháp cũng tổn thất về trang bị và sinh mạng không kém gì chiến dịch Biên giới và sau này là Chiến dịch Điện Biên Phủ”.

Cuộc đọ sức quyết liệt giữa quân và dân ta với De Lattre bắt đầu từ trung du đã kết thúc với chiến dịch Hòa Bình.

CHIẾN CÔNG DIỆT XE TĂNG CỦA ANH HÙNG CÙ CHÍNH LAN TRONG CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH

Tháng 11 năm 1951 thực dân Pháp mở rộng cuộc tấn công ra vùng tự do của ta ở Hoà Bình âm mưu nối lại “Hành lang Đông - Tây” nhằm cắt đứt liên lạc của ta giữa Việt Bắc và khu 3, khu 4 để giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính.

Ở Hoà Bình chúng thực hiện âm mưu thành lập “Xứ Mường tự trị” để phá hoại khối đoàn kết dân tộc. Trước tình hình đó Trung ương Đảng chỉ thị đánh địch trên cả hai mặt trận là Hoà Bình và sau lưng địch là vùng Đồng bằng Bắc bộ.

Ngày 24/11/1951 Tổng quân Ủy quyết định mở chiến dịch Hòa Bình sử dụng ba Đại đoàn 306, 312, 304 vây hãm và tiêu diệt quân cơ giới ở mặt trận Hoà Bình. Hai đại đoàn 320, 316 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân phá “bình định” phát triển chiến tranh ở vùng sau lưng địch.

Trong trận Giang Mỗ lần thứ nhất: Ngày 7/12/1951 khi bố trí trận địa bị lộ, địch bắn dữ dội, trên ra lệnh tạm thời rút lui. Chiến sĩ Cù Chính Lan dũng cảm đi sau cùng dùng súng máy bắn kìm chế địch cho đơn vị rút, rồi quay lại tìm anh em bị thương đưa được 3 đồng chí về đơn vị an toàn.

Trận Giang Mỗ lần thứ hai: Ngày 13/12/1951 địch lọt vào trận địa, cả đơn vị nổ súng quyết liệt, diệt gọn 1 đại đội địch, lúc chuẩn bị rút thì xe tăng địch tiếp viện tới bắn dữ dội vào đội hình ta, chặn đường rút và làm

nhieu anh em thương vong. Cù Chính Lan xông lên, anh nhảy lên xe tăng kẻ tiểu liên vào khe hở trên tháp xe bóp cò, nhưng không may tiểu liên bị hóc, chiếc xe vẫn vừa chạy vừa bắn. Cù Chính Lan hô anh em tập trung lựu đạn đến cho mình rồi lại nhanh nhẹn nhảy lên xe, giật nắp quăng lựu đạn vào trong xe, giặc nhặt lựu đạn ném ra và hốt hoảng lái xe tăng chuyển hướng. Thời cơ diệt xe tăng địch ngay trước mắt, không thể để xe chạy thoát, Cù Chính Lan dũng cảm táo bạo mở chốt lựu đạn, chờ cho khói thuốc xì ra được một vài giây rồi mới ném vào buồng lái, lựu đạn nổ, giặc trong xe chết đè lên nhau, chiếc xe dừng lại tại chỗ, trận đánh kết thúc thắng lợi.

Xác chiếc xe tăng hiện vật chính của di tích nằm ở giữa khu đất có kè đá xung quanh, chiếc xe tăng mang nhãn hiệu Mỹ: "B2885498USA".

Trong trận chiến thắng oanh liệt tại đốc Giang Mỗ, với tinh thần anh dũng tuyệt vời, anh hùng Cù Chính Lan và các chiến sĩ tiểu đoàn 353 trung đoàn 66 đã diệt xe tăng của bọn xâm lược Pháp do đế quốc Mỹ trang bị, mở đầu phong trào đánh xe tăng phương tiện chiến đấu hiện đại của địch bằng vũ khí thông thường.

Sau đó ít ngày, ngày 29/12/1951 Cù Chính Lan tham gia trận đánh ác liệt trên đường 6 đoạn Lương Sơn - Hòa Bình. Mặc dù bị thương rất nặng nhưng anh vẫn không rời trận địa chỉ huy tiểu đội liên tiếp phá 5 hàng rào dây thép gai vào lô cốt địch. Khi đồn địch đã bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn cũng là lúc anh trút hơi thở cuối cùng. Trên tấm bia liệt sĩ Cù Chính Lan đặt ở nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hòa Bình được xây cất rất chu đáo, khang trang giữa trán bia có một ngôi sao vàng năm cánh, vành ngoài bia ốp gạch màu nâu nhạt. Mặt trước bia trán trọng ghi dòng chữ màu trắng: "Liệt sĩ Cù Chính Lan anh hùng quân đội".

Huân chương chiến công hạng nhì.

Huân chương quân công hạng ba.

Huân chương quân công hạng nhì.

Huân chương kháng chiến hạng nhất.

Huân chương kháng chiến hạng ba.

Hy sinh ngày 29/12/1951 trong trận đồn Gò Tô chiến dịch Hòa Bình.

Cù Chính Lan là một hình ảnh sáng ngời của người chiến sĩ thi đua Ái quốc đã biểu hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong mọi hoạt động

của đời mình. Di tích là một tượng đài chiến thắng phản ánh trình độ tác chiến, tài tình trong chiến đấu, nghệ thuật tổ chức, nghệ thuật chiến dịch, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược đối với chiến dịch của quân đội ta và nhân dân ta chống lại bọn xâm lược. Chiến công diệt xe tăng của anh hùng Cù Chính Lan góp phần làm tăng thêm tự hào về quê hương Hòa Bình trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng trong chiến đấu cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

CÔNG TÁC HẬU CẦN BẢO ĐẢM CHO CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH

Sau nhiều chiến dịch tiến công liên tiếp của ta trong 2 năm 1950-1951, quân Pháp tăng cường hệ thống phòng thủ, lập vành đai trắng để ngăn chặn quân chủ lực ta tiến công. Đồng thời, chúng ra sức càn quét vùng chiếm đóng, tập trung quân cơ động, sử dụng máy bay, pháo binh đánh phá vùng tự do, vùng căn cứ, gây nhiều khó khăn cho ta, nhất là ở vùng địch tạm chiếm.

Trước tình hình đó, Bộ Tổng Tư lệnh chủ trương mở đợt hoạt động Thu - Đông 1951-1952 trên chiến trường chính là trung du, đồng bằng sông Hồng, ở cả mặt trận chính diện và vùng địch hậu. Phương châm của ta là: Tại những nơi địch kiểm soát chặt, lấy đấu tranh kinh tế và chính trị là chính, kết hợp xây dựng, phát triển lực lượng cơ sở. Đối với vùng tranh chấp, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, xây dựng và mở rộng các khu du kích. Để chuẩn bị cho đợt hoạt động này, Tổng cục Cung cấp đã gấp rút triển khai làm đường ô tô từ Phú Thọ qua Đồn Vàng, Hòa Bình vào Liên khu 3, 4; tranh thủ chở vũ khí, đạn về Liên khu 3 và tiến hành chuẩn bị về mọi mặt.

Nhằm nghi binh, thu hút sự chú ý của quân chủ lực và phá hoại công tác chuẩn bị của ta, từ ngày 09 - 14/11/1951, Pháp sử dụng lực lượng dự bị cơ động chiến lược gồm: 13 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 4 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn thiết giáp, 1 đại đội công binh, 1 trung đội xe tăng tổ chức đánh chiếm Hòa Bình và khu vực sông Đà. Sau đó, chúng tổ chức phòng ngự thành 2 khu: Sông Đà - Ba Vì (khu Bắc) và Hòa Bình - đường 6 (khu Nam). Trong đó, thị xã Hòa Bình được xây dựng thành một

tập đoàn cứ điểm. Ngoài ra, địch còn tổ chức Phân khu Chợ Bến để bảo vệ Hòa Bình từ phía Đông.

Trước tình hình trên, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch nhận định: Địch mở cuộc tiến công ra Hòa Bình sẽ gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng cũng tạo ra một cơ hội tốt để tiêu diệt sinh lực của chúng: “Trước kia, ta phải lừa địch ra mà đánh. Nay địch tự ra cho ta đánh. Đó là một cơ hội rất tốt cho ta. Muốn thắng thì ta phải tích cực, chủ động, bí mật, mau chóng, kiên quyết, dẻo dai. Chắc thắng mới đánh”.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch về “Nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hoà Bình của địch”, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở chiến dịch Hòa Bình, sử dụng 3 đại đoàn (308, 312 và 304) tiến công địch ở mặt trận Hòa Bình; Đại đoàn 320 và 316 tiến vào vùng địch hậu đồng bằng Bắc Bộ, phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương phá bình định, phát triển chiến tranh du kích phối hợp tác chiến với chiến dịch.

Để bảo đảm cho mặt trận Bắc, Nam Hòa Bình và thọc sâu vào trong vùng địch hậu, Tổng cục Cung cấp thành lập hai ban cung cấp tiền phương gồm cán bộ cung cấp, cán bộ đảng, chính quyền địa phương. Ban Cung cấp mặt trận Bắc Hòa Bình do đồng chí Trần Quyết - Khu ủy viên Liên khu ủy Việt Bắc làm Trưởng ban có nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho Đại đoàn 308, 312 và một số đơn vị binh chủng. Ban Cung cấp mặt trận Nam Hòa Bình do đồng chí Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (đại diện Tổng cục ở Liên khu 3 và Liên khu 4) làm Trưởng ban, bảo đảm cho Đại đoàn 304 đánh địch trên Đường số 6, Nam Hòa Bình và Đại đoàn 320 hoạt động ở vùng địch hậu đồng bằng sông Hồng. Các cơ quan Tổng cục ở hậu phương trực tiếp bảo đảm cho Đại đoàn 316 hoạt động ở vùng địch hậu trung du.

Khi trên quyết định mở chiến dịch, hậu cần của ta mới chuẩn bị được hơn 4.000 tấn thóc ở Phú Thọ và một ít gạo ở Nho Quan (Ninh Bình) theo kế hoạch Thu Đông. Để đáp ứng nhu cầu chiến dịch đòi hỏi phải chuyển gấp lương thực thực phẩm từ Thanh Hóa ra. Lúc này, địch đã chiếm Hòa Bình, đường giao thông vận tải bị cắt, vì vậy, ta phải mở lại con đường vận tải bộ phía Tây thị xã Hòa Bình qua Tu Lý, Hiền Lương xuống Mãn Đức. Ban cung cấp mặt trận phía bắc tập trung khai thác lương thực, thực phẩm tại chỗ ở khu vực bộ đội tập kết. Lực lượng quân

nhu chiến dịch xuống các xã vận động nhân dân thu hoạch vụ mùa, nộp thuế nông nghiệp, tổ chức xay giã và gắp rút vận chuyển gạo đến trung tuyến cho các đơn vị.

Ban Cung cấp mặt trận phía Nam tập trung lực lượng chuyển gạo từ Thanh Hóa ra, cung cấp cho lực lượng chiến đấu ở mặt trận chính diện và lập một số kho trung tuyến ở hữu ngạn sông Đáy bảo đảm cho mặt trận địch hậu. Đồng thời, tổ chức chuyển vũ khí đạn từ Đồn Vàng qua Tu Lý đến Mãn Đức và từ Nho Quan qua Chi Nê, Đầm Đa đến Bãi Khoai bảo đảm cho các đơn vị. Các kho, trạm trung tuyến sử dụng dân công vận chuyển theo dây chuyền, kết hợp dùng thuyền tổ chức vận chuyển theo đường sông từ Nho Quan đi Chi Nê, Đầm Đa, vừa giảm nhân lực, vừa chuyển nhanh được khối lượng lớn vũ khí, trang bị.

Chiến dịch Hòa Bình diễn ra làm ba đợt. Đợt 1 (10 đến 26-12-1951), ta tập trung đột phá tuyến Sông Đà: đánh địch càn quét ở nam Ba Vì, tiến công tiêu diệt cứ điểm Tu Vũ, đánh nhiều trận phục kích cắt đứt tuyến vận chuyển của địch trên Sông Đà, uy hiếp Đường số 6, đồng thời đánh mạnh ở vùng địch hậu Bắc Ninh.

Đợt 2 chiến dịch (27 đến 31-12-1951), ta vây đánh cụm cứ điểm thị xã Hòa Bình (khoảng 8 tiểu đoàn địch) và Đường số 6 với nhiều trận đánh công kiên, nên tỷ lệ thương vong cao. Trong khi đó, việc cấp cứu và chuyển thương binh về phía sau trong một số trận không dứt điểm được, còn bỏ sót thương binh, tử sĩ khi rút quân. Đảng ủy và Bộ Chỉ huy mặt trận nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm, sau đó giao cho chính trị viên phó đại đội, tiểu đoàn và phó chính ủy trung đoàn trực tiếp phụ trách công tác thương binh, tử sĩ.

Để nuôi dưỡng bộ đội trong thời gian chiến đấu liên tục, dài ngày, tổ trưởng tổ cấp dưỡng Hoàng Cẩm (Đội điều trị Đại đoàn 308) đã sáng tạo ra kiểu bếp nấu ăn vừa che được ánh lửa, vừa làm cho khói lan tỏa rộng và thấp, tránh sự phát hiện của máy bay địch, giữ bí mật, an toàn. Sáng kiến này có ý nghĩa rất lớn, nhanh chóng được phổ biến trên toàn mặt trận. Nhờ vậy, bộ đội thường xuyên được ăn, uống nóng, sức khỏe nâng lên rõ rệt. Đồng chí Hoàng Cẩm được thưởng Huân chương Chiến công và được tuyên dương danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc (5/1952).

Nhằm tăng thêm hỏa lực đánh địch, Tổng cục Cung cấp giao Xưởng quân giới Lê Tổ sửa chữa gấp ba khẩu pháo 105 ly thu được của địch trong chiến dịch Biên giới. Cục Vận tải đã tổ chức kéo pháo từ Cao Bằng về. Cục Quân khí chuẩn bị đạn. Ở mặt trận phối hợp, Đại đoàn 320 hoạt động mạnh ở Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình; Đại đoàn 316 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương hoạt động ở Nam Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên... trong hơn ba tháng liền. Để biến hậu phương địch thành hậu phương của ta, Tổng cục Cung cấp đã tích cực chuẩn bị cơ sở từ trước, tổ chức một số tuyến vận tải vào vùng địch hậu Bắc bộ, tiếp tế đạn cho bộ đội địa phương và dân quân du kích, lập một số kho nhỏ dự trữ mìn, lựu đạn, sẵn sàng bổ sung cho các đơn vị. Nhân dân vùng địch hậu luôn bị địch càn quét, phá hoại, đời sống rất khó khăn, nhưng vẫn hăng hái đi dân công, đóng thuế nông nghiệp phục vụ chiến dịch. Ở vùng Phát Diệm (Ninh Bình), để giữ bí mật tác chiến, địa phương gửi thóc nhờ nhân dân cất giữ, khi bộ đội chuẩn bị nổ súng, cán bộ đến từng gia đình vận động nhân dân xay giã. Chỉ trong một đêm bảo đảm đủ gạo cho bộ đội và một phần để dự trữ cho đợt hoạt động sau này.

Trong vùng địch hậu, các đơn vị đã tổ chức cứu chữa, điều trị thương binh rất linh hoạt: tiểu đoàn tổ chức đội phẫu thuật nhỏ, còn đội phẫu thuật trung đoàn được tăng cường bảo đảm cứu chữa và lưu giữ thương binh trong thời gian tương đối dài. Việc chăm sóc, bảo vệ và chuyển thương binh ra vùng tự do hoàn toàn dựa vào nhân dân. Từ vùng địch hậu Bắc bộ ra vùng tự do phải vượt các sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Cầu, sông Thương trong điều kiện địch kiểm soát gắt gao. Để bảo đảm an toàn khi chuyển thương binh, cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân địa phương đã tổ chức nhiều chặng vận chuyển, dựa vào lúc địch sơ hở và thời cơ thuận lợi, chuyển từng chuyến một.

Đợt 3 (7/1-25/2/1952), ta chuyển hướng tiến công chủ yếu sang Đường số 6 và bao vây thị xã Hòa Bình: tập kích tiêu diệt trận địa pháo và 4 vị trí địch ở trung tâm và ngoại vi thị xã; đánh cắt giao thông, làm tê liệt vận chuyển của địch trên Đường số 6. Hậu cần chiến dịch đã bảo đảm kịp thời nhu cầu hậu cần cho các đơn vị trong đó có 83 tấn vũ khí, đạn dược.

Bị bao vây, cô lập ở Hòa Bình, lại bị đánh mạnh ở trung du, đồng bằng, sáng 23-02-1952, quân Pháp buộc phải rút khỏi Hòa Bình. Chiến dịch Hòa Bình kết thúc, ta loại khỏi chiến đấu hơn 6.000 tên địch, bắn rơi

9 máy bay, bắn chìm 17 tàu, xuống, phá hủy 12 khẩu pháo, hàng trăm xe vận tải, thu gần 150 tấn vũ khí, đạn dược chiến lợi phẩm (trong đó có 788 súng các loại, 88 máy vô tuyến điện, 24 khẩu pháo); giải phóng khu vực Hòa Bình - Sông Đà, rộng trên 1.000 km² với 20.000 dân; giữ vững đường giao thông liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu 3 và 4, góp phần đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, làm thất bại âm mưu giành lại quyền chủ động chiến lược và chia cắt chiến trường Bắc bộ của thực dân Pháp. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh - Tư lệnh chiến dịch đánh giá: “Chiến dịch này là chiến dịch lớn nhất từ trước tới nay. Ta đã phối hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích trên một quy mô rộng lớn... Thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình là thắng lợi quân sự, chính trị, kinh tế. Chiến dịch đã đánh bại âm mưu cố gắng giành lại quyền chủ động của Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi”.

Dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân các địa phương, hậu cần chiến dịch đã huy động và cung cấp kịp thời cho các đơn vị 6.275 tấn gạo, hơn 200 tấn thực phẩm, 280 tấn đạn, cứu chữa 6.390 thương binh; huy động trên 330.400 lượt dân công phục vụ chiến dịch với 11.914.000 ngày công... góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch. Qua chiến dịch này, các lực lượng hậu cần đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm về bảo đảm cho chiến dịch tiến công quy mô lớn (5 đại đoàn) trong điều kiện chưa có chuẩn bị trước, tác chiến ác liệt, dài ngày, điều kiện cứu chữa thương binh cũng như việc huy động nhân, vật lực gặp nhiều khó khăn. Những bài học đó đã được phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và hiện đang được tiếp tục nghiên cứu, kế thừa phát triển trong xây dựng thế trận, tiềm lực hậu cần của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại tá - Thạc sĩ **Trần Đình Quang** (*Báo Quân đội nhân dân*)

CHIẾN DỊCH TÂY BẮC

Lựa chọn Tây Bắc là địa bàn chiến lược

Sau chiến thắng Hòa Bình, Tây Bắc là vùng rừng núi duy nhất địch còn kiểm soát được tại Bắc Bộ. Nhận thấy đây là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng, ta có điều kiện tác chiến tập trung, tháng 9-1952, Tổng Quân ủy quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc nhằm: Tiêu diệt sinh lực địch, tranh thủ nhân dân và giải phóng một phần đất đai. Lực lượng tham gia

chiến dịch gồm: 3 đại đoàn chủ lực (308, 312, 316), 6 đại đội sơn pháo 75mm, 3 đại đội súng cối 120mm, 1 trung đoàn công binh, 1 tiểu đoàn bộ binh và 11 đại đội bộ đội địa phương.

Sau gần 2 tháng tiến công liên tục, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 6.029 tên địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn khoảng 30.000km² với 250.000 dân, nối liền Tây Bắc với Việt Bắc và Thượng Lào... Chiến dịch Tây Bắc đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, khẳng định sự trưởng thành vượt bậc, toàn diện, vững chắc của quân đội ta, đặc biệt là bước phát triển mới, quan trọng về nghệ thuật chiến dịch (NTCD).

Sự phát triển ấy trước hết thể hiện, ta đã tập trung lực lượng phá vỡ từng khu vực phòng thủ then chốt của địch, tạo sự chuyển biến lớn cho chiến dịch. Địch ở Tây Bắc bố trí trên một khu vực rất rộng, trong đó chú trọng tăng cường phòng ngự ở một số điểm then chốt như Nghĩa Lộ, Mộc Châu, Lai Châu để tạo các lá chắn bảo vệ khu trung tâm Sơn La, Lai Châu. Trước đặc điểm phòng ngự của địch, Bộ chỉ huy chiến dịch đã kiên quyết tập trung lực lượng và các mặt bảo đảm để phá vỡ một số khu vực then chốt của địch. Trong đợt 1, ta sử dụng 2 đại đoàn, 1 trung đoàn bộ binh và toàn bộ pháo binh chiến dịch đánh địch ở khu vực Nghĩa Lộ, trong đó sử dụng 2 trung đoàn cùng pháo binh chiến dịch tiến công cụm cứ điểm Pú Chàng - Nghĩa Lộ. Do có ưu thế về binh hỏa lực và cách đánh phù hợp, ta nhanh chóng đập tan phòng tuyến vòng ngoài của địch từ hữu ngạn sông Thao đến tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai.

Trong đợt 2 chiến dịch, ta sử dụng 3 đại đoàn thiếu (6 trung đoàn) và toàn bộ pháo binh chiến dịch đánh địch ở khu vực Mộc Châu, Bản Hoa, Ba Lay..., trong đó, sử dụng 2 trung đoàn tiến hành trận then chốt tiêu diệt cứ điểm Mộc Châu, do tiểu đoàn ngựỵ Thái số 2 chiếm giữ. Các trận tiến công ưu thế của ta trên khu vực này, đặc biệt là trận Mộc Châu đã phá vỡ chiếc lá chắn của địch trên Đường số 6, buộc chúng phải rút khỏi các vị trí Chiềng Pan, Sông Con, Tạ Say, Sa Piệt, Tạ Khoa..., khai thông con đường lên Tây Bắc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Trung đoàn 165 thọc sâu giải phóng Mường Sải, Sơn La và một vùng rộng lớn Nam Lai Châu.

Bằng việc chọn đúng và tập trung lực lượng ưu thế đập vỡ các khu vực then chốt, hiểm yếu, ta nhanh chóng phá vỡ thế trận phòng ngự của địch, làm rối loạn chỉ huy, dồn địch vào thế bị động đối phó, tạo ra những thuận lợi để chiến dịch phát triển nhanh chóng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai.

Cùng với đó ta tổ chức nghi binh, giữ bí mật chặt chẽ, tạo bất ngờ lớn với địch. Chiến dịch Tây Bắc là chiến dịch lớn, tiến hành trên một địa bàn rộng, với lực lượng và binh khí kỹ thuật lớn, đường hành quân xa... Để giữ bí mật, tạo bất ngờ lớn đối với địch, Bộ Tổng tư lệnh đã có kế hoạch chu đáo để che giấu mọi hoạt động chuẩn bị và tìm cách đánh lạc hướng quân Pháp. Trong quá trình chuẩn bị, việc sửa chữa những trục đường vận chuyển bằng ô tô, đường 13 từ Chủ Chè đi Yên Bái vào Ba Khe, Đường số 6 từ Hòa Bình lên Suối Rút và đường Hồi Xuân lên Suối Rút, được tiến hành từ nơi xa địch trước. Hậu cần không chuyển hàng hóa lên lót ổ, lập chân hàng bên hữu ngạn sông Hồng, mà phải tập kết bên tả ngạn, tổ chức vận chuyển theo sát các mũi tiến công...

Đặc biệt, Bộ chỉ huy tiến hành một kế hoạch nghi binh lớn, hiệu quả. Trung đoàn 238 ở Bắc Ninh, Bắc Giang mang tên mới là Đại đoàn 316; Trung đoàn 246 ở Vĩnh Yên mang tên Đại đoàn 308; Trung đoàn 91 ở Sơn Tây, Phú Thọ mang tên Đại đoàn 312; điện đài thường trực của các đại đoàn chủ lực tham gia Chiến dịch Tây Bắc đều bố trí ở vị trí cũ, tiếp tục phát tin liên lạc định kỳ theo mật mã cũ để lừa địch. Đúng ngày triển khai chiến dịch, Bộ Tổng tham mưu cho thay đổi mật mã, tổ chức tập trung dân quân tiến hành các cuộc chuyển quân rầm rộ ở Vĩnh Phúc, Hà Đông, Hà Nam, Ninh Bình; tổ chức làm cầu, sửa đường qua Tu Vũ để xuống Khu 3; đồng thời đưa 2 đại đoàn 304 và 320 vào địch hậu cùng thời điểm các đơn vị tham gia chiến dịch lên đường.

Các hoạt động nghi binh của ta trên nhiều hướng đã đánh lừa được Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội. Chúng vẫn đinh ninh ta sẽ đánh đồng bằng và bố trí 29 trong số 32 tiểu đoàn cơ động vào việc phòng thủ hai bờ Nam, Bắc sông Hồng. Ngay cả khi một loạt vị trí xung quanh phân khu Nghĩa Lộ bị tiêu diệt, Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội vẫn chưa biết hướng tiến công chủ yếu của ta.

Khi tiến hành chiến dịch, ta vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp nghi binh, bảo mật làm cho địch bất ngờ về hướng tiến công chủ yếu của đợt 2. Ta đã sử dụng Trung đoàn 165 tiến công trên hướng thọc sâu, ở khu vực phía Nam Lai Châu làm cho địch lầm tưởng đây là hướng chính, lập tức điều lên Lai Châu 2 tiểu đoàn đồng thời tăng viện cho Nà Sản 2 tiểu đoàn. Trong khi đó, trên hướng chủ yếu (Nam Sơn La), các trung đoàn của ta vượt sông Đà bí mật, an toàn, triển khai lực lượng đánh địch thắng lợi.

Có thể nói, trong Chiến dịch Tây Bắc, ta đã kết hợp chặt chẽ giữa nghi binh với phòng gian, giữ bí mật; đã lừa được địch trong một chiến dịch lớn, tạo được yếu tố bất ngờ để giành thắng lợi. Đây thực sự là bước tiến quan trọng, thể hiện sự phát triển mới về NTCD trong giai đoạn này.

Ta đã tổ chức thành công các trận then chốt tiêu diệt các cụm cứ điểm mạnh của địch ở địa hình rừng núi, thể hiện bước tiến mới trong đánh công kiên của bộ đội ta. Trong đợt 1, ta đã tổ chức thành công trận then chốt tiêu diệt cụm cứ điểm Pú Chàng - Nghĩa Lộ. Đây là trận công kiên quy mô 2 trung đoàn, đánh vào cụm cứ điểm mạnh nhất của phân khu Nghĩa Lộ, do 1 tiểu đoàn chiếm giữ, có hỏa lực khá mạnh và hệ thống công sự vật cản kiên cố, trên điểm cao có giá trị về chiến thuật. Trong trận này, ta đã tập trung ưu thế hơn hẳn địch; tổ chức đội hình chặt chẽ; thực hành chiến đấu công kiên, như bao vây, chiếm lĩnh trận địa, đột phá tiền duyên, chiến đấu tung thâm, củng cố giữ vững trận địa, rút lui, hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh, cũng như kiểm chế pháo binh địch... bộ đội ta cũng có nhiều tiến bộ. Bộ chỉ huy chiến dịch còn tổ chức tiêu diệt một loạt vị trí nhỏ tiền tiêu, đồng thời đưa lực lượng bao vây kiểm chế các cứ điểm lân cận không cho địch tổ chức ứng cứu, chi viện, tạo điều kiện chắc thắng cho trận đánh... Trong đợt 2, ta cũng đã tổ chức thành công trận công kiên quy mô hai trung đoàn, tiêu diệt cứ điểm Mộc Châu, do Tiểu đoàn ngự Thái số 2 chiếm giữ.

Đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định tại Hội nghị sơ kết Chiến dịch ngày 10-12-1952: "Thu Đông 1952 là Thu Đông chiến thắng Tây Bắc. Nếu nhìn rộng ra toàn chiến trường Bắc Bộ thì đó là thắng lợi lớn của ta trên con đường tiếp tục giành thế chủ động..."

Từ Thu Đông 1950, ta đã chủ động mở chiến dịch Biên Giới trên địa bàn các tỉnh miền núi (Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn) giành thắng lợi tạo

bước ngoặt lịch sử. Từ thực tế đó, Trung ương Đảng thống nhất chủ trương, tiếp tục phát huy thể chủ động chiến lược, mở chiến dịch Thu Đông 1952 với phương châm: Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, tìm nơi sơ hở của địch mà đánh. Chọn Tây Bắc để mở chiến dịch tiến công, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã có sự cân nhắc trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình lực lượng của địch và của quân ta chính xác, khách quan, khoa học. Chúng ta đưa chủ lực đánh vào một địa bàn chiến lược hiểm yếu ở rừng núi, nơi địch tương đối yếu, khó phát huy ưu thế về vũ khí, trang bị, đặc biệt là không quân, pháo binh và khả năng cơ động. Trong khi đó, địa bàn rừng núi lại là thế mạnh chiến đấu của bộ đội ta. Lần này địch tin là các đại đoàn chủ lực của ta còn ở những vị trí cũ phía bắc và phía nam đồng bằng Bắc bộ. Từ ngày 20-9 ta chuyển sang mặt mã mới thì cơ quan tình báo Pháp hoàn toàn mất phương hướng. Bước vào Thu Đông 1952 bằng nhiều biện pháp nghi binh lừa địch khiến chúng vẫn tin là sẽ có một trận đánh lớn ở đồng bằng thì ngày 14 tháng 10 ta bất ngờ nổ súng tấn công phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phú Yên mở đầu chiến dịch Tây Bắc.

Đợt I từ 14 đến ngày 25-10: Phân khu Nghĩa Lộ là một trong bốn Phân khu của giặc Pháp cùng với các Phân khu Sông Đà, Phân khu Sơn La, Phân khu Lai Châu hợp thành Khu tự trị Tây Bắc, gọi tắt là ZANO (zone autonome Nord - Ouest) chiếm đóng miền Tây Bắc của ta. Chỉ huy Phân khu Nghĩa Lộ là viên quan tư Tirillon một tên ác ôn thực dân cáo già từ thời kỳ Pháp thuộc, y nói được tiếng Thái, có mặt ở Tây Bắc từ năm 1940.

Tại thung lũng Nghĩa Lộ, chính giữa là thị trấn, cuối thị trấn về phía Tây Nam là cứ điểm Nghĩa Lộ (còn gọi là Nghĩa Lộ phố) xây dựng trên gò vị trí trại lính khố xanh cũ, có khoảng 500 quân đồn trú. Sân bay dã chiến của phân khu trải dài từ cứ điểm Nghĩa Lộ đến gần dãy núi Pú Chạng. Cứ điểm Pú Chạng (còn gọi là Nghĩa Lộ đồi) có 300 quân chiếm đóng ở một địa thế cao. Với hệ thống công sự vững chắc, với địa thế hiểm hóc, lại có vành đai các tiền đồn bảo vệ, khi bị uy hiếp lại có quân tăng viện bằng nhảy dù, viên quan tư Tirion cho rằng, Việt Minh không có khả năng đánh Nghĩa Lộ. Y không biết số phận của y sắp được định đoạt.

Sau 11 ngày đêm chiến đấu, ta đã tiêu diệt hoàn toàn phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phú Yên, giải phóng một vùng rộng lớn từ hữu ngạn

sông Thao đến tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai làm chủ con đường 13 nối Yên Bái với Nghĩa Lộ . Quân địch ở Tây Bắc dồn về Nà Sản và Lai Châu. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định: “Sự sụp đổ nhanh chóng của Nghĩa Lộ được đánh giá là một bất ngờ bi thảm đối với bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội, vì họ đặt phân khu vào tình trạng tuyệt vọng không thể dùng lực lượng dù để cứu nguy báo hiệu những thất bại tiếp theo còn nghiêm trọng hơn”.

Đợt 2 (từ 7 đến 25-11). Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương tập trung lực lượng ở hướng chính tấn công khu vực Tạ Khoa - Ba Lay - Mộc Châu, phá vỡ khu vực phòng thủ chủ yếu của địch tạo điều kiện tiến về Sơn La, Nà Sản.

Ngày 7-11-1952, trung đoàn 165 ở hướng thọc sâu nổ súng trước ở Quỳnh Nhai. Một ngày sau địch ở Tuần Giáo và Luân Châu rút chạy. Quân tăng viện cho Quỳnh Nhai bị đánh thiệt hại nặng chúng rút về Lai Châu và Thuận Châu.

Trên hướng chính của chiến dịch bộ đội ta vượt sông Đà và bắt đầu nổ súng. Trong 2 ngày 17 và 18-11 ta lần lượt tiêu diệt 4 vị trí Bản Hoa, Ba Lay, Hát Tiếu và Mường Lụm. Ngày 19-11 ta tiến công vào Mộc Châu, một lá chắn vững chắc trên đường số 6. Quân địch ở Mộc Châu bị ta tiêu diệt, các vị trí lẻ trên đường 6 vỡ và rút chạy. Cửa ngõ vào Tây Bắc được rộng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển tiếp tế cho chiến dịch.

Hướng phụ đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng một phần rộng lớn gồm 6 huyện: Than Uyên, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Mường La, Thuận Châu, Điện Biên Phủ và thị xã Sơn La. Cùng với hướng chính, ta đã giải phóng một phần đất đai quan trọng thuộc tỉnh Lai Châu, Sơn La trừ Nà Sản và một số vị trí nhỏ ven sông Mã.

Đợt 3 (Từ 31-11 đến 1-12: Địch tập trung tăng cường lực lượng xây dựng Nà Sản thành một tập đoàn cứ điểm vững chắc: 2 cứ điểm đại đội và 4 cứ điểm trung đội trên đồi công sự dã chiến. Ngày 2-12 địch lại thả dù tăng cường thêm cho Nà Sản 2 tiểu đoàn.

Đêm 30-11 ta tiến công Pú Hồng và Bản Hội nhưng hôm sau địch phản kích chiếm lại Pú Hồng. Đêm 1-12 ta tiến công Bản Vây và Nà Si đều không thành công, nguyên nhân là do những cứ điểm này không nằm trong hệ thống cấu trúc chặt chẽ của tập đoàn cứ điểm có sự yểm trợ

manh mẽ của không quân và pháo binh, một hình thức phòng ngự mới của địch mà ta chưa nghiên cứu. Bộ chỉ huy đã quyết định kết thúc chiến dịch.

Chiến dịch Tây Bắc đã thành công vượt mức dự kiến. Sách *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam* (NXB Quân đội nhân dân, 2004) trang 128 viết: “Từ 14-10 đến 10-12-1952, chiến dịch Tây Bắc, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 13.800 tên địch, đánh bại âm mưu củng cố “xứ Thái”, “xứ Mường”, “xứ Nùng tự trị”, giải phóng 25.000km² với 25 vạn dân Sơn La (trừ Nà Sản), 4 huyện phía Nam tỉnh Lai Châu, 2 huyện phía tây Yên Bái, nối liền Tây Bắc với Việt Bắc. Nhờ quyết định thận trọng có tầm nhìn xa này mà ta kết thúc được chiến dịch củng cố được những thắng lợi đã đạt được đồng thời bảo toàn lực lượng chủ lực để thời gian sau tiến vào trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ.

(Theo *Quân đội Nhân dân*)

CHIẾN DỊCH NGHĨA LỘ

Chiến thắng Nghĩa Lộ 18/10/1952 mở toang cánh cửa vào Tây Bắc, tạo bàn đạp cho quân ta giải phóng Điện Biên Phủ năm 1954.

Nghĩa Lộ là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng thuộc vùng cửa ngõ phía Đông đi vào vùng Tây Bắc của Tổ quốc. Là một địa danh không những có truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc đậm nét mà còn có truyền thống yêu nước và cách mạng. Tiêu biểu là cuộc chiến đấu chống giặc Cờ Vàng do thủ lĩnh Chăm Hành đứng đầu và cuộc kháng chiến chống Pháp do Tuần phủ Nguyễn Quang Bích lãnh đạo cùng các nghĩa quân đã lấy Nghĩa Lộ - Mường Lò làm căn cứ chiến đấu, anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược vào những năm cuối thế kỷ XI

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, xác định Nghĩa Lộ có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực miền núi Tây Bắc, thực dân Pháp đã tăng cường lực lượng chiếm đóng, đẩy mạnh xây dựng bộ máy cai trị tay sai của chúng ở vùng đất này. Đến tháng 10-1947, sau khi hoàn thành đánh chiếm lại Nghĩa Lộ (lần 2), thực dân Pháp đã khôi phục ngay hệ thống cai trị của chúng, xây dựng Nghĩa Lộ trở thành phân khu quân sự mạnh nhất trong 4 phân khu của địch án ngữ cửa ngõ phía Đông vùng Tây Bắc. Phân khu Nghĩa Lộ gồm 4 tiểu khu là Nghĩa Lộ, Ba Khe, Gia Hội, Thanh Uyên; Tiểu khu Nghĩa Lộ là nơi đặt sở chỉ huy phân khu của địch có hệ thống đồn bốt dày đặc, sân bay, hầm ngầm kiên cố, với cứ điểm

Nghĩa Lộ phố và cứ điểm Pú Chạng (Nghĩa Lộ đồi) bao quát thung lũng Mường Lò với gần 1.000 quân chiếm giữ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy Yên Bái, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không làm nô lệ". Đảng bộ huyện Văn Chấn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Nghĩa Lộ - Văn Chấn nhất tề đứng dậy đi theo Đảng, Bác Hồ xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở khắp vùng thấp, vùng cao trong huyện.

Trong bối cảnh đó, đầu tháng 10-1951, bộ đội chủ lực của ta đã mở chiến dịch Lý Thường Kiệt. Từ ngày 1-10 đến đêm 9-10 quân ta liên tiếp tấn công địch ở Bản Tú, Đồn Nghĩa Lộ và Đồn Cửa Nhì, làm cho địch tổn thất rất nặng nề. Bộ đội ta đã tiêu diệt và bắt sống gần 2 tiểu đoàn địch, thu nhiều vũ khí quân trang, quân dụng; mở rộng vùng địch hậu, nối lại các cơ sở từ Ca Vịnh, Ba Khe vào Nghĩa Lộ.

Đầu năm 1952 cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã bắt đầu chuyển sang giai đoạn mới, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc, với quyết tâm tiêu diệt địch, giải phóng Tây Bắc, củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giữ vững đường giao thông quốc tế Lào - Vân Nam (Trung Quốc), tạo điều kiện phát triển cách mạng Lào. Đợt một sẽ tập trung binh lực tiêu diệt địch ở phân khu Nghĩa Lộ, giải phóng Nghĩa Lộ; đợt hai sẽ nhanh chóng tiến sang Sơn La, cô lập làm rối loạn hậu phương của địch.

Ngay từ tháng 5-1952 quân và dân Nghĩa Lộ, Văn Chấn, Yên Bái đã tập trung chuẩn bị mọi mặt để phối hợp chuẩn bị chiến dịch; dân quân, du kích cùng bộ đội địa phương đã dẫn đường đưa quân báo của Đại đoàn 308 vào vùng địch khảo sát nắm bắt tình hình; bảo vệ an toàn các con đường từ vùng tự do vào Nghĩa Lộ.

Theo kế hoạch của Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Bắc, được sự giúp đỡ của nhân dân vùng tự do Yên Bái, Mậu A, Trấn Yên đã huy động nhiều thuyền bè, mảng, tổ chức nhiều bến vượt sông đưa bộ đội vào vị trí chiến đấu an toàn.

Trung đoàn 88, 102, Đại đoàn 308 - Đại đoàn quân chủ lực đầu tiên của quân đội ta, từ bến vượt theo đường Đại Bực, Khau Vác vào vị trí xuất

phát tấn công Nghĩa Lộ; Trung đoàn 36 - Đại đoàn 308 từ bến vượt qua đèo Bụt tiến sát Cửa Nhì. Trung đoàn 209, 165 - Đại đoàn 312 bao vây Gia Hội. Trung đoàn 141 - Đại đoàn 312 vào Sài Lương chuẩn bị chiến đấu.

Ngày 14-10-1952, chiến dịch Tây Bắc bắt đầu. Để tạo thế và lực cho mũi tiến công chính vào các cứ điểm kiên cố của phân khu Nghĩa Lộ, trung đoàn 141 (đại đoàn 316) tiến công vị trí Sài Lương, Trung đoàn 174 (đại đoàn 316) tiến công đôn Ca Vịnh. Địch vội vàng rút quân khỏi các đôn Thượng Bằng La, Ba Khe về cứu nguy cho Nghĩa Lộ.

17 giờ 5 phút ngày 17-10, bộ đội ta bắt đầu tiến công vào cứ điểm Nghĩa Lộ. Trung đoàn 102 - Đại đoàn 308 tiến công cứ điểm Pú Chạng (tức Nghĩa Lộ đôi) - Nơi đặt sở chỉ huy phân khu của địch. Sau hơn 3 giờ chiến đấu ác liệt, quân ta đã hoàn toàn làm chủ cứ điểm này, tiêu diệt và bắt sống 400 tên địch, trong đó có tên quan tư Ti-ri-ông, chỉ huy trưởng phân khu, thu toàn bộ vũ khí quân trang, quân dụng.

3 giờ 5 phút sáng ngày 18-10, trung đoàn 88 - Đại đoàn 308 nổ súng tiến công cứ điểm Nghĩa Lộ phố. Địch dựa vào hầm ngầm, lô cốt kiên cố kiên cường chống cự nhưng với sức tiến công mạnh mẽ, áp đảo chỉ sau 2 giờ 20 phút chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ 280 tên địch, thu nhiều vũ khí chiến lợi phẩm. 5 giờ 30 phút ngày 18-10, sau 12 giờ chiến đấu ác liệt hai cứ điểm kiên cố nhất của phân khu Nghĩa Lộ đã bị xóa sổ. Đêm 18-10-1952, quân ta tiếp tục tiến công vị trí Cửa Nhì, tiêu diệt và bắt sống gần 250 tên địch. Bọn địch ở Gia Hội vội rút lên Tú Lệ và tháo chạy sang Sơn La, bộ đội sư đoàn 312 bám sát truy kích địch, tiêu diệt và bắt giữ gần 400 tên. Nghĩa Lộ và các xã trong huyện Văn Chấn được hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Tây Bắc mở màn thắng lợi, Nghĩa Lộ, Văn Chấn và tỉnh Yên Bái được giải phóng hoàn toàn khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Chiến thắng Nghĩa Lộ có ý nghĩa hết sức to lớn: Đã đập tan mắt xích quan trọng trong hệ thống phòng thủ sông Đà của địch, mở thông đường vào Tây Bắc, nối liền với căn cứ địa Việt Bắc; làm tiền đề thuận lợi cho các chiến dịch tiếp theo; tạo thế và lực cho trận quyết chiến, quyết thắng ở Điện Biên Phủ sau này.

Chiến thắng Nghĩa Lộ là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, là sức mạnh cả về ý

chí, tinh thần và vật chất của một dân tộc khát khao độc lập, tự do, không cam chịu nô lệ. Chiến thắng Nghĩa Lộ là một mốc son trong lịch sử cách mạng Việt Nam nói chung và tỉnh Yên Bái, Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn nói riêng. Từ đây nhân dân các dân tộc Nghĩa Lộ và tỉnh Yên Bái được giải phóng khỏi ách kìm kẹp của chế độ thực dân bao đời nay, làm thất bại âm mưu của địch hòng chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc; Chiến thắng Nghĩa Lộ một sự kiện có ý nghĩa về chính trị, xã hội, quân sự, ảnh hưởng sâu rộng trong toàn tỉnh Yên Bái và các vùng lân cận.

Sau ngày quê hương được giải phóng, nhân dân các dân tộc Nghĩa Lộ đã phát huy truyền thống đoàn kết, khẩn trương bắt tay vào khôi phục, xây dựng, ổn định cuộc sống mới. Cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể được củng cố kịp thời lãnh đạo nhân dân thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố xây dựng lực lượng vũ trang, đánh bại âm mưu gây phỉ, bạo động của địch, củng cố vững chắc vùng giải phóng, tiếp tục đóng góp to lớn cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ huyện Văn Chấn, nhân dân các dân tộc Nghĩa Lộ đã hăng hái đi dân công tham gia mở đường 13A; vận chuyển hàng ngàn tấn vũ khí, lương thực, thực phẩm qua đèo Lũng Lô phục vụ chiến dịch, nhiều thanh niên người Thái, Tày, Mường đã hăng hái lên đường tòng quân đánh giặc, hy sinh anh dũng góp phần to lớn cùng quân, dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Ghi nhận những chiến công, đóng góp, cống hiến to lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng và Nhà nước đã phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang thị trấn Nghĩa Lộ (nay là thị xã Nghĩa Lộ).

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh vì hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Nghĩa Lộ tập trung sức phát triển kinh tế - văn hóa, củng cố xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang, đẩy mạnh công tác quốc phòng toàn

dân, tiếp tục đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược mới của đế quốc Mỹ. Với khẩu hiệu “Tay cày, tay súng” quân và dân Nghĩa Lộ đã chiến đấu dũng cảm chống lại các trận ném bom phá hoại của máy bay Mỹ vào thị xã, bắn cháy 1 máy bay phản lực của Mỹ, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc nước ta; hàng ngàn thanh niên Nghĩa Lộ đã lên đường tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu góp phần làm nên chiến thắng 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cùng cả nước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

KÝ ỨC NHỮNG NGÀY ĐI CHIẾN DỊCH

Đánh thắng trận mở màn

Sáu mươi năm đã trôi qua, nhưng ấn tượng về trận tiêu diệt Phân khu Nghĩa Lộ còn in đậm trong tâm trí chúng tôi, những cựu chiến binh của Đại đoàn Quân Tiên Phong - 308, đơn vị đảm nhiệm trọng trách tiến công Phân khu Nghĩa Lộ, mở màn chiến dịch Tây Bắc thu đông 1952. Trung đoàn Thủ Đô (e102) tiêu diệt địch ở Pú Chạng, Trung đoàn Tu Vũ (e88) tiêu diệt địch ở Nghĩa Lộ phố, Trung đoàn Bắc Bắc (e36) tiêu diệt địch ở Cửa Nhì.

Phân khu Nghĩa Lộ là một trong bốn phân khu của giặc Pháp cùng với các Phân khu Sông Đà, Phân khu Sơn La, Phân khu Lai Châu hợp thành Khu tự trị Tây Bắc (gọi tắt là ZANO), chiếm đóng miền Tây Bắc của ta.

Chỉ huy Phân khu Nghĩa Lộ là viên quan tư Tirillon, một tên ác ôn thực dân cáo già từ thời kỳ Pháp thuộc, y nói được tiếng Thái, có mặt ở Tây Bắc từ năm 1940.

Tại thung lũng Nghĩa Lộ, chính giữa là thị trấn, cuối thị trấn về phía tây nam là cứ điểm Nghĩa Lộ (còn gọi là Nghĩa Lộ phố) xây dựng trên vị trí trại lính khố xanh cũ, có khoảng 500 quân đồn trú. Sân bay dã chiến của phân khu trải dài từ cứ điểm Nghĩa Lộ đến gần dãy núi Pú Chạng. Cứ điểm Pú Chạng (còn gọi là Nghĩa Lộ đồi) có 300 quân chiếm đóng ở một địa thế cao. Với hệ thống công sự vững chắc, với địa thế hiểm hóc, lại có vành đai các tiền đồn bảo vệ, khi bị uy hiếp, lại có quân tăng viện bằng nhảy dù, nên viên quan tư Ti-ri-ông cho rằng, Việt Minh không có khả năng đánh Nghĩa Lộ. Y không biết số phận của y sắp được định đoạt.

Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nhận nhiệm vụ do Đại tướng Võ Nguyên Giáp giao trong Hội nghị của Bộ Tổng tư lệnh họp từ ngày 6 đến ngày 9-9-1952. Ông nhận rõ trách nhiệm rất nặng nề: Trận đầu phải thắng! Đó là truyền thống của quân đội ta. Ông giao cho Trung đoàn trưởng 36 Hồng Sơn đi trinh sát đồn Cửa Nhì, còn ông dẫn đầu đoàn cán bộ đi vào Nghĩa Lộ. Phương án tác chiến sơ bộ hiện ra trong đầu ông: “Giao cho Trung đoàn 102 đánh Pú Chàng, Trung đoàn 88 đánh Nghĩa Lộ phố”. Trong đoàn cán bộ, ai cũng biết Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ tuổi cao, mắc bệnh đau dạ dày nặng; Trung đoàn trưởng 102 Vũ Yên đang bị lên một cái nhọt ở bắp đùi, Trung đoàn trưởng 88 Thái Dũng bị cụt bàn tay phải, trèo đèo leo dốc hay bị ngã...

Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ đến Nậm Mười thì gặp đồng chí Sinh, Phó bí thư Huyện ủy Văn Chấn từ vùng địch ra cung cấp tình hình. Đồng chí Sinh là người mà tên Boileau, chỉ huy phó Phân khu Nghĩa Lộ đặt giá cái đầu bằng một tạ muối. Được vài ngày, đoàn cán bộ chuẩn bị chiến trường cạn lương thực, đồng chí Phách cán bộ địa phương đã kịp thời vận động nhân dân bản Hẻo tiếp tế cho đoàn. Lúc đoàn rút ra thì đại đội trưởng súng cối Mạnh Trung lên cơn sốt ly bì, một số chiến sĩ trinh sát dầm sương, ngâm nước, nhện đói, cũng bị ốm nặng. Đồng chí Phách đề nghị với Đại đoàn trưởng để các đồng chí ốm ở lại bản Hẻo...

Đêm 7-10-1952, đại quân vượt sông Thao. Đại đoàn 308 và pháo binh qua bến Âu Lâu, các đơn vị khác qua các bến Mậu A, Cổ Phúc. Chỉ trong một đêm, nhân dân Yên Bái chở hết quân của Đại đoàn 308 và pháo binh sang sông. Thật là một kỳ tích! Người chèo thuyền số đông lớn tuổi, lại có những em gái 15, 16 tuổi, bóng nhỏ vai gầy, cúi rạp xuống dưới sức nặng của mái chèo. Nam nữ thanh niên Yên Bái đi bộ đội, đi dân công hết cả rồi chẳng? Một kỳ tích nữa là cả một tập đoàn chiến dịch gần 5 vạn quân vượt sông Thao tiến vào Tây Bắc mà địch không hề hay biết. Cho tới 10 ngày sau đó, khi quân ta nổ súng tiêu diệt Phân khu Nghĩa Lộ, Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội vẫn đinh ninh là Việt Minh sẽ tấn công hướng đồng bằng Bắc Bộ.

Qua sông, Trung đoàn 102 và Trung đoàn 88 ở mũi tiến công chính theo đường mòn xuyên rừng vượt Khau Vác tiến vào Nghĩa Lộ; Trung đoàn 36 theo đường 13 vượt đèo Bụt tiến vào Cửa Nhì.

Dân công gồng gánh lương thực, đạn dược theo sát bộ đội, đường trơn mưa ướt, có lúc ùn tắc không nhích được nửa bước vẫn cứ gánh gồng trên vai không dám đặt xuống. Đường mòn nhão bùn như vữa, bốc lên mùi tanh của lá mục rừng già, muối vắt hàng đàn, bàn chân bị nước ăn trắng bệch, có chỗ rộp phỏng. Nhưng không một ai lùi bước.

Ngày 14-10-1952, chiến dịch Tây Bắc mở màn. Để tạo thế cho Đại đoàn 308 vào sâu chiếm lĩnh trận địa bao vây tiêu diệt Sở chỉ huy Phân khu Nghĩa Lộ, các trung đoàn của đơn vị bạn đánh trước một số vị trí: Trung đoàn 174 đánh Ca Vịnh, Trung đoàn 141 đánh Sài Lương, quân địch ở các vị trí này bỏ chạy. Trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Gia Phù.

Ngày 15, Tirillon chỉ huy trưởng Phân khu Nghĩa Lộ đưa một đại đội Tabor (lính Maroc) vừa được tăng cường đi sục sạo ở Khau Vác, bị một đơn vị của Đại đoàn 312 tiêu diệt gọn tại Nậm Mười.

Ngày 16-10, các vị trí địch ở Thượng Bằng La, Ba Khe rút chạy. Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội thấy tình hình nghiêm trọng vội ném tiểu đoàn dù số 6, do Marcel Bigeard chỉ huy xuống Tú Lệ để chặn đường tiếp tế của quân ta, giữ Sơn La và giải tỏa cho Nghĩa Lộ. Chúng cũng tăng cường Tiểu đoàn 3 Lê dương lên Nà Sản để bảo vệ Sơn La.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho Đại đoàn 308 nhanh chóng tiến vào bao vây chặt quân địch ở Nghĩa Lộ, không cho chúng rút chạy về Sơn La và nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Ngày 17-10, hai Trung đoàn 102 và 88 từ đỉnh cao 1.500m đổ xuống tiến vào chiếm lĩnh trận địa, bao vây Nghĩa Lộ.

Lợi dụng sương mù, Trung đoàn 102 cùng với pháo binh và súng phòng không chiếm lĩnh những điểm cao đối diện với Pú Chàng, đợi lệnh nổ súng; Trung đoàn 88 chờ trời tối sẽ tiến vào Nghĩa Lộ phố. Trong lúc đó, Trung đoàn 36 đã bao vây Cửa Nhì.

14 giờ 30 phút, pháo binh ta bắn phá trận địa pháo 105mm của địch ở Nghĩa Lộ phố, tạo điều kiện cho Trung đoàn 102 từ 3 hướng chia làm nhiều mũi tiến đánh Pú Chàng. Ba tốp máy bay F8F Bearcat và một tốp B26 xuất hiện trên bầu trời, ném bom napan và bom phá vào đội hình xuất phát xung phong, làm 34 cán bộ, chiến sĩ bị thương, trong đó có Trung đoàn phó Hùng Sinh. Bộ đội phòng không nghênh chiến, bắn rơi 2 chiếc Bearcat. Đại đội chủ công 267 lọt vào đồn, nhanh chóng thọc sâu chia cắt

quân địch. Đến 20 giờ, Trung đoàn 102 tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Pú Chạng, bắt sống 177 tên địch, trong đó có viên quan tư Tirillon. Trong lúc quân ta thu dọn chiến trường, máy bay địch lại ném bom xuống trận địa, Tiểu đoàn trưởng Vũ Phương hy sinh ngay dưới chân đồi. Tôi rất quen biết Vũ Phương, một cán bộ trẻ tuổi, thông minh, dũng cảm đã đánh thắng trận Bình Ca năm 1947. Khi ấy tôi là chính trị viên tiểu đoàn, đã kết nạp Vũ Phương vào Đảng ngay sau chiến thắng. Rồi Vũ Phương đánh thắng trận Non Nước và lần này đánh thắng trận Pú Chạng, anh đã anh dũng hy sinh.

Cứ điểm Pú Chạng bị tiêu diệt sớm, Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ ra lệnh cho Trung đoàn 88 chiếm lĩnh trận địa dưới ánh pháo sáng và đèn dù của máy bay địch, đến 3 giờ sáng ngày 18-10 thì nổ súng. Giai đoạn mở của đợt phá diễn ra rất gay go. Bộ đội ta vừa đối phó với máy bay vừa khẩn trương diệt các ổ đề kháng của địch trong cứ điểm. Đến 8 giờ sáng ngày 18, Trung đoàn 88 tiêu diệt hoàn toàn vị trí Nghĩa Lộ phố, bắt 235 tên địch. Ta thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng, trong đó có 2 khẩu pháo 105mm và hàng nghìn viên đạn pháo.

Tại Cửa Nhì, địch cũng dùng máy bay thả bom Napan xuống trận địa bao vây của ta. Có người trúng napan lăn mình dập lửa rồi tiếp tục vây ép địch. Năm đúng thời cơ lúc quân địch chuẩn bị rút chạy, Trung đoàn trưởng Hồng Sơn ra lệnh tấn công. Trận đánh diễn ra nhanh, gọn. Trong đêm 18, Trung đoàn 36 diệt đồn Cửa Nhì, bắt sống 80 tên địch, trong đó có 2 tên sĩ quan chỉ huy. Đại đoàn 308 đã hoàn thành nhiệm vụ. Cả 3 trung đoàn đều lập công xuất sắc.

Tại Cửa Nhì, Tiểu đoàn phó Tường (có biệt hiệu là Tường kính) hy sinh. Đó là một cán bộ trẻ, có cặp mắt tươi cười sau cặp kính trắng, rất có năng lực, đầy triển vọng. Anh vấp phải mìn khi đi trinh sát. Trong khi Đại đoàn 308 tiêu diệt Sở chỉ huy Phân khu Nghĩa Lộ thì trên các hướng khác, Trung đoàn 98 tiêu diệt Sở chỉ huy Tiểu khu Phù Yên; địch ở Vạn Yên rút chạy.

Trên hướng Bắc, dưới áp lực của Đại đoàn 312, quân địch ở Gia Hội rút chạy về Tú Lệ, nhập với tiểu đoàn dù tháo chạy về phía sông Đà. Trung đoàn 165 đuổi địch suốt 5 ngày đêm, diệt và làm tan rã hàng trăm quân địch. Ngày 23-10, Đại đoàn 312 đã có mặt ở bờ sông Đà.

★★★

Phía mũi vu hồi chiến dịch đánh vào sau lưng địch ở Lai Châu, Tiểu đoàn 910 (Trung đoàn 148) từ Lào Cai tiến vào Quỳnh Nhai đánh tan một tiểu đoàn ngụy và một tiểu đoàn Tabor tới cứu viện.

Sau 10 ngày đêm chiến đấu (từ 14-10 đến 23-10-1952), ta đã giải phóng một khu vực rộng lớn vùng hữu ngạn sông Thao, tả ngạn sông Đà từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, làm chủ con đường 13 nối liền Yên Bái với Nghĩa Lộ. Phân khu Nghĩa Lộ và Tiểu khu Phù Yên bị tiêu diệt. Ta diệt 500 tên địch, bắt sống hơn 1.000 tên, trong đó có 300 lính Âu - Phi, nhiều sĩ quan, chỉ huy các cấp.

Đợt một chiến dịch kết thúc thắng lợi.

Bảo vệ vững chắc hậu phương

Mở màn Chiến dịch Tây Bắc, chỉ trong mười ngày, quân ta đã tiêu diệt Phân khu Nghĩa Lộ, Tiểu khu Phù Yên, giải phóng vùng hữu ngạn sông Thao, tả ngạn sông Đà từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, áp sát sông Đà, chuẩn bị vượt sông tiến sâu vào Tây Bắc.

Quân Pháp đối phó quyết liệt. Một mặt chúng lập phòng tuyến hữu ngạn sông Đà, tăng quân lập tập đoàn cứ điểm Nà Sản; mặt khác, chúng huy động lực lượng mở cuộc hành binh Loren đánh lên hậu phương chiến dịch ở Phú Thọ nhằm triệt đường tiếp tế, tàn phá làng mạc, kho tàng, hòng kéo lực lượng ta về để giảm nhẹ áp lực ở Tây Bắc.

Trong các chiến dịch quân sự mà quân Pháp đã tiến hành cho tới lúc đó ở Đông Dương, thì Loren là cuộc hành binh lớn nhất. Lực lượng gồm: 4 binh đoàn cơ động, 3 tiểu đoàn dù, 5 đội commando, 2 tiểu đoàn thiết giáp, 2 đại đội chiến xa hạng nhẹ và thiết giáp trinh sát, 2 thủy đoàn xung kích, 2 cụm pháo binh cùng các đơn vị công binh, tổng số quân lên đến 30.000 người. Cuộc hành binh Loren do Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, De Linares lập kế hoạch và trực tiếp chỉ huy.

Ngày 28-10-1952, quân địch từ Trung Hà, Việt Trì theo đường sông và đường số 2 đánh lên thị xã Phú Thọ. Ngày 8-11-1952, chúng cho quân nhảy dù xuống Đoan Hùng.

Sự kiện này xảy ra không ngoài dự kiến của Bộ Tổng tư lệnh. Trong hồi ức của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Ta đã dự kiến khi mở Chiến dịch Tây Bắc, địch có thể đánh lên Phú Thọ, nên đã bố trí tại đây

Trung đoàn 176 một tiểu đoàn của Trung đoàn 146 cùng bộ đội địa phương với nhiệm vụ ngăn chặn quân địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ kho tàng”.

Bộ Tổng tư lệnh quyết định giữ vững quyền chủ động tiếp tục thực hiện đợt hai chiến dịch Tây Bắc, vượt sông Đà tiến vào giải phóng Sơn La, chỉ rút khỏi đội hình chiến dịch một trung đoàn, nhanh chóng quay về tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, cùng với bộ đội chủ lực và địa phương phá âm mưu địch đánh vào hậu phương ta. Đơn vị được trao nhiệm vụ là Trung đoàn 36, một trung đoàn giỏi đánh vận động, do tiền phương Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy. Thời gian nổ súng đánh địch ở Phú Thọ được quy định chậm nhất là ngày 14-11-1952, trước khi đợt hai chiến dịch bắt đầu.

Tại Phú Thọ, nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp, kho tàng đã được lệnh sơ tán vào rừng. Quân và dân Phú Thọ sẵn sàng nghênh chiến. Giặc Pháp bước chân vào huyện Tam Nông đã bị chặn đánh, chết 40 tên. Du kích một xã ở Lâm Thao một ngày ba lần đánh bật địch ra khỏi xã, diệt 20 tên. Du kích thị xã Phú Thọ giật bom tiêu diệt một trung đội địch. Dân quân Thanh Ba diệt 10 tên giặc. Dân quân Phù Ninh bám đường số 2 đánh mìn, diệt một xe... Tuy chỉ một, hai xe cơ giới bị lật đổ, vài tên giặc gục xuống, nhưng hiệu quả lớn hơn nhiều: Binh lính địch gờm sợ, không dám tiến sâu vào hai bên đường, đốt nhà, phá phách. Tuy vậy, chúng cũng phá được 3 kho gạo, 1 kho muối, 1 kho vũ khí hơn 100 tấn ta chưa kịp di chuyển.

Sau nửa tháng hành quân, cuộc hành binh Loren với 3 vạn quân Pháp đánh lên Phú Thọ không mang lại cho chúng kết quả mong đợi. Ở Tây Bắc, quân ta vượt sông Đà, tiếp tục tiến công địch.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, nắm thời cơ lúc đại bộ phận quân cơ động bị địch giam chân ở Phú Thọ, hai Đại đoàn 320 và 304 tiến sâu vào vùng hậu địch trống rỗng như trong Chiến dịch Hòa Bình cuối năm 1951. Trong vòng 10 ngày, từ 5 đến 15-11-1952, chỉ riêng bên tả ngạn sông Hồng đã có tới 34 vị trí từ một trung đội đến một đại đội địch bị quân ta tiêu diệt, 16 vị trí rút chạy và 29 vị trí bị bao vây. Sáng 14-11-1952, quân ta đánh vào Phát Diệm, bắn chìm 3 tàu địch và tiêu diệt 3 đại đội đồn trú.

Bộ chỉ huy Pháp ở vào tình thế buộc phải rút quân về cứu nguy cho đồng bằng Bắc bộ. Cũng có thể chúng đã phát hiện có một bộ phận chủ lực ta ở Tây Bắc đã quay về.

Chiều 14-11-1952, Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, tướng Salan ra lệnh rút quân.

Lúc này, Trung đoàn 36 đã kịp về đến đất Phú Thọ sau một cuộc hành quân thần tốc đi liên tục 4 ngày 3 đêm từ Cửa Nhì về Phú Thọ. Bộ đội hành quân thâu đêm suốt sáng, chân bước vội vã như chạy, như bay. Điều gì thôi thúc chiến sĩ như vậy? Đó là các tin tức: "Địch đánh lên Phú Thọ!"... "Chúng chiếm Thái Ninh rồi!"... "Chúng nhảy dù Phú Đơan!".

Theo kế hoạch ban đầu, Trung đoàn trưởng Hồng Sơn đã thống nhất với Chỉ huy trưởng Mặt trận Phú Thọ Vũ Hiến, Trung đoàn 36 sẽ đánh đồn địch ở Vân Mộng. Qua sông Hồng, trung đoàn đi đến khu vực Tăng Mỹ, giấu quân bí mật, không chạm trán với quân địch đi càn quét, tích cực chuẩn bị cho trận đánh đồn Vân Mộng diễn ra vào tối 16-11-1952.

Đúng ngày 16-11-1952, trung đoàn nhận được tin địch rút. Điện của tiền phương Bộ Tổng tư lệnh: "Địch bắt đầu rút. Sơn Đông tìm cách đánh ngay" (Sơn Đông là bí danh của Trung đoàn 36 trong Chiến dịch Tây Bắc). Trinh sát của Trung đoàn 36 phái đi trước quay về báo tin: Từ sáng đến chiều 15-11, có 90 xe địch từ Đơan Hùng về Phú Hộ.

Trung đoàn trưởng Hồng Sơn chỉ huy trung đoàn đã nhiều năm, biết rất rõ năng lực của trung đoàn: Tích cực chủ động, cơ động linh hoạt, đã đánh là thắng, đã đánh là quyết định chiến trường. Đó là truyền thống Quân Tiên Phong. Trung đoàn trưởng chuyển quyết tâm tác chiến từ đánh đồn sang phục kích đánh địch rút lui. Thời gian rất gấp, phải đánh ngay sáng hôm sau (17-11), không để cho địch rút quá xuống dưới, địa hình trống trải khó đánh. Khu vực được chọn để phục kích là đoạn đường số 2 từ Chân Mộng đến Trạm Thản.

Cán bộ quân sự đi trước, vừa đi vừa hình thành kế hoạch tác chiến, vừa đi vừa giao nhiệm vụ: Tiểu đoàn 80 chặn đầu, Tiểu đoàn 89 khóa đuôi, gọi Tiểu đoàn 84 về làm dự bị.

Địch chốt 3 đồn ở Vân Mộng, Châu Mộng, Năng Yên. Đoàn cán bộ quân sự do Trung đoàn trưởng Hồng Sơn, các Tiểu đoàn trưởng Cao Lưu, Mai Xuân Tân dẫn đầu đang tìm đường mòn ra đường số 2 thì từ một bụi cây, một ông già tay cầm rìu xuất hiện, nói khề: "Bộ đội đi đâu? Đồn Năng Yên kia! Nói to nó nghe thấy?". Đó là cụ Nguyễn Văn Kính quen gọi là ông già "Lán than", chuyên chặt củi đốt than. Cụ dẫn đoàn cán bộ tránh

đồn địch, đi ra đường số 2. Trung đoàn trưởng chỉ khu vực bố trí cho các đơn vị, giao nhiệm vụ tại thực địa. Ông già "Lán than" dắt Tiểu đoàn trưởng Cao Lưu và Tiểu đoàn 89 ra nơi ém quân. Phía tiểu đoàn 80 có đồng chí Bình, dân quân xã dẫn đường. Những người đi sau cùng xóa sạch dấu vết. Trận địa phục kích được hình thành trước 5 giờ sáng. Tiết đông lạnh lẽo, trời đầy mây, gió thổi rào rạt. Các chiến sĩ 36 thu mình dưới tán lá rừng đào công sự, chờ giặc đến. Chỉ có vài tổ cảnh giới bí mật bám đường.

Về phía địch, binh đoàn lính dù do Đơ Cuốc-nô chỉ huy đã rút an toàn về tới Việt Trì chiều 15-11. Lực lượng còn lại tập kết tại Đuan Hùng, sáng 17-11 bắt đầu rút, GM4 đi đầu do Kéc-ga-va-rat chỉ huy. GM1 đi sau do Bát-tia-va-ni chỉ huy. Mỗi đơn vị đều có pháo binh, có xe tăng thiết giáp yểm trợ riêng.

Đoàn cơ giới địch nặng nề rời Chân Mộng đi vào thung lũng. Chúng xua đẩy một số đồng bào ta bị bắt đi đầu làm bia đỡ đạn. Chờ cho số đồng bào và bộ phận đi đầu vượt qua trận địa, Trung đoàn trưởng Hồng Sơn hạ lệnh đánh. Kèn lệnh vang lên, toàn trận địa nổ súng. Địch bị hoàn toàn bất ngờ. Ngay từ loạt đạn đầu, hàng chục xe địch bốc cháy, hàng trăm tên địch trúng đạn. Quân ta từ các cánh rừng hai bên đường số 2 tràn xuống, xông vào đội hình xe và binh lính địch đang hoảng loạn, diệt địch. Đội hình địch bị đánh vào khúc giữa. Số xe đi đầu (40 chiếc) chạy thoát về Phú Hộ. Số đi sau chùn lại ở đồn Chân Mộng. Ta đánh nhanh rút nhanh, bắt tù binh, thu vũ khí. Đốt xe xong, ta lui quân, chỉ để lại một lực lượng nhỏ kiểm chế. Suốt ngày 17-11, địch co lại ở đồn Chân Mộng không dám cựa, đến sáng tối, chúng bí mật rút chạy, nhưng thật bất ngờ, đúng lúc đó, Tiểu đoàn 84 xuất hiện.

Tiểu đoàn 84 đi đánh địch ở Đồn Vàng, nhưng địch ở đó đã rút. Tiểu đoàn trưởng Sơn Mã cho hành quân cấp tốc theo hướng có tiếng súng nổ. Gặp đoàn xe đi cuối, Sơn Mã ra lệnh đuổi theo trong đêm. Đường số 2 đầy xác lính địch và xe cháy làm cho Tiểu đoàn 84 càng hăng say truy kích. Tiểu đoàn trưởng Sơn Mã dẫn đầu bị trúng đạn hy sinh. Chiến sĩ Trần Văn Thoa căm thù đuổi theo dùng thủ pháo diệt xe. Tiểu đoàn 84 đuổi kịp địch, đánh vào những xe đi cuối ở Trạm Thản. Trận phục kích Chân Mộng-Trạm Thản kết thúc lúc 9 giờ tối 17-11-1952. Kết quả: Ta diệt 400

địch, bắt sống 84 tên, bắn cháy 44 xe cơ giới có 17 thiết giáp, thu 1 xe tăng còn nguyên vẹn.

Lúc ấy, tôi là Phó chính ủy Trung đoàn 36 cùng với Ban Chỉ huy trung đoàn nhanh chóng đưa Trung đoàn từ Tây Bắc quay về Phú Thọ đánh thắng trận Chân Mộng-Trạm Thản, tham gia bảo vệ hậu phương chiến dịch.

Sau đó trung đoàn ở lại Phú Thọ giúp đồng bào khắc phục hậu quả cuộc hành binh Lo-ren của giặc Pháp. Chúng tôi không tham dự đợt hai Chiến dịch Tây Bắc.

Đợt hai Chiến dịch Tây Bắc, đêm 15 và 16-11-1952, đại quân ta vượt sông Đà. Sau gần một tháng chiến đấu, ta đã giải phóng toàn tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản) và một phần quan trọng tỉnh Lai Châu.

Ngày 10-12-1952, Chiến dịch Tây Bắc kết thúc, giành thắng lợi to lớn. Chiến thắng Tây Bắc Thu - Đông 1952 đã mở đường cho chiến thắng Thượng Lào, giải phóng Sầm Nưa tháng 5-1953, chiến thắng giải phóng Lai Châu tháng 12-1953 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ tháng 5-1954.

Trung tướng Phạm Hồng Cư (Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH TÂY BẮC 1952 - NHÌN TỪ PHÍA BÊN KIA

THẤT BẠI ĐƯỢC DỰ ĐOÁN

60 năm đã trôi qua kể từ khi diễn ra chiến dịch Tây Bắc 1952, tại Pháp và các nước phương Tây đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp. Trong khi phần lớn các ý kiến đều cho rằng chiến dịch Tây Bắc là một thất bại về chiến lược của thực dân Pháp.

Năm 1952, thắng lợi liên tiếp và sự trưởng thành của quân và dân ta, nhất là từ sau Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 làm cho tình hình nước Pháp càng rối ren. Chỉ trong tháng 2 và tháng 3-1952, nội các Pháp đổ liên tiếp 3 lần. De Lattre de Tassigny bị gọi về nước rồi chết. Salan lên làm Tổng tư lệnh. Ducourneau làm Cao ủy Đông Dương. Trên chiến trường Việt Nam, thực dân Pháp chủ trương thực hiện chiến lược phòng ngự, ráo riết bình định các vùng tạm chiếm.

Trong bối cảnh đó, dựa vào so sánh lực lượng giữa ta và địch, căn cứ vào đề nghị của Tổng quân ủy và Bộ Tổng tham mưu, Bộ Chính trị Trung

ương Đảng ta quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc (từ 14-10 đến 10-12-1952).

Thời điểm trước khi diễn ra chiến dịch, đời sống và bối cảnh chính trị của nhân dân Pháp vẫn là vấn đề nan giải đối với Chính phủ lâm thời. Tờ tuần báo Hành động (L'Action) số ra ngày 2-4-1952, ký giả người Pháp Henri Clau viết: "Dự luận tiến bộ lên án Chính phủ Pháp đang theo đuổi cuộc chiến ở Đông Dương, nhân dân Pháp bất bình vì tình trạng bất lính kéo dài".

Tại Hà Nội, nơi quân Pháp coi là "cái nút của chiến tranh", tình hình không mấy lạc quan. Các nguồn tin tức đều cho thấy chiến sự sẽ xảy ra mà quân Pháp ngày càng đuối sức về mọi mặt. Tổng chỉ huy Sa-lăng vội vã điện về chính quốc xin viện trợ về lực lượng và tài chính nhưng không được chấp nhận. Khi đó, Béc-na Xta-đi là Phó chủ tịch Quốc hội phụ trách các vấn đề an ninh, tỏ ra thờ ơ và không đệ trình Chính phủ.

Liên tiếp trong hai tháng 7 và 8-1952, nhiều cuộc họp của tướng tá Pháp đã diễn ra tại Sài Gòn và Hà Nội, ngoài việc xin viện trợ từ chính quốc còn tập trung phán đoán hướng tiến công của Việt Minh nhưng không có gì sáng sủa mà chỉ dừng ở nhận định: "Tình hình ở Tây Bắc không mấy tốt đẹp, chiến sự có thể xảy ra".

Cũng trong thời gian này, một số nhà nghiên cứu quân sự phương Tây lại nhận định rằng: "Nhìn vào nội tình chính trị nước Pháp và cuộc chiến tranh mà Pháp đang theo đuổi, chiến dịch có thể diễn ra cuối năm 1952. Nhưng rồi chiều hướng ngày càng xấu đi về mọi mặt đối với giới cầm quyền Pháp. Không hiểu số phận của cuộc chiến đi đến đâu nhưng nhân dân yêu chuộng tự do, hòa bình ở Pháp đều bất bình".

Từ những nhận xét trên đây, không chỉ Bộ chỉ huy Pháp mà người cầm quân trực tiếp là Tướng Sa-lăng cũng tỏ ra lo lắng cho số phận của vùng Tây Bắc. Điều lo lắng ấy không có phương sách đối phó nào khác hơn khi mà chiến trường quá rộng, lực lượng Pháp và nguy đều rất hạn chế.

Về phía ta, đến thời điểm này, công tác phòng gian, giữ bí mật, nghi binh được thực hiện tốt nên địch không phát hiện được hướng tiến công chủ yếu của ta là Tây Bắc, mà chúng nghi ngờ ta sẽ tiến công vùng đồng bằng. Bởi vậy, tướng Salan cho dàn các lực lượng cơ động dọc tuyến Trung

du và phần lớn trên sông Đáy. Tất cả các cứ điểm của địch ở đồng bằng và Trung du được lệnh báo động khẩn cấp, điều đó rất trùng ý định nghi binh của ta.

Cuối tháng 9, qua tin tức tình báo, phía Pháp nghi ngờ hướng tiến công của ta, Tổng chỉ huy Sa-lăng lệnh báo động toàn khu Tây Bắc từ ngày 4-10. Đồng thời, chúng nhanh chóng triển khai lực lượng.

Sau khi ta chuẩn bị về mọi mặt, theo đúng kế hoạch, giai đoạn 1 chiến dịch bắt đầu từ ngày 14-10, các mũi tiến công nhanh chóng thọc sâu, chia cắt địch. Trước diễn biến quá nhanh, Salan không kịp trở tay. Ngày 15-10, viên Tổng chỉ huy tháo gáp chỉ thị mật từ Sài Gòn và giao cho Đại tá Bút-xa-ri chuyển cho De Linares chỉ huy quân Pháp tại Hà Nội, trong đó chỉ rõ: “Nghĩa Lộ và Sơn La đang bị uy hiếp nặng nề... nhưng các yếu tố nắm được chưa cho phép chúng ta có chủ trương... Phải đợi cho Việt Minh lộ rõ ý định của họ”, và “Địa hình rừng núi đang buộc đối phương phải phân tán. Đó là nhân tố thuận lợi cần chú ý. Để tăng cường cho Nghĩa Lộ và bảo vệ Sơn La, không cần phải ném quân xuống Gia Hội hay Tú Lệ vì hai nơi này quá xa Nghĩa Lộ. Trước mắt, phải dành phần lớn không quân yểm trợ cho Tây Bắc”. Bản chỉ thị tới Tây Bắc quá chậm, sáng sớm 16-10, tiểu đoàn dù số 6 do thiếu tá Bi-gia chỉ huy đã đổ quân xuống Tú Lệ.

Khi đó, Tổng chỉ huy Salan đang ở Sài Gòn vẫn từng giờ, từng phút chờ đợi De Linares điện báo về và tự thú nhận rằng, đêm 17-10 là “một đêm đầy lo âu, vì những tin tức hàng giờ bay vào Sài Gòn luôn mâu thuẫn nhau”.

Ngày 18-10, mọi lo ngại của tướng Salan đã thành sự thật, De Linares bay từ Tây Bắc về Hà Nội báo cáo: “Thế là hết”. Nội dung ngắn gọn nhưng viên Tổng chỉ huy đã hiểu mọi điều. Thêm vào đó, Béc-na Phôn khẳng định: “Từ trên máy bay, các phi công nhìn thấy rất rõ từng đoàn tù binh kéo đi, tay giơ quá đầu, lê bước giữa hai hàng lính Việt Minh”.

Đến hết ngày 18-10, ta đã đánh những trận then chốt đầu tiên của chiến dịch ở khu vực Nghĩa Lộ thành công. Đây cũng là đòn choáng váng đối với địch. Khi trả lời báo chí về sự thất bại nhanh chóng, Tổng chỉ huy Sa-lăng biện minh: “Ông Giáp đã bất ngờ tập trung Sư đoàn 308 vào Nghĩa Lộ. Các hướng khác như Sầm Nưa, Mường Hét, Mường Hum... chỉ là nghi binh”. Do bị bất ngờ về hướng tiến công và không có sự chuẩn bị

trước về mọi mặt nên thất bại ngay từ trận đầu đối với Pháp là điều dễ hiểu.

THẮNG LỢI VỀ MỌI MẶT

Bước sang giai đoạn 2 của chiến dịch, từ ngày 17 đến ngày 23-11, tướng Salan vội vã điều lên Tây Bắc 6 tiểu đoàn, đồng thời cho xây dựng “con đê ngăn sóng” Nà Sản để hỗ trợ cho Lai Châu và Sơn La hòng “chặn đối phương tràn sang đất Lào”.

Bước sang giai đoạn 2 của chiến dịch, từ ngày 17 đến ngày 23-11, tướng Salan vội vã điều lên Tây Bắc 6 tiểu đoàn, đồng thời cho xây dựng “con đê ngăn sóng” Nà Sản để hỗ trợ cho Lai Châu và Sơn La hòng “chặn đối phương tràn sang đất Lào”. Mặc dù có nhiều biện pháp để chống trả ta như vậy, nhưng theo báo cáo của phòng Nhì Pháp thì tình hình chiến trường thật bi đát: “Quân lính quá mệt mỏi, họ phải chịu đựng thời kỳ tệ hại nhất. Cuộc sống mệt mỏi, những trận tấn công không dứt cách từ 30 đến 50km, ở đó địa hình thù địch còn cộng thêm vào nỗi mệt nhọc của mọi người”.

Biết chắc không thể kéo dài cuộc chiến tại Tây Bắc, Salan không còn có cách gì khác hơn ngoài việc chỉ thị gấp cho Bi-gia rút chạy ngay khỏi Tú Lệ để “tránh đòn thứ hai của đối phương”.

Trong những ngày diễn ra chiến dịch, các phóng viên liên tiếp chuyển tin và bài về nước. Báo chí Pháp và phương Tây đăng tải các tít trên trang nhất với nhan đề: “Cuộc rút lui khỏi Tú Lệ”, “Họ từ địa ngục trở về”; “Trang sử bi thảm”. Nhà văn nổi tiếng người Pháp Jules Roy trong bài “Cuộc rút lui của một ngàn con người” nói về tiểu đoàn dù số 6 đã viết: “Quân Việt Minh không bắn và lúc đó Bigeard hiểu ra vì sao bọn họ để yên cho đơn vị đồn trú tiếp đón vui vẻ đại đội của Gia Hội. Bởi vì, bọn họ muốn có một trận đại thắng”.

Như vậy, kế hoạch điều gấp Tiểu đoàn dù số 6 của Salan đã thất bại hoàn toàn. Đợt 2 chiến dịch kết thúc nhanh chóng trong thế bại trận của Pháp.

Tiếp theo, đợt 3 chiến dịch tiến công tập đoàn cứ điểm Nà Sản diễn ra từ ngày 30-11 đến ngày 10-12. Tại Nà Sản quân Pháp bị cô lập, việc tiếp tế hoàn toàn phụ thuộc vào đường không, công sự sơ sài, tinh thần binh lính bạc nhược. Mặt khác, tuy là hình thức phòng ngự mới nhưng tập

đoàn cứ điểm này được thành lập trong thế bị động, địch đang ở thế “tiến thoái lưỡng nan”, rút thì bị thất bại lớn, giữ thì bị cô lập và có thể bị tiêu diệt. Vì vậy, Bộ chỉ huy và Đảng ủy chiến dịch của ta hạ quyết tâm: Tập trung lực lượng mở đợt tiến công thứ 3, tiêu diệt địch ở Nà Sản, giành toàn thắng. Nhưng trong quá trình tiến công Nà Sản, ta gặp rất nhiều khó khăn bởi sự chống trả quyết liệt của đối phương. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy cần có thêm thời gian chuẩn bị về mọi mặt đã quyết định kết thúc chiến dịch để tránh thương vong.

Trước quyết định sáng suốt của ta, trong hồi ký: “Việt Minh - địch thủ của tôi”, tướng Sa-lăng cũng phải thú nhận: “Không thể tiếp tục tiến công Nà Sản, nhưng đối phương chẳng hề giảm quyết tâm tiến tới tiêu diệt các cứ điểm mạnh của Pháp”. Tờ Nhật báo (Journal de Genève) thẳng thắn rằng: “Pháp thất bại vì đã phạm sai lầm trên nhiều phương diện. Việc Pháp phải chấp nhận bỏ lại người, quân trang, quân dụng tại chiến trường Tây Bắc là tất yếu”.

Khi kết thúc chiến dịch, nhiều sách, báo Pháp và phương Tây đã tiết lộ nguyên nhân lớn nhất mà Pháp thất bại tại Tây Bắc là không phán đoán được hướng tiến công chủ yếu của đối phương để có biện pháp đối phó kịp thời. Còn Lơ-tuốc-nô, Cao ủy Pháp tại Đông Dương trả lời phỏng vấn hãng thông tấn Mỹ UP phải thừa nhận: “Một khi quân Việt Minh được tung ra thì khó mà chặn họ lại được và họ càng chậm hành động thì cuộc tiến công sắp tới của họ càng ác liệt hơn. Họ giành chiến thắng tại Tây Bắc là tất yếu”.

Một điều không thể phủ nhận về nguyên nhân thất bại của Pháp trong chiến dịch Tây Bắc chính là sự lớn mạnh nhanh chóng của quân đội Việt Minh. Trong báo cáo của Bộ Tham mưu Pháp ngày 15-11-1952 ghi rõ: “Vào giữa năm 1952, quân đội Việt Minh đã đạt tới trình độ phát triển cao, bao gồm lực lượng tổng dự bị và những trung đoàn và tiểu đoàn độc lập, nhất là ở các vùng châu thổ”.

Cùng với các cuốn sách, hồi ký, bài báo, dư luận tiến bộ Pháp và phương Tây cũng vạch rõ nguyên nhân thắng lợi của Việt Minh là vì họ mưu trí, dũng cảm, biết kiếm chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu, làm tiêu hao lực lượng của Pháp trên khắp chiến trường Tây Bắc.

Sự thật chiến dịch Tây Bắc đã diễn ra như vậy, nhưng ở Pháp và một số nước phương Tây cũng có hẳn những chiến dịch xuyên tạc và vu cáo Việt Nam ở những góc độ khác nhau. Song, Đảng cộng sản Pháp đã bằng những bài diễn văn, bài báo, bằng những cuộc tranh luận công khai trên đài phát thanh và truyền hình, lên án mạnh mẽ giới cầm quyền phản động Pháp đã tiêu tốn của cải, tiền bạc và gây thương vong lớn cho binh lính Pháp tại chiến trường Tây Bắc. Đối với ta, chiến dịch tiến công Tây Bắc giành được thắng lợi về mọi mặt. Một bộ phận quan trọng sinh lực địch bị tiêu diệt; giải phóng đất đai và tranh thủ nhân dân, góp phần làm đảo lộn thế bố trí chiến lược; khắc sâu thêm mâu thuẫn và chỗ yếu của địch; phá vỡ “binh phong” che chở cho địch ở Thượng Lào. Thắng lợi này cũng góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng của ba nước Đông Dương và phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Pháp.

Trung tá, TS Trương Mai Hương (Báo Quân đội nhân dân)

CÔNG BINH NHƯ CÁN MÁC

Ngày 25-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34-SL về việc thành lập *Công chính giao thông cục*, trực thuộc Bộ Quốc phòng. Đây là tổ chức tiền thân của Bộ tư lệnh Công binh ngày nay và ngày 25-3 hằng năm trở thành Ngày truyền thống của Binh chủng Công binh anh hùng, binh chủng đã được Đảng và Nhà nước thưởng Huân chương Sao Vàng. Đặc biệt, bộ đội công binh rất tự hào từng nhiều lần được Bác Hồ đến thăm, nói chuyện và tặng nhiều phần thưởng cao quý, trong đó có lời dạy bất hủ: “Bộ binh như mũi mác, công binh như cán mác. Cán có chắc, mũi có sắc, thì mác mới đâm được giặc” và lá cờ thêu 4 chữ vàng “Mở đường thắng lợi”!

Đầu tháng 12-1946, để chuẩn bị cho cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược sắp sửa nổ ra, Bộ Quốc phòng quyết định đổi Công chính Giao thông cục thành Giao thông Công binh cục. Đến tháng 2-1949, khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn mới, Giao thông Công binh cục được đổi thành Cục Công binh.

Ngày 1-1-1951, Bộ Quốc phòng ra Nghị quyết số 10/NĐ về việc “Chuyển Cục Công binh làm cơ sở để thành lập trung đoàn công binh”. Đúng 1 tuần sau, ngày 7-1-1951, Bộ ra Quyết định số 44/QĐ về việc “Thành lập Trung đoàn Công binh 151 trực thuộc Bộ Tổng tham mưu...”.

Ngày 15-1-1951, tại một khu rừng thuộc xã Hợp Thành, huyện Phú Lương -Thái Nguyên, Lễ thành lập Trung đoàn Công binh 151 được tiến hành trọng thể. Lực lượng nòng cốt buổi đầu của trung đoàn là Tiểu đoàn 333 từ Cục Công binh chuyển về và Tiểu đoàn 60 từ Đại đoàn 308 điều sang. Đây chính là cái nôi nuôi dưỡng và phát triển lên một loạt các đơn vị công binh chiến dịch, chiến lược của quân đội ta sau này.

Khi Trung đoàn 151 thành lập thì 2 Tiểu đoàn 333 và 60 đang trực tiếp tham gia Chiến dịch Trần Hưng Đạo, còn gọi là Chiến dịch Trung Du, từ tháng 12-1950 đến tháng 1-1951. Như vậy là ngay từ khi thành lập, Trung đoàn Công binh 151 đã có thành tích tham gia phục vụ một chiến dịch lớn. Tiếp đó, trung đoàn được lệnh tham gia Chiến dịch Hoàng Hoa Thám, từ ngày 20-3 đến ngày 7-4 năm 1951. Đây là chiến dịch phản công đánh vào phòng tuyến vùng Đông Bắc của địch, theo trục đường 18 từ Phả Lại đến Uông Bí. Đại đội 250 của Tiểu đoàn 333 nhận nhiệm vụ làm sở chỉ huy chiến dịch. Trong đó Trung đội 2 nhận nhiệm vụ làm lán và hầm ở khu làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sáng 1-3-1951, khi Trung đội 2 đang cưa gỗ, đào đất hoàn thiện công việc ở gần lán của Đại tướng (tuy sở chỉ huy chưa hoàn thiện nhưng Đại tướng đã vào làm việc) thì Bác Hồ đến làm việc với Đại tướng. Anh em nhận ra Bác liền thay nhau đến trước cửa lán, vờ đo đạc để tranh thủ được ngắm Bác. Biết được nguyện vọng của anh em, Đại tướng lệnh cho trung đội trưởng tập hợp đơn vị để nghe Bác Hồ nói chuyện. Anh em mừng quá chạy ủa đến nhanh chóng xếp hàng ngay ngắn. Bác cùng Đại tướng và đồng chí Trần Đăng Ninh -Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp - bước đến trước đội hình. Sau khi nghe đồng chí Trung đội trưởng Nguyễn Viết Ngọ báo cáo, Bác ân cần thăm hỏi tình hình sức khỏe, công việc, nguyện vọng của anh em và lắng nghe anh em trả lời. Khi biết anh em ăn 8 lạng gạo mỗi ngày chưa đủ no, Bác quay sang nói với đồng chí Trần Đăng Ninh: “Các chú công binh lao động nặng nhọc, vất vả cần được ăn no. Từ nay chú cho các chú ấy ăn 9 lạng mỗi ngày”. Rồi Bác ân cần giảng giải về vai trò quan trọng của công binh trong công cuộc kháng chiến cứu nước, động viên cán bộ và chiến sĩ an tâm phục vụ. Bác nói: “Bộ binh như mũi mác, công binh như cán mác. Cán có chắc, mũi có sắc, thì mác mới đâm được giặc”.

Tin Bác Hồ nói chuyện với Trung đội 2 và nhất là những lời dạy của Người làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ toàn Trung đoàn 151. Đơn vị phát động đợt thi đua lập công dâng Bác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ Chiến dịch Hoàng Hoa Thám. Tiếp đó, đơn vị vinh dự được trực tiếp tham gia và đóng góp quan trọng vào thắng lợi các chiến dịch lớn, như: Chiến dịch Quang Trung, còn gọi là Chiến dịch Hà Nam Ninh, từ 28-5 đến 20-6-1951; Chiến dịch Hòa Bình từ ngày 10-12-1951 đến ngày 23-2-1952...

Đặc biệt trong Chiến dịch Tây Bắc, từ ngày 14-10 đến ngày 3-12-1952. Trung đoàn 151 được lệnh phải tổ chức bảo đảm cho các lực lượng chiến dịch vượt sông Thao trong ba đêm (ngày 10 đến 12-10-1952) mở đường tiến lên Tây Bắc. Nhiệm vụ rất quan trọng mà cũng rất khó khăn vì sông rộng, lực lượng qua sông rất đông, phải bảo đảm bí mật, an toàn. Bộ Tổng tư lệnh chỉ định thành lập ủy ban vượt sông do đồng chí Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái trực tiếp làm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Doan, Trung đoàn phó Trung đoàn 151 là chỉ huy phó. Đoàn vượt sông dài 45km chia làm 3 khu vực bến: Âu Lâu, Cổ Phúc và Mậu A. Trung đoàn 151 sử dụng Tiểu đoàn 555 làm nhiệm vụ chèo thuyền và mảng chở bộ đội qua sông, còn 2 Tiểu đoàn 333 và 444 cùng công binh các sư đoàn mở 5 con đường tiến quân từ sông Thao lên Tây Bắc.

Tiểu đoàn 555 được tăng cường 1.100 dân công địa phương quen sông nước, biết chèo lái thuyền, sử dụng 381 chiếc thuyền nan, 46 thuyền gỗ cùng 20 xuồng gỗ và 5 máy đẩy thu được của địch trong Chiến dịch Hòa Bình. Sau 3 đêm, Tiểu đoàn 555 đã đưa hơn 40.000 người, 36 khẩu pháo, 338 lừa, ngựa và hàng trăm tấn trang bị, lương thực, thuốc men... vượt sông bí mật, an toàn. Đây là cuộc bảo đảm qua sông lớn nhất, được tổ chức chặt chẽ, chu đáo và là thành công lớn đầu tiên trong lịch sử Công binh Việt Nam.

Trên 5 tuyến đường cho bộ binh, do Tiểu đoàn 333, Tiểu đoàn 444 và công binh các đại đoàn mở, nhờ có dân quân địa phương giúp đỡ nên đã chọn được tuyến hợp lý và đúng hướng. Mỗi tuyến đường dài 50km-60km, vượt qua rừng sâu, núi cao, như đoạn đường Cổ Phúc - Sài Lương phải qua 10 đèo, trong đó có 4 đèo cao trên 1.000m. Những đoạn đường qua đèo cao dốc đứng, công binh phải đánh bậc, làm tay vịn để người đi bộ và khiêng

vác pháo dã khó khăn. Có đèo cao 1.230m, công binh phải làm hơn 10.000 bậc. Đến ngày 13-10-1952, công binh đã mở được 258km đường tiến quân. Đường mở đến đâu, bộ binh, pháo binh tiến đến đấy. Đêm 14-10-1952, ta nổ súng mở màn Chiến dịch Tây Bắc. Chỉ trong 5 ngày đêm tiến công đồng loạt và liên tục, bộ đội ta đã đánh chiếm và bức rút nhiều chốt đồn của địch, giải phóng Nghĩa Lộ, Phù Yên, Ca Vịnh, Sài Lương...

Chiến dịch phát triển nhanh và rộng. Vận chuyển tiếp tế phải sử dụng ô tô đi theo đường số 13. Tuyến đường này nhỏ hẹp, bỏ lâu không dùng. Trời đang mưa to, có nhiều đoạn đường bị lầy lún, sụt lở nghiêm trọng. Trung đoàn đã tập trung 2 Tiểu đoàn 333 và 444 cùng với hơn 4.000 dân công để sửa đường và được 1 tiểu đoàn pháo cao xạ, 1 đại đội súng máy 12,7 ly hỗ trợ để đánh máy bay địch. Chỉ sau 6 ngày đơn vị đã mở xong 18km đường 13 từ âu Lâu trở vào, bảo đảm cho ô tô vận tải tiếp tế cho mặt trận.

Địch hoảng hốt đối phó, chúng đổ thêm 9 tiểu đoàn xuống Tây Bắc, đồng thời mở cuộc hành quân Loren đánh vào hậu phương của ta ở Phú Thọ nhằm thu hút chủ lực của ta về phía sau. Đại đội 313 của Tiểu đoàn 444 được lệnh hành quân gấp về Phú Thọ, phá hoại đoạn đường Đoan Hùng - Thác Bà ngăn chặn địch. Cuộc tiến công của địch lên Phú Thọ bị thiệt hại nặng và không ảnh hưởng gì đến Chiến dịch Tây Bắc của ta. Đội hình chiến dịch càng vươn xa thì công tác tiếp tế càng khẩn trương. Trục đường chiến dịch vươn từ đường 13 sang đường 41. Máy bay của địch lại tăng cường đánh phá đường, chúng thả bom nổ ngay, bom nổ chậm, bom bươm bướm... Trung đoàn quyết định thành lập đội nghiên cứu phá bom nổ chậm. Chỉ sau một thời gian ngắn, ta đã nắm được những quy luật và âm mưu của địch, vô hiệu hóa các loại bom, đặc biệt đúc rút được những kinh nghiệm cho nhiệm vụ phá bom của công binh sau này.

Đội nghiên cứu phá bom được tiếp tục duy trì, đặt phiên hiệu là Đội 83. Không dừng lại ở kết quả vừa đạt được, Đội 83 đã dùng khoan thép khoan 18 lỗ đường kính 8 ly ở đuôi 1 quả bom nổ chậm ở bến Tạ Khoa, lấy được ngòi nổ về nghiên cứu. Đó là ngòi nổ chậm hóa học của Mỹ, ký hiệu M124 có hòn bi chống tháo, nếu vận ngòi nổ theo ren ra mà hòn bi chống tháo bị kẹt thì bom sẽ nổ ngay. Anh em đã nghiên cứu tìm ra biện pháp dùng một người nắm giữ ngòi bom, hai người vặn thân bom, nếu người

nắm ngòi nổ có cảm giác ngòi bị kẹt thì ra hiệu ngừng ngay, rồi lựa tư thế để tiếp tục vẫn bom. Bằng cách này công binh đã lấy được một số ngòi nổ M124 để học tập. Biện pháp tháo ngòi nổ M124 là rất nguy hiểm nhưng chứng tỏ lòng dũng cảm và óc say mê tìm tòi của cán bộ, chiến sĩ Đội 83. Đó cũng là phẩm chất cần thiết của những chiến sĩ làm công tác rà, phá bom, mìn. Quá trình nghiên cứu và hoạt động của Đội 83 ở Chiến dịch Tây Bắc, đồng chí Tiểu đội trưởng Nguyễn Ngọc Am đã hy sinh anh dũng. Đồng chí Nguyễn Phú Xuyên Khung, Đội trưởng vinh dự nhận phần thưởng là chiếc áo lụa của Bác Hồ gửi tặng.

Bước sang đợt 2 Chiến dịch Tây Bắc, các đại đoàn chủ lực phải vượt sông Đà tiến đánh địch ở các tỉnh Sơn La và Lai Châu. Trung đoàn Công binh 151 được lệnh cử Tiểu đoàn 333 làm nhiệm vụ bảo đảm qua sông ở Sa Piệt. Khi trinh sát ở Sa Piệt thấy có địch ở bên bờ hữu ngạn, tiểu đoàn chuyển bến lùi xuống hạ lưu, giao cho Đại đội 260 bắc cầu phao ở Long Mú và Đại đội 250 bắc cầu phao ở Vạn Yên cùng trong đêm 14-11-1952. Do trinh sát không chu đáo, chọn bến vào nơi nước chảy xiết, có đá ngầm nên đêm 14-11 cả hai đại đội đều không bắc được cầu. Đại đội 260 chuyển dịch bến phà và bắc xong cầu, bảo đảm cho Đại đoàn 308 qua sông Đà đêm 16-11. Đại đội 250 không bắc được cầu ở Vạn Yên, lại bị máy bay địch ném bom nên đêm sau vẫn chưa bắc được cầu và cũng không còn thời gian để chuyển bến, phải chuyển sang làm bến chèo thuyền chở bộ đội qua sông. Trung đoàn điều thêm Đại đội 126 của Tiểu đoàn 555 mang theo một số thuyền nan đến tăng cường cho Đại đội 250.

Đêm 16-11-1952, Đại đoàn 312 đã được công binh chèo thuyền chở qua sông Đà. Các đại đoàn bắt đầu đợt 2 chiến dịch, từ ngày 18-1-1952 theo đúng kế hoạch. Mộc Châu, Yên Châu, Sơn La, Tuần Giáo... được giải phóng. Chiến dịch Tây Bắc giành thắng lợi lớn, tiêu diệt hơn 10.000 tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn thuộc 3 tỉnh: Yên Bái, Sơn La và Lai Châu với gần 30.000 dân. Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố...

Trong Chiến dịch Tây Bắc, Trung đoàn Công binh 151 được sử dụng tập trung ở cấp chiến dịch, không phối thuộc cho các đại đoàn trong chiến thuật. Chiến dịch hoạt động trên vùng rừng núi rộng lớn, có hai con sông lớn là sông Thao và sông Đà khá hiểm trở... Trung đoàn Công binh 151 đã hoàn thành nhiệm vụ mở gần 300km đường cho bộ binh, mở và bảo đảm

hơn 100km đường cho ô tô, bảo đảm cho lực lượng lớn vượt sông... Đặc biệt là thành tích bảo đảm cho hai đại đoàn chủ lực qua sông Thao nhanh, gọn, an toàn, bí mật và tìm ra được biện pháp phá gỡ bom nổ chậm, bảo đảm giao thông kịp thời trên 2 tuyến đường 13 và 41...

Tổng kết Chiến dịch Tây Bắc, Trung đoàn Công binh 151 được thưởng ba Huân chương Quân công hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ hạng nhất cùng nhiều phần thưởng cao quý khác cho các đơn vị và cá nhân đã lập công xuất sắc trong chiến dịch. Đặc biệt, trung đoàn được Chủ tịch Hồ Chí Minh thưởng lá cờ thêu 4 chữ vàng: "Mở đường thắng lợi!". Dòng chữ vừa cô đọng về thành tích, vừa chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của công binh, trở thành 4 chữ vàng truyền thống của bộ đội công binh Việt Nam!

Lộc Hà (Báo Quân đội nhân dân)

TRUNG TÁ BIGEARD VÀ "CUỘC RÚT LUI TÚ LỆ NĂM 1952"

Không học qua trường quân sự nào, năm 1945 với quân hàm đại úy, Bigeard đã đến Việt Nam, được cử lên Tây Bắc thành lập "xứ Thái" trong 18 tháng, sau đó được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn dù, bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ, trở về Pháp trước khi nghỉ hưu là Đại tướng. Năm 1994, Bigeard đến thăm lại Điện Biên Phủ. Ông là tác giả cuốn sách "Cuộc chiến tranh Đông Dương của tôi", NXB Hachette, 1994.

Sau đây là những trang nhật ký của Bigeard trong Chiến dịch Tây Bắc năm 1952.

Ngày 15-10-1952, 21 giờ

Đại úy Turret, phó của tôi (Bigeard) nhảy vào phòng ngủ: "Báo động! Ngày mai chúng ta phải nhảy dù xuống Tây Bắc". Tôi tìm hiểu tình hình qua sở chỉ huy của Trung tá Ducourneau - chỉ huy lính nhảy dù toàn Bắc Kỳ. "Bigeard này, quân Việt đang mở cuộc tấn công lớn vào Nghĩa Lộ, cậu sẽ nhảy dù xuống Tú Lệ, cách Nghĩa Lộ 40km. Nhiệm vụ: "Giữ vững đồn Tú Lệ, tăng cường cho Nghĩa Lộ hoặc Gia Hội"... Các hạ sĩ quan được lệnh rời khỏi phòng chiếu phim, quán "ba". Suốt đêm, chúng tôi chuẩn bị khí tài và nghiên cứu trên bản đồ.

5 giờ sáng hôm sau, tất cả đã có mặt đầy đủ ở sân bay, lưng thồ những ba lô chất đầy, to, nặng. Đây là lần đầu chúng tôi nhảy dù xuống Tây Bắc. Trời nắng nóng. Sau 3 giờ chờ đợi thời tiết tốt, cuối cùng là khởi

hành. Cần đến 30 chiếc máy bay Đa-cô-ta để rải cho hết 700 người của tôi. Vì thiếu máy bay, nên phải “đi” 2 chuyến...

Ngày 16-10, 12 giờ .

Tôi lao ra khoảng không. Các dù khác đã nở hoa một cách ngoạn mục. Có hai lính chỉ mở được dù khi cách mặt đất 30m. Còn lại, Tiểu đoàn 6 của tôi đã kết thúc chuyến nhảy tốt. Tập hợp tại vị trí đồn Tú Lệ, mọi người gấp dù... vì cần tiết kiệm...

17 giờ

Máy bay thả khí tài, quân cụ, dây thép gai, thức ăn... giúp chúng tôi có thể lập một đồn lính “truyền thống, cổ điển”: Một hàng rào tre, một số hầm hố trú ẩn... Tôi nhìn thấy Tú Lệ có hai điểm cao: 868 và 831m. Tôi phân công cho hai sĩ quan chốt giữ 868 và 831. Một sĩ quan được giữ lại bên cạnh tôi thay chỉ huy sở với điện đài ra-đi-ô. Suốt đêm, binh lính đào hố, chôn cọc, rải dây thép gai, bố trí hỏa lực... Ban ngày lại tiếp tục củng cố, đổ mồ hôi còn hơn đổ máu. Tôi dự kiến các phương án tác chiến. Liên lạc vô tuyến điện với Gia Hội và Nghĩa Lộ ổn định. Tất cả đều tốt đẹp. Tôi có thể hoàn thành lời giao ước...

Nghĩa Lộ thất thủ, mọi việc trở nên lộn xộn

Đêm ngày 17 rạng 18 tháng 10¹: Phía đông có vầng sáng. Không nghe được gì, nhưng thấy rõ các ánh chớp, những đường đạn chỉ đường. Đó là đồn Nghĩa Lộ đang bị tấn công. Mong sao các bạn tôi trụ được. Mất liên lạc ra-đi-ô. Không thể làm gì được. Một đêm chờ đợi. Gia Hội có trả lời nhưng chẳng có tin tức gì.

Ngày 18-10, 10 giờ

Một điện khẩn của Hà Nội: “Nghĩa Lộ đã thất thủ”². Gia Hội gọi tôi ngay sau đó cho biết quân Việt đang bao vây đồn, nguy hiểm cho họ.

21 giờ

Sở chỉ huy của Bộ chỉ huy Bắc kỳ ra lệnh cho Gia Hội chạy về Tú Lệ. Rối loạn... Cuộc tấn công của quân Việt đã chấm hết cuộc hành trình của chúng tôi. Cách đây 2 ngày. Còn đâu nhiệm vụ đẹp đẽ mà tôi được giao?

¹ Đây là đợt 1 của chiến dịch Tây Bắc.

² Theo sách *Đại đoàn 308, Quân Tiên Phong, ký sự hình ảnh*, NXB Lao Động, 2009, trang 57 cho biết: “Đến 20 giờ ngày 17-10-1952, Trung đoàn 102 tiêu diệt hoàn toàn Pú Chặng, chỉ huy sở Phân khu Nghĩa Lộ...”

Một đêm không chớp mắt trôi qua. Sáng sớm, tôi cử người đi đón quân của Gia Hội. Ít phút sau có báo cáo liên lạc điện báo: “Trước mặt, đông người. Có lẽ là người của ta”. Nhưng đó lại là quân Việt. Một trận chạm trán tao ngộ nghiêm chỉnh...

Ngày 19-10, 21 giờ

Tướng De Linares hạ lệnh cho tôi rời Tú Lệ chạy về phía sông Đà. Không được hỏi lại. Chúng tôi vẫn chờ Gia Hội. Nếu tôi bỏ rơi họ, họ sẽ bị sát hại. Tôi tin vào sự vững chắc của đồn Tú Lệ. Đêm đã xuống. Đã 4 ngày chưa được chớp mắt. Bỗng phía đông có ánh đuốc. Đúng là họ - Gia Hội rồi. Tôi đoán sau lưng họ là quân Việt.

Ngày 20-10, 2 giờ sáng

Màn đêm bị các luồng đạn xé rách tan hoang. Quân Việt tấn công. Chúng tôi trả lời họ đàng hoàng. Liên thanh, súng cối, lựu đạn, súng tự động...

4 giờ sáng

Trận địa yên lặng. Rồi quân Việt lại tấn công ào ào xông lên... Bình minh, trời đã sáng, chúng tôi đếm được 96 xác trên các hàng rào dây thép gai.

12 giờ

Có điện mới của Hà Nội. Trời mù, máy bay không thể hạ cánh. Chúng tôi chôn cất người chết của chúng tôi, đặt các thương binh vào võng dù, cáng... Tôi ra lệnh rút về phía đèo Cao Pha (Khau Pha). Cuộc hành quân bắt đầu. Phải vượt qua 100 km đường rừng, những đèo núi cao 1.500 mét¹ và đã 4 ngày không được ngủ...

17 giờ

Trời mưa, chúng tôi trượt trên những sườn núi, đồ đạc thấm nước quá nặng. Bỗng từ phía sau truyền lên: “Quân Việt!”. Tôi hạ lệnh: “Ném các vật nặng, vượt nhanh qua đèo”. Mục đích: “Giảm thiệt hại về người”.

Nửa đêm

Đại đội cuối cùng đã tới. Đành phải để lại người bị thương. Chúng tôi tranh thủ nghỉ ngơi một lát. Bố trí phòng ngự đỉnh đèo. Quân Việt

¹ Theo *Tập bản đồ giao thông đường bộ Việt Nam*, NXB Bản đồ 2011, dãy Khau Pha cao 2.088m.

không thể làm gì được trong lúc này. 3 giờ yên ổn. Phần đông binh lính của tôi đã quá mệt, không thể đi thêm một bước nữa..

Quân Việt ở ngay phía sau

Ngày 21-10, 3 giờ sáng

Phải đi thôi. Tôi tổ chức cuộc rút: Một đơn vị đi sau đón và chặn quân Việt và sẽ rút; một đơn vị khác giấu mình xa hơn nữa, phục kích nổ súng nếu có quân Việt đến. Làm như vậy để làm chậm bước đi của đối phương. Chúng tôi không thể mang theo các bạn bị thương. Chúng tôi đến Mường Chen¹. Mất 8 giờ để chỉ rút lui được 15km, mệt mỏi và quân Việt phía sau.

Đồn Mường Chen có 40 lính Thái do chuẩn úy Peyrol chỉ huy. Họ đã biết chúng tôi sẽ đến và cho chúng tôi một bữa ăn nóng. Quân Việt tiếp tục đuổi theo phía sau. Không thể kháng cự tại đây... sinh mạng của hàng trăm con người đang ở trong tay tôi. Tôi không có quyền được mềm yếu. Cuối cùng tôi lệnh: "Tiếp tục rút lui đến It-ong và phải đi trong 14 giờ".

Pê-rôn ở lại, đối mặt với quân Việt, chặn bước chân của họ càng lâu càng tốt, trong điều kiện có được. Pê-rôn nhận lời ngay, thật là một con người đáng kính trọng. Anh ta hiểu biết kỹ xứ Thái. Chúng tôi được người Thái dẫn đường đi theo lối mòn mà quân Việt không biết.

Ngày 22-10, 19 giờ

Chúng tôi như những con ma, những người máy. Cố một bước, lại bước nữa... Phía sau, Peyrol đã nổ súng trong một cuộc chiến tuyệt vọng. Tôi điện cho các sĩ quan: "Nếu tình hình tốt, không cần liên lạc ra-di-ô". Chúng tôi vượt qua được vòng vây quân Việt. Họ tưởng là quân mình. Không thể tưởng tượng được. 500 con người giữa một tiểu đoàn địch... Vẫn phải đi. Nhiều người kiệt sức và đã chết. Không kịp một lời cầu nguyện, chỉ kịp lẩn họ xuống hố. Đã 48 giờ chỉ có đi và chiến đấu. Một máy bay B-26 bay trên đầu chúng tôi, báo "đồn Mường Chen đã bị tiêu diệt". Chỉ cần Peyrol thoát được!

Ngày 23-10, 14 giờ

¹Theo *Tập bản đồ...*, sdd, tên Việt là Mường Chiến.

Chúng tôi đến It-ong. Có một tiểu đoàn (lính ngự-ND) đang chờ ở đây để bảo vệ cuộc rút lui của chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi cũng được nghỉ ngơi một ít.

20 giờ

Quân Việt lại đến. Tiểu đoàn lính bảo vệ chúng tôi bị tan rã. Phải tiếp tục đi thôi. Chúng tôi chẳng nghĩ gì hết ngoài một ý tưởng: đứng vững và tiếp tục đi. Chúng tôi đã vứt đi mọi vũ khí nặng: súng cối, điện đài. Chúng tôi cũng phải bỏ lại thương binh. Tất cả chỉ còn là “rút lui”...

Ngày 24-10, 2 giờ sáng

Sông Đà! Mãi mãi là một con sông tuyệt vời! Lính Lê Dương và thuyền bè đã có sẵn ở đây! Chúng tôi qua sông từng nhóm nhỏ. Tôi đi chuyến cuối cùng. Một lực lượng chiến đấu cần thiết để chờ đón chúng tôi cũng đã được bố trí. Chúng tôi đã được cứu sống!

Ngày 24-10, buổi sáng

Chúng tôi đã đến Ta Bu. Chúng tôi được nghỉ ngơi, được các bác sĩ, y tá chăm sóc. Một chiếc máy bay Mo-ran (Morane) đưa tôi đến Nà Sản¹. Tôi được gặp tướng De Linares

Họ tên của tôi và Tiểu đoàn 6 quân nhảy dù thuộc địa chạy dài cùng một lúc trên các trang báo Pháp...

Sách *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam* (NXB Quân đội nhân dân, 2004) trang 128 viết: “Từ 14-10 đến 10-12-1952, chiến dịch Tây Bắc, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 13.800 tên địch, đánh bại âm mưu củng cố “xứ Thái”, “xứ Mường”, “xứ Nùng tự trị”, giải phóng 25.000km² với 25 vạn dân Sơn La (trừ Nà Sản), 4 huyện phía Nam tỉnh Lai Châu, 2 huyện phía tây Yên Bái, nối liền Tây Bắc với Việt Bắc”.

Thủy Trường (lược dịch) (Báo *Quân đội nhân dân*)

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ TRONG CHIẾN DỊCH TÂY BẮC

Tại hội thảo “Chiến thắng Tây bắc 1952 - tầm nhìn chiến lược của Đảng và bài học lịch sử” được Bộ Quốc phòng và Tỉnh ủy Sơn la tổ chức vào cuối năm 2012 vừa qua nhân kỷ niệm 60 năm chiến thắng Tây Bắc,

¹ Theo Bigeard: “Ngày 25-12-1952, Tiểu đoàn của ông nhảy dù xuống bản Xom, cách Nà Sản 30km. Tháng 8-1953, Nà Sản rút quân”.

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng khẳng định: 60 năm trôi qua, nhìn lại sự kiện lịch sử quan trọng này, càng khẳng định tầm nhìn chiến lược đúng đắn, nhạy bén của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy trong chỉ đạo chiến tranh. Chiến dịch này đã giáng cho thực dân Pháp một đòn thất bại nặng nề về quân sự, tạo bước ngoặt quan trọng trong chiến tranh, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược phát triển lên một giai đoạn mới mang tính quyết định.

Chiến thắng Tây Bắc đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta về nhiều phương diện. Với chiến dịch này, nghệ thuật quân sự Việt Nam đã phát triển lên một bước mới, thể hiện ở những nét đặc sắc là chủ động mở hướng tiến công địch trên địa bàn rừng núi hiểm trở và xác định mục đích chiến dịch đúng đắn, xứng đáng là một mốc son trong lịch sử đấu tranh bảo vệ đất nước và là một bản hùng ca vang mãi.

Trao đổi bên lề hội thảo, Thiếu tướng, Phó giáo sư, Tiến sĩ Vũ Quang Đạo, Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam cho biết: Chiến thắng Tây Bắc 1952 để lại nhiều bài học lịch sử quý báu, mang giá trị lý luận và thực tiễn về chủ động tiến công địch; về phối hợp hiệp đồng với các chiến trường cả nước, với chiến trường nước bạn Lào; xây dựng tình đoàn kết quân dân, quân với dân một ý chí, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn chiến lược quan trọng Tây Bắc. Hào khí của chiến dịch Tây Bắc được thể hiện trong các khúc “Qua miền Tây Bắc” của nhạc sĩ Nguyễn Thành: Cho tới ngày nay, sau 60 năm, các cựu chiến binh mỗi lần gặp mặt đều vỗ tay mà hát rằng:

Qua miền Tây Bắc núi vút ngàn trùng xa

Suối sâu đèo cao bao khó khăn vượt qua

Bộ đội ta vâng lệnh cha già

Về đây giải phóng quê nhà....

MỞ ĐƯỜNG VÀO TÂY BẮC

Tháng 11-2012 là tròn 60 năm ngày quân đội ta đánh thắng trận Mộc Châu (Sơn La), mở đường lên chiến trường Điện Biên Phủ và vùng Thượng Lào. Mộc Châu hôm nay đã trở thành vùng đất trù phú, dân cư đông đúc và là vùng có nhiều tiềm năng du lịch của miền Tây nhưng chắc ít người biết tới trận đánh năm ấy. Tôi đã đi tìm gặp ông Đặng Văn Việt,

nguyên Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 (Sư đoàn 316) năm xưa được giao nhiệm vụ chỉ huy đơn vị đánh trận Mộc Châu để nghe ông kể về chiến công cách đây hơn nửa thế kỷ...

TRỌNG ĐIỂM TRÊN CAO NGUYÊN

Tôi đã từng viết câu chuyện về Sư đoàn 335 hành quân lên bảo vệ Mộc Châu và thành lập Nông trường Quân đội Cờ Đỏ năm 1955 để xây dựng miền đất này. Và hôm nay tôi gặp ông, để nghe ông kể về trận đánh phá tan khu vực phòng thủ Mộc Châu của thực dân Pháp, mở đường cho bộ đội và dân công tiến lên chiến trường Điện Biên Phủ, tiếp tế lương thực và chuẩn bị cho trận đánh quyết định 2 năm sau đó. Trong căn phòng tập thể chưa đầy 15m², người lính già đã 93 tuổi vẫn hào sảng kể lại trận chiến năm ấy...

Khi đó phân khu Mộc Châu có một vị trí rất đặc biệt, nằm giữa Quân khu Tây Bắc, dưới Sơn La, trên Hòa Bình, án ngữ trục Quốc lộ 6 và ngã ba Pa Háng để sang Lào. Ông Việt nhấn mạnh, đồn Mộc Châu là hệ thống phòng thủ của Pháp với sự bố phòng đặc biệt khi nằm trên một núi đá tai mèo, có chiều dài gần 500m, vách đứng thành vại và được bố trí tới gần 100 hỏa điểm cố định thay cho lô cốt, 2 vạn quả mìn, 2.000 tấn dây thép gai rào thành nhiều tầng lớp... Ban ngày leo lên được núi còn khó, chưa nói gì tới ban đêm. Đồn Mộc Châu khi đó như một con nhím khổng lồ, húc vào là chỉ có chết. Đồn có một tiểu đoàn lính Thái, một đại đội biệt kích, quân số chừng 450 tên, được trang bị 2 đại bác 94mm, 2 cối 81mm, trọng liên 20mm, 2 đại liên, 27 trung liên... Trong số gần 100 hỏa điểm, mỗi hỏa điểm bố trí 2-3 người, có dự trữ đủ đạn dược, lương thực để chiến đấu lâu dài. Ngoài ra, dịch chất dây thép gai thành 4 lớp bùng nhùng để không thể phá bằng bộc phá. Mìn được gài gấp nơi, trên các nẻo đường, trong vườn rau và cả trên lớp dây thép gai... Trên đỉnh núi, địa hình được san phẳng để làm đài quan sát, đặt trung tâm hỏa lực, thông tin và chỉ huy. Ngoài đồn chính, dịch còn bố trí hai trạm tiền tiêu, mỗi trạm một tiểu đội là Pom Lót và Pom Thơm.

Đã 60 năm trôi qua, nhưng Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt vẫn nhớ rõ. Đời binh nghiệp của ông chỉ có 15 năm, ông đã chỉ huy đánh hơn 100 trận lớn nhỏ nhưng trận Mộc Châu với ông là một kỷ ức đặc biệt. Ông gọi đó là một trận đánh tuyệt đẹp. Khi ấy, người Trung đoàn trưởng mới

32 tuổi đã có biệt danh Hùm xám đường số 4. Trong chiến đấu, yếu tố bí mật, bất ngờ là vô cùng quan trọng, tuy nhiên ở trận Mộc Châu này không có nhiều điều bất ngờ. Chiến dịch mở ra từ ngày 13-10-1952 mà đêm 19-11-1952 ta mới công đồn, vì vậy trình sát của địch đã theo dõi khá kỹ mọi động thái của quân ta. Điều bất ngờ ở đây, có chăng chỉ có thể là cách đánh sáng tạo mà thôi. Theo nhận định lúc bấy giờ của chúng ta, nếu không đánh được đồn Mộc Châu trong đêm 19-11-1952 thì những đêm sau khó mà đánh vì Pháp sẽ cho máy bay B26 ném bom làm tan tác cả núi rừng xung quanh, ta không còn chỗ trú ẩn mà tiếp tục công đồn...

Diệt đồn Ca Vịnh, Ba Khe, Thượng Bằng La

Người lính già đã sống gần trọn thế kỷ, neho mắt nhìn ra ô cửa nhỏ của căn phòng tập thể đầy nắng thu. Có lẽ lúc này mọi ký ức của trận đánh cách đây hơn nửa thế kỷ đang ùa về với ông... Khi ấy Bộ Tổng tư lệnh chủ trương mở chiến dịch Tây Bắc với mục đích tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc rộng lớn. Trận Mộc Châu là một trận then chốt của chiến dịch. Nếu đồn Mộc Châu không bị tiêu diệt thì coi như chiến dịch bế tắc, ta không thể khống chế đường số 6. Thế trận của địch vẫn vững chắc và chưa biết khi nào chúng ta mới giải phóng được Tây Bắc. Nếu ta không làm chủ được Mộc Châu thì hàng trăm xe vận tải chở đầy áp gạo đang chờ ở Hòa Bình để lên tiếp tế cho cả vạn quân dân sẽ bị chặn lại. Và 15 ngày lương trên vai từng cán bộ, chiến sĩ, dân công sẽ cạn kiệt... Tư tưởng quân sự được xác định khi đó là “cưỡi lên đầu hổ - đánh từ nóc nhà đánh xuống”.

Trung đoàn 174 (E174) là một cánh quân chủ lực mạnh, nằm trong đội hình của Sư đoàn 316, được giao nhiệm vụ làm một mũi tiến công vào Tây Bắc từ hướng Yên Bái, đặc biệt là đánh đồn Mộc Châu. Thời điểm nhận nhiệm vụ, E174 đang đóng quân trên vùng Đông Bắc trung du (Mặt - Bắc Giang) được lệnh hành quân qua Thái Nguyên, tập kết ở bến Âu Lâu (tả ngạn sông Thao, thuộc tỉnh Yên Bái). Việc chỉ huy hành quân của đơn vị được giao cho Chính ủy Chu Huy Mân (sau này là Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước), còn Trung đoàn trưởng tổ chức đi khảo sát thực địa và lo kế hoạch tác chiến. Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt khi ấy đã không ít lo nghĩ, suy tư bởi E174 từ khi thành lập (năm 1949) đến nay chỉ hoạt động trên chiến trường Đông Bắc, dọc

đường số 4 theo biên giới Việt - Trung, nay lại được giao tác chiến trên một địa bàn hoàn toàn mới. Chính vì vậy đoàn trưởng đã tổ chức một đội trinh sát và đích thân dẫn đầu để thăm dò tình hình cũng như địa thế khu vực này. Sau đợt thực địa hơn chục ngày, Trung đoàn trưởng Việt xác định rõ, muốn tiếp cận Mộc Châu, trước tiên phải diệt các đồn tiền tiêu Ca Vịnh, Ba Khe và Thượng Bằng La. Oái oăm thay, đúng ngày định ra lệnh tiến công đồn Ca Vịnh đầu tiên thì hầu hết cán bộ chủ chốt của trung đoàn lăn ra sốt rét. Ngay cả Trung đoàn trưởng cũng nằm bẹp không dậy nổi. Vào thời điểm gấp rút, cam go ấy, Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt đã quyết định vẫn phải đánh, ông yêu cầu quân y tăng liều thuốc cao chạy chữa cho cán bộ, còn riêng mình sử dụng lượng thuốc gấp đôi để đẩy lùi cơn sốt, cùng trung đoàn ra trận. Ngay sau đó, một số tiểu đoàn trưởng và chỉ huy đại đội chủ chốt gượng dậy được và bám lấy đơn vị. Trung đoàn trưởng vẫn chưa khỏe nhưng đã ngồi trên cáng để anh em khiêng tới vị trí chỉ huy trận đánh. Nhưng trên đường cáng ra trận địa, có những dân công nhìn thấy xì xào: “Thương binh mà lại cáng ra trận à?”. Sợ việc ngồi cáng sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của bộ đội trước khi bước vào trận đánh nên Trung đoàn trưởng Việt đã cương quyết rời khỏi cáng, nhờ đồng chí cần vụ buộc mình vào lưng ngựa để đi... Nhưng ông chỉ trụ được trên lưng ngựa tới chân đồi thì phải xuống vì quá mệt. Quyết phải đi tới đích, ông tiếp tục yêu cầu hai chiến sĩ buộc dây vào thân người kéo lên dốc, hai chiến sĩ đẩy lưng dằng sau để tiến lên đỉnh đồi... Bằng cách ấy, người chỉ huy đã tiếp cận được trận địa để chỉ huy bộ đội tác chiến. Sau thắng lợi diệt đồn Ca Vịnh, bộ đội ta thu toàn bộ vũ khí quân dụng, bắt sống tên quan hai và 20 tù binh. Thắng lợi đó tạo đà cho Trung đoàn 174 tiêu diệt tiếp đồn Ba Khe và Thượng Bằng La, là những đồn tiền tiêu bảo vệ phía đông của Tây Bắc bị quét sạch. Niềm vui chiến thắng diệt 3 đồn địch liên tiếp đã thổi thêm sức mạnh cho bộ đội E174 đẩy lùi sốt rét, hành quân 3 ngày đêm để tiếp cận đồn Mộc Châu.

Người lính già Đặng Văn Việt cho biết: “Với cán bộ, chiến sĩ E174 chúng tôi khi đó, niềm vui và sự tự tin đầy ắp. Lần đầu tác chiến ở một địa bàn mới mà đã hoàn thành nhiệm vụ, diệt 3 đồn tiền tiêu của Tây Bắc. Đó là động lực lớn lao thúc giục chúng tôi hành quân nhằm đồn Mộc Châu thẳng tiến”. Sau khi hành quân tới Mộc Châu, Trung đoàn 174 đóng quân

cách đồn địch khoảng 12km, trong khu rừng chuối ven Quốc lộ 6. Giữa núi rừng Tây Bắc hoang sơ, hùng vĩ, tại một lòng suối cạn trong khe núi, Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt cùng các chỉ huy đơn vị Nguyễn Hữu An (sau này Thượng tướng, Giám đốc Học viện Quốc phòng), Lê Hoàn, Thanh Tâm, Lê Vũ, Đinh Giang, Hùng Quốc... đã họp bàn để thống nhất phương án tác chiến...

CÔNG ĐỒN MỘC CHÂU

Sau khi diệt xong các đồn Ca Vịnh, Ba Khe, Thượng Bằng La, Trung đoàn 174 hành quân ròng 3 ngày đêm tiếp cận Mộc Châu với nhiệm vụ công đồn trọng điểm mở đường vào Tây Bắc. Núi rừng cao nguyên những ngày cuối năm 1952, sương mù, gió bắc, rét cắt da thịt nhưng không hề làm giảm đi chút nào khí thế tiến công của những người lính Cụ Hồ. Giữa rừng già hoang sơ, hùng vĩ, Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt lại tập họp các chỉ huy đơn vị nòng cốt để bàn kế hoạch tác chiến...

Đồn tấn công lúc nửa đêm

Người lính già nhớ lại, phía Việt Minh lúc đó lực lượng gồm Trung đoàn 174 (Sư đoàn 316) được phối thuộc thêm Tiểu đoàn 215, 439 của Trung đoàn 98 và Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176. Ngoài ra có thêm một đại đội pháo 75mm, một đại đội cối 120mm... Tất cả nằm dưới sự chỉ huy của Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt. Quyết tâm đặt ra là phải nhổ kỳ được đồn Mộc Châu. Trong cuộc họp bàn giữa rừng ấy, người thì nêu ý kiến đánh 2 mũi, người đề xuất đánh 3 mũi... Sau khi đề cán bộ phát biểu hết ý kiến, ông Việt mới đưa ra quyết định: "Chúng ta đã đi vòng quanh 4 phía của đồn Mộc Châu và thấy rằng khó đánh hơn cả Đông Khê. Với địa hình thành vại, nhiều hỏa điểm xung quanh, nếu đánh theo cách thông thường thì trung đoàn sẽ nướng hết quân. Nhưng đồn Mộc Châu có hình thù như một cây quần vọt, ta phải lợi dụng cái cán vọt mới xoay chuyển được tình thế. Tôi quyết định chỉ đánh một mũi, tất cả tập trung đánh từ cán quần vọt chọc thẳng lên đỉnh núi, chiếm trung tâm hỏa lực, thông tin, chỉ huy. Ta dùng chiến thuật từ nóc đánh xuống, gõ lên đầu các lô cốt gọi hàng, nếu địch không hàng thì dùng lựu đạn tiêu diệt. Các hướng đông, tây, nam ta chỉ dùng hỏa lực kiểm chế, nghi binh, không dùng bộ binh đột phá, xung phong. Nếu đồng chí nào không đồng ý, tôi cho bảo lưu ý kiến sau trận đánh sẽ phân giải". Ngay sau đó, các đơn vị được phân công vào

vị trí, Tiểu đoàn 249 đột phá ở hướng chính tiến lên chiếm lĩnh đỉnh đồi. Tiểu đoàn 255 và 251 ở hướng phụ, phòng bị và Tiểu đoàn 215, 439 tổng dự bị. Tiểu đoàn 888 chặn viện binh, chống nhảy dù.

23 giờ ngày 19-11-1952, từ trung tâm chỉ huy, Trung đoàn trưởng Việt hạ lệnh nổ súng bắt đầu trận đánh. Một đại đội của Tiểu đoàn 215 nhận nhiệm vụ sơ tán bà con dân bản ở khu tập trung ra xa đồn để tránh tên bay, đạn lạc và để phòng địch sử dụng máy bay oanh tạc sau đó... Tất cả hỏa lực của trung đoàn dồn dập bắn theo hướng chính lên đỉnh đồi, hàng rào dây thép gai và mìn nổ tung trời... Các bộc phá viên tranh thủ thời cơ xông lên mở đường cho bộ binh xung phong. Ngay từ những phút đầu Tiểu đoàn 215 đã tiêu diệt được 2 trạm Pom Lót và Pom Thơm, lợi dụng vị trí cao, bố trí hỏa lực bắn vào đồn lớn. Ngay sau đó, Đại đội 1, Tiểu đoàn 249 xông thẳng lên chiếm đỉnh núi, đại đội trưởng cầm đèn pin quay mấy vòng báo hiệu cho sở chỉ huy. Trung đoàn trưởng Việt ra lệnh cho Đại đội 2, 3 xung phong lên thẳng vị trí đồn, bao vây trọng điểm này. Quan ba đồn trưởng Vincent bị bắt sống, nhưng địch vẫn chống cự quyết liệt. Từ các hỏa điểm đạn bắn ra như mưa, con nhím Mộc Châu đang xù lông tua tủa với hàng trăm ngòi gai nhọn... Vào thời điểm này, Tiểu đoàn 249 đã cưỡi lên lưng cọp, không thể nào xuống nên lần theo các khe núi, tuột xuống từng lô cốt gọi hàng... Một số tên địch hoảng sợ, định vượt rào thoát ra khỏi đồn thì dính vào chính bẫy mìn của chúng, nhiều tên phơi xác trên hàng rào thép gai. Về phía ta cũng có một số đồng chí hy sinh, trong đó có Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 249 Khái Tâm. Anh đang nấp dưới bờ ruộng, vừa nhô đầu lên quan sát thì đã hứng trọn một băng liên thanh của địch...

Đến khoảng 2 giờ 30 phút sáng 20-11-1952, trận đánh kết thúc, quân ta đã toàn thắng, 450 tên địch của đồn Mộc Châu bị tiêu diệt và bắt sống không sót một tên. Ta thu toàn bộ trang bị, vũ khí của địch. 6 giờ sáng, Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt lên đồn trực tiếp nghiên cứu cách bố phòng của địch, giữa làn sương mù ban mai Tây Bắc, quang cảnh núi rừng hiện ra hoang sơ, hùng vĩ.

Đúng như dự đoán của ta, 9 giờ sáng, 3 chiếc máy bay B26 của địch đã bay đến giội bom rải thảm làm kho thóc và nhà cửa trong đồn cháy ngùn ngụt. Do đã lường trước tình huống, nên bộ đội ta đã cơ động khỏi

trận địa, đến nơi trú ẩn an toàn. Trận đánh đồn Mộc Châu phía ta thương vong 53 cán bộ, chiến sĩ. Cũng vào buổi sáng ấy, trong khi đang quan sát trận địa, Trung đoàn trưởng Việt bỗng nghe mấy tiếng mìn nổ dữ dội, nhìn về phía sau đã thấy mấy tên địch tìm cách chạy trốn bị vướng mìn chết ngay tại chỗ...

Đối thoại với Vincent

Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt xuất thân từ một gia đình có truyền thống hiếu học, lại được đào tạo tại Đại học Y Hà Nội (thuộc Đại học Đông Dương) nên ông có thể sử dụng thông thạo tiếng Anh và tiếng Pháp. Ngay từ ngày chỉ huy các trận đánh trên đường số 4, mỗi khi bắt được tù binh địch, ông đều trực tiếp thẩm vấn bằng tiếng Pháp. Sau trận Mộc Châu, ông đưa đơn vị về nơi trú quân và gọi quan ba Vincent (chỉ huy đồn Mộc Châu) đến để hỏi chuyện...

Mở cửa sổ căn phòng tập thể trên tầng 4, châm một điếu thuốc hút, người lính già nheo mắt nhớ lại buổi đối thoại cách đây 60 năm cũng bắt đầu như thế... “Tôi hỏi tỉ mỉ về quân số, vũ khí, cách bố phòng của đồn Mộc Châu. Vincent trả lời rất đầy đủ và lễ phép, có lẽ hẳn cũng biết người đang ngồi trước mặt là ai. Tôi hỏi, ông có biết vì sao với cách bố phòng chắc chắn, với 2 vạn quả mìn, 2.000 tấn dây thép gai, lại thêm một đại đội biệt kích, đồng thời biết trước Việt Minh sẽ tấn công mà các ông vẫn mất đồn? Vincent cúi gằm mặt một lúc rồi mới ngẩng lên nói: “Thưa ông, thám báo và biệt kích của tôi từ trên núi đã đếm được từng người của các ông. Tôi biết trước 100% Mộc Châu sẽ bị tấn công, chúng tôi đã bố trí phòng ngự chu đáo nên tin tưởng tuyệt đối là các ông không thể nào chiếm nổi Mộc Châu. Tôi hơn các ông về vũ khí trang bị, lợi thế, nhưng tôi thua các ông về chiến thuật và cách đánh. Ngay từ những phút đầu giao chiến, đỉnh núi đã bị chiếm, pháo đài tê liệt, tôi bị bắt sống thì làm sao chống cự nổi. Binh lính mất tinh thần hết cả rồi. Quá bất ngờ, quá bất ngờ”. Vincent ôm lấy đầu rồi gục xuống bàn như muốn khóc...

Trung đoàn trưởng tiếp tục hỏi: “Anh có luôn giữ liên lạc với Hà Nội không? Bộ Tổng hành dinh đã có lệnh gì khi các anh bị tấn công?”. Vincent: “Tất nhiên là tôi phải giữ liên lạc thường xuyên với Hà Nội, ngay từ chiều hôm kia tôi đã nhận được điện báo rằng, Việt Minh chuẩn bị tấn công Mộc Châu. Bằng mọi giá phải giữ được đồn qua đêm, nếu qua một đêm Việt Minh

không chiếm được Mộc Châu thì sẽ không thể nào chiếm được. Bộ Tổng hành dinh sẽ cho máy bay B26 ném bom oanh tạc, đẩy Việt Minh lui về sông Thao... Tôi đã không giữ được Mộc Châu, thật đáng buồn". Sau cuộc gặp gỡ tôi cho Vincent một bao thuốc lá rồi bảo: "Bây giờ anh là tù binh chiến tranh, chúng tôi sẽ thi hành luật tù binh quốc tế. Anh phải chấp hành mọi luật lệ của trại. Không được trốn, Anh có nhiệm vụ vẽ lại sơ đồ trận địa mình và giúp công binh Việt Nam tháo gỡ". Vincent gật gật cái đầu rồi trả lời một cách ngổ ngáo: "Thưa ông, việc giữ tù binh là của các ông, còn việc tìm cách trốn là của chúng tôi". Tuy nhiên hẳn đã không kịp thực hiện lời nói đó, mấy hôm sau tôi được tin Vincent đã chết vì giãm phải mình trong khi đang đi hướng dẫn bộ đội ta dò gỡ mìn do chính hắn chỉ huy đặt...

Ngay sau trận đánh, hàng trăm xe vận tải chở đầy áp gạo từ rừng Hòa Bình đã ngược lên Tây Bắc, tiếp tế kịp thời cho hàng vạn dân công và bộ đội đang áp sát đường số 6. Mộc Châu, một vị trí kiên cố vùng Tây Bắc thất thủ, các đồn bốt khác nghe tin hốt hoảng bỏ chạy như Yên Châu, Hát Lót, Cò Nòi... Lợi dụng tình thế, các đơn vị chủ lực của ta thừa thắng xông lên giải phóng Sơn La, Thuận Châu, Chiềng Đông... và sau này là Điện Biên Phủ. 60 năm đã trôi qua, bằng thời gian cả một đời người. Trung đoàn trưởng 174 năm ấy 32 tuổi nay đã sắp bước sang tuổi 93 những ông vẫn nhớ lắm. Ông nhớ trận đánh hào hùng, nhớ trung đoàn của mình, nhớ những đồng đội đã hy sinh, và cả những người đồng đội nay còn hay mất...

Theo Hoàng Trường Giang (Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH THƯỢNG LẠO

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ítxala quyết định phối hợp mở chiến dịch Thượng Lào nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Ta huy động một lực lượng lớn cùng một số đơn vị Quân giải phóng Pathét Lào mở chiến dịch, từ ngày 8-4-1953, trên địa bàn 2 tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng (Thượng Lào).

Trên hướng đường số 7, ngày 17-4, một bộ phận lực lượng Đoàn 81 quân tình nguyện và Đội vũ trang Pat Chay Lào phối hợp với hai Trung đoàn 66 và 9 (Đại đoàn 304) tiến công tiêu diệt đồn Noọng Hét, tiếp đó đánh địch ở Bản Ban, buộc chúng phải rút chạy về phía Khang Khay.

Được tin, một bộ phận lực lượng Đại đoàn 304 đánh chặn địch ở gần Bản Sao, gây cho chúng một số thiệt hại, bọn địch còn lại buộc phải rút về Cánh Đồng Chum. Tỉnh Hủa Phăn và vùng lân cận được hoàn toàn giải phóng.

Ở hướng nam đường số 7, hai tiểu đoàn thuộc Đại đoàn 312 phối hợp với một đơn vị Ban truy kích địch về Sầm Tở. Hoảng sợ trước sức tiến công của Liên quân Việt-Lào, quân địch đóng giữ ở Mường Sồi, Bản Phiêng và Sầm Tở lần lượt rút chạy. Ngày 18-4, các đơn vị thuộc Đoàn 81 và bộ đội địa phương Mường Mộc, du kích Xả Mè phối hợp với Trung đoàn 57 (Đại đoàn 304) vượt qua Then Phun tiến áp sát thị xã Xiêng Khoảng. Trước khí thế tiến công của Liên quân Việt - Lào, lực lượng địch ở đây hoảng sợ rút chạy về co cụm ở Cánh Đồng Chum. Quân địch đóng ở các vị trí Mường Ngạ, Mường Ngạn hoảng sợ cũng lần lượt rút chạy về Tha Thơm, Tha Viêng. Phát huy thắng lợi, một đơn vị Ban do đồng chí Thao Tu chỉ huy tiến về phía đường số 7, kiểm soát đoạn đường dài từ biên giới Việt-Lào đến Xiêng Khoảng.

Trước nguy cơ Cánh Đồng Chum bị Liên quân Việt-Lào tiến công, Bộ chỉ huy Pháp vội điều động một số tiểu đoàn từ Nà Sản, kể cả lực lượng từ đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam) sang hỗ trợ, xây dựng Cánh Đồng Chum thành tập đoàn cứ điểm mạnh, cố giữ bằng được vị trí chiến lược quan trọng này.

Như vậy, sau hơn một tuần thực hiện cuộc truy kích quân địch rút chạy trên chặng đường 270km, từ Sầm Nưa về Cánh Đồng Chum, Liên quân Việt-Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.500 tên địch, diệt và bức rút hàng loạt cứ điểm dọc đường từ Mường Pơn, Hủa Mường..., chỉ có hàng trăm tên địch chạy thoát về Cánh Đồng Chum.

Phát huy thắng lợi trên hướng Sầm Nưa - đường số 7 - Xiêng Khoảng, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị trên hướng sông Nậm U (hướng phối hợp) tích cực đánh địch. Ngày 21-4, Trung đoàn 148, Đoàn 82 quân tình nguyện phối hợp với đơn vị Quân đội Pa-thét Lào và du kích đẩy mạnh hoạt động, trong đó diệt một đại đội địch ở Mường Ngòi, thu nhiều vũ khí. Quân địch đóng ở Nậm Bạc hoảng sợ bỏ chạy về Pác U. Ngày 26-4, Trung đoàn 98 và 148 tổ chức lực lượng tiến công cứ điểm Pác Seng, loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên địch, thu một số vũ khí, quân

trang, quân dụng. Tiếp đó, một bộ phận chủ lực và quân tình nguyện tiến công diệt địch ở Bản Vẽ.

Cuối tháng 4 năm 1953, các đại đoàn chủ lực cùng quân tình nguyện và lực lượng vũ trang Bản tiếp tục truy kích đánh địch rút chạy từ khu vực sông Nậm U về Luông Phra-băng, uy hiếp kinh đô nước Lào. Phát hiện Liên quân Việt-Lào tiến xuống Luông Phra-băng, tướng Xa-lăng gấp rút điều động hai tiểu đoàn cơ động thuộc binh đoàn cơ động số 1 (GM1) từ Nà Sản sang, tổ chức thành tập đoàn cứ điểm bảo vệ Luông Phra-băng. Cuộc truy kích quân địch rút chạy và tiến công các vị trí địch của Liên quân Việt-Lào kéo dài đến ngày 18-5-1953 thì kết thúc với trận tiến công cụm cứ điểm Mường Khoa, diệt và bắt gần 300 tên địch. Kết quả toàn chiến dịch, Liên quân Việt-Lào đã diệt và bắt gần 2.800 tên địch, giải phóng tỉnh Hủa Phăn, phần lớn tỉnh Xiêng Khoáng và một số huyện của tỉnh Phong-xa-lỳ với 30 vạn dân, mở rộng căn cứ kháng chiến Lào, nối liền với vùng Tây Bắc Việt Nam.

Đây là chiến dịch Liên quân Việt-Lào thực hành vận động truy kích quân địch rút chạy dài ngày lớn nhất kể từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Thành công của chiến dịch là ta và Bản chủ động và kịp thời tạo yếu tố thắng lợi từ quá trình chuẩn bị đến khi thực hành chiến dịch. Trên hướng Sầm Nưa (hướng chủ yếu), bộ đội ta và Bản đã hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch trong điều kiện chưa được chuẩn bị đầy đủ trước, lúc đầu mục tiêu chủ yếu là đánh tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa, song khi ta tiếp cận mục tiêu thì địch vội rút quân để tránh đòn tiến công lớn của ta và Bản. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy chiến dịch đã kịp chuyển từ cách đánh công kiên sang đánh vận động truy kích địch đường dài (270km) trên chiến trường rừng núi hiểm trở, gây cho địch nhiều thiệt hại. Đồng thời, đẩy mạnh tiến công tiêu diệt các đồn, bốt và vị trí địch trên hướng Xiêng Khoáng (hướng thứ yếu) và hướng sông Nậm Hu (hướng phối hợp) giành thắng lợi.

Đánh giá về thắng lợi của sự phối hợp chiến đấu giữa quân đội hai nước trong chiến dịch Thượng Lào, tại Hội nghị tổng kết chiến dịch Thượng Lào (2 đến 3-5-1953), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu rõ: "Thắng lợi này là thắng lợi đầu tiên của quân đội nhân dân ta, của bộ đội chủ lực ta trong quá trình phối hợp chiến đấu với quân đội và nhân dân nước bạn,

thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, của nhân dân ta đối với cách mạng Pa-thét Lào. Đó cũng là thắng lợi lớn nhất của nhân dân và quân đội Pa-thét Lào kể từ ngày bắt đầu kháng chiến đến nay”¹. Trong diễn văn đọc tại lễ mừng chiến thắng Thượng Lào tổ chức tại thị xã Sầm Nưa (19-5-1953), Hoàng thân Xu-pha-nu-vông khen ngợi: “Bộ đội chủ lực và Quân tình nguyện Việt Nam sát cánh với Quân đội Lào Ít-xa-la, đã chiến đấu dũng cảm, có kỷ luật rất nghiêm và tinh thần quốc tế cao... Thay mặt Chính phủ và nhân dân Lào, xin tỏ lòng hoan nghênh và biết ơn sự giúp đỡ to lớn của nhân dân và quân đội Việt Nam đối với công cuộc giải phóng Lào”².

Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào đánh dấu bước phát triển mới của tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa quân đội hai nước Việt-Lào. Lần đầu tiên sự phối hợp chiến đấu giữa quân đội hai nước trong một chiến dịch lớn đã giành thắng lợi vẻ vang, tạo tiền đề cho sự phối hợp chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước ngày càng chặt chẽ và giành thắng lợi to lớn hơn. Với thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào, quân và dân Lào có điều kiện thuận lợi xây dựng, phát triển Sầm Nưa trở thành trung tâm căn cứ địa Trung ương, hậu phương kháng chiến của cả nước Lào, nối thông với nhiều vùng tự do của Việt Nam. Thế phối hợp tác chiến giữa quân đội hai nước trên chiến trường Thượng Lào và Bắc Đông Dương có điều kiện phát triển thuận lợi, góp phần đưa cuộc kháng chiến của quân và dân hai nước giành thắng lợi to lớn trong Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, tiến tới kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương.

Theo Đại tá, TS Dương Đình Lập (Báo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN DỊCH AN KHÊ

Sau khi rút kinh nghiệm chiến dịch Quảng Nam - Đà Nẵng (9-1952) và kết quả thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc (12-1952), đầu tháng 1-1953, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Liên khu 5 quyết định tập trung lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương mở chiến dịch An Khê (từ ngày 13-1 đến 28-1-

¹ *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam* (1930-2007), Nxb CTQG, H, 2011, tr.260.

² *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945-1954)*, Nxb QĐND, H, 2002, tr.283-284.

1953) nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ “bức bình phong lớn” án ngữ không chế đoạn đèo hiểm trở của đường 19 nối Quy Nhơn (đồng bằng ven biển) với Plây-cu (Tây Nguyên), đẩy mạnh chiến tranh du kích phối hợp với các chiến trường.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo chiến dịch là tích cực, chủ động, kiên quyết tiến công hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích vùng sông Ba, dân công tỉnh, huyện (đông Gia Lai, tây Bình Định) bắt đầu nghi binh lừa địch, cơ động lực lượng, khẩn trương thực hiện mọi công việc chuẩn bị cho chiến đấu. Trong công tác trinh sát chiến trường, hai Trung đoàn chủ lực 108, 803 (lực lượng tác chiến chủ yếu của chiến dịch) được du kích địa phương hỗ trợ bí mật, thận trọng tìm hiểu kỹ các căn cứ từ Kon Lía, Tú Thủy đến Đầu Đèo (những vị trí chiến thuật quan trọng), đều được bố trí một đại đội sơn chiến “có độ dày tác chiến cơ động và phòng ngự” bảo vệ vòng ngoài của địch ở An Khê để thiết lập phương án tác chiến. Qua trinh sát các mục tiêu được xây dựng kiên cố, nhiều hàng rào kẽm gai bao bọc (đồn bốt có ba tầng hỏa lực phòng ngự, ngăn chặn từ xa), nên trước khi bước vào chiến đấu, Bộ tư lệnh chiến dịch và các ban chỉ huy trung đoàn đã cho các tiểu đoàn chủ lực học tập và huấn luyện kỹ chiến thuật công kiên (theo tài liệu và kinh nghiệm từ miền Bắc đưa vào) để tạo thêm niềm tin chiến thắng cho cán bộ, chiến sĩ.

Xác định phương châm “đánh điểm, diệt viện”, đêm 13 rạng ngày 14-1-1953, Bộ tư lệnh chiến dịch chỉ đạo hai Trung đoàn 108, 803 đã chiếm lĩnh trận địa (được Trung đoàn 120 tinh chốt chặn trên các hướng hỗ trợ), cho các tiểu đoàn đồng loạt tiến công các cứ điểm Tú Thủy, Cừu An, Eo Gió. Được huấn luyện (bổ sung) chu đáo cách đánh công kiên “tứ tổ nhất đội”, “bộc phá liên tục”, nên bộ đội nhanh chóng tiêu diệt quân địch, làm chủ mục tiêu, khiến quân Pháp ở Kon Lía hốt hoảng tháo chạy. Để hàn gắn tuyến phòng thủ bảo vệ An Khê, ngày 17-1-1953, chỉ huy địch vội vã điều một tiểu đoàn tăng cường ra phản công chiếm lại các vị trí vừa mất. Dự kiến đúng lực lượng và hướng hành quân của địch, quân ta từ các vị trí phục kích (đông Cừu An 500m) nhất loạt xung phong đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn sơn chiến 8 có xe bọc thép yểm trợ. Phát huy thắng lợi, quân ta tiến công Thượng An và lô cốt Đầu Đèo (hai vị trí nhô ra trên đèo An Khê). Sau gần nửa giờ chiến đấu, vị trí Thượng An bị tiêu diệt, riêng lô

cốt Đầu Đèo (do thông thoáng 4 mặt) quân ta phải điều hỏa lực kiểm chế và phải qua 4 lần xung phong mới làm chủ được mục tiêu.

Hệ thống cứ điểm vòng ngoài An Khê bị san phẳng, tuyến phòng thủ bảo vệ đèo Mang Giang (tây An Khê) bị uy hiếp nghiêm trọng. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở khu vực phải xin điều động 3 tiểu đoàn dự bị chiến lược từ Bắc Bộ vào cứu nguy cho An Khê, tạo thuận lợi cho chiến dịch tổ chức đánh địch ngoài công sự. Ngày 24-1-1953, nắm chắc Tiểu đoàn dù số 1 nguy hành quân lên tăng viện cho An Khê, Trung đoàn 803 cho Tiểu đoàn 39 vận động đến vị trí quy định (giữa Thượng An và An Khê) tổ chức phục kích đánh thiệt hại nặng. Trưa hôm sau, trên đường 19 (tây An Khê), Tiểu đoàn 68 (Trung đoàn 120) phục kích chặn đánh đoàn xe 25 chiếc, diệt một đại đội địch. Bị thất bại liên tục và nặng nề trên khu vực đường 19 - An Khê, Bộ tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương buộc phải tăng viện lớn (6 tiểu đoàn) cho An Khê và điều một hạm tàu (6 chiếc) đến vùng biển Quy Nhơn sẵn sàng đổ bộ lên đánh phá các huyện đồng bằng (vùng tự do của ta ở hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định). Nhận định lực lượng so sánh trên mặt trận An Khê đã thay đổi không có lợi cho ta, ngày 28-1-1953, Bộ chỉ huy Liên khu 5 quyết định kết thúc chiến dịch, chuyển sang hoạt động nhỏ lẻ kìm chân địch.

Chiến dịch tiến công An Khê giành thắng lợi thể hiện bước phát triển mới về nghệ thuật sử dụng binh lực hợp lý, hình thành thế trận hiểm hóc, chủ động tiến công và tiến công liên tục, tập trung dứt điểm từng mục tiêu, diệt gọn từng đơn vị cả trong công kiên và trong vận động phục kích. Chính vì đánh giá đúng tình hình địch, ta giữ vững quyền chủ động từ khi mở màn đến khi kết thúc chiến dịch, ta đã đạt mục đích chiến dịch đề ra, buộc địch phải phân tán một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động chiến lược vào chiến trường Tây Nguyên và duyên hải Trung - Trung Bộ, cùng với các chiến trường khác tạo điều kiện thuận lợi cho chiến trường chính Bắc Bộ mở rộng lực lượng, thế trận chuẩn bị cho chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954.

Đại tá Trần Tiến Hoạt (Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ 1954

Kế hoạch Navarre

Khi nhận quyết định bổ nhiệm sang Đông Dương từ ngày 8.5.1953, Navarre chỉ chấp nhận chức trách được giao sau nhiều cân nhắc và e ngại

không có kinh nghiệm gì về Đông Dương. Thủ tướng René Mayer cử Navarre đến Sài Gòn để nhìn các vấn đề với con mắt mới đồng thời có đủ uy tín với Mỹ để yêu cầu gì cũng được hòng có thể đề xuất ra một con đường mới để rút khỏi Đông Dương trong danh dự. Navarre nổi tiếng là một sỹ quan tham mưu ưu tú đã chiến đấu từ năm 1918 đến suốt Thế chiến II, đặc biệt đứng đầu cơ quan tình báo Pháp và Đức từ năm 1936 đến 1940. Kế hoạch của Navarre: Năm đầu 1953 - 1954: Phải tập hợp được quân lực thành binh đoàn tác chiến, đánh vào nơi "dễ ăn" ở phía nam vĩ tuyến 18 tức Khu IV (Bình Trị Thiên), Khu V và vùng Nam bộ. Sau khi giành được chiến thắng ở miền Nam, năm 1954 1955 đánh những đòn quyết định ở miền Bắc. Theo Navarre, Pháp có 2 cái lợi ở Điện Biên Phủ. Một cứ điểm này là cái chốt bảo vệ cho quân đội Lào đang bị Việt Minh uy hiếp. hai, nó lại là một cái nhọt bộc thu hút một phần Việt Minh, làm giảm nhẹ sức ép của Việt Minh với đồng bằng Bắc bộ.

Ngày 20/11/1953, Navarre cho quân nhảy dù xuống cánh đồng Mường Thanh và đánh chiếm Điện Biên Phủ. Sau khi cân nhắc vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ, ngày 3/12/1953 Navarre đi tới quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh, bố trí những đơn vị thiện chiến chiếm giữ lên đến 12.000 quân có sân bay hậu cần và dã chiến, có trọng pháo và xe tăng thiết giáp yểm hộ cho bộ binh, thiết kế căn cứ trở thành một tập đoàn cứ điểm liên hoàn có sức cố thủ không ai đánh bại được. Đại tá De Castries được chỉ định làm chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm quan trọng này với nhiệm vụ lập 49 cứ điểm cứng tập hợp trong 3 phạm khu rải rác nằm trong cánh đồng bằng phẳng hoặc tọa lạc trên các mỏm đồi cao, có pháo binh hạng nặng yểm trợ cho nhau và sẵn sàng nhả đạn nghiền nát những toán Việt Minh nếu họ mạo hiểm đưa quân từ núi rừng bước xuống lòng chảo. Khi ấy tập đoàn cứ điểm Pháp sẽ như con nhím xù lông chọc nát mặt địch thủ hoặc hơn nữa là những cối xay thịt nghiền nát những kẻ xâm nhập.

Điện Biên Phủ là chiến dịch rất quan trọng được Đảng và Bác Hồ đặc biệt quan tâm. Cả nước nô nức lên đường thực hiện khẩu hiệu: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng. Căn cứ vào lực lượng và bố trí cụ thể của địch, đồng thời để khắc phục hậu cần, thượng tuần tháng 12/1953, ta chủ trương thực hiện phương châm "đánh nhanh thắng nhanh" trong

vòng 3 đêm 2 ngày. Đến cuối tháng 1/1954, lực lượng địch lên tới 12.000 tên với hệ thống công sự phòng ngự vững chắc, phương tiện chiến tranh được Mỹ viện trợ giúp đỡ, để đảm bảo chắc thắng. Ngày 5-1-1954, từ núi rừng Việt Bắc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường đi Tây Bắc để trực tiếp chỉ huy chiến dịch. Đại tướng được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao toàn quyền hành động. Trận đánh này sẽ là một thử thách chưa từng thấy đối với ta trong chiến tranh. Ở trận này ta quyết định chuyển sang phương châm “đánh chắc tiến chắc”.

Theo kế hoạch từ tháng 10.1953 cho Đông - Xuân 1953 -1954 ta đã chọn núi rừng Tây Bắc làm chiến trường chính nhưng Điện Biên Phủ không hoàn toàn là rừng núi. Ở đây có cách đồng lớn nhất Tây Bắc là lòng chảo Mường Thanh. Có rất nhiều cứ điểm Pháp nằm rải rác trên cánh đồng. Bộ đội ta sẽ phải tiến hành nhiều trận đánh mà quân địch có máy bay, xe tăng, đại bác yểm trợ trên địa hình bằng phẳng giống như đồng bằng. Phía đông Mường Thanh từ các điểm cao trên các ngọn đồi, địch có thể trút đạn pháo xuống khu vực lòng chảo tiêu diệt các mũi tiến công vào trung tâm. Phía quân đội ta phần lớn những tinh hoa của bộ đội chủ lực đều là mới xây dựng sau 7 năm kháng chiến những đại đoàn 308, 312, 304, 316, 351 những vốn liếng vô cùng quý giá nhưng cũng thật ít ỏi. Đại tướng đã thuộc lòng từng trung đoàn, từng tiểu đoàn, từng đại đội chủ công, những chiến sỹ đã lập công xuất sắc, nhưng ông trấn trở “Nhưng nhiệm vụ của chiến dịch không chỉ là giành chiến thắng mà còn phải giữ được vốn quý cho cuộc chiến đấu dài lâu”.

Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định thành lập Bộ Chỉ huy kéo pháo do các đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh đại đoàn 312 làm chỉ huy trưởng, Phạm Ngọc Mậu, Chính ủy đại đoàn 351 làm Chính ủy. Con đường Tuần Giáo - Điện Biên được mở rộng cho xe kéo pháo vào điểm tập kết cách Điện Biên 15 km. Rồi từ đây phải dùng sức người kéo những khối thép nặng 2 tấn qua những dốc cao 30, 40 độ thậm chí có chỗ lên tới 60 độ, lại còn phải nguy trang toàn bộ không để máy bay trinh sát của địch phát hiện ra. Để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của Pháp ở Điện Biên Phủ, quân đội ta phải chiến đấu trên cả địa hình đồi núi và đồng bằng. Những cứ điểm nằm trên dãy đồi phía Đông A1, C1, D1, E1 là những nơi địch đội hỏa lực xuống đầu bộ binh ta xung phong vào khu trung tâm mà địch cao

ngạo gọi là “một pháo đài không thể công phá”. Thực hiện phương châm đánh chắc tiến chắc, Đại tướng chủ trương xây dựng trận địa bao vây và tiến công tập đoàn cứ điểm bao gồm một hệ thống hàng trăm km hầm hào để triển khai bộ đội vào trận địa ở dưới mặt đất nhằm tránh thương vong. Đại tướng quyết định cho đào cả những hầm riêng cho pháo từ trên sườn núi để nã đạn xuống sân bay và cứ điểm địch, yểm trợ cho bộ binh xuất trận.

Thay vì một cuộc tấn công mạo hiểm thọc sâu vào ngay trong tập đoàn cứ điểm, ta sẽ tiến hành một loạt trận công kiên tiêu diệt từng cứ điểm đề kháng, bắt đầu từ tiêu diệt phân khu Bắc, mở đường hào đưa quân ta vào cánh đồng Mường Thanh, cắt đứt sân bay, tiến tới bóp nghẹt com nhím Điện Biên Phủ

Bộ đội công binh khắc phục muôn vàn khó khăn xây dựng Sở chỉ huy chiến dịch tại Mường Phăng. Thực hiện phương châm “đánh chắc tiến chắc” bộ đội ta kéo pháo ra để làm hầm cho pháo.

Chiến dịch Điện Biên Phủ được diễn ra trong 56 ngày đêm ác liệt và được chia thành 3 đợt tấn công:

Đợt tiến công thứ nhất: Bóc vỏ Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày 13/3 đến ngày 17/3/1954. Đại đoàn 312 của Tư lệnh trưởng Lê Trọng Tấn được nhận nhiệm vụ phá tan cánh cửa thép đầu tiên của địch ở đồi Him Lam. Nhiệm vụ đợt này là tiêu diệt các vị trí vòng ngoài của địch ở phía Bắc và Đông Bắc gồm Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo.

Đúng 17h ngày 13/3/1954, đại đội lựu pháo 806 bắn những loạt đạn đầu tiên vào trung tâm đề kháng Him Lam mở màn cho chiến dịch. Một viên đạn pháo rơi trúng Sở chỉ huy Him Lam, tiêu viên tiểu đoàn trưởng Pégot, phá hủy cả chiếc điện đài khiến Him Lam mất liên lạc ngay với trung tâm Mường Thanh. Tiểu đoàn 130 tiến vào tiêu diệt gọn đại đội lê dương số 11, sau khi giật một khối bộc phá 10kg tiêu diệt lô cốt cùng với viên đại úy chỉ huy. Trung tâm đề kháng Him Lam là một trung tâm phòng ngự kiên cố nhất của địch. Him Lam thuộc phân khu trung tâm, cách Mường Thanh 2,5km - Him Lam có nhiệm vụ che chở cho phân khu trung tâm và ngăn chặn bộ đội ta đánh vào phân khu Bắc. Tại đây Navarre bố trí một tiểu đoàn lê dương thiện chiến chiếm giữ gồm 3 cứ

điểm yểm hộ lẫn nhau, có trận địa phòng ngự vững chắc với nhiều hỏa điểm lợi hại.

Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt, kéo dài hơn 5h30', đến 22h30' ta làm chủ hoàn toàn cứ điểm Him Lam, tiêu diệt và bắt sống gần 500 tên địch, thu nhiều vũ khí, đạn dược. Lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" đã được cắm lên cứ điểm Him Lam.

Trong trận mở màn, xuất hiện gương chiến đấu dũng cảm của Phan Đình Giót, anh đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai tại móm 2 để tạo điều kiện cho bộ đội xung phong tiêu diệt địch.

Thất thủ ngay tại trận mở màn, Đại tá Piroth chỉ huy pháo binh đã cho đội 6.000 viên đại bác xuống chung quanh Him Lam hòng cứu vãn tình hình nhưng vô vọng. Sau 2 đêm thất bại trước pháo binh Việt Nam, Piroth đã tự sát trong hầm bằng một trái lựu đạn.

Phát huy truyền thống đánh thắng trận mở màn, 3h30' ngày 15/3/1954 ta tấn công đồi Độc Lập. Cứ điểm Độc Lập nằm trên quả đồi dài 700m, rộng 150m, cách Mường Thanh 4km, do một tiểu đoàn Bắc Phi tăng cường chốt giữ. Vị trí Độc Lập có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta từ hướng Bắc đánh xuống. Sau 3 giờ chiến đấu, bộ đội ta hoàn toàn làm chủ đồi Độc Lập.

Chiến thắng vẻ vang trên có sự đóng góp xứng đáng của bộ đội pháo cao xạ. 8h ngày 14/3, đại đội 815 tiểu đoàn 383, trung đoàn 367 bắn rơi tại chỗ 1 máy bay trinh sát Moran của Pháp - Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương quân công hạng 3.

Sau gần 5 ngày chiến đấu, ta tiêu diệt nhanh gọn 2 cụm cứ điểm kiên cố vào bậc nhất của địch, đồng thời làm tan rã một tiểu đoàn địch, bức hàng luôn cứ điểm Bản Kéo, tiêu diệt và bắt sống 2.000 tên địch, bắn rơi 12 máy bay mở toang cánh cửa phía Bắc vào Trung tâm tập đoàn cứ điểm. Ở Hà Nội, tướng Cogny, Chỉ huy trưởng miền Bắc Đông Dương chua chát thú nhận với phóng viên báo Le Monde (Thế giới): "Điện Biên Phủ quả là một cái bẫy nhưng không phải là một cái bẫy đối với Việt Minh mà là một cái bẫy với người Pháp chúng tôi".

Để đảm bảo chắc thắng trong đợt tấn công thứ hai, Đảng ủy và Bộ chỉ huy mặt trận quyết định phải xây dựng trận địa tấn công và bao vây và xác định đây là nhiệm vụ trung tâm trong công tác chuẩn bị của đợt 2. Vào đợt 2 bộ đội ta sẽ phải tiến xuống cánh đồng. Con đường triển khai có

nhieu khó khăn. Sở chỉ huy địch nằm giữa lòng chảo Mường Thanh có các vị trí cao điểm đặt trên những mỏm đồi phía đông làm bình phong án ngữ.

Hệ thống trận địa tấn công và bao vây: Bao gồm đường giao thông hào trục sâu 1,7m, rộng 1,2m chạy xung quanh phân khu Mường Thanh, cắt đứt phân khu này và phân khu Nam, giao thông hào nhánh sâu 1,7m, rộng 0,5m từ đường hào trục toả các hướng sát tới trận địa của địch.

Đợt tiến công thứ 2: Tiến vào Mường Thanh (từ 30.3 đến 30.4.1954)

Ra quân lần này, Đại tướng sử dụng nhiều đơn vị chủ lực như: Đại đoàn 312 của Tư lệnh Lê Trọng Tấn có nhiệm vụ tiêu diệt các cao điểm E, D1, D2, đại đoàn 316 của Tư lệnh Lê Quảng Ba có nhiệm vụ tiêu diệt các cao điểm A1, C1, C2, đại đoàn 308 của Tư lệnh Vương Thừa Vũ được giao nhiệm vụ dùng hỏa lực kiểm chế pháo binh địch ở Tây Mường Thanh, tiến công các cứ điểm 106, 311 nằm trong cụm Huguette ở phía Tây, đồng thời cử một tiểu đoàn tham gia bộ phận thọc sâu vào trung tâm khu Đông tiêu diệt trận địa pháo và phối hợp với trung đoàn 98 của 316 tiêu diệt lực lượng dù cơ động.

17h ngày 30/3/1954 đợt tấn công thứ 2 bắt đầu và kéo dài 30 ngày đêm ác liệt (30/3 - 30/4/1954). Nhiệm vụ đợt tấn công này là đánh chiếm các ngọn đồi phía Đông, đánh chiếm sân bay, triệt đường tiếp tế và tiếp viện, thu hẹp phạm vi chiếm đóng và vùng trời của phân khu Trung tâm.

Cuộc tấn công đồi A1 và C1 diễn ra rất ác liệt.

Cuộc chiến đấu tại C1 diễn ra quyết liệt ngay từ những ngày đầu. Sau 45' chiến đấu, trung đoàn 98, đại đoàn 316 đánh chiếm đồi C1. Được tăng viện, ngày 9 tháng 4 địch cho quân phản kích. Cuộc chiến đấu diễn ra 4 ngày đêm liên tục, cuối cùng mỗi bên chiếm một nửa.

Đồi A1 là điểm cao quan trọng nhất trong 5 ngọn đồi phía Đông, nó cũng là điểm cao cuối cùng che chở cho phân khu Trung tâm.

Từ 30/3 - 4/4 bộ đội ta 3 lần tổ chức tấn công, địch dựa vào hệ thống hầm ngầm ngoan cố chống cự, tổ chức nhiều cuộc phản công có xe tăng và pháo binh yểm hộ, cuối cùng mỗi bên chiếm một nửa đồi A1.

Tại đồi E, khẩu đội Phùng Văn Khầu chiến đấu thông minh, sáng tạo, tiêu diệt nhiều hỏa điểm địch, sau này đồng chí được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.

Ngay trong đợt 2, các vị trí 106, 105, 206.... của quân đội Pháp đã bị bộ đội ta đánh chiếm.

Ngay từ hạ tuần tháng 3/1954, bộ đội cao xạ và bộ đội pháo binh ta hoạt động mạnh, máy bay địch không hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh được, phải bay cao thả dù, nhiều dù hàng bay sang trận địa phòng ngự của ta. Từ trung tuần tháng 4/1954 phong trào thi đua "Săn tây bắn tía" của bộ đội ta càng làm cho địch hoang mang, tuyệt vọng. Đối với địch, Điện Biên Phủ đã trở thành địa ngục trần gian, cái chết đến với chúng bất cứ lúc nào.

Được sự chi viện của hậu phương về cả tinh thần và vật chất, các chiến sỹ Điện Biên Phủ lạc quan tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của chiến dịch.

Đợt tấn công cuối cùng: Chiếm những cao điểm phía Đông, xông vào hầm chỉ huy tương De Castries (Từ 1/5 đến 7/5/1954). Bộ chỉ huy mặt trận quyết định mở đợt tấn công thứ 3. Đợt tấn công cuối cùng bắt đầu vào đêm 1/5/1954. Nhiệm vụ đợt chiến đấu này được xác định cụ thể là: Đánh chiếm và tiêu diệt các cứ điểm còn lại của địch, uy hiếp tung thâm chớp thời cơ tiến hành tổng công kích.

Ngày 1/5 trung đoàn 175 đào thêm một đường hầm từ trận địa của ta đến dưới hầm ngầm A1 của địch và đặt gần 1.000 kg thuốc nổ. Bất ngờ các cỡ pháo của ta nhả đạn vào nhiều khu vực của tập đoàn cứ điểm. Kho đạn có sức chứa 3.000 viên đạn đại bác của địch nổ tung, kho lương thực, thực phẩm bốc cháy. Địch mất thêm 4 cứ điểm C1, 505, 505A ở phía Đông và 311 A ở phía Tây. Lực lượng địch ở phân khu trung tâm còn khoảng trên 5.385 quân chiến đấu và gần 1.300 thương binh.

Ngày 6/5 tiếng nổ của khối bộc phá gần 1.000 kg trong lòng đồi A1 là hiệu lệnh xung phong cho đợt tấn công quyết định cuối cùng. Hỏa lực của ta tập trung bắn vào A1, C2, 506 (Bắc Mường Thanh) và 310 (Tây Mường Thanh). Cuộc chiến đấu bằng tiểu liên, lựu đạn, lựu lê diễn ra ác liệt trên từng thước chiến hào, ở từng ụ súng. Tiểu đoàn 249 quyết định đưa DKZ (đại bác không giật) lên bắn cho sập chiếc lô cốt Cây đa cụt. Trung đoàn trưởng Lê Hữu An đưa đại đội dự bị của tiểu đoàn 249 vào giải quyết trận đánh.

Ngày 7/5 viên chỉ huy Pouget bị thương nặng và bị bắt. Trận đánh trên đồi A1 kết thúc trước khi trời sáng. Ở phía Tây, trung đoàn 102 của

đại đoàn 308 chiếm xong cứ điểm 311 (Huguette) đưa trận địa tấn công của đại đoàn vào cách hầm chỉ huy của De Castries khoảng 300m. Theo mệnh lệnh của Đại tướng, ta lần lượt đánh chiếm các cao điểm cuối cùng để tiến xuống Mường Thanh. Ta hoàn toàn làm chủ đồi C2. Bộ chỉ huy phân khu Đông của Pháp gồm Breschignac, Botella và một số đông sỹ quan dù tập trung tại đây bị bắt sống cùng với hàng trăm thương binh. Khu Trung tâm và Sở Chỉ huy của De Castries nằm gọn dưới tầm bắn thẳng của pháo binh ta. Phối hợp chặt chẽ với bộ binh, pháo binh và cao xạ hoạt động mạnh, làm cho địch tiếp tục hoảng loạn.

Các đại đoàn bộ binh nhanh chóng đánh chiếm C1, A1, các vị trí ở dưới chân các ngọn đồi phía đông, tiến đánh khu trung tâm Mường Thanh. Chớp thời cơ, 15h ngày 7/5/1954, quân ta được lệnh mở cuộc tổng công kích vào tập đoàn cứ điểm.

17h30' ngày 7/5/1954, quân ta đánh chiếm sở chỉ huy địch và bắt sống tướng De Castries. Sau gần 2 tháng chiến đấu, ta tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên địch, bắn hạ 62 máy bay và thu toàn bộ kho tàng, vũ khí của thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ.

Ngày 13/5/1954, ngày tại mảnh đất lịch sử, buổi lễ mừng chiến thắng được tổ chức trọng thể.

Phối hợp chặt chẽ với mặt trận Điện Biên Phủ, các chiến trường trong cả nước đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá kho tàng, sân bay, đánh phá giao thông, tiến tới giải phóng hàng loạt các tỉnh.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève cuốn cờ, rút quân khỏi miền Bắc Việt Nam.

ĐIỆN BIÊN PHỦ 1954 - SỨC MẠNH VÀ TRÍ TUỆ VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã chung sức, đồng lòng, làm nên chiến thắng lịch sử vĩ đại ở thế kỷ XX - "Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Với chiến thắng này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lâu dài, gian khổ và vô cùng oanh liệt của dân tộc Việt Nam đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Nhìn lại chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, thế hệ hôm nay càng

cảm phục trí tuệ và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam. Trí tuệ và bản lĩnh đó được kết tinh qua sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình và kịp thời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chủ tịch và người trực tiếp cầm quân là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhờ đó đã tạo ra sức mạnh tổng hợp về vật chất và tinh thần của cả dân tộc, chuyển yếu thành mạnh, vừa đánh vừa xây dựng lực lượng, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. Đó là một trong những nhân tố quan trọng góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chỉ ra rằng, một dân tộc nhỏ có chính nghĩa vẫn có thể đánh bại những lực lượng xâm lăng hùng hậu bằng nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, vừa đánh vừa xây dựng lực lượng, từng bước tạo, nắm và chớp thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn. Ngay từ đầu, cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược đã tiếp tục và phát huy truyền thống đó.

Trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946) Bác viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc...”¹. Đồng thời, Đảng ta cũng khẳng định: “Việc giải phóng dân tộc luôn là việc của bản thân ta”. Tại Hội nghị Trung ương tháng 3-1951, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về cuộc kháng chiến chống Pháp là trường kỳ, gian khổ và tự lực cánh sinh là chính. Ngày 2-9-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa kêu gọi “nhân dân, bộ đội và cán bộ thấm nhuần tư tưởng: Kháng chiến nhất định thắng lợi, nhưng phải trường kỳ, gian khổ, tự lực cánh sinh”². Thấm nhuần đường lối kháng chiến của Đảng, quân dân ta “đồng cam cộng khổ”, vừa đánh, vừa giam chân địch trong lòng thành phố, vừa kéo Pháp lên vùng rừng núi hiểm trở, giáng cho chúng những đòn chí tử trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947; Biên Giới Thu Đông 1950, Đường số 18, Hòa Bình, Tây Bắc, mặt trận Bình - Trị - Thiên, Thượng Lào, Đông Bắc Campuchia..

Liên tiếp thất bại trên chiến trường, Pháp cử tướng Navarre Tham mưu trưởng các lực lượng khối Bắc Đại Tây Dương, người đã từng chiến

¹ *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb CTQG, H.2000, tập 4, tr.480.

² Đỗ Thiệu - Đinh Kim Khánh. *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb QĐND, H.1984, tr.61.

đấu trong suốt cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, từng tham gia bình định Xy-ri, Ma-rốc đến Đông Dương... Pháp coi Điện Biên Phủ là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, một vị trí chiến lược cơ động ở giữa miền Bắc Việt Nam - Thượng Lào - miền Nam Trung Quốc. Thực dân Pháp hy vọng, với tài chỉ huy của tướng Navarre, với số lượng quân đông nhất từ trước tới lúc ấy (267 tiểu đoàn) cùng với phương tiện chiến tranh hiện đại và sự chi viện ngày càng lớn của Mỹ, sẽ tìm một "lối thoát danh dự" trong cuộc chiến tranh hao người tốn của mà nhân dân Pháp, nhân dân tiến bộ trên thế giới kịch liệt phản đối.

Tháng 9-1953, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn nhiệm vụ quân sự Đông xuân 1953-1954. Bộ Chính trị quyết định: Sử dụng mọi biện pháp để giữ vững và phát triển quyền chủ động tiến công chiến lược, điều những bộ phận chủ lực của ta tiến về 5 hướng chiến lược nhằm vào những nơi tương đối yếu của chúng, huộc địch phải đánh theo cách đánh của ta, trên chiến trường ta đã chuẩn bị, từ đó mà đập tan âm mưu của địch, giành lại quyền chủ động trên các chiến trường.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo thông minh, tài tình của Đảng, quyết tâm và kế hoạch tác chiến chiến lược Đông Xuân, chúng ta đã chia nhỏ lực lượng địch rải ra khắp chiến trường mà tiêu diệt, hạn chế sự chi viện của chúng cho chiến trường Điện Biên Phủ, giải phóng vùng đất đai rộng lớn, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị chiến đấu của ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung. Thắng lợi quân sự trong kế hoạch Đông Xuân 1953-1954 đã tạo tiền đề vô cùng quan trọng để Đảng ta đưa ra đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng với Pháp tại cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị thông qua phương án mở chiến dịch Điện Biên Phủ của Tổng quân ủy. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được chỉ định trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Ngày 22-12-1953, Hồ Chủ tịch trao cờ "Quyết chiến, quyết thắng" cho đồng chí Võ Nguyên Giáp và gửi thư cho đồng bào, chiến sĩ cả nước. Người căn dặn: "Chiến dịch này là chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà với cả quốc tế. Vì vậy toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được"¹.

¹ Hồ Chí Minh, *Thư gửi đồng chí Võ Nguyên Giáp*, Tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, 12-1953.

Trước vận mệnh của dân tộc, nhiệm vụ tối cao được Đảng và Bác Hồ trao cho người cầm quân: Trận này rất quan trọng phải đánh cho thắng, chắc thắng mới đánh, không chắc không đánh. Na-va quyết tâm tăng cường xây dựng công sự, sân bay, bổ sung lực lượng cho Điện Biên Phủ lên tới 12 tiểu đoàn, nhằm biến nơi đây thành “cối xay thịt”, nghiền nát chủ lực của ta. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có nhận định sáng suốt: Tình hình địch còn thay đổi nên chủ trương cũng có thể thay đổi và quyết định hoãn kế hoạch theo phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” sang chuẩn bị theo phương châm tác chiến “đánh chắc, tiến chắc”. Quyết định này được xem là một “quyết định khó khăn nhất” trong cuộc đời cầm quân của vị Tổng tư lệnh mới tròn 34 tuổi.

Như vậy, thay đổi phương châm tác chiến trong trận quyết chiến lịch sử Điện Biên Phủ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện tầm nhìn chiến lược, sự nhạy bén và tài năng của một Vị Tổng tư lệnh quân đội. Cả nước ra quân chuẩn bị chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ theo phương châm mới “đánh chắc tiến chắc”. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện khen ngợi, động viên tinh thần cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trên toàn mặt trận: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng”¹.

Trải qua 3 đợt tấn công liên tục bắt đầu từ 13-3 đến ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - một “pháo đài khổng lồ không thể công phá” của quân đội thực dân Pháp đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Tướng Đờ-cát-tơ-ri, bộ tham mưu và sỹ quan, binh lính tập đoàn cứ điểm đã đầu hàng Việt Minh vô điều kiện, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia.

Tìm hiểu thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ của dân tộc Việt Nam, nhà báo Pháp, J. Roa (Jules Roy) nhận xét: Cái đã đánh bại tướng Na-va không phải là phương tiện mà là sự thông minh và ý chí của đối phương. Từ cách nhìn khách quan của những học giả, nhà báo nước ngoài, thế hệ hôm nay càng hiểu rõ hơn, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, tài tình của Đảng, của Bác, tài năng quân sự tiếp chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ

¹ *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb CTQG, H.1996, tập 7, tr.226.

của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, những con người bằng da, bằng thịt của dân tộc Việt Nam, một dân tộc anh hùng, yêu chuộng hoà bình, thấm nhuần chân lý sáng ngời “không có gì quý hơn độc lập tự do” đã kiên cường bất khuất “nắm mặt nằm gai”, viết nên trang sử chói lọi: 9 năm làm một Điện Biên/Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chính là thắng lợi của sức mạnh và trí tuệ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... của thế kỷ XX. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của lực lượng hoà bình dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, lịch sử dân tộc đã sang trang, nhưng bài học và ý nghĩa lớn lao của Điện Biên Phủ năm xưa vẫn còn nguyên giá trị. Trong mỗi giai đoạn di lên của đất nước, chúng ta luôn nhận thấy “tư tưởng cốt lõi nhất” của tinh thần Điện Biên Phủ là ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc, khát vọng vươn tới độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Bằng khối óc và bàn tay của mình, bằng tài năng và sự sáng tạo, chúng ta hoàn toàn có thể biến khát vọng thành hiện thực, xây dựng một Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”. Điện Biên Phủ mãi mãi là niềm tin, niềm tự hào của dân tộc ta, trường tồn cùng với đất nước, con người Việt Nam.

Theo Phạm Nhung (Tạp chí *Xây dựng Đảng*)

ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ BẢN LĨNH VÕ NGUYÊN GIÁP

Trong cuộc đời cầm quân của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có rất nhiều quyết định quan trọng, đưa ông vào hàng “những người hiếm hoi làm chuyển dịch dòng chảy của lịch sử” (từ của Peter MacDonald, một vị tướng kiêm sử gia người Anh). Nhưng việc thay đổi phương châm tác chiến từ “Đánh nhanh giải quyết nhanh” chuyển sang “Đánh chắc tiến chắc” - một thay đổi đưa đến chiến thắng tuyệt đối trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 - được coi là quyết định to lớn và “khó khăn” nhất cuộc đời ông. Thanh Niên giới thiệu cùng bạn đọc loạt bài của đại tá PGS-TS Nguyễn Mạnh Hà, Phó viện trưởng Viện Lịch sử quân sự VN, để thấy rõ hơn về bản lĩnh quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tại sao lại là Điện Biên Phủ?

Điện Biên Phủ là trận đánh lớn nhất, nhưng vào mùa thu năm 1953, nó hoàn toàn không có trong kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh của ta và cả trong Kế hoạch Navarre của Pháp.

Kế hoạch của quân viễn chinh Pháp

Do chiến sự diễn ra nhanh chóng, một đơn vị bộ đội ta hành quân lên Tây Bắc để tiến công giải phóng thị xã Lai Châu, vị trí còn lại cuối cùng của Pháp ở Tây Bắc, nhằm giải phóng hoàn toàn vùng này. Lo sợ quân ta sau khi làm chủ vùng Tây Bắc chiến lược rộng lớn, sẽ thừa thắng đánh sang Thượng Lào rồi đánh xuống Trung Lào, Hạ Lào, xuống đông bắc Campuchia, rồi quặt vào miền Trung Trung Bộ..., Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương là Nava vội vã cho 6 tiểu đoàn nhảy dù xuống khu vực lòng chảo Điện Biên Phủ trong các ngày 20-21.11.1953 nhằm lập một trung tâm chốt chặn đường tiến của bộ đội ta lên Lai Châu và sang Lào.

Về mặt địa lý chiến lược, Điện Biên Phủ - có cánh đồng Mường Thanh, là nơi có địa hình rộng lớn và bằng phẳng nhất ở Tây Bắc. Lòng chảo Điện Biên Phủ có chiều rộng từ 6-8 km, dài 15-17 km, được chính Tổng chỉ huy Navarre đánh giá là căn cứ lực quân, không quân tốt nhất ở miền Bắc Đông Dương, rất thuận tiện cho việc xây dựng tập đoàn cứ điểm phòng thủ.

Không những thế, bộ chỉ huy Pháp còn tính toán rằng, ở Điện Biên Phủ, nơi cách Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa từ 300 đến 500 km đường chim bay, chỉ có đường quốc lộ số 6 từ Hà Nội đi qua Hòa Bình, Sơn La lên, thì việc đảm bảo vũ khí, đạn dược hậu cần, lương thực thuốc men... cho hàng vạn người chiến đấu trong một thời gian dài, là điều rất khó, nếu không nói là không thể thực hiện được. Sở dĩ như vậy là vì Bộ chỉ huy Pháp cho rằng quân ta chủ yếu vận chuyển bằng đôi vai và các phương tiện thô sơ như xe đạp thồ, ngựa thồ, thuyền mảng, nếu có đi theo đường số 6 thì sẽ bị máy bay của Pháp ném bom chặn đánh.

Hơn nữa, hình thức tập đoàn cứ điểm đã được phía Pháp áp dụng xây dựng trong đông xuân 1951-1952, tại thị xã Hòa Bình, trong chiến dịch Hòa Bình; tại Nà Sản (10.1952), trong chiến dịch Tây Bắc, nhưng bộ đội ta đều không đánh được, trái lại bị tổn thất nặng, thì với tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, được xây dựng kiên cố, quân đông (16.000), nhiều vị trí và trung

tâm đê kháng (49 cứ điểm, 8 trung tâm đê kháng), lại có cầu hàng không tiếp tế liên tục với số lượng lớn..., từng được viên Tổng chỉ huy tiền nhiệm của Navarre là Salan đánh giá là “Nà Sản lụy thừa 10”, được Bộ chỉ huy Pháp coi là bất khả xâm phạm. Nếu bộ đội ta có liều lĩnh đánh vào thì tập đoàn cứ điểm trở thành “cái nhọt hút độc”, là “cái cối xay thịt” chủ lực Việt Minh. Chính vì thế, cả Pháp và Mỹ đều rất chú quan, thậm chí còn cho thả truyền đơn “thách tướng Giáp tiến công” Điện Biên Phủ.

Điểm hẹn lịch sử

Về phía ta, nhận được tin quân Pháp nhảy dù chiếm và xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm, T.Ú Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đây là cơ hội tốt để ta tiêu diệt địch, đánh bại ý chí tiếp tục chiến tranh của chúng. Vì thế, tuy chưa chuẩn bị cho một trận đánh lớn, mà đang tập trung huấn luyện, củng cố ở khu vực Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ..., nhưng rất nhanh chóng, phần lớn các đại đoàn chủ lực của ta được lệnh lên đường nhằm hướng Điện Biên Phủ.

Xuất phát từ quan điểm chiến tranh nhân dân, với khẩu hiệu “Tất cả cho Điện Biên Phủ”, hàng chục vạn dân công các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa đã được huy động làm đường, vận chuyển hàng cho chiến dịch. Cũng với niềm tin tưởng rằng trải qua 8 năm kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành về mọi mặt: quân số, tổ chức, trang bị vũ khí, cách đánh..., có đủ khả năng đánh bại hình thức phòng ngự cao nhất của thực dân Pháp, giáng một đòn quyết định, sớm kết thúc chiến tranh.

Vì thế, một cách không tự giác, nhưng lại có tính logic trong tiến trình chiến tranh, đã đến lúc cả hai bên tham chiến đều nhận thấy cần có một trận đánh quyết định để kết thúc chiến tranh. Tuy rằng, trong kế hoạch, Navarre chủ trương đến mùa thu 1955 mới kéo quân ra miền Bắc giao đấu trận quyết định với chủ lực ta sau khi đã bình định xong Nam Bộ và “thanh toán” được vùng tự do Liên khu 5, nhưng trước bối cảnh của thế bị động chiến lược, phải đối phó với đòn tiến công của ta nhằm phá khối cơ động chiến lược - xương sống của Kế hoạch Navarre, viên Tổng chỉ huy Pháp đã có một quyết định táo bạo - nhưng lại là quyết định sai lầm lớn nhất trong cuộc đời nhà binh - cầm quân của ông ta.

Ngày 3.12.1953, Navarre quyết định chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ. Chỉ 3 ngày sau, ngày 6.12.1953, Bộ Chính trị BCH T.Ú

Đảng họp mở rộng, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thông qua kế hoạch tác chiến ở Điện Biên Phủ do Tổng Quân ủy trình bày.

Điện Biên Phủ trở thành điểm hẹn mang tính lịch sử một cách nhanh chóng trong vòng 2 tuần, nếu chỉ tính từ ngày 20.11.1953, khi những lính dù Pháp đầu tiên được ném xuống vùng lòng chảo thanh bình và trù phú này, nhưng thực chất đó là kết quả của cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, ác liệt của quân và dân ta.

Chủ trương viện trợ cho Việt Nam chống Pháp, Đảng, Chính phủ Trung Quốc đã cử Bí thư Tỉnh ủy, Chính ủy trong Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc La Quý Ba sang Việt Nam làm đại diện liên lạc giữa hai T.Ư Đảng Cộng sản Trung Quốc và T.Ư Đảng Cộng sản Đông Dương (3.1950). Tháng 7.1950, Trung Quốc đã cử ông Trần Canh, lúc đó đang là Phó tư lệnh Quân khu Tây Nam kiêm Tư lệnh Quân khu Vân Nam, sang giúp cuộc kháng chiến của Việt Nam, chuẩn bị mở chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

Đến giữa tháng 8.1950, các thành viên Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc lần lượt sang Việt Nam, do ông Vi Quốc Thanh, lúc đó đang là Chính ủy Binh đoàn số 10 kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quân quản thành phố Phúc Châu, làm Trưởng đoàn kiêm Bí thư Đảng ủy; ông Mai Gia Sinh làm Phó đoàn phụ trách Tham mưu trưởng, Đặng Dật Phàm là Phó đoàn phụ trách Chủ nhiệm Chính trị.

PGS-TS Nguyễn Mạnh Hà (*Báo Thanh niên*)

ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ TƯỚNG GIÁP QUA MẮT NHÀ LÀM PHIM QUỐC TẾ

“Kế hoạch tác chiến của Tướng Giáp quả là không thể tin được, vì tất cả chúng tôi đều không nghĩ là địch rất mạnh. Không ai nhìn thấy pháo, và cũng không đoán được chúng nằm ở đâu. Một sĩ quan pháo binh của chúng tôi đã hốt hoảng tự sát. Thật đáng kinh ngạc!” (Lời của cựu Trung tá Bizon, chỉ huy binh đoàn dù của Pháp tại Điện Biên Phủ).

Tướng Giáp trong vai người dẫn truyện

Bộ phim tài liệu dài 50 phút có tựa đề: *Điện Biên Phủ - Cuộc chiến 56 ngày đêm làm thay đổi thế giới* do hãng NDN của Nhật sản xuất. Phim đã được đài NHK phát sóng trên toàn nước Nhật và 2 lần qua vệ tinh toàn

cầu, khiến không ít người dân Nhật và bạn bè quốc tế thực sự “tâm phục, khẩu phục”.

Có lẽ điều đặc biệt làm nhiều người quan tâm chính là sự xuất hiện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với tư cách là người dẫn truyện cho bộ phim. Hơn thế, những lời kể của vị Đại tướng là một nhân chứng sống, vị Tổng tư lệnh tối cao trực tiếp chỉ huy chiến đấu tại chiến trường, càng làm tăng thêm tính chân thực lịch sử của phim. Theo lời kể của người thư ký, trước khi nhận lời tham gia, Đại tướng đã xem rất kỹ đĩa phim và nhận xét rằng: Đây là bộ phim hay, trung thực và thể hiện được trọn vẹn diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đạo diễn nổi tiếng về phim chiến tranh Nhật Bản Matsumoto đã đi từ ngạc nhiên, bất ngờ đến khâm phục ngay từ lần đầu tiên được gặp Đại tướng tại nhà riêng. Mặc dù trước đây ông đã sang Việt Nam và Pháp để gặp nhiều nhân chứng lịch sử đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ 50 năm về trước.

Phim bắt đầu từ khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận lệnh lên Điện Biên Phủ trực tiếp chỉ huy chiến dịch, đã đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lúc ra về, vừa bắt tay, Bác vừa căn dặn: “Chắc thắng hãy đánh, không chắc thắng không đánh”. Rồi Tướng Giáp tiếp tục kể, quân Pháp quyết định xây dựng một cứ điểm “bất khả chiến bại” ở vùng Tây Bắc, cách biên giới Lào chừng 15km theo đường chim bay hùng ngăn chặn sự mở rộng của phía Việt Nam ra vùng tự do. Đó chính là cứ điểm Điện Biên Phủ nằm gọn giữa thung lũng Mường Thanh, bao quanh là đồi núi, rất khó tiếp viện người và vũ khí bằng đường bộ. Cứ điểm gồm 45 trận địa nhỏ bao quanh trung tâm chỉ huy của quân viễn chinh Pháp, với số quân lên tới 16 ngàn.

Trước khi vị Tổng tư lệnh có mặt tại Sở chỉ huy chiến dịch, tâm lý e ngại chủ trương “đánh nhanh, thắng nhanh” dần lan ra không ít sĩ quan chỉ huy và chiến sĩ của chúng ta. Tướng Giáp một mặt vừa động viên chiến sĩ, mặt khác ngày đêm đã cho trinh sát nắm chắc tình hình chiến trường, nhất là quy luật di chuyển của quân Pháp. Sau khi nắm đầy đủ thông tin một cách chắc chắn, Đại tướng kết luận: “Đối đầu với quân Pháp mạnh như vậy không thể đánh nhanh, thắng nhanh được, mà chỉ hy sinh vô ích”. Thay vào đó là chủ trương “đánh chắc, tiến chắc”.

Để thực hiện được mục tiêu đó, quân đội và nhân dân ta đã bí mật đưa người, lương thực, vũ khí và hơn 20 khẩu pháo 105 ly lên Điện Biên Phủ với biết bao công sức, kể cả sự hy sinh tính mạng, của bộ đội và dân công hỏa tuyến.

Chỉ trong vòng 1 tháng, bộ đội và dân công Việt Nam, với hệ thống giao thông hào dày đặc, đã bao vây quân Pháp ở một cự ly rất gần, khiến chúng không thể ngờ tới. Đại tướng kể lại rằng, chờ đến khi quân Pháp nghĩ là quân đội Việt Nam chắc không đánh nữa, thì ông mới hạ lệnh tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, mục tiêu đầu tiên là cứ điểm Him Lam. Chiến dịch 56 ngày đêm kết thúc thắng lợi với sự đầu hàng vô điều kiện của viên chỉ huy tối cao quân đội Pháp là Tướng De Castries,...

Và trong mắt của người bên kia chiến tuyến

Điện Biên Phủ - Cuộc chiến giữa hổ và voi là bộ phim tài liệu của đạo diễn người Pháp được hoàn thành đúng vào dịp kỷ niệm 55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Đạo diễn Daniel Roussel từng có mặt tại Việt Nam trước đây trong tư cách là phóng viên thường trú tại Việt Nam thời kỳ 1980 - 1986 của báo Nhân đạo (Cộng hòa Pháp). Ông cũng đã từng đạo diễn nhiều bộ phim tài liệu về chiến tranh Việt Nam như: Những người mất tích, Tù binh Mỹ ở Hà Nội - Hilton,...

Vì lý do công việc, một thời gian khá lâu sau Roussel mới có điều kiện trở lại Việt Nam để thực hiện bộ phim về Điện Biên Phủ. Năm 1991, lần đầu tiên ông được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ngay lần gặp này, ông đã chia sẻ cảm xúc của mình: "Tôi là một trong số rất ít đạo diễn đã có nhiều thời gian được trò chuyện cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tôi biết là vào lúc đó, tôi đang nói chuyện với lịch sử, một con người vĩ đại. Tôi biết đang đứng trước mặt tôi là con người đã làm thay đổi lịch sử của dân tộc Việt Nam và cũng là một phần của thế giới. Tôi đã lắng nghe ông một cách chăm chú, và như người Pháp hay nói, tôi như uống từng lời Đại tướng nói ra, tôi ghi chép rất nhiều, tôi quay phim, tôi đã quay hàng giờ, hàng giờ phỏng vấn Đại tướng".

Ở phim này, đạo diễn người Pháp không chỉ nói về một vị tướng kiệt xuất đã từng chỉ huy quân đội Việt Nam đánh bại quân Pháp ở chiến trường Điện Biên Phủ cách đây hơn nửa thế kỷ, mà ông còn muốn khắc họa chân dung một con người bình dị, dễ gần và đặc biệt là có khiếu hài

hước, nhưng vô cùng sâu sắc. Một lần, khi đạo diễn Daniel Roussel hỏi, lão Đại tướng trả lời bằng tiếng Pháp về một thực tế ở Nam Bộ, Việt Nam có gia đình định thôi không đẻ nữa, nên đặt tên đứa cuối cùng là Út, nhưng sau đó trót nhớ đành đặt tên đứa bé là Út 2, rồi sau đó là Út 3, Út 4 và còn nhiều Út nữa. Như vậy là luôn có đứa con cuối cùng của cuối cùng. Còn anh, anh luôn bảo là câu cuối cùng, như vậy là luôn luôn có một câu cuối cùng của cuối cùng,...

Theo dự định, đạo diễn Daniel có thể sẽ làm tiếp phim tài liệu về những người lính Việt Nam mất tích trong chiến tranh chống Mỹ và một bộ phim về những người lính quay phim của điện ảnh Quân đội Nhân dân Việt Nam trong chiến tranh. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, phim tài liệu về chiến tranh Việt Nam của ông đạo diễn Pháp này luôn thể hiện một cái nhìn khách quan, nhiều chiều về các sự kiện lịch sử, nhất là những cái mốc như chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Qua bộ phim Điện Biên Phủ - Cuộc chiến giữa hổ và voi, ông muốn thế giới hiểu rõ sự bất khuất, kiên cường của con người Việt Nam trong chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước và sự đôn hậu, thủy chung, cần cù, sáng tạo trong lao động dựng xây cuộc sống hôm nay. Đồng thời ông còn muốn đem đến cho người xem những hình ảnh về một đất nước nhiệt đới thanh bình, quanh năm bốn mùa hoa trái, người dân mến khách. Những phẩm chất đó, ít nhiều được kết tinh trong người con ưu tú của dân tộc Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Bạch Dương (Báo Người Hà Nội)

TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA MỘT NHÀ BÁO PHƯƠNG TÂY

Cuốn sách "Việt Nam mà tôi được chứng kiến" của nhà văn, nhà báo người Áo Fritz Jensens, xuất bản năm 1955 tại Viên (Áo) là một trong số ít các tác phẩm xuất hiện ở phương Tây thời bấy giờ viết về Việt Nam. Cuốn sách đã phản ánh sinh động và khách quan cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của quân và dân ta chống thực dân Pháp. Cuốn sách đồng thời phản ánh cận cảnh thất bại ê chề của chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam. Sau đây là một phần nội dung cuốn sách, đoạn viết về chiến dịch Điện Biên Phủ.

“Hoặc, phải chiến đấu bằng các vũ khí rất thua kém theo lối suy nghĩ ngạo mạn của Bộ tổng tham mưu Pháp và Mỹ. Ở Đông Dương, theo một quan niệm cổ lỗ và thâm căn cố đế của họ thì kỹ thuật hiện đại chỉ có thể là một đặc quyền và độc quyền của người nước ngoài. Nhưng kể từ khi cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ thực sự bắt đầu, khi các chiến sĩ pháo binh trẻ tuổi của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã bắn rất trúng vào mục tiêu nằm trong tầm ngắm của họ bằng các khẩu trọng pháo 105mm có thể coi là hiện đại, thì cuộc chiến đã trở nên nghiêm trọng, Không quân (Pháp) thường có thói quen can thiệp một cách đầy tự tin vào cuộc chiến tranh, bỗng dưng gặp phải một lưới lửa phòng không nguy hiểm chết người của các khẩu pháo cao xạ còn mới và cho đến lúc đó còn được ngụy trang kỹ lưỡng. Những khẩu pháo cao xạ này đã hạ hết máy bay này đến máy bay khác khi chúng đến gần. Nếu không muốn bị bắn rơi các máy bay hoặc phải vọt lên cao nên hoạt động không còn hiệu quả nữa hoặc phải tháo lui. Tiếng nổ rền vang của pháo binh nghiền nát các cứ điểm hoặc phá hủy các máy bay đậu trên sân bay và làm tê liệt pháo binh của quân đội viễn chinh Pháp. Và lực lượng phòng không đã làm cho không lực Pháp từ Hà Nội đến mất hết quyền kiểm soát bầu trời, mặc dù chúng mang theo rất nhiều loại bom đạn và bom na-palm, điều đó đã làm cho các nhà chiến lược thực dân phải kêu lên một cách đầy uất ức. Các chiến sĩ đấu tranh cho tự do, những người bắt đầu sự nghiệp của họ bằng gậy tầm vông và súng kíp, đã trở thành một quân đội hiện đại, biết đối chọi đầy tự tin với một bộ máy kỹ thuật quân sự phức tạp. Họ biết phối hợp và sử dụng vũ khí hạng nặng và bộ binh với một chiến lược thiên tài. Đã quá muộn để Pháp có thể sơ tán khỏi Điện Biên Phủ!”.

Fritz Jensens là nhà văn, nhà báo người Áo. Năm 1954 ông đã ba lần đến Việt Nam, được tận mắt chứng kiến những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và những tháng đầu sau khi ký Hiệp định đình chiến. Ông đã được tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh và nói chuyện với viên tướng tù binh Pháp De Castries, tìm hiểu kỹ chiến lược và chiến thuật của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông cũng đã có mặt tại Hội nghị Geneve về Đông Dương. Từ những tư liệu thu thập được, sau khi về nước, ông đã cho ra mắt bạn đọc cuốn sách với nhan đề "Việt Nam mà tôi được

chứng kiến". Cuốn sách của ông đã được nhà xuất bản "Stern" (Ngôi sao) phát hành lần đầu tiên năm 1955 tại Viên. Khi bản thảo đến nhà xuất bản cũng là lúc người ta được tin ông không may đã qua đời trong một tai nạn máy bay... Nhưng với cuốn sách mang tính chất phóng sự đầy sinh động của mình, Fritz Jensens mãi mãi là một trong những nhân chứng lịch sử.

"Tháng 3/1954 khi tôi đến Tổng hành dinh trong rừng rậm, ở Điện Biên Phủ chiến sự đang diễn ra ác liệt. Các đơn vị Quân đội Nhân dân Việt Nam đã chiếm được các cứ điểm đầu tiên, không quân của quân viễn chinh Pháp bay ở tầm cao đã thiêu trụi các quả đồi chung quanh Điện Biên Phủ bằng bom na-palm. "Tình hình Điện Biên Phủ như thế nào ạ?", chúng tôi hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Tình hình chiến lược ra sao, thưa Chủ tịch?".

Người hạ chiếc mũ đang đội trên đầu xuống, lật ngửa mũ đặt lên bàn và đưa ngón tay vòng quanh vành mũ. Người nói: "Nếu chiếc mũ này là Điện Biên Phủ, thì chúng tôi đang ở đây", rồi - Người đột ngột đưa ngón tay chỉ vào lòng mũ - "quân địch ở chỗ này!". Như vậy, tình thế của địch đã được Người mô tả bằng hình ảnh thật rõ ràng.

Tướng Vương Thừa Vũ giới thiệu với tôi về sự phát triển của chiến thuật "Tấn công không thương vong", cứ điểm đầu và mạnh nhất trong các cứ điểm vòng ngoài, mà tướng Vũ gọi là "Đồi Độc lập", sau một đợt pháo kích mạnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam dọn đường đã bị chiếm trong vòng một giờ. Trên Đồi Độc lập cờ đỏ sao vàng tung bay, bên cạnh đó là lính của quân đội viễn chinh bị thương và tử trận, nhưng cũng có cả một số thương binh và tử sĩ của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Các cứ điểm kiên cố với hỏa lực mạnh chỉ có thể chiếm được với tổn thất nặng nề. Ví dụ vị trí tiền tiêu "Eliane", chỉ là một trong nhiều hệ thống lô cốt hình khối của Điện Biên Phủ, được cố thủ bằng 70 lính và một khẩu moóc-chê, 38 súng máy, một khẩu đại liên và 125 khẩu súng thường - trong đó một số khẩu được trang bị kính ngắm viễn vọng để bắn tỉa - và một số lượng lựu đạn và súng lục dường như không hạn chế. Chúng còn được trọng pháo và không quân yểm trợ trong các đợt tiến công.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh đào hệ thống giao thông hào để tiếp cận quân địch, càng gần các cứ điểm càng tốt. Với hệ thống giao

thông hào đó, mà kỹ thuật đào ngày càng được hoàn thiện, cự ly tiến công ngày càng được rút ngắn; dọc hai bên vách hào còn đào thêm các hầm "hầm ếch" để tránh đạn và ở các đoạn gần địch nhất lại được che phủ để tránh địch tấn công bằng lựu đạn. Cuối cùng các giao thông hào được đào bao quanh các lô cốt và tiến sát tới từng lô cốt theo thế gọng kìm từ 2 phía. Các lô cốt ngày càng bị Quân đội Nhân dân Việt Nam xiết chặt vòng vây chung quanh. Quân địch phía bên trong tường xi măng và lỗ châu mai nghe rõ tiếng cuộc xẻng đào không lúc nào ngừng. Chúng biết rằng đó là những dụng cụ nguy hiểm chết người mà quân Việt Minh đang sử dụng để xích lại gần chúng từng mét một, trong khi kỹ thuật giết người hiện đại và phức tạp do Bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội trang bị cho Điện Biên Phủ cũng không có cách gì chống lại nổi.

Tỷ lệ thương vong trung bình để chiếm một lô cốt đã giảm từ 20 người lúc đầu xuống còn 4 người.

Máy bay bay lượn trên trời không còn cảm thấy an toàn, ngày càng chỉ còn giới hạn trong việc thả dù tiếp tế vật liệu, nhưng dù cũng thường bị gió thổi đẩy ra khỏi ranh giới ngày càng bị thu hẹp của các cứ điểm và rơi vào tay Quân đội Nhân dân Việt Nam. Trong những ngày ấy bộ đội của Quân đội Nhân dân Việt Nam được uống cả rượu vang Pháp và ăn đồ hộp Mỹ. Trong vòng 55 ngày, hết cứ điểm này đến cứ điểm khác đã bị chiếm.

55 ngày đêm bị bao vây đã thực sự trở thành địa ngục và nỗi kinh hoàng đối với quân đội viễn chinh Pháp. Các trung đoàn Thái bị ép vào quân đội thực dân thì đào ngũ, binh lính Bắc Phi trong những giờ phút quyết định đã nghe theo lời kêu gọi của một cán bộ Quân đội Nhân dân Việt Nam, phát qua loa bằng các thứ tiếng Ả-rập kêu gọi họ đừng tham chiến. Người Đức và người Áo đã chết một cách thảm hại. Thực phẩm còn rất ít, người chết không thể đưa đi được, người bị thương nằm la liệt trong các hầm lấy lựu và chịu cảnh đau đơn. Cuộc chiến tranh đã phân hủy thành từng chi tiết: máu đổ và chết chóc, đủ thứ dơ bẩn và mủ vết thương bốc mùi tanh hôi. Sự sống vất vưởng đầy sợ hãi và kinh hoàng.

Con mắt kẻ bên khẩu súng ngắm nhìn qua lỗ châu mai, nhằm vào những quả đồi mầu tối đầy đe dọa nằm trong vùng kiểm soát của đối phương, bao bọc chung quanh quân đội viễn chinh Pháp và đang từ từ đè bẹp chúng. Bên trái cũng như bên phải là những người đồng đội ngã xuống,

mà chỉ vừa trước đó họ còn nhả đạn, còn giúp bảo vệ các lô cốt bê tông mà họ ngồi co ro trong đó; bây giờ những xác chết ấy chỉ làm choán mất chỗ của những người còn sống. Khi giờ ăn đến, người ta ăn trong bùn và máu, những gì chảy ra từ các đồ hộp của Mỹ mà họ phải dùng lưới lê để mở. Từ các bong-ke đạn được bắn ra nhằm vào Quân đội Nhân dân Việt Nam, kèm theo cả các câu chửi nguyền rủa của họ đối với Tổng hành dinh quân viễn chinh Pháp.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954 De Castries, lúc đó đã được phong chuẩn tướng, con cưng của một dòng họ "trâm anh thế phiệt" cùng với toàn bộ Bộ tham mưu của ông ta và 8.000 binh lính còn sống sót, sau khi bị mất 62 máy bay cùng với vô số vũ khí, đạn dược, xe jeep và súng máy mới, xe tăng, đại bác... đã đầu hàng một chiến sĩ 23 tuổi của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đó là chiến sĩ bộ binh tên là Vinh, một trong 5 người của Tổ xung kích dưới quyền chỉ huy của Tổ trưởng là Tạ Quang Luật. Anh là người đầu tiên tiến vào hầm chỉ huy của viên Tư lệnh Pháp để báo cho y biết rằng trận Điện Biên Phủ đã thất thu".

CÔNG TÁC HẬU CẦN TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Sau khi Bộ Chính trị quyết định chọn Điện Biên phủ (ĐBP) làm điểm quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tổng cục Cung cấp tiền phương nhanh chóng được thành lập do đồng chí Đặng Kim Giang, Phó Chủ nhiệm Tổng cục phụ trách. Mỗi cục cử một đồng chí cục phó và một số cán bộ có kinh nghiệm đi chiến dịch. Ban đầu, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương thực hiện phương châm: "đánh nhanh, giải quyết nhanh" nên công tác hậu cần phải khẩn trương hoàn thành các bước chuẩn bị trong vòng 1 tháng (từ ngày 20/12/1953-20/01/1954). Thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, các mặt công tác bảo đảm hậu cần gấp rút được triển khai. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác hậu cần lúc này là vận chuyển gạo, vũ khí, đạn dược... đến khu vực chiến đấu. Để giải quyết vấn đề này, ta đã huy động lực lượng ngày đêm mở rộng tuyến đường Tuần Giáo vào ĐBP dài 89 km với hơn 100 cầu cống được xây mới, bảo đảm cho đoàn xe vận tải cơ giới có thể vận chuyển liên tục.

Do địa bàn chiến dịch ở xa hậu phương nên Ban chỉ huy chiến dịch quyết định xây dựng hai tuyến cung cấp: Tuyến chiến dịch dài 350 km

được chia thành 4 binh trạm, mỗi binh trạm gồm đầy đủ các lực lượng vận tải, kho, quân y, vừa bảo đảm cho bộ đội hành quân, vừa tiếp chuyển vật chất lên phía trước. Tuyến vận tải bộ kết hợp với đường sông từ Mường Luân vào Nà Sang bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu ở phía nam ĐBP. Để giữ bí mật cho lựu pháo 105mm xuất trận, lực lượng pháo binh và bộ binh còn mở đường kéo pháo bằng sức người vào tận trận địa.

Ngày 25/01/1954, mọi công việc chuẩn bị về hậu cần cơ bản hoàn thành. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại tình hình, Bộ Chỉ huy mặt trận quyết định chuyển kế hoạch tác chiến và phương châm từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Đại đoàn 308 được lệnh tiến sang Thượng Lào, phối hợp với bạn tiến công Mường Khoa, quét sạch địch ở phòng tuyến sông Nậm Hu, uy hiếp Mường Sài. Để đảm bảo cho Đại đoàn chiến đấu, hậu cần chiến dịch đã cử đoàn cán bộ hậu cần cùng với lực lượng dân công, vận tải bám sát đơn vị và liên hệ với bạn Lào tổ chức thu mua lương thực, thực phẩm ngay trên đất bạn.

Thời điểm này, tại mặt trận ĐBP, quân số chiến đấu của ta lên đến 43.000 người, nhu cầu vật chất tăng gấp nhiều lần so với kế hoạch ban đầu. Bộ máy hậu cần chiến dịch cũng lên tới 3.200 người, cùng với dân công ở tuyến chiến dịch gồm hơn 30.000 người. Hậu cần chiến dịch được bố trí thành ba tuyến chính: Tuyến Sơn La - Tuần Giáo do đồng chí Đinh Đức Thiện phụ trách. Tuyến Tuần Giáo - Lai Châu do đồng chí Vũ Văn Đôn, phó Cục trưởng Cục Vận tải phụ trách. Tuyến hậu cần hỏa tuyến trực tiếp bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu ở phía trước do đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Cục trưởng Cục Quân nhu trực tiếp phụ trách. Trên tuyến này, lực lượng vận tải chủ yếu là dân công và xe đạp thồ, có nhiệm vụ vận chuyển vật chất cho các đại đoàn bộ binh, trung đoàn pháo binh và các kho trung chuyển. Hai bệnh viện mặt trận cũng được thành lập trên cơ sở hai đội điều trị 1 và 4. Ngoài ra, ta còn tổ chức hai tuyến vận tải phục vụ các đơn vị chiến đấu ở bắc và nam ĐBP.

Sau hơn một tháng chuyển hướng chiến lược, ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng tấn công cứ điểm Him Lam, mở màn chiến dịch ĐBP. Toàn tuyến hậu cần bước vào trận chiến đấu mới ngày càng cam go, ác liệt hơn. Khó khăn lớn nhất của hậu cần chiến dịch là tuyến vận tải rất dài lại phải qua địa hình rừng núi hiểm trở, nhiều sông suối, đường hẹp và xấu.

Nắm được khó khăn này của ta, địch tập trung lực lượng không quân đánh phá ác liệt các tuyến đường ra mặt trận. Trước tình hình đó, Bộ Tổng Tư lệnh điều hai tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly để bảo vệ tuyến đường. Ngoài ra, điều động bốn tiểu đoàn công binh và hàng vạn dân công ngày đêm bám đường khắc phục hậu quả đánh phá của địch. Trước sự kiên cường của ta, tướng Na -va, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương phải thú nhận: “Tất cả những nỗ lực của không quân để ngăn trở việc sửa đường đều vô hiệu”.

Sang tháng 4, những trận mưa đầu mùa làm cho các tuyến đường sụt lở, lầy lội, gây thêm khó khăn cho các lực lượng hậu cần, nhất là lực lượng vận tải phục vụ chiến dịch. Do khối lượng hàng hóa phải đưa ra mặt trận rất lớn nên ta phải huy động toàn bộ lực lượng cơ giới của quân đội (khoảng 16 đại đội với 534 xe vận tải các loại). Đồng thời, phát động các phong trào thi đua vượt cung, tăng chuyển, tiết kiệm xăng dầu, giữ gìn xe tốt tạo khí thế sôi nổi ở các đơn vị. Cùng với vận tải cơ giới, nhiều tuyến vận tải bộ bằng dân công và phương tiện thô sơ đã được tổ chức từ hậu phương lên mặt trận. Tuyến Ba Nậm Cúm - Lai Châu trên sông Nậm Na được khai thông, dân công đã đóng 11.600 chiếc bè mảng, tổ chức vận chuyển hàng về đến Lai Châu được hơn 1.700 tấn gạo. Hơn 2 vạn xe đạp thồ của lực lượng dân công đã được huy động phục vụ chiến dịch. Lúc đầu, mỗi xe thồ chỉ chở được khoảng 100kg, sau đó nhiều xe được cải tiến tay ngai, quấn thêm lớp, nâng mức thồ lên 200kg, nhiều xe đạt 300kg. Xe của đồng chí Ma Văn Thắng, dân công quê Phú Thọ còn chở được 352kg, đạt kỷ lục tại chiến dịch ĐBP.

Để bảo đảm tốt sức khỏe cho bộ đội và dân công trong chiến dịch lớn, dài ngày ở chiến trường miền núi, thời tiết khắc nghiệt, điều kiện nuôi dưỡng khó khăn là một nhiệm vụ đòi hỏi sự cố gắng lớn của ngành Hậu cần. Trong Mệnh lệnh chiến đấu số 1, Bộ Chỉ huy chiến dịch yêu cầu: “Tăng cường phòng bệnh và cải thiện sinh hoạt để giữ sức khỏe cho bộ đội”. Thực hiện mệnh lệnh trên, nhiều sáng kiến, biện pháp đã được vận dụng như: tổ chức chế biến sẵn các loại thực phẩm từ hậu phương, chuẩn bị các loại hạt rau giống gửi ra tiền tuyến... Hậu cần các đơn vị cũng có nhiều cố gắng, vừa đẩy mạnh tăng gia sản xuất, vừa khai thác nguồn thực phẩm ở hậu phương, cải thiện đáng kể đời sống bộ đội và dân công. Tuy

nhiên, bước vào chiến đấu, việc bảo đảm sinh hoạt tại trận địa gặp nhiều khó khăn. Do ăn uống thất thường, sinh hoạt kham khổ, chiến đấu căng thẳng, kéo dài làm cho sức khỏe bộ đội giảm sút. Hậu cần chiến dịch và hậu cần các đơn vị đã tìm nhiều biện pháp khắc phục, cố gắng duy trì mức sinh hoạt của bộ đội ở trận địa, đồng thời đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh. Nhiều đơn vị đã đào bếp Hoàng Cầm tại trận địa để nấu ăn cho bộ đội. Nhiều hầm chiến đấu được xây dựng thêm nơi dự trữ gạo, thực phẩm, nước, củi khô... Có đơn vị còn đào được giếng nước tại trận địa. Công sự chiến đấu và hầm ở của bộ đội cũng được tu sửa, xung quanh lát ván gỗ, trần hầm có dù che, bảo đảm cho bộ đội có chỗ ngủ, nghỉ thoải mái, khô ráo. Các hầm, công sự đều có nhà vệ sinh. Giữa các đợt chiến đấu, bộ đội được luân phiên về phía sau tắm giặt... Nhờ đó, điều kiện sinh hoạt của bộ đội ở trận địa được cải thiện đáng kể, sức khỏe được khôi phục, bảo đảm chiến đấu lâu dài.

Cuộc chiến đấu càng ác liệt, số thương binh càng nhiều (gấp 2 lần so với dự kiến ban đầu), riêng chiến dịch ĐBP số thương binh của ta lên đến 8.458 lượt người. Ngành Quân y đã phải huy động lực lượng của 7 đội điều trị (Cục Quân y) và 4 đội điều trị đại đoàn, trong đó 5 đội điều trị được xây dựng thành bệnh viện mặt trận, ba đội triển khai ở tuyến hậu cần hỏa tuyến. Nhiều giáo viên và sinh viên trường Đại học Y Dược được Chính phủ điều động lên phục vụ mặt trận. Các thầy thuốc nổi tiếng như Bác sĩ Vũ Đình Tung, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bác sĩ Tôn Thất Tùng, Thứ trưởng Bộ Y tế cũng tham gia chiến dịch, trực tiếp cứu chữa thương binh ở bệnh viện mặt trận. Tổng cục Cung cấp đã thành lập Ban chỉ huy chuyển thương, giao nhiệm vụ cho lực lượng vận tải ưu tiên chuyển thương binh phải điều trị dài ngày về hậu phương. Ngoài chăm sóc cho lực lượng của ta, quân y chiến dịch còn tổ chức cứu chữa cho 1.487 sĩ quan, binh lính địch bị thương, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men đầy đủ, đối xử nhân đạo, khoan hồng với họ. Sau khi chiến dịch kết thúc, lực lượng hậu cần tiếp tục tổ chức bảo đảm cho bộ đội rút quân, đồng thời bàn giao toàn bộ số gạo, muối chưa sử dụng cho nhân dân địa phương, giúp họ khôi phục sản xuất, cải thiện đời sống.

ĐBP là chiến dịch lớn nhất và là chiến thắng vĩ đại nhất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong chiến dịch này,

hậu cần đã huy động toàn bộ lực lượng đảm bảo cho hơn 87.000 người tham gia chiến dịch, trong đó lực lượng trực tiếp chiến đấu là 53.830 người, dân công phục vụ là 33.000 người. Khối lượng vật chất phục vụ chiến dịch lên tới 20.000 tấn, trong đó có 1.200 tấn đạn, 1.783 tấn xăng dầu, 14.950 tấn gạo, 268 tấn muối, 577 tấn thịt, 1.034 tấn thực phẩm và 177 tấn vật chất khác. Tính chung, dân công chiến dịch đã phục vụ lên đến 12 triệu ngày công. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá: "...Trên mặt trận ĐBP, vấn đề bảo đảm cung cấp lương thực, đạn dược là một nhân tố vô cùng quan trọng, quan trọng không kém các vấn đề chiến thuật, khó khăn về cung cấp lương thực không kém khó khăn về tình hình chiến đấu. Chính vì vấn đề cung cấp khó khăn như vậy cho nên quân địch không bao giờ tưởng tượng được rằng, chúng ta có thể khắc phục được khó khăn này. Bọn đế quốc, bọn phản động không bao giờ đánh giá được sức mạnh của cả một dân tộc. Sức mạnh đó có thể khắc phục tất cả mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ địch"...

Theo Đoàn Thị Lợi (Báo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ: NGHỆ THUẬT VÂY HÀM KẾT HỢP ĐỘT PHÁ CHIẾN DỊCH

Sau những thất bại liên tục trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, kế hoạch Na-va nguy cơ bị phá sản, tháng 12-1953, Na-va quyết định rút lực lượng khỏi Lai Châu về Điện Biên Phủ, đồng thời gấp rút tăng cường lực lượng, phương tiện chiến tranh xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, nhằm ngăn chặn lực lượng của ta từ Đồng bằng Bắc Bộ lên và khống chế lực lượng từ Thượng Lào xuống, thu hút lực lượng ta lên giao chiến theo quy ước mà Pháp đã tính sẵn.

Về phía ta, sau khi phân tích tình hình Bộ Chính trị, Trung ương Đảng quyết định tập trung lực lượng mở chiến dịch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đánh bại hình thức phòng ngự cao nhất của địch, giành thắng lợi quyết định cho chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, giải phóng toàn bộ Tây Bắc. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ta mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 55 ngày đêm chiến đấu dũng cảm (từ 13-3 đến 7-5-1954), quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi quyết định dẫn đến Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở miền Bắc Việt Nam.

Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi đã thể hiện sâu sắc nghệ thuật phát huy sức mạnh của tác chiến hiệp đồng binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, phá vỡ từng mảng phòng ngự, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch. Đó là nghệ thuật vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, chủ động khắc phục khó khăn bảo đảm hậu cần kỹ thuật... Một trong những điển hình là nghệ thuật thực hiện cách đánh hiểm, nhằm phát huy thế mạnh của ta, khoét sâu chỗ yếu của địch.

Tại Điện Biên Phủ, địch bố trí 49 cứ điểm, khoanh thành 8 cụm cứ điểm, được chia thành 3 phân khu: Trung tâm, Bắc và Nam, mỗi cứ điểm, phân khu vừa có sức đề kháng độc lập, vừa có thể chi viện hỗ trợ cho nhau khi bị tiến công. Để đánh bại tập đoàn phòng ngự của địch với quân số đông, hỏa lực mạnh, hệ thống trận địa phòng ngự liên hoàn vững chắc và rộng lớn, ta đã thay đổi phương châm “từ đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” với cách đánh sáng tạo. Trong chiến dịch, ta dựa vào hệ thống trận địa, thực hành vây hãm kết hợp với đột phá lần lượt có trọng điểm từ ngoài vào trong; kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu, tạo thế chia cắt; kết hợp các đợt đánh lớn và thường xuyên vây lấn ngày càng siết chặt vòng vây từng cụm cứ điểm và tập đoàn cứ điểm, chia cắt thế trận liên hoàn của chúng, tiêu diệt từng bộ phận, làm suy yếu, tạo thời cơ thực hành tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Ngày từ tháng 12-1953, ta đã thực hành bao vây địch về chiến dịch, chốt trên các ngã đường Lai Châu - Điện Biên, Tuần Giáo - Điện Biên, Điện Biên - Sốp Nao, Thượng Lào; chốt chặn cả hai đầu con đường độc đạo Bắc-Nam dọc cánh đồng Mường Thanh, từ Bản Tấu đến Pom Lót, đào hàng trăm ki-lô-mét giao thông hào và công sự bao quanh phân khu, ngày càng siết chặt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, khống chế không phận, triệt đường tiếp tế của địch.

Trong chiến dịch, ta mở ba đợt tiến công. Đợt 1 từ ngày 13-3 đến 17-3-1954, ta tiến công địch ở phân khu phía Bắc, đã tiêu diệt 2 cứ điểm đối Độc Lập, Him Lam, làm tan rã địch ở Bản Kéo, phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch ở phía Bắc, đưa chủ lực ta áp sát trung tâm tập đoàn cứ điểm Mường Thanh. Chuẩn bị cho đợt tiến công tiếp theo, các lực lượng của ta thực hành vây lấn, đào hàng trăm cây số giao thông hào và chiến

hào, hình thành một thế trận bao vây vững chắc và tiến công hoàn chỉnh, quy mô từ cấp đại đoàn đến các đại đội và ngày càng phát triển vào khu trung tâm Mường Thanh siết chặt yết hầu quân địch, cắt rời từng cứ điểm, cụm cứ điểm quân địch. Trong quá trình thực hành vây lấn, kết hợp với đột phá đánh chiếm từng cứ điểm, cụm cứ điểm, ta tổ chức lực lượng đột phá trên chính diện, bên sườn, sử dụng các phân đội thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu bên trong, tạo thành thế xen kẽ với địch. Đợt 2 từ ngày 30-3 đến 30-4-1954, các đại đoàn chủ lực của ta tiến công một số điểm cao ở phía đông và phía bắc sân bay Mường Thanh và một số điểm cao khác. Sau khi ta làm chủ một số điểm cao D1, D2, E, 311, 106..., để tạo điều kiện phát triển vào khu trung tâm Mường Thanh, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương tổ chức các lực lượng nhỏ, hoạt động rộng rãi dưới hình thức đánh lấn, lần lượt đánh chiếm từng ụ để kháng, tiêu diệt thêm một số vị trí của địch, tổ chức các đội dũng sĩ lùn sâu vào bên trong đánh phá kho tàng, bắt tù binh, tập kích các vị trí địch. Ta còn tổ chức các tổ bắn tỉa, tổ đoạt dù tiếp tế, những đội hỏa lực cơ động hoạt động rộng khắp, thường xuyên tiêu hao sát thương sinh lực địch, làm cho chúng luôn lo sợ, căng thẳng, tinh thần suy sụp, tuyệt vọng. Đồng thời, ta cơ động một số phân đội hỏa lực phòng không tiến sâu vào cánh đồng Mường Thanh khống chế không phận, sử dụng các loại hỏa lực bắn máy bay địch bay thấp, buộc chúng phải thả dù từ độ cao xuống nên không chính xác, phần lớn số dù tiếp tế rơi vào trận địa của ta. Từ trung tuần tháng 4-1954, ta đã từng bước làm thay đổi cục diện chiến trường, sân bay Mường Thanh bị ta cắt đứt từ hai hướng đông và tây, tiến đến hoàn toàn khống chế sân bay, khu trung tâm đã nằm trong tầm bắn các loại súng của ta. Đợt 3 từ ngày 1-5 đến 7-5-1954, ta tiếp tục phát triển trận địa bao vây tiến công, chia cắt, thu hẹp khu trung tâm Mường Thanh của địch còn khoảng 2km², các đại đoàn 308, 312, 316 lần lượt tiêu diệt các cứ điểm C1, 505, 505A, 311A, 311B, C2, A1. Ngày 7-5-1954 ta thực hành tổng công kích, đúng 17 giờ 30 phút ta chiếm sở chỉ huy của địch, tướng Đờ Cát cùng toàn bộ Bộ tham mưu và binh lính tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra hàng.

Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật thực hiện cách đánh vây hãm kết hợp với đột phá vẫn còn nguyên giá trị, chúng ta tiếp tục nghiên cứu, kế thừa và phát triển. Vận dụng bài học Chiến dịch Điện

Biên Phủ vào tổ chức trong tác chiến phòng thủ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trong điều kiện mới có ý nghĩa đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại tá Đào Văn Đệ (Báo Quân đội nhân dân)

TRẬN PHỤC KÍCH TẠI CẦU ĐẮC PƠ

Thắng lợi của quân dân ta trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đẩy quân Pháp trên các chiến trường vào nguy cơ bị tiêu diệt. Ở địa bàn chiến lược Tây Nguyên, Na-va buộc phải lệnh cho Binh đoàn cơ động 100 rút bỏ An Khê về phòng thủ Plei-cu. Chớp thời cơ này, bộ đội chủ lực Quân khu 5 đã táo bạo tổ chức trận vận động phục kích lớn tại cầu Đắc Pơ, tiêu diệt và làm tan rã binh đoàn thuộc loại mạnh nhất của lực lượng viễn chinh Pháp.

Theo chân các anh ở Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai, chúng tôi trở lại địa điểm diễn ra trận đánh 55 năm trước. Chứng tích xưa hầu như không còn, ngoài khu tưởng niệm chiến thắng Đắc Pơ được xây dựng cách đây hơn 10 năm, cạnh quốc lộ 19. Trên tấm bia còn ghi rõ: "Nơi đây ngày 24-6-1954 với lực lượng chưa bằng 1/3 của địch, Trung đoàn 96; 2 chi đội thanh niên xung phong, cùng với bộ đội địa phương, dân quân du kích An Khê, dân công hỏa tuyến đã tiêu diệt gọn Binh đoàn cơ động 100 của Pháp, bẻ gãy xương sống chiến dịch Ất-lăng". Cạnh đó là 2 tấm bia ghi bức thư khen của Bác Hồ và ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau chiến thắng này.

Những người chỉ huy và tham gia trận đánh này trên đất Đắc Pơ và thị xã An Khê nay không còn nhiều. Được sự giúp đỡ của các anh ở Ban CHQS thị xã An Khê, chúng tôi đến phường Tây Sơn tìm gặp Đại tá Mai Tiến Mỹ, nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2, Quân khu 5, là người phụ trách công tác thông tin liên lạc trong trận Đắc Pơ. Ông nói với chúng tôi: "Đơn vị thông tin luôn "kẹp nách" người chỉ huy nên chúng tôi cũng nắm được diễn biến của trận đánh...". Ký ức về trận đánh oanh liệt xưa chầm chậm hiện về qua lời kể của người đại tá già...

Ngày 7-5-1954, bộ đội ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Lúc này, ở tiểu khu An Khê, lực lượng địch có Binh đoàn cơ động 100 gồm 2 tiểu đoàn Pháp, 1 tiểu đoàn ngụy Cam-pu-chia; tiểu đoàn khinh quân ngụy, tiểu đoàn ngụy địa phương và 1 tiểu đoàn pháo 105mm. Ngoài ra

chúng còn có các phân đội xe tăng, thiết giáp, các loại xe đặc chủng công binh, thông tin... Binh đoàn 100 là lực lượng quân Pháp tham chiến ở Triều Tiên vừa được Bộ tư lệnh Pháp tăng cường cho chiến trường Đông Dương vào giai đoạn cuối cùng của kế hoạch Na-va.

Nhận định Binh đoàn cơ động 100 của địch sẽ rút bỏ An Khê, Bộ tư lệnh Liên khu 5 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 96 theo dõi đánh địch rút chạy. Khi nhận nhiệm vụ quan trọng này, trung đoàn chỉ có 5 đại đội bộ binh, quân số 700 người, chưa bằng 1/3 quân địch. Để chuẩn bị chiến đấu, trung đoàn đã khảo sát nhiều lần đoạn đường 19 từ Mang Yang đến An Khê và tổ chức nhiều trận đánh trên đoạn đường này để rút kinh nghiệm. Cuối cùng chỉ huy trung đoàn đã đưa ra một quyết định xác đáng: Chọn đoạn đường cầu Đắc Pơ hiểm trở để đánh địch. Đây là đoạn đường gấp khúc, quanh co. Phía cầu Cà Tung đi lên vừa hết dốc đã xuống ngay một cầu nhỏ bắc qua con suối hẹp gấp khúc, rồi lại đi tiếp vào đoạn đường có nhiều mỏm đá. Địa hình nay rất thuận lợi cho ta bố trí lực lượng chặn đầu và khóa đuôi trong một trận phục kích.

Kể đến đây, đại tá Mai Tiến Mỹ chợt dừng lại. Ông chậm rãi: "Mọi công tác chuẩn bị đang tiến triển thuận lợi thì lúc 24 giờ ngày 23-6, trung đoàn nhận được điện thông báo tin tình báo của Liên khu là địch có thể đã lệnh cho Binh đoàn 42 (đang đóng quân ở Plei-cu) hành quân ngay xuống ngã ba Plây Bôn để sáng 24-6 đến đồn điền Lơ-mát. Tình thế này đặt ra câu hỏi: Binh đoàn 42 xuống An Khê là để thay thế hay là đi đón Binh đoàn cơ động 100? Sau khi cân nhắc, trung đoàn nhận định: Nếu Binh đoàn 42 xuống An Khê thay thế Binh đoàn cơ động 100 thì sẽ bị trung đoàn 108 của ta đón ở đầu trên chặn đánh nên không thể xuống nhanh được. Trung đoàn 96 đang ở gần An Khê hơn nên phải chuẩn bị đánh Binh đoàn 100 trước, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị phương án đánh tiếp Binh đoàn 42. Sáng sớm ngày 24-6-1954, toàn trung đoàn đã hành quân chiếm lĩnh trận địa phục kích".

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, khi lực lượng đi đầu của địch đang vượt qua khu vực chặn đầu của Đại đội 68 (Tiểu đoàn 40) thì trung đoàn hạ lệnh nổ súng. Cối 82 và ĐKZ của ta nhằm thẳng vào các cụm xe, cụm địch đang xô đẩy nhau tránh đạn dưới mặt đường. Tốp địch đi đầu bị bất ngờ, bỏ chạy xuống phía nam đường thì gặp lực lượng ta đang chờ sẵn, chặn

đánh. Một số liêu chết vượt qua đoạn chặn đầu, chạy thẳng về cứ điểm Mũi Nhung và bị ta gọi hàng, bắt làm tù binh. Tiểu đoàn 79 với chỉ 2 đại đội đã đánh thẳng vào khu vực có xe chỉ huy của Binh đoàn 100. Sau phút choáng váng ban đầu, địch dựa vào xe tăng, xe bọc thép, chống trả quyết liệt, ngăn chặn các mũi xung kích của ta từ phía bắc đánh xuống. Với lực lượng khá chênh lệch nhưng quân ta vẫn kiên cường bám địch, chia chúng ra từng tốp nhỏ để tiêu diệt, buộc địch phải tháo chạy xuống phía nam, co cụm ở đoạn cuối đoàn vận chuyển để chờ viện binh. 23 giờ, khi trung đoàn trưởng Nguyễn Minh Châu chỉ huy đơn vị xuống tập kích khu vực còn lại của địch thì phát hiện chúng đã rút chạy, bỏ lại toàn bộ số bị thương và xe pháo. Lúc này, trung đoàn cũng nhận được tin Binh đoàn 42 từ Plei-cu xuống đón Binh đoàn cơ động 100 đã bị Trung đoàn 108 của ta chặn đánh.

“Ngoài việc tiêu diệt 500 và bắt sống 800 tên địch, ta còn thu được 229 xe, 18 pháo 105mm hầu như còn nguyên vẹn-“gia tài” của cả một tiểu khu và binh đoàn cơ động Pháp. Để đưa hết số xe này về căn cứ, ta còn sử dụng cả tù binh của địch tham gia lái. Nhiều tên vừa lái vừa kêu thèm thuốc. Chúng tôi phải lấy cả thuốc rê cho nó hút...”- ông Mỹ nhớ lại.

Trần Hoàng (Báo Quân đội nhân dân)

CHƯƠNG II
NHỮNG TRẬN ĐÁNH
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ
(TỪ 1954 – 1975)

CHIẾN THẮNG NẬM THÀ: MỘT MẪU MỤC ĐIỂN HÌNH VỀ QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT - LÀO

Cách đây 50 năm, vào ngày 12-5-1962, liên quân Việt - Lào đã kết thúc thắng lợi Chiến dịch Nậm Thà, đập tan cụm cứ điểm lớn của quân ngụy ở Lào, ngăn chặn âm mưu của đế quốc Mỹ đưa lính thủy đánh bộ đã chuẩn bị sẵn sàng trên đất Thái Lan nhảy vào chiến đấu ở Lào, buộc Mỹ và chính quyền Viêng Chăn phải chấp nhận giải pháp giải quyết vấn đề Lào bằng thương lượng. Chiến thắng Nậm Thà thực sự là một dấu son lịch sử của liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước độc lập có chủ quyền, luôn tôn trọng và tin cậy lẫn nhau.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo hai Đảng, hai nước Việt Nam và Lào, Quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với Quân đội Pa-thét Lào và nhân dân Lào đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, phát triển cơ sở cách mạng. Đến cuối năm 1961, hình thái chiến trường Lào chuyển biến ngày càng có lợi cho cách mạng. Quân phái hữu phản động Viêng Chăn từ chỗ ở thế tiến công buộc phải bỏ dở kế hoạch "Xay Xa Nạ" (tập trung lực lượng lớn mở các cuộc tiến công vào vùng giải phóng từ Bắc đến Nam Lào) để chuyển sang thế phòng ngự.

Theo kế hoạch đó, đầu năm 1962, Mỹ-ngụy Viêng Chăn điều động các binh đoàn chủ lực đến tỉnh Luông Nậm Thà (Thượng Lào); đồng thời tăng cường lực lượng phỉ, biệt kích quấy phá các vùng giải phóng, nhất là ở Xiêng Khoảng và Sầm Nưa. Đặc biệt, đầu tháng 4-1962, Mỹ-ngụy Lào tập trung ở khu vực Nậm Thà- Mường Xinh một lực lượng lớn, gồm 8 tiểu đoàn thuộc GM 11, GM 15, GM 18 và 3 tiểu đoàn chiếm đóng (BV 13, BV 15, BV 18) với tổng quân số lên tới 5.600 tên, cùng 6 khẩu pháo 105mm, 7 khẩu sơn pháo 75mm, đặt dưới sự chỉ huy của Tư lệnh quân khu Tây Bắc. Mục đích của địch là xây dựng khu vực Nậm Thà thành căn cứ quân sự mạnh, hòng tạo bàn đạp đánh chiếm lại khu vực Thượng Lào, khống chế một phần biên giới với Trung Quốc, bảo vệ tuyến đông bắc Thái Lan của khối SEATO, gây áp lực có lợi cho chúng tại hội nghị ba phái ở Lào: Neo Lào Hắc Xạ (Pa-thét Lào), Phuma, Bun Ủn - Phumi và hội nghị quốc tế gồm 14 nước họp ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) bàn về vấn đề Lào; đồng thời tạo thế uy hiếp đối với vùng Tây Bắc Việt Nam.

Nhằm ngăn chặn hành động phiêu lưu quân sự mới của địch, Quân ủy Trung ương và Bộ chỉ huy tối cao Pa-thét Lào chấp thuận ý kiến đề nghị của Đoàn chuyên gia quân sự 959 quyết định đẩy mạnh hoạt động quân sự trong Xuân Hè 1962, trước mắt tiêu diệt địch lấn chiếm Nậm Thà để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Theo thỏa thuận với bạn, ngày 20-2-1962, Quân ủy Trung ương Việt Nam ra Nghị quyết về công tác quân sự ở Lào, trong đó chỉ thị cho quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào tranh thủ xây dựng lực lượng cho bạn, giúp bạn đẩy mạnh hoạt động quân sự ở vùng sau lưng địch; đồng thời củng cố liên minh với lực lượng Coong-le nhằm làm cơ sở cho đấu tranh chính trị, sẵn sàng đối phó với khả năng địch đánh lớn.

Sau một thời gian đàm phán, tháng 3-1962, Hội nghị quốc tế Giơ-ne-vơ về Lào và Hội nghị ba phái Lào ở Na Mon tạm ngừng, đàm phán chính trị bế tắc. Dự kiến khả năng phản ứng của Mỹ-ngụy Viêng Chăn và nhằm giảm khó khăn cho bạn trong mùa mưa sắp đến, hai Bộ Chính trị Việt Nam và Lào trao đổi, thống nhất quyết định mở chiến dịch Nậm Thà (mật danh chiến dịch XYZ).

Nậm Thà là một thị xã thuộc tỉnh Luông Nậm Thà, cách thủ đô Viêng Chăn 370km về phía Bắc, có đường biên giới chung với Trung Quốc, Mi-an-ma, Thái Lan. Địa hình ở đây phần lớn là núi cao trung bình hơn 1000m, xen kẽ những khu rừng rậm, có thung lũng Nậm Thà và thung lũng Mường Xính, trong đó thị xã Nậm Thà nằm ở phần nam thung lũng Nậm Thà và thị trấn Mường Xính nằm trong thung lũng Mường Xính, cách Nậm Thà 30km về phía tây bắc.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị hai nước, ngày 10-4-1962, Trung ương Đảng Nhân dân Lào (nay là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào) họp nhận định tình hình, xác định nhiệm vụ của Bộ đội Pa-thét Lào phối hợp với các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam mở Chiến dịch Nậm Thà. Mục đích là nhằm "tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, giải phóng Luông Nậm Thà và Mường Xính, mở rộng khu căn cứ Thượng Lào, đồng thời rèn luyện cho bộ đội trưởng thành lên một bước. Sau khi

giải phóng Mường Xinh, Nậm Thà, hướng Mường Xinh phát triển đến Mường Long, hướng Nậm Thà phát triển đến Viêng Phu Kha”¹.

Để thống nhất chỉ huy, ngày 15-4-1962, hai Bộ Quốc phòng Việt Nam và Lào quyết định thành lập Bộ tư lệnh chiến dịch Nậm Thà gồm: Phía Việt Nam có Thiếu tướng Bằng Giang (Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Bắc Lào), làm Tư lệnh. Phía Lào có đồng chí Xi-xá-va-t Kẹo Bun-phăn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pa-thét Lào.

Lực lượng tham gia chiến dịch, về phía Quân tình nguyện Việt Nam có các Lữ đoàn Bộ binh 316 đứng chân ở địa bàn chiến dịch, Lữ đoàn Bộ binh 335, Tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 330), một tiểu đoàn sơn pháo 75mm (13 khẩu), một tiểu đoàn súng cối 120mm (12 khẩu), một tiểu đoàn phòng không 12,7mm (12 khẩu). Đây là lực lượng chủ lực cơ động có khả năng thực hiện những trận đánh lớn. Phía Lào có Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 701 Pa-thét Lào, đại đội địa phương Na Mô, đại đội địa phương Nậm Thà, một số trung đội địa phương huyện và dân quân du kích các xã trên địa bàn chiến dịch. Tổng quân số cả Việt Nam và Lào tham gia chiến dịch khoảng 7.800 người.

Thực hiện quyết tâm của lãnh đạo hai nước Việt Nam và Lào, Quân ủy Trung ương ta chỉ thị cho các đơn vị Quân tình nguyện Việt Nam: Phải tập trung phối hợp với Quân đội Pa-thét Lào tiến công tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch trong chiến dịch Nậm Thà, bởi đây là chiến dịch có ý nghĩa chiến lược, cần phối hợp tác chiến chặt chẽ giữa quân đội hai nước để tạo thế vững chắc trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược.

Căn cứ vào điều kiện địa hình và tình hình địch, Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch xác định phương án tác chiến chiến dịch là tập trung binh lực tiêu diệt từng bộ phận quân địch, trong đó sử dụng bộ phận nhỏ thọc sâu, vu hồi đánh vào bên sườn, phía sau, kết hợp chặt chẽ tác chiến với vận động binh lính trở về với cách mạng để nhanh chóng làm tan rã hàng ngũ địch.

¹ *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930-2007*, NXB Chính trị Quốc gia, H, 2011, tr.386

Trên cơ sở phương án tác chiến của chiến dịch, Bộ Tổng tham mưu ta điều động, giao nhiệm vụ cho các đơn vị Quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với Quân đội Pa-thét Lào đánh địch. Quá trình thực hành chiến dịch, sự phối hợp tác chiến giữa các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam với các đơn vị Quân đội Pa-thét Lào được thực hiện linh hoạt, sáng tạo, từng bước phát huy hiệu quả qua 2 đợt tác chiến chiến dịch.

Đợt 1 (từ ngày 2 đến 6-5-1962), lực lượng ta và bạn trên hướng phối hợp được lệnh nổ súng trước. Hai tiểu đoàn 4 và 2 (Lữ đoàn 335) và Tiểu đoàn 701 Pa-thét Lào tổ chức thành một trung đoàn hỗn hợp, do đồng chí Hùm-pheng (Lào) và đồng chí Quang Vinh (Việt Nam) chỉ huy mở cuộc tiến công quân địch ở thị trấn Mường Xinh. Trong khi đó, Tiểu đoàn 2 tiến đánh đồn quân sự, Tiểu đoàn 4 đánh sân bay, Tiểu đoàn 701 Pa-thét Lào làm lực lượng dự bị. Trước sức tiến công mãnh liệt của ta Liên quân Việt-Lào, lực lượng địch tan rã, rút chạy (hơn 100 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu, trong đó có tên chỉ huy GM 11 bị bắt). Đến 9 giờ ngày 3-5, Liên quân Việt-Lào hoàn toàn làm chủ Mường Xinh. Ngày 4-5, một bộ phận lực lượng của Tiểu đoàn 2 (Lữ đoàn 335) và Tiểu đoàn 701 Pa-thét Lào tiếp quản và trấn giữ Mường Xinh đánh bại cuộc phản kích của Đại đội 133 (BV13). Trong khi đó, một đại đội (Tiểu đoàn 4) và một trung đội Pa-thét Lào tiến về hướng Mường Long và Tiểu đoàn 2 (Lữ đoàn 335) chuyển hướng phối hợp đánh Nậm Thà.

Trên hướng chủ yếu, sáng 6-5-1962, pháo binh mặt trận bắt đầu bắn vào khu vực Nậm Thà. Quân địch trấn giữ các vị trí trong thị xã và ngoài tiền duyên đối phó rời rạc. Phát hiện địch có dấu hiệu chuẩn bị rút lui, Lữ đoàn 316 tổ chức lực lượng xung phong. Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 4 (Lữ đoàn 316) cùng Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 335) tiến công Nậm Thà. Quân địch ở các vị trí ngoan cố bắn trả dữ dội. Tiểu đoàn 4 (Lữ đoàn 316) tiến công chiếm mỏm 3 đồi Bun Chăn. Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 316) tiến công chiếm đồi Tranh. Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 335) lợi dụng địa hình, vượt qua hỏa lực dày đặc đánh địch ở đồi Xanh. Trong khi đó, hai tiểu đoàn 1 và 4 (Lữ đoàn 335) xung phong tiến qua tiền duyên của địch, lần lượt đánh chiếm Huội San và hai điểm cao M1, M3; Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 335) đánh địch quyết liệt ở các điểm cao A2, A3. Bun Thới- Tổng tham mưu trưởng quân nguy

Lào sau khi tới Nậm Thà thị sát nắm tình hình nhận thấy không thể chống đỡ nổi sức tiến công của Liên quân Việt-Lào liền ra lệnh rút quân.

Sau một thời gian chiến đấu, ngày 6-5-1962, Bộ tư lệnh chiến dịch nhận định: Hướng tiến công của Lữ đoàn 316 phát triển thuận lợi; địch có khả năng sẽ rút chạy, vì vậy cần nhanh chóng đánh thọc sâu vào tung thâm phòng ngự, chia cắt lực lượng địch, tiêu diệt chúng; tiếp đó quyết định: Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 335) tiếp tục bao vây, đột phá tiêu diệt địch ở đồi Xanh; Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 316) tiến thẳng vào tung thâm bao vây tiêu diệt và truy kích địch; Tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 335) đánh theo hướng Bun Chăn, Nà Noi tiến vào tung thâm Nậm Thà.

Chấp hành mệnh lệnh Bộ tư lệnh chiến dịch, một bộ phận lực lượng Lữ đoàn 316 tiến công đánh chiếm điểm cao M4. Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 316) hình thành lực lượng đánh thọc sâu vào tung thâm chiếm khu hành chính. Quân địch phóng hỏa đốt cháy nhà, tài liệu, chống cự yếu ớt rồi rút chạy. Lập tức, Tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 335) và Tiểu đoàn 2 Pa-thét Lào được lệnh tiến thẳng vào làm chủ thị xã Nậm Thà, kết thúc đợt 1 chiến dịch. Toàn bộ lực lượng địch rút chạy về phía Viêng Phu Kha.

Đợt 2 (từ ngày 7 đến 12-5-1962), phát huy thắng lợi, Liên quân Việt-Lào tổ chức truy kích quân địch rút chạy. Ngay sau khi đợt 1 chiến dịch kết thúc, Thường vụ Đảng ủy Mặt trận nhận định: Ta giải phóng Nậm Thà tương đối nhanh, nhưng chưa tiêu diệt được nhiều sinh lực địch; song cơ hội diệt địch vẫn còn. Trên cơ sở đó, Thường vụ Đảng ủy Mặt trận chỉ thị: Toàn mặt trận nhanh chóng, kiên quyết truy kích địch, hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch.

Chấp hành mệnh lệnh, Lữ đoàn 316 sử dụng 2 Tiểu đoàn 1 và 4, được tăng cường Tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 330) thực hiện truy kích địch. Với phương châm "thời gian là lực lượng và chiến công", từ chiều 7-5-1962, các mũi xuất kích của bộ đội ta đã đuổi kịp, đánh tan tiểu đoàn 11 của GM 11 ở Sa La, Xan Hốp; tiếp đó lần lượt đánh bại Tiểu đoàn BV 18 ở Nậm Xinh và bao vây, giải phóng Viêng Phu Kha. Sang ngày 8-5, phần lớn lực lượng địch rút chạy tập trung về Ta Pha, riêng GM 18 chuyển về Huội Xài cố thủ. Từ ngày 9 đến 11-5, Liên quân Việt-Lào phối hợp chiến đấu chiếm Bun Xot, tiếp đó truy kích địch rút chạy về Huội Xài, đánh tan địch ở Bản

Beng, Mộc Tiên, Bản Sơn, Ta Nam và kết thúc chiến dịch vào ngày 12-5-1962.

Toàn chiến dịch, Liên quân Việt-Lào loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.800 tên địch thuộc lực lượng cơ động chiến lược của quân nguy Viêng Chăn, trong đó GM 11 bị tiêu diệt hoàn toàn, hai GM 15 18 bị thiệt hại nặng, thu 400 súng và gần 600 tấn đạn, giải phóng một khu vực rộng lớn khoảng 8.000 km² với hơn 7 vạn dân.

Chiến dịch Nậm Thà thắng lợi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng về quân sự. Đây là chiến dịch đầu tiên Liên quân Việt-Lào phối hợp tác chiến kể từ khi hai nước tiến hành cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược. Quán triệt và nắm vững đường lối, quan điểm quốc tế của lãnh đạo Đảng hai nước, Quân tình nguyện Việt Nam và Quân đội Pa-thét Lào thống nhất mở chiến dịch tiến công địch ở Nậm Thà-Mương Xinh. Liên quân Việt - Lào đã phối hợp chặt chẽ từ lúc chuẩn bị và trong suốt quá trình diễn ra chiến dịch, thực hiện bao vây, vu hồi, đánh địch phản kích, làm cho chúng hoang mang, dao động, buộc phải rút chạy.

Thừa thắng, Liên quân Việt - Lào chuyển từ thế phối hợp tác chiến tiến công sang phối hợp tác chiến truy kích, phát huy sức mạnh chủ lực cơ động và cách đánh linh hoạt, sáng tạo, tiêu diệt địch, kết thúc chiến dịch. Ngay sau đó, Quân ủy Trung ương Việt Nam gửi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ Quân tình nguyện Việt Nam: "Các đồng chí đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần tích cực vào thắng lợi to lớn của cách mạng Lào, làm xoay chuyển tình thế có lợi cho cách mạng Lào"¹.

Đánh giá về thắng lợi của Liên quân Việt-Lào trong chiến dịch Nậm Thà, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản nêu rõ: "Chiến thắng Nậm Thà có ý nghĩa quan trọng trên chiến trường Lào, vì nó đập tan cụm cứ điểm lớn của quân nguy lúc ấy. Nó còn ngăn chặn âm mưu của đế quốc Mỹ đưa lính thủy đánh bộ đã chuẩn bị sẵn sàng trên đất Thái Lan nhảy vào chiến đấu ở Lào"².

Đặc biệt là, thắng lợi của chiến dịch Nậm Thà có ý nghĩa chính trị rất lớn, buộc Mỹ và chính quyền Viêng Chăn phải chấp nhận giải pháp giải quyết vấn đề Lào bằng thương lượng. Ngày 12-6-1962, Hiệp định Cánh Đồng Chum được ký kết, Chính phủ Liên hiệp ba phái ở Lào được

¹ *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930-2007*, Sdd, tr.387.

² *Cay-xôn Phôm-vi-hản tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2008, tr.174.

thành lập, có lực lượng Pa-thét Lào tham gia. Tiếp đó, ngày 23-7-1962, Hội nghị quốc tế 14 nước ở Giơ-ne-vơ ký kết, thừa nhận nền độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Lào. Uy tín của Neo Lào Hắc Xạ, Quân đội Pa-thét Lào được nâng cao, khu giải phóng của cách mạng được mở rộng. Chiến thắng Nậm Thà mở ra bước ngoặt tăng cường mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào trong giai đoạn cách mạng mới của hai nước.

· Thể theo nguyện vọng của Đảng và nhân dân hai nước, ngày 5-9-1962, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ Vương quốc Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Từ đây, mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; trong đó trên lĩnh vực quân sự được củng cố, phát triển lên tầm cao mới, đáp ứng kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ cách mạng mỗi nước. Kế tiếp chiến dịch Nậm Thà năm 1962, quân đội hai nước Việt Nam và Lào tiếp tục phối hợp tác chiến mạnh mẽ trên chiến trường Lào, điển hình là tác chiến trong các chiến dịch tiến công 128, chiến dịch tiến công 74A (còn gọi là chiến dịch giải phóng Cánh Đồng Chum) năm 1964; chiến dịch tiến công Nậm Bạc (còn gọi là chiến dịch Quyết Thắng) năm 1968, chiến dịch tiến công Mường Xúi năm 1969, chiến dịch phản công Cánh Đồng Chum-Xiêng Khoảng (10-1969 đến 4-1970), chiến dịch tiến công Cánh Đồng Chum-Loong Chặng (12-1971 đến 4-1972) và chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum-Xiêng Khoảng năm 1972, góp phần đánh bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh đặc biệt tăng cường”, tạo ra thế và lực mới, bảo đảm cho quân đội và nhân dân Lào thực hiện “ba đòn chiến lược” và mũi giáp công pháp lý năm 1975 thắng lợi, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Thành quả, ý nghĩa và bài học lịch sử về phối hợp tác chiến của quân đội hai nước Việt Nam và Lào trong chiến dịch Nậm Thà năm 1962, cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thực sự là một mẫu mực điển hình về quan hệ đặc biệt, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước độc lập có chủ quyền, luôn tôn trọng và tin cậy lẫn nhau. Đây là tài sản vô cùng quý báu mãi mãi được giữ gìn và tiếp tục phát triển vững chắc lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân mỗi nước hiện nay.

Đại tá, TS Dương Đình Lập (Báo Quân đội nhân dân)

TRẬN BÌNH GIÃ

Sau Đồng khởi ở Nam bộ (1960), Trung ương có nghị quyết đẩy mạnh mũi đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Ở Nam bộ, cuối năm 1960 đầu 1961, các tỉnh đã có lực lượng vũ trang từ xã, huyện và tỉnh, có đại đội quân số có khi lên đến 200-300 người (Long An). Lần lượt các khu có lực lượng cấp tiểu đoàn, miền (Nam bộ), có chủ lực miền ở cấp trung đoàn, với khung cán bộ tập kết trở về và chiến sĩ là thanh niên đồng khởi ở các tỉnh. Trung đoàn 1 lấy phiên hiệu là Q.761 (thành lập tháng 7-1961).

Theo ngày tháng ghi như trên thì chủ lực miền ra đời kịp thời với quân du kích và bộ đội địa phương, hình thành ba thứ quân ở Nam bộ. Lúc này các thứ quân còn đặt dưới sự chỉ huy của ban quân sự các cấp. Đến tháng 10-1963 mới có quyết định tổ chức bộ chỉ huy quân sự miền (Nam bộ) và bộ tư lệnh các quân khu.

Quân chủ lực miền có hai trung đoàn, ngoài trung đoàn 1 có trung đoàn 2 lấy phiên hiệu là Q.762, được tổ chức trong năm 1961 với cán bộ và chiến sĩ là bộ đội Nam bộ tập kết.

Một vấn đề quan trọng lúc ấy là làm sao “loại phi pháo địch ra khỏi vòng chiến đấu” vì cái mạnh tuyệt đối của địch là hỏa lực.

Về hỏa lực Mỹ sử dụng ở VN, sử sách Mỹ có viết: “Trong chiến tranh Triều Tiên, mỗi người lính (Mỹ) dùng số lượng đạn được bằng tám lần trong chiến tranh thế giới lần 2, còn trong chiến tranh VN, con số đó là 26 lần so với thời gian 1941-1945.

Việc sử dụng hỏa lực chưa từng có thay cho sức người là đặc điểm nổi bật của chiến thuật quân sự Mỹ trong chiến tranh VN”.

Chức năng chủ yếu của quân đội Mỹ là phát hiện mục tiêu cho hỏa lực phi pháo. Một tướng lục quân Mỹ kết luận: “Đừng đánh tay đôi với họ, phát hiện và tránh rồi trút lửa vào và kiểm soát sau đó”.

Quân Sài Gòn do Mỹ tổ chức, trang bị huấn luyện và cố vấn nên cách đánh của họ là cách đánh của Mỹ: sử dụng hỏa lực tối đa, tránh đánh xáp gần với quân giải phóng.

Anh em chiến sĩ đã tìm cách giải quyết là xáp vô đội hình bộ binh địch mà đánh, không cho chúng phân tuyến, hay nói cách khác là đánh gần và đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã tổng kết: “Nắm thắt lưng địch mà đánh”.

Tất nhiên ta cũng có nhiều cách để hạn chế phi pháo địch trong chiến đấu như: pháo kích trận địa pháo địch (gọi là kèm pháo); bắn máy bay bằng trọng liên 12,7 vì không có cao xạ; phòng ngự có công sự và chiến hào; trận địa giả...

Nhưng cách “bám thắt lưng địch mà đánh” là cách hay nhất để bảo vệ bộ binh của ta, buộc bộ binh của địch phải xáp chiến, không thể bỏ chạy hoặc phân tuyến được.

Phải công nhận rằng đây là cách đánh sáng tạo của chiến sĩ xuất phát từ tư tưởng tấn công tiêu diệt địch, bảo vệ mình để tiêu diệt địch.

Trận Bình Giã

Sau chiến thắng An Nhơn Tây (Củ Chi), tháng 11-1964, trung đoàn rời Củ Chi hành quân về phía đông nam Sài Gòn, vùng Bà Rịa và Long Khánh, để cùng với trung đoàn 2 và các đơn vị bạn tham gia chiến dịch. Trung đoàn lên đường với trang bị vũ khí cũ đã có khi thành lập, nhưng với khả năng chiến đấu khá hơn trước, cụ thể là đã quen chiến đấu toàn trung đoàn và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn, chiến đoàn địch ngoài trời.

Bộ chỉ huy chiến dịch căn cứ vào sở trường của trung đoàn đã giao nhiệm vụ cho trung đoàn đánh địch ngoài trời, đập tan chiến thuật trực thăng vận của địch.

Kế hoạch trận đánh của chiến dịch ở Bình Giã là đơn vị bạn tấn công chiếm lĩnh áp chiến lược Bình Giã, đẩy lùi lực lượng bảo an đến giải tỏa, buộc địch phải đưa các tiểu đoàn cơ động đến. Trung đoàn 1 có nhiệm vụ bố trí tiêu diệt tiểu đoàn cơ động địch đến giải tỏa áp chiến lược bằng trực thăng vận.

Xung quanh ấp Bình Giã có hai bãi địch có thể đổ bộ trực thăng. Trung đoàn có thể bố trí kiểm chế một bãi để buộc chúng đổ bộ xuống bãi đông nam ấp Bình Giã để ta bố trí toàn trung đoàn tấn công. Địch đã rơi đúng kế hoạch của ta. Khi đội hình trực thăng bị bắn thiệt hại nặng ở bãi một phải quay đầu bỏ chạy, sau một thời gian chần chừ, địch chở một tiểu đoàn biệt động quân đổ bộ xuống bãi đông nam, nơi trung đoàn đã phục kích. Chờ địch yên tâm đổ hết quân xuống đất, toàn trung đoàn vận động bao vây, áp sát địch, nổ súng tấn công quyết liệt. Hỏa lực địch chỉ bắn vào đất trống xa tuyến bộ binh ta. Đối đầu với những chiến sĩ đồng khởi có quyết tâm cao, tiểu đoàn địch chỉ chống cự yếu ớt trong một tiếng

thì bị diệt gần hết. Ngoạn mục là mũi tiến công tiêu diệt ban chỉ huy tiểu đoàn địch của tiểu đội đồng chí Lê Văn Đáp. Tiểu đội trưởng chia tiểu đội thành hai tổ thay nhau tổ kiểm chế, tổ tiến tới đến khi diệt tiểu đoàn trưởng địch, bắt sống hai cố vấn Mỹ, kết thúc trận đánh.

Đến năm 2005, trung đoàn Bình Giã (sư đoàn 9) được 45 tuổi, đã xuyên qua hai thế kỷ với thành tích kháng chiến chống Mỹ vẻ vang, thành tích chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và cứu nhân dân Campuchia thoát nạn diệt chủng. Trung đoàn đã được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Lần đầu tiên trung đoàn diệt gọn tiểu đoàn biệt động quân địch, diệt chỉ huy, bắt sống cố vấn Mỹ. Đó là ngày 29-12-1964.

Sau đó trung đoàn còn phục kích tại trận địa cũ để đánh tiếp bọn tiếp viện. Đến ngày 30-12-1964 địch không đến, trung đoàn được lệnh thu quân.

Khoảng 17 giờ cùng ngày (30-12-1964) một trực thăng quần trên không trận địa nhiều vòng rồi sà sát xuống quan sát. Đại đội trưởng cao xạ đề nghị bắn. Trung đoàn trưởng ra lệnh bắn. Một loạt đạn 12,7 ly nổ giòn, trực thăng bốc cháy và rơi vào Sở cao su Quảng Giáo, phía đông nam ấp Bình Giã.

9g sáng 31-12-1964, ngày cuối năm, toàn trung đoàn đã hành quân về nơi trú quân, đang ngủ để lấy sức cho cuộc chiến đấu tiếp sau. Trung đoàn trưởng và các tiểu đoàn trưởng lên đường đi nghiên cứu chiến trường để đánh tiếp.

Toàn trung đoàn đang ngủ say thì 12 giờ trinh sát báo cáo biệt kích vào chỗ máy bay rơi đã bị anh em trinh sát đánh nên bỏ chạy.

14g, tác chiến báo cáo: tham mưu chiến dịch thông báo tiểu đoàn Thủy quân lục chiến số 4 vào áp chiến lược Bình Giã.

14g30 có tin địch hành quân vào chỗ máy bay rơi để tìm các cố vấn Mỹ. Tham mưu trưởng trung đoàn, anh Bùi Thanh Vân (Út Liêm), trao đổi với tôi nên triển khai trung đoàn đánh bọn này. Theo kế hoạch, tiểu đoàn 1 chặn đầu, tiểu đoàn 2 bọc hậu khóa đuôi và tiểu đoàn 3 đánh xuyên hông. Gọi tiểu đoàn nhưng tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 3 còn quân số khoảng 100, tiểu đoàn 2 có trên 300 cán bộ chiến sĩ. Tiểu đoàn 2 xuất kích mà như đi hội. Khoảng 16g45 thì súng nổ. Chiến sĩ ta và lính địch thấy nhau rất

rõ. Mỗi bên đều dựa vào cây cao su để tấn công; bộ binh đánh với bộ binh, còn trực thăng và tiếp sau là pháo địch bắn vào ven rừng nhưng không có ai ở đó. Trận đánh diễn ra rất ác liệt vì thủy quân lục chiến là đơn vị thiện chiến của quân đội Sài Gòn. Nhưng vòng vây của chúng ta dần khép lại. Theo kế hoạch hiệp đồng và đã thực hiện “hiệp đồng theo tiếng súng”, một đơn vị nhỏ của quân ta đã thọc vào phía sau địch ngay bộ phận chỉ huy tiểu đoàn. Tiểu đoàn trưởng thủy quân lục chiến bị bắn gục, cố vấn Mỹ bị thương, bị bắt sống, trận đánh kết thúc vào lúc 18g15 ngày 31-12-1964. Theo tin cuối cùng, tiểu đoàn này chạy thoát trên 10 tên.

Hồi ký của Westmoreland Tường trình của một quân nhân có viết: “...Trong cuộc chiến đấu đó, các tiểu đoàn biệt động quân và thủy quân lục chiến gần như bị tiêu diệt sạch...”.

Như vậy trong ba ngày chiến đấu xung quanh ấp chiến lược Bình Giã, trung đoàn 1 đã tiêu diệt sạch hai tiểu đoàn địch, bắt sống ba cố vấn Mỹ. Hai trận liên tiếp này đánh dấu sự trưởng thành của một trung đoàn chủ lực miền, xứng đáng là một quả đấm của lực lượng quân giải phóng miền Nam.

Trước đó, ngày 9-12-1964 trung đoàn 2 phát huy truyền thống “đánh là dứt điểm” đã đánh tiêu diệt hoàn toàn một chi đoàn xe M113 (14 chiếc) trên đường hành quân giải tỏa ấp chiến lược Bình Giã.

Vì chiến dịch diễn biến xung quanh ấp chiến lược Bình Giã nên chiến dịch mang tên là “Chiến dịch Bình Giã” và trung đoàn được danh dự mang tên trung đoàn Bình Giã.

Sau chiến dịch Bình Giã, trung đoàn lại lập công xuất sắc trong chiến dịch Đông Xoài, Dầu Tiếng và trong nhiều chiến dịch đánh quân Mỹ xâm lược.

Nguyễn Văn Tông - Nguyên Chính ủy Trung đoàn Bình Giã (1964-1965), nguyên Giám đốc Sở VH-TT TP.HCM (Báo *Tuổi Trẻ online*)

TRẬN CHIẾN BÌNH GIÃ

Trong 168 chuyến tàu vận chuyển vũ khí đạn dược cho quân, dân miền Nam đánh Mỹ, những người lính Đoàn tàu không số đã làm nên nhiều kỳ tích huyền thoại, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch. Trong đó chuyến tàu mang bí số 56 bí mật vượt biển từ Hải Phòng cập bến Lộc An tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 1964, đã góp phần trực tiếp vào thắng lợi

của chiến dịch Bình Giã, làm thay đổi cục diện chiến trường, đập tan mưu đồ chiến lược "Thiết xa vận" của đế quốc Mỹ.

Để chiến thắng mưu đồ chiến lược "Thiết xa vận" của địch, trước yêu cầu cấp bách chuyển vũ khí đạn dược chi viện cho các chiến trường miền Nam đánh Mỹ, Bộ Tư lệnh miền Nam điện trực tiếp ra Trung ương xin chi viện vũ khí và hậu cần. Con tàu mang bí số 56 do thuyền trưởng Lê Quốc Thân và chính trị viên Trần Ngọc Tuấn, hai thuyền phó là Nguyễn Đắc Thắng phụ trách hàng hải và Lê Xuân Ngọc phụ trách hậu cần cùng 14 thủy thủ khác nhận nhiệm vụ đặc biệt này và sẵn sàng vượt biển.

Những ngày cuối năm 1964, vùng biển Hải Phòng sóng to dữ dội. Bất chấp điều kiện thời tiết, tàu 56 vẫn hành trình theo kế hoạch đã được xác định. Trước 2 giờ rời bến, thuyền trưởng Lê Quốc Thân đã tập trung 17 thủy thủ ở khoang giữa của tàu để quán triệt nhiệm vụ, phân công từng người phụ trách trên từng mặt công tác. Ngày ấy, đi chiến trường đồng nghĩa với sống chết, biệt ly không hẹn ngày trở lại. Bởi chiến tranh dài đằng đẵng liên miên, ai biết ngày nào kết thúc. Thuyền trưởng Thân quả quyết: "Đây là chuyến vượt biển vô cùng quan trọng. Chúng ta có thể hi sinh tính mạng, nhưng vũ khí, đạn dược nhất định phải được chuyển vào miền Nam và con đường vận tải biển phải tuyệt đối giữ bí mật. Chúng ta xin thề với Tổ quốc, thà hi sinh chứ không thể rơi vào tay giặc, thà đổ máu chứ nhất định không xưng khai. Miền Nam đang chờ chúng ta, chiến dịch Bình Giã đang đợi chúng ta". Lời thuyền trưởng Thân nói như tiếp thêm sức mạnh, trong tim từng chiến sĩ hùng hục ngọn lửa yêu nước. Họ bắt chặt tay nhau thể hiện sự quyết tâm chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, công tác chuẩn bị lần cuối và sẵn sàng rời bến.

Đó là đêm 29-11-1964. Một đêm giá rét không thể nào quên được đối với các chiến sĩ trên con tàu ấy. Con tàu vỏ sắt có trọng tải 50 tấn bí mật rời cảng Hải Phòng băng băng ra khơi trong đêm tối. 44 tấn vũ khí, đạn dược được giấu kín dưới đáy tàu. Hành trang của 18 cán bộ chiến sĩ chủ yếu là những dụng cụ cá nhân như ba lô, khăn mặt, sữa bò hộp, ít lương khô, nhưng mang nặng trong tim mỗi người nhiều nhất là tình yêu Tổ quốc. Do lúc đó phương tiện thô sơ, các tàu chưa có trang bị định vị vệ tinh như bây giờ, nên rất dễ bị lạc trên biển.

Sau những ngày vật lộn với sóng gió, ngày 22-12-1964, tàu 56 đã đến vùng biển Phước Hải tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Làm thế nào để đưa con tàu sắt vào cửa Sông Ray trong khi bọn địch kiểm soát chặt chẽ nhiều tầng, nhiều lớp, dưới nước, trên không, trên bờ. Điểm đến của tàu là Bến Lộc An, nhưng bến Lộc An lại nằm tận sâu trong Sông Ray. Muốn đến Lộc An phải hành trình trong đường thủy hẹp. Lòng sông nước lên xuống thất thường, nhiều cồn cát, nhiều bãi ngầm, đặc biệt địch bố phòng canh gác cẩn mật ngay cửa Sông Ray. Phương án "Ngư dân Phước Hải đánh cá về bờ" được chuẩn bị kỹ càng và chưa lộ bí mật. Thuyền trưởng Lê Quốc Thân đã lệnh phát tín hiệu bằng mật ngữ với căn cứ bí mật, nhưng không thấy trả lời. Để tránh bị địch phát hiện, thuyền trưởng Thân đã cho tàu chạy lòng vòng ở cửa biển Sông Ray, vừa chạy vừa thả câu cá để đánh lừa địch. Ông nhận định, nếu cứ cho tàu chạy lòng vòng ngoài cửa biển, thì sẽ bị địch phát hiện, nên đã hạ lệnh cho 2 thủy thủ bí mật bơi vào bờ tìm bến. 2 chiến sĩ ấy là Trần Văn Phủ và Nguyễn Thanh.

Thời gian chậm chạp trôi đi, ai cũng lo lắng cho sự an nguy của con tàu. Lúc đó thuyền trưởng Thân đã bàn với các đồng chí trong ban chỉ huy, nếu bị lộ, sẽ sẵn sàng hi sinh và hủy tàu chứ nhất định không để vũ khí đạn dược rơi vào tay địch. Ông động viên anh em "Đây là giờ phút phải bình tĩnh và thông minh nhất. Các đồng chí cứ yên tâm, nhiệm vụ sắp hoàn thành, phần thắng đã nắm chắc trong tay, trong giờ phút này không được ai lung lay ý chí". 15 phút, 20 phút, rồi 40 phút trôi qua. Bỗng từ phía bờ có ánh đèn chớp lóe sáng 3 lần liên tục, báo hiệu bến an toàn. Dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Thân, con tàu 56 đã vượt qua chặng đường hơn 10km luồng lạch, cồn cát, bãi ngầm ở Sông Ray, cập bến Lộc An an toàn lúc 22 giờ ngày 22-12-1964. Khi vào đến bến Lộc An, anh em mới biết lực lượng bộ đội của 2 Trung đoàn 1 và 2 thuộc Sư đoàn 9 đã ém quân 4 ngày tại đây. Dầu vẫn nhận được tín hiệu từ tàu 56 xin cập bến, nhưng không dám đánh tín hiệu trả lời, vì con tàu sắt to quá, ai cũng nghĩ là tàu địch giả danh.

Đánh bại chiến lược "Thiết xa vận" của địch

44 tấn vũ khí đạn dược được người dân làng chài Phước Hải và bộ đội chuyển lên bờ giấu trong kho an toàn, rồi được Trung đoàn 1 và Trung

đoàn 2 của Sư đoàn 9 tiếp nhận. Đó là những tấn vũ khí đầu tiên chi viện cho chiến trường Bình Giã.

Được tiếp thêm vũ khí, trận chiến Bình Giã sôi sục lòng căm thù giặc. Quân, dân làng chài Phước Hải bước vào trận chiến đấu mới, quyết tâm đập tan chiến lược "Thiết xa vận" của địch. Chỉ trong 10 ngày, 5 trận đánh liên tiếp của quân và dân Bình Giã đã giành thắng lợi. Diệt gọn 2 tiểu đoàn chủ lực, một chi đoàn xe bọc thép của địch, 3 tiểu đoàn bộ binh địch bị thiệt hại nghiêm trọng. Nhiều ấp chiến lược ven đường số 2 số 3, đường 14 thuộc huyện Đất Đỏ, Long Thành, Nhơn Trạch bị phá tan. Vùng căn cứ cách mạng được mở rộng đến sát biển chạy dọc từ Bến Lộc An đến Phước Hải huyện Đất Đỏ.

Trận chiến Bình Giã là chiến dịch tiến công đầu tiên của Quân giải phóng miền Nam đánh phá mưu đồ "Bình định" có trọng điểm của chính quyền Sài Gòn ở vùng giáp ranh 2 tỉnh Bình Thuận và Đồng Nai. Lần đầu tiên bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ với lực lượng Trung đoàn Minh Đạm ra quân đánh lớn, giáng đòn sấm sét xuống đầu quân đội chính quyền Sài Gòn. Địch không thể biết những khẩu DKZ, B40, trung liên, đại liên, AK ở đâu mà nhiều thế. Chúng nói với nhau, đó là những loại vũ khí từ trên trời rơi xuống.

Thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, đã góp phần đánh một đòn quyết định làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Nam. Trong đó có sự đóng góp kịp thời, táo bạo, dũng cảm của cán bộ, thủy thủ Tàu 56.

TRẬN HẢI CHIẾN ĐẦU TIÊN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đúng 40 năm trước, với ý đồ tấn công phá hoại miền Bắc Việt Nam, giới quân sự Mỹ đã dựng ra biến cố "sự kiện vịnh Bắc bộ". Trong trận chiến không cân sức ấy, Hải quân Việt Nam đã đáp trả hành động khiêu khích của đối phương bằng tình yêu Tổ quốc và lòng quả cảm vô biên... Cái gọi là "sự kiện vịnh Bắc bộ" do giới quân sự Mỹ dựng lên và thực hiện năm 1964 đã lừa dối nhân dân Mỹ, lừa dối Quốc hội Mỹ để thông qua cho được bản nghị quyết về vịnh Bắc bộ - nghị quyết mà một thượng nghị sĩ Mỹ mô tả như "bản tuyên chiến đê ngày trước".

Với ý đồ “khiêu khích Bắc VN”, trong hai ngày đầu tháng 8-1964, các máy bay T28 của phái hữu Lào được Mỹ sử dụng đã bắn phá đồn biên phòng Nậm Cắn và làng Noọng Dẻ ở miền tây tỉnh Nghệ An. Ngoài khơi vịnh Bắc bộ, tàu khu trục Maddox tiếp tục tiến về phía bắc, xâm phạm hải phận của nước VN dân chủ cộng hòa và gây ra một số vụ khiêu khích đối với thuyền đánh cá của ngư dân miền Bắc. Đặc biệt đêm 31-7 rạng sáng 1-8, tàu khu trục Maddox đã xâm phạm vùng biển Quảng Bình, sau đó tiến lên phía bắc, điều tra các mạng lưới bố phòng của ta ở khu vực đèo Ngang, Hòn Mát, Hòn Mê, Lạch Trường.

Đối phó với các hành động khiêu khích phá hoại ngày càng tăng của Mỹ - nguy ở vùng biển khu 4, Bộ tư lệnh quân chủng hải quân quyết định thành lập sở chỉ huy tiền phương ở sông Gianh. Một số tàu tuần tiểu ở phía bắc được tăng cường.

Các phân đội tàu tuần tiểu ở vùng biển khu 4 rời cảng ra các khu neo và tăng cường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật; đồng thời nâng cao cảnh giác, sơ tán ngư trang chu đáo, chống địch tập kích bằng đường không và biệt kích, người nhái. Các tàu phóng lôi ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao. Cuối tháng 7-1964, mọi công tác chuẩn bị chiến đấu của quân chủng hải quân đã cơ bản hoàn thành.

“Không thể quên cái đêm cuối cùng tháng bảy và rạng sáng đầu tháng tám ấy, phân đội 3 chúng tôi vẫn đang mài miết luyện tập trên vùng biển Đông Bắc thì nhận được lệnh: lắp ngư lôi và di chuyển từ Vạn Hoa - Quảng Ninh vào Hòn Nẹ - Thanh Hóa (để phục kích, đón đánh tàu khu trục Maddox).

Phân đội 3 bấy giờ gồm ba tàu 333, 336, 339 do đại úy Lê Duy Khoái - đoàn trưởng 135 (tiểu đoàn 135 là lực lượng chiến đấu trực thuộc quân chủng hải quân) trực tiếp chỉ huy và tôi, trung úy làm phân đội trưởng kiêm thuyền trưởng tàu 333”- nguyên phân đội trưởng phân đội 3 Nguyễn Xuân Bội nhớ lại.

Phấn thẳng không thuộc về kẻ mạnh

Đến rạng sáng 2-8, mọi công tác chuẩn bị hoàn tất nhưng thật không may, khi ấy trời động. Gió mùa Đông Bắc, sóng cấp 4, cấp 5 đã khiến cả đoàn phải mất hơn tám giờ đồng hồ mới hoàn thành chặng

dường 100 hải lý, gấp đôi thời gian so với dự kiến. Tới Hòn Nẹ, phân đội 3 lại nhận lệnh hành quân ngay vào Hòn Mê.

Ông Bọt kể tiếp: “Khi phát hiện tàu lạ ở phía nam Hòn Mê, tôi báo cáo anh Khoái: có khả năng tàu khu trục. Anh Khoái lại nghĩ khác: tàu buôn. Thế nhưng sóng radar vọng về cho thấy trùng với sóng hôm trước khi tàu Maddox ở đèo Ngang. Mười phút sau, chỉ huy sở tiền phương ra lệnh: xuất kích! Cả phân đội nhổ neo lên đường”.

Phân đội trưởng Nguyễn Xuân Bọt ra lệnh đội hình chạy cách nhau 50m, chiến sĩ radar Nguyễn Văn Luyện tiếp tục bám sát mục tiêu, mỗi phút báo cáo một lần. Nhận thấy có ba tàu tốc độ cao đang tiếp cận, tàu Maddox cũng tăng tốc và chạy ra xa hướng về cửa Ba Lạt. Ý thế hỏa lực mạnh, Maddox bắt đầu dùng pháo lớn bắn dữ dội. Phân đội 3 chuyển từ đội hình hàng dọc sang đội hình tránh pháo bậc thang phải, bậc thang trái.

Pháo liên hồi bốc các thành viên phân đội ném sang hai bên. Chỉ huy trưởng phân đội lệnh cho tàu 333 tăng tốc để chặn tàu địch, tạo điều kiện thuận lợi cho hai tàu 336 và 339 tấn công. Tiếp cận được góc mạn tàu địch 1100, cự ly 7-8 liên (*), thuyền trưởng tàu 339 hạ lệnh phóng ngư lôi và chuyển hướng rời khỏi khu vực tác chiến.

Trên trời bất ngờ xuất hiện năm máy bay địch tập kích và bắn trúng khoang máy chính của tàu 339, tàu phải thả trôi vừa tập trung dập lửa, sửa chữa hỏng hóc vừa ngoan cường đánh trả bằng súng 14,5mm và súng trung liên.

Sau khi tàu 339 phóng ngư lôi, tàu 336 tiếp tục tiếp cận mục tiêu từ góc mạn 1100-1200, cự ly 6-7 liên và tiến hành phóng ngư lôi rồi giảm tốc độ chuyển hướng rời khỏi khu vực tác chiến. Pháo trên tàu Maddox vẫn nhả cấp tập và một quả đã rơi trúng vào tàu 336. Thuyền trưởng Phạm Văn Tự trúng đạn hi sinh, thuyền phó Nguyễn Văn Chuẩn mặc dù bị thương vẫn chỉ huy điều khiển tàu.

Lúc này tàu 333 đang chạy với tốc độ 36 hải lý/giờ, liền tăng lên 42 hải lý/giờ, mở góc mạn ra ngoài biển. Tình hình thật nguy cấp. Cột ăngten bị pháo đánh gục, không thể báo cáo được lên cấp trên. Quả ngư lôi trái cũng trúng đạn, buộc phải giạt trôi xuống biển. Tàu bị lệch hẳn một bên vì chỉ còn duy nhất quả ngư lôi bên phải.

“Còn cách tàu địch khoảng 8 liên, anh Khoái nói: phóng đi. Nhưng tôi quyết phải tiếp cận gần hơn cho chắc ăn. Anh Khoái lại đấm vào vai tôi giục: phóng đi. Tôi yêu cầu tốc độ tăng tối đa 52 hải lý/giờ. Máy trưởng báo cáo sợ không đủ sức và vỡ máy. Tôi vẫn buộc tàu mở hết tốc lực nhưng chỉ duy trì trong mười phút để chiếm góc mạn phải. Còn 6 liên, 5 liên, 4 liên... Khi tôi hô “chuẩn bị”, anh em đồng thanh hô theo đầy khí thế. “Ấn cò”.

Quả ngư lôi xé mặt biển lướt đi. Cả tàu gần như ngừng thở. Maddox vội vã xoay mũi tàu để tránh... “Nó trúng ngư lôi của tôi rồi”- Nguyễn Văn Đạt và Nguyễn Thái Nguyên, chiến sĩ và nghiệp vụ trưởng ngư lôi, hét lên. Một tiếng nổ từ phía Maddox phát ra.

Tàu 333 chậm rãi chạy song song ngược chiều với nó. Biển yên tĩnh, Maddox yên tĩnh lạ thường, chúng tôi còn thấy cả lính Mỹ chạy lối nhỏ trên tàu. Có lẽ họ sợ chúng tôi là lính cảm tử, trên tàu chứa bộc phá sẵn sàng lao thẳng vào”- ông Nguyễn Xuân Bội bồi hồi.

Ngay sau khi tàu Maddox bị đánh đuổi khỏi vùng biển của ta, đêm mông 4 rạng sáng 5-8, chính quyền Mỹ đã dựng lên cái gọi là “sự kiện Vịnh Bắc bộ” vu khống hải quân ta tấn công tàu Mỹ trên vùng biển quốc tế.

Lấy cơ thực hiện kế hoạch “mũi tên xuyên” đã được vạch ra từ trước, Mỹ sử dụng tối đa lực lượng không quân của hai biên đội tàu sân bay hàng tiêu diệt lực lượng hải quân ta trong ngày 5-8.

Đến rồi 5-8 đã trở thành ngày truyền thống đánh thắng trận đầu của Hải quân nhân dân VN và cũng là ngày đánh thắng trận đầu của quân, dân miền Bắc đối với không quân Mỹ.

(Theo *baomoi.com*)

KỶ BINH BAY GẦY CÁNH

Sư đoàn Sao Vàng thành lập được 10 ngày thì Sư đoàn Không vận số 1 Mỹ mang tên “Sư đoàn Kỵ binh bay” đổ bộ lên Quy Nhơn và sau đó 7 ngày - ngày 18-9-1965 đã diễn ra trận giáp chiến với ta ở thung lũng Thuận Ninh.

Sư đoàn Kỵ binh bay theo đường 19 vận chuyển lên An Khê đóng quân. Còn Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 2 của ta đến trú quân ở thôn Thuận Ninh, xã Bình Tân, huyện Bình Khê ở phía đông đường 19 được 3

ngày, tập luyện trên những ngọn đồi anh em đặt tên là đồi "Thao trường", đồi "Đại liên" để chuẩn bị bước vào chiến dịch Đông.

Máy bay trinh sát điện tử của địch phát hiện có Việt cộng xâm nhập thung lũng Thuận Ninh. Ki-na, viên tướng 2 sao chỉ huy Sư đoàn Kỵ binh bay rất lo ngại về cuộc vận chuyển. Tên trung tá, trưởng phòng tình báo báo cáo với Ki-na ở Thuận Ninh chỉ có một lực lượng nhỏ, chỉ cần dăm trăm quân cũng đủ để cất vó. Ki-na quyết định đánh đòn bất ngờ, áp đảo hoàn toàn đối phương, gây thanh thế ngay trong những ngày đầu Sư đoàn Kỵ binh bay đặt chân lên đất An Khê và Việt Nam. Tuy vậy, để đảm bảo chắc thắng, y cho tăng lực lượng lên gấp 4-5 lần. Trung tá Xmit được giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc hành quân với 2.000 lính dù, 60 trực thăng và khẳng định phải đánh thắng.

Trời còn mù sương đã có hai chiếc L19 bay đến lượn vòng. Đã có kinh nghiệm nên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Lương Văn Thư cho bộ đội giúp đỡ nhân dân xuống hết hầm trú ẩn và vào vị trí chiến đấu. Đúng như dự đoán, sau khi hai chiếc L19 bắn đạn khói chỉ điểm, hàng chục chiếc phản lực nối đuôi nhau bay tới trút bom xuống thung lũng Thuận Ninh. Tiếp đó, từng bầy trực thăng bay đến bắn róc-két, liên thanh xuống các lùm cây, mô đất. Thung lũng Thuận Ninh chìm trong khói, lửa, đất bụi mù mịt. Đợt đầu, địch cho 45 trực thăng chở đầy lính tới đổ quân. Địch dàn hàng ngang và tiến vào làng. Khi chúng vào gần, chiến sĩ ta mới biết là lính Mỹ.

Đội chúng vào đúng tầm, quân ta mới đồng loạt bất ngờ nổ súng. Lính Mỹ ngã rạp, chết hàng loạt. Số còn sống hốt hoảng tìm các mô đất ẩn nấp. Tiếng súng nổ vang khắp thung lũng. Không vào được làng, địch tiếp tục đổ quân đánh chiếm các ngọn đồi. Nhưng Tiểu đoàn trưởng Lương Văn Thư đã nhanh hơn địch một bước, kịp thời lệnh cho Đại đội trưởng Thục dẫn một cánh quân của Đại đội 1 chiếm đồi "Thao trường" và Đại đội phó Quang dẫn một trung đội của đại đội mình đánh chiếm đồi "Đại liên".

Chờ địch lên gần tới đỉnh đồi ta mới nổ súng đồng loạt, hô xung phong vang dậy, xông lên đánh giáp lá cà. Bị đánh phủ đầu, tan nát đội hình, địch co cụm chống cự và rải bom bi. Ta càng bám sát địch truy kích, dồn chúng vào rừng gai quýt dày đặc để tiêu diệt. Tên chỉ huy đại đội của chúng bị tiêu diệt tại chỗ. Chiến sĩ đại đội 1 ở đồi Thao trường tạm thời

rút xuống nương nước tránh bom bi. Địch cho đổ quân đánh chiếm đồi Thao trường. Giữa lúc chúng đang lộn xộn, chính trị viên Nguyễn Bốn dẫn đại đội 1 rời nương nước đánh thốc tới. Tiểu đội trưởng Bông dùng trung liên quật ngã 10 tên địch. Chiến sĩ Phạm Hiền diệt 15 tên. Chiến sĩ Vũ Văn Để bắn 7 phát diệt 7 tên. Hai xạ thủ trung liên Tam và Bình bắn rơi tại chỗ 3 trực thăng. Xác giặc và trực thăng ngổn ngang trên đồi. Một trung đội địch hoảng sợ dồn vào đoạn hầm ở đỉnh đồi cố thủ. Tiểu đội trưởng Nguyễn Ba dẫn một mũi đánh vào sườn đoạn hầm. Địch ném lựu đạn ra tới tấp. Ta nhặt lựu đạn ném trả và xông vào tấn công quyết liệt. Cả trung đội Mỹ chết chồng lên nhau trong đoạn hầm.

Tiếng súng nổ vang khắp thung lũng Thuận Ninh suốt ngày hôm đó. Trước thất bại nặng nề, Ki-na cho tăng viện 50 trực thăng đổ quân xuống Thuận Phong cách Thuận Ninh hơn 2km hòng kéo giãn đội hình của ta, giải vây cho Thuận Ninh.

Nhưng ta đang làm chủ chiến trường. Tiểu đoàn trưởng Thư cho bộ đội xuất kích nhỏ diệt địch. Đường dây điện thoại từ tiểu đoàn xuống đại đội bị đứt. Trên đường đi truyền đạt mệnh lệnh của tiểu đoàn, chiến sĩ Lê Thừa bắn rơi tại chỗ một máy bay.

Thiệt hại quá lớn, đến chiều, tên trung tá Xmít chỉ huy cuộc hành quân đành báo cáo với Ki-na là đã "hoàn tất cuộc tẩy thanh" và xin lệnh rút. Ta cũng thu dọn chiến trường và di chuyển quân.

Suốt đêm hôm đó, địch dùng máy bay C130 thả đèn dù, bắn đại liên loạn xạ, yểm trợ trực thăng nhả xác và đưa hơn 200 lính Mỹ bị tiêu diệt về phía sau. 14 máy bay bị bắn rơi tại chỗ, 40 chiếc khác bị trúng đạn. Tên trung tá, trưởng phòng tình báo bị cách chức. Tên Xmít chỉ huy cuộc hành quân bị gọi về Sài Gòn khiển trách. Hắn đổ lỗi cho tình báo không phát hiện đúng nơi đổ quân, nên đã rơi vào ổ ong vò vẽ là nơi đóng quân của Việt cộng. Hắn cũng thú nhận: "Quân giải phóng và du kích đánh rất giỏi, tổ chức tốt, rất có kỹ thuật".

Ngay sau trận Thuận Ninh, Đoàn Sao Vàng bắt tay ngay vào chiến dịch Đông ở miền Trung tỉnh Bình Định trong một địa bàn kéo dài hơn 50km từ bắc Bồng Sơn đến nam huyện Phù Cát, tiêu diệt cùng một lúc hai đồn lính bảo an chốt giữ đèo Phù Cũ và cầu Phù Ly trong đêm 22 rạng ngày 23-9 là hai vị trí quan trọng trên đường số 1.

Bốn quận ly Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ bỗng chốc bị chia cắt, cô lập, khiến bọn chỉ huy quân khu 2 ngụy quân hết hoảng thúc giục Sư đoàn 22 lính cộng hòa ứng cứu ngay trong ngày 23-9.

Ở đèo Phù Cũ, ta chặn đánh tan tác 2 tiểu đoàn bộ binh và 1 tiểu đoàn xe M.113 đến phản kích giải vây, tiêu diệt hàng trăm tên địch, bắn cháy 7 xe M113, buộc chúng phải rút lui về vị trí xuất phát.

Đặc biệt, sáng 28-9, bọn chỉ huy Quân khu 2 tung lực lượng dự bị của quân khu - Tiểu đoàn "Cọp đen" là đứa con cưng thiện chiến, khét tiếng gan lỳ và gian ác vào cuộc. Tên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn Cọp đen cho đánh chiếm ấp Diên Khánh làm bàn đạp để giải tỏa đèo Phù Cũ. Tiểu đoàn 6, trung đoàn 12 của ta được lệnh để ngõ cửa cho địch vào ấp Diên Khánh, rồi từ ven đồi cấp tốc rừng rùng rùng tràn xuống, vây chặt tứ phía, khiến máy bay địch không kịp bắn hỏa mù phân tuyến. Một mặt, ta cho một lực lượng mạnh đánh thẳng vào ấp, chia thành nhiều mũi chia cắt địch ra tiêu diệt, tiêu diệt tại chỗ tên tiểu đoàn trưởng. Suốt 6 tiếng đồng hồ chiến đấu vô cùng ngoan cường, đến 14 giờ, ta xóa sổ hoàn toàn Tiểu đoàn "Cọp đen" và một đại đội lính cộng hòa khác.

Suốt thời gian 4 ngày đó, ở cầu Phù Ly, tất cả các đợt phản kích của địch đều bị ta đánh bại, tiêu diệt 4 đại đội lính cộng hòa.

Ngày 1-10, địch rút bỏ hàng loạt vị trí dọc đường số 1 như căn cứ Đệ Đức, đồi Thánh Giá, Tân Ốc, Bình Dương, Chóp Vung, Núi Nùng, Chợ Gồm... Nội bộ bọn chỉ huy tỉnh Bình Định và vùng chiến thuật 2 mâu thuẫn, tranh cãi nhau gay gắt. Con đường 1 bị chặt đứt từng khúc, không còn lực lượng quân ngụy để đủ sức giải tỏa. Con đường 19 bị uy hiếp. Ki-na buộc phải cho Kỵ binh bay xuất kích ứng cứu quân ngụy. Hấn nghi phần lớn lực lượng Đoàn Sao Vàng đứng chân ở thung lũng Hội Sơn ở phía tây bắc huyện Phù Cát.

Ki-na cho tổ chức một cuộc hành quân hỗn hợp Mỹ-ngụy quy mô lớn mang tên "Lưới lê sáng ngời", gồm 6.000 lính Kỵ binh bay, 170 trực thăng chở quân, 10 tiểu đoàn lính ngụy, trong đó có 6 tiểu đoàn thuộc lực lượng tổng dự bị chiến lược của Sài Gòn đưa ra, để từ trên trời quân Mỹ chụp nơm xuống, từ mặt đất quân ngụy bủa lưới vây quanh, tiêu diệt Đoàn Sao Vàng.

Nhưng trở trêu thay, chúng đã đánh vào vùng trống. Ngay trong ngày đầu, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 2 cùng bộ đội huyện, du kích xã, lúc ẩn

.. lúc hiện đánh nhỏ lẻ, rút nhanh, bắn rơi một L19 và 4 trực thăng. 33 tên Mỹ chết vì mìn, bị bắn tĩa và đạn cối. Đặc biệt là cuộc hành quân ở suối La Tinh, đêm 12-10, một đại đội lính Ky binh bay bị Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 2 tập kích tiêu diệt gọn.

Suốt 4 ngày hành quân không đánh được trận nào, biết đã bị hẫng, Ki-na cho rút quân. Đài *BBC* bình luận: "Nước mắt quân đội Mỹ chảy từ suối La Tinh về tòa Bạch ốc". Còn phóng viên *AFP* đi theo trận này thừa nhận: "Cuộc hành quân ở suối La Tinh chứng tỏ du kích Việt cộng cơ động hơn nhiều so với lính Mỹ thuộc Sư đoàn Ky binh bay do ông Bộ trưởng Quốc phòng Mác-na-ma-ra lập ra".

Như vậy là trong vòng một tháng đầu tiên đặt chân lên đất Việt Nam, Sư đoàn Ky binh bay đã bị tiêu diệt 433 lính, 17 trực thăng bị bắn rơi, 63 chiếc khác bị trúng đạn, số lính bị thương không biết bao nhiêu..

Đoàn Sao Vàng đánh Mỹ thực sự vào mùa khô năm 1965-1966, bắt đầu từ cuối tháng 1-1966. Mùa khô thứ nhất này, số quân Mỹ và chư hầu Nam Triều Tiên ở miền Nam đã lên tới 20 vạn. Oét-mo-len, tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam quyết định phản công chiến lược, mở chiến dịch "5 mũi tên". Hai mũi tên ở đông bắc Sài Gòn và Củ Chi. 3 mũi tên ở Quân khu 5: Quảng Ngãi, Phú Yên, bắc Bình Định và Bình Định là mũi tên lớn nhất. Sư đoàn Sao Vàng sẽ đương đầu với 3 cuộc hành quân "Cái chày", "Cánh trắng", "Ngựa đen" của quân Mỹ.

Một đêm đầu tháng 2-1966, sắp đến Tết ta, tôi và mấy anh bạn thân đang nằm trên võng, sưởi ấm bên đóm lửa cháy liu riu, bỗng Sư đoàn trưởng Giáp Văn Cương xuất hiện, gặp riêng tôi và hỏi: "Biết cậu đang làm tuyên huấn, nhưng nếu giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy một trận chiến đấu pháo binh, có nhận không?". Tôi trả lời: "Anh đã tin tưởng, thì em sẵn sàng". Ông vui vẻ nói rõ: "Sư đoàn không vận số 1 của Mỹ sẽ xuất quân 2 lữ đoàn, giữ lại một lữ đoàn ở hậu cứ làm đội dự bị chiến dịch Anh Ba Đôn (Tức Tư lệnh Quân khu 5 Nguyễn Đôn) chỉ thị phải đánh địch ở phía trước và đánh cả vào hậu cứ của chúng. Thời gian gấp lắm rồi. Không thể khiêng cối 106mm lên kịp. Cậu sẽ chỉ huy một cụm súng cối 82mm pháo kích vào sân bay Tân Tạo nhé". Ông cẩn thận dặn thêm tôi: "Đi ngay sáng mai! Lên Bộ chỉ huy Quân sự Gia Lai, gặp anh Châu Khải Địch,

Trưởng phòng Đặc công Quân khu, chỉ huy chung trận đánh sẽ hiểu rõ cụ thể nhiệm vụ".

Trận này, tôi được giao nhiệm vụ pháo kích bãi đỗ trực thăng, phối hợp với Tiểu đoàn Đặc công 407 do anh Tú, Tiểu đoàn trưởng chỉ huy đánh lính Ky binh bay (anh Tú sau này đã có thời gian làm chuyên gia ở Cu-ba và làm Phó tư lệnh Binh chủng Đặc công). Lần đầu tiên tôi được chỉ huy một cụm súng cối 8 khẩu và bắn những 320 viên đạn.

Ngày đầu tiên đi chuẩn bị chiến trường, chúng tôi gặp biệt kích địch rải truyền đơn dọc con suối. May mà kịp tránh, không bị lộ. Chúng tôi bám theo chúng trên đường trở về. Trên một ngọn đồi ở phía nam, chúng tôi quan sát rõ mồn một toàn cảnh hậu cứ của địch. Máy bay trực thăng đậu san sát như một đám chuẩn chuẩn lớn. Nhà dù đủ màu trắng, đỏ, vàng căng trên một vùng rộng bao la. Đèn điện như những ánh sao sáng rực khác nào một thị trấn nhỏ. Sở chỉ huy và quân lính ở sâu bên trong, cách hàng rào thứ nhất hơn 2km, ngoài tầm bắn pháo mang vác của ta.

Thâm nhập vào căn cứ địch là một việc vô cùng khó khăn. Nhưng thật may, trước tình hình tưởng chừng bế tắc, chúng tôi gặp được Nhon Chiu, một trung đội trưởng du kích là người địa phương, thuộc địa hình như lòng bàn tay. Sẵn lòng căm thù và rất dũng cảm, Nhon Chiu dẫn đặc công đi theo con suối cạn chạy dọc theo hẻm hai quả đồi là nơi địch sơ hở không bố trí quân.

Đặc công ta đã lên được đỉnh Hòn Cong và sờ được khẩu đại liên của địch. Đây là một niềm phấn khởi vô hạn. Vậy là, quân khu quyết định đánh!

Suốt tám đêm liên thức trắng, tôi huấn luyện anh em mới ở miền Bắc vào, thuần thục động tác bắn 3 tầm, 3 hướng trong ban đêm. Ban đêm rọi đèn pin kiểm tra, ban ngày thực luyện, động tác thao tác máy ngắm của pháo thủ nhuần nhuyễn đạt đến mức tối đa.

Một may mắn khác là ngày ấy theo thông lệ, Mặt trận Giải phóng tuyên bố thời gian ngừng bắn trong dịp Tết và thực hiện rất nghiêm chỉnh. Địch rất tin và thường say sưa ăn Tết, có phần lơ là cảnh giác. Vì vậy, ta quyết định chụp đầu đánh ngay, sau ngày hết hạn tuyên bố ngừng bắn, phối hợp với Đoàn Sao Vàng đang giao chiến với Sư đoàn Không vận số 1 ở bắc Bình Định.

Đêm hôm đó, đặc công tiếm nhập thuận lợi. Đến 22 giờ, tôi mới cho dàn trận. 8 khẩu cối đặt cách bờ rào thứ nhất của địch vài chục mét, mỗi khẩu cách nhau chừng mười, mười lăm mét trên một hàng ngang 80m. Đạn, ngòi nổ, liều thuốc đều đã chuẩn bị sẵn.

Qua 24 giờ vài phút, bỗng một ánh chớp lóe lên trên đỉnh Hòn Cong. Tôi hô to: "Bắn!". Tôi bàng hoàng trước những tiếng tum, tum của đạn thoát nòng liên hồi, những đường lửa không ngớt vạch cầu vồng trên bầu trời, những tiếng nổ ùng oàng không dứt của đạn rơi vào những đám cháy bùng lên trong bãi đỗ trực thăng. Tiếng súng, thủ pháo của đặc công nổ giòn vang dậy trên đỉnh Hòn Cong và trong tung thâm phòng ngự của địch.

Với mỗi khẩu cối đều bắn 3 tầm và 3 hướng sang trái, sang phải, 320 viên đạn cối của ta đã rải đều và chụp lên bãi đỗ trực thăng của địch. Chỉ trong 10 phút là bắn xong. Tôi lập tức cho rút quân. Cũng chừng mười phút sau, các pháo cỡ lớn của địch cũng trút đạn dồn dập vào khu vực sau lưng trận địa pháo của tôi. Nhưng tôi không rút lui theo hướng đột nhập từ tiền duyên và lui quân dọc theo bờ rào đi về phía nam, nên đơn vị không một ai bị thương vong. Khác với những trận chiến đấu trước, sau trận này, bầu trời im ắng, thanh bình suốt cả ngày. Cho đến chiều gần tối mới thấy hai trực thăng bay lượn quan sát. Tôi bị một trận sốt rét "thập tử nhất sinh", tưởng không qua được, phải đưa vào bệnh xá, chỉ kịp điện về báo cáo sư đoàn: Sân bay có nhiều đám cháy bốc cao.

Về đơn vị đặc công, có mấy mẩu chuyện thật xúc động, suốt đời tôi không quên. Mũi đặc công đánh trên đỉnh Hòn Cong tiêu diệt hoàn toàn trung đội địch, phá hủy trung tâm thông tin chỉ huy bay, được lệnh trụ lại, đánh bởi địch một cú nữa, chúng càng khiếp đảm. Cả tổ nấp ở một hang đá nhỏ, không may bị trực thăng quan sát đổ quân chiếm lại bắn vu vơ, đều bị thương. Biết không sống được và không thể trở về, anh em đã chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều lính Mỹ và tất cả đều hy sinh.

Do đánh vào quá sâu trong tung thâm, bị lạc hướng, có anh em không ra kịp khi trời đã sáng. Một chiến sĩ ta bị thương nặng (tôi không nhớ tên) đã nấp kín dưới một hố nhỏ rậm rịt, địch không phát hiện được. Anh kể lại: Mũi trưởng Lý chiếm lĩnh một đỉnh đồi, gom hết vũ khí, lựu đạn thu được của địch, chuẩn bị chiến đấu. Một trung đội lính Mỹ lùng sục kéo lên. Đợi địch đến gần, Lý quét tiểu liên ngã gục nhiều tên. Lý di

chuyển qua lại đánh trả quyết liệt, tiêu diệt những tổ lính Mỹ và anh đã trúng đạn hy sinh. Lính Mỹ tưởng ta có nhiều người, xông lên bắt sống, nhưng chỉ thấy có một mình trung đội trưởng Lý. Chúng nó lấy một tấm vải dù đỏ đắp lên mình anh. Và có những tên Mỹ bỗng đứng đứng nghiêm gơ tay chào. Có lẽ chỉ những chiến đấu viên trên chiến trường mới hiểu rõ và vô cùng cảm phục tinh thần dũng cảm của người lính.

Còn người chiến sĩ bị thương, đêm đó đã bò ra khỏi hàng rào của địch và suốt 5 đêm ngày liếm sương, ẩn nấp, nhắm hướng tây bò lết. Đến ngày thứ 5, anh kiệt sức, bất tỉnh, may mắn được đồng bào nhìn thấy khiêng vào bệnh xá và được cứu sống. Anh đã kể cho tôi nghe câu chuyện của mũi trưởng Lý, khiến tôi rung rung nước mắt.

Hơn 20 ngày sau trận đánh sân bay Tân Tạo và hậu cứ Sư đoàn Ky binh bay, tôi mới về lại sở chỉ huy của sư đoàn. Một buổi trưa, có liên lạc cho gọi tôi sang gặp Tư lệnh Sư đoàn. Tôi hơi lo lắng không biết việc gì sẽ xảy ra. Không ngờ lại được Sư trưởng Giáp Văn Cương và Chính ủy Sư đoàn Đặng Hòa mời ăn cơm trưa. Sư đoàn trưởng Giáp Văn Cương biểu dương tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và cho biết theo tin cơ sở bên trong ta báo, thì đơn vị tôi đã bắn cháy và phá hủy 97 trực thăng, Tiểu đoàn Đặc công 407 diệt 500 lính Ky binh bay, làm tê liệt hoạt động của lữ đoàn dự bị ở hậu cứ của địch.

Tiếp đó, một niềm vui khác lại đến với tôi. Tôi được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba về thành tích trận đánh này.

Ở phía trước, Đoàn Sao Vàng giáp chiến với 2 vạn quân Mỹ và Nam Triều Tiên, 500 máy bay, hàng chục tiểu đoàn thiết giáp, pháo binh trong 3 cuộc hành quân "Cái chày" ở huyện Hoài Nhơn, "Cánh trắng" ở huyện An Lão, "Ngựa đen" ở huyện Hoài Ân, đã tiêu diệt 7.480 tên địch, trong đó có gần 4000 tên Mỹ, 330 lính Nam Triều Tiên, bắn rơi, phá hủy 187 máy bay, bắn cháy 29 xe quân sự, 6 khẩu pháo 105, 155mm. Nếu tính cả lực lượng địa phương, con số địch bị tiêu diệt lên tới ngót một vạn tên, 336 máy bay bị bắn rơi và phá hủy.

Bình luận về chiến thắng của quân dân bắc Bình Định ngày ấy, Báo Quân đội nhân dân viết: "Chiến thắng vang dội ở bắc Bình Định là trận chống càn lớn nhất, và cũng là trận tiêu diệt nhiều quân Mỹ nhất, bắn rơi nhiều máy bay nhất từ trước tới nay. Ta không chỉ đánh từng trận, từng

đợt, từng đơn vị lẻ tẻ, rời rạc mà đã đánh theo chiến dịch quy mô toàn diện, liên tục, không chỉ đánh từng trung đoàn mà có trận đánh với quy mô sư đoàn... Ta không chỉ có đánh phía trước mà đánh cả phía sau hậu cứ an toàn của chúng...".

Như chúng ta đã biết, Sư đoàn Kỵ binh bay có hơn một vạn quân, 455 máy bay. Mỗi đại đội có 180 lính được trang bị tiểu liên cực nhanh AR 15 và súng cối cá nhân M79. Đây là đơn vị hiện đại bậc nhất, có sức cơ động nhanh nhất, có cả trực thăng cần cẩu để cẩu pháo 105mm bay trên bầu trời cùng hành quân với lính Kỵ binh bay. Ki-na, viên tướng hai sao chỉ huy Sư đoàn Kỵ binh bay trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, đã từng tham gia quân đồng minh Anh-Mỹ đổ bộ lên bờ biển Noóc-măng-di của Pháp (3-6-1944) và được phong quân hàm đại tá lúc 24 tuổi. Thế nhưng, trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất 1965-1966, với ba cuộc hành quân "Cái chày", "Cánh trắng", "Ngựa đen" thất bại, Ki-na "đã để mất một phần ba quân số và 75% trực thăng được trang bị" nên đã bị cách chức.

Ngày xưa, ngựa quân Nguyễn Mông đã từng tung hoành ở một số nước tận trời Âu nhưng đã quy gối ngà gục trên đất nước ta. Ngày nay, Kỵ binh bay của quân đội Mỹ cũng đã gãy cánh ở Việt Nam.

Chiến thắng của quân dân ta nói chung và Đoàn Sao Vàng nói riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã để lại cho chúng ta hôm nay và mai sau một bài học lớn vẫn giữ nguyên giá trị thời sự và ý nghĩa thực hiện của nó, đó là: Dám đánh, biết đánh và sẽ chiến thắng bất cứ kẻ thù nào.

Hồ Ngọc Sơn (Báo Quân đội nhân dân)

TRẬN PHẢN KÍCH Ở ĐÈO NHÔNG

Rạng sáng ngày mùng 5 Tết Ất Tỵ (1965), lực lượng chủ công của Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn An Lão, Đoàn Sao Vàng cùng bộ đội địa phương huyện Phù Mỹ (tỉnh Bình Định) bí mật, bất ngờ đánh đồn Dương Liễu. Trong khoảng 10 phút, ta đã làm chủ trận địa, tiêu diệt gần 200 tên địch, thu 170 súng và quân dụng các loại. Giải phóng đồn Dương Liễu, ta đã uy hiếp được tuyến phòng thủ của địch dọc đường số 1 ở phía bắc Bình Định.

Đồn Dương Liễu là vị trí quan trọng, nên ta nhận định địch sẽ đưa quân lên tái chiếm, trên đường hành quân sẽ phải qua đèo Nhông. Trung đoàn An Lão đã bố trí Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3 phục kích tại khu vực này.

Hai ngày sau, địch điều 2 tiểu đoàn cùng 2 chi đội xe bọc thép M113 có cả pháo binh và máy bay chiến đấu yểm trợ theo đường số 1 từ quận lỵ Phù Mỹ tiến ra tái chiếm đồn Dương Liễu. Trên đường đến đèo Nhông, địch đã trình sát kị, ném bom và bắn phá ác liệt dọc hai bên đường, nhưng vẫn không phát hiện được vị trí ta trú quân. Khi đội hình địch vào trận địa phục kích của ta tại đèo Nhông, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3 đồng loạt nổ súng. Tuy bị đánh bất ngờ, nhưng với số đông, vũ khí mạnh, địch chống trả quyết liệt. Pháo địch và máy bay địch ném bom vào trận địa. Cán bộ, chiến sĩ ta đã dũng cảm, mưu trí áp sát đội hình địch, tránh thương vong, đồng thời sử dụng chiến thuật đánh giáp lá cà với địch. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, bộ đội ta hoàn toàn làm chủ trận địa, số quân địch bị tiêu diệt lên tới 700 tên, xóa sổ hoàn toàn 2 chi đội xe bọc thép M113 của địch.

Chiến thắng Dương Liễu, đèo Nhông đã cổ vũ lực lượng vũ trang huyện Phù Mỹ (tỉnh Bình Định) nổi dậy phá ấp chiến lược và ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở các địa phương, góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam.

Tố Văn (Báo Quân đội nhân dân)

ĐẶNG MINH NHUẬN VÀ TRẬN ẤP BẮC

Trận Ấp Bắc đã có tiếng vang cả nước và trên thế giới. Theo dòng lịch sử, có người hỏi, người chỉ huy trận đánh nổi tiếng đó là ai, nhất là thế hệ trẻ tìm hiểu tên, họ quê quán người anh hùng để tri ân người đã làm rạng danh truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Trong bài này chỉ đề cập một phần của một mũi chiến đấu của Đại đội 1, do Đặng Minh Nhuận chỉ huy, phản ánh từ hai phía để suy nghĩ và "quyển nhật ký" của người Đại đội trưởng để lại là một di sản quý, tuổi trẻ yêu nước với lý tưởng hoài bão lớn không thể không biết đến.

Trận Ấp Bắc

Với phương tiện tạo sức cơ động nhanh, sức tấn công ác liệt, hai năm 1961 - 1962, Mỹ - ngụy đã giành thế chủ động một số chiến trường. Mỹ đã huênh hoang với những chiến thuật tân kỳ "trục thẳng vận", "thiết

xa vận”, “bủa lưới phóng lao”, “phượng hoàng vô môi”... Chúng sẽ làm chủ mặt đất, mặt nước và trên không. Từ “uy lực vô biên” này đã gây chiến tranh tâm lý. Không ít người quan tâm đến thời cuộc với tư tưởng “băn khoăn, lo lắng”. Câu hỏi đặt ra là “Làm sao đối đầu với Mỹ - nguy và đánh thắng Mỹ - nguy với thiết bị và vũ khí trang bị đến tận răng như thế?”.

Suốt năm 1962, Mỹ - nguy gấp rút triển khai kế hoạch Staley - Taylor nhằm giành toàn thắng trong vòng 18 tháng với hai biện pháp chủ yếu. Một là lập áp chiến lược dồn dân, vừa thanh lọc tiêu diệt người yêu nước, hai là dùng vũ khí tối tân ra sức càn quét tiêu diệt lực lượng quân sự, đặc biệt là bóp chết du kích chiến, sẵn sàng lập nhà tù “thà tù đầy lăm hơn thả lăm”. Ý đồ chúng giành toàn thắng vào năm 1963.

Từ âm mưu dó của địch, ta cũng kịp thời qua thực tế rút ra một số kinh nghiệm: muốn tiêu diệt địch thì phải giữ mình. Muốn tấn công thì phải biết cách phòng ngự. Ở bất cứ địa hình nào, để tồn tại trước hỏa lực địch phải có công sự chiến đấu hồ cá nhân và hào tập thể. Địa hình trống trải, chiến đấu không thoát ly công sự, không để lộ đội hình, dũng cảm đánh địch ban ngày và cơ động ban đêm, linh hoạt sáng tạo, bình tĩnh xử lý mọi tình huống. Lòng dũng cảm, mưu trí, thông minh, ý chí cách mạng của con người quyết định chứ không phải vũ khí, phương tiện quyết định (như đế quốc Mỹ lăm tưởng).

Trận Ấp Bắc là nơi đối đầu lịch sử. Cả hai bên gặp nhau tại điểm hẹn nhưng lực lượng không cân xứng.

Bên địch có 3 tiểu đoàn - Sư 7 bộ binh - Vùng 4 chiến thuật, do Tư lệnh Sư đoàn - Đại tá Bùi Đình Đạm - chỉ huy, Chiến đoàn Bảo an do Thiếu tá Tỉnh trưởng Định Tường Lâm Quang Thơ chỉ huy. Một tiểu đoàn dù thuộc Bộ Tổng Tham mưu nguy, hai trung đội biệt kích, 3 tàu chiến, một chi đoàn xe thiết giáp M.113 chở quân đột phá, 15 máy bay trực thăng đổ quân, 7 máy bay vận tải quân dù (C.123), 5 trực thăng vũ trang, 8 máy bay ném bom, 4 trinh sát L.19, hàng chục pháo 105 ly yểm trợ hành quân.

Chỉ huy tổng hợp cấp Sư đoàn có Đại tá Bùi Đình Đạm, cố vấn cao cấp Sư đoàn - Trung tá John Paul Vann và nhiều cố vấn chuyên môn khác. Sau còn có thêm Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao - Tư lệnh Vùng 4 chiến

thuật, Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm - Tham mưu trưởng Liên quân ngay đến tham chiến.

Bên ta, tương đương một tiểu đoàn ghép hoàn chỉnh, gồm một đại đội chủ lực Quân khu 8 do Đặng Minh Nhuận - Trung úy, Đại đội trưởng - chỉ huy, một đại đội địa phương quân Mỹ Tho, một trung đội địa phương quận Châu Thành, một trung đội công binh tinh và du kích 3 xã Tân Phú, Tân Hội, Diêm Hy.

Trong Ban chỉ huy, Chỉ huy trưởng là đồng chí Hai Hoàng - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 261, Quân khu 8, Đặng Minh Nhuận - Đại đội trưởng Đại đội 1 (của D.261), Phạm Văn Thư - CTV Đại đội 1 và một số đồng chí khác.

Nhật ký của Đặng Minh Nhuận ghi lại: Sáng ngày 2/1/1963, mặt trận tại Ấp Bắc (xã Tân Phú - Mỹ Tho) diễn ra trận đánh suốt từ 6 giờ sáng đến 8 giờ tối, chiến đấu suốt 14 tiếng đồng hồ, phải chủ động mở 5 đợt tiến công.

Ở mũi Đại đội 1, Đặng Minh Nhuận chỉ huy. Nhật ký ghi:

6 giờ sáng, địch đổ quân với 15 trực thăng ngay đội hình Trung đội 3. Trung đội 3 nổ súng. Địch ngoài đồng cố bám bờ ruộng kháng cự, địch nằm chết dí. Lại đổ quân cánh đồng phía sau lưng Trung đội 3. Pháo bắn bừa bãi vào chân vườn.

Tin tức động viên sẵn sàng tiếp tục chiến đấu.

9 giờ, địch củng cố đội ngũ, tấn công tập trung vào Trung đội 3. Tôi đến bên đồng chí bắn khẩu đại liên, lệnh truyền kiên quyết hạ trực thăng. Vì sương mù, trực thăng phải bay vòng rồi mới đáp.

- Bắn!

Tất cả các loại súng đều ngắm đoàn "Phụng Hoàng" (trực thăng) nhà đạn. Một chiếc CH21 nhào liền tại chỗ. Cả đoàn trực thăng như ong vỡ tổ, 5 chiếc HU1A trúng đạn. Địch trút 2 trung đội xuống cánh đồng. Vừa lúc ấy, ở xóm Bàn Rô - đồng Cà Dăm, máy bay trực thăng bốc cháy, khói mù mịt. Súng cối ta bắn vào đội hình địch vừa đổ quân, lớp chết lớp bị thương. Chúng cố bám bờ ruộng. Chiếc L.19 quan sát chỉ điểm, 2 khu trục, 5 HU1A bay xối đạn đại liên hỏa tiễn vào trận địa. Có một tân binh súng bị kẹt đạn. Tôi lấy khẩu trường Mas chỉ cách bắn tía cho đồng chí ấy.

Tôi nhả đạn. Một chiếc HU1A chúc đầu xuống. Nó xịt khói, bốc cháy. Đồng chí tân binh cười rất tươi.

Trên trời, 2 khu trục, một L.19 công kích hướng đại liên bắn cháy hai chiếc trực thăng. Pháo địch từ Long Định, Cai Lậy dội vào như mưa.

Khẩu cối hết đạn, rút về phía sau, súng trường ở lại. Điều Tiểu đội 1 lên xung phong bắn trực thăng. Địch rút lui ra giữa đồng.

10 giờ. Sau hồi bắn tĩa, ta tổ chức tập trung diệt hai ổ đại liên địch. Trung đội 2, 3 bị địch đánh bom ác liệt. Khẩu trung liên hết đạn. Tôi lệnh cho đạn tiếp tế. Đồng chí Hương - CTV Trung đội 3, Hải - Tiểu đội trưởng, Dũng - trinh sát bị thương.

- Động viên trạm cứu thương. Đưa số bị thương ra tuyến sau tránh phi pháo.

Mặt đất rung chuyển như thuyền trên sóng. Lửa napal cháy. Các dân công đến hỏi thăm, tiếp đạn.

- Chúng tôi kiên quyết chặn địch suốt ngày, không để chúng mở mũi vào - Các mẹ, các chị tiếp tế lương thực trong bom đạn.

Một L.19, hai khu trục, hai B26 cùng pháo liên tiếp trút bom đạn.

Địch củng cố một trung đội, thấy tôi, bắn tĩa, may kịp thời tránh khỏi. "Phải diệt chúng nó!". Tôi lấy khẩu garant kê lên bệ tỳ. Súng bốc khói. Tên giặc đi đầu ngã lãn. Phát đạn có tác dụng "một viên đạn, một quân thù!".

11 giờ 30, xe lội nước M113 lấp ló trong trận địa.

Trung đội 2, Trung đội 3 chưa về kịp. Ba lần pháo trinh sát kêu, nhưng bị địch đánh bom chia cắt, chưa về được.

Tiểu đội 1 bám công sự, chuẩn bị trom long, thủ pháo đánh xe lội nước M113.

Khẩu lệnh: "Kiên quyết giữ vững trận địa! Chết nằm tại chỗ, không lùi bước! Có chết cũng phải ngoảnh mặt về phía quân thù!".

Khẩu lệnh truyền động viên tinh thần quyết chiến quyết thắng.

Lúc mưa bom bão đạn, cứ qua mỗi đợt, các đồng chí hỏi anh Bảy đâu rồi, anh Bảy có sao không? Thực ra, tôi không có công sự, chạy tới chạy lui động viên anh em. Nếu đứng một chỗ chắc bị lia đời.

12 giờ, Trung đội 2 về tới trận địa, tiếp tục chiến đấu. Trung đội địa phương quân, trước ác liệt, tên Đức hèn nhất bỏ đội hình chạy mất.

Lực lượng trong tay tôi chỉ còn một nửa. Cùng cố đội ngũ. Cho trinh sát báo cáo với Tiểu đoàn trưởng quyết tâm Đại đội 1 : “Còn một người cũng giữ vững trận địa!”.

Với lực lượng còn lại, cùng cố, nơi nào bị uy hiếp nặng, điều nơi khác đến bổ sung. Có khi một khẩu súng trường cũng tận dụng hết sức quý giá!

CHIẾN THẮNG ẤP BẮC CÓ Ý NGHĨA ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NHÂN DÂN CUBA

Chiến thắng Ấp Bắc (ngày 2/1/1963) đã ghi dấu son chói lọi vào trang sử đấu tranh của dân tộc, làm chấn động toàn cầu. Sau Chiến thắng Ấp Bắc, Nhà nước Cuba đã tặng cho Tiểu đoàn 261 lá cờ Giron và chọn 1 làng đặt tên là Ấp Bắc để đánh dấu sự kiện lịch sử quan trọng có mối tương đồng của 2 dân tộc. Nhân kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Ấp Bắc, ngài Gabriel Pérez Tarrau, Tổng Lãnh sự Cuba chia sẻ với Báo Ấp Bắc về sự kiện trọng đại này.

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa to lớn

Những thắng lợi của quá trình cách mạng ở 2 nước được thể hiện và phát triển trong cùng một bối cảnh lịch sử, được đánh dấu bởi cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa thực dân và khát vọng của người dân về một nền độc lập đích thực.

Độc lập chủ quyền quốc gia được hiểu như là một điều kiện cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng và thịnh vượng. 2 dân tộc chúng ta đã trải qua và luôn cùng nhau chia sẻ những khát vọng đó và chúng ta đã chứng minh được khả năng chiến đấu kiên cường đáng ngưỡng mộ trước kẻ thù hùng mạnh về quân sự.

Sự giống nhau về quá trình cách mạng giữa 2 nước còn được thể hiện ở việc là cả 2 chúng ta cùng có chung lý tưởng về độc lập chủ quyền quốc gia, công bằng xã hội. Cả 2 cùng giương cao ngọn cờ của Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa quốc tế. Cả hai chúng ta được biết đến vì tình đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, cũng như cùng mong muốn một cuộc sống yên bình, thịnh vượng cho người dân.

Để bảo đảm cho con đường cách mạng ở mỗi nước, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Cuba đã giữ vững vai trò lãnh đạo của mình. Đảng có vai trò tiên phong, cũng như gìn giữ truyền thống cách mạng của

dân tộc, tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, công lý và hòa bình cho các thế mai sau.

Phóng viên (PV): *Thưa ngài Tổng lãnh sự, xin ngài cho biết Chiến thắng Ấp Bắc đã tác động đến nhân dân Cuba như thế nào?*

Ngài Gabriel Pérez Tarrau: Chiến thắng lịch sử Ấp Bắc trước quân đội Mỹ - ngụy là một chiến thắng có ý nghĩa rất lớn về mặt chính trị và quân sự, có ý nghĩa đặc biệt đối với nhân dân Cuba. Trận chiến Ấp Bắc đã diễn ra trong những ngày nhân dân Cuba kỷ niệm lần thứ 4 Thắng lợi của cuộc cách mạng do đồng chí Fidel Castro lãnh đạo. Và trong 4 năm đó, cấu trúc của sự thống trị đã bị sụp đổ, vì từ năm 1898, Hoa Kỳ đã triển khai kế hoạch ở đất nước của chúng tôi.

Vì vậy, nhân dân Cuba đã phải đối mặt với sự thù nghịch của giới cầm quyền Mỹ, điều này được thể hiện trong hành động như cuộc tấn công của lính đánh thuê ở Playa Giron, được thực hiện dưới sự tài trợ vũ trang của các băng nhóm phản cách mạng và của các tổ chức khủng bố. Giới cầm quyền Mỹ dùng cấm vận về kinh tế cùng với các kế hoạch nham hiểm để tạo ra sự cố và dùng sự cố đó như là một lý do để nước Mỹ trực tiếp chống lại Cuba.

Các kế hoạch này đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, là khởi đầu cho cuộc khủng hoảng nguy hiểm nhất mà nhân loại đã biết đó là: Cuộc khủng hoảng tháng 10 năm 1962, còn được gọi là “cuộc khủng hoảng tên lửa” hay “Cuộc khủng hoảng Caribbean”. Chỉ hơn 2 tháng sau đó, ở đầu kia của thế giới, Chiến thắng Ấp Bắc đã đưa ra bằng chứng có giá trị trên toàn thế giới để chứng minh rằng các lực lượng phản động không phải bất khả chiến bại.

Và đồng chí Fidel Castro đã từng nói: “... Khi chúng tôi nói vì Việt Nam chúng tôi sẵn sàng hiến dâng máu của mình, chúng tôi nghĩ rằng điều đó cũng không có gì quá lớn lao... Nhân dân Việt Nam đã hy sinh xương máu của chính mình cho chúng tôi và các dân tộc khác...”

Bất kỳ dân tộc nào đã và đang sẵn sàng chiến đấu chống lại những bất công đều biết rõ rằng sau kinh nghiệm của Việt Nam đã cho thấy không chỉ có ý chí kiên cường, bất khuất, không chỉ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, mà còn có ý chí cùng lòng tin vững chắc và chiến đấu đến khi giành thắng lợi...

Người Việt Nam làm chúng ta nhớ đến những điều tốt đẹp nhất của nhân loại, làm cho chúng ta nhớ đến những điều xứng đáng nhất, vinh quang nhất, vị tha nhất và anh hùng nhất. Đó là những điều tuyệt vời nhất mà có thể lấp đầy trong trái tim một con người”.

PV: *Ngài Tổng lãnh sự cũng đã về thăm di tích Chiến thắng Ấp Bắc. Cảm xúc của ngài như thế nào khi về lại nơi đã từng diễn ra trận đánh đi vào lịch sử của Việt Nam và tạo nên tiếng vang trên thế giới?*

Ngài Gabriel Pérez Tarrau: Khi đến thăm địa điểm lịch sử này, được viếng Đài tưởng niệm những người chiến sĩ đã hy sinh vì đất nước và tham quan Bảo tàng Chiến thắng Ấp Bắc như là một Bảo tàng chứng tích chiến tranh lưu giữ những di vật cũng như hình ảnh quan trọng về trận chiến lịch sử đó đã làm tôi tái khẳng định niềm tin rằng Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam luôn hiểu được ý nghĩa đáng trân trọng và tự hào trong lịch sử để làm nền tảng cho sự hình thành và phát triển của các thế hệ sau.

Các bạn luôn hiểu rằng: Sự ghi nhớ quá trình lịch sử đó là một vũ khí không thể thiếu trong việc bảo vệ độc lập tự do Tổ quốc.

Quá trình hoàn thành khát vọng của Bác

PV: *Thưa ngài Tổng lãnh sự, ngài đánh giá như thế nào về sự phát triển của Việt Nam nói chung và của Tiền Giang nói riêng sau 37 năm giải phóng thống nhất đất nước?*

Ngài Gabriel Pérez Tarrau: Sự tiến bộ của Việt Nam trên con đường phát triển kinh tế - xã hội là minh chứng rõ nhất cho những phẩm chất đặc trưng của dân tộc Việt Nam: chăm chỉ, kiên cường, thông minh và không ngừng học hỏi để phát triển.

Ở tất cả các mặt, điều được đánh giá cao nhất là quá trình hoàn thành khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người lãnh tụ vĩ đại mà chúng ta không thể nào quên, là xây dựng được một Việt Nam “gấp mười lần tươi đẹp hơn”.

Về mặt quốc gia, cũng như các tỉnh, thành khác bao gồm tỉnh Tiền Giang thì tỷ lệ tăng trưởng luôn được giữ ở mức cao hơn nhiều so với các nước khác, bất chấp những thách thức và mối đe dọa phát sinh từ những thay đổi bất thường của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn toàn cầu hóa.

Tuy hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết, nhiều hạn chế cần loại bỏ, nhiều thách thức phải đối mặt, nhưng kinh nghiệm đã đạt được trong việc phát triển mô hình kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra một nền tảng và cơ sở rất tốt cho sự tiến bộ hơn nữa trong tương lai.

PV: *Thưa ngài, với vai trò là Tổng lãnh sự, trong thời gian tới, ngài sẽ làm gì để thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Cuba và Việt Nam nói chung và giữa Cuba với Tiền Giang nói riêng?*

Ngài Gabriel Pérez Tarrau: Việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa Cuba và Việt Nam, theo ý kiến của tôi thì cần thiết phải nắm rõ về thực trạng kinh tế - xã hội của mỗi nước khi các tổ chức, các công ty quan tâm đến thị trường đó.

Có nghĩa là, phải xác định các cơ hội đầu tư và xúc tiến thương mại trong bối cảnh đặc biệt mà mối quan hệ giữa 2 nước đã, đang và luôn phát triển. Những điều cần thiết đó bây giờ đã nhìn thấy rõ hơn, kể từ khi bắt đầu quá trình cập nhật mô hình kinh tế ở Cuba, và một trong những việc của quá trình cập nhật mô hình kinh tế có việc giải phóng lực lượng sản xuất.

Khi tôi nói về “bối cảnh đặc biệt” ở đây là tôi đề cập đến tình cảm anh em đặc biệt trong quan hệ song phương giữa 2 nước đã, đang và luôn phát triển. Một trong những mặt của bối cảnh đó chính là sự tự nguyện một cách độc lập cùng những mong muốn tốt đẹp, tuy còn phải kể đến khoảng cách địa lý xa xôi giữa 2 nước chúng ta, dù điều này tạo ra một số khó khăn trong việc giao dịch và trao đổi.

Và hơn nữa, còn tùy thuộc vào bối cảnh chính trị được thể hiện trong sự ương ngạnh không chịu thấu hiểu của chính quyền Washington trong việc duy trì chính sách cấm vận và bức hại kinh tế đối với đất nước chúng tôi qua những việc tuyên truyền không đúng sự thật cũng như tấn công trên các phương tiện truyền thông.

Về cả 2 mặt trên, tuy còn nhiều cản trở và hạn chế, nhưng tôi nghĩ rằng vẫn luôn có triển vọng thực sự cho việc thúc đẩy hợp tác giữa Cuba và Việt Nam, bao gồm cả tỉnh Tiền Giang.

PV: *Xin cảm ơn ngài!*

Nguyễn Chương (Báo Ấp Bắc)

NÚI THÀNH - TRẬN ĐẦU ĐÁNH MỸ

Đến đầu năm 1965, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta leo thang lên một bước mới, chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, xuất con chủ bài quân viễn chinh xâm lược Mỹ, từng bước phản công hòng giành lại quyền chủ động, giành thắng lợi quyết định về chiến lược. Lúc này, vấn đề nóng bỏng và bức thiết nhất được đặt ra là: *quân và dân ta liệu có khả năng đánh được quân viễn chinh Mỹ không? Đánh Mỹ và thắng Mỹ bằng cách nào?*

Trên chiến trường Quảng Nam, sau khi quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, Tỉnh uỷ, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Quảng Nam nhận được thông báo của Bộ Tư lệnh Quân khu V về tình hình chiến sự và dự kiến cửa biển An Hoà là một trong những địa điểm Mỹ có thể đổ quân. Quân khu chỉ thị cho Tỉnh phải chuẩn bị tư tưởng cho các lực lượng vũ trang với tinh thần sẵn sàng cao nhất để đánh Mỹ. Ngày 7 tháng 5 năm 1965, Bộ Tư lệnh Quân khu V giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy Tỉnh đội Quảng Nam, phải nhanh chóng phát động chuyển tư tưởng bộ đội, du kích từ đánh nguy sang đánh cả nguy lẫn Mỹ. Tổ chức lực lượng hình thành vành đai bao vây, tiêu hao, tiêu diệt quân Mỹ ở khu vực Kỳ Liên, Kỳ Hà; hạn chế không cho chúng phát triển nhanh ra vùng giải phóng. Trước mắt quyết diệt gọn cho được một đại đội lính Mỹ. Mục tiêu đánh, đơn vị thực hành trận đánh do Tỉnh lựa chọn, quyết định.

Quán triệt nhiệm vụ trên giao, Tỉnh đội Quảng Nam đã chọn đại đội lính thuỷ đánh bộ Mỹ chốt giữ núi Thành làm mục tiêu tiên công.

Núi Thành thực chất là một quả đồi dài 1.250 m, rộng 60 m, có hai mỏm chính: mỏm đông cao 50 m, mỏm tây cao 49 m. Hai mỏm đông, tây cách nhau 500m bởi một "yên ngựa". Núi Thành có độ dốc thoải, đất đá, cây cối lúp xúp ngang ngực, xen kẽ nhiều loại dây leo chằng chịt. Sáng ngày 17 tháng 5 năm 1965, quân Mỹ càn quét lên vùng giải phóng của ta ở phía tây xã Kỳ Liên và chiếm giữ núi Thành. Đây là vị trí có tầm quan sát xa, khống chế rộng 3 xã Kỳ Sanh, Kỳ Liên, Kỳ Khương và một số điểm chốt khác trong dãy núi rừng cửa làm thành hệ thống chốt tiền tiêu bảo vệ cho sân bay Chu Lai, cảng Kỳ Hà, kiểm soát quốc lộ Số 1, đoạn từ An Tân đến dốc Sỏi. Đại đội lính thuỷ đánh bộ Mỹ chốt giữ núi Thành có 140 tên, chia làm 3 cụm chốt. Cụm chốt điểm cao 50 có ban chỉ huy đại đội

và hai trung đội (thiếu 1 tiểu đội), có trận địa súng ĐKZ 75mm, trận địa súng cối 81mm. Cụm chốt điểm cao 49 có một trung đội, một trận địa súng ĐKZ 75 mm. Cụm chốt ở mỏm phụ ở phía bắc đồi 50 có một tiểu đội. Trang bị chủ yếu của quân Mỹ ở đây là súng đại liên M60, phóng lựu 79, súng Gơ - răng M2 và lựu đạn M26. Trận địa chốt của chúng được bố trí theo kiểu hình vòng bậc thang từ thấp lên cao; các cứ điểm, trận địa bên trong có thể chi viện các trận địa vòng ngoài bằng cả lực lượng và hỏa lực. Chiến hào của chúng sâu đến thất lưng, xen kẽ có các công sự. Ban ngày, chúng căng bạt che nắng, ban đêm dỡ ra. Giữa các công sự dọc chiến hào là các hố cá nhân. Cách chiến hào ngoài cùng khoảng 5m, chúng rải một lớp rào kẽm gai bùng nhùng xen kẽ trong những bụi gai tạo nên vật cản khiến quân ta khó tiếp cận. Đóng quân trên núi Thành, quân Mỹ không lùng sục, tuần tra rộng mà chỉ trong phạm vi phía trong rào kẽm gai. Ban ngày, chúng dùng ống nhòm để quan sát, nếu phát hiện được mục tiêu hoặc nghi ngờ thì gọi máy bay, pháo binh bắn phá, hoặc dùng súng ĐKZ, súng cối bắn vào mục tiêu. Ban đêm, chúng ở yên trong các công sự, canh gác tại chỗ, tránh phát ra tiếng động, không bắn pháo sáng nhằm để phòng trình sát của ta xác định thế phòng ngự và chi tiết phòng ngự. Mọi sinh hoạt từ cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống đến vũ khí, trang bị..., chúng đều dựa vào máy bay trực thăng.

Qua quá trình theo dõi, trinh sát nắm chắc các quy luật hoạt động của quân Mỹ, ta rút ra kết luận: *quân Mỹ tuy đông, hỏa lực mạnh, chốt giữ trên điểm cao có rào kẽm gai, công sự bố trí nhiều tầng để hỗ trợ nhau, có pháo binh, không quân sẵn sàng chi viện... nhưng điểm yếu vẫn là cơ bản. Đây là, linh thủy đánh bộ Mỹ mới đến chiến trường Việt Nam, còn nhiều bỡ ngỡ. Chúng được huấn luyện tốt về đổ bộ đánh chiếm đầu cầu trong chiến tranh hiện đại, nay bị đẩy lên chốt giữ điểm cao là trái sở trường, lại phải đối phó với chiến tranh nhân dân rộng khắp của ta nên bị động. Công sự, vật cản dã chiến của chúng đã đơn giản lại nằm sâu trong vùng đất giải phóng của ta nên dễ bị cô lập, chia cắt. Nếu ban đêm, ta dùng lực lượng tinh nhuệ, có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, bất ngờ tiến công, đánh gần, đánh nhanh thì có thể hạn chế được sức mạnh hỏa lực của địch, kể cả pháo binh và không quân, nhất là chúng không thể dùng xe tăng, bộ binh ứng cứu trong đêm tối. Từ phân tích, đánh giá về*

dịch và căn cứ vào khả năng, trình độ tác chiến tập trung của các đơn vị, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Quảng Nam quyết định sử dụng Đại đội 2, tiểu đoàn 70, có tăng cường Phân đội đặc công V.16, làm lực lượng chủ công trong trận đánh Mỹ ở núi Thành. Phương án tác chiến là sử dụng chiến thuật đặc công hoá, bộ đội bí mật tiếm nhập, khắc phục vật cản, áp sát mục tiêu, hình thành thế bao vây, bất ngờ đồng loạt nổ súng; đánh gần bằng lựu đạn, thủ pháo, tiểu liên, kiên quyết thọc sâu vào tung thâm, phát triển chia cắt từng cụm quân địch, từng đoạn chiến hào để tiêu diệt, không cho địch co cụm chống trả.

Sau một thời gian ngắn gấp rút huấn luyện bổ sung và làm công tác chuẩn bị, sáng 25 tháng 5 năm 1965, tại thôn 2, xã Kỳ Thanh, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Đại đội 2 và Phân đội đặc công V.16 làm lễ xuất quân đánh Mỹ. đồng chí Hoàng Minh Thắng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Chính trị viên Tỉnh đội Quảng Nam tham dự lễ giao nhiệm vụ đánh Mỹ cho đơn vị và trao lá cờ **Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược** của Đảng bộ Tỉnh cho Đại đội trưởng Võ Thành Nam, để cắm lên núi Thành vào giờ phút chiến thắng.

Đúng 0 giờ 30 ngày 26-5-1965, Đại đội 2 và Phân đội đặc công V16 đã nổ súng tiến công quân Mỹ ở núi Thành. Trận đánh diễn ra trong vòng 30 phút. Với cách đánh thích hợp, tiến công bất ngờ và tinh thần chiến đấu ngoan cường, cán bộ, chiến sĩ ta đã lập nên chiến công vang dội: tiêu diệt gọn Đại đội 2, thuộc Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ, thu 14 súng, phá huỷ 2 súng ĐKZ 75mm, 1súng cối 81mm, 3 máy thông tin vô tuyến và nhiều trang thiết bị chiến tranh khác. Đây là đòn phủ đầu choáng váng không những đối với Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ đóng ở căn cứ Chu Lai, mà còn là nỗi sợ hãi chung của sĩ quan, binh sĩ Mỹ mới chân ướt, chân ráo nhảy vào tham chiến trên chiến trường miền Nam.

Hà Thành (Báo Quân đội nhân dân online)

CHIẾN DỊCH SẠ THẦY: TÀI ĐIỀU DỊCH CỦA TƯỚNG LÍNH VIỆT

Nhữ “cóc” vào rọ

Từ khi tiến hành chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, quân đội Mỹ đã rất ưa thích sử dụng chiến thuật “Trục thẳng vận”. Mỗi khi phát hiện nơi tập trung lực lượng quân sự của ta, lính Mỹ cùng với cả vũ khí hạng

nặng liền được trực thăng chở thẳng từ căn cứ tới ngay khu vực đó. Quân Mỹ thường đổ quân xuống sau lưng đội hình quân ta để đánh bọc hậu. Chiến thuật này được Mỹ gọi là trực thăng vận còn phía ta quen gọi là kiểu “nhảy cóc”.

Nhờ sức cơ động rất cao của trực thăng, các cuộc hành binh của lính Mỹ trở nên an toàn tuyệt đối. Mối lo sợ bị phục kích dọc đường bị loại bỏ hoàn toàn. Tuy nhiên, chiến thuật trực thăng vận cũng có nhiều điểm yếu, với tiếng động rất lớn của hàng chục chiếc trực thăng bay cùng lúc sẽ giúp đối phương dễ dàng phát hiện từ sớm.

Thêm vào đó, trên các địa hình rừng núi đối phương hoàn toàn có thể tính trước được các khu vực có thể đáp trực thăng ở xung quanh nơi họ đóng quân. Từ đó, người ta có thể dễ dàng lập kế hoạch để giáng trả cho lực lượng đổ bộ từ phút đầu tiếp đất.

Bước vào mùa khô 1966, trên chiến trường Tây Nguyên, Bộ tư lệnh mặt trận B3 quyết định xây dựng kế hoạch nhử Mỹ ra khỏi căn cứ để tiêu diệt. Lợi dụng chính “sở thích” nhảy cóc bằng trực thăng của quân Mỹ để dẫn dụ chúng vào cái bẫy ta giăng sẵn.

Khu vực tác chiến chủ yếu xác định khoảng 500km² nằm trên địa bàn huyện Sa Thầy và một phần Tây Bắc huyện Chu Păh. Địa hình có phần tương đối rõ rệt gồm: từ sông Sa Thầy đến sông Pô Koo núi cao liên tiếp thành dãy, ở khu vực phía Tây cứ điểm Plây-Giê-Răng có một số núi thấp, gần sát sông Sa Thầy có bãi trống; từ sông Sa Thầy đến sát biên giới Việt Nam - Campuchia là rừng thưa, cây thưa có nhiều bãi trống, rất có thể địch sẽ lợi dụng đổ quân bằng trực thăng.

Thượng tướng Nguyễn Hữu An - Phó tư lệnh mặt trận B3 đã viết trong hồi ký của mình về quá trình chuẩn bị: “Bước vào mùa chiến đấu đông xuân 1966-1967, lực lượng vũ trang Tây Nguyên ở tư thế hàng hoàng chững chạc. Thời gian chuẩn bị hàng tháng trời, tôi, Hữu Đức cùng một số cán bộ trung đoàn đi trinh sát thực địa từ Plây-giê-răng kéo dài tới biên giới Việt Nam - Campuchia khoảng gần 60km.

Chúng tôi tìm địa điểm “chốt” bố trí sẵn lực lượng, và bàn cách đánh ở thực địa, làm sao khi dẫn địch ra chốt A, chốt A phải dụ địch vào chốt B, chốt B phải dụ địch vào chốt C... cứ như thế tạo ra một chuỗi những trận đánh nối tiếp dẫn địch theo ý của ta vào quyết chiến điểm.

Quyết chiến điểm ở sát biên giới chúng tôi chọn là một cái nương khá rộng tương đối bằng phẳng, nếu địch muốn chặn không cho ta vượt qua biên giới, buộc chúng ta phải đổ quân xuống đây với lực lượng không thể ít hơn một tiểu đoàn. Ở đây ta tập trung lực lượng lớn nhất, với toàn bộ Trung đoàn 88 quyết tâm diệt gọn tiểu đoàn địch và cũng là trận đánh kết thúc chiến dịch”.

Dắt mũi quân thù

Ngày 19/10, mở màn chiến dịch, một phân đội thuộc Trung đoàn 320 đã bao vây “chọc tức” bọn đồn trú ở Plây-giê-răng. Lập tức một đại đội thuộc Sư đoàn bộ binh số 4 quân Mỹ đổ quân xuống sau lưng quân ta cách khoảng 3km.

Đại đội địch vừa đổ xuống, ngay trong đêm đã bị một đại đội của ta nằm sau chúng khoảng 2km vận động tập kích. Ngày hôm sau chúng lại đổ thêm quân để bọc hậu đơn vị “Việt cộng” chúng mới phát hiện... Cứ như thế Trung đoàn 320 và một bộ phận của Trung đoàn 66 đã đánh hàng chục trận và kéo địch vào địa bàn quyết chiến mà ta đã chọn.

Với ý định không cho “Việt Cộng” chạy thoát sang Campuchia, quân Mỹ dùng trực thăng đổ 1 tiểu đoàn xuống sát biên giới. Trước khi đổ bộ, quân Mỹ cho máy bay B-52 rải bom phát quang một khu vực rộng khoảng 5km. Địa điểm đổ quân của Mỹ nằm gọn trong khu vực ta đã chọn cho chúng, được ta gọi mật danh là C1.

10h ngày 25/10 địch bắt đầu đổ quân xuống C1, pháo của ta lấy phần tử bắn từ trước chờ địch đổ quân khoảng mười phút thì khai hỏa. Cùng lúc 4 khẩu súng cối 120mm lên tiếng và một trận mưa đạn cối trùm lên toàn bộ đội hình địch.

Trên đài quan sát, tướng An mô tả: “Trận bão đạn pháo nổ như sấm sét trùm kín bãi đất bằng phẳng nơi bọn Mỹ vừa đặt chân xuống. Sự bất ngờ khủng khiếp hơn tất cả mọi khủng khiếp mà chúng có thể tưởng tượng được. Trên đài quan sát ta nhìn rõ, sau từng đám khói tan, bọn lính Mỹ chết đè lên nhau, những tên còn sống chạy hoảng loạn không có nơi trú ẩn”.

Sau cơn mưa đạn cối, Trung đoàn 88 đã phục sẵn xung quanh, tổ chức thành 3 mũi tiến công vào lực lượng còn sót lại của địch. Sau phút choáng váng, lính Mỹ gọi phi pháo yểm trợ tích cực. Hai bên kịch chiến

suốt đêm 25/10. Lính Trung đoàn 88 xông lên đánh giáp lá cà bằng lưỡi lê và lựu đạn làm quân địch càng thêm rối loạn. Trong khi đó, vì quân hai bên đã lẫn vào nhau nên phi pháo của địch tỏ ra vô tác dụng. Trong cơn tuyệt vọng, chỉ huy Mỹ cam tâm gọi máy bay ném bom trùm lên cả đội hình của chính quân mình.

Ở vòng ngoài, Trung đoàn 66 cũng tích cực đánh quân cứu viện, không cho bọn thám báo và các đại đội lẻ của địch đến gần khu vực C1. Bị thiệt hại nặng nề, sợ sẽ bị xóa sổ cả tiểu đoàn quân Mỹ rút chạy khỏi C1.

7h sáng 26/10, 20 chiếc trực thăng liều chết đáp xuống bãi C1 để bốc dăm tàn quân về căn cứ. Cùng với đó, những đại đội, tiểu đoàn bị xé lẻ thuộc Sư đoàn bộ binh số 4 bị rải ra suốt chiều dài từ đồn Plây-giê-răng tới C1 gần 60 km cũng lần lượt phải rút chạy bằng trực thăng.

Tổng kết chiến dịch, từ 19/10 đến 6/12/1966, ta đánh 34 trận lớn nhỏ, tiêu diệt tổng số 2.050 Mỹ, 360 ngụy, diệt gọn một tiểu đoàn Mỹ, 8 đại đội Mỹ và một số trung đội, bắn rơi 21 máy bay, phá hủy 21 pháo, 5 cối 106 ly, 16 xe.

Rõ ràng quân Mỹ có vũ khí, phương tiện rất hiện đại nhưng cuối cùng vẫn bị thua là vì ngay từ nước xuất quân đã nằm gọn trong sự tính toán của đối phương. Kết quả này làm nổi bật lên tài thao lược của tướng lĩnh quân ta, đặc biệt là tài dụ địch, điều địch.

Con người hay vũ khí?

Quân đội nhân dân Việt Nam đã ra đời được gần 50 năm. Trong suốt quá trình chiến đấu và trưởng thành đã đánh với 3 trong số 5 cường quốc. Đặc biệt trong số đó là 30 năm đấu tranh liên tiếp chống lại Pháp và Mỹ. trong cả 30 năm ấy, chưa bao giờ quân ta ngang bằng đối thủ về so sánh vũ khí.

Tuy nhiên, ta càng đánh càng mạnh, lần lượt đánh bại các cố gắng quân sự đến mức cao nhất của kẻ địch. Các thủ đoạn, chiến thuật của đối phương dù tinh vi, phức tạp đến thế nào, có sự hỗ trợ của vũ khí, máy móc hiện đại đến đâu, cuối cùng đều bị phá sản trước sự thông minh, mưu trí của tướng lĩnh và chiến sĩ ta.

Ngày nay, điểm lại một số trận đánh để làm minh họa cho một vài chiến thuật được quân đội ta sử dụng phổ biến trong chiến tranh trước đây, chúng ta một lần nữa tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân

tộc Việt Nam. Đồng thời cũng thấy rằng, vũ khí hiện đại là quan trọng nhưng con người điều khiển cuộc chiến tranh và sử dụng những vũ khí ấy còn quan trọng hơn rất nhiều.

(Theo *Kienthuc.net.vn*)

CHIẾN DỊCH ĐẮC TÔ 1 NĂM 1967: CHỦ ĐỘNG DỰ ĐỊCH VÀO KHU QUYẾT CHIẾN ĐỂ TIÊU DIỆT

Tháng 11-1967, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên quyết định sử dụng bộ đội chủ lực mở chiến dịch tiến công Đắc Tô 1. Chiến dịch nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực quân Mỹ, bức địch phải điều lực lượng cơ động lên Tây Nguyên, tạo thế, tạo lực và tạo thời cơ cùng quân dân toàn Miền tiến lên mở cuộc tiến công và nổi dậy quy mô lớn.

Với tư tưởng chỉ đạo các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh hoạt động ở vùng sâu phía nam Gia Lai và bắc Đắc Lắc, để nghi binh thu hút sự chú ý của địch, tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia chiến dịch hành quân chiếm lĩnh các dãy điểm cao bao quanh thung lũng Đắc Tô, Tân Cảnh xây dựng trận địa, thế trận. Ngày 3-11-1967, ta bắt đầu cho Tiểu đoàn bộ binh 6, trận địa sơn pháo 75 tập kích nhỏ lẻ, bắn phá sân bay Đắc Tô khêu ngòi kéo địch ra theo kế hoạch. Bị đánh "dần mặt" ngay gần hang ổ một căn cứ quan trọng, Bộ chỉ huy quân Mỹ ở Sài Gòn lập tức cho Sư đoàn 4 Mỹ bỏ dở cuộc hành quân Mắc Ác-tơ (Mc Arthur) ở nam Tây Nguyên, không vận cấp tốc lên Đắc Tô để truy tìm tiêu diệt quân chủ lực ta.

Từ ngày 4-11 đến ngày 10-11-1967, một số phân đội của hai Trung đoàn 66 và 320 của Sư đoàn bộ binh 1, cùng 2 phân đội của Tiểu đoàn 6 độc lập trong một thế trận chuẩn bị sẵn ở Ngọc Tăng, Ngọc Bờ Biêng (chốt chiến dịch) và khu vực Ngọc Dơ Lang (trung tâm chiến dịch) đã chủ động đánh địch đổ bộ đường không, giữ vững trận địa, tạo điều kiện cho các tiểu đoàn cơ động tập trung công kích địch. Trong tác chiến, bộ đội ta đã vận dụng linh hoạt các hình thức chốt giữ trận địa, vận động tiến công, tập kích, phục kích vào đội hình địch để tiêu hao, tiêu diệt làm giảm sút ý chí và sức chiến đấu của chúng. Nổi bật là trận then chốt đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 4 (Sư đoàn bộ binh 4 Mỹ) ở khu quyết chiến Ngọc Dơ Lang.

Trong đợt hai chiến dịch (từ ngày 14-11 đến ngày 22-11), mặc dù Bộ chỉ huy Mỹ vừa cho hàng nghìn lượt chiếc máy bay phản lực và B52, hàng

chục trận địa pháo dã chiến dọc trục đường 14 đánh phá ô ạt hủy diệt các khu vực xung quanh Đắc Tô, vừa điều thêm Lữ đoàn dù 173 (Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ) và Chiến đoàn dù 3 quân đội Sài Gòn lên Đắc Tô, Tân Cảnh rồi lần lượt đổ bộ xuống các điểm cao 823, 845, 882, 875 trên dãy Ngọc Kom Liệt, phối hợp với một số tiểu đoàn Sư đoàn bộ binh 4 Mỹ tiến công vào toàn bộ đội hình tác chiến của ta. Với ý chí chiến đấu “quyết giữ trận địa đến cùng”, từ những trận địa chốt chiến dịch (có hầm hào khá kiên cố), các tiểu đoàn của ba Trung đoàn 66, 320, 174 đều dũng cảm vượt qua mọi ác liệt của bom đạn địch, bám trụ kiên cường đánh bật hàng chục đợt tiến công của quân Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên. Đặc biệt, ta còn tổ chức tốt hai trận vận động tiến công cấp trung đoàn đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn của Lữ đoàn dù 173 tại điểm cao 875 - khu vực quyết chiến then chốt đợt 2 của chiến dịch. Bị tiến công liên tục trên tất cả các phía trong thời gian dài và bị thiệt hại nặng cả hai đợt, ngày 23-11-1967, quân Mỹ phải rút lui, từ bỏ cuộc hành quân “tìm diệt”.

Chiến dịch Đắc Tô 1 thắng lợi đánh dấu bước phát triển mới của nghệ thuật chiến dịch tiến công trực tiếp với quân chiến đấu Mỹ, trong đó nổi bật là nghệ thuật chọn đúng khu vực tác chiến chủ yếu, dùng mưu lừa địch, dụ địch vào tròng có hiệu quả, tạo được tình huống bất ngờ và thời cơ để diệt địch theo đúng ý định. Điều đó chứng tỏ, các cấp chỉ huy chiến lược, chiến dịch của ta đã nắm chắc được quy luật tác chiến của quân Mỹ (cơ bản dựa vào thế mạnh của binh khí kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại vượt trội, khi phát hiện được đối phương là tìm diệt ngay) nên đã dựa vào địa hình núi rừng hiểm trở lập các điểm chốt mạnh, chủ động khêu ngòi bằng các đòn chiến thuật, buộc địch ra giải tỏa ở các điểm chốt và khu quyết chiến chiến dịch mà ta đã bố trí từ trước. Trong một thế trận tiến công được tổ chức chặt chẽ, hoàn chỉnh và với ý chí quyết chiến, quyết thắng cao như vậy, thì dù quân Mỹ có số lượng đông, hỏa lực mạnh vẫn bị phân tán, thụ động đối phó cả mặt trước, mặt sau và hai bên sườn. Thực tế diễn biến chiến dịch đã chứng minh, địch càng tập trung vào sâu, càng nuôi tham vọng lớn, thì càng bị giam chân và bị bao vây chặt. Khi ta sử dụng lực lượng dự bị mạnh (Trung đoàn 174) vận động tiến công kết hợp với lực lượng chốt tại chỗ phản kích tốt, quân Mỹ không thoát khỏi những thiệt hại nặng trong những trận then chốt của chiến dịch. Đồng

thời, thắng lợi của các chiến dịch tiến công quân Mỹ ở Bắc Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ Thu - Đông 1967 có tác động lớn tới ý chí, quyết tâm của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

TRẬN CHIẾN ĐỒI 875 ĐẮC TÔ TRONG GIÁO KHOA MỸ

Chiến dịch Đắc Tô diễn ra từ ngày 3 đến 22-11-1967, được phía Mỹ xem là một trong những cuộc đụng độ nghiêm trọng nhất trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Về phía Mỹ, đây là chiến dịch mang tên MacArthur, với các trận đánh trên các ngọn đồi 1338, 664, 830, 882 (nam và đông nam Đắc Tô)... và nhất là trận đánh tại đồi 875...

Dưới đây là trang tư liệu của Đại học Đông Michigan (East Michigan University) thuộc Danh mục lịch sử chiến tranh (War History) viết về trận đánh đồi 875 dưới dạng sử biên niên.

Lời dẫn

Hoa Kỳ và Việt Nam cộng hòa đã hiệp đồng tác chiến nhiều tháng nay để kiểm soát vùng được gọi là cao nguyên Trung phần. Quân đội Hoa Kỳ và quân đội Sài Gòn đổ rằng ngọn đồi có độ cao 875m này là điểm cao không chế đối với những tuyến chính yếu được Bắc Việt sử dụng để vận chuyển hàng tiếp tế và hành quân. Rằng, nếu chiếm được đồi 875, có thể chặn được nguồn nhân lực, vật lực từ Bắc Việt được chuyển dọc theo đường biên giới vào Nam Việt Nam.

Chiến thuật của quân Mỹ

Kế hoạch tác chiến ban đầu là Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn không vận 173 sẽ tiến dần lên đỉnh theo đội hình tam giác. Không lực Mỹ sẽ yểm hộ cho bộ binh hành tiến bằng không kích nhằm tiêu diệt thật nhiều quân Bắc Việt (Quân Giải phóng), làm giảm sức đề kháng của đối phương đối với Tiểu đoàn 2.

Diễn biến trận đánh

Ngày thứ nhất (19-11-1967)

Khi Tiểu đoàn 2 lên tới những sườn núi ven cao điểm 875, họ đã lọt vào hỏa lực dày đặc của đối phương, sử dụng súng bộ binh, RPG (B40), và lựu đạn. Cuộc chiến đấu diễn ra ở cự ly gần đến mức xảy ra giáp lá cà.

Tiểu đoàn 2 quân Mỹ sẽ phải đánh nhau suốt gần 2 ngày tới, mới có viện binh đến.

Ngày thứ hai

Tiểu đoàn 4/173 Mỹ được không vận đến dãy đồi cạnh cao điểm 875, tiến lên hợp quân với Tiểu đoàn 2, lúc này đã chịu nhiều thương vong. Quân Tiểu đoàn 4 tiến trên con đường mòn rải đầy xác lính Mỹ và cả tử sĩ của đối phương.

Ngày thứ ba

Vừa rạng đông, quân Bắc Việt dùng súng cối bắn vào vị trí đóng quân của Mỹ. Quân Bắc Việt đã xây dựng từ trước một hệ thống hỏa lực với các tuyến bắn phối hợp tinh vi. Họ đã điều khiển hỏa lực để tạo ra một giải bắn có tác dụng thu hút sự chú ý của quân Mỹ, giúp cho một số bộ đội Việt Nam có thể bí mật luồn vào phía sau đội hình quân Mỹ đã ở trên đỉnh đồi. Chiến thuật nghi binh này sẽ còn phát huy hiệu quả trong suốt ngày thứ tư.

Ngày thứ tư

Buổi sáng lại bắt đầu với trình tự giống như ngày hôm trước, với hỏa lực súng cối và súng bộ binh của quân Bắc Việt.

Quân Mỹ nhận được lệnh trên cho phép rút khỏi đỉnh đồi tới một tọa độ cho trước, triển khai một vành đai phòng ngự tại đó, chờ viện binh đến.

Vì quân Mỹ trong hầm bị bao vây bởi quân Bắc Việt, họ không thể dự đoán liệu tình hình sẽ còn xấu đi tới mức nào. Một phi công Mỹ nhận lệnh của Chỉ huy không lưu (Air Control) tới ném bom đồi 875 ở tọa độ sao cho có thể quan sát được bom napan nổ.

Viên phi công bị đèn chiếu làm lóa mắt và đã chọn sai hướng tiếp cận khi bỏ nhào xuống đồi 875.

Hướng tiếp cận do viên phi công Mỹ chọn sẽ khiến quả bom rơi vào vị trí mà Tiểu đoàn 2 và 4 Mỹ đang đứng chân.

Vì vậy, khi quả bom được ném xuống đã nổ đúng vào trận địa của quân Mỹ, quét sạch gần như toàn bộ sinh lực của Mỹ tại đó.

Tom Remington, một lính Mỹ thuộc Tiểu đoàn 2 sợ rằng bom sẽ tiếp tục được ném xuống, đã điên cuồng vò lấy một điện đài, gọi về căn cứ, hét

lên: “Hãy dừng ngay những cái máy bay bỏ mẹ kia. Không được để chúng tiếp tục ném bom. Chúng đang giết hết chúng tôi ở đây”.

Những ai còn sống sót sau quả bom ném nhằm đã bồn chồn, lo lắng suốt cả đêm, lo quân Bắc Việt sẽ đến. Theo cựu binh Mỹ Rốc-ki, họ đã bàng hoàng khi cả đêm chờ thời khắc quân Bắc Việt tiến vào vị trí của Mỹ. Nếu điều này xảy ra, số lính Mỹ kẹt lại trên ngọn đồi sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Ngày thứ năm (23-11-1967)

Buổi sáng hôm sau không khác gì nhiều so với những ngày hôm trước, khi quân Bắc Việt vẫn nổ những loạt súng bộ binh ngắn, Tình thế này vẫn làm dấy lên một câu hỏi, phải chăng họ (bộ đội Việt Nam) định chờ trời sáng, để tới diệt hết quân Mỹ, trước khi viện binh Mỹ đến kịp.

Những lính Mỹ còn sống sót sau trận đồi 875 đến hôm nay vẫn đang khắc khoải tự hỏi, vận may nào đã cứu họ thoát khỏi vòng tay tử thần đêm 22-11 ấy.

Viện binh Mỹ đến lúc đã gần trưa, để sơ tán những lính bị thương và thu gom xác lính Mỹ tử trận. Viện quân cũng có nhiệm vụ hoàn thành nốt các công việc mà Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 4 đã bắt đầu.

Trong khi đại quân Mỹ vô hiệu hóa một số hỏa điểm thừa thớt còn sót lại, những cuộc chạm súng lớn đã không xảy ra. Quân Bắc Việt đã rút về hậu cứ ở vùng ngã ba biên giới (Việt Nam - Lào - Campuchia). Trận đánh trên đồi 875 đã mở đường cho cuộc chiến tranh giành các ngọn đồi trên khắp Tây Nguyên về sau.

Theo cựu binh Mỹ Ray Smit thuộc Tiểu đoàn 1, Trung đoàn thiết giáp 69, trong số 570 lính Mỹ tham chiến trên đồi 875 đã có 340 lính (đúng 60%) bị loại khỏi vòng chiến. Nhiều người khác bị thương.

Thời hậu chiến

Cho đến nay một số kênh truyền thông phương Tây vẫn đặt câu hỏi vì sao một loạt trận đánh lại dấy lên ở những ngọn đồi không đóng vai trò rõ rệt trên bản đồ chiến lược của Tướng Giáp.

Trong hồi ký “Tường trình của một quân nhân”, trang 280, tướng Oét-mo-len cho rằng lúc đó quân Mỹ đã đánh lui được quân địch ra khỏi những ngọn đồi này, rằng quân Bắc Việt không thu được gì (The enemy's return was nil).

Nhưng học giả Mỹ cho rằng tướng Oét đã “bắn trượt” (missed the point). Theo Ét-ốt Mốc-phi, trong Cuộc chiến trên những ngọn đồi (The Hill Fights. NXB Ballentine Books, 2003, tr. 235) “cho đến tháng giêng 1968 (trước chiến cuộc Tết Mậu Thân), nửa số lực lượng cơ động của Mỹ ở Nam Việt Nam đã bị hút ra khỏi các thành thị và vùng đồng bằng vào các hoạt động chiến đấu ở các vùng đồi núi biên cương”. Trong chiến dịch Đắc Tô, theo truyền thông phương Tây, đã có 16.000 lính Mỹ tham chiến chống lại 6.000 quân Bắc Việt.

Truyền thông phương Tây không nghĩ rằng chiến dịch Đắc Tô của Quân Giải phóng chỉ thuần túy là đòn nghi binh. Theo hãng thông tấn AP (Mỹ), trong 21 ngày thực hiện chiến cuộc ở Đắc Tô tháng 11-1967, đã có ít nhất 285 lính Mỹ tử trận.

Lê Đỗ Huy (dịch) (Báo *Quân đội nhân dân*)

IA ĐĂNG - TRẬN ĐÁNH LÀM CHẤN ĐỘNG NƯỚC MỸ

Trận Ia Đăng là trận đánh then chốt quyết định nhất của chiến dịch Pleime, là cuộc đụng độ quy mô lớn lần đầu của chủ lực ta với quân đội Mỹ. Trận đánh đã đi vào lịch sử, đánh dấu sự thất bại đầu tiên của Mỹ trên chiến trường miền Nam. Chúng tôi xin trích đăng bài viết của cố Thượng tướng Nguyễn Hữu An, nguyên Phó tư lệnh chiến dịch Pleime, người chỉ huy trực tiếp trận đánh tại thung lũng Ia Đăng 45 năm trước...

Mắt tôi vẫn dõi theo những đám khói xám đang tan để lại một vệt dài dọc theo sườn núi những cây cối đổ ngang ngửa. Từ hồi còn ở ngoài miền Bắc tôi đã đọc nhiều tài liệu tham khảo về nền quân sự Hoa Kỳ, bây giờ tận mắt nhìn thấy và đang đụng đầu với nó. Một chiếc B52 chở được 25 tấn bom, riêng ngày hôm nay chúng dùng 24 chiếc nối đuôi nhau quần xung quanh khu vực Chư Pông này. Tôi suy nghĩ về đối tượng tác chiến mới là một đội quân được trang bị rất mạnh, rất hiện đại mà đứng trước đối thủ là một đội quân “đói ăn” trang bị lạc hậu như vậy thì sự chủ quan “trong một thời gian ngắn sẽ đánh gãy xương sống Việt Cộng” và việc đổ bộ ào ạt hiện nay để “cắt vó” chủ lực của Tây Nguyên là điều dễ hiểu. Tôi ra lệnh dừng lại khu vực địch vừa ném bom B52 xong để nắm địch, nắm ta và chỉ huy trận đánh.

Mãi tới chiều hôm ấy tôi mới gặp cán bộ chỉ huy Trung đoàn 66 - anh Lã Ngọc Châu, Chính ủy Trung đoàn. Châu cho biết đội hình trung đoàn bị địch chia cắt chưa liên lạc được, anh chỉ nắm được Tiểu đoàn 7 và tình hình địch ở gần Tiểu đoàn 7.

Nắm được tình hình qua Chính ủy Châu và báo cáo của trinh sát, chúng tôi biết bọn địch đứng sát Tiểu đoàn 7 là Tiểu đoàn 1 (thiếu) thuộc Lữ 3 kỵ binh bay. Tôi và anh Đặng Vũ Hiệp, Chính ủy Sở chỉ huy tiền phương hội ý chớp nhoáng quyết định dùng Tiểu đoàn 7 cơ động nhanh đánh vào Tiểu đoàn 1 Mỹ...

Tiểu đoàn 7 đã nổ súng tập kích địch từ 5 giờ rưỡi sáng 15-11. Khoảng 15 phút đầu, địch hỗn loạn nhưng sau đó chống trả quyết liệt. Chúng tôi nghe khá rõ tiếng súng liên thanh, lựu đạn nổ dữ dội. Trên bầu trời kể cả ngày lẫn đêm không phút nào vắng sự gào thét của các loại máy bay, đây đó tiếng bom lấn át mọi âm thanh khác.

Những quả pháo sáng soi rõ từng ngọn cỏ lối đi. Không gian chiến trường tưởng như trong nồi hơi, khí nén đã quá mức, lại còn tiếp tục dồn nén. Đầu óc, cơ thể mọi người dù chỉ là ngồi một chỗ cũng thấy căng thẳng như sợi dây đàn.

Tiểu đoàn 7 tiếp tục tiến công địch. Khoảng 12 giờ máy bay địch tới bắn phá, thả bom napan trùm cả lên đội hình của quân Mỹ. Tiểu đoàn 7 để lại một đại đội làm nhiệm vụ bao vây khống chế không cho địch rút chạy hoặc cơ động đi nơi khác. Số còn lại tạm rời trận địa lui lại phía sau để chấn chỉnh đội hình.

Sau một hồi lâu bắn phá, địch đổ bộ thêm một đại đội còn lại của Tiểu đoàn 1.

Ở Sở chỉ huy tiền phương chúng tôi lúc này nắm được tình hình chắc hơn. Dưới Trung đoàn 66 cho biết: Tiểu đoàn 9 đã liên lạc được với Tiểu đoàn 7. Như vậy tương quan lực lượng trong khu vực nhỏ này, mỗi bên có hai tiểu đoàn, nếu tính số lượng quân Mỹ trội hơn, chưa kể hai đại đội pháo và không quân chi viện.

Tối 15 tôi lệnh cho Chính ủy Lã Ngọc Châu (trung đoàn trưởng đi lạc chưa về) nhanh chóng củng cố lực lượng, cố gắng tập kích ở tọa độ X vào sáng ngày 16. Cùng thời điểm đó tôi cử Đồng Thoại, trợ lý tác chiến đi bắt liên lạc với Trung đoàn 33, gặp được tiểu đoàn nào thì giao nhiệm

vụ cho tiểu đoàn ấy tập kích vào hai trận địa pháo ở Quynh-co-la để phối hợp với Trung đoàn 66.

Tôi cho một tốp trinh sát đem lệnh cho Tiểu đoàn 8 (Trung đoàn 66) nhanh chóng quay về đường cũ, sẵn sàng đánh địch đang hành quân ngược về phía Tiểu đoàn 8.

Tiểu đoàn 7 đã nổ súng khoảng 3 giờ sáng 17-11. Sau ít phút chiến đấu quyết liệt, Tiểu đoàn 7 đã đánh trúng tiểu đoàn bộ Tiểu đoàn 1 và đánh thiệt hại nặng hai đại đội quân Mỹ. Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 33 bị lạc đường không thực hiện được ý định đánh vào trận địa pháo.

Thấy Tiểu đoàn 1 có nguy cơ bị tiêu diệt, Lữ 3 kỵ binh bay hạ lệnh cho số còn lại hành quân bộ chạy về phía tây Ia Mơ co cụm ở gần trận địa pháo chờ lệnh.

Tôi ra lệnh cho các đơn vị (Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 33) để khỏi bị lạc đường phải liên tục đánh địch cả ban ngày và ban đêm; gặp địch là khẩn trương tổ chức đánh ngay, bám thắt lưng địch mà đánh.

Trưa ngày 17, Tiểu đoàn 8 (Trung đoàn 66) nhận được lệnh hành quân quay lại, đang nghỉ ăn cơm dọc sông Ia Đrăng thì có tin của trinh sát báo cáo: "Quân Mỹ đang tới gần". Tiểu đoàn trưởng Lê Xuân Phôi bình tĩnh đôn đốc tiểu đoàn nhanh chóng triển khai đội hình chiếm trận địa có lợi trước mặt và hai bên, hình thành thế bao vây ép địch vào giữa hai gọng kìm của tiểu đoàn. Sau khi dùng hỏa lực súng cối chế áp ngấm vào đội hình địch, quân ta dùng cảm đồng loạt xung phong chia cắt đội hình và đánh giáp lá cà với địch. Cả đôi bên lúc này đội hình xen kẽ nhau đến độ chỉ cho phép dùng tiểu liên bắn găm, dùng lưỡi lê, lựu đạn mà chiến đấu.

Nhà báo L. Galoway đã miêu tả trận đánh: "...Khi các khẩu súng cối của họ phát hỏa, quân chính quy Bắc Việt Nam đang vận động dọc theo đội hình quân Mỹ, lập tức quay vòng lại và tiến công. Ở trung tâm của đội hình, đại đội Charlie phải chịu hậu quả tồi tệ nhất, bị chết 20 và bị thương một số còn đông hơn thế ngay từ phút đầu tiên. Một số quân ta bắn như điên như dại về tứ phía và có đại đội khác đã phàn nàn là họ đã bị bắn bởi chính hỏa lực của quân mình.

Mãi đến lúc này, khi quân Bắc Việt Nam đang tăng cường sức ép tiến công mà MCDade, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2, Lữ 3 Mỹ vẫn còn ngộ nhận tin rằng sự việc đang diễn ra chính là do quân Mỹ bắn loạn xạ

vào nhau... Trung úy Slau-ren Guyn kể lại là Robert McDade đã gọi điện đài lệnh cho các đơn vị ngừng bắn. Tình hình đã xấu lại trở nên xấu hơn. Đến bây giờ quân Bắc Việt Nam đã có mặt ngay trong hàng ngũ quân Mỹ và trên các ngọn cây cao. Bất cứ ai vận động lên đều bị bắn chết. Thiếu tá Henry và trác thủ pháo binh đã cố gắng dùng điện đài của họ để gọi pháo binh và không quân chi viện. Điều này đã làm giảm bớt sự chết chóc, nhưng với đội hình kéo dài giữa bãi cỏ cao rậm thì các quả đạn pháo và napan sát thương quân Bắc Việt Nam đồng thời cũng sát thương cả người Mỹ. Đơn vị đi đầu, đại đội Alpha phân tán rải ra khắp đoạn rìa của khu vực phát quang trước khi bị tiến công đã mất đúng hai trung đội, 50 người trong những phút đầu. Đến lúc rút ra khỏi khu vực này, nó chỉ còn lại 20 người trong tổng số 160 người. Đại đội Charlie lúc tập hợp ở khu vực "tia X" (bãi đáp X-ray) để hành quân có 110 người thì lúc này đã bị chết 50 và bị thương 50"...

Nhận được lệnh của tôi, Trung đoàn 33 đã cho một tiểu đoàn hành quân cấp tốc ngược về phía Chư Pông. Trên đường hành quân Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 33) nghe thấy tiếng súng nổ phía trước mặt, biết chắc chắn quân ta đang chặn đánh địch, không ai bảo ai họ cố gắng vượt lên nhanh. Tới gần sát địch, một đại đội của Tiểu đoàn 1 gặp địch đang chạy lui về phía Chư Pông. Thế là hai đơn vị phối hợp đánh mạnh vào sau lưng tiểu đoàn Mỹ. Sự hiệp đồng tuyệt đẹp của cả hai tiểu đoàn, khiến đội hình quân Mỹ đang rối ren, nhanh chóng bị quân ta tiêu diệt.

Trận đánh kéo dài suốt từ 14 giờ ngày 17 đến 20 giờ ngày 18 mới kết thúc. Theo nhà báo Galloway đi theo hai tiểu đoàn 1 và 2, Lữ đoàn 3 quân Mỹ thì Tiểu đoàn 2 bị chết 155 người, 125 người bị thương và 5 bị mất tích. Như vậy trong 3 tiếng đồng hồ Tiểu đoàn 2 quân Mỹ đã mất 285 người trong tổng số 400, mặc dầu con số này còn xa sự thật. Ngay Đại tướng Westmoreland cũng phải thừa nhận đây là một tổn thất rất nghiêm trọng.

Trong ngày 18 địch vội vã điều động lực lượng tới nhiều nơi hy vọng sự giảm nhẹ nguy kịch của Tiểu đoàn 2 kỵ binh bay đang có nguy cơ bị tiêu diệt.

Ở Quynh-co-la địch đổ thêm Tiểu đoàn 3 và 2 đại đội pháo.

Hai trung đoàn dù ngụy nằm trong lực lượng tổng dự bị tức tức được điều từ Sài Gòn tới cùng với một tiểu đoàn Mỹ hành quân bằng ô tô rồi tiến vào hướng đông nam Đức Cơ, bắc dãy núi Chư Pông để yểm trợ phía sau, đồng thời cố tạo ra một áp lực giả tạo làm thuốc an thần cho quân Mỹ. Rất tiếc Trung đoàn 320 ở hướng đó chỉ đánh tiêu hao, không diệt gọn được tiểu đoàn Mỹ nào.

Ngày 19, hàng chục máy bay tới ném bom bắn phá hồi lâu xung quanh Quynh-co-la, rồi cho trực thăng xuống bốc toàn bộ số quân còn lại về Bầu Cạn. Cuộc hành quân lần đầu tiên của quân Mỹ vào Tây Nguyên đã kết thúc bi thảm.

Kết quả cuối cùng ta đã giành được thắng lợi to lớn vượt xa dự kiến ban đầu, khoảng 1.200 tên Mỹ bị thương vong, ta tiêu diệt Tiểu đoàn 1 và 2 của Lữ đoàn 3 kỵ binh bay, tiêu hao nặng Tiểu đoàn 3 và một số đại đội, bắn rơi 26 máy bay và thu nhiều súng đạn.

Trận đánh ở Ia Đrăng đã làm chấn động đến toàn nước Mỹ, báo hiệu sự thất bại không thể tránh được của quân đội viễn chinh Mỹ. Tôi xin mượn câu nói của nhà báo Mỹ Galloway viết cho Tuần tin tức Mỹ sau đây: "Trận chiến đấu ở thung lũng Ia Đrăng đã làm cho nước Mỹ suy thoái vào một thập kỷ sa lầy đẫm máu, đã dẫn 58.000 người Mỹ vào những chiếc quan tài bằng nhôm sáng bóng do quân đội sản xuất, đã làm hỏng một đời tổng thống, đã mang lại vết nhơ sâu sắc cho các đời tổng thống khác và đẩy cả dân tộc đến chỗ đối lập với chính bản thân mình".

Cố Thượng tướng Nguyễn Hữu An (*Báo Quân đội nhân dân*)

TRẬN IA ĐRĂNG "LÀ MỘT THẢM KỊCH" ĐỐI VỚI SƯ ĐOÀN KỶ BINH SỐ 1 CỦA MỸ

33 ngày: 828 binh sĩ Mỹ chết và bị thương

Vừa qua, điện ảnh Mỹ cho ra đời bộ phim "Chúng ta từng là lính", lấy bối cảnh nói về trận Ia Đrăng (26-10--27-11-1965), nhưng đã phản ánh không trung thực lịch sử, xuyên tạc sự thật, gây dư luận khá gay gắt không chỉ trong quần chúng khán giả mà cả trong giới phê bình báo chí và điện ảnh châu Âu và ngay cả nước Mỹ. Xây dựng phim có thể hư cấu chi tiết, nhưng phải tôn trọng lịch sử. Sự thật lịch sử về trận Ia Đrăng đó, ngay "nhìn từ phía bên kia" đã đánh giá là 1 trong 24 trận "có tính quyết

định", được Nhà xuất bản Mac Millan-New York in thành sách, đã tường thuật chi tiết. Xin giới thiệu để bạn đọc hiểu thêm:

... Ngày 28-7-1965 tổng thống Mỹ Junhson đưa sư đoàn kỵ binh số 1 (cơ động đường không) vào tham chiến ở Việt Nam. Sư đoàn mới chính thức thành lập 1 tháng, binh sĩ lấy từ sư đoàn xung kích đường không thí nghiệm số 11 và một số đơn vị của sư 2 bộ binh (nay gọi là kỵ binh), do tướng W.O. Kin- nót chỉ huy, có hơn 400 trực thăng OH-13 (trình sát), UH-1 (tiền công và chở quân), CH-47 và CH-54 (vận tải nặng); với 16.000 binh sĩ, 16.000 xe cộ, đến Việt Nam đầu tháng 9, triển khai đến An Khê. Việc chọn địa bàn tác chiến miền Trung không phải ngẫu nhiên, mà vì vào mùa hè khu vực này rõ ràng sắp bị tấn công không phải chỉ bởi Việt cộng mà nghiêm trọng hơn là có tin có cả các đơn vị quân đội Bắc Việt Nam. Việc quân chính quy miền Bắc thâm nhập theo đường mòn Hồ Chí Minh ở Lào và Cam-pu-chia đã được phát hiện trước đó, nhưng các tin tình báo lúc này lại vẽ ra bức tranh đáng sợ hơn... Cuối tháng 7, trung đoàn 32 (E32) Bắc Việt Nam bắt đầu chiến dịch bao vây Đức Cơ, đe dọa đe bẹp lực lượng đồn trú gồm lực lượng đặc biệt Nam Việt Nam (biệt kích) và một phần là lính người miền núi, tất cả do lực lượng đặc biệt Mỹ kiểm soát...

Đầu tháng 9, E32 có thêm E35 cùng D (tiểu đoàn) chủ lực địa phương lập căn cứ phía đông núi Chư Pông, là dãy núi nằm chắn bờ nam sông I-a Đrăng, cao hơn 500m, có rừng rậm dài 37 dặm đến thành phố Plây-cu. Điều người Mỹ không nhằm là sắp có thêm trung đoàn thứ ba: E66, sẽ nâng lực lượng do tướng Chu Huy Mân chỉ huy lên tương đương sư đoàn, và "đây là lần đầu tiên quân Bắc Việt Nam hoạt động trên chiến trường miền Nam với lực lượng nhiều trung đoàn...

Sư đoàn kỵ binh 1 của Kin-nót đảm trách khu vực gồm hầu hết các tỉnh Plây-Cu, Kon Tum, Bình Định thuộc vùng 2 chiến thuật được lệnh phát hiện, tiêu diệt bất cứ lực lượng nào trong khu vực. Kin-nót giao cho lữ đoàn 1 bắt đầu những cuộc lùng sục bằng máy bay, hy vọng tìm ra lực lượng đã tiến công Plây-me (hôm 20-10). Thành phần chính của lữ đoàn này gồm 3 tiểu đoàn bộ binh trực thăng vận cùng thành phần yểm trợ hỏa lực pháo và rốc-két phóng từ UH-1 kiểu đặc biệt. Không biết cuộc tiến công trại Plây-me (một trung tâm huấn luyện biệt kích) và trận phục kích (đơn vị đến giải cứu Plây-me) đều do quân chính quy Bắc Việt Nam tiến

hành, sư đoàn kỵ binh 1 tập trung hoạt động vào khu vực phía bắc và đông của trại, hy vọng phát hiện du kích Việt cộng đã quay về làng bản của họ. Không tìm được gì nhiều, chủ yếu vì tướng Chu Huy Mân đã lệnh cho các E rút về căn cứ Chư Pông ở phía tây, nơi họ sẽ hội quân với E66 để tiến công Plây-me một lần nữa...

Mãi 1-11, khi trực thăng trinh sát xa và rộng mới phát hiện đối phương cách Plây-me 7 dặm về phía tây, quân yểm trợ được gọi đến và 8 giờ 08 tấn công vào một vị trí, sau đó mới biết là một bệnh viện dã chiến của quân Bắc Việt Nam. Những cuộc chạm súng trong suốt ngày hôm đó...phía sư đoàn kỵ binh có 11 binh sĩ tử trận. Qua các tài liệu thu được kỵ binh biết rằng họ đang tìm đúng chỗ. Ngày 2-11 Kin-nốt chuyển hoạt động sục sạo phía tây và 3-11 lập bãi đáp ở bờ nam sông làm nơi xuất phát cho các toán tuần tiễu. Kin-nốt nghi ngờ khu vực Chư Pông là một căn cứ lớn của quân Bắc Việt Nam, nên đến 9-11 ông đưa lữ đoàn 3 do đại tá Thomas Ú. Brown chỉ huy thay lữ đoàn 1 và ra lệnh chuẩn bị tấn công khu vực cộng sản đang chiếm giữ. Toàn bộ D1 trực thăng vận D1/7 đến bãi đáp hôm 14-11 và từ đó lùng sục. D này do trung tá Harold G. More chỉ huy, sáng 14 trinh sát sườn đông Chư Pông tìm bãi đáp đã chọn khoảng rừng thưa ở sườn núi- sau này gọi là bãi đáp X-ray. Tiểu đoàn được đưa đến từng đợt, dẫn đầu là đại đội B của đại úy D. H-ren... Mo-rơ đặt sở chỉ huy xung quanh gò đất lớn gần bãi đáp, lệnh cho đại đội B tuần tiễu, bắt được 1 lính đào ngũ của Bắc Việt Nam, người này khẳng định đây là một căn cứ lớn của cộng sản, nên Mo-rơ liền lệnh cho H-ren tuần tra về nhánh núi phía bắc. Đại đội B tiến lên theo đội hình bài bản, đến 12 giờ 45 thì B1 gặp đối phương, trong khi chiến đấu đã yêu cầu chi viện. H-ren cho B2 gồm 27 binh sĩ tiếp ứng ngay, nhưng trên đường tiến vấp phải một tiểu đội Bắc Việt Nam liền đuổi theo thì bị hoả lực đối phương quét từ sườn phải và bị bao vây. H-ren đối phó bằng cách lệnh cho B3 xông lên nhưng ngay sau đó biết rằng mình đang phải đối đầu với một lực lượng đối phương lớn và có kỷ luật...

Mo-rơ theo dõi diễn biến này, đã gọi máy bay và trọng pháo tới oanh tạc trước khi đưa đại đội A mới đến tăng viện. Nhưng khi trung đội đi đầu vượt qua con suối cạn thì bị tiến công nặng nề và khi đạn cối quân Bắc Việt Nam bắt đầu nã xuống bãi đáp thì Mo-rơ buộc phải lệnh ngừng

trục thăng hoạt động. 14 giờ 45 với không đầy 3 đại đội trên chiến địa, Mo-rơ đang ở tình thế nguy hiểm. Để đối phó, đại tá Brao lệnh cho 1 đại đội của D2/7 ky binh bay từ An Khê tới và sau đó D2/2 ky binh bay tiến đến bãi đáp Victor cách bãi X-ray 5 dặm chuẩn bị tăng viện. May thay cho quân Mỹ, dưới áp lực không kích và pháo binh, hoả lực đối phương giảm đi nên số còn lại của D1/7 được trục thăng vận đến X-ray lúc 15 giờ, nhờ vậy Mo-rơ tổ chức lại được lực lượng phòng thủ: đại đội C và D giữ bãi đáp, trong khi đại đội A và số còn lại của đại đội B tập hợp lại tiến công giải toả cho trung đội B đang bị bao vây.

Dưới sự yểm trợ của pháo và rốc-kết, cuộc tiến công bắt đầu lúc 16 giờ 20 nhưng tiến chưa được 150m, Mo-rơ buộc phải cho lực lượng này rút lui, để mặc cho trung đội B của Clai-de E. Sa-vai-gơ chỉ huy đang bị bao vây, tự cứu lấy mình. 19 giờ, đại đội B của D2/7 đến, Mo-rơ lập một vành đai bảo vệ, trong khi suốt đêm đó quân Bắc Việt Nam cố gắng tiêu diệt trung đội B đang bị bao vây bằng 3 đợt tiến công và đưa lực lượng đến bao vây bãi đáp. Rạng 15-11, đối phương tiến công từ phía nam gây thương vong nặng nề cho đại đội C trước khi họ tiến công đại đội A phía đông. Hoả lực quét trên bãi đáp. Mãi 9 giờ quân tăng viện mới được trục thăng chở tới, D2/5 từ bãi đáp Victor tiến đến, quân Bắc Việt Nam mới tản ra. Mo-rơ lệnh cho tất cả các đại đội ra khỏi vành đai tìm kiếm những lính Mỹ bị thương và quân Bắc Việt Nam rút lui. Trong đêm thứ hai của cuộc giao tranh, đối phương chỉ tổ chức những cuộc tiến công quấy rối, nên trung đội của Sa-vai-gơ cuối cùng được giải vây, cuộc khủng hoảng chấm dứt. Nhưng chiến dịch chưa phải đã chấm dứt:

...10 giờ 30 ngày 16-11, D của Mo-rơ được thay thế, vào thời gian đó lực lượng của sư đoàn ky binh đã có 79 binh sĩ chết và 121 bị thương... Ngày 17-11 quân Mỹ rời bãi đáp X-ray để cho B52 tới ném bom núi Chư Pông và các D2/5, D2/7 đến thay cho D1/7 của Mo-rơ rút về bãi đáp Columbus. Nhưng khi D2/7 đến gần khu rừng thưa được gọi là bãi Albany thì lại bị quân Bắc Việt Nam đánh ngang sườn, đại đội C tổn thất nặng: 41 binh sĩ tử trận. Cuộc chiến kéo dài suốt chiều đến tối, viện binh được cấp tốc đưa từ bãi Columbus và từ An Khê đến. Những cuộc càn quét tiếp tục đến 27-11 mới hoàn toàn chấm dứt. Đây "là một thảm kịch": sau 33 ngày...phía sư đoàn ky binh 1 có 304 binh sĩ tử trận, 524 bị thương...".

TRẬN IA-DRĂNG VÀ CHIẾN THUẬT NẢM THẮT LƯNG ĐỊCH

Sau 5 tháng đổ quân trực tiếp vào Việt Nam, các tướng lĩnh quân Mỹ mong chờ một trận đánh lớn với “Việt Cộng”. Họ đã có được điều ước nhưng kết quả thì trái ngược các dự tính.

Trận đầu đánh Mỹ

Sau những trận thua liên tiếp của quân đội VNCH, chiến lược chiến tranh đặc biệt bị phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn thế thua và làm chỗ dựa cho quân Nam Việt Nam, chính phủ Mỹ quyết định đưa quân Mỹ vào trực tiếp chiến đấu. Tháng 6/1965, Tổng thống Mỹ phê duyệt chiến lược “Tìm Diệt” nhằm truy tìm và tiêu diệt quân chủ lực đối phương.

Tại Tây Nguyên, do vị trí chiến lược quan trọng, quân Mỹ và chư hầu đến giữa năm 1965 đã tăng lên đến 130.000 quân. Tháng 10/1965, Bộ tư lệnh mặt trận Tây Nguyên (còn gọi là mặt trận B3) điều Trung đoàn 33 vây đồn Pleime để dụ quân Ngụy ra cứu viện.

Sau 10 ngày vây đồn, 1 chiến đoàn quân Ngụy đi giải tỏa cho đồn Pleime đã sa vào ổ phục kích do Trung đoàn 320 đã giăng sẵn. Chiến đoàn này bị đánh thiệt hại nặng mà đồn Pleime vẫn bị vây hãm. Chiến đoàn là đơn vị ứng chiến cơ động lớn nhất của Ngụy quân đã được tung ra mà vẫn không có tác dụng, buộc quân Mỹ phải ra mặt.

Đầu tháng 11/1965, Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ đổ một tiểu đoàn xuống nam sông Ia-Drăng, một tiểu đoàn khác xuống điểm cao 732, cách La Mơ 5km. Một lữ dù hành quân cơ giới đến Đức Cơ triển khai quân trên đường 19B.

Bộ tư lệnh mặt trận B3 nhận định: “Lữ kỵ binh bay số 3 Mỹ thực hiện chiến thuật “nhảy cóc” vào hậu phương ta hòng tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta. Chúng ta đang nhử địch ra để diệt mà Mỹ tự nhảy ra như vậy là đúng ý định của ta, ta có cơ hội để chuyển sang diệt Mỹ”.

Điều đặc biệt là từ sĩ quan đến chiến sĩ ở B3 đều tin tưởng: “Mình sớm trực tiếp đụng đầu với quân Mỹ so với các chiến trường khác, sau một vài trận mình sẽ rút được kinh nghiệm, tin rằng sẽ thắng Mỹ như đã thắng Ngụy”.

Ngày 14/11/1965, Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 3 kỵ binh bay) đổ bộ xuống đông bắc Chư Pông 3km, cách Tiểu đoàn 9 (Trung đoàn 66) của ta 200m. Mặc dù vắng sĩ quan chỉ huy do đang đi nhận nhiệm vụ, lính tiểu đoàn 9 đã tự giác tổ chức chiến đấu đánh địch ngay từ phút đầu.

Đến trưa ngày 14, tiểu đoàn Mỹ bị phản công mạnh phải cụm lại chống cự, 1 trung đội bị vây chặt ngay tại bãi đáp trực thăng và viên chỉ huy trung đội bị giết tại trận. 17h cùng ngày, quân Mỹ cho máy bay ném bom vào đội hình quân ta, các đại đội của Tiểu đoàn 9 tự động rút khỏi trận địa sau khi đã gây thiệt hại nặng cho đối phương.

Trong 2 ngày tiếp theo, Tiểu đoàn 7 (Trung đoàn 66) liên tiếp tiến công vào khu vực đóng quân của lính dù Mỹ. Tuy nhiên, quân Mỹ đã củng cố phòng ngự lại có hỏa lực mạnh chi viện nên hiệu quả chiến đấu của các đợt tấn công của ta không cao. Mặc dù vậy, Tiểu đoàn 1 của Mỹ, sau 2 ngày bị 2 tiểu đoàn ta liên tiếp tấn công, đã rệu rã, thương vong nhiều.

Rạng sáng 17/11, Tiểu đoàn 7 mở một đợt tấn công nữa gây cho tiểu đoàn Mỹ thiệt hại lớn. Sợ bị tiêu diệt, quân Mỹ cho tàn quân tiểu đoàn này co cụm về gần trận địa pháo ở La Mơ để phòng thủ đồng thời đổ Tiểu đoàn 2 (Lữ đoàn lính dù số 3) xuống thay thế.

Tiểu đoàn dù này đã phát hiện được vị trí của Tiểu đoàn 8 (Trung đoàn 66) ở bờ sông Ia-Drăng. Về phía Tiểu đoàn 8, từ trước đó đã nhận được lệnh hành quân quay về để chặn đánh quân Mỹ đang tiến đến từ phía sau lưng. Trưa 17/11, đơn vị đang nghỉ bên bờ sông để ăn cơm trưa thì trinh sát báo quân Mỹ đang tới gần.

Hồi ký của tướng Nguyễn Hữu An - chỉ huy trưởng chiến dịch đã mô tả về trận tao ngộ chiến này: "Tiểu đoàn trưởng Lê Xuân Phôi bình tĩnh đôn đốc tiểu đoàn nhanh chóng triển khai đội hình chiếm trận địa có lợi trước mặt và hai bên, hình thành thế bao vây ép địch vào giữa hai gọng kìm của tiểu đoàn. Sau khi dùng hỏa lực súng cối chế áp ngấm vào đội hình địch, quân ta dũng cảm đồng loạt xung phong chia cắt đội hình và đánh giáp lá cà với địch. Cả đôi bên lúc này đội hình xen kẽ nhau đến độ chỉ cho phép dùng tiểu liên bắn găm, dùng lưỡi lê, lựu đạn mà chiến đấu".

Cùng lúc đó, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 33) cũng nhận được lệnh hành quân lên Chư Pông. Trên đường đi, tiểu đoàn nghe tiếng súng nổ đã nhanh chóng vận động lên phía trước đánh địch. Vậy là Tiểu đoàn dù số 2

của Mỹ đã nằm gọn vào vòng vây của Tiểu đoàn 8 (Trung đoàn 66) và Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 33). Với lối đánh giáp lá cà dũng mãnh của ta, quân Mỹ rối loạn đội hình đã nhanh chóng bị tiêu diệt.

Bài toán đã có lời giải

Trận Ia-Drăng là trận đánh lớn đầu tiên giữa quân tinh nhuệ Mỹ và bộ đội chủ lực của quân ta. Xét tương quan, quân Mỹ ưu thế tuyệt đối về sức cơ động (vì chuyển quân bằng trực thăng) và hỏa lực (có 1 tiểu đoàn pháo cùng lực lượng không quân yểm trợ với 300 lần xuất kích/ngày). Trong khi đó, hỏa lực mạnh nhất của quân ta chỉ có cối 82 mm.

Sau trận đánh, phía Mỹ thừa nhận bị loại khỏi biên chế 476 người, trong đó 230 người chết. Ta công bố địch thương vong khoảng 1.200 người và ta mất 208 chiến sĩ, bị thương 146. Nhưng phía Mỹ lại công bố đã quân ta thương vong 1.000 người.

Con số này rõ ràng là thổi phồng vì toàn quân số tham chiến của ta chỉ có 4 tiểu đoàn (mỗi tiểu đoàn không quá 500 người) mà sau trận đánh không có tiểu đoàn nào bị diệt sạch như phía Mỹ.

Không chỉ là một thắng lợi quân sự, trận Ia-Drăng còn tạo nên nhiều rung động đến tận các giới chức Mỹ. Tướng Westmoreland, sau trận đánh 1 tuần đã xin thêm 41.500 quân để nâng tổng quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên 375.000 người. Các giới chức từ quân sự đến dân sự ở Nam Việt Nam cũng như ở Mỹ bị chấn động mạnh.

Trong cuốn “Sự lừa dối hào nhoáng”, Neil Sheehan đánh giá: “Rõ ràng trận đụng độ đầu tiên với lực lượng chủ lực Bắc Việt đã làm những người đứng đầu Quân đội Mỹ tại Việt Nam thay đổi cách nhìn lạc quan về triển vọng chiến thắng dễ dàng vốn vẫn được duy trì hồi tháng 7”.

Đối với quân ta, trận thử thách đầu tiên đã giúp ta củng cố thêm niềm tin rằng ta sẽ thắng Mỹ. Để hạn chế hỏa lực mạnh mẽ của địch, chiến sĩ ta đã bám sát, đánh cận chiến với bộ binh địch.

Tác dụng của cách đánh này được phóng viên Gallouay, người đi theo Tiểu đoàn 2 của Mỹ mô tả lại: “Thiếu tá Henrry và trác thủ pháo binh đã cố gắng dùng điện đài của họ để gọi pháo binh và không quân chi viện. Điều này đã làm giảm bớt sự chết chóc, nhưng với đội hình kéo dài hơn 100 yard giữa bãi cỏ cao rậm thì các quả đạn pháo và bom na-pan sát thương quân Bắc Việt Nam đồng thời cũng sát thương cả người Mỹ”.

Lối đánh cận chiến này được tóm tắt trong phương châm “nắm thất lưng địch mà đánh”, được quân ta triệt để áp dụng trong những lần đối đầu quân Mỹ sau đó khiến hiệu quả của hỏa lực của Mỹ giảm đi rất nhiều.

“MŨI TÊN GẦY” TRONG THUNG LŨNG IA ĐRĂNG

Phóng viên Joe Galloway từng viết: “Trận chiến ở thung lũng Ia Drăng (Ia Drang) đã làm cho nước Mỹ lâm vào một thập kỷ sa lầy đẫm máu, dẫn 58.000 người Mỹ vào những chiếc quan tài bằng nhôm sáng bóng do quân đội sản xuất, làm hỏng một đời tổng thống, mang lại vết nhơ sâu sắc cho các đời tổng thống khác và đẩy cả dân tộc đến chỗ đối lập với chính bản thân mình”. Dưới đây là trích đoạn những ghi chép đầu tiên về trận đánh này của Joe Galloway

“ĐẠO CHƠI SỬI NẮNG”

Trong Sở Chỉ huy Lữ đoàn 3 Sư đoàn kỵ binh bay số 1 vừa bị tập kích đêm qua, Đại tá T.Brown thông báo cho tôi vấn đề kế hoạch ngày hôm nay (14-11-1965). Ông vừa phái Tiểu đoàn 1 của Trung tá Moore đi thực hiện nhiệm vụ tìm diệt. 450 lính thuộc tiểu đoàn này được không vận tới một bìa rừng mà Moore chọn làm bãi đáp sáng sớm hôm đó. Brown bảo tôi cứ loanh quanh ở Sở chỉ huy, vì nếu thuận, ông ta sẽ cho tôi đáp trực thăng tới đó. Ông nói đây là một cuộc “đạo chơi sưởi nắng”, sẽ chẳng có cuộc chạm súng nào xảy ra.

Trước 11 giờ sáng, các điện đài trong lều bạt của Brown bỗng rú lên diên đại. Khi 100 lính nữa của Moore đang được trực thăng đổ xuống bãi đáp trong đợt đổ quân thứ hai, trận đánh bắt đầu. Cuộc “sưởi nắng” đã không thể xảy ra.

Brown lao lên chiếc trực thăng chỉ huy, tôi lập tức bám theo. Chúng tôi bay 17 dặm tới chiến trường. Nó dễ tìm thôi, vì khói đã lên vùng trời phía trên bãi đáp X - ray của tiểu đoàn Moore.

Vì Moore chỉ được giao có 16 chiếc Huey để tiểu đoàn mình tập kết xuống bãi đổ quân X - ray, nên khi bị đánh, mới chỉ có non nửa quân số của tiểu đoàn được đổ bộ. Đây quả là một ác mộng xấu nhất cho một người chỉ huy. Moore hiểu rằng ông phải giữ cái bìa rừng có diện tích vừa bằng cái sân bóng ấy để có thể đổ nốt số quân còn lại của tiểu đoàn, cùng với hàng tiếp tế, đạn dược. Moore cũng biết mình cần đưa thương binh về cứu chữa tại hậu phương. Ông ta đã lệnh cho quân mình thọc ra ngoài chu vi

bìa rừng và cố giữ không để đối phương thâm nhập bãi đổ quân. Chúng tôi lượn vòng trên đầu quân Mỹ ở độ cao 1.500 phít (khoảng 450m), trong khi Brown bảo Moore rằng ông ta muốn hạ xuống để xem tình hình ra sao. Moore trả lời rằng nếu chiếc máy bay chỉ huy với dàn ăng ten khác thường như thế hạ cánh xuống, đối phương sẽ bắn nó thủng lỗ chỗ, và Brao mất phương tiện để khử hồi. Cũng có thể là như vậy, nhưng rõ ràng Moore không muốn chỉ huy kè kè bên mình trong khi tác chiến.

Vì thế tôi chỉ đáp được xuống một trận địa pháo của quân Mỹ ở cách bãi đáp X- ray khoảng 5 dặm, nơi những quả đạn pháo rít trên đầu, bắn hỗ trợ cho quân của Moore

Báo cáo kế hoạch và những ai sẽ đáp chuyến bay tới với Trung tá Moore qua bộ đàm, Đại úy Dillon, sĩ quan tham mưu của Moore nói thêm: "Đây còn có phóng viên Galloway muốn đi cùng với chúng tôi". Moore trả lời: "Nếu cha ấy điên rồ đến mức muốn đến chỗ này, và máy bay còn chỗ thì cứ cho hắn đi"...

Cạm bẫy

Hai chiếc Huey tắt đèn khi chúng tôi bay vào trong thung lũng, và chúng tôi chuẩn bị nhảy xuống tại điểm dừng của trực thăng ở lưng chừng ngọn cây. Tôi nhận thấy những vạch sáng dài, mảnh le lói trong đêm. Ban đầu, tôi nghĩ đó là ánh lửa dầu nòng, rằng đối phương đang nhằm bắn vào chúng tôi. Sau mới biết là ánh đèn pin của quân Bắc Việt đang vận động từ đỉnh xuống chân núi để xung vào trận đánh.

Chiếc Huey hạ xuống đám cỏ voi trên bãi đáp, và chúng tôi nhảy ào xuống, quờ phải những thùng đạn và các bình nhựa đựng nước cỡ 5 gallon (bốc lên do gió cuốn từ cánh quạt trực thăng), rồi quẳng chúng đi. Chúng tôi ngã sòng xoài xuống đất trong khi hai chiếc trực thăng bốc lên cao trong bóng tối. Sau khi tiếng cánh quạt trực thăng ắng đi, chúng tôi nghe thấy một giọng trầm: "Theo tôi đi gặp Trung tá Moore. Hãy chú ý trên từng bước đi, có nhiều xác chết ở đây, và chúng đều là xác quân Mỹ".

Đêm qua đi chậm rãi trên bãi đổ quân X - ray, bị ngắt quãng bởi những loạt súng bộ binh nhỏ giọt bắn dọc theo chu vi của khu vực Mỹ đóng quân, để các hỏa điểm súng máy của Mỹ bắn trả, tự làm bộc lộ vị trí của mình. Các trung sĩ có kinh nghiệm và Trung tá Moore cảnh báo quân lính không được mắc mưu những đòn nghi binh đã cũ như thế. Hầu hết

lính Mỹ đều giữ được bí mật hỏa lực. Cùng lắm, lựu đạn Mỹ được ném trả lời những đòn thăm dò này.

Đại đội lựu pháo 105mm của Trung tá B. Barker đã giữ tinh thần chúng tôi suốt đêm ấy, bắn yểm trợ dọc theo tiền duyên phòng ngự của quân Mỹ nằm ven rừng, nơi phủ đầy cỏ voi, và bên các con dốc của rặng núi Chư Pông, sừng sững in bóng lên bãi đổ quân X - ray, triển núi chạy sâu vào đất Campuchia thêm khoảng 10 dặm.

Số phận của trung đội của Trung úy H. Herrick nay đè nặng lên tâm trí của Moore. Herrick, trước khi tử trận, đã dẫn 29 người của mình đuổi theo hai người lính Bắc Việt mà trung đội này phát hiện được trong khi đang hành tiến để hội quân với Đại đội B, thuộc cánh phải, từ sáng chủ nhật. Các hạ sĩ quan đã tìm cách dừng cuộc truy kích này lại, nhưng Herrick đã chạy thẳng vào một cái bẫy của đối phương. Ngay trong những giờ đầu, Herrick đã tử thương, cùng hai trung sĩ nữa. Savage, viên trung sĩ trẻ, đến từ Birmingham, bắt ngờ nhận lãnh vai trò chỉ huy trung đội.

Ngay từ giờ đầu, 8 lính Mỹ tử trận và 13 người khác bị thương trong số 29 người thuộc quân số của trung đội này, hoặc được ghép vào. Savage giật lấy bộ đàm của Herrick và gọi pháo Mỹ bắn sát sạt vào vị trí của trung đội. Trong suốt 26 giờ, một phân đội lính Mỹ bị bao vây bởi hàng trăm lính đối phương, quyết tâm tiêu diệt hết họ. Trung sĩ Savage và Trung sĩ quân y Randy đã bảo toàn mạng sống cho những người lính Mỹ còn lại trong suốt các đợt tiến công của đối phương trong buổi tối và suốt đêm.

Trong một nỗ lực đột phá tuyệt vọng về phía trung đội bị vây, hai đại đội A và B của Tiểu đoàn Moore đã dấy lên một cuộc tiến công vào cụm quân đối phương đông hơn tới hàng trăm người, đang vây quanh bãi đổ quân của Mỹ. Hàng chục lính Mỹ thiệt mạng, một số đông hơn bị thương. Trung úy W.Marm được thưởng huân chương vì đã vô hiệu một hỏa điểm súng máy của đối phương bằng lựu đạn và M-16.

Moore muốn cứu họ. Và ngay sau hừng đông ngày thứ hai (15-11-1965), Moore triệu tập các chỉ huy đại đội tới sở chỉ huy dã chiến của tiểu đoàn nằm sau một ổ mối để nhận lệnh tổ chức một cuộc đột kích gồm 3 đại đội nhằm cứu trung đội đang bị vây. Nhưng khu rừng bên bìa rừng này

quá yên ắng, khiến Moore nghi ngại. Ông yêu cầu các đại đội cử các phân đội nhỏ đi trinh sát phía trước trận địa của mình.

“Mũi tên gãy”

Các đội trinh sát tách khỏi tiền duyên của đại đội C ở phía đông nam của X- ray đã đụng phải một đơn vị đông quân Bắc Việt đang triển khai tấn công, phải chạy ngược trở về, kêu thét báo nguy. Bìa rừng phía này bùng nổ, theo đúng nghĩa đen. Hỏa lực của đối phương nhằm vào đại đội C cũng rạch xé vị trí Sở chỉ huy của Moore. Tôi lăn khỏi cái cây nhỏ, trườn đi. Chúng tôi không có hố cá nhân. Đống đất đỏ cạnh ổ mối cứng như bê tông.

Tình hình đối với Đại đội C thậm chí xấu. Một tiểu đoàn quân Bắc Việt vừa hành tiến vừa bắn qua trận địa của hai trung đội dưới quyền Đại úy Bob Edwards, sát thương phần lớn quân số của hai trung đội này. Nếu tiểu đoàn này tiếp tục tiến, nó sẽ dũi được vào tới Sở chỉ huy của Moore... nhưng pháo Mỹ đã giội bão đạn xuống, chặn đường tiến của cánh quân này.

Khi cuộc tiến công của đối phương vừa bắt đầu, Moore ra lệnh cho Đại úy Dillong huy động tất cả các loại hỏa lực phi pháo có thể tạo được vành đai yểm trợ. Nhận thấy tình hình của cánh quân Edwards xấu đi rõ rệt, Trung úy không quân Charlie Hastings mở máy bộ đàm và phát đi tín hiệu tuyệt vọng: “Mũi tên gãy! Mũi tên gãy”. Mật hiệu này có nghĩa là: “Đơn vị của Hoa Kỳ đang có nguy cơ bị diệt! Hãy sử dụng toàn bộ không lực hiện có để cứu họ”. Chỉ sau nửa giờ, đã có các máy bay ném bom lượn vòng vòng trên bãi đáp Xray, chờ nhận mục tiêu không kích.

Chỉ vài phút sau, hỏa lực của quân Mỹ bỗng giội vào gần đến mức suýt nữa quét sạch sở chỉ huy cùng tất cả bọn tôi ở đó. Chúng tôi phải tựa vào gò mối nay thành cái mộc chắn những loạt bắn dồn dập từ phía nam và đông nam. Tôi chợt nghe thấy Moore thét gọi Trung úy Hastings: “Dừng máy bay lại! Dừng chúng lại”. Tôi nhìn thấy hai chiếc F-100 Supersabre bổ nhào, nhắm thẳng vào vị trí của chúng tôi. Chiếc đi đầu đã kịp thả hai trái bom napan. Còn Moore vẫn cố tìm cách cản chiếc thứ hai cất bom napan thẳng xuống đầu chúng tôi.

Hastings hét thét thanh vào micro: “Ngóc lên! Ngóc lên mau”. Chiếc F100 thứ hai quả là kịp ngóc lên, và bay vọt đi mất. Nhưng rõ ràng chúng tôi phải ăn hai trái bom đã giội xuống rồi, quả là khốn nạn, cùng quẫn.

Hai quả napan lao qua đầu chúng tôi, vấp xuống đất, nổ bùng lên thành bức tường lửa chỉ cách có mười mười lăm thước, nhấn chìm hai công sự được đào ở đó.

Lập tức, Binh nhì D.Nakayama) và Trung sĩ J. Clark vùng vẫy, la hét trong đám lửa. Tôi bật dậy lao về phía rừng cỏ cháy. Ai đó thét bảo tôi nắm chặt lôi giúp Nakayama về phía trạm xá. Trung sĩ T.Burlile lao qua khoảng trống trong rừng tới trợ giúp nhưng bị một viên đạn thiện xạ bắn trúng. Burlile, vừa tròn 23 tuổi bốn ngày trước đó, tắt thở trong tay chỉ huy đại đội mình...

(Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH PLEIME - CUỘC ĐỘ SỨC LỊCH SỬ

Chiến dịch Pleime diễn ra từ ngày 19/10 đến ngày 26/11/1965 qui mô tương đương cấp sư đoàn, là đòn đánh phủ đầu của bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên đối với sư đoàn kỵ binh bay số 1 - đơn vị được coi là niềm kiêu hãnh của quân đội Mỹ.

Trận chiến tuy đã đi qua hơn một nửa thế kỷ, nhưng bài học về lòng dũng cảm, sự sáng tạo và ý chí quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam trước một đội quân nhà nghề vẫn còn nguyên giá trị.

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

Trước nguy cơ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị thất bại, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Tháng 9/1965, chính phủ Mỹ gấp rút triển khai kế hoạch đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam trực tiếp tham chiến để giành quyền kiểm soát miền Nam Việt Nam.

Cục diện mới

Trước nguy cơ tan rã của quân đội và chính quyền Sài Gòn, chính phủ Mỹ gấp rút đưa quân vào miền Nam Việt Nam để làm chỗ dựa cho nguy quân, nguy quyền và chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Cùng với lực lượng chiến đấu của Mỹ vào Chu Lai (8/3), Vũng Tàu (10/5) và Cam Ranh (10/6), đến tháng 9, kế hoạch đưa sư đoàn kỵ binh bay số 1 vào An Khê cũng được hoàn tất.

Mỹ đã đẩy cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam sang giai đoạn mới, với lực lượng tác chiến mới, phương thức tiến hành chiến tranh mới; quy mô chiến tranh lớn hơn và cường độ ác liệt hơn trước.

Trên địa bàn Tây Nguyên, địch đưa lên nhiều đơn vị tinh nhuệ. Tại Plây Cu, lực lượng quân đội Sài Gòn có sở chỉ huy vùng II, sư đoàn số 4 không quân; ở Buôn Ma thuật có sư đoàn bộ binh số 2 và 1 chiến đoàn thiết giáp; dọc biên giới từ Đắc Pét đến Plây Cản có 4 liên đoàn biệt động quân (số 2, 6, 21 và 22). Riêng tại khu vực An Khê (Gia Lai) còn có 1 lữ đoàn lính thủy đánh bộ thuộc sư đoàn “Mãnh Hổ” Nam Triều Tiên. Đưa quân chiến đấu của Mỹ và chư hầu đến khu vực Tây Nguyên, Mỹ muốn “giành quyền kiểm soát cao nguyên chiến lược để giành chiến thắng ở miền Nam Việt Nam”. Tin tưởng vào ưu thế của sức mạnh quân sự, họ chủ động tiến công “tìm diệt”, nhằm tiêu diệt quân chủ lực, phá căn cứ kháng chiến, ngăn chặn, chia cắt hành lang chiến lược từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam của ta, khu vực Tây Nguyên đang trở thành chiến trường lớn.

Nhạy bén, sắc sảo trong dự báo

Lúc này, tại miền Nam Việt Nam, giữa ta và phía bên kia đã có sự thay đổi lớn về tương quan. Số quân Mỹ, chư hầu và quân ngụy đông hơn; vũ khí, trang bị kỹ thuật của họ hiện đại hơn nhiều. Đối phương lại chiếm ưu thế tuyệt đối về không quân, hải quân, pháo binh, xe tăng - thiết giáp. Với khả năng cơ động của trực thăng, họ có thể nhanh chóng chuyển hóa thế trận, làm đảo lộn một số nguyên tắc tác chiến.

Tuy vậy, quân Mỹ và chư hầu được đưa vào trong thời điểm mà chiến tranh nhân dân ở miền Nam đã phát triển cao. Các vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng - nông thôn và đô thị đều có sự xen kẽ giữa ta và địch theo kiểu “cài răng lược”. Vì thế, đối phương phải phân tán lực lượng trên toàn miền để đối phó. Cũng vào thời điểm này, các đơn vị tập trung của ta đã có sự phát triển mới về chất, nhất là trình độ chỉ huy, tác chiến.

Những chiến dịch tiến công quy mô nhiều trung đoàn bộ đội chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương đã được tổ chức trên các chiến trường. Từng tiểu đoàn, thậm chí cả chiến đoàn quân ngụy bị tiêu diệt đã trở thành phổ biến. Một số trận đấu đánh quân Mỹ và giành thắng lợi như ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi) của bộ đội Khu 5 đã cổ vũ, khích lệ quân và dân trên các chiến trường toàn miền Nam.

Với dự báo và nhận định tình hình, quân Mỹ đã vào và trở thành lực lượng tham chiến chủ yếu trên chiến trường miền Nam. Bộ Chính trị và

Quân uỷ Trung ương đã chỉ đạo "... chuẩn bị sẵn sàng đối phó để có thể thắng địch nếu chúng biến chiến tranh ở miền Nam hiện nay thành cuộc chiến tranh cục bộ..; tổ chức lực lượng căng kéo, kìm giữ không cho quân Mỹ rảnh tay thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt"... Yêu cầu các đơn vị khẩn trương làm tốt công tác chuẩn bị, nhất là về tư tưởng, sẵn sàng đánh và quyết thắng quân Mỹ ngay từ trận đầu, góp phần đánh bại kế hoạch "đánh nhanh, giải quyết nhanh", tiến tới đánh bại "chiến tranh cục bộ" của Mỹ".

Khó khăn từ thực tiễn

Quán triệt chỉ thị của cấp trên, Đảng uỷ Mặt trận Tây Nguyên (B3) ra nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị chủ lực Mặt trận phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chủ động đánh địch, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng du kích. Đồng thời, "...thường xuyên bồi dưỡng chuẩn bị cho bộ đội, sẵn sàng tiêu diệt quân Mỹ, quyết đánh thắng trận đầu". Đảng uỷ Mặt trận Tây Nguyên cũng xác định rõ: đối tượng tác chiến là lực lượng tổng dự bị quân đội Sài Gòn và sư đoàn số 1 kỵ binh bay Mỹ.

Nhưng khó khăn đang đặt ra trong thực tiễn là đến thời điểm đó, toàn Miền, cũng như trên địa bàn Tây Nguyên chưa có cuộc đọ sức giữa bộ đội chủ lực với lực lượng của sư đoàn kỵ binh bay số 1. Tuy nhiên, trước đó chiến trường Khu 5 đã tổ chức trận tập kích quân Mỹ ở Núi Thành (5/1965), trận chống quân Mỹ càn quét ở Vạn Tường (8/1965). Đây là 2 trận đánh diễn ra ở đồng bằng ven biển, đối tượng là lính thủy đánh bộ Mỹ. Vì thế, chúng ta có thể bước đầu rút ra một số kinh nghiệm, đánh giá thủ đoạn tác chiến, qui luật hoạt động phi pháo... của quân Mỹ; các hình thức tác chiến đã được bộ đội Khu 5 vận dụng đạt hiệu quả cao trong chiến đấu.

Sau khi phân tích, đánh giá tình hình một cách thận trọng cả chủ quan và khách quan về ta và địch, Bộ Tư lệnh Mặt trận một lần nữa củng cố quyết tâm, chủ động mở chiến dịch tiến công Pleime - Ia Đrăng trên hướng có lựa chọn. Dự kiến diễn biến chiến dịch được triển khai làm 3 đợt. Về quy mô, sử dụng 3 trung đoàn, nhằm tiêu diệt 1 bộ phận sinh lực tinh nhuệ quân đội Sài Gòn; buộc quân đội Mỹ tham chiến để chúng ta tiêu diệt gọn đơn vị quân Mỹ.

SÓNG NGẦM

Chuẩn bị độ sức với một đội quân chuyên nghiệp, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến đấu rất đầy đủ là một thử thách cam go, nhưng cũng là một trọng trách to lớn mà sứ mệnh lịch sử đã giao phó cho cán bộ, chiến sĩ Mặt trận Tây Nguyên.

Trước một đối thủ có khả năng cơ động cao, sức mạnh gần như tuyệt đối của hỏa lực phi pháo, Thường vụ Đảng ủy Mặt trận đã kịp thời lãnh đạo, quán triệt cho cấp ủy, cán bộ chỉ huy; phân tích, đánh giá tiềm lực của sức mạnh chiến tranh nhân dân, những điểm mạnh, yếu của kẻ địch về mặt chiến lược.

Mở rộng dân chủ trong quân sự

Tại hội nghị Đảng ủy Mặt trận Tây Nguyên mở rộng, Tư lệnh kiêm Chính ủy Chu Huy Mân đã đưa ra những lập luận, tình huống định hướng cho các cán bộ chỉ huy thảo luận, trao đổi, bàn bạc tập trung vào chủ đề “đánh như thế nào để thắng Mỹ?”. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên xác định “... trước hết phải dám đánh Mỹ và quyết tâm đánh thắng; vừa đánh vừa tìm hiểu địch nhất định chúng ta sẽ tìm ra cách đánh thắng chúng”. Đại tá Trần Ngọc Quế, năm nay 84 tuổi, nguyên thư ký riêng cho Đại tướng Chu Huy Mân (thời kỳ 1964 - 1975), cho biết lúc này Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận đã thống nhất: Lấy việc vây điểm là chủ yếu, trong vây điểm thực hiện đánh mề, tiêu hao quân địch, buộc chúng phải viện nhanh. Trong diệt viện thì diệt cả viện đường bộ, viện đường không, đánh cả viện đi, viện về.

Dùng lối đánh vận động phục kích, vận động tấn công, tập kích, pháo kích, dùng mìn để tiêu diệt, tiêu hao quân địch. Kết hợp mọi cách đánh của ba thứ quân đánh tiêu diệt nhỏ với tiêu diệt vừa và lớn, thực hiện nghi binh rộng rãi, tạo thành thế liên tục tiến công; đánh thắng trận đầu, đánh thắng các trận tiếp theo, trận trước thắng lợi tạo điều kiện và thời cơ cho trận sau giành thắng lợi cao hơn.

Quá trình nghiên cứu, sau nhiều công sức xác định khu vực quyết chiến và thời cơ diễn ra trận then chốt, ta chọn Thung lũng Ia-Đrăng dưới chân núi Chư Pông là nơi mở trận quyết chiến với quân Mỹ.

Kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch

Thiếu tướng Bùi Nam Hà năm nay 87 tuổi, nguyên Tham mưu trưởng Mặt trận Tây Nguyên, kể lại: Kế hoạch chiến dịch được điều chỉnh

tập trung vào một số nội dung lớn. Về chủ trương, thực hiện “vây điểm Pleime buộc địch phải viện quân theo thứ tự, ý định của ta; dụ quân viện của quân ngụy đánh trước, sau đó dụ lính Mỹ ra để vây diệt”. Bộ Tư lệnh Mặt trận dự kiến sử dụng lực lượng Trung đoàn 33 tiêu diệt căn cứ Chư Ho và vây ép đồn Pleime, Trung đoàn 320 bố trí sẵn thể trận phục kích quân đội Sài Gòn đi cứu viện trên đoạn dài khoảng 3km, dọc đường 21 từ Playcu đi Pleime, nơi đi qua các điểm cao 600, 607, Pơ Lu, đồi Độc Lập. Sau đó đơn vị chuyển sang làm lực lượng dự bị và bảo vệ phía sau, 2 bên sườn đội hình chiến dịch.

Trung đoàn 66 ngoài miền Bắc mới vào bổ sung cho chiến trường Tây Nguyên sẽ phối hợp với một bộ phận của Trung đoàn 33 đảm nhiệm trận quyết chiến với quân Mỹ tại thung lũng Ia-Đrăng dưới núi Chư Pông.

Tương quan lực lượng

Thành lập ngày 1/7/1965 tại trung tâm huấn luyện Fort Benning, thuộc bang Georgia, sư đoàn kỵ binh không vận số 1 của Mỹ được tổ chức theo nguyên tắc sư đoàn có 3 lữ đoàn; lữ đoàn có 3 tiểu đoàn; tiểu đoàn có 4 đại đội.

Sư đoàn có khoảng 16.000 quân, 434 máy bay các loại, chủ yếu là trực thăng, (có cả loại Chinook CH47 có thể mang dàn pháo 105mm), 1.600 xe các loại, trong đó có 26 xe bọc thép loại nhẹ, 54 khẩu pháo 105mm, 78 dàn rốc két với 1.872 ống phóng cỡ 70mm lắp trên trực thăng UH.1B... (1 thẳng UH.1B có hỏa lực tương đương 12 khẩu pháo 105mm; hỏa lực 1 tiểu đoàn trực thăng UH.1B sẽ mạnh gấp 6 lần tiểu đoàn pháo hỗn hợp).

Do có ưu thế vượt trội, sư đoàn này có khả năng tổ chức tập kích bằng đổ bộ đường không vào phía trước, phía sau, hai bên sườn đội hình đối phương theo kiểu “cóc nhảy”, bao vây, chia cắt, đánh phá, gây tổn thất lớn các đơn vị ở gần, hoặc sâu trong hậu phương, hậu cứ... Bộ trưởng quốc phòng Mỹ R. McNamara đã phát biểu: sư đoàn kỵ binh bay số 1 đã “tạo ra cho lục quân một khả năng mà không một lục quân nào trên thế giới ngày nay có được”.

Bởi vậy, Mỹ coi đây sẽ là đơn vị tinh nhuệ bậc nhất, “con chủ bài” trong chiến tranh tại miền Nam Việt Nam. Nhà báo người Mỹ J. Galoway

đã viết: “Bằng cách sử dụng chiến thuật “tìm diệt”, sư đoàn kỵ binh bay có thể dồn đuổi đối phương, nghiền nát họ và giành được thắng lợi”.

Cũng theo Thiếu tướng Bùi Nam Hà, thể hiện quyết tâm đánh thắng, Bộ Quốc phòng tổ chức 3 trung đoàn đủ quân, được huấn luyện hơn 1 năm để bổ sung cho Mặt trận Tây Nguyên.

Trong đó, Trung đoàn 66 thuộc Sư đoàn 304 với đội ngũ cán bộ chỉ huy được tuyển lựa từ các đơn vị có kinh nghiệm trong đánh Pháp; được ưu tiên biên chế vũ khí đủ mạnh so với khả năng của quân đội hồi đó (cấp tiểu đội có 10 người, 7 súng AK.47, 2 súng CKC, 1 B40; cấp trung đội có 1 súng thượng liên, 1 đại liên; cấp đại đội có 1 đại liên, 1 cối 60mm, 1 DKZ 57mm; cấp tiểu đoàn có cối 82mm, sơn pháo 75mm, súng phòng không 12,7 mm...).

Trên hướng chủ yếu chiến dịch, quân ta còn có tiểu đoàn pháo binh, tiểu đoàn đặc công và một số đơn vị thuộc lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Gia Lai đánh phân tán, căng kéo, kìm chân địch.

Đúng 18h ngày 19/10/1965, chiến dịch Pleime bắt đầu mở màn.

TRẬN CHIẾN KHÔNG KHOAN NHƯỢNG

Thiếu tướng Bùi Nam Hà nhớ lại: “Ngày 8/11/1965, Đảng ủy Mặt trận tổ chức cuộc họp mở rộng, đánh giá tình hình và nhận định vài ngày tới quân Mỹ sẽ mở cuộc tấn công quyết giành thắng lợi về chiến thuật, đây là cơ hội tốt cho bộ đội Tây Nguyên tiêu diệt gọn đơn vị quân Mỹ”.

Những điều tâm huyết

Ngoài việc chỉ đạo các đơn vị chủ động tổ chức liên tục những trận đánh Mỹ đạt hiệu suất cao, Bộ Tư lệnh còn thành lập sở chỉ huy tiền phương đặt tại phía bắc núi Chư Pông và phân công Thượng tá Nguyễn Hữu An làm Tư lệnh, Trung tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy.

Khi chia tay 2 người về sở chỉ huy tiền phương, Tư lệnh kiêm Chính ủy Mặt trận Chu Huy Mân còn căn dặn: “Thắng trận này không chỉ là vấn đề tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch mà điều quan trọng nhất là cổ vũ sĩ khí và lòng tin đánh thắng Mỹ của quân dân Tây Nguyên nói riêng, quân dân cả nước nói chung”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo quan trọng đó, trước khi chuyển sang đợt 3 của chiến dịch, sở chỉ huy tiền phương đã trực tiếp đi kiểm tra tình hình các đơn vị, kịp thời xử lý những diễn biến đột xuất trên chiến trường; giao

nhiệm vụ cho từng đơn vị tổ chức đánh nghi binh, thu hút, “điều, dụ” quân Mỹ về thung lũng Ia-Đrăng, nơi có thế trận của quân ta bày binh, bố trận sẵn để tiêu diệt.

Do nắm chắc tình hình, dự kiến tình huống cụ thể, tỉ mỉ và sát thực tế, nên ta chủ động tổ chức tác chiến trong diễn biến đợt 3. Đặc biệt, ngày 17/11/1965 kết thúc loạt trận thứ 4, bộ đội Tây Nguyên đã diệt gọn 1 tiểu đoàn quân Mỹ tại khu vực LZ X RAY (tọa độ X) được coi là dấu mốc của trận then chốt chiến dịch.

Sau này, Thượng tướng Nguyễn Hữu An nhận xét: “Cuộc chiến đấu ngày 17/11/1965 là quan trọng nhất trong toàn bộ chiến dịch. Tôi lệnh cho các tiểu đoàn khi gặp quân Mỹ, hãy chia thành nhiều nhóm và tấn công từ tất cả các hướng để chia cắt đội hình quân Mỹ ra thành nhiều đoạn và nắm lấy thất lưng họ mà đánh”.

Tao ngộ chiến

Quân Mỹ sau 3 ngày tham chiến, quân số bị hao hụt nhiều do thương vong, tinh thần binh lính mệt mỏi, tối 16/11/1965, tiểu đoàn 1 từ khu vực tọa độ X rút về bãi đỗ Albany để chờ thay phiên.

Sáng 17/11/1965, tiểu đoàn 2 của Bob McDade thuộc trung đoàn kỵ binh bay số 7 và tiểu đoàn 2 của Bob Tully, thuộc trung đoàn kỵ binh bay số 5, nhận nhiệm vụ thay phiên hành quân đến 2 khu vực gần tọa độ X nhằm ngăn chặn đường rút lui và tiêu diệt đối phương. Như vậy, từ ngày 14 - 17/11/1965, cả 3 tiểu đoàn của lữ đoàn kỵ binh bay số 3, đã bị Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên “điều” vào tham chiến tại thung lũng Ia-Đrăng. Phía ta đã điều Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 66 (dự bị chiến dịch) và Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 33, triển khai lực lượng tổ chức đánh 2 tiểu đoàn “kỵ binh bay” của Mỹ. Đến 12h20, bộ phận đi đầu của Tiểu đoàn 8 đã chạm quân Mỹ và chủ động tiến công. Tiểu đoàn 1 của ta cũng lao ngay về hướng có tiếng súng, phối hợp đánh thọc vào 2 bên sườn đội hình địch.

Do giành thế chủ động, bộ đội ta nhanh chóng áp sát, thọc sâu, chia cắt, bao vây bốn phía không cho địch co cụm; đồng thời dùng cảm, táo bạo dùng lê, dao găm “tao ngộ chiến” với quân Mỹ. Có chiến sĩ vóc dáng nhỏ bé nhưng vẫn nằm đè lên xác lính Mỹ mà lưỡi lê còn cắm vào ngực đối phương; có tổ chiến đấu hi sinh cả ba người, nhưng xung quanh ngổn ngang xác lính Mỹ...

Một số lính Mỹ khi sống sót trở về hậu cứ, thừa nhận: “Chúng tôi đã chịu nhiều thương vong; chúng tôi bán trả bằng tất cả khả năng của mình, nhưng không có mục tiêu cụ thể. Rõ ràng là chúng tôi bị bao vây và sa bẫy và phải hứng chịu hỏa lực từ tất cả các phía”; “...ở đó các đại đội chủ lực của kỵ binh bay bị chia cắt thành nhiều nhóm nhỏ...” và “...tất cả chúng tôi ở lẫn lộn với nhau, quân ta và quân địch. Thật vô cùng hỗn loạn...”, “Có đại đội 108 binh sĩ nhận nhiệm vụ vào buổi sáng, 1 ngày sau chỉ còn lại 8 người còn sức chiến đấu...”.

Đến thời điểm này, bộ đội chủ lực Tây Nguyên đã “tiêu diệt tiểu đoàn 2 của B. MC Dade, trung đoàn số 7; đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 5 của B. Tu-ly, thuộc trung đoàn số 5. Trước đó, tiểu đoàn 1, trung đoàn số 5 của trung tá H. Mo-rơ cũng mất đứt 1 nửa. Sau đó, chiều 17/11/1965, 2 đại đội của tiểu đoàn phái đến cứu nguy cho tiểu đoàn B. Mắc-đát tại khu vực “tọa độ X”, lại bị Tiểu đoàn 8 và 1 Đại đội của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 33 của ta tiêu diệt thêm 1 số, thì cũng gần như xóa sổ” .

DẤU ẤN LỊCH SỬ

Xác định đúng trận then chốt đầu tiên vận động phục kích, diệt gọn đơn vị quân đội Sài Gòn trên đường 21 đi giải tỏa Pleime và dự kiến đúng điểm quyết chiến, trận then chốt chiến dịch. Ta đã chủ động “điều hổ ly sơn”, buộc quân Mỹ tổ chức hành quân “tìm diệt”, dẫn tới bị động và mắc vào thế trận “vây diệt” đã bày sẵn của ta tại thung lũng Ia-Đrăng.

Nghệ thuật quân sự

Bằng vũ khí mang vác, bộ đội ta vẫn chủ động tiến công giành thắng lợi rõ ràng trước đối tượng đó có ưu thế tuyệt đối về vũ khí, trang bị kỹ thuật, với chiến thuật mới nhất. Bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên đã dũng cảm, táo bạo, sáng tạo, tổ chức đánh gần, “nắm thắt lưng địch mà đánh”, đội hình không bị phân tuyến, hạn chế tối đa sức mạnh hỏa lực phi pháo của địch; dùng lực lượng tại chỗ đối phó có hiệu quả trước sự cơ động bằng máy bay lên thẳng của địch.

Bộ đội chủ lực Tây Nguyên viết tiếp truyền thống vẻ vang “đánh thắng ngay từ trận đầu” của quân đội ta, tạo thế giành thắng lợi cho các chiến dịch tiếp theo đến chiến dịch tiến công Buôn Mê Thuột, chiến dịch mở đầu đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Chiến thắng Pleime góp phần thúc đẩy nhanh hơn sự suy sụp về ý chí chiến đấu của quân đội Mỹ trên chiến trường miền Nam; tác động trực tiếp tới công luận tại nước Mỹ. Đánh dấu sự khởi đầu “hội chứng Việt Nam”, gây ra sự ám ảnh dai dẳng, nặng nề đối với quân đội và nhân dân Mỹ trong nhiều thập kỷ.

Dấu ấn lịch sử

Qua nhiều năm suy ngẫm, trung tướng Harold G. Moore, nguyên là trung tá tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn số 1 thuộc sư đoàn kỵ binh bay và J.Galloway, phóng viên chiến trường, người trực tiếp chứng kiến những trận chiến đấu tại thung lũng Ia-Đrăng của quân đội Mỹ, đã đả độn cay thừa nhận “Ia-Đrăng, trận đánh làm thay đổi cuộc chiến tranh Việt Nam”. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai nếu chúng ta buộc phải tiến hành sẽ là cuộc chiến tranh nhân dân chống lại cuộc chiến đa chiều, tác chiến cả ban ngày lẫn ban đêm trên mọi địa hình, với cường độ hỏa lực cực kỳ khốc liệt và chính xác của đối phương. Nhưng bao giờ cũng vậy, muốn giải quyết gọn cuộc chiến, đối phương phải thực hiện phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” nhằm hạn chế thấp nhất tổn thất về vật chất và con người.

Song, dù đối phương có sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại tới đâu chăng nữa thì vẫn có những mặt hạn chế. Từ Ia-Đrăng đến những cuộc xung đột khu vực gần đây trên thế giới đều phơi bày điểm yếu cố hữu của bên gây chiến: sự tiêu tốn vật chất vô cùng lớn và qui trình kỹ thuật của các phương tiện chiến tranh luôn đòi hỏi khát khe về tính đồng bộ trong quá trình bảo đảm hậu cần, kỹ thuật.

Đó là chưa kể tới tính 2 mặt của công nghệ thông tin trong chỉ huy, điều hành và trong khai thác, sử dụng khí tài (như cuộc chiến Kosovo). Bởi thế, chỉ cần có giải pháp kéo dài cuộc chiến; cũng như có thủ đoạn làm cản trở sự đồng bộ của hệ thống thiết bị kỹ thuật..., thì chẳng ai dám nói trước kết cục cuộc chiến đó sẽ xảy ra điều gì!

Điều quan trọng hơn nữa, bất kể cuộc chiến nào, lực lượng làm chủ chiến trường cuối cùng vẫn là sự đối kháng giữa những người lính 2 phía. Và điều cốt tủy bên nào có sự chuẩn bị tốt hơn cho người lính về niềm tin, ý chí, động cơ, lý tưởng chiến đấu, thì thắng lợi sẽ thuộc về bên đó.

THAY CHO PHẦN KẾT

Với kinh nghiệm quý báu được đúc kết qua cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, quân đội ta không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, tập trung xây dựng chính trị, tư tưởng và tổ chức vững mạnh, rèn luyện kỷ luật, giáo dục lý tưởng, động cơ, mục tiêu chiến đấu cho bộ đội. Kiên quyết đấu tranh không để “tự diễn biến”; bất luận trong trường hợp nào quân đội nhân dân cũng xứng đáng là lực lượng tin cậy và trung thành của Đảng, của giai cấp và nhân dân.

Trong huấn luyện, kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện quân sự và huấn luyện hậu cần - kỹ thuật; nắm vững và vận dụng thành thạo nguyên tắc nghệ thuật quân sự, đáp ứng yêu cầu cách đánh truyền thống “lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ thắng lớn, lấy chất lượng thắng số lượng, lấy trang bị kém hiện đại để thắng quân địch có trang bị hiện đại”. Phòng khi Tổ quốc có họa xâm lăng, quân đội ta sẽ lập nhiều chiến thắng như Pleime, bất luận đó là đối tượng tác chiến nào, được tiến hành ở đâu, rừng núi, đồng bằng, hay ở trên không, ngoài biển, đảo.

Trận chiến Pleime đã lùi xa hơn 5 thập kỷ, nhưng nghệ thuật quân sự và truyền thống quyết chiến quyết thắng vẫn là bài học đáng được ôn lại. Nhân ngày khai cuộc chiến dịch Pleime, bài viết này xin thay nén nhang, thành kính tri ân các anh hùng, liệt sĩ trên Mặt trận Tây Nguyên đã dũng cảm quên mình vì sự nghiệp độc lập, tự do của dân tộc.

Đàm Quang Thái (Báo Đất Việt)

ĐỒNG RỪM - TRẬN VẬN ĐỘNG TẬP KÍCH XUẤT SẮC

Mặc dù đã thất bại liên tiếp trong các cuộc hành quân lớn, nhưng cuối tháng 2-1967, đế quốc Mỹ vẫn tập trung lực lượng mở cuộc hành quân Junction City tiến công vào vùng Bắc Tây Ninh, nhằm nhanh chóng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt một bộ phận chủ lực quan trọng, bịt chặt biên giới, đánh phá căn cứ kháng chiến của ta. Chúng hy vọng có được những “thắng lợi” quân sự có ý nghĩa quyết định, tạo ra bước ngoặt cho cuộc chiến tranh. Trong cuộc hành quân này, quân Mỹ đã huy động tới 31 tiểu đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 17 tiểu đoàn pháo (256 khẩu), 9 phi đoàn máy bay phản lực chiến đấu, 5 tiểu đoàn máy

bay trực thăng vũ trang, 3 phi đoàn máy bay vận tải, 22 máy bay trinh sát cùng một lữ đoàn thủy quân lục chiến và 8 đại đội biệt kích nguy, với quân số khoảng 45.000 tên và hơn 1000 xe tăng, xe thiết giáp.

Sau gần một tháng thực hiện cuộc hành quân trên phạm vi rộng, cường độ lớn, quân Mỹ vẫn không thể thực hiện được mục đích đề ra, ngược lại bị quân và dân ta liên tục đánh trả, tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh, buộc phải đưa 1/3 lực lượng vào việc bảo vệ đường sá, căn cứ xuất phát hành quân và đổi hướng tiến công chủ yếu.

Ngày 19-3, lữ đoàn 3 (sư đoàn 4) và một tiểu đoàn của lữ đoàn 173 quân Mỹ đổ bộ xuống Đồng Rùm thuộc xã Thanh Đông, huyện Dương Minh Châu nhằm xây dựng bàn đạp, chuẩn bị cho đợt tiến công mới vào căn cứ Dương Minh Châu. Chúng triển khai đội hình phòng thủ thành 3 tuyến: xe tăng, xe bọc thép bố trí ở vòng ngoài; bộ binh xen kẽ xe thiết giáp ở tuyến giữa; hỏa lực và chỉ huy ở trong cùng. Ngoài cùng có lớp hàng rào bùng nhùng và các bãi mìn sát thương, mìn chiếu sáng.

Phát hiện địch có ý đồ lập căn cứ tại Đồng Rùm, Bộ tư lệnh Sư đoàn 9 lập tức hạ quyết tâm tập trung toàn bộ lực lượng gồm Trung đoàn 2 và Trung đoàn 16 tổ chức trận tập kích tiêu diệt địch, không cho chúng có điều kiện củng cố bàn đạp.

Ngay trong đêm 20-3, các trung đoàn đưa bộ đội vào chiếm lĩnh trận địa. Do đường xa, đến 5 giờ 38 phút ngày 21-3, Trung đoàn 2 trên hướng chủ yếu mới triển khai xong, Trung đoàn 16 trên hướng thứ yếu chỉ có Tiểu đoàn 9 đang chiếm lĩnh, hai Tiểu đoàn còn lại cách vị trí triển khai 600 mét. Để chớp thời cơ có lợi, 5 giờ 40 phút ngày 21-3, Sư đoàn phát lệnh nổ súng. Sau đợt hỏa lực ngắn, hai Tiểu đoàn 4 và 6 của Trung đoàn 2 nhanh chóng đánh vào các mục tiêu trên hướng được phân công, tiêu diệt xe tăng và bộ binh của địch ở tuyến 1 và phát triển vào tuyến 2. Đại đội 2 chọc thẳng vào trung tâm, đánh trúng sở chỉ huy lữ đoàn 3 địch. Các mũi tiến công trên hướng chủ yếu phát triển thuận lợi.

Cùng thời gian, trên hướng của Trung đoàn 16, khi nghe tiếng súng tiến công từ hướng chủ yếu, hai Tiểu đoàn 7 và 9 nhanh chóng vận động tiếp cận mục tiêu của địch. Quân Mỹ được không quân, pháo binh chi viện chống cự quyết liệt. Chúng tổ chức phản kích đánh vào bên sườn các mũi tiến công của ta. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt. Sau gần 3 giờ

chiến đấu, Sư đoàn 9 đã tiêu diệt gần hết cụm quân địch ở phía Nam và phần lớn cụm quân phía Bắc, loại khỏi vòng chiến đấu 1.270 tên, phá hủy 84 xe tăng, xe bọc thép, bắn cháy 12 máy bay các loại và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Trận tập kích Đồng Rùm là trận đánh lớn nhất của chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty. Trong điều kiện quân Mỹ cơ động nhanh bằng trực thăng và cơ giới, có hỏa lực chi viện mạnh mẽ và tổ chức hỏa lực chuẩn bị dài ngày trước khi đổ quân, thì đây là thành công rất lớn của chiến dịch cũng như Sư đoàn 9. Thành công đó cho thấy, trước hết, Bộ tư lệnh chiến dịch đã phán đoán đúng hành động của địch, dự kiến chính xác một số khu vực địch đổ quân (Chà Dơ, Đồng Rùm, Sóc Xoài, Bồ Túc), từ đó bố trí Sư đoàn 9 ở giữa liên tỉnh lộ 13 và lộ Đá Đỏ, một vị trí vừa có thể tránh được đòn hỏa lực của địch, vừa có thể nhanh chóng vận động đánh vào bên sườn, phía sau đội hình tiến công của chúng.

Về phía Sư đoàn 9, trước hết Bộ tư lệnh đã đánh giá đúng địch: có số lượng đông, nhiều xe tăng và pháo binh, nhưng vừa cơ động từ xa tới, xa hậu phương, mật độ đóng quân dày, công sự, vật cản sơ sài, tổ chức hiệp đồng chưa chặt chẽ; nếu ta đánh ngay trong đêm, địch sẽ bị bất ngờ, hỏa lực pháo binh, không quân chi viện sẽ khó khăn. Để đánh được địch ngay trong đêm, sư đoàn đã yêu cầu cơ quan tham mưu các cấp phải triển khai cùng lúc, trong quá trình chuẩn bị ưu tiên dành thời gian cho cấp dưới, nội dung giao nhiệm vụ ngắn gọn. Đặc biệt, quyết tâm chiến đấu phải hoàn chỉnh trong quá trình chuẩn bị và cơ động bộ đội vào vị trí triển khai. Do tổ chức chuẩn bị chiến đấu và vận động nhanh chóng (chỉ trong 7 tiếng), nên sư đoàn đã chớp thời cơ, tiêu diệt được cơ bản cụm quân địch ở Đồng Rùm, góp phần đánh bại âm mưu tạo bàn đạp tiến công căn cứ Dương Minh Châu của địch. Trận đánh còn góp phần xây dựng, phát triển "Phương pháp tham mưu song song" trong tổ chức chuẩn bị chiến đấu, khi điều kiện thời gian gấp.

Tuy nhiên, trận đánh cũng bộc lộ những nhược điểm, như: Do chủ quan, nên cơ quan tham mưu các cấp không trinh sát địa hình từ trước, nên khi được lệnh đánh gấp, một số đơn vị lạc đường, phát triển chiến đấu không đúng hướng; trinh sát nắm địch chưa hết, còn bỏ sót một bộ phận quân địch ở hướng tây, để bộ phận này phản kích đánh vào bên sườn

lực lượng tiến công của ta. Đây cũng là những kinh nghiệm quý để cán bộ các cấp chú ý khi tiến hành các chiến dịch phản công.

Đại tá **Phạm Hữu Thắng** (Báo *Quân đội nhân dân*)

TRẬN CỒN TIÊN 1967: “CHỐN THẦN TIÊN” HAY ĐỊA NGỤC?

Tháng 6-1966, Quân ủy Trung ương thành lập Mặt trận đường 9, tạo hướng tiến công mới nhằm tiêu diệt, thu hút quân chủ lực địch, phối hợp với chiến trường toàn miền Nam ngăn chặn âm mưu mở rộng chiến tranh ra toàn miền Bắc.

Sau chiến tranh, các tướng Mỹ như Westmoreland có nhắc tới vai trò cuộc vây ép Cồn Tiên (Quảng Trị) ngay từ đầu năm 1967, như khởi đầu cho hội chứng “Điện Biên Phủ” của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc. Tuy vậy, các CCB Mỹ hôm nay chưa bằng lòng với “độ choán” của chiến sự ở Cồn Tiên trong sử sách về chiến tranh ở Mỹ.

“Mỏ neo” lính thủy đánh bộ

Báo cáo chiến sự Cồn Tiên¹ của Al Hemingway, một tác giả cựu chiến binh Mỹ hay viết về tác chiến của Lính thủy đánh bộ Mỹ (LTĐB) ở Việt Nam, có đoạn:

Cồn Tiên, dịch thoát sang tiếng Mỹ là “xứ sở thần tiên”. Nhưng những ai từng đánh nhau ở đó sẽ bảo rằng, không có thiên thần nào ngự ở đây. Đây là một quả đồi phủ bùn (đất đỏ bazan) chỉ cao 158m, là đỉnh chiếc “mỏ neo”, hợp với ba căn cứ hỏa lực khác của “lính cổ da” Mỹ, là Gio Linh, Đông Hà, Cam Lộ, tạo thế án ngữ hoạt động của quân Bắc Việt Nam tại vùng (đệm) nam Khu phi quân sự (giới tuyến quân sự tạm thời). Đại tá Richard B.Smith, Chỉ huy Trung đoàn 9 thủy quân lục chiến binh luận: “... Nếu đối phương chiếm được Cồn Tiên, họ sẽ nhòm vào Đông Hà, chuẩn bị vỗ lấy cuống họng của chúng tôi”. Tràn đầy ý định chiếm Cồn Tiên, từ mùa xuân năm 1967, đối phương quyết tống cổ lính cổ da khỏi căn cứ này ...

Gần như bị quân Bắc Việt (Quân Giải phóng) đẩy khỏi Cồn Tiên, LTĐB được lệnh tiến hành một loạt các chiến dịch để trục quân Bắc Việt

¹ <http://thecombatreport.com/2007/01/29/con-thien-vietnams-place-of-angels/>

ra khỏi địa bàn căn cứ hỏa lực Mỹ vô cùng quan trọng này... Ngày 18-5-1967, hàng trăm viên đạn pháo 105mm và 155mm giáng xuống công sự của quân Bắc Việt ở gần làng Phú An. Máy bay giội bom 750 và 1000 bảng, làm toàn khu vực này ngập vào biển lửa na-pan. Các trung đoàn LTĐB Mỹ số 9 và số 26 đánh nhau dữ dội với quân Bắc Việt ngay sát khu phi quân sự...

Sau những cuộc chạm súng khốc liệt, Hà Nội quyết định giã nát “ô vuông LTĐB Mỹ” này bằng súng cối và pháo hạng nặng, tạo đòn cân não, để cơ động lực lượng của họ áp sát vào đột kích Côn Tiên. Trò chơi “mèo vờn chuột” này tiếp diễn trong gần như suốt năm 1967. Thế trận Côn Tiên tương tự như “chiến tranh chiến hào” thời kỳ Thế chiến II. Vì bị nã pháo không ngớt, một số LTĐB đưa ra khái niệm “bị sốc vì pháo kích” (shell shock), chưa từng được biết đến trong chiến tranh Việt Nam. Các tiểu đoàn LTĐB luân phiên thay nhau giữ vị trí tiền đồn này. LTĐB Mỹ còn đưa ra “thuật ngữ” khác nữa, như “ngồi trong cối giã” (time in the barrel), hay “cối xay thịt” khi bị cử đi giữ Côn Tiên. Rồi điều tồi tệ nhất đã đến: quân Mỹ gọi là Trận mông Hai tháng Bảy.

Những lính thủy đi vào chỗ chết

Theo từ điển bách khoa Wikipedia¹, trận đánh “Mông Hai tháng Bảy” (Battle of July Two) là một cuộc đụng độ ngắn của chiến tranh Việt Nam, xảy ra dọc theo đường 561 giữa Gia Bình và An Kha, là trận mở đầu Chiến dịch Con Trâu (Operation Buffalo). Tổng số quân Mỹ tham chiến là 450 LTĐB, lực lượng quân Bắc Việt khoảng 500 người.

Động thái dẫn tới trận chiến này là báo cáo về quân Bắc Việt đang hoạt động trở lại ở khu vực đông - bắc Côn Tiên, vì thế Trung đoàn 9 LTĐB-Hoa Kỳ (1/9) đã điều đi tuần tiểu hai đại đội A (Alpha) và B (Bravo) của Tiểu đoàn 1.

Sáng mông 2-7-1967, hai đại đội này tiến về phía bắc và chiếm mục tiêu đầu tiên, một ngã ba. Khi tiếp tục tiến về phía bắc, họ đã chạm súng với một số phân đội của Trung đoàn 90 quân Bắc Việt. Hỏa lực bắn tỉa vây lấy Trung đội 3 LTĐB Mỹ. Quân Bắc Việt, chỉ sử dụng súng cối và súng bộ

¹ http://en.wikipedia.org/wiki/Battle_of_July_Two

binh, đã bao vây chia cắt đội hình LTĐB, gây thương vong nặng nề cho Đại đội A và Đại đội B.

Khi trận đánh ngưng lại, thiệt hại của LTĐB Mỹ là: 84 lính tử trận, 34 lính mất tích, 190 người bị thương. Ngày 2-7 trở thành ngày LTĐB Mỹ chịu tổn thất cao nhất trong toàn cuộc chiến tranh. Báo cáo chiến sự Côn Tiên kết luận rằng, khi lực lượng cứu trợ đến nơi, toàn quân số của hai Đại đội A và B chỉ còn lại 27 người không bị thương vong.

Hội chứng Điện Biên Phủ.

Ngày 17-7-1967, tờ Newsweek dội vào dư luận phóng sự “Bị phục kích ở Côn Tiên” (Ambush at Contien), làm sôi sục tư tưởng phản chiến, chứng đau nửa đầu (migraine) của ông chủ Nhà Trắng cũng thêm dữ dội. Sách “Johnson: kiến trúc sư của tham vọng Mỹ” (xuất bản 2006), cho thấy chiến sự đầu tháng 7-1967 ở Côn Tiên đã vượt lên trên quy mô tác chiến cấp chiến thuật. Trang 800 của sách có đoạn: “Trung tuần tháng Bảy, hai đại đội LTĐB Mỹ hoạt động trong rừng rậm gần Côn Tiên, ở vùng Cổ ngẳng (narrow neck) của miền Nam Việt Nam bị phục kích, suýt nữa thì bị diệt hết... Đối phương có thể cơ động tự do ở khu vực Khu phi quân sự, bên Lào và Campuchia, nhờ luồn sâu vào trong phòng tuyến của quân Mỹ”¹.

Kết luận phóng sự truyền hình về Côn Tiên vào năm 1967, Mike Wallace, biên tập viên kỳ cựu của hãng CBS cho rằng, chiến sự ở ngọn đồi này (và lân cận) đã trở thành một mặt trận “Điện Biên Phủ về chính trị” đối với Johnson².

Tài liệu tổng kết “Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa của Việt cộng Mậu Thân 1968” của Mỹ phân tích kỹ hơn về mặt chiến dịch: “... Ở Côn Tiên, đối phương đã dùng đại bác đặt trong những hầm đào ngang hông các triền núi, mỗi khi bắn kéo ra ngoài và thường bắn những loạt bất ngờ sang vị trí của quân Mỹ và quân chư hầu rồi kéo ngay súng vào sâu trong hầm để tránh phản pháo và bom. Trong khi đó, bộ binh Bắc Việt tiến dần vào vị trí Côn Tiên bằng những địa đạo tỏa ra như nan quạt.

¹ Sách “*LBJ: architect of American ambition*”, tác giả Randall Bennett Woods, NXB Free Press, 2006

² Phóng sự *Trận Côn Tiên* (Vietnam Special: Con Tiên Battle 1967). Lưu trữ quốc gia Hoa Kỳ <http://www.archive.org/details/gov.archives.arc.653071>

Lính Bắc Việt vừa đào vừa đánh, ít khi nhô người lên khỏi mặt đất. Mặt trận này (làm) liên tưởng như cách đánh Điện Biên Phủ trước kia”.

Westmoreland viết trong hồi ký: “Bây giờ (đầu hè 1967) Côn Tiên trở thành mục tiêu số một. Các nhà bình luận trên truyền hình và báo chí bắt đầu gọi nơi này là điểm chờ Điện Biên Phủ”.

Báo cáo chiến sự Côn Tiên cho biết về hồi kết của đợt vây ép này: “... Tháng Chín 1967 là tháng đặc biệt xấu. Các pháo thủ Bắc Việt giới xuống căn cứ nhỏ này tới 3000 quả đạn. Chỉ riêng ngày 25-9, tới 1.200 quả đạn pháo làm rung chuyển toàn khu vực Côn Tiên”.

Cảm nhận hậu chiến

Sau khi các tài liệu giải mật và các bài đánh giá về chiến sự tại Côn Tiên năm 1967 xuất hiện trên truyền thông gần đây, đã có nhiều CCB Mỹ tham chiến ở đây bày tỏ cảm tưởng về mặt trận này. Hầu hết, họ đồng ý với câu kết của Báo cáo chiến sự Côn Tiên là “Hôm nay, khi các nhà sử học Mỹ bàn về chiến tranh Việt Nam, chiến sự ở Côn Tiên thường bị bỏ sót (largely overlooked)”.

Cựu chiến binh Dennis M. Butts viết: “Tôi ở đơn vị hỏa lực trợ chiến cho Trung đoàn 9 LTĐB (1/9) từ tháng Giêng 1967 cho tới sau chiến dịch Con Trâu, 7-2-1967. Sau đó tham gia phòng thủ Côn Tiên. Thời kỳ trợ chiến cho 1/9, chúng tôi tác chiến dọc Con đường không vui(5), đoạn chạy từ Gio Linh đi Côn Tiên. Tôi từng được ba huy chương dành cho binh sĩ bị thương trong chiến đấu (Purple Hearts). Không ai thực sự hiểu được địa ngục tại Côn Tiên, nếu không đến tận nơi... Con trai tôi hiện ở LTĐB và tôi cầu Trời để cháu không phải tới một nơi như Côn Tiên”.

Một cựu chiến binh khác viết: “Trong tâm tưởng của tôi, người Việt là vua chiến trận (warlord). Thật là một đất nước không biết nao núng (cool country). Tôi sẽ quay lại đó một ngày tới”.

Cựu chiến binh Các Các-xơn (Carl Carlsson) viết lại những cảm tưởng của trận 2-7-1967: “Tôi nhớ rằng, có nhiều LTĐB tử trận đến mức không có chỗ để tử thi. Những chiếc tăng bốc cháy, mùi xác chết khét lẹt...”.

Cựu chiến binh Denis Thun cho rằng “Ai đó gọi Côn Tiên là “xứ sở Thần tiên”, với chúng tôi, đó là “cối xay thịt”. Điều lạ là Bảo tàng của LTĐB mới xây ở Quantico không hề có lời nào nói về Côn Tiên”.

Con trai của một cựu chiến binh tham chiến ở Côn Tiên, hiện là giáo viên sử, cho rằng Côn Tiên là một mô hình thu nhỏ (microscosm) để dạy về chiến tranh Việt Nam cho thế hệ sau.

Theo Lê Đỗ Huy (Báo Quân đội nhân dân)

TRẬN ĐÁNH CỨ ĐIỂM LÀNG VÂY - NHỜ THỂ TRẬN LÒNG DÂN

Sau khi tiêu diệt cứ điểm Tà Mây, Đại đội tăng 3 (Tiểu đoàn 198) được lệnh quay về tập kết ở vị trí cũ, tại khu vực Cha-ki Phìn. Cả 11 xe tăng của đại đội về vị trí tập kết an toàn, chuẩn bị bước vào trận đánh cứ điểm Làng Vây, một trong những cứ điểm mạnh trong hệ thống phòng thủ Đường 9 của Mỹ và ngụy quân Sài Gòn, đồng thời là cửa ngõ bảo vệ Tà Cơn, án ngữ một vùng biên giới Việt-Lào.

Cùng thời gian này, Đại đội tăng 9 (Tiểu đoàn 198) đã vào tới vị trí tập kết tại Pê-sai bằng đường sông Sê-pôn, nhưng trận đánh bị hoãn lại so với kế hoạch. Toàn đội hình xe tăng nằm cách căn cứ Làng Vây của địch khoảng 3km, nên việc giữ gìn bí mật được đặt ra hết sức nghiêm ngặt. Quá trình chuẩn bị chiến đấu và hành quân vào chiếm lĩnh trận địa, các đơn vị xe tăng và bộ đội ta được đồng bào các dân tộc huyện Hướng Hóa giúp đỡ, che chở. Bà con góp lương thực, thực phẩm giúp bộ đội và còn tham gia nguy trang, xóa dấu vết xích xe tăng trên đoạn đường hàng chục cây số; tham gia gùi đạn, vật tư kỹ thuật để bảo đảm sửa chữa xe tăng...

Trong số bà con các dân tộc Hướng Hóa, có một cán bộ tên là Khăm-tày Xi-vy-lây thường xuyên đi theo để giúp đỡ bộ đội. Anh thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình địch, thông thuộc địa hình, nên đã chỉ dẫn cho bộ đội xe tăng những nơi cần phải tránh địch và giúp bộ đội nắm được phong tục, tập quán của đồng bào, vận động người dân tham gia giúp đỡ, giữ bí mật cho bộ đội. Nhờ lòng dân đùm bọc, chở che đã góp phần giúp bộ đội ta, đặc biệt là lực lượng xe tăng giữ bí mật, an toàn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập nên chiến thắng trận Làng Vây ngày 7-2-1968.

(Báo Quân đội nhân dân)

NHỚ MÙA XUÂN RA TRẬN 45 NĂM TRƯỚC

Xuân 1968, lần đầu tiên xe tăng Việt Nam xuất kích và đã đánh thắng vang dội ở Tà Mây - Làng Vây, mở đầu cho truyền thống "Đã ra

quân là đánh thắng” của Binh chủng Tăng - Thiết giáp anh hùng. 45 năm đã qua, nhưng trận đánh năm xưa vẫn vẹn nguyên trong ký ức những người lính xe tăng.

Thiếu tướng Lê Xuân Tấu, Anh hùng LLVT nhân dân, nguyên Trưởng Xe tăng số hiệu 555 kể: Chiến thắng Tà Mây - Làng Vây năm 1968 để lại nhiều kỷ lục. Đó là kỷ lục về cuộc hành quân bằng bánh xích của xe tăng từ hậu phương ra chiến trường của Tiểu đoàn 198 (gồm Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9) xuất phát từ Hòa Bình, sau hơn 50 ngày đêm, đã vượt hơn 1000km đường, qua nhiều địa hình phức tạp. Để bảo đảm tuyệt đối bí mật, đơn vị chủ yếu hành quân ban đêm, dùng đèn gắm có lắp thêm thiết bị hạn chế ánh sáng. Những đêm mù sương, các đồng chí trưởng xe phải đi bộ trước mũi xe, khoác dù trắng dẫn đường. Các thành viên kíp xe dùng những cành cây tươi phủ lên ống xả, vừa giảm tiếng ồn, vừa hạn chế tàn lửa phóng ra.

Một bộ bánh xích chỉ cho phép chạy được từ 400 đến 500km trong điều kiện đường tốt, nhưng xe tăng của ta phải vượt chặng đường dài với địa hình phức tạp, nhiều đá to, ngầm, sông... đặc biệt là bị bom, đạn pháo địch đánh phá, nên hơn 90% bánh đỡ nặng và gần 50% mắt xích xe tăng bị hỏng. Các kíp xe khắc phục bằng việc đảo xích bên phải sang bên trái và ngược lại, đồng thời, lắp xen kẽ mắt xích lành với mắt xích hỏng để tiếp tục hành quân.

Cụ chiến binh Ngô Xuân Nghiêm, nguyên Đại đội trưởng Đại đội tăng 9, Tiểu đoàn 198 cho biết: Trong trận đánh Làng Vây, ở hướng chủ yếu phía Nam, trong lúc chiến đấu ác liệt, xe tăng số hiệu 569 cùng các chiến sĩ bộ binh nhanh chóng thọc sâu đánh thẳng vào sở chỉ huy địch, thì lái xe Phạm Văn Hương bị thương ở chân và tay phải. Vì không có lái xe thay thế, kíp xe đã có sáng kiến, để đồng chí Hương lái, còn pháo thủ Vũ Công Lệnh kéo cần lái và đạp chân dầu, nhờ vậy, xe 569 vẫn cùng đồng đội lao về phía trước tiêu diệt địch. Khi kính ngắm của xe tăng số hiệu 565 bị địch bắn hỏng, pháo thủ phải trực tiếp ngắm qua nòng pháo để tiêu diệt mục tiêu..

Ông Lê Ngọc Quang, nguyên Chính ủy Binh chủng Tăng-Thiết giáp kể: Trước giờ xe tăng ta xuất kích, tôi xuống từng hầm xe động viên bộ đội giữ vững ý chí quyết tâm chiến đấu. Chiến thắng Tà Mây-Làng Vây có yếu

tố hết sức quan trọng nhờ bảo đảm bí mật, bất ngờ trong hành quân, trú quân và tập kết chiến đấu.

Sau chiến thắng Tà Mây-Làng Vây, bộ đội xe tăng nối tiếp nhau vào chiến trường miền Nam và đã tham gia tổng cộng hơn 210 trận đánh. Xe tăng trở thành lực lượng đột kích mạnh, dẫn dắt các lực lượng binh chủng hợp thành phá vỡ từng mảng thành lũy của Mỹ-ngụy và góp phần quan trọng lập nên chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975.

Kim Thanh (Báo Quân đội nhân dân)

CUỐN ĐIỀU LỆ ĐẶNG VÀ ĐỒNG TIẾN THẮM MÁU

Mùa xuân năm 1968, bộ đội Tăng - Thiết Giáp (T-TG) ra quân trận đầu đánh vào cứ điểm Tà Mây - Làng Vây trong chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh. Tham gia chiến dịch này có Nguyễn Tiến Chén, Trợ lý thông tin của Tiểu đoàn tăng 198, với nhiệm vụ giữ vững mạch máu thông tin liên lạc cho đơn vị.

Nguyễn Tiến Chén không chỉ là một trợ lý thông tin giỏi, mà còn là thợ cơ công tài ba, trực tiếp ngồi trong xe cùng đồng đội vào trận. Trong trận đánh Làng Vây, được phân công ngồi trong xe tăng chỉ huy của Đại đội trưởng Ngô Xuân Nghiêm, Nguyễn Tiến Chén đã lập công xuất sắc. Trong lần thử lửa đầu tiên, anh đã sớm khẳng định bản lĩnh của một quân nhân cách mạng.

Lúc 1 giờ sáng ngày 7-2-1968, trên hướng tiến công chủ yếu vào cứ điểm Làng Vây của Đại đội tăng 9, xe tăng PT-76 số 565 của Đại đội trưởng Ngô Xuân Nghiêm đang tung hoành bắn phá trong cứ điểm, thì bị một viên đạn súng máy của địch xuyên thủng vỏ thép thân xe và bất ngờ đâm trúng vỏ một quả đạn trong xe làm ba lô, quần áo bắt lửa, xe cháy khói tuôn mù mịt, hệ thống tự động chữa cháy của xe bị hỏng. Lúc đó tình thế hết sức nguy hiểm, nếu không dập lửa kịp thời, lựu đạn và đạn trong xe sẽ phát nổ, nguy cơ mất xe, kip xe hy sinh là khó tránh khỏi.

Trong tình huống nguy nan ấy, Nguyễn Tiến Chén đã cùng đồng đội dũng cảm, nhanh chóng dùng các bi đông nước đổ ướt giẻ dập lửa, chỉ ít phút sau, lửa bị dập tắt hoàn toàn, xe lại tiếp tục chiến đấu. Chén sung sướng reo lên: "Báo cáo, lửa đã được dập tắt, thằng Mỹ thua xe ta rồi!".

Lúc này, trận đánh vẫn diễn ra ác liệt, khói lửa mù mịt, đèn dù địch thả sáng rực, đạn cỡ nhỏ bắn vào xe chát chúa. Cùng lúc đó, pháo thủ

Loan của xe bị thương, không có khả năng nạp đạn, Trợ lý thông tin Nguyễn Tiến Chén, mặc dù chưa hiểu biết nhiều về súng pháo xe tăng, nhưng trong khoảnh khắc chiến đấu khẩn trương, anh đã đề nghị đại đội trưởng cho mình thay thế vị trí pháo thủ Loan. Nguyễn vọng được chấp thuận và sau khi quan sát đại đội trưởng nạp đạn làm mẫu, Chén đã tự lao đạn vào buồng nòng đóng bảo hiểm K52 rồi nạp cả đạn súng máy. Mỗi khi thao tác xong anh đồng dục hô: "Báo cáo xong!". Khẩu pháo 76 ly lại gầm lên, lô cốt địch đổ sập, quân địch bỏ chạy tán loạn!

Sau thắng lợi giòn giã ở Làng Vây, Tiểu đoàn xe tăng 198 được lệnh bí mật giấu quân trên đất bạn Lào. Lúc này đúng vào mùa mưa, độ ẩm cao, việc bảo quản điện đài của đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, thông tin liên lạc thường xuyên bị gián đoạn, Chén đã đưa ra sáng kiến lắp lò sấy bảo quản các thiết bị thông tin liên lạc và phổ biến sáng kiến đó cho anh em trong đơn vị áp dụng.

Thời gian này, địch đánh phá ác liệt cả ngày lẫn đêm, thật hiếm hoi có một ngày bình yên ở cánh rừng miền Tây. Hôm ấy, máy bay B52 của địch lại đến ném bom, chúng dùng bom bi ném xuống khu vực giấu quân của đơn vị. Ngay sau khi dứt tiếng bom, Đại đội phó kỹ thuật Trần Vĩnh Đại, Bí thư Chi bộ đã đi kiểm tra tìm thương binh, liệt sĩ và kiểm nghiệm di vật của liệt sĩ, làm hồ sơ bàn giao lên cấp trên. Nguyễn Tiến Chén - người chiến sĩ xe tăng dũng cảm năm đó, cả một vùng áo ngực trái anh thấm đẫm máu. Tay đồng chí Đại đội phó Trần Vĩnh Đại run run mở cúc áo túi ngực trái của đồng đội. Thật bất ngờ, trong túi áo có cuốn Điều lệ Đảng và tờ tiền giấy một đồng. Viên bom bi của kẻ thù đã xuyên thủng trái tim anh cùng cuốn Điều lệ Đảng và đồng tiền miền Bắc. Đồng tiền này anh để dành đóng đảng phí. Nguyễn Tiến Chén đã anh dũng hy sinh, cả đơn vị lặng đi vì tiếc thương người đồng đội từng cùng nhau vào sinh ra tử.

Với hy vọng giản dị rằng sau ngày chiến thắng, những di vật này sẽ trở về với gia đình liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén, đồng chí Trần Vĩnh Đại đã bàn giao những di vật của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén cho Binh chủng T-TG.

Trong cuộc gặp mặt cựu chiến binh Tiểu đoàn tăng 198 vào năm 2002, khi đồng chí Tư lệnh Đoàn Sinh Hưởng trao di vật của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén cho chị Nguyễn Thị Bền, vợ liệt sĩ, chị đã tâm sự trong nước mắt: "Đã mấy chục năm nay, tôi chỉ mong có được một tấm

hình hay một di vật của chồng để phụng thờ và lưu lại cho con cháu. Nhưng đến đây tôi lại cảm nhận sâu sắc được tình đồng đội, đồng chí đáng quý biết bao, nên tôi xin gửi lại di vật này cho Bảo tàng để chồng tôi mãi mãi ở lại bên đồng đội của mình".

Kể từ ngày đó, đồng tiền thấm máu và cuốn Điều lệ Đảng - những di vật của liệt sĩ xe tăng Nguyễn Tiến Chén được Bảo tàng lực lượng T-TG trân trọng lưu giữ và trưng bày. Nhờ đó, khách thăm quan bảo tàng được nghe câu chuyện kể xúc động về người lính xe tăng giàu lòng nhân ái, giản dị trong cuộc sống, thông minh, sáng tạo trong công tác, mưu trí dũng cảm trong chiến đấu.

Câu chuyện ấy xảy ra cách đây hơn 40 năm, thời gian đủ nuôi lớn cả một thế hệ. Cuốn Điều lệ Đảng và đồng tiền thấm máu của liệt sĩ như nhắc nhở thế hệ trẻ hãy luôn nhớ rằng, để có được độc lập, tự do hôm nay, biết bao người con ưu tú của dân tộc đã ngã xuống và hiến dâng trọn tuổi thanh xuân của mình cho Tổ quốc. Những di vật của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén được Bảo tàng T-TG nâng niu giữ gìn, giới thiệu với khách tham quan về trách nhiệm và tình cảm của người đảng viên với Đảng - một nghĩa tình cao đẹp, trong sáng của anh Bộ đội Cụ Hồ.

Theo *Minh Sen* (Báo *Quân đội nhân dân*)

TRẬN LĂNG VÂY - THAY ĐỔI HỌC THUYẾT XE TĂNG

Tháng 2/1968, sau 9 năm thành lập, lần đầu tiên xe tăng quân ta xuất hiện trên chiến trường đã gây ra sự bất ngờ lớn cho Mỹ - Ngụy.

Là lực lượng tham chiến muộn nhất trong các binh chủng của Quân đội Nhân dân Việt Nam song Tăng-Thiết giáp đã chứng tỏ giá trị đột kích mạnh mẽ của mình, đóng góp tích cực vào nhiều chiến dịch quan trọng trong kháng chiến chống Mỹ với những trận đánh độc đáo, tiêu biểu cho học thuyết xe tăng Việt Nam.

Kỳ tích vượt Trường Sơn

Năm 1968, bước vào chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân, lực lượng Tăng - Thiết giáp lần đầu tiên ra trận sau gần 10 năm ra đời (5/10/1959, Binh chủng Tăng - Thiết giáp ra đời với sự kiện Trung đoàn xe tăng 202 được thành lập).

Ngày 5/8/1967, Tiểu đoàn 198 thuộc Trung đoàn 203 được lệnh vào Nam chiến đấu. Tiểu đoàn 198 gồm 2 đại đội (đại đội 3 và 9) trang bị 22 xe tăng lội nước PT-76.

Ngày 14/10/1967, Tiểu đoàn 198 từ Lương Sơn - Hòa Bình bắt đầu hành quân vào Nam theo đường Trường Sơn. Để đảm bảo yếu tố bất ngờ trong lần đầu tiên ra trận của các xe tăng, công tác nguy trang trong hành quân rất được chú trọng.

Theo lời kể của Đại tá Lê Xuân Tấu, nguyên là trưởng xe 555 thuộc Đại đội 3: “Đơn vị di chuyển chủ yếu vào ban đêm bằng đèn găm có lắp thêm thiết bị hạn chế ánh sáng. Những đêm mù sương, các trưởng xe phải đi bộ trước mũi xe, khoác dù trắng dẫn đường. Các kíp xe phải dùng cành cây tươi phủ lên ống xả, vừa ngăn được tiếng ồn, vừa tránh bụi lửa phóng ra từ ống xả để tránh máy bay địch phát hiện”.

Không những lo đối phó với máy bay địch đánh phá, vấn đề bảo đảm kỹ thuật cũng là mối lo thường xuyên. Đường Trường Sơn địa hình phức tạp với dốc cao, suối sâu khiến máy móc bị hao mòn nhanh chóng.

Theo thiết kế, một bộ xích xe tăng chỉ cho phép chạy được từ 400-500 km đường tốt. Trong khi đó, quãng đường hành quân dài gần 1.000km. Để khắc phục, các kíp xe đã đảo xích bên phải sang bên trái và ngược lại, đồng thời, lắp xen kẽ mắt xích lành với mắt xích hỏng để đảm bảo hành quân. Tuy nhiên, sau khi tới đích, Đại đội 3 phải thay 84% bánh chịu nặng, 44% máng xích. Còn Đại đội 9 đã thay 95% bánh chịu nặng và 80% máng xích.

Sau 50 ngày đêm hành quân dưới bom đạn đánh phá ác liệt của địch, tiểu đoàn đã đến các điểm tập kết. Đại đội 3 vượt 813 km tập kết ở Nậm Khang, Đại đội 9 vượt 1.438 km tập kết ở ngã ba Mường Noọng, phía nam đường 9.

Vượt Trường Sơn dưới làn bom đạn địch đã khó khăn, song giữ được bí mật về sự xuất hiện của xe tăng ở chiến trường trước một đối thủ có nền khoa học kỹ thuật cao với các phương tiện trinh sát hiện đại như Mỹ thì quả là Tiểu đoàn 198 đã lập được một kỳ tích.

Thay đổi học thuyết xe tăng

Lần đầu xuất hiện tại chiến trường, đơn vị xe tăng 198 được giao nhiệm vụ hiệp đồng với bộ binh tiêu diệt địch tại căn cứ Làng Vây - một tiền đồn của Khe Sanh.

Theo lý luận chiến đấu của xe tăng ở Liên Xô, khoảng cách cho phép tập kết của xe tăng đến mục tiêu gần nhất 30 km nhằm tránh tầm bắn của pháo binh địch. Tuy nhiên, về Việt Nam, để khai thác yếu tố bất ngờ, chiến sĩ xe tăng ta đã táo bạo đưa xe tăng vào cách Làng Vây 5-6 km.

Trong tập hồi ức "Theo vết xích xe tăng", Đại tá Lê Xuân Tấu viết: "Sự sáng tạo trong vận dụng chiến thuật còn được biểu hiện ở chỗ đưa xe tăng vào chiếm lĩnh khu vực tập kết chiến đấu rất gần địch (khoảng 6km theo đường chim bay trên hướng Đại đội 3).

So với lý luận chúng tôi được học thì khoảng cách tập kết cho phép cách địch 30km. Có nghĩa là Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9 đã ở vào vị trí tập kết chiến đấu trong tầm đạn pháo địch.... Có thể nói đây là sự vận dụng sáng tạo mang tính táo bạo".

"Nếu ta không làm tốt công tác nguy trang giữ bí mật, để địch phát hiện thì ta khó bảo toàn được lực lượng trước khi bước vào chiến đấu. Song tiếp cận gần địch, ta có lợi thế là rút ngắn được thời gian và khoảng cách cơ động lên chiếm tuyến triển khai xung phong, hạn chế được thương vong tổn thất do hỏa lực không quân, pháo binh địch đánh phá, ngăn chặn", Đại tá Lê Xuân Tấu viết.

Khu vực tập kết là những quả đồi không có bóng cây, chỉ bạt ngàn cỏ tranh. Để giấu xe, chiến sĩ ta đã đào công sự cho xe tăng ẩn nấp rồi dùng các sọt trồng cỏ tranh được tưới nước hàng ngày để nguy trang lên trên. Nhờ thế, hàng chục chiếc xe tăng của ta nằm chình ình trên đồi hơn chục ngày chờ giờ nổ súng mà máy bay địch bay qua bay lại hàng ngày vẫn không hay biết.

Tiêu diệt Làng Vây

Cứ điểm Làng Vây là một tiền đồn của cửa căn cứ Khe Sanh nằm trên đường 9. Tại đây có 4 đại đội Ngụy quân cùng với một số sĩ quan Mỹ chỉ huy, được trang bị hỏa lực rất mạnh gồm nhiều pháo cối, pháo khôn giật ĐKZ, súng phóng lựu M-79, súng chống tăng M-72.

Trước khi ta nổ súng đánh vào Làng Vây, quân địch tăng lên 900 người do có hơn 300 lính Hoàng gia Lào bị quân ta đánh ở Huội San chạy về đây.

Về phía ta, lực lượng đánh vào Làng Vây có Trung đoàn bộ binh 24, 2 tiểu đoàn công binh, 1 tiểu đoàn pháo và 2 đại đội đặc công cùng với

Tiểu đoàn 198 mới vào chiến trường. Trận đánh bắt đầu lúc 23h30 ngày 6/2/1968.

Sau loạt đạn của pháo binh bắn chế áp mục tiêu, các mũi tiến công xông lên tấn công của mở từ 3 hướng. Ở hướng Tây và Nam, xe tăng lần đầu xuất hiện đã tỏ rõ giá trị đột kích của nó. Các hàng rào trước đây bộ binh phải vất vả mở bằng bộc phá thì nay chẳng khác gì mạng nhện với xe tăng. Các lô cốt hoặc bị hỏa lực của pháo từ xe tăng bắn sập hoặc bị xe lao vào húc đổ, dùng xích sắt nghiền nát.

Nhờ sức đột kích lớn của xe tăng, đến 1 giờ ngày 7/2, các cánh quân ta đánh vào đến trung tâm cứ điểm và nhanh chóng đánh chiếm nốt các khu vực còn lại. Đến sáng ngày 7/2, ta đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Làng Vây, diệt và bắt sống toàn bộ quân Mỹ - Ngụy và Lào chốt giữ ở đây.

Trong lần đầu tham chiến, chiến thuật được bộ đội tăng của ta sử dụng là bố trí nhiều thê đội yểm trợ lẫn cho nhau. Hồi ức của Đại tá Lê Xuân Tấu viết: “Đội hình chiến đấu được xếp thành nhiều thê đội, Trung đội do tôi chỉ huy có nhiệm vụ đánh bóc vỏ vị trí tiền tiêu của địch trên điểm cao 230, được hỏa lực của trung đội tiến sau yểm hộ. Khi đại đội thực hành đột phá mở cửa thì trung đội tôi từ vị trí vừa chiếm được lệnh chi viện hỏa lực cho đại đội dẫn dắt bộ binh xung phong đột phá, thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu bên trong cứ điểm và tập trung phối hợp với hướng Đại đội tăng 9, nhanh chóng đánh chiếm sở chỉ huy địch.

Như vậy, đội hình tiến công của Đại đội 3 và cả Đại đội 9 được tổ chức sắp xếp theo thứ tự: trung đội (hoặc xe) đánh phía trước, trung đội (hoặc xe) tiến sau chi viện hỏa lực. Cách xếp đội hình chiến đấu như trên theo tôi rất cơ bản, rất hiệu quả. Đó là kinh nghiệm thành công để bộ đội thiết giáp nghiên cứu, vận dụng trong nhiều trận tiếp sau”.

Đánh giá về trận Làng Vây, Đại tá Dương Đăng Giang - Tham mưu trưởng binh chủng Tăng - Thiết giáp thời điểm đó viết: “Trận Làng Vây - trận đầu đánh thắng của bộ đội xe tăng trong tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh vào tuyến phòng thủ rắn nhất của Mỹ-Ngụy đã mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng, có tính lịch sử. Trận đánh đã giải tỏa tư tưởng và nỗi băn khoăn về vị trí và sử dụng xe tăng trên chiến trường Việt Nam, mở ra một trang sử mới: “Đã ra quân là đánh thắng” của Binh chủng Tăng - Thiết giáp”.

(Theo *Kienthuc.net.vn*)

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN 1968

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân nổ ra ở nhiều thành phố, thị xã, thị trấn miền Nam. Ở Huế ta làm chủ thành phố 25 ngày, thành lập chính quyền cách mạng. Ở Sài Gòn - Gia Định, đặc công, biệt động tiến công đồng loạt các cơ quan đầu não của Mỹ - Ngụy như: Tòa đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập Bộ Tổng tham mưu, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất... Các lực lượng vũ trang trên toàn miền đồng loạt tiến công nhiều sở chỉ huy quân đoàn, sư đoàn, tiểu khu, chi khu quân sự ngụy; 45 sân bay, nhiều tổng kho, bến tàu, căn cứ hải quân... Nhân dân nhiều vùng nông thôn và thành thị nổi dậy diệt ác, trừ gian giải tán dân vệ, phá vỡ hàng loạt "ấp chiến lược" giành quyền làm chủ.

Chấp hành chủ trương Tổng công kích, tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, ngày 25/10/1967, Trung ương Cục Miền Nam đã ra nghị quyết về tiến hành Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, gọi là "Nghị quyết Quang Trung". Khu trọng điểm chiến lược lâm thời được thành lập gồm Sài Gòn - Gia Định, một phần đất của các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn và các vùng thuộc miền Đông Nam Bộ.

Khu trọng điểm được chia thành 6 phân khu, mỗi phân khu có khu ủy và Ban chỉ huy quân sự, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Khu gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục; Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà - Ủy viên Trung ương Cục. Đảng ủy khu trọng điểm tổ chức ra 2 phân ban lãnh đạo 2 Bộ Tư lệnh Tiền phương: Bộ Tư lệnh Tiền phương Bắc và Tiền phương Nam.

Ngày 19/12/1967, Tổng công kích, tổng khởi nghĩa đang đến gần.

Ban An ninh Trung ương Cục tăng cường đồng chí Ngô Quang Nghĩa, Đinh Văn Tùng, Tư Thông, Sáu Thành, Năm Trà xuống nhập với 6 mũi tiến công của 6 phân khu do đồng chí Ngô Quang Nghĩa làm trưởng đoàn và Ban An ninh các địa phương đều có sự chuyển hướng về tổ chức, về chỉ đạo tăng cường cán bộ cho chiến trường chính và an ninh khu trọng điểm.

Lực lượng an ninh khu trọng điểm được chia thành nhiều đội nhỏ, để khi đến giờ hành động diệt bọn đầu sỏ. Ban lãnh đạo an ninh và 2 đơn vị vũ trang có nhiệm vụ theo sát để bảo vệ 2 Bộ chỉ huy tiền phương Bắc và Nam.

Ngày 15/12/1967, Ban An ninh khu Sài Gòn - Gia Định thành lập An ninh vũ trang với các mũi tiến công đánh vào các mục tiêu trọng yếu của địch ở Tổng Nha Cảnh sát, Nha Cảnh sát đô thành Sài Gòn.

Lực lượng trinh sát vũ trang cũng được tăng cường, biên chế thành hai đại đội làm nhiệm vụ diệt bọn đầu sỏ, cảnh sát, ác ôn... góp phần chiếm lĩnh các mục tiêu thuộc các cơ quan đàn áp, kìm kẹp của địch.

Ban An ninh khu Sài Gòn - Gia Định rà soát lại các mạng lưới, cơ sở điệp báo, xây dựng được hàng trăm cơ sở mới, cơ sở tai mắt trong lòng địch, nên ta nắm tình hình địch sát với chiến trường.

Đoàn Đặc công biệt động F-100 được phân thành 3 cụm: cụm phía Đông đánh vào các mục tiêu Dinh Độc Lập, Tòa Đại sứ Mỹ, Đài Phát thanh, Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy; cụm phía Bắc đánh vào mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Khám Chí Hòa; cụm phía Nam đánh vào các mục tiêu Nha Cảnh sát ngụy, Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ Đô.

Các đội biệt động thuộc các cụm nói trên đột nhập chiếm lĩnh mục tiêu, chờ các cánh quân của các phân khu tiến vào để triển khai làm chủ trên diện rộng.

Ngay đêm mồng Một Tết (30/1/1968), các đội biệt động đã đột nhập vào nội thành. Từ các trạm bí mật, các chiến sĩ đã dùng xe du lịch tiếp cận các mục tiêu. 2h sáng 31/1/1968, nghe pháo lệnh, các đội biệt động đồng loạt tiến công vào Sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập, Đài Phát thanh, Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Hải quân...

Đội biệt động 11 gồm 17 đồng chí do Ngô Thành Vân (Ba Đen) chỉ huy, tiếp cận Sứ quán Mỹ ở đường Thống Nhất (số 9 Lê Duẩn ngày nay). Anh em nổ súng diệt 2 tên lính Mỹ gác cổng, dùng thuốc nổ phá một mảng tường, tiến vào bên trong. 20 phút sau, bọn Mỹ đến ứng cứu bị ta chặn lại ở ngoài cổng chính.

Đến sáng, 1 trung đội lính Mỹ mới vào được bên trong, ta và địch quần nhau quyết liệt trong khuôn viên sứ quán. Ta đánh chiếm tầng 1, tiến lên tầng 2, tầng 3. Trước sức chiến đấu ngoan cường của các chiến sĩ, bọn Mỹ phải dùng trực thăng đổ quân từ trên nóc nhà tiếp viện.

Trời sáng, do anh em ta không được chi viện nên trận đánh kết thúc, 16 chiến sĩ anh dũng hy sinh. Đồng chí Đội trưởng bị thương nặng và bị bắt làm tù binh.

Lực lượng tấn công Đai Phát thanh Sài Gòn gồm 12 chiến sĩ Đai biệt động số 4, do đồng chí Nguyễn Văn Tăng, cụm trưởng cụm 3-4-5 phụ trách chung, đồng chí Năm Lộc chỉ huy. Các chiến sĩ ta đã tấn công làm ngưng trệ phát thanh từ 2h đến 5h sáng, nhưng địch được tiếp viện phản kích trở lại, nên ta không chiếm được.

Đai biệt động số 5 gồm 15 chiến sĩ do đồng chí Ngô Hoài Thanh chỉ huy tiến vào Dinh Độc Lập, tấn công vào cổng dinh phía đường Nguyễn Du, diệt bọn lính gác, nhưng không triển khai được trước sức chống trả quyết liệt của bọn phòng vệ. Địch điều xe thiết giáp đến ứng cứu, buộc ta phải rút lui.

Ở các mục tiêu khác, các đai biệt động đều tiến chiếm và giữ được đến sáng, nhưng các tiểu đoàn mũi nhọn của các phân khu không tiếp ứng được kịp thời. Các chiến sĩ biệt động đã anh dũng chiến đấu đến giờ phút chót, nêu cao khí phách anh hùng của biệt động Sài Gòn trong giờ phút lịch sử của Tết Mậu Thân 1968.

Trên các mũi tiến công khác của ta, cuộc chiến đấu đã diễn ra phức tạp ngay từ đầu. Ở Bộ Tổng tham mưu nguy, quân ta đánh vào cổng số 4, chiếm Trường Sinh ngữ quân đội và kho đạn, chặn viện binh đến cứu nguy cho căn cứ Gò Vấp; ở sân bay Tân Sơn Nhất, ta bắn phá sân bay và đánh vào phía Tây; trong tác chiến hợp đồng các mũi tiến quân khác nổ súng tấn công trại Cổ Loa, căn cứ Phù Đổng, tiến về Bình Hòa, áp sát Tòa hành chánh và Bộ chỉ huy Tiểu khu Gia Định.

Một cánh đánh đến Hàng Xanh, Cầu Sơn, làm chủ cù lao Bình Quới Tây và quần nhau với địch suốt 3 ngày tại đây. Một số đơn vị tiến sâu vào đường Sư Vạn Hạnh, Bệnh viện Nhi đồng, Vườn Lài, chợ Thiếc, cư xá Hòa Xa...

Từ phía Nam, các đồng chí lãnh đạo Bộ Tư lệnh Tiền phương II vào đến chợ Thiếc (Q11), nhưng bị địch phát hiện. Lực lượng an ninh vũ trang phải chia lực lượng, 12 chiến sĩ chốt chặn tại chợ Thiếc để bảo vệ Bộ Tư lệnh rút ra khỏi khu vực nguy hiểm.

Suốt 5 ngày chiến đấu liên tục, ta diệt tại chỗ 50 tên địch, bắn cháy 10 xe trong đó có 5 xe bọc thép, bẻ gãy các cuộc tiến công của địch. Do địch chi viện mạnh, ta hy sinh 10 người, còn 2 người phải lui về phòng

ngụ ở nghĩa địa Phú Thọ Hòa. Địch tiếp tục phản kích, ta diệt thêm 70 tên địch, bắn cháy 7 xe cơ giới.

Hai đội an ninh vũ trang, đội 1 có 15 đồng chí và một số bộ phận của Bộ Tư lệnh Tiền phương II, ngày 4/2/1968 vào đến đường Hậu Giang thì gặp địch, chiến đấu quyết liệt diệt 37 tên cảnh sát, trong đó có tên Phó Ty cảnh sát quận 6, sau đó chuyển về Phú Hữu chống càn diệt 37 tên, làm bị thương nhiều tên khác

Ngày 5/2/1968, đơn vị I - an ninh vũ trang khu trọng điểm theo sát Bộ Tư lệnh Tiền phương I, luôn qua nhiều đồn bốt địch, phối hợp với các lực lượng khác diệt 25 tên cảnh sát mật vụ ác ôn, sau đó phối hợp với Tiểu đoàn 10 chống càn quét diệt 1 đại đội địch, bắn cháy 8 xe M113, bắn rơi 2 trực thăng.

Ngày 28/2/1968, trên đường rút về căn cứ Mỹ Hạnh Đức Hòa, Long An gặp địch diệt 10 tên. Đội An ninh vũ trang huyện Bình Chánh Phân khu II, phối hợp với bộ đội địa phương bắn B40 và gài lựu đạn vào xe địch diệt 13 tên ngụ và một số tên Mỹ...

Từ ngày 10/2/1968, các đơn vị vũ trang của ta lần lượt rút về căn cứ xuất phát; lực lượng vũ trang tại chỗ của các ngành vẫn bám trụ lại đánh địch ở các vùng Phú Lâm, Phú Thọ, Minh Phụng, Minh Mạng, Vườn Lài...

Trên toàn chiến trường miền Nam, trong các đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa, ta đã đồng loạt tiến công vào hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn và căn cứ quan trọng của địch. Đặc biệt là làm chủ thành phố Huế suốt 25 ngày đêm, gây cho địch nhiều thiệt hại rất nghiêm trọng.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, ngày 31/3/1968, Johnson tuyên bố 3 điểm: Một là, Mỹ đơn phương ngưng ném bom đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Hai là, Mỹ nhận đàm phán với Việt Nam. Ba là, Johnson không ra tranh cử Tổng thống một nhiệm kỳ nữa.

Đây chính là sự thừa nhận đau lòng của Tổng thống Mỹ về sự phá sản của chiến tranh cục bộ của Mỹ và báo hiệu cho sự thất bại không thể tránh khỏi của chúng.

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 tại khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định, đặc biệt là trận đánh thẳng vào Sứ quán Mỹ đã làm rung động xã hội Mỹ, nhân dân Mỹ bàng hoàng, khuynh hướng muốn chấm dứt chiến tranh trở thành áp đảo; đã làm phá sản hoàn toàn chiến

tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, đánh bại ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước.

Đây là một trong những sự kiện sáng chói, đã đưa cách mạng Việt Nam lên một tầm cao mới, tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong quá trình đấu tranh dẫn tới trận quyết chiến chiến lược cuối cùng ngày 30/4/1975 toàn thắng.

Quyết định đúng chỉ đạo vận dụng sáng tạo

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, diễn ra cách đây đã 45 năm. Thành công của cuộc tiến công có nhiều nguyên nhân, trong đó có yếu tố vô cùng quan trọng mang tính quyết định là: Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã đánh giá đúng tình hình, quyết định đúng đắn và có biện pháp chỉ đạo thực hiện rất sáng tạo; nên ta đã tiến hành thành công cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược: "Đánh cho Mỹ cút", làm cơ sở để "Đánh cho ngụy nhào", giành thắng lợi quyết định.

Sau khi vào chiến trường, quân Mỹ-ngụy và chư hầu tiến hành liên tiếp hai cuộc phản công chiến lược vào mùa khô năm 1965-1966 và 1966-1967; nhằm "tìm diệt" chủ lực ta, tiêu diệt Trung ương Cục miền Nam, giành thắng lợi quyết định chiến tranh. Lực lượng ta trên chiến trường, được sự chi viện và phối hợp tác chiến của quân, dân miền Bắc, nhân dân miền Nam anh dũng chiến đấu, đánh thắng quân Mỹ ở Núi Thành, Vạn Tường, Plây-me... tiến lên đánh bại hai cuộc phản công chiến lược của địch, tạo thế và lực mới cho cách mạng. Thế nhưng so sánh lực lượng trên chiến trường, kẻ thù vẫn chiếm ưu thế, với hơn một triệu quân chính quy có trang bị tác chiến hiện đại, lại đang dốc sức chuẩn bị cho cuộc phản công chiến lược lần thứ ba vào mùa khô năm 1967-1968. Trong khi đó chủ lực ta trên chiến trường chưa đầy 30 vạn, lại phải liên tục tác chiến. Tuy vậy, thế trận chiến tranh nhân dân của ta đang phát triển mạnh trên cả ba vùng chiến lược, rừng núi, đồng bằng và đô thị, tạo thế đánh vào bên sườn và phía sau quân địch. Quyết tâm đánh và thắng Mỹ của quân dân cả nước ngày càng được nâng cao. Trước sức mạnh quân sự của Mỹ, nhiều nước trên thế giới lo sợ chiến tranh ở Việt Nam nếu phát triển cao hơn, sẽ ảnh hưởng đến chiến lược của họ. Do vậy, họ không

muốn ta chuyển sang tiến công chiến lược lớn, sợ tái diễn cuộc chiến Triều Tiên lần thứ hai. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, với đường lối độc lập, tự chủ, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định: Tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường, đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ giành thắng lợi chiến tranh.

Để tiến hành thành công cuộc tiến công và nổi dậy, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ đạo làm công tác chuẩn bị cũng như thực hành tác chiến rất sáng tạo. Trong xây dựng kế hoạch đánh địch, khác các cuộc tiến công trước đây, cũng như các cuộc tác chiến chiến lược của nhiều nước. Về lựa chọn cách đánh và không gian tác chiến, ta đồng loạt tiến công địch trên toàn chiến trường. Địa bàn chính là vùng đô thị, nơi có nhiều mục tiêu quan trọng của địch, lại nằm sâu trong hậu phương của chúng, ở đó địch bố trí lực lượng mỏng, khả năng tác chiến yếu. Mục tiêu tiến công, ta không chỉ tiến công vào các căn cứ quân sự, mà còn đánh vào các mục tiêu chính trị từ cơ quan đầu não đến chính quyền cơ sở của địch, đập tan chỗ dựa, làm mất cái cớ để Mỹ đưa quân vào cứu nguy quyền. Thời gian tiến công, ta đánh đúng vào lúc Giao thừa, khi quân địch chủ quan, mất cảnh giác nhất. Hiệu lệnh tiến công là lời chúc Tết của Bác Hồ với đồng bào cả nước, được phát trên sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam "...Tiến lên chiến sĩ đồng bào..." và tiếng pháo đón Giao thừa của nhân dân trên toàn chiến trường. Phương thức đánh địch, ta kết hợp chặt chẽ tiến công quân sự với nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ của nhân dân. Yếu tố quan trọng nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của chiến tranh nhân dân và cách đánh của hai lực lượng, ba thứ quân trong quá trình tiêu diệt địch. Để giữ bí mật, tạo bất ngờ, ta còn tiến hành đồng thời và kế tiếp nhiều biện pháp nghi binh lừa địch. Trên mặt trận quân sự, tháng 11-1967, ta mở chiến dịch tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, cuối tháng 1-1968 ta mở mặt trận đánh địch ở Bắc Quảng Trị, tiêu diệt nhiều căn cứ lớn như: Cồn Tiên, Dốc Miếu... vây hãm quân Mỹ ở Khe Sanh, kéo giữ một bộ phận quan trọng quân địch ra chiến trường rừng núi. Sau đó, ta mở các cuộc tiến công chống phá bình định, giữ chặt một bộ phận địch, thu hút sự chú ý của Mỹ-ngụy về vùng đồng bằng. Trên mặt trận chính trị và ngoại giao, Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người lãnh đạo cao nhất và người trực tiếp chỉ huy LLVT tác chiến

đi ra nước ngoài chữa bệnh. Trong dịp lễ Nô-en ta phóng thích một số tù binh Mỹ, để họ đoàn tụ cùng gia đình đón năm mới. Trong buổi chiều đăi các đoàn ngoại giao tại Hà Nội, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh còn tuyên bố, sẵn sàng đàm phán với Hoa Kỳ, khi Mỹ chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam, làm rõ nguyện vọng mong muốn hòa bình, không muốn giải quyết chiến tranh bằng biện pháp quân sự của nhân dân ta. Trên một số phương tiện thông tin của cơ quan chiến lược, Tổng hành dinh còn cho phát đi một số bức điện, truyền đạt một số nội dung của quyết tâm tác chiến giă. Trong khi đó quyết tâm và mệnh lệnh chiến đấu thật, lại được bí mật truyền đạt trực tiếp cho các tư lệnh chiến trường tại Hà Nội. Ở miền Bắc, ta còn cho một bộ phận sĩ quan quân đội được nghỉ phép Tết, về đón Xuân cùng gia đình... Tất cả các thông tin đó đều được cơ quan tình báo của địch thu nhận, cùng với nắm được một phần công tác chuẩn bị của ta trên chiến trường, quân địch đưa ra nhận định: Ta có thể đánh lớn, chiến trường chính sẽ là Quảng Trị. Tổng chỉ huy quân Mỹ ở Sài Gòn, Tướng Oét-mô-len ra lệnh: Phải giữ bằng được Khe Sanh, quyết không để xảy ra Điện Biên Phủ thứ hai. Trong lúc địch đang lo đối phó ở rừng núi và đồng bằng. Bất ngờ đúng giờ Giao thừa, quân và dân ta đồng loạt tiến công địch trên khắp chiến trường, tập trung vào vùng đô thị, hầu hết các thành phố và các căn cứ quân sự lớn, cùng các công sở chính quyền của địch từ Trung ương đến cơ sở, kể cả Tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu nguy... đều bị tiến công. Cả nước Mỹ bàng hoàng, Chính phủ Mỹ phải đơn phương tuyên bố: Chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, đồng ý đàm phán ở Pa-ri, đưa cách mạng miền Nam phát triển sang giai đoạn mới...

Cuộc tổng tiến công chiến lược Xuân 1968 cho thấy, dù trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, nếu ta biết đánh giá đúng tình hình, đưa ra quyết định đúng đắn, lại có biện pháp chỉ đạo thực hiện sáng tạo, nhất định sẽ thành công.

Thiếu tướng, PGS, TS Bùi Thanh Sơn (*Báo Quân đội nhân dân*)

MẬU THÂN 1968 - 45 NĂM NHÌN LẠI

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Nó đã buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt ném bom phá

hoại miền Bắc, rút dần quân Mỹ về nước và ngồi vào bàn đàm phán Paris, mở đầu cho những thắng lợi quan trọng và cơ hội hòa bình, thống nhất đất nước.

Nhân kỷ niệm 45 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Pháp Luật TP.HCM trân trọng giới thiệu loạt bài dưới đây nhằm soi rọi thêm tâm vóc của sự kiện quan trọng này.

THỜI CƠ CHIẾN LƯỢC

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết. Do bị ám ảnh bởi học thuyết Truman về sự sụp đổ dây chuyền của khu vực Đông Nam Á vào tay cộng sản, Mỹ ngấm ngấm phá hoại hiệp định Genève, đồng thời dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam. Cuộc tổng tuyển cử tự do, thống nhất hai miền Nam-Bắc vào năm 1956 theo tinh thần hiệp định Genève đã không được thực hiện. Thay vào đó, dân tộc Việt Nam lại tiếp tục bước vào một cuộc kháng chiến mới chống đế quốc Mỹ, kéo dài suốt 21 năm sau đó.

Bí mật kế hoạch X

Từ “chiến lược chiến tranh đơn phương” đến “chiến tranh đặc biệt”, từ “đạo luật 10/59” đến “quốc sách áp chiến lược”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã đàn áp cách mạng miền Nam trong biển máu, với dã tâm biến miền Nam Việt Nam trở thành “tiền đồn” chống cộng ở Đông Dương. Nhưng với thắng lợi từ phong trào Đồng Khởi (1960) và các chiến thắng quân sự lớn ở Ấp Bắc (1963), Bình Giã (1964), Ba Gia (1965) và Đồng Xoài (1965), quân dân ta đã lần lượt đánh bại hoàn toàn chiến lược chiến tranh đơn phương và chiến tranh đặc biệt của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Trong bối cảnh đó, từ tháng 3-1965, Tổng thống Mỹ Lyndon Johnson đã quyết định đưa các sư đoàn quân viễn chinh Mỹ ồ ạt đổ bộ vào miền Nam Việt Nam, trực tiếp tham chiến tại chiến trường này và chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ. Đến cuối năm 1967, dù đã nỗ lực thực hiện hàng loạt cuộc hành quân tìm - diệt trên quy mô lớn, quân đội Mỹ vẫn không thể thay đổi được cục diện của cuộc chiến tranh và đang ngày càng sa lầy vào cuộc chiến này.

Nhận định cần phải có một thắng lợi quan trọng, tạo bước ngoặt của cuộc chiến và buộc Mỹ phải xuống thang, ngồi vào bàn đàm phán với ta,

Bộ Chính trị và Trung ương Đảng đã hạ quyết tâm mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 trên toàn miền Nam.

Trên thực tế, sự chuẩn bị cho đòn tấn công này đã bắt đầu khởi động từ cuối giai đoạn chiến lược chiến tranh đặc biệt. Theo PGS-TS-Đại tá Hồ Khang, Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, “Kế hoạch Xuân Mậu Thân có nguồn gốc từ những kế hoạch ban đầu chúng ta hình thành mà một số nhà nghiên cứu gọi là kế hoạch X. Kế hoạch này được khởi phát vào lúc mà cuộc chiến ở miền Nam đang tiến dần đến sự thay đổi, chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ tiến hành ở miền Nam đang sa lầy, thất bại”.

Từ mùa thu năm 1964, Bộ Chính trị và Trung ương Đảng đã hạ quyết tâm “tiến hành một đòn mạnh mẽ nhằm nhanh chóng tiêu diệt quân đội Việt Nam Cộng hòa để giành thắng lợi quyết định”. Chiến dịch sẽ được bắt đầu sau khi quân đội Sài Gòn đã mất sức chiến đấu và sẽ hướng thẳng vào TP Sài Gòn từ năm mũi khác nhau.

Với cố Đại tá Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu) - nguyên Chỉ huy trưởng lực lượng biệt động Sài Gòn-Gia Định, kế hoạch X đã mở đầu cho một đoạn đời thật đặc biệt khi ông trở thành thủ lĩnh của một đội quân tinh nhuệ ngay giữa đô thành Sài Gòn với những chiến công vang dội khắp năm châu. “Tháng 5-1964, tôi được chuyển về phụ trách một đơn vị mà hồi đó gọi là F100 - biệt động của quân khu Sài Gòn-Gia Định. Sau này dần dần tôi mới biết rõ đơn vị này tổ chức ra để nhằm phục vụ cho ý đồ tập kích chiến lược. Hồi đó, tôi được lệnh là mọi thứ phải chuẩn bị xong trước tháng 12-1965” - ông Tư Chu nói.

Nhưng việc Mỹ đổ quân vào bãi biển Đà Nẵng tháng 3-1965 đã làm ta tạm trì hoãn việc thực hiện kế hoạch X. Trên cơ sở đó, ta tiếp tục chuẩn bị, khi nào có thời cơ sẽ đánh.

Tại sao chọn thời điểm Tết Mậu Thân?

Ngay từ khi quân dân ta phải trực tiếp đương đầu với quân đội Mỹ, Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, mà cụ thể là Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, đã nhận định chúng ta không đủ sức tiêu diệt quân đội Mỹ vì họ quân đông, lực rất mạnh, lại được hỗ trợ bởi các loại vũ khí, khí tài chiến tranh vào loại hiện đại nhất thế giới. Vì vậy, cần phải tìm ra một cách đánh mới để buộc Mỹ phải rút quân.

Mùa thu năm 1967, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, một lần nữa lại đặt lên bàn hội nghị một tính toán chiến lược có ý nghĩa quyết định, tạo bước ngoặt của cuộc chiến tranh. Rằng nếu không tranh thủ thời cơ, đi sớm một bước thì sang năm 1968, cách mạng miền Nam sẽ gặp bất lợi lớn khi quân đội Mỹ, dưới áp lực của dư luận nước Mỹ, buộc phải dốc toàn lực thực hiện một hành động quân sự lớn để phá vỡ thế bế tắc và kết thúc chiến tranh theo cách họ muốn.

Bộ Tổng tham mưu đã bí mật thành lập tổ kế hoạch ba người để giúp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nghiên cứu, hình thành một kế hoạch tác chiến chiến lược mới trong đông xuân 1967-1968. Tất cả chiến trường liên tục cử đại diện ra Hà Nội báo cáo tình hình, các phương án tác chiến cụ thể. Và đến tháng 10-1967, Bộ Chính trị đã họp và chính thức thông qua kế hoạch này.

Theo Đại tá Vũ Ba, nguyên cán bộ tham mưu Miền, "... thời cơ lịch sử có thể xảy ra trước hoặc sau năm 1968. Nhưng chắc chắn nó phải rơi vào đúng thời điểm sức mạnh và quân số Mỹ có mặt ở miền Nam lên đến đỉnh điểm nhưng họ không thể giành được thắng lợi quyết định. Và thời điểm đó chính là Mậu Thân 1968. Lúc đó, tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật của Mỹ gấp 800 lần Việt Nam. Các nhà bình luận phương Tây nhận định một nước rất mạnh đánh một nước rất yếu, đã đem hết sức mình ra đánh mà không thắng thì có nghĩa là đã thua".

Sau ba năm tham chiến tại Việt Nam, Mỹ đang bị sa lầy. Qua hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, dù đã triển khai hàng loạt chiến dịch lớn như Cedar Fall, Attleboro, Junction City nhưng Mỹ vẫn không thu được thắng lợi khả quan nào. Đại tá Nguyễn Bạch Vân, nguyên cán bộ nghiên cứu Quân báo Miền, kể: "Sau thất bại hai mùa khô, tướng Westmoreland của Mỹ có ý định làm cái đòn phản công chiến lược lần thứ ba. Vì thế, ông ta yêu cầu tăng quân. Mậu Thân chính là đỉnh cao nhất quân số Mỹ và chư hầu. Mỹ lúc bấy giờ có hơn 500.000 quân".

Cố Trung tướng Nguyễn Đình Ước, nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, từng bình luận: "Nếu năm 1967 ta đã tiến công như tết Mậu Thân thì không được. Westmoreland bảo: "Tôi chưa thực hiện xong kế hoạch ba năm tiêu diệt gậy xương sống Việt cộng. Chiến tranh cục bộ chưa đến đỉnh cao. Các anh chưa cho tôi quân hết, phải đánh ít nhất một năm

nữa". Nếu ta để năm 1969, quá đi một năm, qua bầu cử tổng thống Mỹ rồi thì chưa chắc áp lực nó đã mạnh đến việc Johnson phải từ chức như thế".

Như vậy, thời cơ chiến lược đã rơi đúng vào dịp tết Mậu Thân 1968, khi quân Mỹ có mặt ở chiến trường miền Nam lên đến đỉnh cao, đã phô diễn hết sức mạnh qua hai mùa khô mà vẫn lâm vào thế bế tắc về mặt chiến lược, lại là năm bản lề trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Bản kế hoạch đã hình thành. Thời cơ lịch sử đã được xác định. Nhiệm vụ còn lại là việc tổ chức thực hiện trên chiến trường, hướng đến mục tiêu chiến lược mà Bộ Chính trị và Trung ương Đảng đã đề ra khi soạn thảo bản kế hoạch này.

CHUYỆN TRƯỚC GIỜ G

Khi xây dựng kế hoạch, Trung ương đã đề ra ba khả năng nhưng trước giờ mở màn chiến dịch, vì nhiều lý do khác nhau, cấp dưới chỉ nhận được lệnh đây là trận quyết chiến chiến lược, giành chính quyền về tay nhân dân...

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã có sự mở rộng quy mô chiến trường ra khắp các đô thị trên toàn miền Nam với một kế hoạch đã được phát triển toàn diện, từ nghi binh cho đến việc phối hợp giữa các chiến trường, từ tấn công đến nổi dậy.

Chiến trường trọng điểm

Theo Đại tá Nguyễn Ngọc Lân, Phó phòng Quân báo Miền, "Bộ Chính trị và Trung ương Cục đã phân công nhiệm vụ và xác định vai trò của từng hướng chiến trường trong sự kiện quan trọng này. Theo đó, trọng điểm một là Sài Gòn-Gia Định; trọng điểm hai là Đà Nẵng - Huế - Khe Sanh; các khu, các địa phương còn lại là chiến trường phối hợp với các trọng điểm, để căng kéo địch ra, không cho địch tập trung lực lượng về các trọng điểm. Riêng Khe Sanh được xác định là hướng nghi binh chiến lược, ta chủ trương dùng quân chủ lực, tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Mỹ ở Khe Sanh, kéo Mỹ ra Khe Sanh để hỗ trợ cho các trọng điểm".

Việc lựa chọn các mục tiêu của cuộc tổng tấn công và nổi dậy cũng được tính toán một cách chặt chẽ để phục vụ cho ý đồ chiến lược của ta. Đại tá Vũ Ba, nguyên cán bộ tham mưu Miền, nhớ lại: "Các mục tiêu phải bảo đảm cho không chỉ có Sài Gòn nổi dậy mà cho cả miền Nam nổi dậy. Những mục tiêu chủ chốt là Tòa đại sứ Mỹ, Dinh tổng thống, Bộ Tổng

tham mưu Sài Gòn, Sở chỉ huy Mỹ tại sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình..., tức là đánh vào toàn các cứ điểm trọng yếu của địch. Trung ương Cục miền Nam đã huy động tất cả đảng viên, cán bộ của các tỉnh miền Nam để đưa về Sài Gòn làm nòng cốt cho các mũi nổi dậy”.

Ba khả năng của cuộc tổng tấn công

Khi soạn thảo kế hoạch, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã đề ra ba khả năng của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. *Một là* giành thắng lợi to lớn ở các chiến trường quan trọng, công kích và khởi nghĩa thành công ở các đô thị lớn, làm cho ý chí xâm lược của Mỹ bị đè bẹp, phải chấp nhận thương lượng, đi đến kết thúc chiến tranh theo mục tiêu, yêu cầu của ta. *Hai là* giành được thắng lợi quan trọng ở nhiều nơi nhưng phải đối phó với tình huống Mỹ còn lực lượng, dựa vào các căn cứ lớn và tăng thêm lực lượng từ ngoài vào phản công giành lại những vị trí quan trọng và các đô thị lớn - nhất là Sài Gòn. *Ba là* sau tổng tấn công và nổi dậy, Mỹ tăng cường lực lượng, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, sang Lào và Campuchia, buộc quân giải phóng phải lui về thế thủ hòng xoay chuyển cục diện chiến tranh và gỡ thế thua về chính trị.

Trong đó Bộ Chính trị quyết tâm *cố gắng giành thắng lợi hoàn toàn*, tức thực hiện khả năng một.

Đại tá Vũ Ba kể, 13 ngày trước giờ nổ súng, Bí thư thứ nhất BCH Trung ương Lê Duẩn gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam (ngày 18-1-1968). “Bức điện đó đại ý nói kế hoạch này chỉ nhằm làm lung lay ý chí xâm lược của địch, buộc địch phải chuyển giai đoạn chiến lược chứ không khẳng định mục tiêu giành chính quyền về tay nhân dân” - Đại tá Vũ Ba nói.

Nhưng khi triển khai thực hiện trên thực tế, ba khả năng của kế hoạch này đã được chuyển dần thành mục tiêu thực hiện trận quyết chiến chiến lược, giành chính quyền về tay nhân dân. Đại tá Nguyễn Ngọc Lân nói: “Khi phổ biến ở dưới thì Trung ương Cục chỉ thị cho các địa phương là chỉ phổ biến khả năng một chứ không phổ biến các khả năng khác để khỏi ảnh hưởng đến quyết tâm. Từ chỗ tính toán các khả năng như vậy, chúng ta dồn sức để dứt điểm. Cho nên chúng ta xài xả láng. Tức là có bao nhiêu xài hết”.

Đại tá Nguyễn Văn Tàu (Tư Cang), Cục trưởng tình báo H63, nhớ lại: “Lúc đó có những đồng chí cán bộ nói đánh trận này thôi chứ sau còn giặc đâu nữa mà đánh. Anh em lại bị hút vào cái khả năng một, tức là khả năng lấy luôn Sài Gòn. Lấy luôn và coi như hết giặc”.

Tương quan lực lượng và lòng quyết tâm

Thời điểm giáp tết Mậu Thân 1968, khi người dân miền Nam đang nô nức chuẩn bị đón năm mới cũng là lúc Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam đang tập trung thực hiện “một cú đập lớn để tung tóe ra các khả năng chính trị” (như lời Tổng Bí thư Lê Duẩn nói sau này) để tạo bước ngoặt mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm tiến tới chấm dứt chiến tranh. Kế hoạch được giữ tuyệt mật đến tận giờ phút cuối và được các đặc phái viên từ Bắc vượt Trường Sơn vào từng chiến trường phổ biến trực tiếp cho các cán bộ chủ chốt ở các địa phương. “Chúng ta làm kế hoạch này rất bí mật. Chúng ta bí mật với cả bạn bè, không ai được biết cả. Và hội nghị trung ương ấy diễn ra vào lúc giáp tết, nếu lỡ có lộ thông tin gì thì lúc ấy Mậu Thân cũng đã khởi động ở phía Nam rồi” - PGS-TS-Đại tá Hồ Khang cho biết.

Theo số liệu thống kê tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng, vào thời điểm trước khi diễn ra cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, quân đội nhân dân Việt Nam và quân giải phóng miền Nam có 277.000 quân chiến đấu với 220.000 quân chủ lực và 57.000 bộ đội địa phương. Các đơn vị chủ lực được phân bố tập trung tại khu vực giáp ranh khu phi quân sự vĩ tuyến 17, vùng duyên hải miền Trung, khu vực Tây Nguyên và vùng ven Sài Gòn.

Về phía Mỹ và “đồng minh”, theo số liệu trong *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (NXB Chính trị Quốc gia, tập 2, trang 589) thì vào tháng 8-1967, quân Mỹ có 525.000 quân, “đồng minh” Mỹ có 114.735 quân và quân Sài Gòn có 818.000 quân.

Dù có sự chênh lệch rất lớn về tương quan lực lượng và vũ khí, phương tiện chiến tranh, thế nhưng với khát khao thống nhất đất nước, toàn quân, toàn dân ta hăng hái bước vào đợt chuẩn bị lớn cho chiến dịch, trước một cơ hội lịch sử được xem là “ngàn năm có một”. Các đơn vị chủ lực được lệnh gấp rút hành quân về đồng bằng, áp sát ven đô, “vừa chạy vừa xếp hàng” như Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng mô tả...

Lời thề quyết tử

Trong ký ức của những cựu binh từng tham gia cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, họ gặp nhau ở một điểm chung thật kỳ lạ. Đó là những khuôn mặt đồng đội rạn nứt bởi niềm tin chiến thắng, là những ánh mắt rục rịch khát vọng giải phóng quê hương đất nước, là quyết tâm tiến về đồng bằng, về đô thị trong lời thề quyết tử trước giờ ra trận. Với họ, giây phút đó thật thiêng liêng và tự hào, với niềm tin giản dị rằng nếu lỡ hy sinh cũng là để con cháu mai này được hưởng độc lập, tự do.

Nhớ lại thời khắc lịch sử hào hùng ngày nào, ông Trần Trọng Tân, nguyên Trưởng ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương, nguyên Phó Bí thư Thành ủy TP.HCM, trầm tư: “Tôi biết những anh em thời đó. Người ta giành nhau để đi chứ không ai nghĩ đến chuyện chết sống gì. Sợ nhất là hết cơ hội. Tôi ở trên rừng mà khi huy động đi là anh em giành nhau, không được đi là buồn lắm, tự mình thấy tiếc, coi như một đời không còn cơ hội nữa”.

Ông Nguyễn Văn Luyện (Nguyễn Luân), chiến sĩ Đội 5 biệt động Sài Gòn-Gia Định, vẫn nhớ như in thời khắc trước đêm giao thừa năm nào: “Khoảng 11 giờ, trước khi xuất quân, chỉ huy trưởng cụm có đến làm công tác tư tưởng lần cuối. Rằng các anh đến đánh, bây giờ tư tưởng thấy ổn chưa, nếu anh nào không ổn thì cứ nói, đơn vị cho ở lại. 15 anh em, không đứa nào ở lại”.

Mang theo tinh thần căm tử đó, những chiến sĩ quân giải phóng đã bước vào trận đánh trên khắp các mặt trận với một khí thế ngùn ngụt chưa từng có. Mặc cho phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa không ngừng phản công quyết liệt, dùng bom đạn trút bừa bãi xuống khắp các đô thị miền Nam trong cơn hoảng loạn và quyết tái chiếm các thành phố, đô thị bằng mọi giá. Mặc cho kẻ thù chiếm ưu thế tuyệt đối về quân số cũng như về sức mạnh hỏa lực, các lực lượng vũ trang quân giải phóng vẫn kiên cường bám trụ, chiến đấu và hy sinh anh dũng để làm nên một mùa xuân bất tử của lòng quả cảm, của ý chí dân tộc Việt Nam.

NGHI BINH KHE SANH

Mặt trận Khe Sanh năm 1968 là nơi diễn ra cuộc đấu trí, đấu sức vô cùng ngoạn mục và gay gắt mà mục đích thật sự của trận đánh này đến 45 năm sau vẫn còn là điều bí ẩn với giới nghiên cứu và học giả Mỹ...

Thung lũng Khe Sanh nằm ở vùng rừng núi heo hút phía tây Quảng Trị, được xác định là một trong những địa bàn chiến lược ở khu vực giáp ranh giới tuyến. Năm 1966, tại khu vực nam vĩ tuyến 17 đến đường 9-Khe Sanh, Mỹ đã cho xây dựng tuyến phòng thủ vô hình, lấy tên là *hàng rào điện tử McNamara*. Ở vị trí “mỏ neo” khu vực ngã ba biên giới, Khe Sanh được định vị là một trong ba mắt thần của hàng rào điện tử McNamara, nơi Mỹ tập trung xây dựng một tập đoàn cứ điểm mạnh gồm Chi khu quân sự Hướng Hóa, cụm cứ điểm Làng Vây và sân bay Tà Cơn. Với tham vọng ngăn chặn quân ta xâm nhập từ miền Bắc vào hoặc từ Lào sang, Mỹ coi đây là bàn đạp để cắt đứt tuyến đường mòn Hồ Chí Minh của ta.

Tương kế tựu kế

Vào thời điểm đầu năm 1968, có nhiều nguyên nhân khiến người Mỹ tin rằng quân giải phóng sẽ thực hiện trận quyết chiến chiến lược như “một Điện Biên Phủ khác” ở Khe Sanh. Đầu tiên, từ sự tương đồng về yếu tố địa hình và vai trò chiến lược giữa lòng chảo Điện Biên Phủ và Khe Sanh. Tiếp đến, Mỹ tin rằng với sự từ bỏ địa bàn truyền thống nông thôn của ta thì rừng núi sẽ là bàn đạp để ta đánh vào đồng bằng và đô thị. Và trên hết, kế hoạch nghi binh hoàn hảo và sự chuyển hướng chiến lược đầy bất ngờ, táo bạo của quân giải phóng đã khiến Mỹ không thể ngờ.

Cố Trung tướng Nguyễn Đình Ước đã từng hỏi Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng rằng: “Ta có đánh Khe Sanh như Điện Biên Phủ không?”. Và ông nhận được câu trả lời: “Trận này rất khác với Điện Biên Phủ. Nếu chúng ta đánh Khe Sanh thì tất sẽ bị thương vong rất lớn vì quân Mỹ cơ động, lại có bom đạn nhiều. Nếu thất bại, họ có thể dùng đến cả bom nguyên tử chiến thuật”.

Về phía Mỹ, với hệ thống phòng ngự dày đặc và hỏa lực cực mạnh, Khe Sanh được kỳ vọng là thổi nam châm hút quân giải phóng vào một thế trận “Điện Biên Phủ đảo ngược”, theo đúng kịch bản chiến tranh quy ước kiểu Mỹ. “Cái từ Điện Biên Phủ xuất hiện trong tư duy của phía Mỹ mà Cục II (tình báo) báo cáo lại chính là một gợi ý để chúng ta tương kế tựu kế thực hiện một “Điện Biên Phủ giả vờ” để lừa đối phương, ghìm chặt Mỹ ở chiến trường rừng núi, tạo điều kiện cho đòn tấn công vào các đô thị. Vì vậy sau này phía Mỹ và phương Tây cho rằng Việt Nam là bậc thầy trong việc nghi binh” - PGS-TS-Đại tá Hồ Khang chia sẻ.

Theo Đại tá Nguyễn Văn Tàu (Tư Cang), trong các báo cáo do điệp viên Phạm Xuân Ẩn chuyển về, từ cấp chỉ huy cho đến viên đại sứ Mỹ, tất cả đều tin rằng quân Giải phóng không đủ sức tấn công vào các thành phố, đô thị mà đó chỉ là “đòn nghi binh”. Theo Mỹ, chiến trường chính nhất định sẽ diễn ra ở Khe Sanh. “Trung ương Cục miền Nam còn làm bộ để rơi

những tài liệu vào tay Mỹ để họ tin rằng mình sẽ đánh mạnh trên vùng giới tuyến, nhất là Khe Sanh” - ông Tư Cang nói.

Tâm điểm chú ý của nước Mỹ

Ngày 20-1-1968, 10 ngày trước giờ G của cuộc tổng tấn công và nổi dậy, chiến dịch nghi binh Khe Sanh chính thức mở màn bằng trận đánh quyết liệt trên đồi 881-Nam. Đến 5 giờ 30 sáng 21-1, pháo của quân đội ta đồng loạt pháo kích vào căn cứ Khe Sanh. Ngày thứ hai, kho đạn chính của quân đội Mỹ với sức chứa 1.500 tấn đạn pháo đã bị phá hủy hoàn toàn.

Nhớ lại khoảng thời gian 170 ngày đêm bị vây hãm tại Khe Sanh, trò chuyện với chúng tôi mới đây, cựu binh John Scott Jones vẫn không thôi bị ám ảnh: “Chúng tôi đã ở dưới những căn hầm trú ẩn nhỏ, có rất nhiều bom đạn thả xuống, rất nhiều người chết và bị thương. Đó là khoảng thời gian rất khó khăn. Chúng tôi không có nước uống và thiếu lương thực trầm trọng, chỉ cố gắng cầm cự để mong sống sót”.

Bằng những nguồn sử liệu xác thực, nhà báo, sử gia Mỹ Stanley Karnow kể: “Tổng thống Lyndon Johnson và Washington đã nghĩ rằng Khe Sanh là một Điện Biên Phủ nữa. Và họ đã làm cả sa bàn Khe Sanh ở Washington. Thậm chí, họ còn yêu cầu tướng Westmoreland - Tư lệnh Bộ chỉ huy cố vấn Quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam - phải ký giấy cam đoan không được để mất Khe Sanh vì đó là danh dự của nước Mỹ”.

Và rồi trong nỗ lực bảo vệ Khe Sanh bằng mọi giá, Mỹ đã thực hiện chiến dịch Niagara II ném bom rải thảm với hơn 100.000 tấn bom, cày nát 32 km² chiến trường với mức độ ác liệt và tàn khốc chưa từng có.

Khi cuộc pháo kích lên đến đỉnh điểm, lính Mỹ hồi hộp chờ đợi một cuộc tấn công ồ ạt của quân giải phóng vào căn cứ Khe Sanh. Cựu binh Mỹ John Scott Jones nhớ lại: “Chúng tôi nhận ra rằng họ - quân Giải phóng - có kế hoạch tràn qua. Vì vậy, từng đêm từng ngày trôi qua, chúng tôi chờ đợi để chứng kiến điều đó, để chiến đấu một trận sinh tử...”.

Thế nhưng cuộc tấn công mà phía Mỹ hồi hộp chờ đợi đã không xảy ra.

Thay vào đó, quân ta lại tổ chức tấn công và tiêu diệt ở quận lỵ Hương Hóa, cụm cứ điểm Huội San, Làng Vây và gia tăng sức ép khu vực sân bay Tà Cơn, từ đó siết chặt vòng vây lại. Giữa lúc Khe Sanh trở thành tâm điểm chú ý của nước Mỹ thì các đô thị trên toàn miền Nam đồng loạt nổ súng. Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 bắt đầu...

Phải giam chân Mỹ ở Khe Sanh

Với Thiếu tướng Lê Mã Lương, nguyên chiến sĩ Sư đoàn 304, người đã mất con mắt bên trái tại chiến trường Khe Sanh và phải trải qua cuộc phẫu thuật nhớ đời vì không có thuốc gây mê khi mới bước qua tuổi 18 thì ký ức của những ngày đầu xuân 1968 không thể nào quên. Ông kể: “Với một khối

lượng bom đạn ác liệt và dữ dội như thế, việc sống sót của những người lính quân giải phóng như ông là một điều kỳ lạ, phi thường. *Bằng mọi giá phải giam chân lực lượng cơ động Mỹ, tiêu hao sinh lực địch ở Khe Sanh.* Cái đấy nó thấm nhuần đến từng người chiến sĩ. Một đại đội 120-150 người, chỉ trong vài tuần mà còn lại có 30, thậm chí 10-15 người. Nói như thế để thấy cuộc chiến ác liệt đến nhường nào, cái quyết tâm của ta cao đến chừng nào”.

Sai lầm chiến lược của Mỹ

Trong khi các đô thị trên toàn miền Nam đồng loạt nổ súng vào Xuân Mậu Thân 1968, mặt trận Khe Sanh tiếp tục đánh lớn để phối hợp với các hướng chiến trường chính.

Ngày 1-4-1968, phía Mỹ và quân đội Sài Gòn tổ chức cuộc hành quân Pegasus - Lam Sơn 207 để giải vây cho Khe Sanh. Cuộc hành quân này đã bị ta đánh chặn, làm tiêu hao sinh lực nặng. Đến ngày 6-4, lực lượng này mới mở đường máu đến từ hướng đông sân bay Tà Cơn. Tháng 5-1968, Mỹ mở tiếp cuộc hành quân giải vây đợt hai mang tên Scotland II hòng kéo giãn đội hình vây lấn của quân ta. Nhưng rồi họ phải chịu thất bại. Ngày 26-6, quân Mỹ được lệnh rút khỏi Khe Sanh và phá hủy căn cứ này. Đến ngày 25-7-1968, Mỹ hoàn tất việc rút lui khỏi mặt trận đường 9-Khe Sanh.

Sai lầm về chiến lược của tướng Westmoreland ở Khe Sanh đã khiến quân đội Mỹ phải trả giá đắt. Không kể những tổn thất về con người, đó còn là danh dự của nước Mỹ và niềm tin của công chúng Mỹ đối với chính quyền Johnson. Cố Trung tướng Nguyễn Đình Ước từng nhận định: “Người ta (công chúng Mỹ - NV) xôn xao lên. Rõ ràng chuyện nói Khe Sanh là một Điện Biên Phủ rồi đổ xô vào đó là một sai lầm về chỉ đạo chiến lược, không thể nào che đậy được công chúng Mỹ”.

ĐÒN TẤN CÔNG BẤT NGỜ, TÁO BẠO

“Điều đầu tiên cần nói về cuộc tổng tiến công là tình báo của đồng minh đã thất bại ngang với trận Trân Châu Cảng năm 1941 và trận tiến công Ardennes năm 1944. Việt Nam đã giành được sự bất ngờ hoàn toàn”. Sách giáo khoa của Học viện Quân sự West Point (Mỹ) đã viết như thế.

Đêm 29 rạng ngày 30-1, thời khắc lịch sử của giao thừa Tết Mậu Thân 1968, trên các đô thị ở bờ nam vĩ tuyến 17, suốt từ Quảng Trị đến Cà Mau rung chuyển vì cuộc tổng công kích đồng loạt của quân giải phóng. Các lực lượng vũ trang đã bất ngờ tấn công vào 5/6 thành phố lớn, 37 thị xã, 64 thị trấn, quận lỵ trên toàn miền Nam.

Đồng loạt nổ súng

Theo kế hoạch, giờ nổ súng (giờ G) trên toàn miền Nam là 2 giờ đêm giao thừa nhưng miền Bắc thay đổi lịch (trong đó tháng Chạp âm lịch chỉ có 29 ngày), đón tết Mậu Thân sớm một ngày so với lịch ở miền Nam.

Do đó mới có sự chệch choạc trong việc chấp hành ngày, giờ diễn ra cuộc tổng tấn công đồng loạt. Kết quả là các lực lượng vũ trang khu V và Tây Nguyên nổ súng sớm theo lịch mới, mở đầu từ Khánh Hòa, thị xã Tuy Hòa (Phú Yên), tiếp đến là thị trấn Tân Cảnh - Kon Tum, thị xã Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)...

Một ngày sau, đêm giao thừa theo lịch miền Nam, khi hiệu lệnh tổng tấn công được mở đầu bằng lời thơ chúc tết của chủ tịch Hồ Chí Minh, các đô thị còn lại đồng loạt tấn công và nổi dậy, từ Sài Gòn-Gia Định, Huế, Kiến Tường, Định Tường đến Bình Dương, Kiên Giang... Riêng TP Đà Nẵng, một trong ba trọng điểm, không nổ súng vì kế hoạch bị lộ ngay trước giờ G.

Vì là đòn tấn công chiến lược rộng lớn và đồng loạt, sử dụng yếu tố bất ngờ nên kế hoạch được giữ tuyệt mật, ngay sát giờ nổ súng mới được phổ biến. Khi được hỏi về sự kiện Mậu Thân 1968, ông Nguyễn Trung Chính, nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên-Huế, nguyên Thành ủy viên năm 1968, chia sẻ: “Cảm nhận khái quát nhất đối với Mậu Thân thì thẳng địch bất ngờ. Nhưng mà ta là những người trong cuộc cũng bất ngờ”. Đại tá Nguyễn Văn Tông (Sáu Tông), nguyên Chính ủy Sư đoàn 9 chủ lực Miền, bồi hồi nhớ lại: “Thư động viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tôi bỏ trong cặp, tới vùng ven mới đánh máy gửi cho đơn vị trước giờ G độ chừng 1 tiếng để anh em đọc”.

Cuộc tổng tấn công đồng loạt và táo bạo của quân giải phóng đã khiến phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa (VNCH) bất ngờ hoàn toàn và không kịp phản ứng. Ông Nguyễn Văn Bình, Quận trưởng quận Gò Vấp - chế độ VNCH, không thể nào quên tiếng điện thoại reo liên hồi trong ngày đầu năm mới. “Tôi có bảy xã, cùng một lúc các tiểu đoàn của tôi báo về đồng loạt bị tấn công hết, mà bị nặng nhất là khu vực Thị Nghè” - ông Bình nói.

Một cuốn sách giáo khoa về lịch sử quân sự in năm 1969 và được các học viên Học viện Quân sự West Point (Mỹ) sử dụng trong việc nghiên cứu chiến tranh Việt Nam, đã viết: “Điều đầu tiên cần nói về cuộc tổng tiến công là tình báo của đồng minh đã thất bại ngang với trận Trân Châu cảng năm 1941 và trận tiến công Ardennes năm 1944. Bắc Việt Nam đã giành được sự bất ngờ hoàn toàn”.

Lực lượng xung kích

Trong Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Sài Gòn-Gia Định được xác định là chiến trường trọng điểm của trọng điểm, nơi có các mục tiêu quan trọng mà bằng bất cứ giá nào ta cũng phải đánh, để đánh thẳng vào ý chí xâm lược của kẻ thù. Nhiệm vụ xung kích, tiên phong được giao cho các chiến sĩ lực lượng biệt động Sài Gòn-Gia Định.

Cố Đại tá Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu) từng nói: “Đầu tiên là dùng lực lượng xung kích (biệt động) chiếm lĩnh các mục tiêu. Sau biệt động tới thanh niên, sinh viên để hỗ trợ, trang bị súng cho biệt động giữ mục tiêu. Mục tiêu đây là cửa mở, chiếm cửa mở để đại quân (bấy giờ dùng đại quân nhưng sau này không đúng), các tiểu đoàn mũi nhọn tiếp ứng, vào chiếm hẳn mục tiêu”.

Đúng giờ G, các chiến sĩ biệt động đồng loạt tấn công vào năm mục tiêu chiến lược quan trọng. Đội 3 đánh Bộ tư lệnh Hải quân Sài Gòn. Đội 4 đánh chiếm đài phát thanh. Đội 5 đánh Dinh Độc Lập. Đội 6 và 9 đánh Bộ Tổng tham mưu. Đội 11 đánh chiếm Tòa Đại sứ Mỹ. Nhiệm vụ chiếm và giữ cửa mở được lực lượng biệt động Sài Gòn hoàn thành, thậm chí hoàn thành vượt mức thời gian được giao. Thế nhưng vào phút chót, đại quân - các tiểu đoàn mũi nhọn đã không thể xuất hiện để tiếp ứng. Khi buộc phải đơn thương độc mã chiến đấu giữa vòng vây kẻ thù đông hơn gấp bội lần thì sự hy sinh của họ dường như là một tất yếu. 88 chiến sĩ trực tiếp tham gia chiến đấu thì có đến 56 người đã hy sinh, số ít còn lại hầu hết đều rơi vào tay giặc và bị đày ra Côn Đảo.

Chiến công của lực lượng biệt động Sài Gòn-Gia Định đã làm rung động cả nước Mỹ và lan rộng khắp thế giới. Đặc biệt, với trận đánh vào Tòa Đại sứ Mỹ, nơi được mệnh danh là trung tâm chỉ đạo chiến tranh chống cộng lại bị chính Việt cộng chiếm đóng. Một hình ảnh vượt xa trí tưởng tượng của thế giới và của công chúng Mỹ.

Năm mũi tấn công Sài Gòn

Ngoài các mục tiêu trọng điểm trong thành phố do lực lượng biệt động Sài Gòn đảm nhiệm, lực lượng do năm phân khu phụ trách, phối hợp tấn công các mục tiêu ở các quận vùng ven, thực hiện kế hoạch bao vây, cô lập Sài Gòn. Lực lượng quân giải phóng ở năm mũi tấn công tương đương với 14 tiểu đoàn. Vòng ngoài là các đơn vị thuộc các Sư đoàn 5, 7, 9 - chủ lực Miền, làm nhiệm vụ chặn đường các lực lượng Mỹ và VNCH về Sài Gòn tiếp ứng.

Do thời gian hành quân gấp rút, địa hình trắc trở, nhiều đơn vị vừa hành quân vừa đánh địch nên phần lớn không kịp thời gian theo đúng kế hoạch. Thêm vào đó, tuyến phòng thủ của địch ở vùng ven khá mạnh nên dù chiến đấu rất anh dũng nhưng hầu hết các tiểu đoàn mũi nhọn và các đơn vị bộ đội địa phương trên năm mũi tấn công vào Sài Gòn đã không thể thực hiện nhiệm vụ tiếp ứng cho lực lượng biệt động đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu trong nội thành. Quân số các tiểu đoàn cũng bị thương vong nặng sau mỗi trận đánh, có tiểu đoàn chỉ còn lại 1/5 đến 1/10 quân số.

Đại tá Nguyễn Văn Triết, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 1 Sư đoàn 9, rưng rưng khi nhớ lại ký ức của trận đánh năm

xưa. Vào thời điểm đó, đơn vị ông là tiểu đoàn mũi nhọn duy nhất của Sư đoàn 9 được giao đánh chiếm Trung tâm huấn luyện Quang Trung vào đúng giờ G. Ông kể: “Khi đánh mục tiêu này, tiểu đoàn gặp rất nhiều khó khăn vì đây là một mục tiêu lớn, quân số địch rất đông. Trong khi tiểu đoàn lại chỉ có hai đại đội, thiếu một đại đội do phương tiện vận chuyển không đáp ứng được. Dù vậy, khi giờ G đến, toàn đơn vị nhanh chóng tấn công và chiếm lĩnh được mục tiêu. Khi ta đột vào, cùng với trong nội thành cũng đã tấn công thì nó hoảng loạn lên và kéo ra hàng nhưng ta không đủ lực lượng để giải quyết hàng quân này. Nó thấy vậy nên né dần, rút dần rồi tổ chức phản kích lại ta ngay trong đêm...”.

Đại tá Vũ Ba, nguyên cán bộ tham mưu Miền, kể ngày mùng 5 Tết Mậu Thân, tại sở chỉ huy cơ bản đóng ở phía sau, Tư lệnh Hoàng Văn Thái không nhận được báo cáo từ chiến trường gửi về. Biết tình hình chiến trường rất căng thẳng và gây cản, vị tư lệnh liền phái ông xuống chiến trường gặp tướng Trần Văn Trà để báo cáo nguyên văn rằng: “Dựa vào tin tức của các đài phát thanh phương Tây, như anh đã biết, ta có thể đánh giá là bước đầu cơ bản ta đã giành được thắng lợi. Thắng lợi chiến lược quan trọng. Ý nghĩa thắng lợi to lớn đến đâu, hiện giờ ta chưa có thể hình dung được”.

TẤN CÔNG, TẤN CÔNG LIÊN TỤC

Sau đợt 1, dù lực lượng chiến đấu và cơ sở trong nội đô bị nhiều tổn thất nhưng vì mục tiêu chính trị cần đạt được. Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã đề nghị Trung ương mở đợt 2 Tổng tấn công và nổi dậy trong mùa hè năm 1968, nối tiếp đà thắng lợi từ đợt 1.

Năm nay đã 84 tuổi nhưng Đại tá Nguyễn Văn Tàu (Tư Cang) vẫn nhớ như in những cung bậc cảm xúc mà ông đã trải qua trong mùa xuân lịch sử 1968. Khi đó, ở cương vị cụm trưởng cụm tình báo chiến lược H63, ông có nhiệm vụ phải theo dõi sát sao tình hình chiến trận tại Sài Gòn.

“Việt cộng đánh cú này đau quá!”

Ông kể trong thời gian đầu của cuộc Tổng tấn công, các báo cáo ông gửi về căn cứ đều thấm đượm một màu bi quan trước những tổn thất của quân dân ta. Ông như đứt từng khúc ruột khi chứng kiến hình ảnh người nữ bí thư chi bộ Bình Mỹ vừa chôn cất đồng đội vừa nức nở khóc. Nhưng liền sau đó, ông đã có những thay đổi quan trọng trong nhận định, đánh giá về kết quả của trận đánh.

Những ngày cùng điệp viên huyền thoại Phạm Xuân Ẩn đi thăm dò dư luận, thái độ của đối phương ở cơ quan tình báo chiến lược Mỹ, Bộ Tổng tham mưu Việt Nam Cộng hòa (VNCH)..., ông nhận thấy đối phương có một sự hoang mang, chán chường tột độ. Họ bàn luận với nhau: “Việt cộng

đánh cú này đau quá, rất là thối động. Mà cái đòn này nó sẽ thấm dần cho tới khi mình bị ngã quỵ”. Kết quả của những thăm dò này đều được ông Tư Cang viết báo cáo, gửi về căn cứ.

Cuối tháng 3-1968, trên cơ sở báo cáo từ các chiến trường và tin tức tình báo, sau khi sơ bộ tổng kết, đánh giá tình hình đợt 1, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã đề nghị với trung ương cho mở đợt 2 tổng tấn công và nổi dậy ở chiến trường miền Đông, nối tiếp đà thắng lợi từ đợt 1. Đề nghị này được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua một tháng sau. Trọng điểm của đợt 2 vẫn là chiến trường Sài Gòn-Gia Định. Các hướng phối hợp là Đường 9, Trị-Thiên, Tây Nguyên, Khu V, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Riêng Huế không tổ chức đợt 2 do tình hình khó khăn ở mặt trận này sau đợt 1, dù đã được tăng viện thêm ba sư đoàn chủ lực miền Bắc.

Vượt lên khó khăn

Sau đợt 1 của Mậu Thân, tháng 3-1968, Mỹ triệu tập cuộc họp Hội đồng An ninh quốc gia nhằm điều chỉnh chiến lược chiến tranh ở Việt Nam. Để tăng cường bảo vệ khu vực thành thị khỏi nguy cơ của những đợt tấn công mới, quân đội Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “quét và giữ”. Tháng 4-1968, Bộ trưởng Quốc phòng mới nhậm chức Clark Clifford chỉ thị cho Bộ Chỉ huy Quân sự Mỹ tại Nam Việt Nam tiến hành ba biện pháp cấp bách để ngăn chặn nguy cơ từ những cuộc tấn công mới của quân giải phóng. Tình hình chiến trường miền Nam trở nên khốc liệt, căng thẳng hơn bao giờ hết, đặc biệt là tại chiến trường trọng điểm Sài Gòn.

Với Đại tá Nguyễn Văn Triết, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 1 Sư đoàn 9, các trận đánh của tiểu đoàn trong đợt 2 Mậu Thân là một nỗ lực phi thường. Bởi theo ông, sau đợt 1, địch đã tăng cường phòng ngự dự phòng rất mạnh từ nội thành ra tới bên ngoài. “53 tiểu đoàn của địch quanh Sài Gòn, chưa nói tới phi pháo của nó. Yếu tố bất ngờ không còn, ta vì yêu cầu chính trị phải tấn công vào” - ông Triết nói.

Đại tá Lâm Văn Chấn, nguyên Chính ủy Tiểu đoàn 3 của ông Triết, kể: “Đợt 2, ngay khi tới vùng lớp rồi, suốt ngày bị bom đạn đánh phá, thương vong cả mấy trăm nhưng tất cả anh em vẫn quyết đi theo đơn vị để chiến đấu. Cái khí thế của anh em trong Mậu Thân là chưa từng có!”.

Công tác chuẩn bị cho đợt 2 đầy khó khăn gấp bội lần nhưng đã được quân dân ta nỗ lực hoàn thành để chuẩn bị cho trận đánh lớn tiếp theo. “Mọi việc đang tiến triển tốt đẹp thì lại xảy ra một vụ việc nghiêm trọng. Ngày 19-4, Tám Hà, phó chủ nhiệm chính trị ra đầu hàng địch. Nó khai hết ráo cái ý định mình đánh sao, kỳ này những cái mũi đi như thế nào. Thành ra, Mỹ thả bom B52 sát Sài Gòn, làm cho những khẩu pháo mình chuẩn bị bị chìm trong bùn hết, không còn sử dụng được” - Đại tá Tư Cang nhớ lại.

Nhưng, sau khi cầm trên tay bản khẩu cung của Tám Hà do cụm H63 gửi về cứ, dẫn đo, cân nhắc kỹ càng về mọi khả năng, cuối cùng Trung ương Cục và Quân ủy Miền vẫn hạ quyết tâm mở đợt 2 của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

Tiến công liên tục

Đúng 0 giờ 30 phút ngày 5-5-1968, cả miền Nam lại rung chuyển bởi cuộc Tổng tấn công và nổi dậy lần thứ hai của quân giải phóng. Trong tuần lễ đầu, 89 thành phố, thị xã, thị trấn, quận lỵ, căn cứ địch suốt từ Trị Thiên đến Cà Mau, các tỉnh đồng bằng ven biển đến Tây Nguyên đồng loạt tấn công và nổi dậy.

Tại chiến trường trọng điểm Sài Gòn, khác với đợt 1, các đơn vị bộ đội chủ lực trực tiếp tham gia chiến đấu, phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương trên năm hướng đồng loạt thọc sâu, tấn công vào các mục tiêu trong nội thành như sân bay Tân Sơn Nhất, khu vực cầu chữ Y, cụm ra đả Phú Lâm, ngã ba Hàng Xanh, khu vực Bàn Cờ, Vườn Chuối...

Đến ngày 24-5-1968, quân giải phóng tiếp tục cao điểm 2 của cuộc tổng tấn công, pháo kích sân bay Tân Sơn Nhất, bến cảng Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Hải quân, Tòa đô chính, Sứ quán Mỹ, tập kích các khu vực Bình Hòa, Hàng Xanh, cầu Phú Định...

Do các đơn vị chủ lực quân giải phóng không thông thuộc địa hình trong thành phố và vũ khí chỉ được trang bị nhẹ nên khi đương đầu với một lực lượng hùng hậu, vũ khí tối tân của Mỹ thì quân số thương vong rất lớn. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Miền đã ra lệnh rút quân. Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đợt 2 chính thức kết thúc từ ngày 13-6-1968. Đến tháng 8 và tháng 9-1968, ta tiếp tục mở cuộc tiến công đợt 3...

Huế: 45 năm - một cuộc “chiến tranh tâm lý”

Trong Mậu Thân 1968, quân và dân Thừa Thiên-Huế đã làm nên chiến công trong 26 ngày đêm giữ thành, được tặng thưởng tám chữ vàng “*Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường*”, góp phần tạo “cơ địa chấn” của sự kiện Mậu Thân đối với chính quyền Mỹ và chế độ Sài Gòn. Nhưng sự khốc liệt của mặt trận này cũng kéo theo đòn “chiến tranh tâm lý” hết sức cay nghiệt suốt mấy mươi năm sau Mậu Thân 1968.

Trong trận này, lính Mỹ đã phải trả một cái giá rất đắt về nhân mạng. Và, cũng chính khối lượng bom đạn khổng lồ mà họ trút xuống để tái chiếm lại thành phố này là nguyên nhân dẫn đến những tổn thất ghê gớm của quân và dân ta. “Tổn thất của xuân 1968 rất lớn, ác liệt một cách khủng khiếp. Xung quanh thành đổ hết. Bom đạn hai bên đánh nhau đổ chói, khói ngùn ngụt, nhà cửa bom pháo san bằng hết” - ông Nguyễn Văn Quang, nguyên Bí thư Thành ủy TP Huế, nguyên Đội trưởng Đội Công tác chính trị vũ trang quận 1 năm 1968, nhớ lại.

Để khóa lấp thất bại nặng nề tại mặt trận Huế, đồng thời tìm lý do biện minh cho những thiệt hại khủng khiếp về thương dân do những trận bom pháo Mỹ gây ra, Mỹ và chính quyền Sài Gòn dựng lên cái gọi là cuộc thăm sát tại Huế để đổ vấy cho quân giải phóng và từ đó đánh lừa dư luận.

GS Noam Chomsky, người có nhiều hoạt động chống lại chiến tranh của Mỹ ở VN và sau này ở Iraq, khẳng định vấn đề thăm sát tại Huế là một sự bịp bợm. “Đó là những thương dân bị chết do những trận bom pháo Mỹ san bằng TP Huế. Rồi sau đó khi Mỹ và VNCH phản kích trả thù lại thời kỳ hậu Mậu Thân cũng giết chóc rất nhiều. Thứ nữa là lực lượng quân giải phóng đã hy sinh trong lúc chiến đấu. Tất cả đều là người Việt với nhau và họ gộp vô hết. Tất cả cái đó họ dựng thành một vụ thăm sát tưởng tượng” - GS Noam Chomsky khẳng định.

MỸ PHẢI RÚT KHỎI VIỆT NAM!

Dù còn có nhiều điều tranh luận, song không thể phủ nhận một sự thật lịch sử hiển nhiên. Nếu không có Mậu Thân 1968 thì sẽ không có đàm phán Paris 1973 và đi đến kết thúc thắng lợi vào trưa ngày 30-4-1975 lịch sử.

Nhiều học giả, nhà sử học trong và ngoài nước cho rằng tác động lớn nhất của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 được cảm nhận rất rõ ở ngay chính nước Mỹ. Với sự tham gia của truyền thông quốc tế, đặc biệt là báo chí Mỹ, đã khiến công chúng Mỹ sống trong bầu không khí của chiến tranh từng ngày một.

Tác động dữ dội tới nước Mỹ

Trò chuyện với người viết, cựu phóng viên tờ *Washington Post* Don Luce nhớ lại: “Cuộc tấn công Mậu Thân cho người dân Mỹ thấy một sự thật rằng cuộc chiến này thực sự không hề có chiều hướng đi, không hề có chút

ánh sáng nào ở cuối đường hầm và người ta bắt đầu chú ý nhiều đến nó. Thêm vào đó, những người Mỹ tình nguyện (đi lính) bắt đầu phản đối chiến tranh. Kể cả với những người đang ở Việt Nam. Họ viết thư về nhà, họ thật sự công khai phản đối chiến tranh. Và thế là đã có sự dịch chuyển, thay đổi thái độ sang việc phản đối chiến tranh. Nó cứ lớn dần, lớn dần lên...”.

Thời điểm sau tết Mậu Thân 1968, Dick Hughes, diễn viên Mỹ, là một trong số 16 triệu thanh niên Mỹ đã đốt thẻ và chống lệnh đi quân dịch. Ông phải đối mặt với án tù năm năm cho quyết định này. Vài tháng sau đó, Dick Hughes quyết định một mình đến Sài Gòn và tự tìm hiểu xem chuyện gì đang diễn ra ở đây. “Cuộc chiến tranh này đã luôn ám ảnh trong tâm trí tôi. Trên tivi, chúng tôi luôn nhìn thấy những trận đánh, những xác người chết và những gì đang diễn ra thật khủng khiếp tại Việt Nam. Tôi quyết định mình phải làm một điều gì đó cho Việt Nam. Thế là tôi tự đến Việt Nam và làm công tác xã hội” - Dick Hughes kể.

Cuộc đời của Dick Hughes và rất nhiều người Mỹ khác đã thay đổi từ sau sự kiện Mậu Thân 1968. Trong “cơn ác mộng” hậu Mậu Thân, tình hình nước Mỹ trở nên hỗn loạn chưa từng có trong lịch sử. Đỉnh điểm là cuộc biểu tình của sinh viên Trường ĐH Kent State diễn ra vào ngày 4-5-1970 tại bang Ohio. Trong sự căng thẳng tột độ, lực lượng vệ binh quốc gia đã xả súng vào hàng ngàn sinh viên trong khuôn viên trường đại học, khiến bốn sinh viên thiệt mạng và chín người khác bị thương. Ngọn lửa phản chiến bùng lên dữ dội hơn bao giờ hết, trở thành một cuộc chiến thật sự, một cuộc đối đầu giữa chính quyền và nhân dân Mỹ ở ngay trong lòng nước Mỹ, đẩy quốc gia này vào một sự chia rẽ sâu sắc chưa từng có.

Máu của người Mỹ đã đổ, không chỉ trên chiến trường Việt Nam mà còn ở ngay tại quê nhà trong phong trào phản chiến lịch sử, sau sự kiện Mậu Thân 1968.

Trước áp lực của dư luận trong nước và thế giới, Tổng thống Lyndon Johnson buộc phải xuống thang chiến tranh, “phi Mỹ hóa” cuộc chiến này và tìm kiếm con đường đàm phán, thương lượng hòa bình để rút quân về nước. Khi Tổng thống Nixon vào Nhà Trắng, tiếp nối di sản chiến tranh mà Lyndon Johnson để lại, ông phải đứng trước hai lựa chọn: Một, tiếp tục tăng quân và ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam; hai, ngừng ném bom miền Bắc và rút quân về nước, thương lượng với Hà Nội để kết thúc cuộc

chiến. Nhưng dường như Tổng thống Nixon không có quyền lựa chọn trước con đường đã được vạch sẵn, nếu không muốn đẩy nước Mỹ đến hố sâu của sự chia rẽ nội bộ trầm trọng hơn.

“Hãy ra khỏi Việt Nam đi!”

Dù còn nhiều ý kiến, đánh giá khác nhau về đợt 2 và đợt 3 của sự kiện Mậu Thân 1968 nhưng một sự thật phải được nhìn nhận: Mậu Thân 1968 là thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Một sự kiện được xem là bước tập dượt trên quy mô lớn của quân và dân ta để chuẩn bị cho những trận đánh lớn sau này, đặc biệt là trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

Giáo sư sử học người Mỹ Larry Berman cho rằng: “Chính sách tăng quân chiến đấu của Mỹ vào Việt Nam đã kết thúc cùng với cuộc tấn công Mậu Thân. Giờ đây, thách thức đặt ra với người Mỹ là làm thế nào để rút khỏi cuộc chiến này trong danh dự. Mậu Thân là một bước chuyển mang tính quyết định, dẫn đến việc chấm dứt leo thang chiến tranh Việt Nam. Bom vẫn tiếp tục rơi nhưng lính Mỹ thì dần được về nhà”.

Còn với nhà báo, sử gia Stanley Karnow thì: “Theo quan niệm căn bản của tôi về cuộc chiến tranh này, đúng là không thể nào có một chiến thắng dành cho chúng tôi, vì một lý do cực kỳ đơn giản. Kẻ thù của chúng tôi đã có một khoảng thời gian dài để bắt đầu tập làm quen với những mất mát tột cùng, không giới hạn. Chính sách của Mỹ khi bắt đầu đặt chân vào Việt Nam là giết thật nhiều người lính đối phương để làm tiêu tan hết lực lượng của họ. Và lính Mỹ đã làm y như vậy, giết chết hàng triệu người, không thể nhớ rõ được. Nhưng họ chẳng bao giờ tìm thấy được điểm dừng của sự giết chóc này. Cuối cùng, họ vẫn cứ tiếp tục đánh nhau và nhận lấy thất bại. Và rồi, Đảng Cộng hòa bắt đầu lên tiếng, rằng nếu chúng ta không thể thắng cuộc chiến này thì hãy ra khỏi nơi đó đi”.

Cùng với độ lùi của thời gian và lịch sử, tầm vóc to lớn về cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 được nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, công bằng hơn. Và dù còn có nhiều điều tranh luận, song không thể phủ nhận một sự thật lịch sử hiển nhiên của dân tộc: Nếu không có Mậu Thân 1968 thì sẽ không có đàm phán Paris 1973 (1968-1973) và đi đến kết thúc thắng lợi vào trưa ngày 30-4-1975 lịch sử.

“Ngày đồng đội”

Mất một bàn tay trong cuộc đọ sức dữ dội với kẻ thù ở Mậu Thân đợt 2, bà Nguyễn Thị Huyền Nga (Lê Thị Hồng Quân) - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn nữ biệt động Lê Thị Riêng - vẫn cho mình là người may mắn. Ký ức Mậu Thân với bà thật dữ dội và bi tráng, khi bà tận mắt chứng kiến sự hy sinh can trường của đồng đội, từ anh Hà Văn Tiết đến chị Sáu Xuân. "Đặc biệt là em Quang - người đồng đội vô danh, nhỏ tuổi nhất đơn vị mà can đảm lạ thường trước đòn roi tra tấn của kẻ thù. Và em đã hy sinh trong tiếng hát trong trẻo, khảng khái và hào hùng..." - bà Nga nói.

Trong dòng hồi tưởng rung rung, người tiểu đoàn phó nghẹn ngào đọc những vần thơ gan ruột tặng những người đồng đội, đồng chí của mình: *"Trong khói hương lòng thêm đớn đau / Sáng từng khuôn mặt sát vai nhau / Trên đường phố Sài Gòn xưa ấy / Tiếp bước chân lên những chiến hào / Bốn mươi năm rồi có phải xa / Trong tôi vang dội mới hôm qua / Những nòng thép đỏ trên đường tiến / Trao lại lời vĩnh biệt thiết tha / Gọi 5 tháng 5 ngày đồng đội / Rõ từng khuôn mặt sát vai nhau / Xin chớ hỏi ai còn ai mất / Tất cả còn đây đau xót tự hào..."*

Dau thương và mất mát

Để làm nên chiến thắng vô giá của sự kiện Mậu Thân 1968, quân dân ta đã phải gánh chịu những hy sinh, mất mát to lớn. Theo thống kê của Cục Tác chiến, mặt trận đường 9 có gần 4.000 liệt sĩ, mặt trận Trị Thiên có gần 5.000 liệt sĩ. Con số tương ứng ở đồng bằng Khu 5 là gần 11.000 liệt sĩ, Tây Nguyên gần 3.500 liệt sĩ, Khu 6 gần 1.300 liệt sĩ, Khu 10 gần 500 liệt sĩ, Đông Nam Bộ gần 14.200 liệt sĩ, Khu 8 khoảng 2.500 liệt sĩ, Khu 9 hơn 3.500 liệt sĩ.

Tổ quốc và dân tộc Việt Nam đời đời ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ, trong đó có gần 45.000 người đã ngã xuống trong Mậu Thân 1968 để Tổ quốc mãi trường sinh.

Đạo diễn Lê Phong Lan (Báo Pháp luật TP.HCM)

NHỮNG BÔNG HỒNG TRONG KỶ TÍCH MẬU THÂN

... Bản đồng ca tuyệt vời

Bà Nguyễn Thị Tấn, Chủ nhiệm CLB Truyền thống kháng chiến khối phụ nữ TP.HCM (nguyên trưởng Ban Phụ vận Sài Gòn - Gia Định), kể: Nhằm tập hợp quần chúng, chuẩn bị lực lượng cho tổng công kích, một tổ

chức phụ nữ công khai được hình thành làm đòn bẩy cho phong trào phụ nữ đấu tranh chống Mỹ ngụy, dưới tên gọi “Hội bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ Việt Nam”. Từ đó, ngoài các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh..., Hội còn làm “kho” dự trữ hậu cần khi quân ta tiến vào thành phố.

Dù biết nguy hiểm chực chờ, vì đám mật vụ, cảnh sát dã chiến dày đặc, nhưng các chị em trong vai người dân đi mua sắm Tết, rồi tiến đến khu vực cửa Tây chợ Bến Thành. Sau khi chọn một gian hàng trưng bày hàng Tết thật đẹp, chị Lê Hồng Quân (Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn nữ biệt động Lê Thị Riêng), lúc này mới 21 tuổi, sau khi thuyết phục được chị bán hàng, chị nhảy lên chiếc ghế cao, dõng dạc đọc bài thơ Chúc Tết của Bác Hồ gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước, rồi kêu gọi bà con sát cánh cùng cách mạng trừng trị bọn cướp nước, bán nước.

Lực lượng hội viên được huy động hàng ngàn người đi chợ cùng lắng nghe tạo nên một khối người đông nghịt chen chân không lọt, tạo điều kiện cho các chị em khác treo một lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, phát hàng vạn tờ truyền đơn, thơ chúc Tết của Bác...

Bên ngoài 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc của chợ Bến Thành, cùng lúc ta thả nhiều chim bồ câu và bong bóng mang cờ giải phóng và khẩu hiệu chống Mỹ. Cuộc diễn thuyết chỉ diễn ra trong vòng 3 phút, bọn địch ủa tới, cũng là lúc chị Quân cùng các chị em lẫn trong dòng người đi chợ, thoát ra ngoài an toàn.

Cuộc chiến đấu không cân sức

Các nữ đại biểu như lặng đi khi nghe nữ tiểu đoàn trưởng Lê Hồng Quân kể về những trận đánh ác liệt giữa một bên là những cô gái trẻ và một bên là bọn Mỹ, ngụy ác ôn giữa Sài Gòn. Ngày 8/3/1968, Đảng ủy Tiền Phương Nam quyết định thành lập một đơn vị nữ biệt động lấy tên tiểu đoàn mũi nhọn Lê Thị Riêng. Để có vũ khí đánh giặc, chị Lê Hồng Quân và các chị em trong tiểu đoàn đã tự lo tổ chức nhiều đường vận chuyển vũ khí bằng ghe hai đáy, xe nghi trang chở trái cây, cá...

Các nữ chiến sĩ cùng nhân dân đã đánh trả nhiều đợt tấn công của địch với lực lượng và hỏa lực mạnh hơn gấp bội. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra từ 3 giờ sáng đến trưa hôm sau, hai chị Lê Thị Bạch Cát và Lê

Hồng Quân cùng nam chiến sĩ Nguyễn Văn Ba (Quang Nhỏ) tự nguyện ở lại để hút hỏa lực địch, tạo điều kiện để toàn đơn vị rút lui an toàn.

Chị Cát anh dũng hy sinh, còn chị Quân và Quang Nhỏ sau khi bắn hết đạn đã đập gãy súng trước khi lọt vào tay giặc. Anh Quang Nhỏ bị địch tra tấn đến chết, còn chị Quân bỏ lại trận địa một phần cánh tay và mang hàng trăm mảnh đạn trên người.

Minh Nam (*Người Lao động*)

TRẬN ĐỒNG DÙ 1969

ĐỊA DANH VANG LỬNG CHIẾN CÔNG

Đồng Dù thuộc huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh), sát Quốc lộ 1, cách thành phố 30 km về phía tây bắc. Thời miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của Mỹ-ngụy, Đồng Dù là hậu cứ của Lữ đoàn bộ binh 2 và Sư đoàn bộ binh 25 "Tia chớp nhiệt đới" quân viễn chinh Mỹ. Căn cứ rộng khoảng 7 km², chia làm các khu: Khu chỉ huy và trung tâm thông tin, khu sinh lực, khu sân bay, khu pháo binh, khu xe cơ giới, khu kho... Khu sân bay và khu kho được ngăn cách bằng bức tường đất cao 2m, dày 1,5m để đề phòng cháy, nổ truyền lan. Lực lượng địch trong căn cứ có khoảng 4.500 tên với hàng trăm máy bay, hàng trăm xe cơ giới và nhiều kho tàng dự trữ vật chất chiến tranh. Do tính chất quan trọng của căn cứ nên địch tổ chức phòng thủ rất kiên cố. Bao bọc toàn bộ căn cứ là một hàng rào dây thép gai 7 lớp, cao 5m. Ở phía nam và tây nam có tới 12 lớp hàng rào và bãi mìn, bãi chông, hầm chông. Tiếp giáp với hàng rào trong cùng là một tuyến hỏa lực gồm hơn 300 lô cốt và ụ súng, mỗi cái cách nhau 40m. Bên ngoài căn cứ có 5 đại đội biệt kích, thám báo thường xuyên tuần tra lùng sục, phục kích cả ngày lẫn đêm để phát hiện, ngăn chặn ta tiếp cận căn cứ. Kết hợp với hệ thống đèn pha cực mạnh, đêm đến có một phi đội máy bay lên thẳng thay nhau dội đèn pha, thả pháo sáng xuống xung quanh căn cứ. Đêm đêm, địch cho một đoàn xe bọc thép từ 10 đến 15 chiếc tuần tra xung quanh căn cứ, ít nhất là 2 lần.

Sau nhiều ngày đêm dày công nghiên cứu căn cứ địch, ngày 25-2-1969, ta quyết định tiến công căn cứ Đồng Dù. Lực lượng tham gia chiến đấu gồm 106 cán bộ chiến sĩ của hai đơn vị đặc công thuộc Tiểu đoàn 3 và Đoàn J.16 cùng Tiểu đoàn 28 thuộc Sư đoàn 7 và 30 cán bộ, chiến sĩ pháo

binh của Miền. Lực lượng đặc công tổ chức thành 7 mũi, 34 tổ đánh vào các mục tiêu trong căn cứ. Lực lượng pháo binh tổ chức thành hai trận địa hỏa lực đánh bồi vào căn cứ nhằm tăng thêm hiệu quả cho cuộc chiến đấu, đồng thời tạo điều kiện cho đặc công rút khỏi căn cứ an toàn.

Chiều 25-2-1969, các đơn vị đặc công và pháo binh từ Phú Hòa Đông và Phú Hòa Tây (cách căn cứ 10km) vượt qua các tuyến phòng thủ, nhiều đồn bốt của địch và bãi trống... hành quân đến mục tiêu. Đêm hôm đó, cả 7 mũi đã khắc phục các lớp hàng rào dây thép gai, các bãi mìn, bãi chông, lô cốt, ụ súng dưới ánh sáng của đèn pha, đèn dù, đèn soi tiến vào căn cứ. Tuy nhiên, chỉ có 6 mũi tiếp cận được mục tiêu, còn mũi 7 bị lộ phải rút ra ngoài. 2 giờ 45 phút, mũi 1, mũi 5 và 6 nổ súng đánh sở chỉ huy Lữ đoàn, trận địa pháo, khu quân y, khu huấn luyện. 2 giờ 47 phút mũi 2 (mũi tiến công chủ yếu) nổ súng tiến công sở chỉ huy Sư đoàn, khu trung tâm thông tin, khu xe cơ giới. 3 giờ 10 phút, mũi 3, mũi 4 nổ súng đánh khu sân bay...

Sau hơn một giờ chiến đấu quyết liệt trong căn cứ, tiếp đó là hàng chục quả đạn cối do pháo binh bắn vào, các đơn vị chiến đấu của ta đã đánh thiệt hại nặng Sở chỉ huy Sư đoàn 25, Lữ đoàn 2, khu thông tin, hai trận địa pháo, sân bay, bãi xe, khu hậu cần của địch. Hơn 100 tên Mỹ chết và bị thương, 50 máy bay, 176 xe quân sự, 12 khẩu pháo, 4 kho đạn và xăng dầu, 100 lô cốt, 29 hầm ngầm và 82 dây nhà bị phá hỏng. Trận Đồng Dù ghi vào lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam một lối đánh táo bạo, thông minh với hiệu suất chiến đấu cao.

Thanh Hà (*Báo Quân đội nhân dân*)

TRẬN ĐỒNG DÙ: KHÔNG ĐÁNH ĐÔNG LOẠT MÀ PHỐI HỢP THỌC SÂU CHIA CẮT

Đó là trận Đồng Dù (ngày 26-2-1969). Trận này là trận tập kích bí mật của Tiểu đoàn đặc công 3 (trực thuộc Miền), Tiểu đoàn đặc công 28 (Sư đoàn bộ binh 7) và một tiểu đoàn pháo, cối hỗn hợp của Quân giải phóng vào căn cứ Sư đoàn "Tia chớp nhiệt đới" của Mỹ ở Đồng Dù Củ Chi, tây - bắc Sài Gòn 30km.

Địch ở Đồng Dù có (6.100 quân), có Sở Chỉ huy sư đoàn và Lữ đoàn 2, sân bay, trận địa pháo, bãi xe cơ giới, 7 lớp rào thép gai cao 5m, 320 lô cốt và ụ súng. Bên ngoài có 5 đại đội thám báo bảo vệ.

Trong hai cuộc kháng chiến, khi đánh địch phòng ngự trong công sự, ta thường tổ chức lực lượng bí mật tiến công từ nhiều hướng, nhiều mũi, đồng loạt nổ súng làm cho quân địch bị đánh cả trước mặt, bên sườn, phía sau, phải phân tán, dàn mỏng lực lượng ra để đối phó, không chi viện ứng cứu được cho nhau.

Nhưng trận tập kích căn cứ Đồng Dù đêm 25 rạng sáng ngày 26-2-1969 lại không nổ súng đồng loạt mà có mũi nổ súng trước, có mũi lợi dụng địch tập trung đối phó trên các hướng, bí mật thọc sâu vào trung tâm căn cứ để đánh từ trong ra, chia cắt địch thành nhiều bộ phận, không cho chúng chi viện, ứng cứu cho nhau, diệt ngay mục tiêu chủ yếu.

Đây là nét đặc biệt và độc đáo của trận đánh, thể hiện cách đánh táo bạo, linh hoạt của bộ đội Đặc công. Cũng là trận đánh lớn đầu tiên của bộ đội đặc công miền Đông Nam bộ.

Năm 1969 Đồng Dù đã trở thành hậu cứ của bộ chỉ huy sư đoàn bộ binh Mỹ số 25. Đây là căn cứ lớn, được xây dựng kiên cố, nhằm khống chế các tỉnh xung quanh, tạo thành một lá chắn bảo vệ phía tây bắc Sài Gòn. Đêm 25 rạng ngày 26-2, lực lượng đặc công của ta bằng thủ pháp nghi trang, tiếp cận bí mật áp sát mục tiêu.

Khoảng 2 giờ 45 phút, các mũi đồng loạt cường tập nổ súng tiến công. Riêng mũi 4 lợi dụng địch tập trung đối phó trên các hướng, vẫn bí mật thọc sâu vào trung tâm căn cứ rồi mới bất ngờ nổ súng đánh địch. Lúc đó là 3 giờ 10 phút. Quân địch bị đánh cả bên ngoài, cả bên trong, các bộ phận không chi viện, ứng cứu được cho nhau, không biết đâu mà ứng phó, nên đã nhanh chóng bị xé ra tiêu diệt.

Sau một giờ chiến đấu, ta đã đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy sư đoàn 25, khu thông tin, ra-đa, hai trận địa pháo, sân bay, bãi xe, khu hậu cần với 82 dây nhà, 100 lô cốt, 29 hầm ngầm, diệt nhiều tên Mỹ, đốt cháy 4 kho đạn và xăng dầu, phá hủy hơn 50 máy bay các loại, 176 xe quân sự (có 3 xe tăng, xe bọc thép), 12 khẩu pháo.

Đây là trận đánh sử dụng lực lượng đặc công lớn đánh vào căn cứ lớn của Mỹ đạt hiệu suất chiến đấu cao, giành thắng lợi giòn giã. Nét nổi bật của trận đánh là táo bạo, linh hoạt, tận dụng yếu tố bí mật đến cùng.

Các hướng mũi đã quy ước rõ ràng, phân biệt địch ta tốt, phán đoán và xử trí đúng tình huống, kiên trì, chủ động, tận dụng thời cơ để tiêu diệt địch.

CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG ĐƯỜNG 9 - NAM LÀO 1971

Chiến tranh đã lùi xa, nhưng trong ký ức của những người tham gia Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào 1971 chắc chắn sẽ còn đọng mãi cảnh tượng về sự tháo chạy hoảng loạn của quân nguy Sài Gòn trong cuộc hành quân với bí danh "Lam Sơn 719". Thất bại thảm hại của cuộc hành quân này đã góp phần làm lung lay chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, mở ra thời cơ mới thuận lợi cho cách mạng 3 nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia).

TỌA SƠN NGHÊNH MÃNH QUÝ

Sau khi buộc phải chấm dứt ném bom miền Bắc, Mỹ đã nỗ lực tập trung lực lượng không quân chiến thuật của Hạm đội 7, không quân chiến lược B52, nhằm đánh phá đường hành lang vận chuyển chiến lược của ta. Mặc dù đã làm cản trở trong việc tiếp tế và phá được một số kho tàng của ta, nhưng ý đồ của Mỹ vẫn không thực hiện một cách triệt để. Chính vì vậy, trong tư duy của giới quân sự Mỹ mà nòng cốt là Hội đồng an ninh quốc gia đã cố vấn cho Tổng thống Mỹ Ních-xơn là phải đánh phá việc bảo đảm hậu cần của ta ngay từ gốc. Chính vì vậy, cuối năm 1970, Mỹ đã chủ trương tiến hành cuộc hành quân "Lam Sơn 719" đánh vào Đường 9 - Nam Lào, cắt tuyến vận chuyển chiến lược của ta, làm cho lực lượng vũ trang ta ở miền Nam suy yếu, không thể đánh tập trung quy mô lớn trong mùa khô 1971, 1972 để Mỹ dễ dàng thực hiện âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Để thực hiện cuộc hành quân quy mô lớn này, Mỹ - nguy đã tập trung một lực lượng lớn gồm nhiều đơn vị cơ động, chiến lược tinh nhuệ nhất của quân nguy, có sự chi viện rất mạnh của không quân Mỹ, cụ thể bao gồm: 3 Sư đoàn (Sư đoàn Dù, Sư đoàn Thủy quân lục chiến, Sư đoàn Bộ binh 1) liên đoàn 1 biệt động quân, Trung đoàn 4, 5 thuộc Sư đoàn bộ binh 2, 4 thiết đoàn thiết giáp (4, 7, 11, 17). Quân Mỹ hậu thuẫn phía sau và tham chiến cùng quân nguy với 12 tiểu đoàn bộ binh và bộ binh cơ giới bao gồm: 5 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 101 dù; 4 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 1; Sư đoàn 5 bộ binh cơ giới và 3 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn A-mê-ri-cơn, 8 tiểu đoàn pháo binh (155 đến 175mm). Hơn 600 máy bay các loại, trong đó có 500 máy bay lên thẳng và lên thẳng vũ trang, đây là số lượng máy bay lên

thắng tham gia chiến đấu lớn nhất và duy nhất trong một chiến dịch kéo dài 3 tháng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ngoài ra còn có 300 máy bay phản lực hầu hết là ném bom, 50 máy bay vận tải (C130, C123) và 50 máy bay chiến lược B52 sẵn sàng tham chiến.

Kế hoạch tác chiến của địch là nhanh chóng đánh chiếm Sê Pôn, chiếm giữ đoạn đường Bản Đông - Sê Pôn đánh phá kho tàng, đường sá xung quanh Sê Pôn, phía bắc lên tới Kho Vinh, Na Thôn, phía tây nam đến Mường Phìn nhằm phối hợp với lực lượng ngụy Lào từ phía tây tiến sang. Tiếp đó cơ động lực lượng xuống đánh phá kho tàng khu vực từ Sa Đi, Mường Noọng, A Túc đến A Sầu, A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên. Thời gian địch dự định cuộc hành quân khoảng 90 ngày, kết thúc trước mùa mưa ở Nam Lào (tháng 5 năm 1971). Cụ thể gồm 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1, từ ngày 30-1 đến ngày 7-2-1971, thực hiện cơ động lực lượng, chiếm lĩnh trận địa xuất phát tấn công.

Giai đoạn 2, từ ngày 8 đến ngày 14-2-1971, tiến công chiếm các mục tiêu Bản Đông và Sê Pôn.

Giai đoạn 3, từ ngày 15-2 đến ngày 12-3-1971, lùng sục, đánh phá kho tàng.

Giai đoạn 4, từ ngày 13-3 đến đầu tháng 5-1971, chuyển xuống đánh phá các kho tàng phía nam từ Sa Đi, Mường Noọng, A Túc đến A Sầu, A Lưới.

Để phục vụ cho kế hoạch hành quân chính thức, ngay từ tháng 11-1970, địch đã tiến hành một kế hoạch nghi binh lớn, tung tin chuẩn bị tiến công ra miền Bắc (Nam Quân khu 4) nhằm đánh lạc hướng, phân tán sự chuẩn bị và kế hoạch đối phó của ta trên hướng tấn công chính của chúng. Địch hy vọng, với kế hoạch tác chiến như trên, chúng sẽ đạt được mục đích cuộc hành quân, sẽ nhanh chóng chặn được tiếp tế, phá được kho tàng của ta, tránh được tác chiến lớn với chủ lực của ta, địch cho rằng đối tượng tác chiến chủ yếu của chúng ở đây là bộ đội bảo vệ hành lang và kho tàng, còn chủ lực của ta vừa bị phân tán không thể cơ động đến kịp.

Để đối phó với địch, quyết tâm của ta là bằng mọi giá phải bảo vệ bằng được Đường mòn Hồ Chí Minh; bất luận hoàn cảnh nào cũng phải sẵn sàng để đánh địch trên các hướng, nếu địch đánh ra Đường 9 thì đó là cơ hội cho ta tiêu diệt chúng. Ở khu vực này địch và ta đều có thể tác

chiến lớn hiệp đồng binh chủng. Tuy nhiên, địch ít có thuận lợi hơn ta vì tác chiến xa căn cứ hậu phương chiến lược. Với ta, đây là chiến trường nối liền với hậu phương, ta có nhiều điều kiện phát huy sức mạnh của hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến, thuận lợi cho tập trung nhiều lực lượng, nhiều binh chủng đánh những trận hiệp đồng tiêu diệt lớn, hơn nữa lại là chiến trường hoạt động quen thuộc của nhiều sư đoàn chủ lực của ta đặc biệt là Sư đoàn 304 suốt từ năm 1968 đến 1971 liên tục hoạt động ở địa bàn Đường 9 - Nam Lào cùng với các đơn vị tại chỗ thuộc Đoàn 559. Các đơn vị tham gia chiến dịch như: Sư đoàn 304, Sư đoàn 308, Sư đoàn 320, Sư đoàn 324, Sư đoàn 2... tổ chức các đoàn cán bộ đi chuẩn bị chiến trường.

Trong lúc công tác chuẩn bị chiến trường của ta đang diễn ra khẩn trương thì ngày 27-1-1971 địch tập trung các hoạt động nghi binh vào khu vực nam Quân khu 4. Trên hướng mặt trận Đường 9 Bắc Quảng Trị, địch tung nhiều toán biệt kích, thám báo ra khu vực ven Đường 9 thăm dò lực lượng ta, đồng thời cho quân nống ra 4 xã bờ nam sông Bến Hải dọc theo khu phi quân sự.

Sau khi địch đánh phá ác liệt vào các mục tiêu ven Đường 9 và sâu vào các tuyến vận tải của ta ở phía tây bắc Đường 9 lên giáp biên giới Việt - Lào, ngày 30-1 một trung đoàn hỗn hợp của Sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ mở trận càn "Đi-nê-cu-ni-on" dọc Đường 9 phía nam khu phi quân sự, chiếm lại khu vực Khe Sanh để làm bàn đạp cho cuộc tiến công sang Nam Lào và nghi binh cho quân nguy Sài Gòn mở cuộc hành quân "Lam Sơn 719" đánh sang khu vực Đường 9 - Nam Lào.

Ngay sau khi địch triển khai lực lượng, Bộ tư lệnh mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị do đồng chí Nguyễn Anh Độ làm tư lệnh đã khẩn trương cơ động lực lượng đánh địch nhằm tiêu hao một phần sinh lực, phương tiện, làm chậm bước tiến của địch tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực bộ triển khai lực lượng đánh địch trên các hướng.

Do đó, khi cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của địch bắt đầu, cũng là lúc Bộ Chính trị chỉ thị cho Quân ủy Trung ương: "Nhất thiết phải đánh thắng trận này dù có phải động viên sức người, sức của và hy sinh như thế nào, vì đây là một trận có ý nghĩa về chiến lược".

Để thực hiện tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Bộ Chính trị, ngày 6 tháng 2 năm 1971 Bộ quyết định thành lập Bộ tư lệnh mặt trận Đường 9 - Nam Lào (Bí danh Bộ tư lệnh 702). Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng Tham mưu trưởng và Thiếu tướng Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được cử làm Tư lệnh và Chính ủy chiến dịch. Đại tá Cao Văn Khánh làm Phó tư lệnh, Đại tá Hoàng Phương làm Phó chính ủy. Đây là Bộ tư lệnh có đủ quyền hạn và khả năng chỉ huy, tất cả các lực lượng tham gia chiến dịch và tổ chức hiệp đồng với các chiến trường có liên quan như: Bộ tư lệnh B70, Đoàn 559, Bộ tư lệnh Đường 9 Bắc Quảng Trị, B4, Quân khu 4, lực lượng vũ trang của bạn ở Nam Lào. Đồng thời Quân ủy Trung ương giao cho Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch nhiệm vụ cụ thể là:

Tiêu diệt lớn và làm tan rã thật nhiều quân nguy, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận quân Mỹ, đánh cho địch một đòn chí mạng.

Giữ vững tuyến vận chuyển chiến lược, bảo vệ tốt kho tàng của ta. Đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, một điểm đặc biệt của chiến dịch cần hết sức coi trọng và quán triệt đầy đủ trong thực hành.

Phối hợp với các chiến trường, tạo điều kiện cho các chiến trường khác đẩy mạnh tiến công địch toàn diện, nhất là đánh phá "bình định" của địch.

Bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hậu phương lớn luôn vững vàng trong mọi tình huống.

Trận này nhất định phải đánh thắng vì là một trong những trận có ý nghĩa quyết định về chiến lược; phải nhân cơ hội này mà rèn luyện bộ đội chủ lực trưởng thành lên một bước mới trong tác chiến tập trung lớn có nhiều binh chủng hiệp đồng chiến đấu.

Sau một thời gian chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến đấu, tổ chức luyện tập theo phương án, lần lượt các đơn vị bí mật hành quân vào chiến trường, chiếm lĩnh các khu vực sẽ tác chiến, kiên trì chờ địch, giấu quân tránh thám báo và máy bay trinh sát địch lùng sục phát hiện lực lượng ta. Đồng thời tổ chức cho bộ đội ăn tết sớm để sẵn sàng bước vào những trận đánh lớn ác liệt dài ngày. Bộ đội ta lặng lẽ, háo hức chuẩn bị chờ quân địch tới, một không khí lạc quan, chủ động và tự tin hiện lên nét mặt của từng cán bộ, chiến sĩ.

Từ khu vực Khe Sanh, nơi triển khai chiếm lĩnh trận địa xuất phát tấn công, ngày 8 tháng 2 năm 1971, địch mở cuộc hành binh ào ạt tiến công vượt biên giới Việt - Lào với 6 trung, lữ đoàn quân nguy, trên 3 hướng:

Hướng chủ yếu do chiến đoàn đặc nhiệm gồm Lữ đoàn dù số 1, hai Thiết đoàn 11, 17 tiến công theo trục Đường 9 bằng cơ giới và thiết giáp; Tiểu đoàn 9 thuộc Lữ đoàn dù số 1 cơ động bằng máy bay lên thẳng, đổ bộ đánh chiếm Bản Đông.

Hướng thứ yếu gồm Lữ đoàn dù số 3 nguy và tiểu đoàn biệt động quân do Đại tá Nguyễn Văn Thọ chỉ huy cơ động bằng máy bay lên thẳng đổ quân đánh chiếm và thiết lập các căn cứ hỏa lực ở các điểm cao 500, 316, 655 (Phu A Rinh) 543, 532, 546, 570, 611.

Hướng thứ yếu khác do Sư đoàn 1 bộ binh nguy đảm nhiệm đánh chiếm đồi Cô Bốc các điểm cao 619, 537, 550, 532, 540.

Phút chốc trên bầu trời và dưới mặt đất không còn yên tĩnh nữa bởi hàng trăm máy bay lên thẳng, máy bay phản lực, xe tăng cơ giới địch âm thầm tiến quân làm rung chuyển bầu trời, mặt đất. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch bắt đầu..

CÒN NGƯỜI CÒN CHỐT, BỊ THƯƠNG KHÔNG RỜI TRẬN ĐỊA

Thực hiện quyết tâm tác chiến của bộ chỉ huy Chiến dịch Đường 9-Nam Lào, các lực lượng ém quân trên các hướng. Các chốt chặn của chiến dịch được lệnh nổ súng chia cắt, ngăn chặn làm giảm nhịp điệu tiến công của địch, tạo ra những yếu tố bất ngờ, tiêu diệt một bộ phận sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch, bảo vệ kho tàng giao thông vận chuyển. Các lực lượng cơ động, chủ lực phục kích, tập kích ngăn chặn địch ở Bản Đông.

Ngày 8-2-1971 trên hướng tấn công chủ yếu của địch, bộ đội ta đã bẻ gãy nhiều đợt tấn công của quân nguy Sài Gòn. Khi chúng vượt qua biên giới Việt Nam sang Lào, bộ đội ta vẫn giữ vững các điểm chốt.

Đặc biệt, 16 giờ chiều ngày 8-2-1971 tại khu vực đường 16, Trung đoàn 88 thuộc Sư đoàn 308, vừa cơ động tới A Lia thì gặp địch đổ quân xuống điểm cao 316, sát trận địa pháo của ta ở Làng Sen. Trung đoàn trưởng 88 ra lệnh cho Tiểu đoàn 6 vận động tấn công, bao vây đánh thiệt

hại nặng Đại đội 3, Tiểu đoàn biệt động quân 21 diệt 80 tên, bảo vệ an toàn trận địa pháo. Chiều 10-2 quân địch chiếm được Bản Đông. Ta quyết tâm vây đánh không cho chúng tiến lên Sê Pôn. Đêm 11-2, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 và Đại đội 9 Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 64 phối hợp tập kích Tiểu đoàn 2 thuộc Lữ đoàn dù số 1 ở Bắc Sê Num. Tiếp đó, đến ngày 12-2 Tiểu đoàn 4 (thiếu Đại đội 2) được tăng cường Đại đội 9, Tiểu đoàn 6 thuộc Trung đoàn 88 tập kích Tiểu đoàn biệt động quân 39 vừa đáp máy bay trực thăng xuống điểm cao 500. Trong 2 trận đánh ở Sê Num và điểm cao 500 ta chỉ tiêu diệt được một số sinh lực địch, hiệu suất chiến đấu thấp. Dù vậy, quân địch sợ hãi phải co cụm lại không dám bung ra lòng sục ngoài căn cứ.

4 giờ sáng ngày 9-2-1971, từ Sở chỉ huy Trung đoàn 24 (Sư 304) - đây là lần đầu tiên Trung đoàn 24 vừa làm nhiệm vụ chốt chiến dịch vừa thực hiện chiến thuật bao vây công kích địch, Trung đoàn trưởng Lê Đắc Long nhận được điện của Tư lệnh trưởng Sư đoàn 308 Nguyễn Hữu An "địch đang tiến vào cầu Ka Ky và điểm cao 351, 311". Ngay lập tức Trung đoàn trưởng điện qua bộ đàm 2 WPRC25 cho Chính trị viên phó Đại đội 7 Lê Mã Lương đang chỉ huy trung đội chốt chặn điểm cao 351. Vừa triển khai nhiệm vụ cho 3 tiểu đội bộ binh và tiểu đội hỏa lực theo chỉ thị của Trung đoàn trưởng, chưa kịp về vị trí chỉ huy thì cả trận địa chốt C7 của Lê Mã Lương ngập chìm trong khói lửa, tiếng nổ của pháo binh và trọng liên từ trên máy bay trực thăng vũ trang địch. Trong 2 giờ chiến đấu, cán bộ chiến sĩ Đại đội 7 đã đánh lui 5 đợt tiến công của địch, tiêu diệt gần 2 đại đội lính dù và biệt động quân, riêng Lê Mã Lương diệt 14 tên. Ngày 11 và 12-2 tại khu vực cầu Ka Ky, các đơn vị súng máy cao xạ của Trung đoàn 24, Trung đoàn 102 bắn rơi 30 máy bay lên thẳng của địch. Kẻ thù khiếp đảm khi phải qua "con đường máu lửa" mà chốt cầu Ka Ky 351 do đơn vị anh chốt giữ suốt thời gian chiến dịch mở ra và kết thúc là cửa tử đối với địch khi chúng hành quân lên Bản Đông và khi chúng rút chạy về Khe Sanh.

Ngày 11-2-1971, Phùng Quang Thanh-Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội 9, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64, Sư đoàn 320 trực tiếp chỉ huy một tiểu đội chốt giữ đồi Không Tên. Địch dùng 1 đại đội có máy bay yểm trợ, chia làm 2 mũi tấn công chốt. Phùng Quang Thanh chỉ huy tiểu đội chờ

địch vào gần mới nổ súng, diệt 38 tên, đẩy lùi địch ra xa, riêng Phùng Quang Thanh diệt 8 tên. Hai ngày sau địch lại tiến công lên chốt, Phùng Quang Thanh bị thương, cấp trên cho lui về tuyến sau nhưng anh xin ở lại chiến đấu. Phùng Quang Thanh nhờ đồng đội tháo nắp 17 quả lựu đạn cho vào túi đeo quanh người nhờ y tá băng và treo cánh tay trái cho đỡ vướng rồi dẫn đầu tiểu đội xung phong đánh tạt sườn quân địch, phối hợp đơn vị bạn diệt gọn 1 đại đội địch. Riêng tiểu đội do anh chỉ huy diệt 37 tên, bắt 1 tên, thu 2 súng. Sau trận thắng ở đồi Không Tên, quân địch không dám ra lòng sục dọc đường 16A.

Như vậy, sau 5 ngày quân địch liều mạng tiến công, từ ngày 8 đến 13-2-1971, chúng đã bị thiệt hại nặng, nhiều kế hoạch triển khai lực lượng, bị ta phá vỡ, buộc chúng phải hủy bỏ hoặc điều chỉnh, do đó tốc độ tiến quân và các mục tiêu đánh chiếm đạt được rất thấp. Trước tình hình đó, kế hoạch tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch là kiểm chế địch trên các hướng, đồng thời thực hiện chia cắt đường 9, con đường độc đạo nối thông từ Quảng Trị Việt Nam qua tỉnh Sa-van-na khệt Lào bao vây, cô lập lực lượng tinh nhuệ ở Bản Đông. Chặn lực lượng địch tiến lên Sê Pôn. Nếu quân địch chọc thủng tuyến bao vây, chia cắt để lên được thì lập tức tập trung lực lượng đủ mạnh buộc địch sa lầy và bị tiêu diệt lớn ở đó. Từng bước điều chỉnh lực lượng nhằm triển khai thế trận phản công, toàn chiến dịch. Thực hiện đúng kế hoạch tác chiến ngày 15-2-1971 các đơn vị trên cả ba hướng chiến dịch bắt đầu mở đợt phản công, tiêu diệt địch.

Trên hướng chủ yếu, sừng sững điểm cao 500 do Tiểu đoàn số 39 liên đoàn biệt động quân số 1 ngự chiếm giữ được chọn là mục tiêu “đột phá khẩu”. Đây là điểm cao khống chế có ý nghĩa về chiến thuật nằm sát trục đường 16b, nối đường 16A với Bản Đông. Tiểu đoàn số 39 là tiểu đoàn thiện chiến với trang bị hỏa lực mạnh lại được hỏa lực pháo binh và Không quân Mỹ chi viện. Địch coi đây là một chốt chặn quan trọng trên hướng Bắc.

Ý thức được trận đánh điểm cao 500 có ý nghĩa then chốt tác động đến sự phát triển của chiến dịch, Bộ tư lệnh Sư đoàn 308 quyết định chọn trung đoàn chủ công 102 do Trung đoàn trưởng Hoàng Ngọc Tý và Chính ủy Nguyễn Hữu Ích chỉ huy thực hiện trận đánh quan trọng này. Từ ngày 16-2-1971 đến ngày 20-2-1971, ta dùng các thủ đoạn chiến thuật vây lấn

hỏa lực chế áp, phá hoại các mục tiêu, không quân địch khó khăn trong việc tiếp ứng cho điểm cao 500, vì vậy quân địch chống trả ngày càng yếu ớt. Đến chiều ngày 20-2-1971, quân ta hoàn toàn làm chủ điểm cao 500, tiểu đoàn biệt động quân 39 bị xóa sổ.

Thừa thắng, trưa ngày 25-2-1971 được hỏa lực pháo binh chi viện, bộ binh Trung đoàn 64 và xe tăng phối thuộc tấn công vào căn cứ 31. Mặc dù địch tập trung pháo binh và không quân bắn ngăn chặn quyết liệt nhằm chi viện cho lực lượng phản kích, nhưng chiều 25-2 chiến sĩ Trung đoàn 64 đã làm chủ căn cứ 31, tiêu diệt gọn Tiểu đoàn dù 3, Tiểu đoàn pháo binh và sở chỉ huy Lữ đoàn dù số 3, bắt sống viên Đại tá Nguyễn Văn Thọ và toàn bộ cơ quan tham mưu lữ đoàn.

Ngày 26-2-1971, sau khi Lữ đoàn dù số 3 bị tiêu diệt. Địch buộc phải tổ chức lại sư đoàn dù, tổ chức thành 2 lữ đoàn gồm 7 tiểu đoàn và 1 tiểu đoàn trực thuộc sư đoàn dù có nhiệm vụ trấn giữ Bản Đông, và giải tỏa đường 9 giảm áp lực chia cắt của ta.

Như vậy là ở cánh phía Bắc, sau khi đổ quân chiếm các điểm cao, địch đã bị ta vây hãm, ngăn chặn, bị diệt từng đơn vị, buộc địch ở Bản Đông phải cơ động lực lượng lên phản kích cứu nguy nhưng không cứu vãn được tình thế.

Cho đến ngày 3-3-1971 ta đã chặn đứng được địch ở Bản Đông không cho địch phát triển lên Sê Pôn bằng lực lượng thê đội 1 chiến dịch, buộc địch phải sử dụng thê đội 2 chiến dịch tiếp tục kế hoạch tiến công lên Sê Pôn với mục tiêu hạn chế. Các lực lượng của ta giữ vững Sê Pôn bảo đảm an toàn tuyến vận chuyển chiến lược bao vây, chia cắt địch đồng thời điều động lực lượng chuẩn bị điều kiện để thực hành phản đột kích lớn tiêu diệt lực lượng chiến dịch của địch. Lực lượng thê đội 1 và cả thê đội 2 chiến dịch của địch đều tổn thất nặng nề. Trong thế quẫn bách, hoang mang, lúng túng, chúng vẫn tiếp tục liều lĩnh đổ quân lên Sê Pôn với mục đích phô trương vớt vát ảnh hưởng về chính trị và nghị binh để rút quân mau lẹ. Vì vậy, địch sử dụng 2 tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 2, Sư đoàn 1 bộ binh, đổ bộ bằng máy bay lên thẳng xuống Đông Bắc Sê Pôn, cùng đi sẽ có cả phóng viên báo chí, thông qua đám phóng viên báo chí địch tổ chức một cuộc họp báo để tuyên bố là chiếm được Sê Pôn. Nhưng kế hoạch không thành, do quá khiếp sợ, các phóng viên báo chí

không dám liều mạng lên Sê Pôn và 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 2, Sư bộ binh 1 ngay cũng không thể tới được Sê Pôn vì bị quân ta chặn đánh.

Trong quá trình ngăn chặn và phá thế tiến công của địch, các lực lượng của ta, đặc biệt là các lực lượng tại chỗ, các chốt chiến dịch đã phát huy tốt tác dụng đánh ngăn chặn, hạ máy bay, diệt cơ giới, nhiều phân đội đánh có hiệu suất cao, các đơn vị B70 và Sư đoàn 324 đã tiêu diệt 1 bộ phận sinh lực địch, ngăn chặn từng bước và chặn đứng được địch ở Bản Đông. Không cho địch thực hiện kế hoạch tiến lên Sê Pôn bằng lực lượng thê đội 1 chiến dịch; phản đột kích mạnh mẽ, bẻ gãy hoàn toàn cánh Bắc của địch, đánh thiệt hại nặng cánh Nam, triển khai được đội hình chiến dịch để hình thành thế bao vây địch vững chắc.

CƠN ÁC MỘNG CỦA NGUY QUÂN

Để chuẩn bị điều kiện đánh đòn tiêu diệt quyết định của chiến dịch, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương: Tiêu diệt lực lượng của Sư đoàn bộ binh 1 ở Nam đường 9 là nơi địch sơ hở, đồng thời giữ vững Sê Pôn, Na Bo, chia cắt, bao vây và diệt địch ở các điểm cao 550, 532, giữ vững Sa Đi - Mường Noọng.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ tư lệnh chiến dịch điều Trung đoàn 64 của Sư đoàn 320 lên phía tây nhằm tăng cường giữ Sê Pôn, điều Trung đoàn 66 của Sư đoàn 304 cơ động về phía tây dự bị cho Sư đoàn 2 và dự bị cho hướng Bản Đông, sử dụng Sư đoàn 2 (thiếu Trung đoàn 31) để tiến công tiêu diệt Sư đoàn 1 bộ binh địch, sử dụng Sư đoàn 324 (thiếu Trung đoàn 2) tiến công tiêu diệt Lữ đoàn 147 Thủy quân lục chiến.

Đồng thời, sử dụng 3 trung đoàn: Trung đoàn 2 của Sư đoàn 324, Trung đoàn 102 của Sư đoàn 308 và Trung đoàn 24 của Sư đoàn 304 để cắt đường 9 đoạn từ Lao Bảo đến Bản Đông, đồng thời đánh địch từ Lao Bảo đến Khe Sanh; Sư đoàn 2 cùng với lực lượng phối thuộc, tăng cường bao vây, tiêu diệt Sư đoàn bộ binh số 1 nguy; sử dụng Sư đoàn 308 để chuẩn bị tiêu diệt địch ở Bản Đông. Pháo binh chiến dịch được sử dụng tập trung để đánh Bản Đông, Lao Bảo, Khe Sanh. Sau khi điều chỉnh và cơ động lực lượng, ta đã hình thành thế bao vây, chia cắt cô lập địch trên từng khu vực, trong khi ta vẫn giữ vững tuyến vận chuyển chiến lược, sẵn sàng chuẩn bị chuyển sang thực hành tiến công lớn tiêu diệt lực lượng chiến dịch của địch.

Ngày 12-3-1971 ta mở đợt 3 chiến dịch thực hiện đòn tiêu diệt lực lượng địch ở Bản Đông. Trung đoàn 102 thực hiện cắt đường 9, trong trận đánh ở điểm cao 311 trung đoàn đã đánh lui 20 đợt phản kích của Lữ dù số 2 diệt 450 tên địch, bắn cháy 65 xe tăng, xe thiết giáp, bắn rơi 3 máy bay. Tại khu vực điểm cao 351, các chiến sĩ Đại đội 2, Tiểu đoàn 4 và Đại đội 7, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 24, Sư đoàn 304 kiên trì giữ vững trận địa chốt. Như vậy, các điểm chốt chặn của ta tại các điểm cao 311, 334, 351 đã chặn đứng mọi hoạt động tiếp ứng của địch trên đường 9.

Sáng ngày 16-3-1971, Sư đoàn 2 - Sư đoàn trưởng là đồng chí Nguyễn Chơn - được tăng cường Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 48, Sư đoàn 320, thực hiện mệnh lệnh của Tư lệnh chiến dịch đánh địch, mục tiêu tiêu diệt là Trung đoàn 1 bộ binh thuộc Sư đoàn 1 ngay khi chúng bỏ điểm cao 723 chạy về hướng Đông Bắc và lọt vào khu vực ta cài sấn. Hai tiểu đoàn của Trung đoàn 141 từ các sườn núi cao đánh dốc xuống kẹp chặt toàn bộ quân địch. Cùng lúc, Tiểu đoàn 40 của Trung đoàn Ba Gia vận động đánh cắt ngang sườn đội hình của quân địch đang tháo chạy.

Các chiến sĩ ta từ 3 hướng dũng mãnh xung phong vào đội hình đang rối loạn của địch. Trung đội trưởng Lê Văn Phê của Tiểu đoàn 40 dẫn đầu 9 chiến sĩ dùng AK, lựu lê, lựu đạn đánh gần diệt 40 tên địch, riêng Phê diệt 26 tên; đến trưa ngày 16 tháng 3, toàn bộ Tiểu đoàn 1 của địch đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Lực lượng còn lại của Trung đoàn 1 bộ binh nguy cơ cụm, phân tuyến để máy bay B52 ném bom vào đội hình quân ta. Sau hai ngày tiến công, Sư đoàn 2 đã tiêu diệt và bắt sống 1.750 địch, diệt gọn Trung đoàn 1 của Sư 1 ngay; bắn rơi 50 máy bay các loại, thu hàng trăm súng, pháo, cối hạng nặng.

Ngày 19-3-1971, sau 7 ngày vận chuyển gạo, đạn phục vụ chiến dịch, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 27 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu và Chính trị viên tiểu đoàn Trần Xuân Gừng được lệnh cơ động diệt địch ở động Na, Kế Sách, Ba Lâu. Đường xa, địa hình phức tạp, bộ đội thấm mệt nhưng với quyết tâm không để địch chạy thoát, toàn tiểu đoàn hành quân thâu đêm để kịp vào chiếm lĩnh trận địa xuất phát tấn công. Chờ xe tăng và thiết giáp địch lọt vào đội hình phục kích của tiểu đoàn trên đường số 9, Nguyễn Huy Hiệu dẫn mũi chủ yếu của tiểu đoàn đánh thẳng vào giữa

đoàn xe. Sau 1 giờ chiến đấu, tiểu đoàn diệt gọn 28 xe tăng, thiết giáp, vận tải và tiêu diệt gần 100 tên Mỹ - ngụy.

Trên hướng Bản Đông, các Trung đoàn bộ binh 66, 64, 36 có xe tăng, pháo binh, cao xạ phối hợp bao vây, chia cắt cụm cứ điểm Bản Đông. Trước sức tấn công mạnh mẽ của ta, ngày 18-3-1971 địch bắt đầu rút khỏi Bản Đông trong hoảng hốt, lo sợ, ta lập tức công kích vào toàn bộ khu vực Bản Đông. Sáng ngày 20 tháng 3 ta làm chủ hoàn toàn Bản Đông, diệt 1.762 tên, bắt sống 107 tên, thu và phá hủy 113 xe, 24 khẩu pháo, bắn rơi 52 máy bay.

Ở phía đông, ngày 23-3-1971, phối hợp với lực lượng đường 9 Nam Lào, Bộ đội Đặc công B5 đã tập kích địch ở Tà Cơn, tiêu diệt 100 tên giặc lái và nhân viên kỹ thuật, phá hủy 42 máy bay lên thẳng, 6 xe tăng. Một bộ phận lực lượng của ta phát triển đánh vào khu vực Hướng Hóa, Khe Sanh làm cho địch náo loạn, cơ cụm không dám phản kích.

Trong những ngày từ 19 đến 23-3-1971, Bộ tư lệnh chiến dịch chuyển dịch đội hình về phía đông, kết hợp truy kích địch với tác chiến ngăn chặn, lần lượt tiêu diệt địch cơ cụm ở các khu vực Cha Ky, Huổi San, Lao Bảo, Làng Vây. 16 giờ chiều ngày 22 tháng 3, trong tình thế bị uy hiếp từ nhiều phía, đặc biệt là các điểm chốt dọc đường số 9 do Trung đoàn 24 và Trung đoàn 102 đảm nhiệm đánh địch ngày đêm và giữ vững trận địa không cho quân địch vượt qua; hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, xe vận tải quân sự bị cháy, hỏng dọc các điểm chốt cũng góp phần cản trở, ùn tắc làm cho quân địch không thể cơ động trên đường 9 để về Lao Bảo, Khe Sanh, địch buộc phải vứt bỏ lại toàn bộ xe tăng, pháo cơ giới còn đang nổ máy để vượt qua phía Nam sông Sê-pôn, sông Sê-băng Hiên chạy bộ vào rừng. Do tổ chức hiệp đồng vây chặn phía Nam không chặt, nên có một bộ phận lực lượng quân địch có cả sĩ quan chạy thoát. Ta tổ chức một số đơn vị vượt sông bắt sống được hàng trăm tàn binh. Cuộc hành quân "Lam Sơn 719" đánh ra đường 9 - Nam Lào của Mỹ - ngụy biến thành một cuộc tháo chạy hỗn loạn. Nhà lý luận quân sự Bri-ên Giên-Kin coi đây là "một thảm họa lớn nhất đã tiêu diệt số lớn sĩ quan trẻ của quân đội Sài Gòn", rõ ràng là một cơn ác mộng của quân đội ngụy và chính quyền Sài Gòn.

Sau 52 ngày diễn biến chiến dịch, chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào kết thúc thắng lợi, ta đã thu được kết quả chiến dịch hết sức to

lớn: Loại khỏi vòng chiến đấu 19.960 tên, bắt làm tù binh 1.142 tên; tiêu diệt 3 lữ đoàn, trung đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 4 thiết đoàn; đánh thiệt hại nặng sư đoàn dù, sư đoàn bộ binh 1, đánh thiệt hại sư đoàn thủy quân lục chiến; bắn rơi và phá hỏng 556 máy bay (trong đó 505 máy bay lên thẳng, phá hủy và đánh chìm 43 tàu, sà lan, phá hủy 1.138 xe cơ giới (trong đó có 528 xe tăng và bọc thép). Ta thu được một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh (máy bay, xe tăng, pháo, cối, xe vận tải, các loại đạn...).

Chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào 1971 đã giáng cho Mỹ - Ngụy một đòn thất bại nặng nề về cả quân sự lẫn chính trị, cho ta nhiều kinh nghiệm quý báu về chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần thiết thực vào việc chỉ đạo xây dựng huấn luyện và tác chiến cho lực lượng vũ trang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với thắng lợi to lớn toàn diện, chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào là biểu tượng sinh động của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Vinh quang thuộc về những người con đã xả thân vì Tổ quốc và chính sự hy sinh của những người con ưu tú ấy đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Thiếu tướng Lê Mã Lương (Báo *Quân đội Nhân dân*)

CHIẾN DỊCH ĐƯỜNG 9 - NAM LÀO 1971: CHIẾN TRƯỜNG NẢY LỬA

Đầu năm 1971, Trung ương và Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Đường 9 - Nam Lào nhằm bẻ gãy cuộc "Hành quân Lam Sơn 719" của Mỹ - Ngụy theo đường số 9 lên Nam Lào. Đã 40 năm qua, nhưng những trận đánh đẫm lửa, những chiến công hiển hách vẫn luôn là những ký ức không phai đối với những người lính năm xưa tham gia chiến dịch...

Xuất xứ một cuộc hành quân

Sĩ quan Nguyễn Trần Đỗ Cẩm viết: "Mục đích chính của cuộc hành quân là cắt đứt nguồn tiếp vận của "Cộng quân" bên Lào qua đường mòn Hồ Chí Minh". Quân đội Việt Nam Cộng hòa (VNCH) đặt tên cuộc hành quân là "Lam Sơn 719". Cuộc hành quân này được bắt đầu ngày 8-2-1971 và kết thúc vào ngày 23-3-1971.

Phạm vi của cuộc hành quân “Lam Sơn 719” rộng chừng 20km, dài 50km, thuộc vùng Nam Lào, dọc theo đường số 9 nối liền Khe Sanh Việt Nam tới thị trấn Savannakhet (Lào). Quân Đoàn I (Ngụy) được tăng cường các đơn vị tại chỗ, sư đoàn dù, thủy quân lục chiến... là lực lượng trực tiếp tiến hành cuộc hành quân.

Trong cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, quân lực Mỹ chịu trách nhiệm khai quang các trục đường bộ và bảo đảm an ninh từ Đông Hà đến tận khu vực biên giới Việt-Lào. Sân bay quân sự Khe Sanh bị bỏ hoang nhiều năm, nay được tu sửa để sẵn sàng tiếp nhận các máy bay vận tải C-130, lập cầu hàng không hỗ trợ cho lực lượng tham gia cuộc hành quân. Ngoài ra, Mỹ còn có kế hoạch điều động B-52 để yểm trợ cuộc hành quân. (Chỉ tính trong một lần yểm trợ cho trung đoàn Ngụy rút quân, Mỹ đã tung B-52 ném 12 đợt xuống các khu vực tình nghi)

Theo tính toán của Mỹ-Ngụy, từ Cửa Việt tới Khe Sanh, quân Mỹ và quân VNCH đã có sẵn hệ thống căn cứ hỏa lực, căn cứ hậu cần, các sân bay dã chiến hạng trung đảm bảo cho máy bay vận tải hạng nặng có thể lên xuống được. Hơn nữa, mạng lưới giao thông thủy - bộ khá thuận tiện cho việc cơ động lực lượng và phương tiện chiến tranh. Chúng cũng cho rằng, hệ thống phòng ngự đường 9 - Bắc Quảng Trị có thể trở thành bàn đạp để tiến công sang Lào, chặn đường tiếp tế của quân giải phóng (QGP).

Để tổ chức cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ và Sài Gòn đã huy động 42.000 quân, trong đó 33.000 ngụy quân, 9.000 lính Mỹ. Toàn bộ lực lượng trên được tổ chức thành 11 trung đoàn bộ binh, trong đó có 10 trung đoàn quân đội VNCH, một trung đoàn bộ binh Mỹ, 2 thiết đoàn (464 xe tăng, bọc thép), 16 tiểu đoàn pháo (250 khẩu), 800 trực thăng, 300 máy bay phản lực, 50 máy bay vận tải cỡ lớn và 50 máy bay ném bom chiến lược B52.

Đâu có “ngon ăn”

Theo tướng Đồng Sĩ Nguyên, Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn: “Khi được trên thông báo âm mưu của địch, tôi nghĩ ngay tới bước phiêu lưu đầy chủ quan của Hoa Kỳ và quân Ngụy. Bởi điều đơn giản nơi đây là chiến trường rừng núi, không phải là “đất dụng võ” của cả lính Mỹ lẫn Ngụy. Thứ hai, đã từ lâu, trong tầm nhìn của “Bộ thống soái”, Đường 9 - Nam Lào là chiến trường dành cho sự đối đầu giữa chủ lực hùng mạnh của QGP với

bất cứ lực lượng nào của đối phương. Đường 9 là nơi có mặt chốt chính diện rộng nhất của tuyến chi viện chiến lược bao gồm cả hành lang đông và tây Trường Sơn, là cửa mở quyết định nhất. Do vậy, ta đã tập trung binh lực kỹ càng, đặc biệt là xây dựng thế trận tác chiến phòng không, lực lượng chiến đấu tại chỗ, cơ sở hậu cần kỹ thuật dự trữ hùng hậu cho chiến trường. Lực lượng chủ lực tinh nhuệ thiện chiến của ta, đặc biệt là lực lượng dự bị chiến lược sẽ không buông tha mọi động thái của địch ở địa bàn chiến lược này. Vào đây, địch sẽ chui vào rọ.”

Trong ba ngày đầu, quân địch vượt biên giới hùng hổ tiến công lên đường số 9, Bộ tư lệnh QGP đã chỉ thị cho các đơn vị, binh trạm: Nhử địch vào thật sâu, sẵn sàng chủ động tiến công vào các đội hình trực thăng của chúng. Sử dụng mọi vũ khí, phát huy mọi tầm hỏa lực, kiên quyết tiêu diệt địch, với khẩu hiệu: "Cứ cho nó đến, quyết không cho về". Ba ngày, trực thăng bay đầy trời khu vực Sê Pôn, Bản Đông, đổ quân ào ạt. Thấy "ngon ăn", một vài đơn vị đề nghị cho đánh. Bộ Tư lệnh vẫn kiên trì, chỉ thị cho lực lượng cao xạ bình tĩnh theo dõi, bám sát địch. Chỉ được sử dụng súng máy, nhưng cũng chỉ là gây cho đối phương chủ quan. Sang ngày thứ tư, ngoài đổ quân, máy bay địch đã trút theo vũ khí, trang bị. "Mẻ lưới" đã nặng tay, Bộ đội Trường Sơn phát lệnh nổ súng. Lực lượng cao xạ của Trung đoàn 591 ở Bản Đông, các trung đoàn, tiểu đoàn cao xạ cơ động của Binh trạm 41 ở Cu Bốc, Binh trạm 27 ở Bản Đông - cầu Ka Ky và Binh trạm 18 ở Tà Khống đã cùng hỏa lực phòng không của chiến dịch tập trung diệt trực thăng và lực lượng đổ bộ đường không của địch. Lưới lửa phòng không "thiên la địa võng" của ta đã chụp lên đầu chúng. Máy bay địch bị bắn hạ khá nhiều. Lính đổ bộ đường không lớp bị tiêu diệt, lớp bị bắt. Mỹ - Ngụy rơi vào tình thế "tiến thoái lưỡng nan" ở Đường 9.

Ngay sau đó, Đài BBC đưa tin, quân đội VNCH đã vấp phải lưới lửa phòng không dày đặc chưa từng thấy của đối phương, 50 máy bay lên thẳng bị bắn hạ!!! (Sau này, tổng hợp toàn chiến dịch, lực lượng phòng không của ta bắn cháy hơn 100 trực thăng). Tới ngày 12-2 pháo ta cấp tập mở màn giai đoạn chuyển sang tiến công trên toàn mặt trận...

Nỗ lực cuối cùng của Mỹ - ngụy

Bị tiến đánh trên khắp mặt trận, địch chủ trương chiếm các điểm cao dọc đường 9 và xung quanh, tạo các căn cứ hỏa lực để chi viện cho

chiến xa, bộ binh lùng sục, đánh phá các căn cứ, kho tàng của ta sâu trong đường 9 Nam Lào và cắt ngang tuyến vận tải chiến lược. Tuy nhiên, với chiến thuật phản kích, vây, ép, chia cắt địch, tiến công địch trên toàn tuyến. Trong khi đó, địch càng tiến càng bị sa lầy.

Sau gần 1 tháng vây hãm, ngày 8-3-1971, quân ta trên các hướng đồng loạt phản công địch. Hơn 40.000 sĩ quan, binh lính quân đội VNCH tham gia cuộc hành quân "Lam Sơn 719" bắt đầu hoang mang, khiếp sợ. Trên nhiều khu vực từ Lao Bảo đến giáp Sê Pôn, lực lượng địch bị bao vây, chia cắt như "cá nằm trên thớt", mất hết ý chí chiến đấu. Sau này tướng Mỹ W. Oét-mo-len trong hồi ký của mình đã viết: "Quân Bắc Việt Nam bắt đầu phản công quyết liệt. Sức ép của họ hết sức nặng nề, hỏa lực bắn máy bay của họ hết sức ác liệt, đến mức trong một số trường hợp không thể tiếp tế được". Nhận xét về tình hình chiến sự, tướng Đồng Sĩ Nguyên khái quát: "Về phía Mỹ, cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đến 1971 đã tròn 17 năm với 4 đời tổng thống. Dù là "Phòng tuyến chống xâm nhập" dưới "triều đại" Ai-xen-hao; các cuộc hành quân "Hoành Sơn" thời Kennedy; "Hàng rào điện tử McNamara", chiến thuật huỷ diệt cửa khẩu với hàng loạt vũ khí, khí tài tinh vi, hiện đại thời Giôn-xơn; và đến kế hoạch hành quân "Lam Sơn-719" đầy tham vọng trong thời Nixon... thì mục tiêu chiến lược xuyên suốt của đế quốc Mỹ vẫn là chặn, cắt, vô hiệu hoá tuyến vận tải quân sự Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh. Các đời Tổng thống Mỹ biến mình trở thành "con bạc" khát nước trong "canh bạc" ngăn chặn tuyến giao thông huyết mạch của ta. Chính vì thế, "Cuộc hành quân Lam Sơn-719 được xem như nỗ lực cuối cùng của Mỹ nhằm "ăn thua đủ với ta" trong canh bạc này".

(Theo *Quân đội online*)

CHIẾN DỊCH ĐƯỜNG 9 - NAM LÀO 1971 VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VẬN DỤNG TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên mỗi chặng đường chiến đấu và chiến thắng, quân và dân ta đã tổ chức những trận đánh với quy mô thích hợp, nhằm tạo bước ngoặt, tăng thế và lực cho ta, đồng thời đẩy địch vào thế bị động đối phó, từng bước đi đến thất bại hoàn toàn.

Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào diễn ra 40 năm trước là một trong những trận đánh như vậy. Đánh giá về tầm vóc, ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch này, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 21 (10-1973) khẳng định: "Chiến thắng Đường số 9 - Nam Lào là một đòn bất ngờ đánh vào chiến lược của Ních-xơn, mở ra khả năng mới đánh bại chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ"¹.

Thắng lợi trên chiến trường Đường 9 - Nam Lào đã làm thất bại hoàn toàn ý đồ của Mỹ và chính quyền Sài Gòn hòng chặt đứt tuyến hậu cần chiến lược của ta, cô lập cuộc kháng chiến ở miền Nam cũng như ở Cam-pu-chia và Lào². Tại đây, kế hoạch tiến công mang mật danh "Hành quân Lam Sơn 719" được Mỹ và chính quyền Sài Gòn chuẩn bị kỹ càng, đặt nhiều tham vọng, nhằm nhiều mục tiêu, nhưng đã bị phá sản. Về mặt quân sự, Mỹ và chính quyền Sài Gòn muốn thể nghiệm công thức chiến lược của "Việt Nam hóa chiến tranh": Bộ binh Sài Gòn + hỏa lực + hậu cần Mỹ, nhằm thông qua một cuộc hành quân quy mô lớn để thử thách, và nếu thành công, sẽ chứng tỏ quân đội Sài Gòn đủ khả năng thay thế vai trò của quân chiến đấu Mỹ trên chiến trường. Để đạt được mục đích và tham vọng trên, Mỹ - ngụy đã huy động một lực lượng rất lớn lên tới 42 nghìn quân; trong đó, quân đội Sài Gòn có 33 nghìn - gồm các đơn vị thiện chiến nhất và cả lực lượng dự bị chiến lược là thủy quân lục chiến và quân dù³

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 34, Nxb CTQG, H.2004, tr. 217.

² Ý đồ của Mỹ trong việc mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương là nhằm cô lập đi tới bóp nghẹt cuộc kháng chiến của quân và dân ta trên chiến trường chính miền Nam. Để thực hiện ý đồ đó, Mỹ và chính quyền Sài Gòn mở 3 cuộc tiến công, gồm: Toàn Thắng 1/71 đánh sang Đông Bắc Cam-pu-chia, Quang Trung 4 đánh sang vùng 3 biên giới (Bắc Tây Nguyên-Tà Xêng, Pa Kha, Sê Sụ (Atôpô-Lào)) và Lam Sơn 719 đánh sang khu vực đường số 9 - Nam Lào. Trong 3 cuộc tiến công nói trên, Lam Sơn 719 được xác định là trọng điểm, diễn ra trên địa bàn rộng, gồm tỉnh Quảng Trị (Việt Nam) và tỉnh Xa-vanna-khê (Lào), nhằm mục tiêu chủ yếu là chặt đứt tuyến chi viện chiến lược của ta ở khu vực Đường 9 từ Bản Đông qua Sê Pôn, Mường Phìn đến Pha Lan.

³ Lực lượng địch lúc cao nhất (10-3-1971) lên tới 55 nghìn quân, gồm có 15 trung đoàn bộ binh, dù, thủy quân lục chiến, 3 lữ đoàn thiết giáp (587 xe tăng, xe bọc thép), 21 tiểu đoàn pháo binh (318 khẩu), 1000 máy bay các loại... Ngoài ra, còn có khoảng 9 tiểu đoàn bộ binh thuộc 2 binh đoàn cơ động ngụy Lào (GM 31, GM 33) tham gia phối hợp đánh ra vùng Mường Noọng, Mường Phìn ở phía Tây Đường 9.

và 9 nghìn quân Mỹ, với sự yểm trợ của không quân, hải quân, pháo binh... của Mỹ. Chúng dự định tiến hành chiến dịch trong khoảng 3 tháng, với 4 giai đoạn và kết thúc trước mùa mưa năm 1971¹.

Trên cơ sở bám sát diễn biến chiến trường, nắm chắc âm mưu của địch, Bộ Tổng tham mưu đã sớm nhận định tình hình, nhất là về địch, phán đoán đúng ý đồ hành động của chúng, kịp thời xác định biện pháp đối phó. Cuối tháng 1-1971, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đồng ý với nhận định của Bộ Tổng tham mưu: Cuộc hành quân ra Đường 9 - Nam Lào, với lực lượng và phương tiện chiến tranh hiện đại, nhằm cắt đứt tuyến vận tải chiến lược Bắc - Nam của ta là một bước phiêu lưu quân sự cực kỳ nghiêm trọng của đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài Gòn. Hành động trên của địch sẽ gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng lại tạo cho ta cơ hội và thời cơ thuận lợi để ta tranh thủ tiêu diệt địch. Đồng thời, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhấn mạnh: Trong bất cứ tình huống nào cũng phải đánh bại cuộc hành quân của địch, tiêu diệt cho được một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động chiến lược của chúng, bảo vệ cho kỳ được kho tàng và bảo đảm công tác vận tải chi viện cho các chiến trường. Nhằm thực hiện quyết tâm đã xác định, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch phản công tiêu diệt lớn quân địch. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan triển khai xây dựng kế hoạch tác chiến, tổ chức lực lượng, chuẩn bị chiến trường chu đáo, chính xác, tạo thế trận phản công địch. Đặc biệt, về mặt lực lượng, chúng ta hình thành B70, tiếp đó là B702 - Mặt trận Đường 9 - Nam Lào (tương đương quân khu), bao gồm: 5 sư đoàn bộ binh (308, 304, 320, 324, 2); 4 trung đoàn pháo binh; 4 trung đoàn pháo cao xạ; 3 trung đoàn công binh; 3 tiểu đoàn xe tăng, thiết giáp, một số tiểu đoàn đặc công cùng với lực lượng tại chỗ của các mặt trận: B5 (Đường 9 - Bắc Quảng Trị), B4 (Quân khu Trị - Thiên), Đoàn 559; Chỉ huy chiến dịch là những cán bộ dày dạn kinh nghiệm².

¹ Bốn giai đoạn: Từ ngày 30-1 đến 7-2-1971, chiếm lĩnh bàn đạp, xuất phát tiến công; từ ngày 8 đến 12-2-1971, đánh chiếm các mục tiêu Bản Đông - Sê Pôn; từ ngày 15-2 đến 12-3-1971, đánh phá các kho tàng ở các khu vực Sê Pôn - Bản Đông; từ 13-3 đến đầu tháng 5-1971, chuyển hướng đánh phá các kho tàng ở phía Nam Sa Đê, Mường Noọng, A Túc, A Sầu, A Lưới (Trị Thiên).

² Theo quyết định số 51/QĐ-QP, ngày 4-2-1971, về thành lập Bộ tư lệnh Mặt trận Đường 9 - Nam Lào của Bộ Quốc phòng: Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng Tham mưu trưởng làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính

Có thể thấy, việc ta bố trí, sử dụng một lực lượng rất mạnh để đối phó với cuộc hành quân lớn của địch, ngay từ đầu đã tạo được một thế trận chủ động, khiến địch bất ngờ. Điều quan trọng là nhiều mục tiêu chiến lược mà chúng đặt ra cho cuộc hành quân đã sớm bị quân ta triệt tiêu. Bằng sức mạnh của lực lượng binh chủng hợp thành, trong quá trình chiến đấu, thế trận phản công của ta chuyển hóa thành thế trận tiến công truy kích, làm thất bại hoàn toàn kế hoạch tiến công của địch.

Sau gần 50 ngày đêm liên tục phản công và tiến công, Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào kết thúc thắng lợi vang dội. Ta đã đánh thiệt hại nặng 2 lữ đoàn, 1 trung đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 4 thiết đoàn xe tăng, thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 21.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy 556 máy bay, 528 xe tăng, xe bọc thép, 112 khẩu pháo và súng cối, thu 2 máy bay trực thăng, 24 xe quân sự, 78 khẩu pháo và súng cối, hơn 2.000 súng bộ binh và nhiều trang dụng quân sự khác.

Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào 1971 tác động mạnh đến cục diện chiến trường, giáng một đòn nặng vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Chiến thắng lịch sử đó thực sự đánh dấu bước trưởng thành mới của Quân đội ta. Giờ đây, sau 40 năm nhìn lại, chúng ta có thêm điều kiện nhận thức sâu sắc hơn tầm vóc, ý nghĩa của chiến thắng Đường 9 - Nam Lào, tài thao lược của Đảng ta, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương - bộ não chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là thắng lợi rực rỡ của khối đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung và tình hữu nghị thắm thiết của quân và dân Việt Nam - Lào, của quân và dân ba nước Đông Dương.

Vì thế, tôi cho rằng cuộc Hội thảo này có ý nghĩa rất thiết thực về nhiều mặt. Mục đích của cuộc Hội thảo không chỉ dừng lại ở việc làm rõ và đi đến khẳng định thắng lợi của Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào 1971 đã tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; mà điều quan trọng là thắng lợi đó đã để lại những bài học kinh nghiệm quý,

Ủy - Bí thư Đảng ủy, Đại tá Cao Văn Khánh làm Phó tư lệnh, Đại tá Phạm Hồng Sơn làm Phó tư lệnh - Tham mưu trưởng, Đại tá Hoàng Phương làm Phó chính ủy. Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Phó bí thư Quân ủy Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng được cử làm đại diện của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, trực tiếp chỉ đạo Mặt trận Đường 9.

cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát huy trong công cuộc xây dựng Quân đội, tăng cường quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trước hết là bài học về sự chỉ đạo chiến lược và chiến dịch tài tình, sắc bén trên cơ sở nắm vững tình hình địch, phán đoán chính xác âm mưu, khả năng, ý đồ hành động của chúng, đề ra chủ trương, quyết tâm và kế hoạch tác chiến đúng, kịp thời.

Sự chỉ đạo ấy bắt nguồn từ đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo; từ nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân độc đáo; từ lập trường cách mạng triệt để, tư tưởng cách mạng tiến công, quyết tâm đánh bại hoàn toàn cuộc "Hành quân Lam Sơn 719" của Mỹ - ngụy Sài Gòn. Trước hết, là đánh bại ý đồ của chúng: Đánh chiếm Sê Pôn, phá tuyến vận tải chiến lược của ta từ gốc, triệt phá kho tàng, nhằm làm cho lực lượng chủ lực của ta bị suy yếu, không thể đánh tập trung lớn trong mùa khô 1971 và cả trong năm 1972, buộc phải quay về hoạt động nhỏ lẻ, phân tán. Sự chỉ đạo tài tình của Đảng còn được thể hiện tập trung trong việc nắm vững và đánh giá đúng kẻ địch, hạ quyết tâm chính xác, tổ chức thực hành chiến dịch chu đáo, linh hoạt, khẩn trương, đạt mục đích kiên quyết của chiến dịch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra.

Ngay từ giữa năm 1970, ta đã nhận định và đánh giá chính xác về thế chiến lược so sánh lực lượng giữa ta và địch, Bộ Chính trị dự đoán trong mùa khô sắp tới, đế quốc Mỹ có thể có những hành động phiêu lưu mới, có thể chúng sẽ đánh Trung - Hạ Lào và vùng giải phóng Đông Bắc Cam-pu-chia và chắc chắn sẽ đánh phá ác liệt tuyến đường Hồ Chí Minh. Bộ Chính trị chỉ thị cho các chiến trường chuẩn bị sẵn sàng đánh địch trên hướng Đường 9, vùng ba biên giới và Đông Bắc Cam-pu-chia, thực hiện quyết tâm chiến lược: Phải đánh tiêu diệt lớn sinh lực địch bảo vệ bằng được tuyến vận tải Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh và cơ quan, kho tàng, làm thất bại hoàn toàn cuộc tiến công mùa khô của địch. Bộ Chính trị yêu cầu Quân ủy Trung ương chỉ đạo các cơ quan Bộ Quốc phòng xây dựng phương án tác chiến, tổ chức lực lượng mạnh để giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định về chiến lược.

Cũng do nắm chắc âm mưu cơ bản của địch, trong quá trình thực hành chiến dịch, sau khi bẻ gãy các hướng tiến công dọc Đường 9 và khu

vực phía Bắc, phía Tây và Đông Đường 9 của chúng¹, ta đã phán đoán đúng hai khả năng có thể xảy ra: Một là, địch ngoan cố tiếp tục tiến công lên Sê Pôn để cố thực hiện mục đích đã vạch ra hoặc với mục đích hạn chế hơn nhằm vớt vát ảnh hưởng về chính trị; hai là, địch chuyển hướng Nam. Trong hai khả năng này ta nhấn mạnh khả năng thứ nhất, do đó đã có những biện pháp để tăng cường phòng thủ ở Sê Pôn, và thực tế đã diễn ra đúng như vậy, buộc địch phải điều chỉnh lại kế hoạch, từ bỏ âm mưu đánh chiếm Sê Pôn - mục tiêu quan trọng nhất trong cuộc hành quân của chúng. Điều đó cho thấy sự chỉ đạo chiến dịch sắc sảo của ta: Đã nắm vững và khoét sâu sai lầm của địch trong cuộc hành quân, chủ động đánh địch, khiến cho địch ngày càng bị động đối phó và thất bại.

Bài học trên còn nguyên giá trị trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN hiện nay. Là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, Quân đội nhân dân phải nắm chắc, dự báo chính xác, đánh giá đúng tình hình, nhất là những diễn biến phức tạp liên quan, tác động đến QP-AN của đất nước. Trên cơ sở đó, chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, có biện pháp đối phó hiệu quả với mọi tình huống xảy ra, kiên quyết không để bị động, bất ngờ, bảo đảm giữ vững môi trường hòa bình ổn định để phát triển toàn diện đất nước.

Hai là, bài học về sự chủ động chuẩn bị chiến trường và phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng cơ động kết hợp với lực lượng tại chỗ, của các binh chủng, của ba thứ quân trong suốt quá trình thực hành chiến dịch.

Có thể khẳng định một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi của Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào 1971 là ta đã chủ động tổ chức chiến trường, chuẩn bị lực lượng và hướng tiến công chiến lược.

Với tầm nhìn chiến lược, tư duy quân sự sắc sảo, nên ngay sau khi quân Mỹ vào tham chiến ở chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương phân định, tổ chức lại chiến trường, nhằm đáp ứng yêu cầu tác chiến với đối tượng mới. Theo phương hướng đó, tháng 6-1966, Quân ủy Trung ương đã quyết định thành lập Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (mật danh B5) phụ trách địa bàn từ Vĩ tuyến 17 đến Bắc sông

¹ Trong tuần đầu của chiến dịch: Từ ngày 8 đến 14-2-1971.

Thạch Hãn, từ Cửa Việt đến Khe Sanh, Hướng Hóa. Đây là hướng tiến công quan trọng, một chiến trường đánh tiêu diệt, thu hút, giam chân một lực lượng lớn quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn; tạo điều kiện cho các chiến trường khác tiến công địch, đặc biệt là vùng đồng bằng Trị - Thiên, đồng thời ngăn chặn chúng mở rộng chiến tranh trên bộ ra miền Bắc¹.

Việc hình thành từ sớm một chiến trường có giá trị chiến lược đã cho phép quân và dân ta tổ chức các trận đánh lớn, bao vây, tiêu hao, tiêu diệt nhiều đơn vị quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn, tiêu biểu là chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (Xuân Hè 1968 - hướng phối hợp quan trọng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968). Qua những trận đánh trên, bộ đội ta được rèn luyện về mọi mặt, nhất là thuộc địa bàn, thành thạo tác chiến ở địa hình rừng núi.

Một trong những nét đặc sắc nhất về nghệ thuật tác chiến trong Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào - một chiến dịch mà ta đã sử dụng nhiều binh chủng kỹ thuật và thực hành tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn - là đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, các binh chủng; đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ trong suốt quá trình thực hành chiến dịch. Thực tiễn Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào cho thấy, việc tổ chức, chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch có quy mô lớn như thế phải thực hiện tốt các nội dung: Tổ chức hệ thống đường cơ động; trinh sát chiến trường tổ chức căn cứ hậu cần, kỹ thuật; dự trữ vật chất; bảo đảm hệ thống thông tin chỉ huy; xây dựng công sự trận địa vững chắc, v.v..

Vận dụng bài học này trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, chúng ta phải coi trọng hơn nữa việc đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về chiều sâu theo Nghị quyết 28 - NQ/TW của Bộ Chính trị; đồng thời, tích cực xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên từng địa bàn, nhất là những địa bàn trọng điểm, chiến lược, nhằm không ngừng nâng cao khả năng phòng thủ đất nước. Trong quá trình xây dựng thế trận QP-AN phải coi trọng tính toàn diện, với yêu cầu sẵn sàng chuyển hóa thành thế trận chiến tranh nhân dân khi xảy ra chiến tranh xâm lược. Đặc biệt, phải coi trọng xây dựng,

¹ Xem: Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (1966-1973)*, Nxb QĐND, H.2001, tr.30.

nâng cao chất lượng tổng hợp của LLVT nhân dân (ba thứ quân), trước hết là Quân đội nhân dân, nhằm đảm bảo cho các lực lượng phát huy tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

Ba là, bài học về xây dựng khối chủ lực cơ động mạnh, đảm bảo cho những trận đánh then chốt, tiêu diệt lớn quân địch, giành thắng lợi quyết định.

Bên cạnh việc chuẩn bị tốt chiến trường, còn phải có lực lượng mạnh (bao gồm lực lượng tại chỗ và chủ lực cơ động), đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược, chiến dịch đặt ra. Yêu cầu chiến lược đối với Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào nhằm hai mục tiêu cơ bản: Vừa tiêu diệt lực lượng chủ yếu của địch, vừa bảo vệ vững chắc tuyến vận tải quân sự chiến lược Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh. Để hoàn thành nhiệm vụ trên, chúng ta đã chủ động thực hiện tốt công tác xây dựng, tổ chức lực lượng, trước hết là lực lượng tại chỗ (Đoàn 559, B4, B5); đồng thời, xây dựng khối chủ lực, gồm: Các sư đoàn bộ binh có biên chế hỏa lực mạnh, phương tiện chiến đấu lớn, có khả năng cơ động cao. Ngay từ tháng 10-1970, ta đã thành lập Binh đoàn B70 - một dạng tổ chức quân đoàn binh chủng hợp thành, gồm 3 sư đoàn (304, 308, 320) và các trung đoàn, tiểu đoàn binh chủng. Đến đầu năm 1971, nhằm thống nhất chỉ huy các lực lượng trên toàn Mặt trận Đường 9, ta hình thành tổ chức mới mang mặt danh B702, với nòng cốt 5 sư đoàn chủ lực (304, 308, 320, 324, 2).

Quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của các sư đoàn gắn liền với những chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong số 5 sư đoàn ta sử dụng trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, có 3 đơn vị ra đời từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (304, 308, 320), 1 sư đoàn (324) ra đời tại chiến trường nóng bỏng Trị - Thiên và 1 sư đoàn (2) hình thành trên mảnh đất Khu 5 đi đầu diệt Mỹ. Đây là lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân đội ta sử dụng 5 sư đoàn trong một chiến dịch. Điều đó cho thấy vị trí quan trọng của chiến dịch này trong tính toán chiến lược của cả ta và đối phương.

Sử dụng khối chủ lực mạnh, đánh những đòn tiêu diệt lớn, quyết định chiến cục của một chiến dịch mang tầm chiến lược, sự tính toán ấy của Bộ Thống soái tối cao đã đạt được mục tiêu đặt ra. Chiến dịch Đường 9

- Nam Lào giành thắng lợi, trong đó, vai trò khối chủ lực được khẳng định; đồng thời, cũng chứng tỏ sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa lực lượng chủ lực - cơ động với lực lượng tại chỗ. Thực tế chiến dịch cho thấy, lực lượng chủ lực - cơ động muốn tiến hành phản đột kích lớn và chuyển phản công sang tiến công phải dựa trên cơ sở lực lượng tại chỗ mạnh, đánh địch rộng khắp, tạo thế, tạo thời cơ. Lực lượng tại chỗ thuộc Đoàn 559, B4 và B5 góp phần quan trọng trong việc tiêu hao, ngăn chặn địch, đánh máy bay, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực cơ động đánh những trận tập trung tiêu diệt lớn quân địch. Nếu lực lượng tại chỗ của Đoàn 559, B4 và B5 không mạnh, chiến đấu không có hiệu quả, thì chủ lực cơ động từ xa đến sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong chuẩn bị, tổ chức và thực hành chiến dịch, sẽ mất thời cơ diệt địch và Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào không thể giành được thắng lợi lớn.

Có thể nói, vấn đề tổ chức lực lượng chủ lực cơ động chiến lược luôn là vấn đề cốt yếu trong suốt quá trình xây dựng quân đội. Hiện nay, chúng ta phải quán triệt và đẩy mạnh thực hiện xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã xác định. Trong đó, tập trung đầu tư hiện đại hóa một số lực lượng quan trọng, mang tính cấp thiết như: Quân chủng Hải quân, Phòng không - Không quân, Binh chủng Thông tin liên lạc, tác chiến điện tử, trinh sát kỹ thuật. Đồng thời, chú trọng điều chỉnh tổ chức lực lượng phù hợp; xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn giỏi, đủ khả năng khai thác và làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật được giao. Trên cơ sở đó, không ngừng nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội, đảm bảo cho Quân đội hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Bốn là, bài học về thực hiện tốt cộng tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu chiến đấu liên tục, dài ngày, ác liệt của các lực lượng tham gia chiến dịch.

Trong chiến tranh, công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật là nhiệm vụ không thể thiếu, một nhân tố quan trọng góp phần quyết định thắng lợi. Trong Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào (1971), chúng ta đã đưa vào chiến đấu một lực lượng lớn, tác chiến binh chủng hợp thành, đòi hỏi công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật phải được chuẩn bị, tổ chức chu

đáo, vững chắc, trên các quy mô: Hậu cần các đơn vị chủ lực cơ động, hậu cần tại chỗ, hậu cần chiến lược, chiến dịch và chiến đấu. Thực tiễn chiến dịch cho thấy, chúng ta đã thực hiện rất tốt yêu cầu trên.

Từ cuối năm 1970, cùng với sự hình thành Binh đoàn 70, lực lượng bảo đảm hậu cần cũng được chấn chỉnh, tổ chức thành đơn vị cấp cục (Cục Hậu cần Binh đoàn, gồm các bộ phận tham mưu, chính trị, vận tải, quân nhu, quân y, quân giới, xăng xe và các đơn vị trực thuộc). Với tinh thần chủ động, cơ quan hậu cần - kỹ thuật đã nhanh chóng triển khai lập kế hoạch bảo đảm theo ý định tác chiến, tổ chức nghiên cứu chuẩn bị chiến trường ở khu vực Đường 9 - Bản Đông theo trục đường 16, hiệp đồng với Binh trạm 17 (Cục Vận tải) và Binh trạm 27 (Đoàn 559) để vận chuyển hàng từ binh trạm vào các cụm hậu cần chiến dịch. Quá trình chuẩn bị, bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho chiến dịch phản công rất phức tạp, nhiều khó khăn và thực sự là một kỳ công. Song, với sự nỗ lực cao, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, bộ phận bảo đảm của nhiều đơn vị, cùng với thuận lợi địa bàn chiến dịch gần hậu phương lớn miền Bắc, chúng ta đã tạo được mạng lưới hậu cần - kỹ thuật liên hoàn, vững chắc. Chỉ trong thời gian ngắn (1-1971), ngành hậu cần - kỹ thuật đã dự trữ được lượng vật chất bảo đảm trên các hướng chiến dịch lên tới 6.385 tấn, đủ cho 3 đến 6 vạn quân tác chiến trong thời gian từ 4 đến 5 tháng¹.

Có thể nói, tuy đây là lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta tổ chức một chiến dịch quy mô lớn, nhưng các đơn vị tham gia tác chiến đã được bảo đảm hậu cần - kỹ thuật đầy đủ, kịp thời, được bảo đảm cơ động lực lượng và binh khí kỹ thuật nhanh chóng, đạn dược đáp ứng đủ yêu cầu tác chiến, bộ đội ăn no, tỷ lệ quân số khỏe cao từ đầu đến cuối chiến dịch². Nhờ đó, đã duy trì sức mạnh chiến đấu cao của các lực lượng tham gia chiến dịch trong điều kiện tác chiến liên tục, ác liệt và dài ngày.

Hiện nay, trong bối cảnh đất nước hòa bình, công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho quân đội có những thuận lợi cơ bản. Nhưng kinh

¹ Bộ Quốc phòng - Tổng cục Hậu cần, *Lịch sử Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập II (1954-1975)*, Nxb QĐND, H.1999, tr.396-397.

² Bộ Quốc phòng - Tổng cục Hậu cần, *Lịch sử Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam, Sđd*, tr. 400.

nghiệm về công tác này được rút ra qua Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào vẫn rất hữu ích, trước hết là đối với ngành hậu cần, ngành kỹ thuật trong quân đội. Đặc biệt, cần tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo, đi trước một bước, chuẩn bị chu đáo, kịp thời, vững chắc trong công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng hệ thống tổ chức hậu cần, kỹ thuật các cấp (cả chiến lược, chiến dịch, chiến đấu) ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân trong cả thời bình và thời chiến.

Năm là, bài học về sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa các chiến trường, đặc biệt là sự phối hợp chiến đấu giữa quân và dân Việt Nam - Lào, phát huy hiệu quả liên minh đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

Ngay từ khi địch có ý định và triển khai thực hiện kế hoạch hành quân trên ba hướng, trong đó tập trung lực lượng lớn cho cuộc "Hành quân Lam Sơn 719", chúng ta đã kịp thời nắm, đánh giá chính xác tình hình và nhận định đúng: Địch đưa ra lực lượng tuyến ngoài thì ở tuyến trong sẽ bộc lộ sơ hở lớn, ta có điều kiện để đánh phá kế hoạch bình định của chúng. Do đó, Bộ Chính trị đã chỉ thị cho các chiến trường phải nhân cơ hội này, đẩy mạnh phong trào tiến công và nổi dậy, phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa các chiến trường.

Ở Khu 5 và Tây Nguyên, ta đánh phá "bình định" có kết quả tốt; các chiến trường khác cũng đã đẩy mạnh được hoạt động phá lỏng, phá rã sự kìm kẹp của quân đội và chính quyền Sài Gòn. Đặc biệt, quân và dân chiến trường Tây Nguyên đã phối hợp nhịp nhàng với Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào, bẻ gãy cuộc hành quân ra vùng Phi Hạ của địch.

Ở Cam-pu-chia, ta đã phối hợp tốt với bạn, làm thất bại cuộc "Hành quân Toàn Thắng 1-71" của địch ở khu vực Công Pông Chàm, đập tan ý đồ của địch hành quân lên Cra-chi-ê, buộc chúng phải lui về củng cố tuyến Đường 7. Tại đây, địch đã không thực hiện được âm mưu đánh vào vùng căn cứ, phá hoại hậu phương của ta, trái lại còn bị ta diệt nhiều sinh lực và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Trên chiến trường Lào, ta đã cùng với LLVT của bạn đẩy mạnh hoạt động tác chiến, thực hành tiến công, tiêu diệt nhiều sinh lực địch; giải phóng được một số vùng thuộc phía Đông cao nguyên Bô-lô-ven, Bắc

Luông Phra-băng và ở Cánh Đồng Chum; đặc biệt, đánh bại hoàn toàn cuộc “Hành quân Lam Sơn 719” sang khu vực Đường 9 - Nam Lào.

Thực hiện phương châm chiến lược “Đông Dương là một chiến trường”, “chung chiến hào đánh Mỹ”, các lực lượng cách mạng trên ba chiến trường Nam Việt Nam, Lào và Campuchia đã phối hợp chặt chẽ với nhau trong mọi hoạt động, tạo điều kiện cho nhau và cùng nhau giành thắng lợi to lớn.

Thắng lợi của Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào là minh chứng cho sự phối hợp chiến đấu nhịp nhàng, chặt chẽ, hiệu quả giữa các đơn vị bộ đội Việt Nam với các đơn vị bộ đội Pa-thét Lào thuộc Quân khu Nam Lào. Ta và Bạn đã sát cánh chiến đấu, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch hùng chiếm Sê Pôn - mục tiêu then chốt của cuộc “Hành quân Lam Sơn 719”. Thắng lợi trên chiến trường Đường 9 - Nam Lào là chiến công chung, thấm đẫm tinh đoàn kết chiến đấu keo sơn của quân và dân hai nước Việt Nam - Lào. Đó chính là ý nghĩa quốc tế to lớn của Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào 1971.

Liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương Việt - Lào - Cam-pu-chia trong những năm tháng kháng chiến chống kẻ thù chung là thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, là di sản lịch sử quý báu góp phần quan trọng vào việc hình thành, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt trong sáng, thủy chung giữa ba dân tộc. Ngày nay, trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, chúng ta phải tiếp tục gìn giữ, vun đắp và phát triển mối quan hệ đoàn kết quốc tế đó lên tầm cao mới, vì sự nghiệp cách mạng của mỗi nước và sự trường tồn của mỗi dân tộc trên Bán đảo Đông Dương.

Hội thảo khoa học về Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào lần này, chúng ta cần tập trung đi sâu tìm hiểu, phân tích, luận giải những vấn đề mới, nhất là loại hình chiến dịch phản công làm cơ sở cho việc vận dụng trong xây dựng các phương án, kế hoạch, tổ chức lực lượng, huấn luyện... đáp ứng yêu cầu tác chiến mới của quân đội nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới.

Đại tướng Phùng Quang Thanh (Ủy viên Bộ Chính trị, Phó bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

(*Báo Quân đội Nhân dân*)

81 NGÀY ĐÊM RỰC LỬA TẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ NĂM 1972

KHÍ PHÁCH KỲ DIỆU

Qua các cuộc chiến tranh vệ quốc, cùng với biết bao vùng đất quả cảm, kiên cường của đất nước, tỉnh Quảng Trị huyền thoại là minh chứng hùng hồn cho đỉnh cao khí phách và trí tuệ Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Bắt đầu từ trưa ngày 30-3-1972, sau hai cuộc tiến công bất ngờ và quả cảm, với binh chủng hợp đồng quy mô lớn của quân ta, ngày 2-5-1972, thị xã Quảng Trị được giải phóng, sau 18 năm, bị Mỹ-ngụy chiếm đóng. Trong chiến dịch này, ta đã đánh tan tập đoàn phòng ngự mạnh nhất của địch ở Quảng Trị. Hơn ba vạn quân giặc bị loại khỏi vòng chiến đấu; 178 máy bay, 11 tàu chiến, 320 xe tăng, 237 khẩu đại bác và nhiều vũ khí đạn dược của địch bị phá hủy hoặc lọt vào tay Quân giải phóng.

Sau những giờ phút hoàn hồn, để lấy lại tinh thần và nhằm gây sức ép với ta tại Hội nghị Pa-ri, hạp lại vào ngày 13-7-1972, đã nhiều lần trì hoãn, địch dốc toàn bộ lực lượng, mở cuộc phản kích, tái chiếm Quảng Trị, mà mục tiêu số 1 là chiếm lại tòa Thành cổ. Chúng gọi tên cuộc hành quân này là "Lam Sơn 72" và bắt đầu từ ngày 28-6-1972.

Địch huy động máy bay phản lực, binh quân mỗi ngày 150-170 lần (có ngày 220 lần), 70-90 lần chiếc B-52; 12-16 tàu khu trục hạm và tuần dương hạm, thuộc Hạm đội 7; 2 sư đoàn dự bị chiến lược là sư dù và sư thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động, 4 trung đoàn thiết giáp (mỗi trung đoàn có 79 xe tăng và xe bọc thép), cùng hàng chục tiểu đoàn khác.

Đây là cuộc hành quân cực kỳ tàn bạo mà kẻ thù không từ một hành động tội ác nào: Ném đủ các loại bom bi, bom 7 tấn, bom điều khiển bằng la-de; bắn đủ các loại pháo chụp, pháo khoan; thả chất độc hóa học, hơi độc và hơi ngạt... Số bom đạn chúng ném xuống đây khoảng 328 nghìn tấn, tương đương với sức công phá của 7 quả bom nguyên tử mà Mỹ ném xuống hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki (Nhật Bản), năm 1945.

Trong lịch sử chiến tranh thế giới, chưa hề có một cuộc hành quân nào mà mục tiêu chủ yếu chỉ đánh vào một tòa Thành cổ, có chu vi 2.080m, rộng chưa đầy 3km², khiến đối phương có thể huy động một lực lượng hải, lục, không quân đông và sử dụng một khối lượng chất nổ khổng lồ như vậy.

Chính trong chiến dịch phản kích mang tính hủy diệt đó của kẻ thù, Thành cổ Quảng Trị đã mở đầu trang sử vô cùng oanh liệt, hào hùng bằng cuộc chiến đấu cực kỳ gian khổ, hiểm nguy và dũng cảm qua 81 ngày đêm mùa hè rực lửa, rung chuyển cả nước và toàn cầu từ ngày 28-6-1972 đến ngày 16-9-1972.

Lực lượng ta ở vòng trong thị xã, lúc đầu có Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương. Khi cao điểm, có thêm Trung đoàn 95, Sư đoàn 325 và Tiểu đoàn 8 của Trung đoàn 64. Chỉ huy sở của Mặt trận thị xã đặt tại hầm trong dinh Tỉnh trưởng nguy, bên bờ sông Thạch Hãn. Lực lượng vòng ngoài có Sư đoàn 320B ở cánh Đông, Sư 308 ở cánh Nam, cùng các đơn vị xe tăng, pháo cao xạ và lực lượng du kích các xã phụ cận. Các chốt quan trọng như: Long Quang, nhà thờ Trí Bưu, ngã ba Long Hưng, trường Bồ Đề, ngã ba Cầu Ga... là những nơi, quân ta bất chấp mọi nguy hiểm, gian khổ, hy sinh, kiên quyết đập tan các đợt phản kích của địch. Đặc biệt, trong Thành cổ Quảng Trị, là tiêu điểm ác liệt nhất và cũng là nơi thể hiện tinh thần chiến đấu phi thường, huyền thoại, cực kỳ dũng cảm, hy sinh của quân dân ta. Tại đây, trung bình, một chiến sĩ phải hứng chịu hơn 100 quả bom và 200 quả đạn pháo. Có ngày như ngày 25-7-1972, kẻ thù bắn vào Thành Cổ 5.000 quả đạn. Bốn dãy tường thành ở bốn phía đông, tây, nam, bắc, dày 12m, đều bị vỡ dẫn; đến một viên gạch nơi đây cũng không còn nguyên vẹn.

Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra như một huyền thoại. Và cách đánh địch nhiều khi cũng vượt ra khỏi những quy ước thông thường: Súng cối 60mm, được các chiến sĩ kẹp nách, bắn ứng dụng liên tục mấy chục quả một lần; lựu đạn sau khi rút chốt, phải tính toán sao cho khi nó vừa bay tới mục tiêu là nổ. Có lúc, chiến sĩ bò sát miệng hầm của địch rồi mới tung lựu đạn vào. Trong một trận đánh, có chiến sĩ bắn tới 14 quả đạn B40, diệt 32 tên địch. Tại mặt trận, nhiều chiến sĩ bị thương một, hai, thậm chí ba lần, vẫn chiến đấu, không chịu về tuyến sau. Các chiến sĩ bộ binh, công binh, quân y, thông tin, đều cầm súng đánh địch. Bằng tính kỷ luật tuyệt vời, tinh thần dũng cảm, ý chí ngoan cường và sự hy sinh vô bờ, ai nấy kiên quyết giữ vững trận địa trong suốt 81 ngày đêm. Đó là 81 ngày đêm lịch sử bi tráng, ác liệt, hào hùng, đầy hy sinh và mãi mãi bất tử.

Đại đội 1, Tiểu đoàn 25 vận tải, Sư đoàn 320B nhận thấy, nếu chỉ dùng sức người mang vác vũ khí vào thị xã và dùng vồng cáng thương binh ra, với quãng đường dài hàng chục cây số, dưới làn bom đạn của máy bay, pháo mặt đất và pháo hạm của địch thì khá vất vả, hiểm nguy mà hiệu quả thấp. Còn như dùng thuyền, vận chuyển qua sông Thạch Hãn, sẽ được nhiều hơn. Ban chỉ huy đại đội bàn bạc và thống nhất với phương án của Đại đội trưởng Nguyễn Thanh Mai (sau này, đồng chí là giảng viên của Học viện Lục quân Đà Lạt), vận động địa phương cho dùng thuyền máy của bà con ngư dân đi sơ tán, để lại ở các thôn, xóm ven sông, làm phương tiện vận chuyển. Được cấp trên chuẩn y, các chiến sĩ khẩn trương tìm những chiếc thuyền có máy móc còn tốt và một số thùng dầu ma-dút để chạy máy.

Nhớ lại những ngày ấy, các chiến sĩ không thể quên sự giúp đỡ tận tình, có hiệu quả và tình cảm chân thành của nhân dân cũng như du kích bốn thôn: Nhĩ Hạ, Vĩnh Quang, Mai Xá, Lâm Xuân... Những chiếc thuyền đánh cá, đầu máy xe tải nhỏ, máy bơm nước, máy xay xát thóc gạo, các thùng nhiên liệu chạy máy... đều là tài sản lớn mà bà con chắt chiu, dành dụm trong nhiều năm để làm ăn sinh sống. Nhưng khi bộ đội xin được trưng dụng thì ai cũng sẵn sàng ủng hộ và nói: "Máy chú từ miền Bắc vô đây chẳng tiếc máu xương để giải phóng cho bà con, thì tụi tôi tiếc chi các thứ đó...".

Thôn Nhĩ Hạ có o Hồng, du kích, mới 17 tuổi, mặt tròn, da trắng, mắt bồ câu. Hồng đang dẫn đường cho bộ đội thì bị pháo địch bắn dữ dội. Một số chiến sĩ mới vào chiến trường, chưa quen trận mạc nên hốt hoảng, lúng túng. Giữa lúc ấy, o bình tĩnh hướng dẫn anh em xuống trú ẩn vào các hố bom vừa nổ, bảo toàn lực lượng.

Có thuyền và nhiên liệu chạy máy, phân đội vận tải thủy của đơn vị được thành lập, kèm theo một tổ bảo đảm kỹ thuật mà nòng cốt là mấy chiến sĩ quê ở hai huyện Giao Thủy và Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ngay trong 5 đêm đầu tiên, đơn vị đã vận chuyển được 8 tấn vũ khí vào thị xã Quảng Trị và đưa gần 100 thương binh về tuyến sau an toàn. Nhưng rồi địch phát hiện ra, nên cuộc chiến ác liệt trên sông Thạch Hãn bắt đầu...

Để tìm diệt thuyền tiếp tế của ta, đêm đêm, chúng cho máy bay thả đèn dù sáng rực và rải bom từ trường trên sông, nhiều nhất là đoạn từ cầu

Quảng Trị, thôn Nhan Biều đến căn cứ Ái Tử. Với ánh sáng đèn dù, các chiến sĩ cứ nghe tiếng máy bay và tiếng nổ “bụp” trên trời, liền cho thuyền đã nguy trang, tắt máy, áp sát vào bờ; đợi đèn dù tắt, máy bay đi xa, lại tiếp tục công việc. Nhưng đối phó với bom từ trường thì không dễ, bởi bom chìm sâu dưới lòng sông, rất khó phát hiện. Nếu thuyền đi qua, tác động của chân vịt, bom sẽ phát nổ, gây thương vong, nhấn chìm vũ khí, đạn dược.

Thời gian đầu, bom từ trường của địch đã phá hủy nhiều thuyền của ta và làm hàng chục cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Đồng chí Phạm Vụ, Chính trị viên đại đội, dẫn một tổ đi tìm kiếm thi hài đồng đội để chôn cất, đã phải thu nhặt từng mảnh thi thể liệt sĩ bị bom địch hất lên bờ sông. “Cái khó ló cái khôn”, phải tìm cách chế ngự sự hiểm nguy này.

Đơn vị cử một tổ được tăng cường ba chiến sĩ công binh của Sư đoàn 320B và có du kích địa phương giúp đỡ, thực hiện rà phá bom từ trường bằng phương pháp thủ công: Dùng dây ni-lông, buộc các thùng đạn đại liên của địch (cách 5m một thùng), với độ sâu từ 1,5 đến 2m, có cây chuối làm phao; rồi chằng ngang sông và kéo xuôi dòng chảy để kích cho bom nổ. Trong quá trình rà phá bom, anh chị em phát hiện nhiều thi thể bộ đội ta hy sinh trong lúc vượt sông sang Thành cổ Quảng Trị, trôi theo dòng nước khiến anh chị em sục sôi căm thù giặc. Đêm đêm, khi đưa thuyền ngang qua các đoạn sông có bom từ trường, để hạn chế thương vong, ta tắt máy, chỉ để một người trên thuyền cầm sào giữ hướng, số còn lại, buộc dây vào mũi thuyền, lội theo mép nước, kéo qua đoạn nguy hiểm.

Trong 81 ngày đêm diễn ra chiến dịch bảo vệ thị xã, Thành cổ Quảng Trị, thì có đến gần 40 đêm, thuyền của Đại đội 1, vận chuyển vũ khí, đạn dược, thương binh cho các đơn vị bộ đội. Thường thì, mỗi đêm từ một đến ba chiếc qua sông và hầu như, đêm nào cũng có đồng đội hy sinh. Khó khăn, gian khổ và hiểm nguy như vậy, nhưng với khẩu hiệu “Đoàn Quang Sơn còn thì thị xã, Thành cổ Quảng Trị còn”, “Đại đội 1 còn thì Đoàn Quang Sơn còn được cung cấp vũ khí, đạn dược”. Anh em trong đơn vị đã đoàn kết một lòng, kiên quyết vượt qua mưa bom, bão đạn của quân thù để đưa những chuyến hàng tới đích.

Trong 81 ngày đêm, ngược xuôi dòng Thạch Hãn làm nhiệm vụ, một phần ba số quân của Đại đội 1 đã mãi mãi hóa thân vào dòng sông đầy

máu lửa. Cùng với những con thuyền, hài cốt liệt sĩ của đơn vị còn nằm dưới lòng sông này. Linh hồn của các anh trở thành hồn thiêng sông nước.

... Đò lên Thạch Hãn ơi... chèo nhẹ

Đáy sông còn đó, bạn tôi nằm

Có tuổi hai mươi thành sóng nước

Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm

(Thơ Lê Bá Dương)

Cuộc chiến đấu anh hùng trong 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị, kết thúc bằng thất bại của một đội quân xâm lược đông hơn 5 vạn tên, với thừa thãi vũ khí, bom đạn hiện đại, một lần nữa làm sáng ngời chân lý: Kẻ thù dù có vũ khí tối tân đến đâu cũng phải khuất phục trước những con người có ý chí kiên cường, một lòng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đúng như cố Tổng bí thư Lê Duẩn tôn vinh về cuộc chiến đấu trong Thành cổ Quảng Trị: “Chúng ta đã chịu được không phải chúng ta là gang thép; vì gang thép cũng chảy với bom đạn địch; mà chúng ta là những con người thực sự, con người Việt Nam với truyền thống hàng nghìn năm, đã giác ngộ sâu sắc trách nhiệm trọng đại trước Tổ quốc, trước thời đại”.

Thành cổ cùng với thị xã Quảng Trị đã được Nhà nước ta tuyên dương danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Lập nên những chiến công vang dội đó, nơi đây đã thấm đẫm máu của 18 nghìn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Quảng Trị và cả nước. Dưới lớp cỏ non Thành cổ, ngã ba Long Hưng, được gọi là “ngã ba bom”, “ngã ba lửa”, dòng sông Thạch Hãn... bao nhiêu người con yêu nước đã mãi mãi nằm lại. Đời đời, con cháu luôn luôn tưởng nhớ một thời máu lửa, một thời oanh liệt, hào hùng mà cha anh đã làm tất cả để đánh đuổi giặc ngoại xâm, đem lại cuộc sống hòa bình, tươi đẹp như hôm nay.

NGƯỜI ANH HÙNG VÀ TRẬN ĐÁNH HUYỀN THOẠI

Đường về xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã láng nhựa nhẵn thín. Xã có 16 xóm với gần 2.800 hộ. Nhà xây kiên cố đã chiếm hơn 90%. Sản lượng bình quân đầu người đã đạt 1.000kg thóc/năm. Khung cảnh yên bình, no ấm đang bao trùm lên Quỳnh Hoàng.

Nhân dân địa phương cũng như tuổi trẻ ở đây không bao giờ quên nỗi vất vả gian khổ, sự hy sinh xương máu của cha, anh trong các cuộc

chiến đấu chống giặc, cứu nước. Với miền Nam, Đảng bộ và nhân dân Quỳnh Hoàng luôn thực hiện khẩu hiệu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Một số gia đình có hai đến ba con nhập ngũ và đều trở thành liệt sĩ. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, hơn 1.200 con em của xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lên đường bảo vệ Tổ quốc, trong đó có 167 là liệt sĩ. Đặc biệt, trong một con ngõ nhỏ, dài khoảng 300 mét, nối liền hai thôn An Trực và Đồng Trực của xã Quỳnh Hoàng, đã xuất hiện 3 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đó là: Nguyễn Thế Thao, Nguyễn Công Dị (tức Hồng Quân) và Nguyễn Hồng Thế. Chuyện này xưa nay thật hiếm có.

Anh hùng Nguyễn Thế Thao sinh năm 1944, dân tộc Kinh. Sau hai năm trong quân ngũ, tháng 3-1964, anh chuyển ra công tác tại Khu gang thép Thái Nguyên. Tháng 6-1967, Thao tái ngũ, cùng đơn vị sang làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào. ... Đầu tháng 3-1972, hoàn thành nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào, đơn vị chuyển về nước, tham gia chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị. Sau một thời gian nghỉ ở Nghệ An, với cương vị Tiểu đoàn trưởng, Nguyễn Thế Thao đã cùng đồng đội góp phần viết nên trang chiến sử huyền thoại trong những ngày hè rực lửa ở Quảng Trị. Trận đánh của đơn vị làm kẻ thù bị bất ngờ, khiếp đảm, kinh hoàng là trận Đồi Cháy.

Điểm cao này nằm ở phía đông nam làng Như Lệ, xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, đã bị địch đốt cháy trụi, do một đơn vị lính thủy đánh bộ nguy hiểm giữ. Chúng rất huênh hoang, cho đây là cứ điểm bất khả xâm phạm. Tại đây, chúng cho xây dựng nhiều lô cốt, được bao bọc bởi nhiều hàng rào thép gai xen với các bãi mìn. Địch gọi Đồi Cháy là "con mắt của thị xã Quảng Trị", đồng thời chọn nơi này làm bàn đạp, lấn dũi các địa bàn giải phóng khác. Hơn nữa, từ đây, chúng có thể phát hiện và ngăn chặn lực lượng, phương tiện, hàng hóa của ta từ Bắc vào thị xã Quảng Trị.

Trước đó, đơn vị bạn đã tiến công Đồi Cháy 3 lần nhưng không diệt được cứ điểm trên. Với Tiểu đoàn 6, Bộ chỉ huy Mặt trận B5 giao: "Trong hai ngày, phải giải quyết xong Đồi Cháy". Mọi người ý thức được rằng, trận này cầm chắc sự ác liệt, hy sinh. Nhưng không ai tỏ ra lo sợ. Trong đầu họ chỉ có một suy nghĩ, đó là làm thế nào để bảo đảm bí mật, bất ngờ, chắc thắng?

Sau khi đi trinh sát trận địa, một phương án táo bạo, độc đáo được Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thế Thao cùng Ban chỉ huy tiểu đoàn vạch ra:

Thay vì đánh địch vào lúc nửa đêm, gần sáng như phương án của đơn vị bạn trước đây đã thực hiện, Tiểu đoàn 6 sẽ đánh địch từ khoảng 17 giờ trở đi. Đây là thời điểm chúng lơ là, mất cảnh giác nhất. Ngày 8-9-1972, đơn vị bí mật đưa 300 quân của 3 Đại đội 9, 10, 11 áp sát Đồi Cháy và chỉ cách địch khoảng 70 mét. Việc giấu quân ở cự ly này là rất thích hợp bởi vừa tiện cho xung phong tiêu diệt mục tiêu, vừa tránh được hỏa lực sát thương bằng pháo binh và không quân của địch.

Cán bộ, chiến sĩ của 3 đại đội đã vùi mình trong cát gần một ngày trời: Nhịn đói, nhịn khát, không dám ho... Chỉ một sơ suất nhỏ thì địch sẽ phát hiện được ngay và gây thương vong cho tiểu đoàn. Đến 3 giờ chiều, máy bay của chúng nhiều lần đến dội bom quanh Đồi Cháy nhưng quân ta vẫn an toàn vì ở rất gần địch.

Đúng 17 giờ 25 phút ngày hôm sau, lợi dụng lúc bọn địch đang nấu cơm chiều, sau những loạt hỏa lực phủ đầu, các chiến sĩ từ trong lòng đất, nhất tề bật lên như trận gió lốc. Tiếng hô xung phong vang động một vùng. Súng B41 nả đạn. Các khẩu AK nả đạn. Hàng loạt lựu đạn tới tấp quăng về phía địch. Kẻ thù bị tấn công bất ngờ nên rất hoảng loạn. Tuy nhiên, sau ít phút choáng váng, chúng bắt đầu phản công. Mũi đột kích của Đại đội 9 nhanh chóng chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài song bị chững lại ở lưng đồi, vì pháo của địch trùm lên Đồi Cháy. Từ trên cao, một ổ 12,8mm quét chéo xuống sườn đồi khiến quân ta không tiến lên được. Trước tình huống phức tạp, ác liệt, Hoàng Đăng Miện trườn lên, tìm vị trí thuận lợi, rồi bỗng đột nhiên đứng vọt dậy, giương khẩu B41, bóp cò! Sau tiếng nổ đanh, ổ 12,8mm của địch câm bật (nếu nằm bắn, đạn sẽ vọt qua mục tiêu, không tiêu diệt được chúng). Các chiến sĩ tiếp tục trườn lên tiêu diệt kẻ thù. Miện đang lấp tiếp vào đầu súng quả đạn mới thì một vầng sáng chớp lóe trước mặt anh. Hoàng Đăng Miện đã anh dũng hy sinh.

Sau hai lần xung phong, đến 19 giờ ngày 9-9-1972, toàn bộ 160 tên địch bị tiêu diệt. Ta làm chủ hoàn toàn Đồi Cháy. Do có cách đánh bí mật, bất ngờ, táo bạo của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thế Thao và đồng đội, "con mắt của thị xã Quảng Trị" như tướng ngự Bùi Thế Lân thường rêu rao ở Đồi Cháy, đã bị "chọc mù".

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong trận này, Nguyễn Thế Thao và liệt sĩ Hoàng Đăng Miện, người bị thương trong cả hai lần xung phong,

vấn xông lên tiêu diệt địch, được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 23-9-1973. Như vậy là, trong trận Đồi Cháy, Đại đội 9, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 165, Sư đoàn 312 có hai cán bộ, chiến sĩ được phong tặng Anh hùng; mang lại niềm tự hào lớn cho đơn vị.

Về với đời thường, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Nguyễn Thế Thao, hiện ở số nhà 194, đường Hoàng Văn Thái, Hà Nội. Đầu năm 2012, tôi đã gặp anh tại Hội nghị thành lập Ban tổ chức kỷ niệm 40 năm Chiến dịch Quảng Trị (1972-2012) ở Hội trường Bảo tàng Phòng không - Không quân. Nguyễn Thế Thao là Trưởng ban tổ chức Lễ kỷ niệm lớn này. Trước các đồng chí, đồng đội, anh xúc động nói: "...Cách đây 40 năm, Chiến dịch mùa hè năm 1972 và Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị 1972 là chiến dịch kéo dài nhất, ác liệt nhất, mật độ bom đạn cao nhất. Từ mặt trận Quảng Trị đến trận "Điện Biên Phủ trên không" và Hội nghị Pari là bản Anh hùng ca về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, mà thắng lợi đó đã mở toang khu giới tuyến, cánh cửa ngăn cách hai miền Nam - Bắc, tạo ra cục diện mới rất thuận lợi cho chiến dịch toàn thắng mùa xuân năm 1975.

Thắng lợi huy hoàng nhưng cũng có nhiều hy sinh, tổn thất: Hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường. Đau thương thật là vô hạn. Đã 40 năm qua rồi mà cảnh tượng bi hùng ấy ngỡ như ngày hôm qua. Những cảm xúc luôn đau đáu trong lòng khiến ai nấy còn sống trở về càng gần gũi, giúp đỡ nhau hơn trong cuộc sống đời thường. Hơn nữa, nhiều vấn đề tồn đọng sau chiến tranh cần được giải quyết như việc quy tập hài cốt liệt sĩ, chăm lo các gia đình chính sách còn gặp khó khăn, thiếu thốn.

Xuất phát từ những suy nghĩ đó, Ban tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm Chiến dịch Quảng Trị được thành lập và bắt đầu hoạt động...".

Cùng ở trong Ban chỉ đạo và Ban tổ chức Lễ kỷ niệm trên, tôi có dịp gặp gỡ, trò chuyện với Đại tá Nguyễn Thế Thao. Nhỏ nhẹ, khiêm nhường, không ồn ào mà trầm lặng, sâu sắc là bản tính của anh. Qua tâm sự, Thao cho biết: Trong trận tập kích sân bay Thẩm Lăng ở Lào, như trên đã nói, anh bị thương nặng. Song không hiểu sao, bản thân vẫn còn sống. Thật kỳ lạ. Thao bị ngắt nhiều lần và khi tỉnh lại, sờ vào đầu trên cơ thể cũng có máu. Cảm giác đầu tiên là khát. Anh quờ quạng xung quanh

chẳng có gì uống được; thoáng nghĩ, phải cố bò về hang đá, chỗ sở chỉ huy đơn vị. Thao vừa thở vừa lê lét trên đất đá lởm chởm, khét mùi thuốc súng. Anh bò tới cửa hang thì đồng đội phát hiện được, vội dìu anh vào. Thao lại ngất xỉu...

Điều trị lành vết thương, Thao tiếp tục trở về đơn vị chiến đấu. Từ Tiểu đoàn trưởng, anh lần lượt được đề bạt lên làm Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng rồi Lữ đoàn trưởng, Sư đoàn phó. Hòa bình lập lại, Nguyễn Thế Thao về Hà Nội giám định sức khỏe mới biết, mảnh đạn M79 quái ác của địch đã xuyên từ vai trái, thấu phổi của anh. Mảnh đạn đó vẫn găm ở đỉnh phổi trái và không thể mổ để lấy ra được vì đúng chỗ động mạch phổi. Gần 40 năm qua, những lúc thời tiết thay đổi, Thao phải ôm ngực, đau đớn, mồ hôi vã ra, hai mắt tối sầm. Vết thương khiến anh trở thành thương binh nặng với tỷ lệ thương tật tới 81%.

Đại tá Nguyễn Thế Thao tiếp tục tâm sự với tôi. Anh rủ rì, hóm hỉnh nói về "thời hiện tại" của mình:

- Tôi bị thương thế này, tưởng "ế" rồi kia đấy! Nhưng may "ông giời" thương, đến năm 1982, khi gần 40 tuổi vẫn lấy được vợ. Bà xã lại là bác sĩ cơ đấy, cùng quê Quỳnh Phụ, Thái Bình. May hơn nữa là chúng tôi sinh được hai cháu, đủ cả "nếp", "tẻ" và đều đã tốt nghiệp đại học.

Những năm cuối thời kỳ bao cấp, cuộc sống của hai vợ chồng vất vả lắm. Lúc đầu, nhà cửa chưa có, vợ con phải đi trú nhờ Trạm khách 354 của quân đội, rồi ra ở cái "tổ tò vò" cạnh đường Điện Biên Phủ. Khi ấy tôi luôn nghĩ đồng đội, nhiều người cũng còn khó khăn, không lẽ bản thân mang cái "danh hiệu Anh hùng", cái "máu thương binh" ra để đòi hỏi chẳng? Thôi thì, anh em sống được, mình cũng sống được. Mãi sau này, hồi ở Lữ đoàn 144, đơn vị lắp mấy cái ao rau muống, chia cho mỗi cán bộ mấy chục mét vuông, mình mới có chỗ "an cư". Được cái vợ tôi có việc làm ổn định ở Bệnh viện Thanh Nhàn, hai cháu ngoan hiền, sau khi tốt nghiệp đại học đều đã có việc làm, trong đó cháu thứ hai cũng theo bố mang nghiệp nhà binh (cháu thứ hai nhà anh Thao đã tốt nghiệp Học viện Kỹ thuật quân sự).

Tôi thành thật chúc mừng Đại tá Nguyễn Thế Thao. Quả nhiên anh có được "cái kết có hậu". Nguyễn Thế Thao vì giữ "chức" Phó ban liên lạc Sư đoàn 312 nên đã cùng đồng đội làm nhiều việc như: Tổ chức thăm hỏi đồng đội lúc ốm đau, giúp đồng đội làm kinh tế, hoàn tất hồ sơ cho hơn

hai chục cán bộ, chiến sĩ bị thương ở chiến trường, làm thủ tục công nhận thương binh, dẫn các đoàn đại biểu thăm lại chiến trường xưa và viếng những Nghĩa trang liệt sĩ ở Quảng Trị...

Những công việc ấy giúp Đại tá, Anh hùng Nguyễn Thế Thao luôn được gắn gùi đồng đội, tri ân đồng đội, những người đã ngã xuống trong những trận đánh huyền thoại để đất nước mãi mãi trường tồn.

VANG DANH VĨNH ĐỊNH

Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320) được thành lập ngày 22-1-1946; đã lập nhiều chiến công lừng lẫy trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; hai lần được Bác Hồ khen, tặng danh hiệu: "Trung đoàn Quyết thắng" và "Trung đoàn dũng cảm, đánh hăng".

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sư đoàn 320 được tách làm 2 khung sư đoàn, gồm Sư đoàn 320A và Sư đoàn 320B. Trung đoàn 64 thuộc Sư đoàn 320B, có nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ để chi viện cho chiến trường miền Nam. Từ tháng 1-1972, sau mấy tháng nhận quân, huấn luyện ở Thanh Hóa, Nghệ An, đơn vị hành quân vào chiến trường Quảng Trị. Những ngày tháng gian khổ, hiểm nguy cùng những chiến công đang chờ Trung đoàn...

Ngày 1-5-1972, toàn bộ tỉnh Quảng Trị, vị trí đầu cầu chiến lược được giải phóng. Không chịu nổi sự thất bại, ê chề và nhằm cứu vãn tình thế ở Hội nghị Pa-ri, ngụy quyền Sài Gòn tập trung binh lực, được hậu thuẫn tối đa của vũ khí hiện đại và cố vấn Mỹ, hòng tái chiếm Quảng Trị. Cuộc chiến khốc liệt, giành giật từng mét đất diễn ra trong 81 ngày đêm, không chỉ xảy ra ở Thành cổ và thị xã mà trên toàn tỉnh Quảng Trị, từ cánh Đông, duyên hải đến cánh Tây, rừng núi.

Trung đoàn 64 đứng chân ở đồng bằng ven biển, phía bắc huyện Hải Lăng và phía đông nam huyện Triệu Phong thuộc mặt trận cánh Đông. Địa hình tác chiến chủ yếu nằm dọc sông Vĩnh Định, một nhánh của sông Thạch Hãn. Vì thế mà Trung đoàn 64 còn gọi là Trung đoàn Vĩnh Định.

Đêm 27-6-1972, Tiểu đoàn 9, do đồng chí Lê Triệu làm Tiểu đoàn trưởng, là đơn vị chủ công của trung đoàn, được tăng cường hai đại đội thiếu, vượt qua "bức tường lửa" của bom B52, pháo hạm và pháo mặt đất, vào chốt ở hai thôn Đồng Dương, Diên Khánh. Sáng sớm 28-6, 3 tiểu đoàn thủy quân lục chiến cùng ba chi đoàn tăng thiết giáp của địch, được phi

pháo dọn đường, máy bay lên thẳng yểm trợ, chia làm hai mũi, tạo gọng kìm, tấn công hai thôn trên. Vào 8 giờ cùng ngày, đơn vị nổ súng, mở màn cuộc chiến đấu của Trung đoàn 64.

Tại mũi 1, chính diện, các chiến sĩ đương đầu với hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ và hai chi đoàn xe tăng. Khi địch cách 300m thì khẩu ĐKZ của Đại đội 11 khai hỏa, phát đạn đầu thiêu cháy một chiếc xe tăng. Đạn B40, B41, AK nhất loạt chụp xuống đội hình địch, diệt nhiều tên. Cùng lúc, trận địa 12,7mm của Đại đội 12, do khẩu đội trưởng Vũ Thanh Bình chỉ huy, cũng bắn trúng một chiếc trục thẳng khiến nó lao xuống cát bốc cháy. Xác địch nằm ngổn ngang trước trận địa.

Ở mũi thứ hai, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, có xe tăng đi cùng phối hợp với lực lượng đổ bộ từ phía bờ biển, đánh vào phía đông trận địa của ta. Ở hướng này, kẻ thù vô cùng xảo quyệt và hèn hạ. Chúng đã đẩy hàng trăm phụ nữ, trẻ em, người già đi trước để làm bia đỡ đạn. Trước tình huống phức tạp này, một câu hỏi đặt ra, làm thế nào để đánh được địch mà vẫn bảo đảm được tính mạng cho dân. Đồng chí Nguyễn Văn Bình, được đơn vị giao chỉ huy một tổ, thực hiện kế hoạch cứu dân.

Mặc cho kẻ thù bắn như vãi đạn, cả tổ vẫn trườn trên bãi cát trống trải, tiếp cận đông đảo bà con đang bị chúng xua lên phía trước. Khi các chiến sĩ ở khoảng cách rất gần, Bình liền bắn loạt đạn chỉ thiên rồi hô to cho nhân dân nằm rạp xuống. Thấy địch lộ mặt ra, không còn được che chắn, tổ bắn mấy loạt đạn, vừa bắn vừa lui để dụ chúng đuổi theo, nhằm tách xa địch với quần chúng nhân dân. Địch hí hửng, xua quân lên hòng bắt sống "mấy tên Việt cộng" to gan. Thế là, chúng dẫn xác vào trận địa phục kích của ta.

Đại đội trưởng Nguyễn Văn Bốn phát lệnh nổ súng. Từ các công sự, đạn AK, đại liên, trung liên, B40, B41, nổ giòn giã, xé nát đội hình địch. Ta tiêu diệt ngay tên chỉ huy và tên mang máy thông tin PRC-25 cùng hàng trăm tên khác. Số sống sót, bỏ chạy tán loạn.

Bị đánh bật ở cả hai mũi, giặc gọi máy bay và pháo binh, đánh phá suốt nhiều giờ rồi mở đợt tấn công mới. Trong một ngày, với 3 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 2 chi đoàn tăng thiết giáp, 20 máy bay lên thẳng cùng sự chi viện tối đa của không quân và pháo binh, địch mở tới 6 đợt tấn công nhưng vẫn không chiếm nổi Đồng Dương và Diên Khánh. Ngay trận đầu ra quân, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 64 đã phát huy truyền

thống "Trung đoàn Quyết thắng", "Dũng cảm đánh hăng", chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 18-7-1972, diễn ra trận đánh vào nhà thờ Trí Bưu, ở phía sau bờ sông Thạch Hãn, cách Thành cổ Quảng Trị khoảng 1km. Đây là một hang ổ của địch, như một thách thức với ta. Trong nhà thờ, có ngụy quân và dân. Nếu diệt địch thì sẽ làm thương vong cả dân. Do đó, ta phải dùng loa kêu gọi nhiều lần để giãn dân, bảo vệ bà con, ít đổ xương máu. Song giặc vẫn ngoan cố, tử thủ đến cùng. Nhiều lần, các đơn vị của Trung đoàn, thay nhau đánh vào nhà thờ, đều vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của chúng.

Tối 18-7-1972, Tiểu đoàn 9 xung trận. Màn đêm xuống, các mũi, các hướng đã bố trí sẵn sàng. Chiến sĩ giữ B40, Đại đội 10, Bùi Duy Dân đi theo mũi do Tiểu đoàn phó Kiều Ngọc Luân dẫn đầu. Lúc này, trên trời giặc thả pháo sáng, máy bay lượn vè vè. Dưới đất, đạn cối, pháo tầm xa của chúng bắn liên tục như giã giò. Mũi của Luân vấp phải ổ trung liên từ phía cửa sổ tầng 2 của nhà thờ bắn ra rất mật, không tiến lên được. Dân ẩn mình dưới một hố bom, tìm mục tiêu và được lệnh bóp cò. Đạn B40 bay đi, để lại phía sau một vệt sáng và khói mù. Ổ để kháng súng trung liên của địch câm bặt. Bắn xong, Bùi Duy Dân lao xuống hào, lập tức, mấy quả cối cá nhân của giặc bắn tới nổ ngay cạnh làm anh bị thương vào thái dương, máu ra nhiều. Đồng đội kịp thời băng bó và đưa Dân về tuyến sau. Tại trận này, anh được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba vì đã góp phần cùng đơn vị, chiếm được nhà thờ Trí Bưu.

Noi gương Tiểu đoàn 9, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 8, cũng ra sức đánh giặc, lập công. Thời điểm Trung đoàn 64 bắt đầu nổ súng chiến đấu đúng vào lúc địch mở cuộc hành quân Lam Sơn 72, hòng tái chiếm Quảng Trị. Các tiểu đoàn đã kiên cường bám trụ, quyết chiến quyết thắng, đánh 230 trận, diệt hơn 5.000 tên, bắn cháy 70 xe tăng, thiết giáp và xe quân sự, bắn rơi 49 máy bay. Những trận đánh của Trung đoàn như: Đồng Dương, Diên Khánh, nhà thờ Trí Bưu, Bích La Đông, Thành Cổ, Phương Lạng Đông, chốt thép Long Quang, cảng Cửa Việt... đã góp phần làm nên trang sử vẻ vang, chiến đấu giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Trong số những đơn vị, cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ chống Mỹ, cứu nước,

có tên Trung đoàn 64 - Trung đoàn Vinh Định và Anh hùng liệt sĩ Kiều Ngọc Luân.

Anh Luân là trợ lý tác chiến của tiểu đoàn. Trong trận chốt giữ làng Linh Chiểu, Tiểu đoàn trưởng Lê Triệu điều Đại đội 10 (thay thế Đại đội 11), đương đầu với một tiểu đoàn và 10 xe tăng địch, có pháo binh và trực thăng vũ trang chi viện. Giặc chia làm 3 mũi, ào ạt tấn công vào chốt. Kiều Ngọc Luân dũng cảm dùng súng AK, chờ địch đến gần, chỉ cách dăm, bảy mét mới bắn. Anh phát hiện ở gò cát, chân điểm cao 16, có ụ súng đại liên đang bắn cấp tập về phía ta. Luân nhanh chóng tìm cách tiếp cận rồi tiêu diệt tên lính và chiếm luôn được khẩu đại liên, quay nòng, bắn mãnh liệt vào sườn đội hình giặc. Chúng bất ngờ và kinh hoàng, xác địch nằm la liệt. Sau hai ngày chiến đấu quyết liệt, đơn vị diệt gần 300 tên; trận địa vẫn giữ vững. Trận này, Tiểu đoàn 9 giành thắng lợi lớn nhất. Kiều Ngọc Luân đạt thành tích cao trong chiến đấu, được trên đề bạt giữ chức Tiểu đoàn phó. Anh đã 13 lần đạt danh hiệu: Dũng sĩ diệt Mỹ.

Trung tuần tháng 8-1972, Kiều Ngọc Luân được lệnh ra ngoài Cửa Tùng, gặp các nhà báo để kể về tình hình chiến đấu của bản thân và đơn vị. Song thật không may, Luân chưa kịp lên đường thì trận đánh nhà thờ Trí Bưu xảy ra. Sau tiếng súng báo hiệu, các đại đội cùng khẩu đội ĐKZ do anh chỉ huy đồng loạt nả đạn các mục tiêu định trước. Kẻ thù chống cự mãnh liệt và Kiều Ngọc Luân đã anh dũng hy sinh.

Như vậy là, khi hành quân vào chiến trường Quảng Trị, Trung đoàn 64 có hơn 2.000 cán bộ, chiến sĩ. Quá trình tham gia chiến đấu, bổ sung quân nhiều đợt, sau chiến dịch, đơn vị có 600 đồng chí hy sinh; 1.700 đồng chí bị thương. Khúc tráng ca Quảng Trị được viết bằng máu của cả một thế hệ tuổi thanh xuân cho Tổ quốc, trong đó có sự cống hiến, hy sinh của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 64 - Trung đoàn Vinh Định, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, còn vang danh mãi trong lòng người dân yêu nước Việt Nam.

Ghi chép của Chi Phan (Báo Quân đội Nhân dân)

CHIẾN DỊCH QUẢNG TRỊ NĂM 1972:

"MỞ ĐƯỜNG" DƯỚI LÒNG SÔNG THẠCH HÂN

Trong Chiến dịch Quảng Trị 1972, trên dòng sông Thạch Hãn, mặc dù trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, nhưng bộ đội công binh vẫn dũng cảm vượt qua bom đạn, ngày đêm bám cầu, bám bến bảo đảm cho

các đơn vị "thần tốc" tiến về giải phóng miền Nam. Trong khó khăn, gian khổ đã xuất hiện nhiều câu chuyện cảm động và chân thực nói lên lòng dũng cảm, trí thông minh của người chiến sĩ công binh - những người luôn "đi trước, về sau" viết nên truyền thống "Mở đường thắng lợi".

Tháng 4.1972, với ý đồ kiên quyết ngăn chặn quân ta vượt sông Thạch Hãn, Mỹ, ngụy đã tập trung lực lượng không quân, pháo binh phong tỏa lực lượng của ta. Theo kế hoạch của Bộ tư lệnh chiến dịch Quảng Trị, đêm 23.4, bộ đội công binh tổ chức bảo đảm vượt sông cho các quân chủng, binh chủng tại bến Phương Thúc trên thượng nguồn sông Thạch Hãn. Phương tiện bảo đảm vượt sông khi ấy chủ yếu là xe lội nước PTS và thuyền TPP. Tuy nhiên khi phát hiện ý đồ của ta, địch đã sử dụng máy bay B-52 ném bom, kết hợp pháo binh mặt đất, pháo hạm trên biển đánh phá gây tổn thất nặng nề cho lực lượng công binh các đơn vị 249, 229, 219. Những trận B-52 của đế quốc Mỹ khiến những chiếc PTS trúng bom nằm ngổn ngang; một vài chiếc thuyền TPP bị bom hất văng từ dưới nước lên bờ; số cán bộ, chiến sĩ bị thương và hy sinh ngày càng nhiều.

Trong 3 ngày liền, bộ đội ta không thể vượt sông được, làm cho lực lượng, phương tiện của các đơn vị dồn ứ phải di chuyển vào những khu rừng gần đó tránh trú bom đạn của kẻ thù. Trước tình thế khó khăn ấy, tối 30.4.1972, đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Chiến dịch Quảng Trị tổ chức cuộc họp gấp ngay tại Bến Quang (Vĩnh Linh, Quảng Trị) với lực lượng công binh mặt trận để bàn biện pháp bảo đảm vượt sông.

Cuộc họp hôm đó diễn ra khá căng thẳng, nhiều ý kiến đề xuất phương án bảo đảm vượt sông được đưa ra thảo luận. Tuy vậy, sau gần 2 giờ đồng hồ bàn thảo nhưng hội nghị không đưa ra được phương án nào khả thi; thậm chí một số ý kiến còn mâu thuẫn với nhau. Như để làm dịu tình hình, đồng chí Lê Quang Đạo, Chính ủy Chiến dịch Quảng Trị nhẹ nhàng nói:

- Trong lúc khó khăn thế này tôi đề nghị các đồng chí phải hết sức bình tĩnh, nhưng cũng phải hết sức khẩn trương để tìm biện pháp giải quyết. Nếu chúng ta cứ ngồi đây để tranh luận, thời gian chỉ cần chậm một giây, một phút là có tội với bộ đội, với nhân dân.

Đồng chí Lê Quang Đạo yêu cầu lực lượng công binh mặt trận sớm nghiên cứu, tìm ra phương án, báo cáo Bộ tư lệnh chiến dịch sớm nhất. Trước khi ra về, tôi thay mặt lực lượng công binh hứa:

- Báo cáo Thủ trưởng, dù gian khổ đến đâu, thậm chí phải hy sinh tính mạng của mình, chúng tôi cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Ngay sau khi kết thúc cuộc họp, mặc dù đêm tối, phải qua nhiều trọng điểm đánh phá ác liệt của địch nhưng tôi và đồng chí Nguyễn Văn Nhạn (Tư lệnh công binh mặt trận) vẫn gấp rút hành quân vào khu vực bến Phương Thúc cách nơi diễn ra cuộc họp ngót 50km trực tiếp chỉ đạo bộ đội tổ chức các phương án bảo đảm vượt sông. Đêm hôm đó các đồng chí trong Bộ tư lệnh Công binh mặt trận không sao chợp mắt được vì lo lắng cho nhiệm vụ. Mờ sáng hôm sau, trong cuộc họp giao ban, các đồng chí trong bộ phận trinh sát, tác chiến đề xuất phương án khá táo bạo: Không tổ chức bảo đảm vượt sông bằng phương án truyền thống là dùng thuyền, phà mà tiến hành làm ngầm tại bến Phương Thúc. Sau một hồi thảo luận, chúng tôi nhất trí phương án này và nhanh chóng báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ tư lệnh chiến dịch. Phương án làm ngầm tại bến Phương Thúc được Bộ tư lệnh chiến dịch chấp nhận. Phương án này có điểm mạnh là bảo đảm được yếu tố bí mật. Bởi theo tính toán của chúng tôi, ngầm sẽ nằm thấp hơn mặt nước khoảng 30 đến 40cm, vì thế ban ngày địch khó phát hiện. Tuy nhiên cũng nảy sinh khó khăn là nguồn vật liệu và phương tiện vận chuyển. Bởi theo tính toán, độ sâu của lòng sông dao động từ 1 đến 6m, chiều rộng lòng sông hơn 100m, tính ra phải hết khoảng 500 đến 700 khối đá; chưa kể đến khó khăn trong thi công do lưu tốc dòng chảy gây ra.

Giải quyết khó khăn trên, chúng tôi quyết định chỉ đạo các đơn vị thực hiện phương án làm ngầm bằng vật liệu và cát sỏi tại chỗ. Để hạn chế tình trạng nước cuốn trôi, Lữ đoàn 249 đã nghĩ ra cách tận dụng bao tải của địch bỏ lại tại trận địa, sau đó nhồi cát, sỏi, đưa vào các rọ sắt rồi liên kết lại với nhau. Quá trình thi công được tiến hành từ hai bờ sông. Khi thi công đến giai đoạn hàn khẩu lại gặp rắc rối, do dòng nước chảy mạnh, các lực lượng không hàn được. Khắc phục khó khăn này, Trung tá Nguyễn Thuận, Tham mưu trưởng công binh mặt trận đã nghĩ ra sáng kiến, dùng các khoang thuyền TPP chở đầy bao cát, di chuyển từ thượng nguồn vào đúng vị trí hàn khẩu để hạn chế lưu tốc dòng chảy, giúp các lực

lượng tổ chức thi công. Quá trình thi công do suốt đêm phải dầm mình dưới nước, sinh hoạt thiếu thốn, nên rất nhiều đồng chí bị sốt, mất ngủ... nhưng ai nấy đều quyết tâm hoàn thành con ngầm trong thời gian ngắn nhất. Ngoài ra, các đơn vị công binh còn cho làm các bến giả để đánh lừa máy bay trinh sát OV10 của địch.

Với cách làm như vậy, chỉ sau hai ngày con ngầm dài hơn 100m được hoàn thành, vượt tiến độ hai ngày so với dự kiến. Đêm đầu tiên, bộ đội công binh đã bảo đảm cho 200 xe tăng, pháo, ô tô vượt sông an toàn. Đêm đó, khi ký vào bức điện báo cáo Bộ tư lệnh chiến dịch với nội dung ngắn gọn: “Ngầm đã thông, bảo đảm một đêm khoảng 200 xe các loại”, mà tôi không sao tìm được nước mắt.

Mấy ngày sau, tôi trở lại Bộ tư lệnh chiến dịch để báo cáo kết quả một cách kỹ càng hơn. Tôi vừa đến sở chỉ huy thì đã được đồng chí Lê Trọng Tấn và đồng chí Lê Quang Đạo đứng đợi. Tôi đứng nghiêm, làm động tác chào, rồi đồng dục báo cáo:

- Báo cáo thủ trưởng tôi đã về!

Lặng một chút, đồng chí Lê Trọng Tấn ôm choàng lấy tôi, rồi xúc động nói:

- Tổ cứ tưởng cậu không về được nữa.

Còn đồng chí Lê Quang Đạo thì vỗ vào vai tôi:

- Chiến công của các đồng chí công binh thật là vẻ vang.

Hơn 40 năm đã trôi qua, giờ đây khi hồi tưởng về những năm tháng chiến đấu hào hùng tại Quảng Trị, trong lòng tôi vẫn luôn trào dâng biết bao kỷ niệm. Tôi viết lại đôi dòng này như nén tâm nhang tưởng nhớ những đồng đội của mình đã mãi mãi nằm lại ở các bến phà trên con sông huyền thoại.

Thiếu tướng **Nguyễn Ích**, nguyên Chính ủy Công binh Chiến dịch Quảng Trị.

(Báo Quân đội nhân dân)

“BẢO TẬP” PHÁO BINH TRONG CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN (XUÂN - HÈ 1972)

Chiến dịch tiến công Trị - Thiên (từ ngày 30-3 đến 27-6-1972) với mục đích: Tiêu diệt một bộ phận lớn lực lượng quân sự địch ở Trị - Thiên;

phối hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng; tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận lực lượng bảo an, dân vệ, đánh bại kế hoạch binh định của địch; giải phóng phần lớn địa bàn Trị - Thiên, có điều kiện thì giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên; phân tán, thu hút lực lượng địch, phối hợp các chiến trường miền Nam giành thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

Lực lượng ta sử dụng trong chiến dịch này tương đương với quân đoàn tăng cường. Riêng pháo binh trên mặt trận Trị - Thiên (không kể số pháo lực lượng dự bị thuộc Trung đoàn 45) có 408 khẩu gồm: 63 khẩu pháo chiến dịch, 93 khẩu pháo cấp sư đoàn và 247 khẩu pháo cùng bộ binh.

Đêm ngày 29-3, theo lệnh "Bão táp 1", 247 khẩu pháo các loại đồng loạt bắn vào 19 căn cứ trên tuyến phòng thủ của địch. Ngay từ loạt đạn đầu, pháo binh ta đã bắn trúng hầu hết các trận địa pháo, các sở chỉ huy ở điểm cao 241, Mai Lộc, Miếu Bái Sơn, Quán Ngang, Đông Hà, Cồn Tiên, Dốc Miếu... Sau 36 giờ pháo kích với 8.000 viên đạn các loại, bộ binh và xe tăng ta bắt đầu tiến công, hình thành thế bao vây, áp sát, tiêu diệt và bức rút 15 căn cứ địch. Sau 5 ngày chiến đấu, bộ đội ta đã phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài, diệt 4 căn cứ trung đoàn, 7 căn cứ tiểu đoàn trên Đường 9; loại khỏi vòng chiến đấu Trung đoàn 56 nguy, đánh thiệt hại nặng trung đoàn 2, Lữ đoàn 147 của địch, giải phóng hoàn toàn hai huyện Gio Linh và Cam Lộ.

15 giờ ngày 8-4, pháo binh ta thực hiện kế hoạch "Bão táp 2", giáng xuống các sở chỉ huy, trận địa pháo, kho tàng, vị trí tập kết của địch ở Đông Hà, Ái Tử... đến 2.713 viên đạn pháo cỡ lớn. Trung tuần tháng 4-1972, sau khi được tăng thêm quân, địch tổ chức 3 cụm phòng ngự kiên cố: Đông Hà- Lai Phước, Ái Tử, La Vang - Quảng Trị. Chúng phối hợp chặt chẽ hỏa lực không quân, pháo hạm, pháo mặt đất bắn phá, ngăn chặn ta từ xa, dùng xe tăng, xe thiết giáp với mức độ dày đặc hàng tạo thành "hàng rào thép" kiên cố bao bọc vòng ngoài. Để đánh thắng chiến thuật "xe tăng bầy" của địch, ta điều 2 đại đội tên lửa chống tăng có điều khiển B.72 gồm 23 bảng bắn, 50 bệ, 500 viên đạn cùng với hỏa lực B.40, B.41, ĐKZ, pháo 85ly để diệt xe tăng địch. Trong đợt chiến đấu này, đã xuất hiện những gương chiến đấu tiêu biểu: với 32 viên đạn, Đại đội 15 diệt 5 xe tăng M.48, 3 xe bọc thép M.113. Các khẩu đội trưởng Lục Vĩnh Tường,

Lê Văn Trung, Trần Thanh Hải được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

5 giờ sáng ngày 27-4, ta mở đợt tiến công mới “Bão táp 3” bằng hỏa lực pháo binh. Sư đoàn 308 được pháo binh yểm trợ đã liên tục tiến công đột phá Đông Hà, Lai Phước. Sư đoàn 304 được các cụm pháo của Trung đoàn 45, 164 và 38 (bắn 2.500 viên Đ.74 và 130) chi viện tiến công Ái Tử. Đêm 29-4, Tiểu đoàn hỏa tiễn BM.14 gồm 9 dàn phóng (153 nòng) đặt trận địa ở khu vực làng Nút-Ba Giơ bắn nhiều đợt vào La Vang-Quảng Trị.

12 giờ ngày 1-5, đài quan sát pháo binh chiến dịch phát hiện địch tập trung hàng trăm xe ở La Vang chuẩn bị rút chạy, Bộ Chỉ huy chiến dịch lệnh cho các đơn vị pháo binh 38, 164, 368, BM, 14 tập trung hỏa lực bắn vào La Vang Thượng. Đạn pháo của ta bao trùm đội hình địch, một số xe (khoảng 50 chiếc) bốc cháy. Khi qua cầu Nhùng, cầu Mỹ Chánh, thêm 80 xe các loại của địch bị pháo ta bắn cháy, hàng trăm lính địch bị tiêu diệt. Trong 3 ngày 30-4, mùng 1 và mùng 2-5, pháo binh ta liên tục bắn vào các toán quân địch đang rút chạy trên Đường số 1, từ Quảng Trị vào Huế.

Trong chiến dịch tiến công Trị - Thiên (Xuân - Hè 1972), pháo binh ta đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng là hỏa lực chủ yếu của chiến dịch; là yếu tố rất quan trọng để nâng cao khả năng đột phá tuyến phòng thủ vững chắc của địch, nâng cao tốc độ tiến công; là yếu tố không thể thiếu được để ngăn chặn, tiêu hao sinh lực địch trong phòng ngự, cùng bộ binh và xe tăng ta hình thành sức mạnh chủ yếu trong đội hình chiến đấu quân binh chủng trên quy mô lớn

Theo **Thế Vy** (Báo *Quân đội Nhân dân*)

MỞ MÀN CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRỊ - THIÊN

Sáng 30-3-1972, nhận được tin do lực lượng quân báo mặt trận báo cáo về việc Trung đoàn 56 quân Sài Gòn trên hướng chủ yếu của chiến dịch đang cho các tiểu đoàn vào thay quân ở điểm cao 544 và Đồi Tròn, Bộ tư lệnh Chiến dịch Trị - Thiên thống nhất đề nghị Bộ Tổng tư lệnh cho bộ đội nổ súng vào 11 giờ 30 phút (kế hoạch cũ là 16 giờ). Đề nghị trên được chấp thuận.

Mở màn chiến dịch, 5 cụm pháo binh gồm hàng trăm khẩu bố trí trận địa từ Trung Hải, Lăng Cô tới Sa Pa, Ba Hi, với phần tử xạ kích đã

được tính toán kỹ, tới tấp nã đạn vào các mục tiêu Dốc Miếu, Dốc Sỏi, Cồn Tiên, miếu Bái Sơn, Đồi Tròn, Đầu Mẩu, Tân Lâm, Động Toàn, Đông Hà, Cam Lộ, Ái Tử... Hỏa lực chế áp của pháo binh tạo điều kiện cho bộ binh và xe tăng ta nhanh chóng xông lên, áp sát mục tiêu.

Cánh Bắc do Trung đoàn 27 và Trung đoàn 48 bộ binh (Sư đoàn 320B) đảm nhiệm, khi giờ G mới điểm, pháo binh chiến dịch đồng loạt dội đạn xuống căn cứ địch, đồng thời, hai trung đoàn dâng cao đội hình, áp sát mục tiêu. Ở hướng tiến công của Trung đoàn 27, pháo vừa chuyển làn, Tiểu đoàn 2 đã ào lên đánh chiếm điểm cao 544. Sau 20 phút chiến đấu dưng cảm, Tiểu đoàn 2 đã cấm được cờ Mặt trận Giải phóng lên căn cứ địch. Tiếp đó, Tiểu đoàn 2 tràn xuống bao vây công kích địch ở Đồi Tròn. Trong lúc hỏa lực súng cối, ĐKZ, 12,7mm bắn phá mãnh liệt tiêu diệt các hỏa điểm lộ của địch, một bộ phận lực lượng của trung đoàn được lệnh sử dụng hai bộ vũ khí FR(3) đánh phá nhiều lớp rào kềm gai mở cửa vào căn cứ địch. Khi khu vực đầu cầu bị ta đánh chiếm, địch núng thế, có biểu hiện tháo chạy. Chớp thời cơ, bộ đội ta đánh tràn lên. Đến 10 giờ 30 phút ngày 31-3, Trung đoàn 27 đã giải phóng Đồi Tròn. Tối hôm đó, một hãng tin phương Tây tại Huế đã phát đi tin tức việc tướng Giai đã để lọt vào tay Quân giải phóng hai căn cứ tiền tiêu cực kỳ quan trọng ở bắc Đường số 9 một cách nhanh chóng.

Trên hướng Trung đoàn 48, sau khi tiêu diệt địch ở khu vực Quất Xá, cầu Đuôi, bộ đội ta nhanh chóng chuyển sang bao vây chi khu Cam Lộ, ngăn chặn địch rút chạy và tăng viện cho Đường 9. Trưa 31-3, để cứu nguy cho đồng bọn đang bị bao vây, địch cho hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 56 có xe thiết giáp yểm trợ lên giải tỏa và tăng cường giữ sở chỉ huy trung đoàn ở điểm cao 241. Tiểu đoàn 15 và các đơn vị có hỏa lực tăng cường của ta đã chặn đánh quyết liệt quân địch ở cầu Thiện Xuân, buộc chúng phải dừng lại chống đỡ chờ quân tăng viện.

Cùng thời gian này, ở khu vực Cồn Tiên, Đoàn Bộ binh 31 của ta nhanh chóng bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch cơ động ở vòng ngoài; sau đó, cùng LLVT địa phương vây hãm căn cứ. Lo sợ những đòn tiến công sấm sét của ta, ngay chiều 31-3, địch ở Cồn Tiên bỏ căn cứ tháo chạy về miếu Bái Sơn, mở đầu cuộc rút chạy trên tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch.

Ở cánh Tây - cánh trọng yếu của địch do Sư đoàn bộ binh 304 đảm nhiệm, sáng 30-3, một bộ phận trinh sát của Trung đoàn 66 phục kích diệt gọn một trung đội địch khi chúng nống ra lũng sục nhằm phát hiện bàn đạp tiến công của ta. 11 giờ 45 phút, pháo binh ta tới tấp và mãnh liệt giội đạn xuống hàng loạt căn cứ địch rải dọc hai bên Đường 9, dọc hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra. Tại khu vực Điểm cao 252, chớp thời cơ địch hoảng loạn do bị hỏa lực pháo binh ta chế áp, Bộ tư lệnh Sư đoàn 304 lệnh cho Trung đoàn 66 sử dụng Tiểu đoàn 2 dâng cao đội hình công kích điểm cao này. Sau một ngày chiến đấu quyết liệt không quân hy sinh, Tiểu đoàn 2 và bộ phận tăng cường đã làm chủ Điểm cao 252, diệt và bắt 150 tên địch....

Trần Tiến Hoạt (Báo Quân đội nhân dân)

NHỮNG DẤU CHÂN IN MÀU ĐẤT HAI MIỀN

Chiến trường Quảng Trị luôn để lại những ký ức khó phai trong cuộc đời quân ngũ của các CCB, những người từng chiến đấu ở đôi bờ giới tuyến, tham gia vào những chiến dịch tiến công giải phóng, phòng ngự và bảo vệ Quảng Trị. Ở nơi ấy, như CCB Lê Bá Dương từng viết, họ đã có những năm tháng: "Một khẩu súng giữ hai trời Nam Bắc/Một dấu chân in màu đất hai miền"...

*** Thiếu tướng Nguyễn Đức Huy, nguyên Phó tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 2:**

Trong Chiến dịch giải phóng Quảng Trị năm 1972, tôi đang là Trung đoàn phó Trung đoàn 9 (Sư đoàn 304). Khi Trung đoàn 9 được lệnh vượt sông Thạch Hãn vào đánh chiếm thị xã Quảng Trị, rạng sáng 2-5-1972, tôi đã trực tiếp chỉ huy Tiểu đoàn 1 và Đại đội 14 chia thành hai cánh tiến vào đánh chiếm thị xã và Thành cổ Quảng Trị. 4 giờ sáng ngày 2-5-1972, cờ giải phóng đã bay trên nóc Dinh Tỉnh trưởng, toàn bộ thị xã Quảng Trị đã được giải phóng (hiện nay tỉnh Quảng Trị lấy ngày 1-5-1972 là ngày giải phóng Quảng Trị - PV). Tôi được cấp trên chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban Quân quản lâm thời thị xã Quảng Trị. Ngày đầu, Ủy ban Quân quản đã phải đối mặt với biết bao khó khăn, bởi trong thị xã ngổn ngang hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, các loại súng pháo, quân trang, quân dụng... của địch, tất cả đều cần phải nhanh chóng sơ tán, thu dọn, tránh không quân địch tới phá hủy.

Ngày chiều 2-5-1972, chúng tôi đã họp bàn, huy động cán bộ, nhân dân và dân quân du kích ở các xã: An Tiêm, Hải Lệ, Triệu Thượng... cùng các xã thuộc huyện Triệu Hải về tham gia cứu chữa số binh lính Quân đội Sài Gòn đang bị thương, tiến hành chôn cất người chết, dọn vệ sinh và huy động hàng nghìn người dân ra đồng gặt lúa... Sau một tuần, chính quyền ở nhiều xã đã được củng cố, hàng trăm tấn vũ khí đạn dược của địch đã được đưa ra khỏi thị xã. Ngoài ra, ta đã thu được gần chục xe tài liệu quý do địch rút chạy không kịp phá hủy hoặc mang theo.

*** Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuyên, nguyên Chủ nhiệm chính trị Học viện Quốc phòng:**

Khoảng cuối tháng 10-1972, Bộ tư lệnh Sư đoàn 312 nhận nhiệm vụ vào Quảng Trị trực tiếp chỉ huy ba trung đoàn phòng ngự kết hợp với tiến công, giữ tuyến động Ông Do - chùa Nga - Điểm cao 132 - Tích Tường - Như Lệ để bảo vệ con đường vận tải chiến lược. Khi đó, tôi Phó chính ủy Sư đoàn 312 và được phân công trực tiếp chỉ đạo Trung đoàn 209.

Lúc này quân số Trung đoàn bị hao hụt, mỗi tiểu đoàn chỉ có thể bảo đảm một đại đội (gồm cả thương binh nhẹ) có thể chiến đấu được. Phải tìm cách khích lệ tinh thần chiến đấu của anh em chiến sĩ. Tôi có bàn với chỉ huy Trung đoàn nên tổ chức các trận đánh nhỏ bởi hiện địch đang chủ quan. Đầu tiên chúng tôi tổ chức trinh sát kỹ đoạn đường mà địch thường đi lại, sau đó lựa chọn những chiến sĩ hăng hái, có sức khỏe tốt để thành lập hai tiểu đội phục kích đánh địch. Cách đánh này đã phát huy hiệu quả ngay trong trận đánh đầu tiên khi ta vừa tiêu diệt, thu vũ khí và lương thực của địch. Sau đó, cứ cách một, hai ngày các phân đội lại tổ chức một trận phục kích địch. Cán bộ, chiến sĩ đơn vị rất hăng hái, ai cũng muốn đi, cuối cùng chúng tôi phải đưa ra giải pháp "chia đều" để tiểu đoàn nào cũng được tham gia các trận phục kích địch. Đầu tháng 11-1972, Trung đoàn 209 tổ chức phản công, chiếm lại được các điểm cao 52, 15 và 29. Phía địch bị tổn thất nặng nề nên đã phải chuyển từ phản công ở ạt sang đánh nhỏ lẻ...

*** Trung tướng Hoàng Kỳ, nguyên Phó tổng Tham mưu trưởng QĐND Việt Nam:**

Những ngày diễn ra Chiến dịch giải phóng Quảng Trị năm 1972, tôi có mặt trong đội hình Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 27 (Đoàn Triệu Hải). Tôi

nhớ mãi trận đánh ngày 30-3-1972, khi Bộ tư lệnh chiến dịch giao cho Trung đoàn 27 nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn căn cứ Phu-lơ (tức Điểm cao 544) và Đồi Tròn, mở cửa hướng tây bắc để các đơn vị chủ lực tiến công giải phóng Quảng Trị. Khi đó, tôi đang là Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 2. Tiểu đoàn chúng tôi và Tiểu đoàn 1 được giao nhiệm vụ phối hợp cùng Tiểu đoàn 3 (do đồng chí Nguyễn Huy Hiệu là Tiểu đoàn trưởng) tiến công căn cứ Phu-lơ và Đồi Tròn từ phía tây và tây bắc. Theo hiệp đồng, Tiểu đoàn trưởng Bùi Xuân Các, Chính trị viên Lê Văn Dương, tôi (Tiểu đoàn phó) và Chính trị viên phó Nguyễn Xuân Kỳ lần lượt chỉ huy đánh chiếm các mỏm: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4 ở phía bắc căn cứ Phu-lơ. Trận đánh diễn ra từ trưa 30-3 cho tới đêm hôm đó thì căn cứ Phu-lơ đã bị quân ta làm chủ. Tiếp đó, tới trưa 31-3-1972, ta lại làm chủ hoàn toàn căn cứ Đồi Tròn. Vậy là sau hai ngày đêm chiến đấu, Trung đoàn 27 đã san bằng hai cứ điểm kiên cố mà địch từng ví là “con mắt thần” trong hàng rào điện tử Mắc Na-ma-ra.

Cùng đồng đội Trung đoàn Triệu Hải tham gia hàng chục trận đánh lớn nhỏ ở chiến trường Quảng Trị, tôi từng chứng kiến biết bao đồng đội đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất khói lửa này. Ngày ấy, Trung đoàn 27 được bổ sung khá nhiều tân binh là sinh viên các trường đại học và công nhân, viên chức các cơ quan được động viên vào chiến trường. Ở họ vừa có những nét vô tư, trong sáng, lại vừa có sự sắc sảo, thông minh và đầy nhiệt huyết. Nhiều người trong số họ đã vĩnh viễn nằm lại mảnh đất Quảng Trị khi tuổi đời còn rất trẻ...

*** Trung tướng Bùi Xuân Chủ, nguyên Chính ủy Tổng cục Hậu cần:**

Trong các năm từ 1968-1972, tôi cùng Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 66 (Quân đoàn 2) làm nhiệm vụ ở chiến trường Quảng Trị. Còn nhớ thời điểm đầu tháng 7-1972, khi tôi đang là Chính trị viên Đại đội 6, một đại đội mà quân số chỉ còn lại 30 người, chúng tôi được cấp trên giao nhiệm vụ chốt giữ vị trí đầu cầu trong khu vực Thành cổ. Sau khi nghe chỉ huy đại đội thông báo sẽ có 10 chiến sĩ được lựa chọn để cùng tôi vào chiến đấu đợt đầu tiên, thật bất ngờ, cả 30 chiến sĩ đều viết quyết tâm thư gửi Chính trị viên xin được tham gia trận đánh. Tôi đọc 30 bản quyết tâm thư với những nét chữ học trò của các chàng trai tuổi mười tám, đôi mươi để lựa chọn ra 10 người trong số họ bước vào trận đánh với bao khó khăn đang ở phía trước.

Trận đánh ấy, tôi có một kỷ niệm khó quên về tình đồng chí, đồng đội. Hôm đó, khi đang đứng ở cửa hầm chỉ huy phân đội chiến đấu thì đạn pháo của địch trùm lên vị trí của tôi, rất nhanh, hai chiến sĩ Nguyễn Đăng Hùng và Phạm Văn Tiến đứng cạnh liền nhào tới, hét to: “Thủ trưởng ơi, nằm xuống!”. Vì dững cảm chấn đạn cho tôi mà cả hai chiến sĩ đều bị thương, người bị thương ở chân, người bị mất một tay do đạn pháo của địch. Sau này, tôi có về Quỳnh Lưu và Đô Lương (Nghệ An) để tìm gặp hai người đồng đội từng cứu mình năm ấy, nhưng tôi chỉ gặp lại Nguyễn Đăng Hùng, còn Phạm Văn Tiến thì đã mất do lâm bệnh hiểm nghèo...

*** Cựu phóng viên chiến trường Đoàn Công Tính:**

Trung tuần tháng 3-1972, tôi nhận nhiệm vụ đi theo một đơn vị xe tăng từ Vinh Phúc vào mặt trận phía tây Quảng Trị, điểm đánh đầu tiên là căn cứ Đầu Mầu. Khi đó tôi là Thiếu úy, phóng viên Báo Quân đội nhân dân. Tôi mang theo khẩu súng K59, dụng cụ tác nghiệp là hai máy ảnh: Canon, Ki-ép, 40 cuộn phim và thuốc rửa phim. Khi còn cách căn cứ khoảng 6km, xe tăng mắc lầy. Sáng 30-3, các đơn vị bộ binh đồng loạt nổ súng, không đợi xe tăng nữa, tôi quyết định chạy theo các đơn vị bộ binh đang xung phong để tác nghiệp. Rõ ràng một ngày chiến đấu, quân ta đánh bật địch ra khỏi trận địa, tiêu diệt và bắt sống phần lớn sinh lực địch.

Sau trận này, quân ta tiếp tục tiến về đánh chiếm căn cứ Tân Lâm ở điểm cao 241. Tối hôm ấy, một bộ phận quân ta ở lại chốt giữ trận địa đã bị pháo địch bắn dữ dội. Trong hầm, tôi đang ngồi nói chuyện với hai đồng chí khác thì bị một quả pháo địch bắn trúng hầm. Chúng tôi bị hất tung lên khỏi mặt đất. Một chiến sĩ hy sinh, một bị thương, tôi cũng bị thương nhẹ. Sáng hôm sau đơn vị rút xuống chân điểm cao. Tôi nhờ một hàng binh lái chiếc xe Jeep trở lại Đầu Mầu. Đến nơi, đơn vị xe tăng đã qua khỏi khúc đường lầy, tôi không đi theo nữa mà lội ngược con đường ấy để trở về Vinh Linh. Ra đường lớn, tôi vừa đi, vừa chạy ngược về phía Bắc. Đến sông Hiền Lương, tôi bơi qua sông và đón xe đi nhờ về Vinh. Mỗi chặng đường, hễ đói quá thì tạt vào nhà dân xin cơm ăn và đêm thì chui vào đồng rơm để ngủ. Rạng sáng 5-4-1972, đến một khúc sông gần Vinh, ô tô dừng lại nối đuôi nhau hàng loạt vì chỉ có một chiếc phà nhỏ. Tôi lại nhảy xuống, chạy lên chiếc xe đầu tiên xin đi nhờ. Vượt qua bến sông là

gần 6 giờ sáng. Từ Vinh, tôi bắt chuyến xe duy nhất về Hà Nội lúc 3 giờ chiều.

Hôm sau (ngày 6-4-1972), trên trang nhất Báo Quân đội nhân dân (số 3915) đã đăng chùm ảnh của tôi về trận đánh thắng hai căn cứ ấy...

(Theo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược của dân tộc ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975. Để đi đến thắng lợi cuối cùng, dân tộc ta đã phải trải qua biết bao khó khăn, gian khổ, mất mát và hy sinh, đồng thời cũng đã lập nên biết bao chiến công hiển hách. "Điện Biên Phủ trên không" là một trong những chiến công như thế.

Vào tháng 10 năm 1972 lẽ ra giữa ta và Mỹ đã đi tới một hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam như đã thỏa thuận, nhưng phía Mỹ đã bội ước, đưa máy bay chiến lược B52 đến ném bom Hà Nội, Hải Phòng.

Mưu đồ của Tổng thống Richard Nixon và tập đoàn hiếu chiến Mỹ là dùng sức mạnh của B52, con chủ bài cuối cùng, để ép ta trên bàn đàm phán, hòng buộc ta phải chấp nhận những điều kiện áp đặt của họ.

Nhưng, cuộc tập kích chiến lược ô ạt và tàn bạo bằng B52 của Mỹ đã thất bại nhục nhã. 81 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó có 34 chiếc là B52, cùng nhiều phi công Mỹ bị bắt. Bị tổn thất quá nhiều về máy bay chiến lược, không ép được ta bằng thế mạnh, lại bị nhân dân trong nước Mỹ và trên thế giới phản đối kịch liệt, Nixon đã phải ra lệnh chấm dứt không điều kiện cuộc tập kích, phải chịu thua trên bầu trời Hà Nội, để rồi sau đó buộc phải chấp nhận thêm cuộc thua trên bàn đàm phán ở Pari. Hiệp định Pari đã được ký vào ngày 27 tháng 1 năm 1973, Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cam kết sẽ không dính líu về quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, cam kết rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ về nước...

"Mỹ cút" tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào". Miền Nam nước ta được hoàn toàn giải phóng, đất nước ta hoàn toàn độc lập, thống nhất, kết thúc trọn vẹn sự nghiệp giải

phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Diễn biến Điện Biên Phủ trên không 1972

- Những ngày giữa tháng chạp năm 1972, tình hình diễn biến rất khẩn trương, sôi động. Ngày 13 tháng 12, do thái độ ngoan cố, lật lọng của chính quyền Mỹ Kissinger, cố vấn đặc biệt của tổng thống Mỹ tuyên bố đình chỉ vô thời hạn Hội nghị Pari về Việt Nam.

- Ngày 17 - 12, Nixon chính thức ra lệnh mở cuộc tiến công bằng không quân vào Hà Nội và Hải Phòng. Chiến dịch mang tên Linebacker II. Về phía ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Bộ Tổng Tham mưu ra lệnh cho Quân chủng Phòng không - Không quân chuyển vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất, đề phòng B52 đánh từ vĩ tuyến 20 trở ra.

- 10g 30 phút, Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân trực tiếp chỉ thị cho các đơn vị toàn quân chủng, đặc biệt là hai khu vực Hà Nội - Hải Phòng: "Tình hình rất khẩn trương, các đơn vị cần thực sự chuẩn bị cho bộ đội sẵn sàng chiến đấu, có kế hoạch tiếp tế đạn cho tên lửa, bảo đảm vũ khí trang bị sẵn sàng chiến đấu với hệ số kỹ thuật cao nhất; thông tin liên lạc phải thường xuyên thông suốt; tổ chức báo động kiểm tra các đơn vị".

- Toàn Quân chủng Phòng không - Không quân cũng quân và dân miền Bắc đã làm tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng chiến đấu, quyết đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược bằng B52 của Mỹ nếu chúng liều lĩnh leo thang ra đánh phá Hà Nội, Hải Phòng.

Ngày 18 - 12 - 1972

- Sáng 18 - 12, Bộ Tổng Tham mưu điện cho các đơn vị: cần đề phòng địch dùng B52 đánh phá các mục tiêu trọng điểm. Các binh chủng pháo cao xạ, tên lửa, radda, không quân, pháo binh sẵn sàng chiến đấu kịp thời đánh trả máy bay, tàu chiến địch. Tổ chức quan sát, báo động, có kế hoạch sơ tán đảo hầm hào, phối hợp với công an và nhân dân làm tốt công tác bảo vệ an ninh, bảo vệ tài sản...

- Phủ Thủ tướng cũng điện cho các Bộ và cơ quan: Địch có thể ném bom Hà Nội - Hải Phòng cần thực hiện tốt kế hoạch sơ tán của thành phố.

- 10 giờ 15 phút, một chiếc máy bay trinh sát không người lái của địch bay từ hướng Tây Bắc vào trinh sát Hà Nội. Các đơn vị ra đa phát hiện báo cáo về Tổng trạm rada và sở chỉ huy Quân chủng Phòng không.

- 16 giờ 30 phút Bộ Tổng Tham mưu thông báo cho Quân chủng Phòng không - Không quân và Bộ Tư lệnh Thủ đô: Sẽ có đợt hoạt động lớn của máy bay chiến lược B52 ra miền Bắc.

- 19 giờ 10 phút, các đài ra đa cảnh giới của của binh chủng rada báo cáo về sở chỉ huy trung tâm: "B52 đang bay vào hướng Hà Nội".

- 19 giờ 25 phút, không quân ta được lệnh cất cánh đón đánh các tốp máy bay chiến thuật Mỹ (F4, F8, F111, A6, A7...). Cùng lúc ở Tam Đảo, Việt Trì, các đài quan sát dồn dập báo về Sở chỉ huy trung tâm: Máy bay F111 ném bom sân bay Nội Bài, Kép... Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Thủ đô ra lệnh báo động toàn thành phố. Lập tức, còi báo động từ Nhà hát Lớn, Quảng trường Ba Đình, ga Hàng Cỏ và nhiều nơi nội và ngoại thành nổi lên khẩn cấp.

- Từ - 19 giờ 20 phút đến 20 giờ 18 phút, máy bay địch đang đánh phá Hòa Lạc, nhiều tốp máy bay B52 (mỗi tốp 3 chiếc) liên tiếp dội bom xuống khu vực sân bay Nội Bài, Đông Anh, Yên Viên, Gia Lâm... Cuộc chiến đấu ác liệt của lực lượng phòng không ba thứ quân bảo vệ Hà Nội bắt đầu, mở đầu chiến dịch 12 ngày đêm "*Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không*".

- 20 giờ 18 phút, tiểu đoàn 59 trung đoàn tên lửa phòng không 261 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thăng chỉ huy phóng 2 quả đạn từ cự ly thích hợp hạ ngay 1 máy bay B52 (máy bay rơi xuống cánh đồng thuộc Phủ Lỗ và Đông Xuân, giữa tỉnh Vĩnh Phú và Hà Nội, cách trận địa gần 10 km). Đây là chiếc máy bay B52 - G đầu tiên bị bắn rơi tại chỗ trên bầu trời Hà Nội.

- 20 giờ 16 phút, tiểu đoàn tên lửa 52, trung đoàn 267, sư đoàn phòng không 365 từ một trận địa ở Nghệ An bắn bị thương nặng 1 máy bay B52 khi chúng vừa gây tội ác ở Hà Nội về, buộc phải hạ cánh bất buộc xuống sân bay Đà Nẵng.

- Đêm 18 - 12, Mỹ huy động 90 lần chiếc B52 ném 3 đợt bom xuống Thủ đô Hà Nội. Xen kẽ các đợt đánh phá của B52 có 8 lần chiếc F111 và 127 lần chiếc máy bay cường kích, bắn phá các khu vực nội, ngoại thành.

Trong đêm đầu tiên Mỹ đã ném khoảng 6.600 quả bom xuống 135 địa điểm thuộc Thủ đô Hà Nội. 85 khu vực dân cư bị trúng bom làm chết 300 người.

Ngày và đêm 19 - 12 - 1972:

Sau cuộc chiến đấu ngày 18 - 12 các lực lượng chiến đấu đã kịp thời rút kinh nghiệm và hạ quyết tâm đánh mạnh hơn nữa lập thành tích chào mừng ngày toàn quốc kháng chiến 19 - 12.

- 4 giờ 30 phút rạng sáng ngày 19 - 12, địch ném bom đợt thứ 3 vào các khu vực Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam (Mễ Trì), xã Nhân Chính, nhà máy Cao su Sao Vàng... Các trận địa tên lửa, pháo phòng không với các đơn vị dân quân tự vệ Thủ đô bắn hàng ngàn viên đạn các loại tiêu diệt một máy bay F4.

- Cùng thời gian này, Tiểu đoàn 77 Trung đoàn Tên lửa 257 đánh một trận thật xuất sắc, bắn rơi tại chỗ một máy bay B52 thứ 2 trên cánh đồng xã Tân hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

- Sáng 19 - 12, Bộ Chính trị họp biểu dương các lực lượng phòng không đã chiến đấu dũng cảm, đồng thời chỉ thị các đơn vị cần nâng cao tinh thần cảnh giác, tránh chủ quan thỏa mãn, chuẩn bị đầy đủ hơn nữa để chiến đấu liên tục, bắn rơi nhiều máy bay B52. Buổi chiều cùng ngày tại Câu lạc bộ Quốc tế ở Hà Nội, trước đông đảo báo chí trong và ngoài nước người phát ngôn Bộ Quốc phòng của ta thông báo những tội ác của địch diễn ra trong đêm 18 và thông báo kết quả tiêu diệt B52 của quân và dân Hà Nội, 6 tù binh phi công của địch vừa bị bắt cúi đầu thú tội nổi kinh hoàng của chúng trước lưới lửa dày đặc và nhiều tầng dày đặc của lực lượng phòng không Hà Nội.

- Tổng tham mưu trưởng chỉ thị: Bộ đội tên lửa đêm chiến đấu, ngày nguy trang sơ tán. Bộ đội radar phải thường xuyên theo dõi địch, quản lý vững chắc vùng trời cả ngày và đêm. Bộ đội pháo phòng không thường xuyên sẵn sàng chiến đấu cao và đánh thắng địch.

- Đêm 18 rạng ngày 19 - 12, đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã đến ngay một số đơn vị phòng không - không quân và khu vực Đông Anh, Yên Viên nơi vừa bị B52 của giặc Mỹ ném bom, động viên thăm hỏi bộ đội và nhân dân Thủ đô.

- Nhiều nước trên thế giới ra tuyên bố hoặc điện tới Tổng thống Mỹ yêu cầu chấm dứt hành động dùng máy bay B- 52 ném bom tàn phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng và miền Bắc Việt Nam.

- 19 giờ 45 phút ngày 19 đến 5 giờ 20 phút ngày 20 - 12, máy bay B52 tiếp tục ném bom Hà Nội, Hải Phòng. Riêng ở Hà Nội 87 lần chiếc B52 và hơn 200 lần chiếc máy bay cường kích ném 3 đợt bom xuống 68 điểm thuộc nội ngoại thành.

- Sau 2 đêm đầu chiến đấu tuy quân dân ta giành thắng lợi, nhưng lực lượng phòng không bảo vệ thủ đô cũng gặp khó khăn. Nhiều trận địa bị trúng bom. Cơ số đạn tiêu thụ quá mức. Trận địa pháo 10mm của tự vệ Đống Đa bắn hết đạn, nhiều tiểu đoàn tên lửa đạn dự trữ còn ít.

Ngày 20 - 12 - 1972

- 11 giờ 45 phút, Bộ Tổng tư lệnh điện cho các đơn vị: "*Chiều và đêm nay địch sẽ đánh lớn bằng máy bay B52 và máy bay cường kích vào thủ đô Hà Nội*".

- 19 giờ ngày 20 đến sáng 21 - 12, địch huy động 78 lần chiếc B52 ném bom Hà Nội và hơn 100 lần chiếc máy bay cường kích các loại vào đánh phá nội, ngoại thành Hà Nội. Bộ đội rada phát hiện nhanh, xã, đúng, đủ, kịp thời, mắc cho các loại máy bay địch phát nhiều dày đặc.

- Khi B52 địch cách Hà Nội 80 km, trực ban trưởng Sở chỉ huy phòng không đóng cầu dao, nổi còi báo động toàn thành phố sẵn sàng chiến đấu.

- 20 giờ 05 phút đến 20 giờ 7 phút, trận đánh xuất sắc trong 2 phút từ cự ly 22 km với 2 quả đạn, tiểu đoàn 93, trung đoàn tên lửa 261 bắn cháy 1 máy bay B52 rơi tại chỗ ở khu vực ga Yên Viên, cách Hà Nội hơn 10 km.

- 20 giờ 34 phút, bằng cách đánh "mới", tiểu đoàn 77, trung đoàn tên lửa 257 bắn rơi chiếc B52 thứ 2 ở ngoại thành.

- 20 giờ 29 phút đến 20 giờ 38 phút, 3 tiểu đoàn tên lửa (78, 79, 94) tập trung hỏa lực bắn rơi tại chỗ chiếc B52 thứ 3.

- Trong đợt chiến đấu này, các đại đội pháo 100ly của dân quân tự vệ thủ đô đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ đội tên lửa cao xạ 57 mm, 14,5 mm, 12, 7 mm bằng nhiều phương pháp bắn cản (bắn đón), bắn the tiếng động... bảo vệ vững chắc cho các trận địa tên lửa và các mục tiêu quan trọng khu vực nội, ngoại thành Hà Nội.

- Đêm 20 rạng ngày 21 - 12 bộ đội tên lửa phòng không bảo vệ Hà Nội đã thực hiện trận đánh xuất sắc, chỉ 35 quả đạn bắn rơi 7 chiếc B52, có 5 chiếc rơi tại chỗ. Tiêu biểu là trận đánh lúc 5 giờ 2 phút đến 5 giờ 11 phút các tiểu đoàn (57, 77, 79) chỉ trong 9 phút với 6 quả đạn đã bắn rơi 4 chiếc B52 (3 chiếc rơi tại chỗ). Riêng tiểu đoàn 57 với 2 quả đạn cuối cùng trong 2 phút (từ 5 giờ 9 phút đến 5 giờ 11 phút) bắn rơi 2 máy bay B52 (1 chiếc rơi tại chỗ).

- Cùng ngày, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp gọi điện thoại xuống các sư đoàn biểu dương bộ đội Phòng không Hà Nội vừa qua đánh tốt, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của nhân dân. Cuối cùng, Đại tướng nói: *"Cả nước đang hướng về. Toàn thế giới đang hướng về Hà Nội. Từng giờ, từng phút, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương theo dõi chặt chẽ cuộc chiến đấu của Hà Nội. Vận mệnh của Tổ quốc đang nằm trong tay các chiến sĩ phòng không bảo vệ Hà Nội"*.

Ngày 21 - 12 - 1972

Tại Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng chiến sự vẫn diễn ra ác liệt.

- Ban ngày, 180 lần chiếc máy bay chiến thuật của không quân và hải quân Mỹ đánh phá các mục tiêu trọng yếu: Ga Hàng Cỏ và Sở công an (Hà Nội), nhà máy điện Yên Phụ, Bộ Giao thông, cầu Phủ Lý và 6 đợt đánh vào khu vực thị xã Thanh Hóa.

- Từ 11 giờ 15 phút đến 12 giờ 24 phút, địch cho 2 lần chiếc máy bay trinh sát Hà Nội và đường số 1 Bắc, nhằm thăm dò lực lượng của ta và chuẩn bị cho đợt tập kích tiếp theo.

- 21 giờ 37 phút đêm, rạng sáng 22, địch huy động 24 lần chiếc máy bay B52 và 36 lần chiếc máy bay chiến thuật hộ tống vào đánh sân bay và bệnh viện Bạch Mai, Giáp Bát, Văn Điển... Ngoài ra, 30 lần chiếc F4, F105 vào đánh phá các khu vực Bắc Giang, ga Kép, sân bay Yên Bái, cảng Hải Phòng, Cát Bi và An Lão (Kiến An).

Phát huy khí thế chiến thắng của 3 ngày đêm trước quân và dân ta đã bắn rơi 11 máy bay, trong đó bắn rơi tại chỗ 3 B52, 2 F4, 2 A7, 1 F111, 1 A6, 1 RA50, 1 F105...

Ngày 22 - 12 - 1972

- 2 giờ 38 phút sáng 22 - 12, bộ đội radar đã phát hiện chính xác các tốp B52 và máy bay chiến thuật Mỹ ở hướng Tây Nam. Lần này địch sử dụng 24 chiếc B52 và 36 máy bay chiến thuật vào đánh phá sân bay, bệnh viện Bạch Mai, ga Giáp Bát, Gia Lâm, Văn Điển... và các trận địa tên lửa, 18 lần chiếc F111 hoạt động xen kẽ ở độ cao thấp nhằm bất ngờ đánh phá vào các mục tiêu đã trình sát.

- 3 giờ 42 phút, các kíp chiến đấu của tiểu đoàn 57 bộ đội phòng không Hà Nội đã bình tĩnh, dũng cảm vận dụng kinh nghiệm chiến đấu của các đêm trước, đồng loạt nổ súng bắn rơi tại chỗ 1 máy bay B52 ở chợ Bến, Mỹ Đức, Hà Tây. Cùng thời điểm này, tiểu đoàn 71 bắn rơi tại chỗ 1 máy bay B52 ở Thanh Miện- Hải Hưng.

- 3 giờ 46 phút, tiểu đoàn tên lửa 93 lại bắn rơi 1 chiếc B52 ở khu vực Quỳnh Côi, Thái Bình.

- Ban ngày, 56 lần chiếc máy bay chiến thuật của không quân Mỹ đánh phá các mục tiêu: Ga Kép, thị xã Bắc Giang, thành phố Việt Trì, thị trấn Vĩnh Yên. Ban đêm, 24 lần chiếc B52 có 30 chiếc máy bay chiến thuật hộ tống, 9 F111 tập trung đánh khu vực Hải Phòng gồm Sở Dầu, nhà máy xi măng, khu An Dương, Đông Anh (Hà Nội), Hoà Lạc, Đáp Cầu... Quân và dân ta bắn rơi 5 máy bay, trong đó bắn rơi tại chỗ 3 B52, 1 F4. 21, 22 - 12, tại trận địa Vân Đồn (Hà Nội), các chiến sĩ tự vệ nhà máy Liên Cơ Hà Nội bằng 19 viên đạn 14,5 ly ngay loạt đạn đầu đã bắn rơi 1 máy bay F111 "cánh cụp cánh xòe" của Mỹ.

- Nhân kỷ niệm ngày thành lập quân đội, 22 - 12, Bộ Tổng Tư lệnh gửi thư khen bộ đội tên lửa, cao xạ, không quân, radar, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, đồng bào và cán bộ Thủ đô đã chiến đấu giỏi, đánh những trận xuất sắc tiêu diệt nhiều máy bay Mỹ.

Ngày 23 - 12 - 1972

- Ban ngày, 54 lần chiếc máy bay chiến thuật của không quân Mỹ đánh phá các khu vực ngoại thành Hà Nội. Mai Dịch, Trạm Trôi, Hoài Đức (Hà Tây). Ban đêm 33 chiếc B52 đánh Đồng Mỏ (Lạng Sơn) và khu vực Bắc Giang; 30 chiếc máy bay F4 và F105, 11 máy bay F111 đánh vào Yên Viên, Giáp Bát, Đa Phúc và các sân bay Nội Bài, Yên Bái. Hướng biển, có 7 máy bay chiến thuật của Hải quân Mỹ vào đánh Uông Bí, Phả Lại, Sở Dầu và sân bay Kiến An (Hải Phòng).

Ta bắn 4 máy bay trong đó có 2 B52, 1 F4, 1 A7.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên dương công trạng quân dân miền Bắc và cán bộ, chiến sĩ thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đặc biệt tuyên dương công trạng của quân và dân Hà Nội chiến đấu oanh liệt, giành thắng lợi to lớn, bắn rơi tại chỗ chiếc B52.

Ngày 24 - 12 - 1972

- Ban ngày, địch huy động 44 lần chiếc máy bay chiến thuật đánh phá khu vực Thái Nguyên (Cao Ngạn và dọc đường số 1), Sơn Hồ, Việt Yên (Hà Bắc).

- Ban đêm, từ 19 giờ 50 phút, địch dùng 33 lần chiếc B52 đánh phá ác liệt ga Kép, Bắc Giang, phối hợp với 39 lần chiếc máy bay chiến thuật yểm hộ đánh phá các sân bay Yên Bái, ga Kép và khu vực Vĩnh Tuy (Hà Nội).

Quân và dân miền Bắc chiến đấu giết đã bắn rơi 5 chiếc máy bay - trong đó có 1 B52, 2 F4, 2 A7.

- Do bị thất bại nặng nề và lấy cơ nghỉ lễ Noen, 24 giờ ngày 24 - 12, địch tạm ngừng cuộc tập kích để củng cố lực lượng, ổn định tinh thần bọn giặc lái, rút kinh nghiệm tìm thủ đoạn và cách đánh mới.

Ngày 25 - 12 - 1972

- Từ 0 giờ ngày 25 - 12 - 1972, không quân địch ngừng ném bom miền Bắc nhân dịp lễ Noen.

- Sáng 25, Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân triệu tập Hội nghị quân chính tổ chức rút kinh nghiệm chiến đấu giai đoạn 1 và phổ biến tình hình nhiệm vụ giai đoạn tới.

- Qua 7 ngày chiến đấu ngoan cường dũng cảm, bộ đội tên lửa, pháo phòng không hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ cùng bộ đội rada, không quân và các lực lượng phòng không ba thứ quân đã bắn rơi 53 máy bay địch, có 18 B52, 5 F111. Trong đó Quân chủng Phòng không - Không quân bắn rơi 31 chiếc (tên lửa bắn rơi 23 chiếc có 17 chiếc B52, không quân bắn rơi 1 chiếc F4, Pháo phòng không bắn rơi 7 chiếc). Lực lượng phòng không đại phương, dân quân tự vệ bắn rơi 22 chiếc, trong đó có 4 chiếc F111 và pháo 100 ly được công nhận bắn rơi 1 chiếc B52.

- Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương nhận định: Địch sẽ đánh phá trở lại Hà Nội ác liệt hơn, quân và dân Thủ đô Hà Nội cần gấp rút chuẩn bị tốt lực lượng đánh địch trong những ngày tới.

- 15 giờ 25 phút ngày 25 - 12, Bộ Tổng Tham mưu lệnh cho Quân chủng Phòng không - Không quân từ 19 giờ ngày 25 - 12 - 1972, tất cả bộ đội, vũ khí, khí tài tên lửa phải sẵn sàng chiến đấu 100%.

Bộ đội, radar phải phân biệt chính xác mục tiêu thật, giả và thông báo kịp thời B52 địch, chú ý máy bay bay thấp.

Các loại pháo, súng máy phòng không tổ chức bố trí đón lõng tập trung đánh tiêu diệt F111 và bảo vệ tên lửa; pháo 100 milimet tham gia đánh B52.

Ngày 26 - 12 - 1972

- 13 giờ ngày 26, địch sử dụng 56 lần chiếc máy bay cường kích các loại vào ném bom dữ dội các khu vực trận địa tên lửa và trạm biến thế Đông Anh. Tiểu đoàn tên lửa 72, trung đoàn 285 đã bắn rơi 1 máy bay F4.

- Từ 22 giờ 05 phút ngày 26 - 12, địch sử dụng 105 lần chiếc B52 và 110 lần chiếc máy bay chiến thuật hộ tống đánh ô ạt, liên tục vào nhiều mục tiêu trên cả 3 khu vực Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên (Mỹ tập trung 66 lần chiếc B52 vào đánh phá Hà Nội, 21 lần chiếc B52 đánh Thái Nguyên và 18 lần chiếc B52 đánh Hải Phòng).

- 22 giờ 40 phút, B52 ném bom rải thảm xuống dọc phố Khâm Thiên, nơi có mật độ dân số đông nhất thủ đô, gây tổn thất lớn về người và của. Cùng với Khâm Thiên, máy bay B52 ô ạt rải bom xuống hơn 100 điểm dân cư trong thành phố, hơn 1.000 người bị thương vong. Khu phố Khâm Thiên và Khu Hai Bà Trưng bị tàn phá nặng nề gây khó khăn nhiều nhất cho nhân dân ta. 22h30 tiểu đoàn 76 thuộc trung đoàn tên lửa anh hùng bằng 13 quả đạn pháo phối hợp cùng với trận địa phòng không bắn 2 chiếc máy bay B52 thành 2 khối khổng lồ sáng rực cả một góc trời Nam Hà Nội.

- Từ các trận địa ở khu vực ngoại thành, ba tiểu đoàn tên lửa (57, 76, 88) đã tập trung bắn rơi 1 máy bay B52. Sau ít phút các tiểu đoàn (57, 58, 79, 85, 87, 94) lập tức bắn rơi tại chỗ 2 máy bay B- 52, một chiếc rơi xuống xã Định Công (Thanh Trì).

- Với kinh nghiệm dày dặn, các tiểu đoàn tên lửa Phòng không (59, 93, 78, 79) đã phân tích chính xác, mục tiêu B52 trong dải nhiễu, bắn rơi thêm 2 chiếc B52.

- Cùng thời gian này tại Hải Phòng, tiểu đoàn tên lửa 81 đã vận dụng tốt phương pháp điều khiển và bám sát mục tiêu trong dải nhiễu, bắn rơi 1 máy bay B52 ngay trên đất cảng. Đại đội 74 pháo 100 milimét, trung đoàn 252 cũng bắn rơi 1 B52.

- Trận chiến đấu đêm 26 - 12 diễn ra hơn một giờ, lực lượng phòng không 3 thứ quân của Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên đã đánh một trận tiêu diệt lớn, bắn rơi 8 máy bay B52, riêng Hà Nội bắn rơi 5 chiếc, có 4 chiếc rơi tại chỗ và 10 máy bay chiến thuật khác. Đây là trận đánh then chốt quyết định bắn rơi nhiều máy bay chiến lược B52 nhất trong 9 ngày qua.

Trận đánh làm suy sụp tinh thần và ý chí của Nhà Trắng. Lầu Năm Góc và bọn giặc lái Mỹ.

Ngày 27 - 12 - 1972

- Sáng ngày 27 - 12, địch điên cuồng cho 100 lần chiếc máy bay chiến thuật chia làm 3 đợt đánh phá dữ dội vào các khu vực nội, ngoại thành Hà Nội như nhà máy dệt 8 - 3, ga và kho Văn Điển, cầu Đuống, Gia Lâm, đài phát thanh Mễ Trì, các trận địa tên lửa, rada... Pháo phòng không các loại của quân dân Thủ đô đã phát huy hỏa lực, đánh trả mãnh liệt trên tất cả các hướng. Đại đội 61 tiểu đoàn 20 bắn rơi 1 máy bay F4. Cùng ngày 27, không quân ta cất cánh hai lần bắn rơi 2 chiếc máy bay F4 của Mỹ.

- Từ 19 giờ đến 22 giờ ngày 27 - 12, địch tăng cường huy động 36 lần chiếc máy bay B52, có 66 lần chiếc máy bay chiến thuật yểm hộ, tập trung đánh phá các khu vực: Đông Anh, Yên Viên, Bạch Mai, Khuyến Lương, Đa Phúc, Dục Nội, Cổ Loa; Xen kẽ giữa các đợt hoạt động của B52 địch dùng 17 lần chiếc F111 tiếp tục thay nhau đánh phá, gây nhiều tội ác đối với nhân dân ta.

- 22 giờ 20 phút ngày 27 - 12, Bộ Tư lệnh Không quân cho đồng chí Phạm Tuấn lái máy bay MIG-21 cất cánh bất ngờ từ sân bay Yên Bái được Sở chỉ huy và rada dẫn đường trực tiếp bảo đảm, vượt qua hàng rào bảo vệ của máy bay F4 tiến về hướng đội hình B52. Đến bầu trời khu vực Mộc Châu- Sơn La anh tiếp cận được mục tiêu, công kích bằng 2 quả tên lửa. Một chùm lửa bốc cháy trùm lên chiếc B52 thứ 2. đây là chiếc B52 đầu

tiên bị bộ đội không quân ta bắn rơi trong chiến dịch 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không".

- Ngay trong đêm 27 - 12, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điện khen bộ đội không quân đã lập công xuất sắc, bắn rơi máy bay chiến lược B52 của Mỹ.

- 23 giờ ngày 27 - 12, bộ đội tên lửa bảo vệ Hà Nội đánh trả quyết liệt tốp B52. Bằng 32 quả đạn, các đơn vị tên lửa phòng không của ta đã bắn tan xác 4 máy bay B52 trong đó có 2 chiếc máy bay rơi tại chỗ.

- 23 giờ 02 phút ngày 27 - 12, hai tiểu đoàn tên lửa (71, 72) bắn tiêu diệt tốp máy bay B52 từ hướng Tây lao vào đánh phá Hà Nội. Bằng 2 quả đạn theo phương pháp bám chính xác vào giữa nền dải nhiễu đậm, chiếc B52 chưa kịp cất bom đã bị trúng đạn bốc cháy rơi xuống làng Ngọc Hà, đường Hoàng Hoa Thám (Hà Nội). Đây là chiếc B52 duy nhất chưa kịp cất bom đã bị bắn rơi. Trong đó tiểu đoàn 59 và tiểu đoàn 77 cũng bắn rơi 2 chiếc máy bay B52 lúc 23 giờ 04 phút và 24 giờ 06 phút ngày 27 - 12.

Trong ngày và đêm quân dân miền Bắc đã bắn rơi 14 máy bay trong đó có 5 B52 (2 B52 rơi tại chỗ), 5 F4, 2 A7, 1 A6, 1 máy bay lên thẳng HH53 đến cứu giặc lái.

Ngày 28 - 12 - 1972

- Từ 10 giờ đến 17 giờ ngày 28 tháng 12, địch huy động 131 lần chiếc máy bay chiến thuật các loại đánh vào trận địa của bộ đội Phòng không - Không quân ở khu vực nội, ngoại thành. Quân và dân Thủ đô đánh trả quyết liệt. Không quân ta cất cánh đánh một trận xuất sắc bắn rơi 1 máy bay RA- 5C.

- Cùng ngày Bộ Tổng Tham mưu thông báo: Tổng thống Mỹ Níchxơn đã phải chấp thuận nối lại các phiên họp Hội nghị Pari. Chính phủ ta chấp nhận.

- Tối 28 - 12, Trung đoàn 274 được lệnh cơ động tăng cường ra Thủ đô Hà Nội. Những quả đạn tên lửa từ Quân khu 4 được chuyển ra chi viện nhanh chóng cho mặt trận Hà Nội.

- Từ 20 giờ đến 22 giờ, địch sử dụng khoảng 60 lần chiếc máy bay chiến lược B52 đánh phá khu vực Đông Anh, Đa Phúc, Cầu Đuống, Yên Viên, Gia Lâm.

- 21 giờ 41 phút, phi công Vũ Xuân Thiều được lệnh của Sở chỉ huy Không quân, lái chiếc máy bay MIG21 cất cánh từ sân bay Cẩm Thủy, do Sở chỉ huy sân bay Thọ Xuân và radar dẫn đường vòng ra phía sau đội hình B52 đuổi địch đến vùng trời Sơn La. Phát hiện được B52 bám sát ở cự ly gần, Vũ Xuân Thiều xin công kích, quyết tiêu diệt địch. Sau khi bắn cháy máy bay địch, Vũ Xuân Thiều cũng anh dũng hy sinh.

- Trận đánh ngày và đêm 28 - 12, quân và dân ta bắn rơi 3 máy bay Mỹ. Trong đó có 2 B52, 1 RA-5C.

Ngày 29 - 12 - 1972

- Ban ngày, địch sử dụng 36 chiếc máy bay của không quân chiến thuật Mỹ đánh phá nhà máy điện Cao Ngạn, Đồng Hỷ và khu vực cây số 4 Bắc Thái Nguyên.

- 23 giờ 16 phút, địch huy động 60 lần chiếc B52 đánh vào 3 khu vực: 30 B- 52 đánh khu gang thép Thái Nguyên và khu Trại Cau, 18 B- 52 đánh khu vực Đồng Mỏ (Lạng Sơn), 12 B52 đánh Kim Anh (Vĩnh Phú). Ngoài ra 70 lần chiếc máy bay chiến thuật của không quân và hải quân Mỹ đánh xen kẽ các sân bay Thọ Xuân, Yên Bái, Hoà Lạc, Kép và khu vực Kim Anh (Vĩnh Phú), Đông Anh (Hà Nội), ngoại vi Thành phố Hải Phòng và Quảng Ninh.

Ta bắn rơi 2 máy bay, trong đó Tiểu đoàn tên lửa 79 bảo vệ Hà Nội chiến đấu anh dũng bắn rơi 1 máy bay B52, 1 máy bay F4. Đây là trận đánh kết thúc chiến dịch 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không" bảo vệ Thủ đô Hà Nội cuối tháng chạp năm 1972.

- 7 giờ sáng ngày 30 - 12, Níchxơn buộc phải ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra và họp lại Hội nghị Pari về Việt Nam. Cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng máy bay B- 52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng kéo dài 12 ngày, đêm đã bị thất bại hoàn toàn.

12 NGÀY ĐÊM ĐÁNH B52 - CON SỐ VÀ DỮ LIỆU

Cuộc tập kích bằng máy bay B52 và Hà Nội Hải Phòng tháng 12 năm 1972 là một cuộc ném bom hủy diệt. Trong 12 ngày đêm Mỹ đã sử dụng 663 lần chiếc B52 và 3.920 lần chiếc máy bay chiến thuật dội xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số địa điểm của miền Bắc nước ta hơn 100 ngàn tấn bom. Riêng Hà Nội, với 444 lần chiếc B52 cùng nhiều máy bay chiến thuật, bằng 10 ngàn tấn bom (bằng quả bom nguyên tử mà Mỹ đã

rải xuống Hiroshima) Cuộc không kích đã hủy diệt nhiều khu phố làng mạc, phá sập 5.480 ngôi nhà trong đó có gần 100 nhà máy, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, nhà ga giết chết 2.368 dân thường và làm bị thương 1.355 người khác.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam không quân Mỹ chưa bao giờ phải chịu sự tổn thất nặng nề như trong 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không" quân và dân ta đã bắn rơi 81 máy bay các loại, trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111 và 42 máy bay chiến thuật khác.

Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch "Điện Biên Phủ trên không", đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về mọi mặt trong suốt 8 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đây là cuộc đọ sức quyết liệt nhất từ trước tới nay. Nghệ thuật tác chiến phòng không hiệp đồng chiến đấu, quân binh chủng của bộ đội ta đã chứng tỏ sức mạnh tổng hợp của lực lượng phòng không ba thứ quân mà nòng cốt là bộ đội Phòng không - Không quân. Hơn 35 năm đã trôi qua nhưng ký ức người Hà Nội và người dân cả nước vẫn không quên những sự kiện đã xảy ra trong những ngày cuối năm 1972 ấy. B52 rải thảm Hà Nội, máu rơi, nhà đổ... nhưng lòng người thì vẫn đứng vững.

Điện Biên Phủ trên không: Một dự báo tài tình của Bác

Một trong những lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo ta lúc đó là theo đuổi chiến lược "vừa đánh, vừa đàm".

Trước khi Mỹ mở chiến dịch Linebacker II tấn công ra miền Bắc năm 1972, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo ta lúc đó đã sớm dự đoán được âm mưu này của địch nên đã chuẩn bị kỹ lưỡng các giải pháp cả trên chiến trường và "mặt trận" ngoại giao đang diễn ra ở Paris.

Một trong những lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo ta lúc đó là theo đuổi chiến lược "vừa đánh, vừa đàm", lấy thắng lợi trên chiến trường để chiếm ưu thế trên bàn đàm phán ở Paris.

"Lời tiên đoán" kẻ địch sẽ thua

Vào buổi chiều 18/12 cách đây 40 năm, khi máy bay chở đoàn đồng chí Lê Đức Thọ từ Paris qua Moscow và Bắc Kinh về gần tới không phận Việt Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã bước tới buồng lái, thoáng lạng nhìn rồi thân mật hỏi chúng tôi: "Gia đình các cháu sơ tán ở đâu? Nếu sơ tán thì sơ tán càng xa càng tốt. Chưa yên đâu, còn căng thẳng đấy các cháu ạ".

Khi về tới nhà số 6 Nguyễn Cảnh Chân, chúng tôi đang chuyển hồ sơ, tài liệu vào tủ bảo mật và chuẩn bị về thăm gia đình như mọi khi, thì đồng chí Lê Đức Thọ tới dặn chúng tôi: “Tình hình như các cậu đã biết, nên bây giờ phải ở lại đây đã”. Khoảng 2 tiếng sau, B52 Mỹ đã rải bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác.

Lưới lửa phòng không của chiến tranh nhân dân đã giăng kín trời Hà Nội và các nơi khác. Quân và dân ta đã sẵn sàng đối mặt với B52 Mỹ. Một kế hoạch khả thi với những phương án độc đáo và sáng tạo đánh trả máy bay B52 ném bom Hà Nội đã được Đảng và Bác Hồ chỉ đạo chuẩn bị chu đáo từ trước.

Năm 1947, trong lời giới thiệu 13 chương Binh pháp Tôn Tử, Bác Hồ nhấn mạnh: “Muốn thành công thì phải biết trước mọi việc”. Cuối năm 1967, Bác Hồ đã nói với tướng Phùng Thế Tài, lúc này là Phó Tổng tham mưu trưởng, lời dự báo: “Sớm muộn đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra ném bom Hà Nội rồi có thua mới chịu thua. Chú nên nhớ trước khi đến Bàn Môn Điểm ký hiệp định đình chiến ở Triều Tiên, Mỹ đã cho không quân hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ nhất định thua, nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”.

Chớp thời cơ có một không hai

Chủ trương kết hợp đánh với đàm trong kháng chiến chống Mỹ đã được Bác Hồ và Đảng tính tới từ cuối năm 1965. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 của BCH TW khóa III, tháng 1/1967 khẳng định: “Chúng ta tiến công địch về ngoại giao bây giờ là đúng lúc vì ta đã và đang thắng địch, thế của ta là thế mạnh... Trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động...”.

Ngày 28/12/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định kế hoạch Tổng tấn công mùa Xuân 1968. Lời chúc Tết của Bác đêm Giao thừa mùa Xuân 1968: “Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua/Thắng trận tin vui khắp nước nhà/Nam-Bắc thi đua đánh giặc Mỹ/Tiến lên, toàn thắng át về ta” - vừa là hiệu lệnh của cuộc Tổng tiến công này, vừa là tư tưởng chiến lược chỉ đạo kết hợp giữa đánh với đàm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1968 đã làm nhụt ý chí xâm lược của Mỹ và buộc Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố trên truyền hình ngày 31/3/1968 về việc Mỹ sẵn sàng đơn phương chấm dứt ném bom miền Bắc và chấp nhận thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 13/5/1968, Hội nghị hai bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ chính thức họp phiên đầu tiên tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Kléber ở Thủ đô Paris của Cộng hòa Pháp, mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm”.

Mục tiêu trước mắt của ta là, tập trung vào khẩu hiệu đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 13/10/1968, Đoàn ta ở Paris nhận được chỉ thị của Bộ Chính trị mà nếu thực hiện theo thì có thể bỏ lỡ thời cơ buộc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc và họp 4 bên.

Thấy tình thế rất phức tạp, có thể không kịp thời gian nếu trao đổi qua mặt điện, nên sáng hôm sau, sau khi trao đổi kỹ trong Đoàn, đồng chí Lê Đức Thọ đã quyết định về ngay Hà Nội.

Ngày 16/10/1968, đồng chí về tới Hà Nội. Bộ Chính trị đã họp liên tục trong 3 ngày từ 17 đến 19/10 để nghe báo cáo và thảo luận về tình hình đàm phán ở Paris, cuối cùng đã thống nhất với nhận định của Đoàn ta ở Paris trước đó. Kết quả là Mỹ đã chấm dứt ném bom miền Bắc không điều kiện vào ngày 31/10/1968 và sau đó tiến hành họp 4 bên. Đây là một thắng lợi bước đầu quan trọng của sự kết hợp đánh với đàm, có tác động hỗ trợ lớn cho chiến trường miền Nam.

Tấn công trên ba mặt trận

Từ tháng 3/1970, Bộ Chính trị đã quyết định đẩy mạnh tấn công trên 3 mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao theo chỉ đạo của Bác Hồ: “Thực lực là cái chiêng - ngoại giao là cái tiếng. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi”. Thất bại trong cuộc tấn công của địch sang vùng Mỏ Vẹt ở Campuchia hòng “cắt vó” Trung ương Cục miền Nam và phá hủy hậu cứ của ta (tháng 4/1970) và sự phá sản của cuộc hành quân Lam Sơn 719 sang đường 9 Nam Lào (tháng 2/1971) nhằm triệt phá đường chi viện huyết mạch của ta, đã làm tan vỡ một mảng lớn kế hoạch “Việt Nam hóa

chiến tranh” của Tổng thống Mỹ R.Ních-xơn, buộc Mỹ phải xuống thang, không đòi cả hai bên cùng rút quân nữa.

Sau chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Mỹ R.Nixon vào tháng 2/1972, ngày 22/3/1972, Mỹ tuyên bố ngừng họp Hội nghị Paris vô điều kiện. Ngày 30/3/1972, quân giải phóng miền Nam mở chiến dịch Xuân Hè tấn công địch từ Quảng Trị đến Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Ngày 6/4/1972, Tổng thống Mỹ R.Nixon ra lệnh ném bom lại miền bắc Việt Nam. Sau chuyến thăm Moscow vào tháng 5/1972 của Tổng thống Mỹ Nixon, ngày 11/6/1972, đoàn Mỹ gửi công hàm cho đoàn ta ở Paris đề nghị nối lại cuộc gặp riêng vào ngày 28/6/1972.

Ta đã giải phóng được Quảng Trị và Lộc Ninh. Trên cơ sở đánh giá tương quan lực lượng, so sánh thế và lực giữa ta với địch trên chiến trường, quan hệ Mỹ - Xô - Trung và tình hình chính trị nội bộ nước Mỹ, Bộ Chính trị quyết định đã tới lúc có thể đi vào giải pháp ở đàm phán Paris. Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ sẵn sàng gặp riêng tiến sĩ Kissinger chậm nhất là ngày 15/7/1972.

Những cuộc gặp riêng căng thẳng

Từ ngày 19/7 tới đầu tháng 10/1972, các cuộc gặp riêng đã có những tiến triển khả quan. Trong phiên họp riêng kéo dài lâu nhất trong suốt gần 5 năm đàm phán, từ 9h30' ngày 11/10/1972 tới gần 2 giờ sáng ngày hôm sau, nội dung Hiệp định về cơ bản đã được hai bên chấp nhận.

Trong thông điệp ngày 20/10/1972 gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Tổng thống Mỹ R.Nixon đã xác nhận “văn bản Hiệp định coi như đã hoàn thành” và cam kết Hiệp định sẽ được chính thức ký kết ngày 31/10/1972 tại Paris. Kissinger thông báo với báo giới: “Hòa bình trong tầm tay!”.

Tuy nhiên, đồng chí Lê Đức Thọ cũng đã dự kiến những diễn biến phức tạp do các nhân tố khách quan, trong đó có mối quan hệ Mỹ-ngụy. Đúng là phía Mỹ đã lật lọng, không thực hiện điều đã cam kết.

Ngày 22/10, Tổng thống R.Nixon lại gửi công hàm cho ta, nêu khó khăn với Nguyễn Văn Thiệu nên chưa có thể ký Hiệp định như đã thỏa thuận. Sau khi Tổng thống Nixon được tái cử ngày 7/11, trong cuộc họp ngày 23/10/1972, Kissinger đòi sửa lại 69 điều trong văn bản đã thỏa thuận.

Trong cuộc họp họp với Kissinger sáng 4/12/1972, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ nói: “Chúng tôi cũng đã dự tính là nếu không giải quyết được

thì chiến tranh sẽ rất tàn khốc, có thể là các ông sẽ đem B52 đánh bom ở đất nước chúng tôi... Chúng tôi đã chịu đựng hàng triệu tấn bom đạn của Mỹ, nhưng chúng tôi không hề khiếp sợ, chúng tôi không chịu khuất phục, không chịu làm nô lệ. Cho nên những lời đe dọa của các ông và việc các ông không giữ đúng lời hứa chỉ chứng tỏ các ông “không phải là những người đàm phán nghiêm chỉnh”.

Tới cuộc gặp riêng ngày 6/12/1972, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đề nghị: “Nếu sửa thì chỉ sửa một số chi tiết không thuộc thực chất và nguyên tắc; hai là hai bên đều sửa đổi. Đã sửa đổi thì bên này sửa lớn, bên kia cũng sửa lớn; bên này sửa nhỏ, bên kia cũng sửa nhỏ; không thể chỉ một bên sửa, một bên không sửa. Cứ như thế sửa đi, sửa lại mãi không thể hoàn thành được. Trong hai cách đó, phía Mỹ chọn cách nào tôi cũng sẵn sàng, nhưng chúng tôi cho rằng cách tốt nhất là cơ bản giữ hiệp định”. Đến phiên gặp riêng ngày 12/12/1972, chỉ còn hai vấn đề sẽ giải quyết bằng trao đổi công hàm: Cách ký văn kiện và vấn đề khu phi quân sự. Nhưng tới cuộc gặp riêng sáng hôm sau, ngoài hai vấn đề trong văn bản, quan điểm của hai bên trong các nghị định thư cũng xa nhau. Ngày 14/12/1972, Kít-xinh-giơ về Mỹ. Ngày hôm sau, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ rời Paris về Hà Nội.

Từ chiến thắng trên bầu trời Hà Nội đến thắng lợi ở Pari

Đúng như dự báo của Bác Hồ, tối 18/12/1972, Mỹ đã dùng B52 không kích Hà Nội. Đồng thời cũng trong ngày hôm đó, Mỹ lại gửi công hàm tới Đoàn ta ở Paris để nghị nối lại đàm phán sau ngày 26/12/1972.

Dùng B52 tấn công là “canh bạc” cuối cùng của Nixon. Hình ảnh “con bô câu” của Nixon trong khi vận động tái tranh cử đã lộ nguyên hình “con diều hâu” hiếu chiến diên rồ sau khi vừa tái cử. R.Nixon và giới quân sự chóp bu Lầu Năm góc đã quá ảo tưởng về sức mạnh của pháo đài bay B52 “bất khả chiến bại”.

Đây là một chiến dịch đã được chuẩn bị sẵn từ trước với cái tên “Linebacker II”. Nhưng có một điều mà ông ta và các chiến lược gia Hoa Kỳ chưa biết rõ. Đó là Thăng Long địa linh, Thăng Long bất khuất và kiên cường đã chôn vùi nhiều mộng tưởng ngoại xâm.

Trong 12 ngày đêm của trận “Điện Biên Phủ trên không” ấy, đã có 81 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó có 34 chiếc B52 và 5 chiếc F111, hàng chục giặc lái đã bị bắt.

Mưu đồ của R.Nixon nhằm khuất phục ý chí sắt đá của Hà Nội bằng tham vọng “đưa miền Bắc về thời kỳ đồ đá” đã thất bại hoàn toàn. Mơ mộng của Kissinger về “Không lực của nước Mỹ... mạnh tới mức trong vấn đề Việt Nam từ “thất bại” không bao giờ thuộc về chúng ta” đã tan thành mây khói. R.Nixon cũng không còn gì để trấn an chính quyền Thiệu được nữa và nội bộ càng mâu thuẫn, rối ren. Dư luận thế giới phê phán và phản đối kịch liệt. Mỹ không còn lựa chọn nào khác là phải ngừng ném bom để quay lại bàn đàm phán.

Bộ Chính trị đã thảo luận suốt 3 ngày trong hầm nhà Rộng ở trong thành, nhiều ý kiến lật đi, lật lại, nhưng cuối cùng đã nhất trí cao với ý kiến do các đồng chí Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đề xuất là phía ta nên gặp lại phía Mỹ để giải quyết vấn đề. Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký tắt ngày 23/1/1973 và được ký chính thức ngày 27/1/1973 với nội dung cơ bản như dự thảo của ta chủ động đưa ra hồi tháng 10/1972.

Trong cuộc gặp mặt cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn tên lửa 77 Sư đoàn phòng không Hà Nội, Đại tá Trần Văn Giang, Chính ủy sư đoàn, thay mặt đơn vị chào mừng “lão tướng chiến thắng từ mặt trận ngoại giao trở về”. Đồng chí Lê Đức Thọ xoa tay nói: “Không dám, không dám! Cán bộ, chiến sĩ phòng không không quân anh hùng mới chính là người chiến thắng. Không có chiến thắng B52 của các đồng chí trên bầu trời Hà Nội, làm gì có thắng lợi ở Hội nghị Paris. Chính chiến thắng đó đã buộc Mỹ ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973”...

Lưu Văn Lợi Nguyên thư ký của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại Hội nghị Paris.

(Báo Quân đội nhân dân)

ĐẠI TƯỚNG TỔNG TƯ LỆNH VÔ NGUYÊN GIÁP VỚI “HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG”

Trong chiến dịch “12 ngày đêm”, Thiếu tướng Nguyễn Văn Ninh, nguyên Phó cục trưởng Cục Tác chiến-Bộ Tổng tham mưu là trợ lý tên lửa Cục Tác chiến, làm nhiệm vụ trực ban tác chiến phòng không tại Sở chỉ

huy-Bộ Tổng tham mưu. Ông đã kể lại chuyện Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những ngày lịch sử ấy. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Tôi còn nhớ như in sáng ngày 28-6-1972, tại Tổng hành dinh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã làm việc với Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân Lê Văn Tri. Tôi được phép tham dự. Sau khi nghe đầy đủ tình hình, Đại tướng nói rõ ý định tác chiến của ta sắp tới là phải tổ chức những trận đánh lớn. Đồng chí chỉ thị: “Sắp tới, không quân Mỹ sẽ đánh ác liệt hơn, kể cả B-52. Ta phải kiên quyết tổ chức những trận hiệp đồng nhiều binh chủng, đánh địch đau hơn nữa, nhất là vào những thời gian cao điểm...”.

Sáu tháng sau, Quân ủy Trung ương ra Chỉ thị số 155/QU-TƯ ngày 25-11-1972 về tăng cường sẵn sàng chiến đấu:

“... Chúng sẽ liều lĩnh dùng máy bay B-52 đánh phá các trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng, các chân hàng, các đầu mối giao thông, các vùng đông dân... Các đơn vị phải hết sức đề cao cảnh giác, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đánh địch đạt hiệu quả cao nhất và giảm thiệt hại của ta đến mức thấp nhất, trong bất cứ tình huống nào”. Sau này Đại tướng có viết: “Mặc dù vậy, do quán triệt quyết tâm chưa tốt, suy nghĩ lúc này vẫn nặng về khả năng địch dùng B-52 đánh phá vùng “cán soong”, nên đầu tháng 12 đã có lệnh điều một trung đoàn tên lửa vào Khu 4, tiếp đó là điều thêm hàng trăm quả đạn tên lửa của phòng không Hà Nội theo!”¹. Trước tình hình diễn biến hết sức khẩn trương, ngày 15-12-1972, Bộ Tổng tham mưu đồng ý với đề nghị của Bộ tư lệnh PK-KQ để trung đoàn tên lửa này ở lại bảo vệ Hà Nội.

Ngày 4-12-1972, Thường vụ Đảng ủy Quân chủng báo cáo lên Bí thư Quân ủy Trung ương: “Quân chủng không để bị bất ngờ, sẽ đánh liên tục, đánh rơi tại chỗ máy bay địch, bắt sống nhiều giặc lái, kể cả máy bay B52”.

Tháng 12-1972, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và cơ quan Tổng hành dinh làm việc suốt ngày đêm ở trong Thành cổ. Hai ngày trước khi Mỹ giội bom, Bộ Tổng tư lệnh đã chuyển lực lượng vũ trang 3 thứ quân

¹ Báo Nhân dân số 14793 ngày 18-12-1995 bài “Trận Điện Biên Phủ trên không” - Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất. Bộ đội ra-đa phòng không và đơn vị trinh sát kỹ thuật Cục Quân báo - BTTM đã sớm phát hiện chính xác cuộc tập kích đường không chiến lược của địch.

19 giờ 10 phút ngày 18-12-1972, tôi gọi điện thoại (có chế độ ưu tiên số 1) báo cáo Đại tướng: *"Thưa Thủ trưởng, B-52 đã cất cánh từ Gu-am và U-ta-pao... nhiều tốp bay dọc Mê Công lên phía Bắc".* Tôi nghe tiếng Đại tướng ra lệnh: *"Kiểm tra lại. Thông báo ngay cho Bộ tư lệnh PK-KQ. Cho Hà Nội, Hải Phòng báo động!"*. Tôi nói: *"Xin tuân lệnh!"*.

Sau khi truyền lệnh cho người trực chỉ huy Quân chủng PK-KQ Nguyễn Quang Bích, tôi đến bên tường ấn nút kéo còi báo động liên hồi, lâu và gấp. Tiếng còi trên nóc nhà Quốc hội réo lên từng hồi dài. Một loạt còi khác do Sở chỉ huy Bộ tư lệnh Hà Nội phụ trách cũng vang rền khẩn cấp.

Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. 20 giờ 20 phút, Phó tư lệnh Quân chủng PK-KQ Nguyễn Quang Bích báo cáo qua điện thoại lên Đại tướng: *"Tiểu đoàn tên lửa 59, Trung đoàn 261, Sư đoàn Phòng không Hà Nội đã bắn rơi một B-52 tại Phủ Lỗ, Đông Anh".* Tin chiến thắng xé toang bầu không khí căng thẳng. Đại tướng nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng chỉ huy. Trời mưa bụi, rét đậm, lòng người lại ấm áp lạ thường! Trở vào, Đại tướng gọi điện thoại cho Chính ủy Sư đoàn Phòng không Hà Nội Trần Văn Giang: *"Bộ đội vừa qua đánh tốt, xứng đáng với lòng tin của Đảng, của nhân dân. Cần phát huy thành tích tiếp tục bắn rơi nhiều B-52 hơn nữa. Cả nước đang hướng về Hà Nội! Toàn thế giới đang hướng về Hà Nội! Từng giờ từng phút, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương theo dõi cuộc chiến đấu của Hà Nội. Vận mệnh của Tổ quốc đang nằm trong tay các đồng chí phòng không bảo vệ Hà Nội"¹.*

Liền sau đó, Đại tướng chủ trì cuộc họp bất thường của Thường trực Quân ủy Trung ương, nhận định tình hình và xác định nhiệm vụ lãnh đạo tiếp theo: *"Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang ta, đặc biệt là bộ đội phòng không và không quân phải cùng toàn dân quyết tâm đánh bại bước leo thang rất nghiêm trọng này của địch; chỉ đạo trước mắt là kiên quyết*

¹ Sách *"Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng - Đại tướng Võ Nguyên Giáp"*, NXB Chính trị Quốc gia, tháng 10-2000, trang 23.

*đánh địch, triệt để sơ tán phòng tránh và tích cực bảo đảm giao thông vận tải*¹.

Sáng sớm hôm sau, tại Tổng hành dinh, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bộ Chính trị nhất trí hoàn toàn với nhận định tình hình và nhiệm vụ mà Quân ủy Trung ương đề ra, chuẩn y đề nghị về cuộc họp báo chiều nay. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói rõ thêm: *"Cần đem số giặc lái đã bắt được và khuôn ngay xác máy bay B-52 về cho các nhà báo xem"*.

Đại tướng Tổng tư lệnh thống nhất với Tổng Tham mưu trưởng chủ trương: *"Từ nay, bộ đội tên lửa hoàn toàn dành cho nhiệm vụ đánh B-52. Rút một số đơn vị cao xạ ở đường số 1 (phía Nam) về để bảo vệ các tiểu đoàn tên lửa"*.

Trong những ngày tiếp theo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lần lượt đến các trận địa tên lửa, thăm và động viên cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 77, Tiểu đoàn 79, Trung đoàn 257..., giao nhiệm vụ tiếp tục chiến đấu đạt hiệu suất chiến đấu thật cao, góp phần tạo nên những trận then chốt quyết định.

Buổi chiều ngày 22-12, ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam đến hầm chỉ huy thu thanh bài diễn văn của Đại tướng nhân dịp kỷ niệm trọng đại này, đồng thời cũng để gián tiếp cải chính tin đồn của một hãng thông tấn phương Tây rằng Đại tướng bị tử thương vì bom B-52.

Sáng sớm ngày 23, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng đến trận địa Vân Đồn (bãi cát sông Hồng), thăm, khen ngợi, chụp ảnh với Đại đội tự vệ súng máy phòng không (14,5mm) vừa bắn rơi một chiếc máy bay F111A cánh cụp cánh xòe rất hiện đại của Mỹ.

Khi biết không quân ta đang gặp khó khăn trong cách đánh B-52, Đại tướng đã đến dự hội nghị rút kinh nghiệm của binh chủng, góp ý kiến chỉ đạo và động viên: *"Không quân anh hùng của chúng ta nhất định phải có tên trong danh sách những đơn vị đã bắn rơi B-52!"*...

Cả khu phố Khâm Thiên bị trúng bom B-52, thiệt hại nặng nề, Đại tướng đã đến hiện trường kiểm tra tình hình, thăm hỏi nhân dân. Đại

¹ Báo Quân đội nhân dân số 16757 ngày 15-12-2007 bài *"Những ngày tháng Chạp ở Tổng hành dinh"* - Thiếu tướng Nguyễn Văn Ninh.

tướng đến thẳng Sở chỉ huy Quân chủng PK-KQ chỉ thị cho bộ đội đánh rơi thật nhiều B-52 để trả thù cho đồng bào! Bộ tư lệnh Quân chủng hứa với Đại tướng: Bộ đội phòng không và không quân quyết tâm thực hiện những lời căn dặn sâu sắc, tâm huyết, trí tuệ của Đại tướng.

7 giờ ngày 30-12-1972, do thua đau trên bầu trời Hà Nội, Tổng thống Mỹ Ních-xơn phải tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã duyệt và cho công bố bản thông cáo chiến thắng, ca ngợi chiến công oanh liệt của quân dân ta, tuyên dương công trạng các quân chủng, binh chủng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân, dân quân tự vệ và đồng bào các địa phương, đặc biệt thủ đô Hà Nội đã đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, đánh rất giỏi, thắng rất to!

Ngày 22-2-1989, Thống chế Mehra, Tư lệnh các lực lượng phòng không, không quân nước Cộng hòa Ấn Độ, dẫn đầu đoàn cán bộ quân sự cấp cao sang thăm Việt Nam, đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nói: “Khi Việt Nam đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân, bắn rơi nhiều pháo đài bay B-52, bất sống nhiều phi công của đối phương, làm nên một “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời thủ đô Hà Nội, tôi thực sự kinh ngạc và vô cùng khâm phục các ngài. Tôi cho đây là một kỳ tích có một không hai của cuộc chiến tranh trên không trong thế kỷ XX. Ngài là một vị tướng của huyền thoại... Ngài sẽ mãi mãi là một vị tướng của huyền thoại”¹.

Bác Việt Nam đã phát triển được lực lượng phòng không giàu kinh nghiệm nhất thế giới. Rõ ràng, họ có nhiều kinh nghiệm hơn bất kỳ lực lượng nào trong việc phóng tên lửa đất đối không để hạ máy bay. Họ cũng có nhiều kinh nghiệm hơn bất kỳ lực lượng quân sự nào trong việc đánh chặn tích cực theo điều khiển từ mặt đất. Tóm lại, họ đã phát triển được một hệ thống phòng không dày đặc và có hiệu lực không kém hệ thống phòng không của bất kỳ nước nào. Tất nhiên, người của họ được huấn luyện rất cẩn thận và được các chuyên gia Nga hướng dẫn tỉ mỉ trong sử dụng vũ khí phòng không tinh vi (tướng Gioóc-giơ J.Ít-đơ (George J.Eade),

¹ Sách “*Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*”- Trần Trọng Trung”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, trang 894.

Phó tham mưu trưởng phụ trách kế hoạch và tác chiến của không quân Mỹ, Tạp chí "Air Force", 6-1973, tr.37).

Thiếu tướng Nguyễn Văn Ninh (*Báo Quân đội Nhân dân*)

"ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG": VIỆT NAM LÀ DÂN TỘC ANH HÙNG

"Việt Nam đã trở thành biểu tượng của cuộc chiến tranh giành độc lập, là tấm gương để các nước noi theo".

Chiến thắng lịch sử "Điện Biên phủ trên không" cách đây tròn 40 năm có phần đóng góp quan trọng của những người đồng chí, anh em quốc tế, trong đó có các chuyên gia quân sự Liên Xô (cũ).

Nhân dịp này, phóng viên Đài TNVN có cuộc phỏng vấn Trung tướng Victor Ivanovich Filippov - Cựu chuyên gia quân sự Nga từng công tác tại Trung đoàn 263, Sư đoàn 4, Quân khu 4 và mặt trận ngoại thành Hà Nội năm 1972.

PV: Ông có thể cho biết ấn tượng của mình khi lần đầu tới Việt Nam vào đúng những ngày nóng bỏng ấy?

Trung tướng Victor Filippov: Đó là chuyến công tác đặc biệt, đến một đất nước xa lạ, một đất nước đang có chiến tranh.

Các bạn Việt Nam đã đón tiếp chúng tôi rất chu đáo, không chỉ đối với các chuyên gia quân sự, mà với tất cả những người Xô-viết sang Việt Nam.

Khi đến Việt Nam, tôi được biên chế vào một sư đoàn tên lửa của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Chúng tôi rất vui vì tinh thần yêu lao động, sẵn sàng chiến đấu của những người lính Việt Nam.

Họ nhanh chóng nắm bắt cách sử dụng các loại khí tài mới để chống lại kẻ địch. Họ sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi giải quyết mọi vấn đề. Đôi khi chúng tôi gặp vấn đề về kỹ thuật, và người lính Việt Nam sẵn sàng giúp đỡ và luôn muốn học hỏi để làm chủ được thiết bị, vũ khí mà Liên Xô trang bị. Chúng tôi rất vui vì điều này.

PV: Nhìn lại chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" cách đây 40 năm, với tư cách một chuyên gia quân sự, ông có thể cho biết, tại sao Mỹ lại thua khi trong họ có rất nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại?

Trung tướng Victor Filippov: Việt Nam là một dân tộc anh hùng. Quân đội Mỹ đã không rút ra được bài học khi vẫn âm mưu khuất phục ý chí quật cường của dân tộc các bạn bằng bom đạn. Bên cạnh đó, cuộc chiến của các bạn là vì độc lập, tự do của dân tộc, còn cuộc chiến của Mỹ là cuộc chiến xâm lược. Nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc và sự nghiệp chính nghĩa ấy nên nhận được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ trên thế giới cũng như ở Mỹ.

Nhân dân yêu chuộng hòa bình đã ủng hộ quân giải phóng chống Mỹ. Đã có nhiều cuộc biểu tình chống Mỹ can thiệp, chống không quân Mỹ ném bom tàn phá miền Bắc. Sự trợ giúp về kinh tế của các nước anh em như: Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác cũng đóng góp một phần nhất định trong chiến thắng này của Việt Nam. Việt Nam đã trở thành biểu tượng của cuộc chiến tranh giành độc lập, là tấm gương để các nước noi theo.

PV: Ông đánh giá thế nào về vai trò của các chuyên gia quân sự Nga trong chiến thắng 12 ngày đêm bảo vệ Hà Nội?

Trung tướng Victor Filippov: Trách nhiệm chính trong thực hiện nhiệm vụ phòng không tại Hà Nội và trên toàn Việt Nam do chính nhân dân Việt Nam thực hiện.

Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam về kinh tế, khí tài và hỗ trợ trên mặt trận ngoại giao. Chúng tôi cũng có mặt trong lực lượng phòng không tại Việt Nam để giúp nhân dân Việt Nam đánh Mỹ. Song tất cả những điều đó chỉ đóng một vai trò nhất định. Tôi xin nhắc lại rằng, không có bất kỳ một yếu tố bên ngoài nào đóng vai trò quyết định trong chiến thắng này, mà chính là nhân dân Việt Nam đã anh dũng bảo vệ đất nước của mình. Mỹ đã thua trận, buộc phải rút vì không thể thực hiện được các mục tiêu mà họ đặt ra. Nhân dân Việt Nam đã đập tan âm mưu xâm lược của Đế quốc Mỹ.

PV: Ông có thể cho biết, thời gian ở Việt Nam đã giúp ông có thêm kinh nghiệm gì trong cuộc đời binh nghiệp?

Trung tướng Victor Filippov: Những năm tháng công tác tại Việt Nam đã cho tôi rất nhiều kinh nghiệm vô giá. Tôi gửi lời cảm ơn nhân dân Việt Nam, cảm ơn những người lính Việt Nam.

Những kinh nghiệm thực tế trong chiến tranh không chỉ giúp chúng tôi hiện đại hóa, hoàn thiện các hệ thống vũ khí, kỹ thuật quân sự mà ở cương vị công tác của mình, kinh nghiệm có được ở Việt Nam đã giúp tôi rất nhiều trong công tác huấn luyện chiến đấu trong quân đội Nga và cũng giúp tôi phát triển trong sự nghiệp quân ngũ của mình.

PV: Xin cảm ơn ông!

Theo **Đoan Hải (VOV)**

12 NGÀY ĐỐI ĐẦU

Trong đoàn cựu chiến binh Liên Xô (trước đây) sang thăm Việt Nam đúng dịp kỷ niệm 40 năm Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, nhiều người từng là chuyên gia, cố vấn quân sự về tên lửa phòng không, thậm chí trực tiếp tham gia chiến đấu cùng bộ đội Việt Nam đánh máy bay Mỹ. Các cựu chiến binh Bê-la-rút còn mang theo và giới thiệu những số báo ra gần đây của Báo Quân đội Bê-la-rút, đăng trang trọng nhiều kỳ về Chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972, qua lời kể và nhật ký của Đại tá V.M. La-gu-tin, cựu chuyên gia quân sự tại Việt Nam, dưới tiêu đề “12 ngày đối đầu”. Tác giả loạt bài viết là Đại tá Xéc-gây Rô-xin-xki, nguyên giảng viên Học viện Quốc phòng, Cộng hòa Bê-la-rút. Báo Quân đội nhân dân xin trích dịch và giới thiệu cùng bạn đọc.

Ấn tượng Việt Nam

Đại tá V.M. La-gu-tin, nguyên giảng viên Trường Tên lửa Min-xơ (Cộng hòa Bê-la-rút), từng sang Việt Nam làm chuyên gia quân sự, giảng viên về xác định tọa độ mục tiêu và tên lửa tại Trường Sĩ quan Phòng không từ tháng 10-1972 đến tháng 9-1973, trực tiếp chứng kiến chiến dịch 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972.

Mở đầu loạt bài viết đăng trên Báo Quân đội Bê-la-rút, xuất bản cuối tháng 11-2012, tác giả Xéc-gây Rô-xin-xki viết:

“... 40 năm trước, vào tháng 12-1972, miền Bắc và miền Nam Việt Nam đã chiến đấu bảo vệ nền độc lập và bằng chiến thắng thuyết phục, đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B-52 của Mỹ, tạo bước ngoặt trong cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, với bao tổn thất, hy sinh, chống lại cuộc xâm lăng phi nghĩa của chủ nghĩa đế quốc. Các hoạt động quân sự do Mỹ triển khai ở Việt Nam là cuộc xung đột vũ trang lớn nhất kể từ sau

chiến tranh thế giới thứ hai. Các cán bộ, sĩ quan Liên Xô thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại miền Bắc Việt Nam đến giờ vẫn không thể quên khi nhớ đến những ngày tháng Chạp năm 1972.

Đại tá V.M. La-gu-tin chia sẻ hồi ức về những tháng ngày đặc biệt khốc liệt đó: Chúng tôi được cử sang Việt Nam công tác dưới danh nghĩa “các chuyên gia trồng và chế biến mía đường”, nhưng thực chất là một nhóm gồm 14 giảng viên quân sự, tuổi trung bình khoảng 35. Không có bất kỳ giấy tờ gì thể hiện chúng tôi liên quan đến quân đội được mang theo, chắc là để hoàn thiện việc “đánh lạc hướng trinh sát của đối phương”. Chúng tôi mặc trang phục “kiểu dân sự”, với quần, áo len, giày ấm, mang theo va-ly, túi khoác ba-lô. Khi ngồi trên máy bay, chúng tôi nhắm tính khá ngay thơ thời gian bay thẳng đến Thủ đô của Việt Nam. Nhưng đâu có được như vậy! Sau này, khi xem lại đường bay trên bản đồ, đến chúng tôi cũng phải ngạc nhiên vì những cung “đường vòng”, chính xác hơn là đích đắc, để đưa chúng tôi tới đích theo lộ trình: Mát-xcơ-va - Ta-xken (U-dơ-bê-ki-xtan), Bom-bay - Can-cút-ta (Ấn Độ) - Răng-gun (Mi-an-ma) - Viêng Chăn (Lào) - Hà Nội.

Có một cuộc gặp bất ngờ và thú vị diễn ra trên chuyến bay từ Răng-gun tới Viêng Chăn. Chúng tôi thấy, “phía bên kia” cũng tương tự! Những người cùng trên chuyến bay với chúng tôi là các đối thủ tiềm năng - các phi công quân sự Mỹ. Họ tự phụ bĩu môi nhìn nhóm “các chuyên gia” cùng kiểu tóc được “cắt ngắn theo điều lệnh”, trong cùng một kiểu trang phục “dân sự”, như thể được lấy ra từ một kho cang-tin quân nhu nào đó. Chúng tôi nghe và hiểu rất ít các từ “lóng” tiếng Anh - Mỹ của các quân nhân “phía bên kia”. Lúc chia tay thì lại “khá cởi mở”, khi ở Sân bay Viêng Chăn (Lào), trước khi chuyển sang chuyến bay đi Sài Gòn, các phi công Mỹ nói bằng tiếng Nga chấp vá, hẹn sẽ gặp lại chúng tôi ở Việt Nam!

Lần đầu tiên, chúng tôi gặp các bạn Việt Nam ở Hà Nội. Những con người chân thành luôn đón chào khách với nụ cười, nhưng có quyết tâm sắt đá bên trong! Sau này, nhiều lần chúng tôi còn phải ngạc nhiên về điều này, khi chứng kiến họ trong công việc, trong học tập, huấn luyện và chiến đấu. Các chuyên gia quân sự chúng tôi được các bạn Việt Nam thân tình gọi là “Liên Xô”.

Chúng tôi luôn ngập đầu với công việc trong suốt thời gian công tác ở Việt Nam. Từ cuối tháng 10 đến giữa tháng 11-1972, chúng tôi ở Hà Nội,

trong địa phận Đại sứ quán Liên Xô và vất óc suy nghĩ: Làm thế nào khi không có các tài liệu kỹ thuật để tham khảo (loại có dấu “Mật” chúng tôi không được mang ra nước ngoài), mà có thể soạn ra các giáo trình giảng dạy về các thiết bị phức tạp của tổ hợp tên lửa phòng không? Mỗi người trong nhóm được giao chuẩn bị một, hoặc hai môn chuyên ngành. Guồng máy vận hành hết sức khẩn trương và tôi vui đầu với một môn học không hề đơn giản về hệ thống xác định tọa độ mục tiêu và tên lửa, được lấy ra không phải từ giáo trình mà từ “trong đầu”, khi nhớ lại các bài giảng của mình trước đây tại các trường quân sự, cũng như từ kinh nghiệm thu được trong thời gian làm việc tại các trường bắn thử nghiệm quốc gia.

Trong thời gian chờ Bộ tư lệnh PK-KQ Việt Nam và Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô phê duyệt chương trình đào tạo kíp trực thủ chiến đấu-kết quả công tác của nhóm, chúng tôi rất hồi hộp, lo lắng. Nhưng cuối cùng, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm khi được cấp trên đồng ý phê duyệt, đúng lúc tôi đang trên đường từ Hà Nội đến Sơn Tây, một thị xã cách Thủ đô chừng 30 cây số, ở đó có Trung tâm huấn luyện các kíp trực thủ tên lửa chiến đấu, sử dụng tên lửa phòng không C-75, cũng là nơi chúng tôi làm việc trong suốt đợt công tác tại Việt Nam.

Trưa 16-11-1972, chúng tôi đến Sơn Tây, một địa điểm rất đẹp, nhìn rõ các ngọn núi từ xa, mái nhà tranh ven các bờ ao, xung quanh là những hàng cây bạch đàn, phía trước có hai khẩu đội phòng không và ngay sát nhà là các hầm tránh bom. Mỗi chuyên gia trong nhóm được xếp ở một phòng riêng trong nhà tranh mái lá với các cửa sổ chắn song không kính, nền nhà bằng xi măng hoặc đất nện, tường bằng tre, mái nhà lợp lá mía hoặc lá cọ. Chiếc tủ nhỏ và giường gỗ lúc này được coi như hàng “xa xỉ”, mắc sẵn màn chống muỗi. Chúng tôi hài lòng với tất cả những bố trí đó.

Theo chương trình huấn luyện đã phê duyệt, chúng tôi có nhiệm vụ sau khoảng 6 tháng phải đào tạo các quân nhân Việt Nam bình thường, trở thành các “chuyên gia” có khả năng tác chiến sử dụng tổ hợp tên lửa phòng không phức tạp C-75. Chúng tôi còn phải “truyền” niềm tin vững chắc rằng, nếu sử dụng và phát huy hết đặc tính kỹ, chiến thuật thì tổ hợp này sẽ tiêu diệt với xác suất cao mọi mục tiêu bay có trong trang bị của đối phương, dù mục tiêu có thể bay vào hoặc bay ra trên mọi tầm cao, với tốc độ thay đổi, sử dụng các loại nhiễu khác nhau...

Chúng tôi làm việc qua phiên dịch và như vậy sẽ phụ thuộc nhiều vào sự hiểu biết và chất lượng dịch của phiên dịch viên. Cho đến bây giờ, tôi vẫn biết ơn và luôn nhớ về người thanh niên nhân hậu, đáng người cao dong dỏng, tên là Tạ. Tôi có cảm giác, Tạ đọc được suy nghĩ của tôi. S: mỗi cặp giờ giảng, “theo tiêu chuẩn”, các chuyên gia Liên Xô được nhận hai chai bia Tiệp (loại 0,3 lít). Cũng theo “luật Xô-viết bất thành văn”, chúng tôi luôn dành một phần bia này cho các phiên dịch cùng làm việc, riêng tôi, với tình cảm anh em, luôn chia đôi phần bia này với Tạ, người phiên dịch rất giỏi.

Các học viên của chúng tôi luôn là những học trò xuất sắc, rất có năng lực hơn cả sự mong đợi. Càng về sau, chúng tôi càng thấm thía và lý giải sự thành công này bắt nguồn từ cương lĩnh phát triển giáo dục nhân dân, luôn được sự quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước Cách mạng Tháng Tám-1945, hơn 95% dân số Việt Nam mù chữ. Ngay sau khi tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân triển khai một chiến dịch rộng lớn chống nạn mù chữ. Kể từ đó, sự phát triển của giáo dục toàn dân đạt kết quả chưa từng có. Trên khắp đất nước người ta tổ chức các lớp học ban ngày, ban đêm, vừa học, vừa lao động sản xuất. Nhà trường đóng vai trò nổi bật trong việc giáo dục nhiều thế hệ công dân tinh thần yêu nước nồng nàn. Tuổi tác, công việc nặng nhọc, nghèo đói, chiến tranh, bom đạn-không có gì có thể ngăn cản người Việt Nam học tập! Không có bàn ghế, thì ngồi học ngay trên sàn nhà. Trường học bị bom tàn phá, thì mở các lớp học trong những túp lều tạm, trong chùa; thiếu bảng đen thì viết ngay lên cánh cửa! Chiến đấu, lao động cho đến khi mặt trời lặn, buổi tối họ vẫn đến lớp học!

Trích nhật ký của V. M. La-gu-tin:

- "Ngày 18-12-1972. Thứ hai. Hoàn thành việc kiểm tra tổng hợp qua bài học thực hành. Cho một điểm 4 và ba điểm 5 (điểm của Liên Xô tính theo thang điểm 5). Giờ nghỉ, chơi bóng chuyền. Các buổi học đạt kết quả rất tốt. Mình đã viết thiệp chúc mừng, ngày mai thiệp sẽ được chuyển qua Hà Nội. Lại một cuộc không kích. Lúc 19 giờ 30 phút, xuất hiện hàng đoàn máy bay. Vậy là sẽ không thể chuyển các thiệp chúc mừng năm mới và các bức thư đã viết cho những người bạn, người quen và người thân của mình. Lúc này, ít người biết rằng, đây là sự khởi đầu của chiến dịch không

kích tàn bạo nhất của Mỹ chống lại nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, dưới cái tên "Lai-nơ-bếch-cơ 2". Các sự kiện trong những ngày này đã làm rung chuyển cả thế giới".

V. M. La-gu-tin kể tiếp: "Lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy bầu trời chiến tranh, như có các ngọn lửa chuyển động. Cảnh tượng thật kinh hoàng! Các máy bay ném bom chiến lược B-52 mang đầy bom đạn giết người ném xuống Hà Nội. Không trung như lèn đầy các tiếng gầm quái vật. Tiếng keng phát ra từ các đoạn ray đường sắt, từ những vỏ bom không nổ, được đánh liên hồi để báo động về cuộc không kích. Lúc này, theo quy định nghiêm ngặt, chúng tôi đều xuống trú trong các hầm tránh bom. Lát sau, không chỉ là không trung, mà cả mặt đất cũng rung chuyển, chao đảo. Với cảm giác khủng khiếp, chúng tôi hiểu rằng, bom Mỹ đang rải thảm xuống Thủ đô của Việt Nam, nơi mà cách đây một tháng, chúng tôi đã ở đó để soạn bài, chuẩn bị kế hoạch giảng dạy. Rõ ràng, Bộ tham mưu quân đội Mỹ đã lập các kế hoạch xấu xa cho trận chiến hủy diệt này.

Sau đợt không kích đầu tiên, khi chúng tôi và cả những người Việt Nam bình thường chưa kịp định thần, thì tiếp đến đợt không kích thứ hai, rồi thứ ba. Ném bom tàn bạo và vô vọng bằng hàng trăm đợt máy bay B52. Từ ngày 18 đến 29-12-1972, theo lệnh từ nhà cầm quyền Oa-sinh-tơn, hàng đoàn máy bay gồm hơn 140 máy bay ném bom chiến lược B-52 và 700 máy bay chiến thuật ném khoảng 100.000 tấn bom chết người xuống Hà Nội, Hải Phòng và các khu vực đông dân cư của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Tổng thống Mỹ Ních-xơn hy vọng, việc sử dụng con át chủ bài chiến lược cuối cùng này, với "bom rải thảm" của máy bay ném bom chiến lược B-52, sẽ buộc Chính phủ và nhân dân Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện hòa bình không công bằng, mà người Mỹ đã cố gắng áp đặt suốt 1/4 thế kỷ.

Tuy nhiên, tôi nghĩ, Hoa Kỳ đã đánh giá thấp khả năng phòng không của Việt Nam; tình báo Mỹ đã sai trong dự tính số lượng khá dồi dào các tên lửa SAM, ký hiệu C-75 mà chúng tôi bí mật cung cấp trước chiến dịch. Mỗi khi B-52 xuất hiện trong vùng tiêu diệt, bộ đội Việt Nam có thể bắn với cơ số tối đa là ba quả tên lửa. Bầu trời đêm trông thật ngoạn mục. Khi tên lửa bắn trúng "siêu pháo đài bay", trên bầu trời như bung ra hàng trăm ngọn đuốc rực sáng!".

Trích nhật ký của V. M. La-gu-tin:

- "Ngày 19-12-1972. Thứ ba. Các cuộc không kích tiếp tục. Hôm qua, báo động lúc 19 giờ 30 phút, cuộc chiến đầu tiên diễn ra rất gần với nơi chúng tôi. Các súng phòng không, pháo, tên lửa đồng loạt đánh trả. Trong đêm, 7 lần tôi phải xuống hầm trú ẩn. Mỹ ném bom Hà Nội; chưa từng có trận bom nào lớn như vậy. B-52 tham chiến. Lần cuối cùng (từ 4 đến 5 giờ sáng), chúng ném rất nhiều bom nổ chậm. 3 máy bay bị bắn rơi ngay trong đợt không kích đầu tiên. Sau đó, các đài phát thanh rơi vào im lặng. Các tiết học ngày 19-12 bị chậm 10 phút. Trong ba giờ đầu tiên, hai lần thấy và trò phải ngồi trong hầm trú ẩn. Hôm qua, 3 chiếc B-52 bị bắn rơi và lần đầu tiên các phi công bị bắt ngay trong ngày đầu tập kích".

- "Ngày 20-12-1972. Hà Nội. Ngày thứ ba bom đạn khốc liệt ở Thủ đô được thực hiện theo lệnh của Nhà Trắng. Đêm đó báo động phòng không kéo dài, liên tục hơn bốn giờ liền. Chưa có trận đánh bom nào kéo dài như vậy tại Thủ đô của Việt Nam so với các cuộc tấn công đường không trước đó của Mỹ. Chỉ riêng trong ba ngày đó, đã hình thành một "thời gian biểu tội phạm chiến tranh" hiếm thấy của bọn xâm lược. Các cuộc ném bom chiều bắt đầu khoảng 19 giờ 30 phút và kéo dài suốt đêm. Sự man rợ của các "con thú bay" chỉ chấm dứt vào lúc bình minh, khoảng 5-6 giờ sáng. Tiếp theo, từ trưa sẽ là các cuộc không kích ban ngày của máy bay chiến thuật và đến chiều, tất cả lại được lặp lại...

Các cuộc tấn công với cường độ chưa từng có đánh vào Hà Nội. Lần đầu tiên, các cuộc tấn công này có sự tham gia của máy bay ném bom chiến lược hạng nặng B-52 vào ban đêm. Rõ ràng, kẻ thù xâm lược có hai mục tiêu chính. Thứ nhất, để "nhuộm máu" trên những đống gạch đổ vỡ của thành phố; thứ hai, để kiểm tra những điểm yếu của hệ thống phòng không Bắc Việt Nam. Nhưng kẻ thù khát máu đã không thể đạt được bất cứ mục tiêu nào. Vào đêm 19 và 20 tháng Chạp, không quân Mỹ đã phải chịu các tổn thất lớn. Bầu trời Hà Nội lại thành điểm kết thúc của hai "siêu pháo đài bay" và TP Hải Phòng cũng bắn rơi bốn máy bay phản lực chiến thuật của Mỹ. Đến ngày 20-12, tổng số máy bay Mỹ bị bắn rơi tại Việt Nam trong cuộc chiến tranh này đã là 4.091 chiếc!".

Các ngày tiếp theo, không quân Mỹ phải gánh chịu nhiều thiệt hại nặng nề hơn. Chỉ trong 12 ngày của cuộc đối đầu quyết định, 12 ngày đã đi

vào lịch sử thế giới, không quân Mỹ bị bắn rơi 34 "siêu pháo đài bay" B-52, 5 máy bay phản lực F-111 cánh cụp cánh xòe và hàng chục máy bay chiến thuật. Hàng trăm phi công Mỹ, những "át chủ bài đầy kinh nghiệm" phải bỏ mạng hoặc bị bắt làm tù binh. Chưa bao giờ không quân chiến lược và không quân chiến thuật Mỹ lại phải chịu một tổn thất quá nặng nề trong một thời gian ngắn như vậy! Lúc này, tôi bỗng nhớ lại vẻ mặt tự phụ và sức mạnh (không phải sức mạnh của tính đúng đắn chính nghĩa) của các phi công của quân đội Mỹ khi họ gặp chúng tôi trong chuyến bay trên đường sang Lào... Nhân dân và lực lượng vũ trang Việt Nam đã chiến thắng vinh quang vào năm 1972, đã trụ vững trong cuộc chiến đẫm máu, đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình quân sự và bảo đảm cho đất nước non trẻ, còn nhiều khó khăn này những vị thế chiến lược mới vững vàng.

Ngày 1-1-1973. Thứ hai. Hôm qua, Ních-xơn đã ra lệnh chấm dứt ném bom. Lần đầu tiên kể từ ngày 18-12, có thể cởi quần áo và lên giường đi ngủ. Lần đầu tiên không cần vào hầm tránh bom. Gặp nhau ai cũng chúc mừng. Mỗi chúng tôi đều nhận được lời chúc mừng từ Chủ tịch nước Việt Nam, từ Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân và từ Hội hữu nghị Việt - Xô. Hôm nay, chúng tôi đi dạo xung quanh hồ. Có phải tất cả đã trở lại vòng quay bình thường? Buổi chiều Việt Nam, hoàng hôn phủ bóng trên ngọn các cây cọ, trên mặt hồ xanh lục, trên các đường phố và quảng trường của Thủ đô Việt Nam. Hà Nội vẫn với không khí khá căng thẳng vào lúc này. Ở đây, mọi người biết rằng, kẻ thù bất cứ lúc nào cũng có thể đột nhập vùng trời thành phố. Không ai tin ngay rằng, chiến tranh đã kết thúc. Thành phố vẫn sẵn sàng cho mọi tình huống, kể cả phải chiến đấu trở lại".

Nhóm các chuyên gia quân sự Liên Xô chúng tôi đã hoàn thành toàn bộ chương trình huấn luyện được phê duyệt trước đó cho các kíp trực thủ tên lửa chiến đấu của Việt Nam, khi xung quanh không còn tiếng bom nổ và đất nước từng bước phục hồi từ những đống tro tàn và đổ nát...".

Kết thúc loạt bài viết "12 ngày đối đầu", tác giả, Đại tá Xéc-gây Rô-xin-xki viết: "Nhiều năm qua, Tiến sĩ, PGS, Đại tá V. M. La-gu-tin vẫn tham gia giảng dạy, nghiên cứu và một số nhiệm vụ khác trong lĩnh vực quốc phòng, với nhiệt huyết từ trái tim mình. Ông thường nhắc lại: "Thật đẹp làm sao, khi được học tập, làm việc, được sống trong hòa bình và trân trọng mỗi phút của cuộc sống". Mặc dù đã cao tuổi, ông vẫn tham gia

giảng dạy tại Bộ môn Chiến thuật và trang bị, thuộc Khoa Phòng không (Học viện Quốc phòng Cộng hòa Bê-la-rút). Ông sẵn sàng tham gia các cuộc hội thảo và hội nghị kỹ thuật trong và ngoài học viện với các báo cáo thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học mái đầu đã bạc, cho đến các học viên trẻ năm thứ nhất. Nhân kỷ niệm 40 năm Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, V. M. La-gu-tin cùng các cựu chuyên gia quân sự từng sang giúp đỡ và chiến đấu tại Việt Nam, như GS, TS khoa học, Đại tá Lép Mác-cốp; PGS, TS Ge-na-di Kô-nhép... và nhiều chuyên gia khác, từ Bê-la-rút, Liên bang Nga, U-crai-na được mời sang thăm Việt Nam. Các cựu chuyên gia quân sự Liên Xô luôn trân trọng, giữ gìn những kỷ ức tốt đẹp và tình hữu nghị nồng thắm về những năm tháng cùng chung chiến hào, sát cánh cùng nhân dân và bộ đội Việt Nam chiến đấu vì tự do và độc lập, đồng thời cảm nhận rất rõ, người Việt Nam luôn thủy chung, trân trọng, yêu quý và ghi nhớ các đồng chí Liên Xô của mình!”.

Trở về Tổ quốc năm 1973, đến nay Đại tá V. M. La-gu-tin mới có dịp trở lại Việt Nam thăm lại “chiến trường xưa” và tìm gặp những học trò Việt Nam mà ông rất quý mến. Những ngày ở Việt Nam, các cựu chiến binh, cựu chuyên gia quân sự Xô-viết rất vui khi được đón tiếp ân tình, chu đáo, nhất là được gặp lại các đồng đội, học trò Việt Nam. Tâm sự với phóng viên Báo *Quân đội nhân dân*, Đại tá La-gu-tin khẳng định: “Thời gian qua nhanh, nhiều điều có thể dần bị lãng quên, nhưng 40 năm nhìn lại, có thể khẳng định: Tình đoàn kết, sát cánh bên nhau giữa quân đội, nhân dân hai nước Việt - Xô đã góp phần làm nên Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

Cựu chiến binh La-gu-tin lưu giữ và mang về nước nhiều kỷ vật trong những năm tháng ở Việt Nam, như mảnh xác máy bay Mỹ, mảnh bom, mảnh đạn, vỏ bom bi... Ông đã tặng một số hiện vật cho Phòng truyền thống Trường Thiếu sinh quân Su-vô-rốp (nơi ông học tập thời niên thiếu) và còn lập một bảo tàng nhỏ về Việt Nam tại nhà.

SỨC MẠNH “RỒNG LỬA” TRONG CHIẾN THẮNG “HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG”

Trận địa tên lửa Chèm thuộc xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội là địa danh lịch sử in đậm chiến công của những người lính canh trời thủ đô.

Nơi đây, từ năm 1967 - 1972, Sư đoàn 361 đã bắn rơi 25 máy bay của đế quốc Mỹ.

Trong những chiến công đó, có chiến tích bắn rơi 4 chiếc B52 (3 chiếc rơi tại chỗ) của Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, làm nên dấu ấn lịch sử của trận địa lừng danh này. Ngày 16/1/1995, trận địa Chèm đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hoá.

Dấu ấn lịch sử trận địa Chèm

Trận địa Tên lửa Chèm hiện nay là điểm đóng quân của Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257 (Sư đoàn 361). Trong quá trình đô thị hóa, những bãi đất hoang quanh trận địa trước đây, nay được thay bằng các công trình cao ốc, văn phòng của các cơ quan, doanh nghiệp... Dẫu vậy, ngoài những công trình doanh trại được cải tạo và nâng cấp thì trận địa Chèm vẫn gìn giữ được những nét xưa, vẫn thấy đâu đây những ký ức hào hùng của quân và dân thủ đô.

Hiển hiện ngay cổng ra vào doanh trại Tiểu đoàn 77 là khuôn viên và văn bia lịch sử trận địa Chèm. Trong đó điểm nhấn là hình ảnh quả tên lửa vút lên trời xanh uy nghi và tráng lệ. Càng đi vào trong trận địa, xen giữa những hàng cây xanh tỏa bóng mát là những ngôi nhà cấp 4 khang trang, sạch đẹp, với những khuôn viên vườn hoa, cây cảnh đẹp mắt. Bên những giàn hoa rợp sắc đỏ hoa mười giờ là những bệ phóng tên lửa sừng sững hiên ngang giữ trời thủ đô.

Để tìm hiểu về những chiến công làm nên lịch sử của trận địa Chèm chúng tôi đã gặp Đại tá Đinh Thế Văn - nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 77 trong những ngày tháng Chạp năm 1972. Nhà ông ở thôn Đào Thục, huyện Đông Anh, Hà Nội. Nhắc đến Tiểu đoàn 77, đến trận địa Chèm, mắt ông sáng bừng, niềm tự hào trong ông như trời dậy. Trong cuốn sổ nhỏ nhắn, bạc màu thời gian, ông ghi lại trọn vẹn các khoảnh khắc trận đánh, cả những suy tư, trăn trở đầy trách nhiệm của vị Tiểu đoàn trưởng.

Ông tự hào kể, trong 12 ngày đêm tham gia chiến dịch "Điện Biên Phủ trên không", Tiểu đoàn 77 đã hạ được 4 chiếc máy bay B52 của địch, trong đó có 3 chiếc rơi tại chỗ, đó là chiến tích đã làm nên danh tiếng trận địa Chèm lịch sử. Trong số các trận đánh tại trận địa Chèm, với Đại tá Đinh Thế Văn thì trận đánh mở màn ngày 18/12 để lại trong ông

những kỷ niệm khó quên. Đó là bởi lần đầu tiên cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn 77 hạ được pháo đài bay và là chiếc B52 thứ 2 bị hạ ngay trên bầu trời Hà Nội.

Đại tướng đến lúc bom còn vương vãi

Cho đến bây giờ, Đại tá Đinh Thế Văn vẫn chưa quên khoảnh khắc đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm trận địa vào sáng 22/12/1972. Trước đó, trận địa bị địch oanh kích dữ dội, gây thiệt hại về người và khí tài. Giữa lúc đơn vị đang khôi phục chiến đấu thì nhận được tin đại tướng đến thăm, trên trận địa lúc này còn vương vãi nhiều bom bi chưa nổ.

Đồng chí bảo vệ đại tướng hỏi Tiểu đoàn trưởng Đinh Thế Văn: “Bây giờ là giờ cao điểm, nếu địch đến, đồng chí xem có vị trí nào an toàn để bảo vệ đại tướng?”. Nhìn bối cảnh lúc ấy ông thấy thật khó trả lời, nhưng giọng ông dứt khoát: “Báo cáo đồng chí khi có địch đến, cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn 77 sẽ xả thân bảo vệ đại tướng!”.

Thay vì gặp gỡ trong hội trường, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tới, gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn giữa trận địa. Đại tướng nói: “Các đồng chí tên lửa đánh rất giỏi, cảm ơn các đồng chí. Chính các đồng chí đã cứu nguy cho đất nước lúc này. Các đồng chí phải khẩn trương sửa chữa khí tài, xây dựng quyết tâm chiến đấu, tăng cường luyện tập, phát huy chiến thắng, rút kinh nghiệm, khắc phục khuyết điểm, đánh giỏi và đánh thắng lớn hơn nữa!” Đồng chí Đỗ Quý Dân - Chính trị viên Tiểu đoàn thay mặt tiểu đoàn hứa với đại tướng chấp hành nghiêm chỉnh lời huấn thị của đại tướng.

Chỉ sau đó 2 ngày, Tiểu đoàn 77, trận địa Chèm được đón các đồng chí lãnh đạo của TP Hà Nội đến thăm, trong đó có đồng chí Chủ tịch UBND TP Trần Duy Hưng. Ngày 30/12, tiểu đoàn lại vinh dự được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng xuống thăm. Tiểu đoàn trưởng Đinh Thế Văn đã chỉ huy kíp chiến đấu diễn tập lại cách đánh B52 cho Chủ tịch xem. Xem xong Bác Tôn phất khởi biểu dương và khen ngợi cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn. Sau đó, đồng chí Lê Đức Thọ - Cố vấn đặc biệt của Chính phủ, khi ký kết xong ở Hội nghị Paris về nước, xuống sân bay liền đi thẳng đến Tiểu đoàn. Đồng chí xúc động nói: “Cảm ơn các đồng chí, chính các đồng chí đã bắt đế quốc Mỹ phải ký theo yêu cầu của Việt Nam!”.

Với thành tích chiến đấu của Tiểu đoàn 77, năm 1973, Tiểu đoàn đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân. Tên Tiểu đoàn đã ghi vào trang sử vẻ vang của thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, cũng như trận địa Chèm đã đi vào lịch sử như những Bạch Đằng, Chương Dương, Chi Lăng của thời đại mới.

Nguyễn Thành Trung (TT&VH)

BẢN LĨNH NGƯỜI HÀ NỘI LÀM NÊN CHIẾN THẮNG

"Nếu chỉ có lòng căm thù, căm thù đến mức làm lu mờ ý chí thì quân và dân ta không thể làm nên chiến thắng Hà Nội - Điện Biên phủ trên không.

Trong điều kiện chiến đấu không cân sức giữa ta và địch, sự tiên đoán, chỉ đạo tài tình của Đảng, Bác Hồ, và tinh thần, ý chí sắt đá của quân, dân ta chính là thứ vũ khí tối tân" - Trung tướng Phạm Tuân, phi công Việt Nam đầu tiên bắn rơi B52 của không quân Mỹ khẳng định trong cuộc nói chuyện với học sinh Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành (Cầu Giấy - Hà Nội) ngày 16/12.

Vũ khí của ta là ý chí

Anh hùng Phạm Tuân kể: Dùng B52 đánh vào miền Bắc Việt Nam, Mỹ biết rất rõ ta chỉ có bao nhiêu tiểu đoàn tên lửa, bao nhiêu sân bay, máy bay, bao nhiêu phi công. Vũ khí của chúng hiện đại gấp nhiều lần ta, lực lượng của chúng chênh lệch hơn ta. Không quân Mỹ chỉ đánh vào ban đêm và liên tục gây nhiễu khiến các phương tiện chiến đấu của ta dễ bị mù phương hướng. Nhưng quân và dân ta không hề khiếp sợ, ngược lại chúng ta vẫn chủ động đánh địch.

Nhớ lại thời kỳ chiến đấu với B52 trong 12 ngày đêm chiến dịch Điện Biên Phủ trên không, Đại tá Trần Hữu Hội, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 86, Trung đoàn 274 (Đoàn Tên lửa Hùng Vương) chưa bao giờ quên hình ảnh bộ đội ta ăn ngô xay vẫn bắn rơi máy bay. Ông Hội cho hay: Ban ngày các loại máy bay cường kích của địch đánh phá Hà Nội, ban đêm B52 ném bom rải thảm nên các chiến sĩ của Đoàn Tên lửa Hùng Vương thường xuyên phải ăn ngô xay, ngủ những giấc ngắn ngủi, chấp chờn trên bộ phóng để bám sát trận địa. Đêm 26/12, đêm giặc Mỹ đánh phá Hà Nội ác liệt nhất, Tiểu đoàn 86 đã bắn rơi một máy bay B52, xác máy bay này rơi xuống Phù Lỗ.

Từng chỉ huy Tiểu đoàn 77, Trung đoàn Tên lửa 257, Sư đoàn Phòng không 361 (Đoàn Cờ Đỏ), Quân chủng Phòng không - Không quân, Đại tá Đinh Thế Văn nhớ rõ từng chi tiết trong các trận chiến đấu với B52. Ông cho biết, mưa bom, lửa đạn khốc liệt của kẻ thù không quật ngã được tinh thần, ý chí chiến đấu của bộ đội ta, trong đó có Trung đội trưởng Bộ đạn, Đại đội 2, Tiểu đoàn 77 Nguyễn Văn Hảo. Ngày 28/12, khi đang nghỉ giải quyết việc riêng, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Hảo nghe tin máy bay B52 ném bom Hà Nội đã từ quê Quảng Ninh về tham gia chiến đấu. Anh bị trúng bom, hy sinh ngay trên trận địa. Trong đợt không kích của máy bay Mỹ vào trận địa Chèm, Chính trị viên Đại đội 2 Nguyễn Văn Quyền, cũng bị thương khi đang chỉ huy bộ đội thu hồi bộ để kéo khí tài ra khỏi trận địa... Kể đến đây, vị Tiểu đoàn trưởng của tiểu đoàn bắn rơi nhiều máy bay B52 nhất trên bầu trời Hà Nội không kìm được xúc động, giọng nói hào sảng của ông bỗng lạc đi, đôi mắt rung rung. Hàng trăm người dưới hội trường phường Ô Chợ Dừa (Đống Đa) trong buổi giao lưu, gặp gỡ nhân chứng kỷ niệm 40 năm chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” chiều 14/12 nghe ông Đinh Thế Văn kể đã lặng đi, rung rung nước mắt.

Ngoài lực lượng chính quy, những trận địa phòng không của dân quân tự vệ cũng góp phần không nhỏ làm nên chiến thắng. Điển hình là trận địa pháo cao xạ 14,5 ly của những chiến sĩ “sao vương” Nhà máy Cơ khí Lương Yên, Nhà máy Cơ khí Mai Động, Nhà máy Gỗ Hà Nội tại Văn Đồn, ngoài bãi sông Hồng lập nên kỳ tích bắn rơi máy bay F111 cánh cụp cánh xòe đêm 22/12/1972. Trong căn nhà ở phường Ngọc Lâm (quận Long Biên), nguyên xạ thủ số 1 Nguyễn Văn Hùng, tự vệ Nhà máy Cơ khí Lương Yên kể về giây phút hạ máy bay F111 đầy tự hào. “Lúc đó tinh thần chiến đấu của anh em tự vệ cao lắm. Tôi là Trung đội phó nên thường xuyên ra vào trận địa, theo dõi, đôn đốc anh chị em thực hiện tốt nhiệm vụ. Nhà máy có 500 người thì có trên 100 người tham gia tự vệ, lập thành 4 khẩu đội. Mỗi tháng có một tuần trực chiến, thời gian còn lại tham gia sản xuất bình thường” - Ông Hùng cho hay.

Gìn giữ, phát huy giá trị của chiến thắng

Đánh giá về chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, ông Dương Trung Quốc, Tổng Thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam khẳng định: Chúng ta đã đập tan âm mưu “đưa miền Bắc Việt Nam trở lại thời

kỳ đồ đá” của đế quốc Mỹ bằng chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” trong điều kiện chênh lệch về lực lượng chiến đấu nhưng dư thừa quyết tâm, ý chí, đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975. Vì thế, “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” không chỉ là một trận đánh, mà còn là một hệ giá trị rất cần được các thế hệ người Việt Nam kế thừa, phát huy. Ông đã kể cho học sinh Trường THCS Nguyễn Tất Thành (quận Cầu Giấy) hôm 16/12 vừa qua, rằng: “Năm 2011, cả thế giới ngưỡng mộ, khâm phục khi chứng kiến người dân Nhật Bản trật tự, kiên cường, bình tĩnh trước thảm họa động đất, sóng thần. Các bạn trẻ hôm nay ít người biết rằng, trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, người Hà Nội cũng rất bình bình, mỗi người một việc, chỉ trong một đêm, hơn 50 vạn dân Hà Nội đã lạng lã sơ tán trong khi thiếu phương tiện đi lại, thiếu phương tiện thông tin. Họ sẵn sàng giao nhà, giao những đứa con thân yêu nhờ hàng xóm nuôi dưỡng, trông coi vì mục đích chung, còn người vùng nông thôn thì nông hậu mở cửa nhà mình đón người Hà Nội về sơ tán. Tinh thần đó đáng khâm phục, đáng trân trọng lắm chứ, cần được trao truyền, gìn giữ và phát huy lắm chứ”.

Cũng tại buổi nói chuyện này, Anh hùng Phạm Tuân chia sẻ: “Tôi luôn mong ước trở thành phi công chiến đấu, nhưng cơ thể vốn gầy gò, lại thêm bệnh rối loạn nhịp tim nên tôi bị loại khỏi vòng khám tuyển. Năm 1965, tôi được cử sang Liên Xô (cũ) để học sửa chữa ra đa trên máy bay, vừa học tôi vừa rèn luyện, khắc phục các điểm yếu thể trạng, cuối cùng mong ước được lái máy bay của tôi trở thành hiện thực. Lạ hơn, khi ngồi trên buồng lái, đối mặt với nhiều áp lực, tim tôi lại ổn định”. Từ trải nghiệm thực tế của bản thân, Anh hùng phi công Phạm Tuân đưa ra lời khuyên: “Điều kiện để các cháu phấn đấu, rèn luyện thuận lợi hơn thế hệ các bác rất nhiều. Bản thân các cháu có cơ sở văn hóa, nền tảng truyền thống vững chắc, chỉ cần các cháu có chung mục tiêu, lý tưởng xây dựng quê hương, đất nước no ấm, hạnh phúc, hòa bình và các cháu không ngừng rèn luyện, phấn đấu thì chắc chắn mục tiêu ấy sẽ trở thành hiện thực. Thành quả cách mạng mà thế hệ các bác dày công gây dựng nhờ đó cũng sẽ được nhân lên”.

Lắng nghe những lời căn dặn này, em Phan Văn Cường, lớp 8A4, Trường THCS Nguyễn Tất Thành tâm sự: “Em thấy trong lòng trĩu nặng tình yêu quê hương, đất nước, thấy mình cần có trách nhiệm với tương lai. Em hiểu được rằng, trong cuộc sống hằng ngày chúng em phải biết sàng lọc thông tin để tiếp nhận cho đúng, phải ứng xử với bạn bè, người thân, với xã hội nhân văn hơn, giảm cái tôi cá nhân đi”. Có lẽ suy nghĩ của em Phan Văn Cường cũng là suy nghĩ chung của thế hệ học sinh hôm nay.

(Theo HNO)

CHIẾN DỊCH LINEBACKER II DƯỚI CON MẮT CỦA SỬ GIA MỸ

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ đã được nhiều nhà sử học Mỹ nghiên cứu và biên soạn rất công phu. Năm 2009, một sử gia nổi tiếng của Mỹ cho xuất bản công trình nghiên cứu mới về cuộc chiến tranh Việt Nam. Báo Quân đội nhân dân xin giới thiệu với độc giả một trích đoạn về chiến dịch ném bom Linebacker II vào dịp lễ Giáng sinh 1972, trích từ cuốn Việt nam - Lịch sử một cuộc chiến tranh không thể thắng 1945-1975 của tác giả John Prados (Vietnam, The History of an Unwinnable War, 1945-1975), xuất bản năm 2009.

Sự chuẩn bị cho “12 ngày đêm”

Chiến dịch ném bom mùa Giáng sinh 1972 của Mỹ vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ 18-12 đến 30-12. Ngày đầu tiên đã có 129 lần xuất kích của máy bay chiến lược B52, với sự hộ tống của rất nhiều máy bay cường kích-oanh tạc và các loại máy bay chi viện A-6 của Hải quân Mỹ. Chiếc máy bay ném bom dẫn đường do phi công đại úy Hal Wilson điều khiển, báo cáo về việc họ đang gặp phải một loạt hàng rào tên lửa SAM (đắt đối không) của quân đội Bắc Việt. Ngay đêm đó, máy bay B-52 của đại úy phi công Hal Wilson là một trong ba chiếc B52 bị bắn rơi tại trận, vì Hà Nội đã chuẩn bị đối phó từ trước. Ngay từ đầu năm 1968, một lần đến thăm Sở chỉ huy của Lực lượng Phòng không, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên đoán Mỹ sẽ cho B52 tấn công Hà Nội một ngày nào đó trong tương lai. Quân ủy Trung ương của quân đội Bắc Việt đã thông suốt dự đoán đó và đã giao nhiệm vụ cho các chuyên gia quân sự nghiên cứu cách đánh B52. Ngay từ chiến dịch Đông-Xuân đầu năm 1972, tướng Võ Nguyên Giáp đã có chỉ thị việc chuẩn bị cụ thể và cho bộ đội bắt đầu việc huấn luyện. Ngày

24-11-1972, tướng Văn Tiến Dũng đã trình bày kế hoạch tác chiến của Lực lượng Phòng không - Không quân và ra lệnh mọi việc phải hoàn thành đúng ngày 3-12. Ngay từ ngày đó, thị trưởng Hà Nội bắt đầu cho thường dân sơ tán khỏi thành phố.

Sáng ngày 18-12, trong cuộc giao ban hằng ngày của Bộ Tổng tham mưu đã báo cáo có một tình hình rất đặc biệt, báo trước sẽ có sự việc bất thường sắp xảy ra là có hiện tượng hoạt động của B52 ngừng hẳn trên toàn miền Nam, đồng thời với việc bộ phận thu tin bắt được một bản tin vô tuyến điện của một máy bay trinh sát thời tiết của Mỹ bay qua bầu trời Hà Nội báo cáo về Sở chỉ huy tình hình thời tiết vùng trời ở đây. Lực lượng phòng không được báo động sẵn sàng chiến đấu. Chỉ sau chốc lát, 7 giờ tối hôm đó, tướng Giáp được tin báo B52 đã cất cánh từ đảo Guam và Thái Lan. Số máy bay cất cánh từ Thái Lan được phát hiện bay dọc theo sông Mê Công ra hướng Bắc. Chưa đến một giờ sau, tướng Giáp nhận được báo cáo, một chiếc B52 đã bị bắn hạ do một đơn vị của Trung đoàn Tên lửa 261. Cuộc ném bom đã thực sự bắt đầu.

Trong 12 ngày đêm, Bắc Việt Nam đã thực hiện tất cả những gì họ có thể làm để chống lại quân địch - bắn hàng loạt tên lửa SAM, đưa máy bay tiêm kích vào hoạt động, thậm chí có một máy bay tiêm kích đã lao thẳng vào tấn công B-52. Theo tin phía Mỹ, đã có 15 chiếc B-52 bị bắn hạ, 9 chiếc khác bị bắn hỏng, phần lớn số này thuộc loại mới cải tiến, B-52G, mặc dù loại này được thiết kế để sử dụng trong tác chiến tấn công bằng vũ khí nguyên tử nhằm đối phó với Lực lượng Phòng không của quân đội Liên Xô, nhưng loại này lại kém hiệu quả thua loại B-52D về trang bị chống nhiễu điện tử đang sử dụng. Có 7 máy bay chiến thuật bị bắn rơi trong số 640 lần xuất kích. Thiệt hại của Mỹ về người: Có 39 phi công phải vào trại giam của Hà Nội, 35 nhân viên phi hành đoàn tử trận và mất tích. Tổng cộng có 795 lần B-52 xuất kích, đã ném xuống 15.000 tấn bom đạn, chưa kể số bom đạn các loại máy bay nhỏ hơn sử dụng. (Lưu ý các số liệu này được trích trong cuốn sách và theo nguồn của tác giả cuốn sách - người dịch).

Tiếng nói của những người Mỹ có lương tri

Trong số những yếu tố làm tăng thêm tình trạng phần nộ về mặt chính trị đối với cuộc ném bom trong mùa Giáng sinh 1972 là những lời lên án máy bay Mỹ đã giết hại thường dân và gây ra những hậu quả khác

mà các quan chức Mỹ nói cho nhẹ bớt đi là “thiệt hại phụ liên đới”. Tin về Bệnh viện Bạch Mai bị bom tàn phá ở vùng ngoại ô Hà Nội và một nơi gần kề được truyền đi tràn lan. Không quân tìm cách cải chính là họ đã thực hiện các cuộc công kích rất đúng mục tiêu.

Một số người Mỹ có thể nói thẳng ra việc này, trong đó có Barry Romo của Tổ chức Cựu chiến binh Chiến tranh Việt Nam chống chiến tranh (VVAW). Romo đã cùng nữ danh ca Mỹ Joan Baez và cựu công tố viên Tòa Án Nuremberg xử tội phạm chiến tranh phát xít Đức khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai là Telford Taylor đã sang Việt Nam ngay lúc cuộc ném bom bắt đầu.

Từ sân bay Phúc Yên lên xe đi về phía Nam, họ dừng xe tại làng Đức Nội. Họ được dân làng và các em học sinh ở trường địa phương ra chào đón. Những người khách Mỹ mới đến Việt Nam lần đầu rất ngạc nhiên làm sao các nông dân ở địa phương lại nhận ra số khách này không phải là người Nga. Một nông dân nói: “Người Nga có mặc quần jeans xanh và mang đàn guitar đâu?”. Phía bên kia một bức tường đá là một khoảng đất rộng ngổn ngang đường ray xe lửa đã bị bom phá nát một phần. Telford Taylor chỉ vào các hố bom, nói với Romo: “Thấy không? Thành công ném bom chính xác trúng mục tiêu đấy”. Đoàn khách tiếp tục đi về phía Hà Nội, nơi cuộc thăm của họ sẽ kết thúc. Những ngày sau đó, nhiều lần họ phải chạy xuống hầm ẩn nấp khi có bom rơi, ban ngày họ đến khu Bệnh viện Bạch Mai và một số nơi bị bom tàn phá nặng nề. Nữ ca sĩ Baez dành phần lớn thời gian vừa hát vừa chơi guitar. Còn Taylor chốc chốc lại tu một ngụm rượu. Họ rời khỏi Hà Nội lúc quân Mỹ tạm ngừng ném bom trong ngày lễ Giáng sinh. Đoàn khách Mỹ lại đi qua làng Đức Nội để ra sân bay. Bây giờ thì cả làng Đức Nội đã bị xóa sổ hoàn toàn, các bức tường đá cũng biến mất, không để sót lại một thứ gì trừ cảnh đổ nát tan hoang và những xác dân làng bị tàn sát vì bom Mỹ. Cựu chiến binh Romo không nói được gì nhưng anh nhìn thấy nước mắt ứ đầy trong hai mắt của Telford Taylor.

Nhiều tháng sau, khi trở về nước, trong các buổi nói chuyện trước công chúng, Taylor không ngớt lời tố cáo quân đội Mỹ đã có những hành động dã man tàn bạo trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông nói đến vụ Mỹ Lai và các vụ khác. Ông đặc biệt nhấn mạnh đến sự vi phạm luật

chiến tranh của Mỹ trong việc ném bom tàn bạo không phân biệt đối với các mục tiêu dân sự ở Bắc Việt Nam...

Không chịu đựng nổi thiệt hại

Lực lượng Bắc Việt tin tưởng rằng họ đã tiêu diệt được 31 B-52 của Mỹ. Họ coi thắng lợi của họ trong chiến dịch Linebacker II chống Mỹ là một "Điện Biên Phủ trên không". Con số tính toán của họ về số máy bay Mỹ bị bắn hạ và tỷ lệ thiệt hại của Mỹ là khá cao, nhưng nói chung, xét về tổng thể, họ nói như thế là chính xác nếu nhìn về lâu dài: Mỹ đã tung ra khoảng 200 B52 vào cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á và đã bị bắn rơi 15 chiếc (theo con số Mỹ công nhận, có nghĩa là bị tổn thất với tỷ lệ 7,3%). Trong chiến dịch này, Mỹ đã phải chuyển một số lớn B52 ra khỏi nhiệm vụ tấn công hạt nhân. Tướng Võ Nguyên Giáp cho biết, trong nhiều tuần lễ trước khi Mỹ bắt đầu Linebacker II, Hà Nội đã chuyển máy trăm tên lửa SAM xuống vùng cán soong của Bắc Việt Nam (phía Bắc khu 4), số tên lửa này có thể cho di chuyển ra bảo vệ Hà Nội bất kể Liên Xô có kịp đưa thêm tên lửa mới sang không.

Về phía Mỹ, Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược Mỹ không thể chấp nhận được việc chuyển nhiệm vụ chiến lược của các B-52 và cũng không thể chịu đựng được sự thiệt hại trong thời gian lâu hơn, dù cho tỷ lệ thiệt hại có thể thấp hơn nhiều trước khi có thể gây được tác động lớn đối với Bắc Việt trong trường hợp Mỹ sử dụng khả năng tác chiến nguyên tử của mình.

Quang Doãn (Báo Quân đội Nhân dân)

B52 "SẮP CHẾT" MÀ KHÔNG BIẾT

Từ những năm 60 của thế kỷ 20, chúng ta đã bắt đầu tìm hiểu về máy bay ném bom chiến lược B52. Công việc vô cùng khó khăn, nguy hiểm nhưng cuối cùng những chiến sĩ Tình báo Quân sự cũng thành công khi "bắt" được "thóp" "pháo đài bay"... Suốt 12 ngày đêm chiến dịch "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không", những thông tin sớm của tình báo đã giúp lưới lửa phòng không chủ động hiệp đồng để "khai tử" những "pháo đài bay", "thần sấm", "con ma"...

Trên đây là lời đầu tiên trong câu chuyện do Thiếu tướng Vũ Thắng, nguyên Cục Phó Cục Nghiên cứu, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Cục 2) khi ông kể về những chiến công xuất sắc của Cục 2 (nay

là Tổng cục II, BQP) trong việc nắm tin tức về B52 mà đỉnh cao là chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

Dứt khoát tối nay (18-12-1972), địch sẽ đánh!

Đánh giá về thành tích trên, Thiếu tướng Nguyễn Văn Ninh, nguyên Phó Cục trưởng Cục Tác chiến - BTTM, người đã “theo sát” Cục 2 khi đó, kể lại: Tôi nhớ, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18-12-1972, 4 giờ trước khi B52 đến đánh Hà Nội, đại tá Phan Mạc Lâm (khi đó có nhiệm vụ hỏi cung phi công Mỹ) đến thông báo: Mật lệnh JCS (Bộ tham mưu Liên quân Mỹ) gửi BTL Thái Bình Dương. Cuộc tập kích đã bắt đầu. Có nhiều tốp máy bay B52 cất cánh từ sân bay An-đéc-son (đảo Gu-am) đến ném bom miền Bắc. Sau khi tình báo có tin, trực ban phòng không của Quân chủng Phòng không - Không quân (PKKQ) cũng thông báo: Đại đội ra-đa 16 và 45 của Trung đoàn 291 ở Đô Lương, Nghệ An đã phát hiện nhiều tốp B52 đang bay trên vùng trời dọc sông Mê Công ra phía Bắc. Chúng tôi đi đến nhận định: Dứt khoát tối nay (18-12-1972), địch sẽ đánh.

Để khẳng định được một từ “dứt khoát” ấy, biết bao cán bộ tình báo quân sự đã phải ngày đêm bám sát đối phương, theo dõi chúng từ những động thái nhỏ nhất, trong suốt một thời gian dài. Thiếu tướng Vũ Thắng nhớ lại, khi ấy ông phụ trách công tác xây dựng lực lượng tình báo, được cấp trên phân công nắm tin tức về B52. “Để hiểu rõ hơn câu chuyện vì sao ta biết trước tính năng kỹ chiến thuật, cách thức tổ chức đội hình, giờ bay, hướng bay, mục tiêu đánh phá...là cả một câu chuyện, trải dài trong nhiều năm”.

Kể về cái “duyên” với tình báo, Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết, đồng chí Nguyễn Chí Thanh biết tôi hoạt động vùng địch hậu, có kinh nghiệm đối phó với địch, như chống càn, nắm địch, đánh địch cho nên nói tôi làm công tác tình báo là phù hợp.

Năm 1951, khi về Bộ Tổng tham mưu, ông được giao nhiệm vụ cùng một số đồng chí khác xây dựng lực lượng, nắm địch của Phòng điệp báo thuộc Cục 2. Cuối năm 1953, đầu năm 1954 ông vào Nam phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ trên chiến trường miền Nam. Năm 1966 ông được điều động ra Bắc và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tổ chức lực lượng tình báo. Lúc đó, chiến trường vô cùng ác liệt, chiến tranh đã mở rộng hơn, các hoạt động tình báo vì thế cũng căng thẳng hơn.

Làm thế nào để nắm chắc các chiến lược của Mỹ? Ngoài những cơ sở mật đang hoạt động trong bộ máy của chính quyền Mỹ - ngay khi đó, Tình báo Quân sự của ta phải nắm chắc mọi âm mưu, ý đồ của Mỹ ở nước ngoài, nhất là các nước trong khối SEATO (khối quân sự Đông Nam Á do Mỹ tổ chức gồm 5 nước: Thái Lan, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po). Và câu chuyện về B52 cũng liên quan trực tiếp tới một số nước như Thái Lan, Phi-líp-pin.

Tại thời điểm đó, Thái Lan và Phi-líp-pin được Mỹ chi tiền để gấp rút xây dựng nâng cấp, tôn tạo thêm một số căn cứ quân sự, trong đó có các sân bay tiêm kích, cường kích, các quân cảng hiện đại. Đưa vào hoạt động các sân bay mà B52 có thể cất hạ cánh ở Thái Lan, Phi-líp-pin, đảo Gu-am là dấu hiệu cho thấy rõ, Mỹ đã chắc chắn mở rộng cuộc chiến ở Việt Nam.

Nắm địch bằng mọi con đường

Câu hỏi của cấp trên đặt ra cho Tình báo Quân sự thời điểm đó là vô cùng khó khăn: Mỹ sẽ tổ chức lực lượng nào, sử dụng trang bị kỹ thuật, phương tiện và vũ khí gì, phương thức tác chiến... trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc? Trong khi, lực lượng tình báo quân sự, lúc đó đã tập trung hầu hết cho chiến trường Miền Nam theo chỉ thị của Bộ Quốc phòng. Vào thời điểm ấy, Cục 2, Cục trưởng là đồng chí Phan Bình. Đồng chí Cục phó Nguyễn Như Văn phụ trách trực tiếp trong chiến trường Miền Nam. Thiếu tướng Vũ Thắng khi đó được giao nhiệm vụ phụ trách công tác xây dựng lực lượng, bảo đảm kỹ thuật và hậu cần. Thiếu tướng Tống Trần Thuật phụ trách tổng hợp, nghiên cứu và xử lý tin tức để báo cáo trên... Về quan hệ quốc tế, hồi đó chúng ta cũng chưa mở quan hệ rộng rãi như bây giờ. Các nước trong khu vực Đông Nam Á chưa đặt quan hệ với ta. Ta chỉ có quan hệ với các nước trong hệ thống XHCN như Trung Quốc, Liên Xô và Lào, Cam-pu-chia mà thôi. Trong khi đó, ở Đông Nam Á Mỹ đã lôi kéo một số nước làm đồng minh rồi dựng lên chính phủ tay sai thân Mỹ và thực hiện chính sách thâm độc đưa cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

Mặc dù trong quan hệ quốc tế lúc đó, do sức ép của Mỹ, ta đang bị bao vây chặt nhưng chúng ta đã cố gắng tranh thủ các tổ chức, nhân sĩ, trí thức ở các nước thứ 3 và các lực lượng tiến bộ để nắm địch.

Thời kỳ đó, Thái Lan có các căn cứ quân sự, quân cảng và sân bay B52, nơi Mỹ sử dụng để xâm lược Việt Nam. Ở Lào, Mỹ đã xây dựng một đài chỉ huy điều hành bay ngay tại căn cứ của Vàng Pao, đó là những nơi chúng ta cần quan tâm. Với tinh thần mưu trí, dũng cảm, kiên trì và tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế cùng nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, ta đã nắm được kế hoạch của địch và thu thập được nhiều tin tức, tài liệu quan trọng, trong đó có một tấm bản đồ khu vực phòng thủ của Vàng Pao ở Lào.

B52 - ta không có gì bất ngờ hết

Trở lại với câu chuyện B52, Thiếu tướng Vũ Thắng một lần nữa khẳng định: Về vấn đề B52 đánh vào Việt Nam và sau này đánh ra miền Bắc mà trọng điểm là Hà Nội, đúng về mặt chiến lược ta không bị bất ngờ. Ta nắm rất chắc âm mưu, ý đồ của Mỹ. Vì thời điểm đó, các lưới tình báo của chúng ta ở trong nước như lưới của Anh hùng tình báo Phạm Xuân Ẩn (Hai Trung); của Anh hùng tình báo Ba Quốc (đồng chí Đặng Trần Đức) đã nắm và báo cáo kịp thời những tin tức vô cùng quý giá liên quan tới B52 về Cục 2 và Bộ Quốc phòng.

Ngay từ những năm 1960, tình báo của ta đã nắm được ý định của Mỹ muốn sử dụng căn cứ quân sự U-ta-pao và đảo Gu-am làm căn cứ xuất phát của máy bay chiến lược B52 để tiến hành ném bom Việt Nam. Đầu năm 1967, sân bay U-ta-pao được hoàn thiện với nhiều cơ sở kỹ thuật hiện đại. Theo tính toán của Mỹ, căn cứ này rất thuận tiện cho việc tấn công miền Bắc. Các máy bay B52 hoạt động mà không cần tiếp nhiên liệu trên không. Đồng thời, do cự ly giữa căn cứ với các điểm đánh phá tại Việt Nam là tương đối gần, tần suất đánh phá của một máy bay sẽ cao hơn, khả năng tiếp vận cũng tốt hơn. Xuất phát từ ý đồ này, những phi vụ đầu tiên mang tính tập dượt tại khu vực Bến Cát (tây bắc Sài Gòn) đã khiến Mỹ rất tin tưởng để cho B52 xuất kích từ sân bay này.

Sau vụ đế quốc Mỹ sử dụng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm khu vực Bến Cát, ngày 19-7-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân, tại Trung đoàn 234 (Đoàn pháo cao xạ Tam Đảo) Bác khẳng định: "...Dù đế quốc Mỹ có lăm sừng, nhiều tiền, dù chúng có B57, B52 hay "bê" gì đi chăng nữa ta cũng đánh. Từng ấy máy bay, từng ấy quân Mỹ chứ nhiều hơn nữa ta cũng đánh, mà

đã đánh là nhất định thắng". Như vậy có thể khẳng định, chủ trương chiến lược của đế quốc Mỹ chúng ta biết rồi. Vì sao? Đó chính là có chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy đối với tình báo quân sự. "Ngay từ rất sớm, Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy đã chỉ đạo phải tìm mọi cách nắm cho được tất cả các lực lượng của Mỹ, trong đó vấn đề B52", Thiếu tướng Vũ Thắng nhấn mạnh.

Ở đâu có B52 ta đánh ở đó

Sau Tết Mậu Thân 1968, Bộ Chính trị chỉ thị Bộ Quốc phòng dùng lực lượng tình báo quân sự bất ngờ đánh vào hai căn cứ quân sự của Mỹ ở U-đôn và U-ta-pao, nơi có các máy bay B52 sẽ cất cánh. Kể về bối cảnh lúc đó tại sao ta lại tấn công hai căn cứ này, Thiếu tướng Vũ Thắng nhớ lại: Mấy tháng sau Tổng tấn công Mậu Thân, Bộ Quốc phòng, mà trực tiếp là Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng triệu tập đồng chí Phan Bình, Cục trưởng Cục 2 lên giao nhiệm vụ cho tình báo tập kích sân bay U-ta-pao. Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng căn dặn: dù có hi sinh cũng phải đánh. Đánh để cho Mỹ thấy rằng, ở bất cứ nơi nào B52 cất cánh xâm lược Việt Nam, thì ở nơi đó Nhân dân Việt Nam đều có thể tiến đánh.

Lệnh của trên đã đề ra, và lưu ý, đánh địch nhưng ta tiêu hao sinh lực ít nhất, tức là thắng lợi lớn. Thiếu tướng Vũ Thắng nhớ lại: "Chúng tôi về bàn bạc kế hoạch, xây dựng lực lượng, tiến hành mọi công tác chuẩn bị. Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng tôi phải chọn những đồng chí có kinh nghiệm, nắm chắc địa bàn, am hiểu về phong tục tập quán. Hai đồng chí Đại úy (hiện là Đại tá) Phùng Hồng Lâm và Thượng úy (hiện là Đại tá) Lê Văn Đình được giao nhiệm vụ tập kích sân bay U-ta-pao.

Ngoài hướng U-ta-pao, chúng tôi cũng đề xuất với trên cho đánh sân bay U-đôn vì đây là nơi máy bay cường kích và tiêm kích của Mỹ cất cánh oanh tạc Lào và miền Bắc Việt Nam. Được trên chấp thuận, chúng tôi tổ chức một tổ do đồng chí Đại úy Trần Viết Tính làm tổ trưởng, các tổ viên gồm bốn đồng chí: Lê Đức Mục, Võ Tá Kiều, Nguyễn Văn Triêm và đồng chí Bùi Thế Sách, đa phần là các đồng chí đã có kinh nghiệm và công tác lâu năm trong Cục, lại rất giỏi ngoại ngữ. Trước khi thực hiện nhiệm vụ tập kích căn cứ U-ta-pao các đồng chí ấy được chúng tôi gửi sang Bình chủng Đặc công để huấn

luyện. Đồng chí Tư lệnh Đặc công nhận nhiệm vụ huấn luyện riêng cách đánh sân bay trong khoảng thời gian hai tuần tại Xuân Mai.

Về vũ khí huấn luyện, chúng tôi đề nghị trên cấp cho thuốc nổ C4 và AK báng gập. Đồng thời, Cục giao cho đồng chí Lê Thoong, cán bộ phòng 76 làm nhiệm vụ giao thông và phụ trách chuyển vũ khí trang bị từ Hà Nội đến nơi tập kết".

Kể về diễn biến trận đánh, Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết: Qua trinh sát, ta nhận định đánh vào sân bay U-đôn dễ hơn. Trên chỉ thị cho đánh U-đôn trước. Tháng 4-1968, ta tổ chức lực lượng đánh vào U-đôn. Kết quả, ta tiêu diệt được 2 máy bay, làm hỏng nặng 2 chiếc khác, tiêu diệt và làm bị thương gần 30 sĩ quan, nhân viên kỹ thuật của Mỹ. Trong trận tập kích đó, hai đồng chí của ta hy sinh, được kiếu bào ở đây chôn cất chu đáo.

Cũng trong năm 1968, khoảng tháng 8, nước sông Mê Kông dâng cao, tiến đánh U-ta-pao là rất khó khăn, nên Mỹ chủ quan không đề phòng. Sau khi trinh sát, ngày 5-8-1968, ta tổ chức lực lượng đánh vào sân bay U-ta-pao. Kết quả, ta tiêu diệt được 2 máy bay B-52, làm hỏng 2 cái khác, phá hủy đài chỉ huy không lưu của sân bay và đường băng, sau một tuần chúng mới khắc phục được. Quân ta không tổn thất về người vì sau khi đặt thuốc nổ xong xuôi, anh em lên taxi rời khỏi đó rất xa rồi mới nghe thấy tiếng nổ.

Tiếng Anh - chìa khóa mở cánh cửa đầu tiên của B52

Căn cứ vào diễn biến cuộc chiến tại Việt Nam, thông tin tình báo chiến lược báo về cho biết, Mỹ chắc chắn sẽ leo thang. Do nắm chắc được âm mưu của Mỹ sẽ can thiệp sâu hơn vào miền Nam Việt Nam, tình báo quân sự đã chủ động xây dựng lực lượng, củng cố thế trận để thu thập tin tức. Kể về khó khăn ngày đầu, Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết: "Cục tình báo từ khi đánh Pháp cho đến nay, vấn đề lực lượng nắm B52 gặp nhiều khó khăn. Mình chưa biết tiếng Anh nhiều, chủ yếu biết tiếng Pháp. Cho nên phải đào tạo một số cán bộ giỏi tiếng Anh để nắm Mỹ, rồi đưa vào Miền Nam chi viện cho Miền Nam, hồi đó lực lượng rất là ít...".

Thiếu tướng Thắng nhớ lại: "Tôi phải lên xin đồng chí Tố Hữu, lúc đó là Ủy viên Bộ Chính trị, trưởng Ban Tuyên huấn trung ương để cử 6 cán bộ đi học tại trường Đại học sư phạm Ngoại ngữ, khoa Anh văn. Nghe tôi trình bày xong, đồng chí Tố Hữu tán thành ngay. Đồng chí còn căn dặn:

Đồng ý, các cậu phải chọn cán bộ thế nào để học cho giỏi, học thì học cho ra trò".

Cán bộ tình báo quân sự được tuyển chọn đi học đều là những người giỏi tiếng Pháp, vì vậy học tiếng Anh cũng khá thuận lợi. Kết quả sau hai năm, đều đạt loại giỏi. Từ khi có chút vốn liếng tiếng Anh, nhóm nghiên cứu miệt mài đọc, dịch tài liệu của Mỹ, rồi tập nghe thoại của Mỹ (đối tượng là từ lóng của phi công). Sau khi các "hạt giống" này thực sự nắm chắc các kiến thức, một số đồng chí được cử ra làm giáo viên, đào tạo thêm nhiều cán bộ khác, học tập trung ngay trong Cục. Khóa học đầu tiên đào tạo đến ba bốn chục đồng chí nữa. Số học viên thế hệ hai này được cử vào chi viện cho miền Nam. Tại miền Bắc, cán bộ của Cục 2 được học tăng cường thêm kiến thức kỹ thuật, sau đó mở một lớp bốn chục đồng chí học ở Yên Sở. Chính từ lớp học thực tế này mà nhiều đồng chí đã trưởng thành.

Thiếu tướng Vũ Thắng tự hào kể: "Những cán bộ lứa đầu tiên thực sự là những át chủ bài đấy. Có nhiều đồng chí sau này là cán bộ nòng cốt của Cục. Có thể thấy rõ, chiến lược đào tạo kịp thời đã bổ sung cho trình sát kỹ thuật những "chuyên gia" nắm không quân Mỹ rất chuẩn. Từ chỗ nghe được phi công Mỹ liên lạc với nhau bằng tiếng Anh, nắm chắc ký, tín, ám hiệu của địch, ta đã biết rõ ngày, giờ, đội hình, địa điểm nào B52 sẽ xuất phát và tới oanh tạc ở đâu. Như vậy, có thể khẳng định, Hà Nội đã có từ 3-5 giờ đồng hồ để chuẩn bị "đón tiếp" B52 một cách "chu đáo".

Lộ ra "tử huyệt"

Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết, nghe thì tưởng đơn giản vậy thôi. Chưa nói tới những máy móc trang bị kỹ thuật, chỉ riêng việc hiểu được thứ tiếng Anh "lóng" của phi công Mỹ, cũng đã là một kỳ công. Các phi công Mỹ khi lên máy bay đều liên lạc với nhau bằng kỹ thuật riêng, được quy định chặt chẽ. Sở dĩ ta nắm được là do trước đó đã có hiểu biết nhất định. Sau này, khi bắt được phi công Mỹ, ta tiếp tục khai thác và dần dần ta cơ bản nắm được liên lạc của phi công Mỹ.

Để nắm chắc "đường đi nước bước" của B52, quan trọng nhất là phải tiếp cận gần sát với các kỹ thuật liên quan tới B52. Ý thức rõ điều này, từ rất sớm, nhiều cán bộ mang theo máy móc, vượt Trường Sơn vào thực tế ở miền Nam. Chuyến đầu tiên, Cục chi viện được 3 người. Sau đó đào tạo thêm 10 đồng chí. Ngoài Anh vẫn còn có một số ngoại ngữ khác. Như vậy,

những nơi quân đội Mỹ có căn cứ của B52 ta đều theo dõi sát sao. Anh em được cử đi làm nhiệm vụ làm rất tốt. Những chiếc máy của Cục chỉ viện nghe được rất tốt và thông tin anh em nắm được đã được xử lý nhanh chóng và báo kịp thời với trên, Thiếu tướng Vũ Thắng nhận xét.

Ông vẫn còn nhớ như in tên của những cán bộ đầu tiên vào Nam hoạt động: Đó là đồng chí Viên người Hà Nội. Sau này đồng chí đó được trên điều về làm trưởng phòng quân báo của quân khu 7. Ngoài đồng chí Viên, còn có đồng chí Doãn Tới, đồng chí Nguyễn Văn Du. Thiếu tướng Vũ Thắng đặc biệt ấn tượng với đồng chí Du vì đồng chí Du rất giỏi tiếng Anh. Tiểu đoàn Trinh sát kỹ thuật do đồng chí Du phụ trách khi ấy cũng lập nhiều chiến công. Tiếp theo là các đồng chí Nguyễn Trọng Tô, Võ Quang..

Công tác nắm địch để có tin tức về B52 của Cục 2 diễn ra liên tục dưới nhiều hình thức. Ngoài lực lượng nắm trực tiếp, còn có lực lượng nắm địch qua hỏi cung, các nguồn tin công khai, bán công khai..

Nhắc tới “kỹ thuật” khai thác tù binh là phi công, Thiếu tướng Vũ Thắng cười hóm hỉnh: Quả thật là một cuộc đấu trí gian nan nhưng cũng rất thú vị. Trong số những người khai thác tù binh giỏi có Đại tá Phan Mạc Lâm. Đại tá Lâm cũng như một số đồng chí đã có kinh nghiệm hỏi cung tù binh Pháp rồi, vì vậy, việc hỏi cung phi công Mỹ cũng không phải là quá khó khăn. Bởi vì, hầu hết phi công Mỹ đều là con nhà có điều kiện, khi bị bắt rơi về cơ bản đều rất lo lắng. Thứ 2, số phi công hầu hết đều sương quen rồi, giờ ăn ở theo chế độ của ta, họ thấy gò bó và rất khổ. Khi thì họ thèm điều thuốc lá, khi thì thèm ăn hoa quả..những thứ đó không có gì khó đối với ta. Song với tình báo, chừng đó cũng có thể là một “món” vũ khí lợi hại để có thể khai thác tin tức. Ông kể, nhiều khi ta chỉ có chuỗi thôi nhưng mấy tên phi công cảm ơn rồi rít rỏi khai báo những điều ta cần biết. Thông tin của những tù binh này quả rất hữu ích. Ta nắm chắc hơn những từ “lóng”, ký, tín, ám hiệu của địch. Thông tin thu được liên quan tới B52 được nhanh chóng đưa về Bộ Tổng tham mưu, từ đây Cục tác chiến nghiên cứu, thông báo kịp thời cho Quân chủng Phòng không - Không quân.

Lấy ví dụ về một cách làm khác, Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết: Một cơ sở Mật của ta rất giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp, lúc đó hoạt động ở một quốc gia trung lập nơi nhiều nhà báo quốc tế hay dừng chân để trao đổi thông tin. Nhiều nhà báo quốc tế muốn có thông tin về tình hình chiến

trường trước khi họ tới miền Nam Việt Nam để tác nghiệp, trong khi đó, nhiều nhà báo vừa từ chiến trường miền Nam trở ra...tóm lại, khi đó hoạt động của “cánh báo chí” ở đó rất sôi động. Qua việc trao đổi thông tin của các nhà báo, cơ sở của ta ở đó đã thu thập được rất nhiều tin tức quan trọng. Các báo cáo đều được cấp trên đánh giá rất tốt, kịp thời giúp ta điều chỉnh nhiều chiến lược, chiến thuật quan trọng.

Ở một số nước khác, ta đã tranh thủ được nhiều nhân sĩ, trí thức bản địa, khai thác tối đa thông tin mà họ biết. Có những ký giả của chúng ta khi sống ở Pháp quen rất nhiều nhà báo tại Pháp. Họ là những nhà báo có cỡ, những nhà báo này có thể chất vấn tổng thống, thủ tướng, hay những nhân vật có vai vế. Từ các cuộc tiếp xúc này, tin tức mà ta nhận được là rất quý giá. Hay như ở Mỹ, ta cũng khai thác mạnh vào các quan chức cấp cao trong giới lãnh đạo. Chính từ các quan chức của đảng đối lập đã giúp ta nhận ra bộ mặt thật của Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam. Trên mặt trận thâm lặng, nhiều Kiều bào yêu nước cũng tích cực “xung trận” và đã cung cấp nhiều thông tin, tư liệu rất quý, giúp ta nhận định chính xác âm mưu của địch. Thông qua các kênh thông tin trên, từ năm 1968, tình báo đã sớm nắm được ý đồ và âm mưu sử dụng B-52 đánh phá miền Bắc của đế quốc Mỹ.

Chiến dịch có mật danh Linebaker II

Thiếu tướng Vũ Thắng kể lại: "Năm 1960, tôi và một số đồng chí, trong đó có đồng chí Vũ Đình Hòa, sang Học viện Tình báo Liên Xô học. Ngoài kiến thức quân sự tổng hợp, chúng tôi được học rất kỹ về B-52. Về lý thuyết, các chuyên gia quân sự Liên Xô cũng đánh giá cao sức mạnh của B-52. Thời kỳ đó có một số người nghi ngờ khả năng tên lửa SAM-2. Họ không nghĩ SAM-2 có thể bắn “rụng” được B-52. Đến khi ta bắn rơi được B52, mời các chuyên gia tới xem xác máy bay, lúc ấy tất cả mới tin vào sức mạnh của SAM-2, của bộ đội tên lửa Việt Nam. Cái tài của bộ đội Phòng không - Không quân của ta là đã đưa ra một số cải tiến rất hợp lý; thêm vào đó, kỹ thuật phá nhiễu, định vị chính xác mục tiêu của PK-KQ đã khiến B-52 phải tan xác trên bầu trời miền Bắc".

Phân tích về thủ đoạn của đế quốc Mỹ, cũng như giải thích nguyên nhân tại sao Mỹ quyết tâm đánh phá miền Bắc, Thiếu tướng Tống Trần Thuật, thời điểm đó là Cục phó Cục 2, phụ trách công tác theo dõi, tổng

hợp tin tức chiến lược, chiến dịch, chiến thuật báo cáo lên Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng và Quân ủy trung ương, cho biết: Trong thời gian đó (năm 1972), quân đội ta mở chiến dịch lớn ở Quảng Trị, có sự phối hợp của mặt trận Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Chúng ta đã giành thắng lợi rất lớn, gây cho địch thiệt hại nặng nề. Và địch cũng tìm mọi cách để đối phó quyết liệt với ta. Trong lúc này, cơ quan tình báo của ta nắm được nhiều nguồn tin về địch, trong đó có nguồn tin địch có kế hoạch dùng B-52 đánh vào Hà Nội. Lúc này, Trinh sát kỹ thuật của chúng ta cũng nắm được việc tập kết B-52 của địch ở đảo Gu-am. Từ những tin tức đó, Cục 2 đã báo cáo lên Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng và Quân ủy trung ương rằng: Địch có kế hoạch đánh B-52 vào Hà Nội.

Để đối phó với B52, từ rất sớm, tháng 7-1972, Bộ Tổng tham mưu đã mở một cuộc họp với Quân chủng Phòng không - Không quân bàn về cách đánh B-52. Cuộc họp do đồng chí Vương Thừa Vũ chủ trì. Bắt đầu từ đây, lưới lửa phòng không của chúng ta đã sẵn sàng đối phó với B-52.

Phân tích sâu về quyết định của Tổng thống Mỹ Ních-xơn khi ra quyết định cuối cùng: Tấn công Bắc Việt bằng B52, Thiếu tướng Tống Trần Thuật nhớ lại: Thắng lợi của ta ở Quảng Trị đã tác động rất lớn đến thế của ta ở Hội nghị Pa-ri. Thế đấu tranh chính trị của ta lúc ấy đang lên, tạo thế mạnh cho ta và khiến đối phương lúng túng. Trong khi đó, ở Mỹ đang chuẩn bị bầu Tổng thống. Ních-xơn tái ứng cử, cho nên muốn tìm mọi cách để xoa dịu dư luận Mỹ. Ông ta muốn tranh thủ dư luận, tranh thủ lá phiếu cử tri bằng cách cho tung tin, Hiệp định Pa-ri sắp được ký kết khiến nhiều cử tri Mỹ đã bị mắc lừa.

Ngày 13-12-1972, sau khi biết chắc chắn sẽ tái cử Tổng thống, cùng với việc tuyên bố hoãn các cuộc thương lượng, Ních-xơn tuyên bố: "Hành động duy nhất để đạt được mục đích là đẩy mạnh ném bom, buộc miền Bắc Việt Nam phải chấp nhận giải pháp do Mỹ đưa ra".

Ngày 14-12-1972, sau khi hội kiến với Ních-xơn, Ngoại trưởng Mỹ Kít-xin-giơ gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đe dọa: Nếu sau 72 giờ nếu Bắc Việt không quay lại Pa-ri tiếp tục đàm phán, Bắc Việt sẽ phải gánh chịu hậu quả nghiêm trọng". Cùng ngày 14-12, Tổng thống Mỹ ra lệnh cho Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân lập kế hoạch sử dụng máy bay B52 đánh phá Hà Nội, chiến dịch có mật danh Lai-nơ-béch-cơ II.

B52 tan xác - Mỹ sẽ nhất định thua

Quyết định trên cho thấy Mỹ đã tới bước đường cùng. Đúng như lời tiên đoán của Bác Hồ năm 1968: "Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước tình huống này càng sớm càng tốt, để có thời gian mà suy nghĩ chuẩn bị... Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua, nhưng nó chỉ thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội".

Từng khoảnh khắc những ngày mùa đông năm 1972 như ùa về, Thiếu tướng Tổng Trần Thuật kể tiếp: Tháng 7 năm 1972 ta tổng hợp tất cả các nguồn tin, từ tin cao sâu tới tin chiến thuật, từ trong nước đến ngoài nước để tổng hợp thành một bản báo về ý định thực sự của Nixon là: Ngoài việc muốn "vót vát" vị thế của Mỹ trong cuộc đàm phán tại Pari, cuộc tấn công lớn vào Hà Nội còn "giúp" ổn định tinh thần quân ngụy và vực dậy chiến tranh ở Việt Nam qua đó gây sức ép mạnh đối với miền Bắc, buộc ta phải nhân nhượng; thay đổi những điều kiện bất lợi cho chúng tại hội nghị Pa-ri đã được trình lên cấp trên.

Một câu hỏi mà Cục Cục trưởng Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) William Colby đặt ra là, tại sao những lần Mỹ xuất quân, từ địa điểm, thời gian, đến số lượng máy bay... chúng ta đều biết rõ như vậy? Một phần câu hỏi này được Thiếu tướng Tổng Trần Thuật và Thiếu tướng Vũ Thắng, những người trực tiếp được giao nhiệm vụ chỉ đạo nắm địch và tổng hợp tin tức cho biết: Ngay từ đầu năm 1972, qua tin tức từ cơ sở mật cao sâu trong lòng địch, tình báo quân sự đã phân tích đánh giá, dự báo với trên về âm mưu, ý đồ của Mỹ sẽ sử dụng máy bay B52 đánh phá Hà Nội.

Cùng với tin tức tình báo chiến lược, lực lượng trinh sát kỹ thuật cũng thu thập và báo cáo tin tức về hoạt động của Không quân Mỹ được tiêu chuẩn hóa với độ tin cậy ngày càng cao. Do nắm được hoạt động của các loại máy bay chỉ huy EC121, EC130 đánh phá miền Bắc và Nam Vĩ tuyến 17; máy bay chỉ huy cấp cứu phi công HC130; máy bay trinh sát thời tiết RF4C, nên Trinh sát kỹ thuật đã nắm và thông báo trước nhiều giờ đối với những trận đánh quan trọng của Không quân Mỹ.

Trinh sát kỹ thuật đã nắm chắc hoạt động của các máy bay B52 thông qua hoạt động của tàu sân bay, các khu trục hạm dẫn đường. Tháng 7-1972, Trinh sát kỹ thuật đã phát hiện ra bộ quản lý đường bay, trong đó

có quản lý đường bay B52, thông qua việc nắm được quy luật liên lạc của phi công B52 với đài chỉ huy... Chắp nối tất cả các thông tin thành một hệ thống, Trinh sát kỹ thuật đã xác định được hành trình của B52 từ lúc cất cánh đến khi thực hiện đánh phá xong, trở về căn cứ. Ngoài ra, bằng các biện pháp nghiệp vụ, tình báo ta đã nắm chắc sự di chuyển của các quan chức cấp cao của 3 tập đoàn Không quân Mỹ (số 7, số 8, số 13), từ các căn cứ của Mỹ ở Thái Lan, Phi-líp-pin và Nam Việt Nam; việc di chuyển của các máy bay cứu nạn... Những điều chỉnh lực lượng không quân và bảo đảm đi kèm... Mọi dấu hiệu đã giúp tình báo ta đưa ra nhận định chính xác: “Địch chuẩn bị có đợt hoạt động lớn của Không quân Mỹ ra ngoài Vĩ tuyến 20, chú ý Hà Nội, Hải Phòng”.

Thiếu tướng Tống Trần Thuật cho biết, tháng 7-1972, Bộ Tổng tham mưu và Tổng Quân ủy thấy tin tình báo là có cơ sở cho nên triệu tập ngay hội nghị để bàn về việc đối phó với B-52. Chính những tin tình báo được thông báo sớm đã giúp miền Bắc không bị bất ngờ, tạo điều kiện cho lực lượng PK - KQ đánh địch hiệu quả. Theo lời kể của Thiếu tướng Tống Trần Thuật, ngày 17-12-1972, Trinh sát kỹ thuật báo cáo: Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương điện cho Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ, đình chỉ phép tất cả phi công. Phi công ở lại căn cứ chờ lệnh. 15 giờ 30 phút ngày 18-12-1972, Trinh sát kỹ thuật báo cáo: B52 đã cất cánh, dự kiến đánh vào miền Bắc. Các máy bay chỉ huy và chỉ huy cấp cứu làm nhiệm vụ trực chiến vào chiều và tối lần lượt đến vị trí quy định. Máy bay tiếp dầu KC135 từ căn cứ Clark đã cất cánh.

“Cá” đang lao vào tấm “lưới phòng không” chờ sẵn. Ngay khi những chiếc máy bay B-52 đầu tiên bị ta tiêu diệt, chúng ta đã bắt sống được phi công. Cục 2 ngay lập tức phái một đội khai thác tù binh do Đại tá Mạc Lâm (lúc đó là Trung úy) phụ trách. Nội dung chính cần khai thác tập trung vào hỏi địch về đội hình của B-52; đường bay của B-52; độ cao của B-52; lực lượng không quân yểm trợ cho B-52; sử dụng kỹ thuật gây nhiễu nào...? Thông qua thẩm vấn tù binh, ta đã nhanh chóng nắm được những thông tin cần thiết, từ đó truyền đạt cho lực lượng PK - KQ. Trên cơ sở đó Quân chủng PK - KQ đã khắc phục được khó khăn của mình và giải quyết được những vấn đề về kỹ, chiến thuật, đối phó hiệu quả hơn với đối phương.

“Trong 12 ngày đêm, từng ngày một, ngày nào cũng vậy, Cục 2 đã thông báo đều đặn “lich bay” của địch, bất kể chúng cất cánh từ Gu-am,

hay U-ta-pao. Những thông tin của tình báo Quân sự đã tạo điều kiện cho Quân chủng PK - KQ luôn chủ động, sẵn sàng chiến đấu cao, chờ địch đến và đánh địch hiệu quả”, Thiếu tướng Vũ Thắng chia sẻ.

“Bật mí” một chút về nghiệp vụ của tình báo, Thiếu tướng Vũ Thắng cho biết: Trinh sát kỹ thuật đã triển khai kỹ thuật, nắm không quân của địch ở khu vực Thái Bình Dương. Biết chắc địch tập trung ở Gu-am là chủ yếu, nên mục tiêu của Trinh sát kỹ thuật là tập trung vào Gu-am. Ngày đêm theo dõi chặt chẽ, mỗi khi không quân địch phát ra tín hiệu là ta đã thu được tin tức rồi tổng hợp, xử lý và báo cáo cho các cấp. Có thể khẳng định, nguồn tin của Trinh sát kỹ thuật rất chính xác và rất có giá trị, chính vì vậy, suốt 12 ngày đêm chiến dịch, tin của Trinh sát kỹ thuật cung cấp đều được trên tín nhiệm và là căn cứ để Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng của ta chiến đấu giành thắng lợi.

Về những bài học và kinh nghiệm rút ra, Thiếu tướng Tống Trần Thuật kể lại: Sau chiến dịch đó, Cục 2 đã tổng kết đánh giá kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm về nắm địch. Trong đó, tin của lực lượng Tình báo chiến lược là hết sức quan trọng, có tính dự báo cao giúp cho trên nắm sớm, nắm chắc âm mưu, ý đồ của địch. Tin của Trinh sát kỹ thuật rất chính xác, kịp thời phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu của Bộ Quốc phòng và các Quân, binh chủng. Có thể khẳng định, Trinh sát kỹ thuật đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đúng như đánh giá của trên. Qua chiến dịch 12 ngày đêm tháng 12 năm 1972, Cục 2 cũng đề ra yêu cầu rất cao trong nắm địch, điều chỉnh hệ thống trang bị, phương tiện cho phù hợp hơn với chiến tranh hiện đại.

Nguyễn Hòa (Theo *Quân đội nhân dân*)

CHIẾN DỊCH ĐẮC TÔ - TÂN CẢNH: BẦY MƯU “GIƯƠNG TÂY, KÍCH ĐÔNG”

Binh pháp dạy: “Giương đông, kích tây”, nhưng tại chiến dịch Đắc Tô, Tân Cảnh tháng 4-1972, Bộ tư lệnh mặt trận Tây Nguyên lại “giương tây, kích đông”!

Về bản chất đó vẫn là phép lừa địch. Chỉ có điều, tại mặt trận này, phía Quân đoàn 2 ngại chăm chăm phòng ngự hướng tây và tây bắc, thì ta đã bất ngờ tiến công hướng đông.

Lúc này, Đắc Tô, Tân Cảnh là hai cụm cứ điểm phòng ngự, che chở chủ yếu cho Kon Tum. Nó có tính chất như một tập đoàn phòng ngự do một sư đoàn thiếu chiếm giữ, trong đó địch có quân dù, xe tăng, công sự kiên cố, máy bay yểm trợ mạnh.

Địch rất sợ ta tiến công, vây hãm trực tiếp cụm phòng ngự thị xã Kon Tum, nghi ngờ Sư đoàn 320 của ta sẽ đánh Kon Tum.

Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên lúc này cho mở một con đường hướng về phía thị xã, làm như là chuẩn bị cho xe tăng, cơ giới tập trung tiến đánh Kon Tum. Động thái này khiến địch càng khẳng định phán đoán của chúng là đúng. Quả nhiên, chúng cho một bộ phận Sư đoàn 22 và quân dù ra chống phá hướng này. Đòn nghi binh chiến dịch có “phản ứng dương tính”.

Khi địch tập trung tâm trí vào che chắn Kon Tum, thì ta gấp rút làm tiếp một con đường bí mật khác, ven sườn đông dãy Ngọc Linh, nối vào đường 14. Con đường này cho phép ta đưa một lực lượng khác vòng từ tây Tân Cảnh về phía đông Tân Cảnh. Đây là lực lượng chủ chốt gồm Sư đoàn 2 Quân khu 5, Trung đoàn 66... trong đó có cả xe tăng, pháo binh, cao xạ, tên lửa chống tăng B72.

Lại nói về quân nguy ở Đắc Tô, Tân Cảnh, do các động thái của ta bộc lộ ở hướng biên giới khá rõ, nên Đại tá Lê Đức Đạt, sư đoàn trưởng Sư đoàn 22 nguy bố trí lực lượng binh khí nặng và xe tăng của chúng chiếm lĩnh ở hướng tây. Trong bản đồ, hướng phản kích cũng nhắm nhắm vào hướng tây!

Lúc này, xung quanh Kon Tum, Sư đoàn 320 của ta vừa tiến công, vừa vây hãm lực lượng địch, khiến cho Quân đoàn 2 nguy không phán đoán được nơi nào là hướng tiến công chủ yếu, Tân Cảnh hay Kon Tum?

Còn ta, khi tạo được thế và thời cơ, quân ta lập tức tập trung lực lượng đột phá cụm Tân Cảnh, siết chặt vòng vây, vây hãm thị xã Kon Tum.

Sau khi ta cơ động lực lượng sang hướng đông, mũi đột kích từ hướng đông đánh vào Tân Cảnh đã phát huy kết quả rất cao nhờ yếu tố bất ngờ, lại có xe tăng, pháo binh yểm trợ, tạo thế áp đảo. Địch bị bất ngờ, hoảng loạn khi phát hiện xe tăng ở hướng đông tham gia tiến công cùng bộ binh, tình huống hoàn toàn ngoài dự kiến. Dưới áp lực mạnh, căn cứ

này bị phá hủy từng hỏa điểm. Tên lửa B72 của ta bắn đổ chòi canh, tháp nước, bắn cháy nhiều hỏa điểm, xe tăng. Kết quả từ trận then chốt “giương tây, kích đông” này là sau 11 giờ chiến đấu quyết liệt, ta đã làm chủ chiến trường ở thị xã Tân Cảnh, sân bay Đắc Tô 2, chiếm giữ SCH Sư đoàn 22 nguy, bắt sống gần 1.000 tên địch, trận then chốt toàn thắng.

Nhiều kinh nghiệm chiến đấu được rút ra từ chiến dịch Đắc Tô, Tân Cảnh, nhưng bài học: Nghi binh lừa địch, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, dùng mưu hơn dùng lược... nên lần đầu tiên trên chiến trường Tây Nguyên, ta đánh thắng tuyến phòng ngự cơ bản mạnh của địch gồm một sư đoàn thiếu, nhiều trung đoàn, thiết đoàn, trong cụm phòng ngự kiên cố, dày đặc.

(Báo Quân đội Nhân dân)

CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG BẮC TÂY NGUYÊN NĂM 1972: LẬP THỂ TRẬN VÀ NGHI BINH, TÁC CHIẾN HIỆP ĐỒNG BINH CHỦNG

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về phối hợp với các chiến trường mở cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam, tháng 3-1972, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên quyết định mở chiến dịch tiến công ở khu vực Bắc Tây Nguyên (gồm Kon Tum, Gia Lai). Mục đích chiến dịch là nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng địch, giải phóng Đắc Tô-Tân Cảnh và thị xã Kon Tum, mở rộng vùng căn cứ phía tây Gia Lai, Đắc Lắc, nối liền với căn cứ địa miền Đông Nam Bộ.

Chiến dịch diễn ra rất quyết liệt từ ngày 30-3 đến 5-6-1972. Chiến dịch chia làm hai đợt. Đợt thứ nhất từ ngày 30-3 đến 24-4-1972 và đợt 2 từ ngày 25-4 đến 5-6-1972. Đây là chiến dịch thể hiện cuộc đấu trí, đấu lực căng thẳng giữa ta và địch, đặc biệt là sự sáng tạo về nghệ thuật lập thể trận và nghi binh, hiệp đồng binh chủng đánh địch của các lực lượng tham gia chiến dịch của ta.

Ban đầu, Bộ tư lệnh chiến dịch xác định phương án tiến công quân địch phòng ngự ở Đắc Tô-Tân Cảnh theo cách bóc vỏ, đánh từ ngoài vào trong. Thế nhưng sau khi nghiên cứu kỹ điều kiện địa hình, cách bố trí phòng ngự của địch, Bộ tư lệnh chiến dịch thống nhất đánh theo phương án đề xuất của Sư đoàn 2: Bí mật mở một con đường nhanh chóng đưa lực

lượng và phương tiện vũ khí áp sát, bất ngờ đánh thẳng vào Đắc Tô-Tân Cảnh từ hướng đông - hướng địch bố trí phòng ngự sơ hở.

Để tạo thế bảo đảm cho phương án đánh địch từ hướng đông, Bộ tư lệnh chiến dịch sử dụng một bộ phận lực lượng công binh mở con đường 50A theo sườn phía đông dãy Ngọc Linh để đưa lực lượng, nhất là xe tăng, pháo binh, pháo phòng không có xe kéo gấp rút vào vị trí tập kết chiến dịch. Cùng thời gian này, ta tổ chức lực lượng làm lại cầu Đắc Mót (trên đường số 18 bị địch phá), tiếp tục mở đường 70B qua dãy núi phía tây sông Pô Cô sang Võ Định.

Trong quá trình xây dựng đường và triển khai lực lượng, Bộ tư lệnh chiến dịch tổ chức một số đơn vị tập kích vào các vị trí vòng ngoài của địch ở tây sông Pô Cô, sau đó tiến vào bao vây Võ Định; đồng thời ta sử dụng 2 trung đoàn phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh cắt các vị trí địch trên đường số 14 và 19, thực hiện bao vây chia cắt chiến dịch. Lợi dụng thế bố trí dài và hẹp của địch trên địa bàn rừng núi vùng bắc Tây Nguyên, ta tạo thế chia cắt buộc địch phải đối phó cả ở phía trên và dưới thị xã Kon Tum, khiến 2 lữ đoàn dù và Sư đoàn 23 Quân đội Sài Gòn bị giam chân không thể ứng cứu cho nhau. Cụm phòng ngự của Sư đoàn 22 (thiếu) của Quân đội Sài Gòn ở Đắc Tô - Tân Cảnh cũng bị cô lập. Sau khi tập trung tạo thế trực tiếp đánh vào Đắc Tô - Tân Cảnh, bộ đội ta tiến công bất ngờ vào hệ thống phòng ngự sơ hở do địch không thể ngờ tới để tiêu diệt chúng.

Điểm đặc sắc của chiến dịch là nghệ thuật nghi binh hạn chế thế mạnh của địch, phát huy thế mạnh của ta. Quyết tâm chiến dịch là: Để nghi binh không cho địch phát hiện được ý đồ của ta và để chúng vẫn xác định hướng tiến công chủ yếu vào Đắc Tô-Tân Cảnh từ đường số 18, Bộ tư lệnh chiến dịch thống nhất với Sư đoàn 2 sử dụng một số đơn vị, chủ yếu là hai trung đoàn 1 và 141 (Sư đoàn 2), tập kích vào một số vị trí địch ở vòng ngoài và tổ chức một số trận địa phòng không chi viện hỏa lực, khiến địch phải đưa quân ra đối phó. Ta tiêu diệt 2 tiểu đoàn địch ở phía tây sông Pô Cô, tạo điều kiện để tập kết bộ đội chủ lực tiến công vào mục tiêu chủ yếu. Các hoạt động nghi binh chiến dịch đã chín muồi, thời cơ đánh Đắc Tô-Tân Cảnh xuất hiện. Sau đó, ta tập trung lực lượng bí mật cơ

động theo đường 50A nhanh chóng triển khai, bất ngờ tiến công Đắc Tô-Tân Cảnh.

Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Tây Nguyên, bộ đội ta vận dụng cách đánh vây ép, buộc địch phải co cụm lực lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho ta tiến công bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng cấp sư đoàn vào cụm cứ điểm Đắc Tô-Tân Cảnh. Khi nhận nhiệm vụ, Sư đoàn 2 (thiếu) được tăng cường Trung đoàn 66, Tiểu đoàn đặc công 37 cùng một đại đội xe tăng và một bộ phận pháo binh, pháo phòng không cùng lực lượng vũ trang địa phương tập trung lực lượng và vận dụng cách đánh phù hợp. Đặc biệt, ta bí mật triển khai lực lượng, trong đó bố trí cả xe tăng và pháo lớn ở nơi hiểm yếu, hướng địch không ngờ, khi nổ súng phát huy được sức mạnh tổng hợp, nhanh chóng đánh vào các mục tiêu chủ yếu, phá vỡ hoàn toàn căn cứ phòng thủ then chốt vững chắc của địch ở Đắc Tô - Tân Cảnh. Phát huy thắng lợi, cả bộ binh và xe tăng ta phát triển tiến công căn cứ Diên Bình. Từ ngày 28-4 đến 5-6-1972, bộ đội ta phát triển tiến công vào cụm phòng thủ thị xã Kon Tum, gây cho địch một số thiệt hại.

Chiến dịch tiến công Bắc Tây Nguyên đã vận dụng thành công nghệ thuật lập thế trận, điều địch ra khỏi công sự để tiêu diệt, làm giảm sức chiến đấu của chúng; đồng thời thực hành nghi binh buộc địch phải để một bộ phận lực lượng quan trọng ở trong thị xã đối phó, tạo điều kiện cho ta tập trung tiến công bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng tiêu diệt địch. Chiến dịch tiến công Bắc Tây Nguyên đã thực hiện được phần cơ bản của ý định chiến lược, làm thay đổi cục diện chiến trường Tây Nguyên, tạo hành lang nối thông giữa Mặt trận Trị - Thiên, Tây Nguyên với căn cứ địa miền Đông Nam Bộ, góp phần tạo thế và lực phát triển cuộc tiến công chiến lược giành thắng lợi trên chiến trường miền Nam năm 1972.

Đại tá, Tiến sĩ Dương Đình Lập (*Báo Quân đội Nhân dân*)

KỶ NIỆM 37 NĂM CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN (3-1975/3-2012):

TÔI ĐÃ CHẤP BÚT KẾ HOẠCH NGHI BINH

Đầu tháng 11-1973, đồng chí Khuất Duy Tiến đang là Trung tá, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320) thì được cấp trên điều về

làm Tham mưu phó Sư đoàn 320. Nhậm chức ở Sư đoàn chưa được một tuần, ông lại có quyết định về vị trí mới: Trưởng phòng Tác chiến Mặt trận B3. Gần 40 năm trôi qua, người cán bộ tác chiến ngày ấy nay đã bước sang tuổi 82, song ký ức chiến trường trong những tháng ngày sát cánh cùng đồng đội ở Mặt trận Tây Nguyên như vẫn còn vẹn nguyên trong ông...

Về Phòng Tác chiến Mặt trận B3 khoảng nửa tháng thì tôi được cử ra Hà Nội dự tổng kết chiến dịch Tây Nguyên năm 1972 và nhận kế hoạch chuẩn bị phương án tác chiến trong các năm 1975-1976. Theo kế hoạch ban đầu, Mặt trận B3 được Bộ giao nhiệm vụ mở thông con đường vận tải nối giữa Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, tức là chỉ “vén” địch ra để xây dựng một con đường vận tải chiến lược. Phòng Tác chiến Mặt trận đã tham mưu, đề xuất xây dựng kế hoạch mang tên “Chiến dịch tháng 2-1975” với các mục tiêu tấn công vào Thuận Mẫn, Đức Lập, Gia Nghĩa... nhằm mở thông con đường vận tải ấy. Nhưng do tình hình thay đổi, sau chiến thắng Phước Long, Trung ương đánh giá Mỹ không có khả năng can thiệp, phương án tác chiến trong năm 1975 hướng tấn công chính sẽ là các thành phố, thị xã. Thế là từ tháng 10-1974, khi vừa hoàn chỉnh xong kế hoạch tác chiến cho “Chiến dịch tháng 2-1975”, tôi lại cùng anh em trợ lý bắt tay vào xây dựng một kế hoạch khác.

Trước lúc làm kế hoạch mới, tôi có hỏi đồng chí Vũ Lăng (khi đó đang là Tư lệnh Mặt trận) xem có cần thay đổi tên kế hoạch không, Tư lệnh Vũ Lăng bảo: “Cứ đề là “Kế hoạch tháng 2-1975” rồi thay nội dung khác là được”, anh còn gợi ý: “Các cậu cần tính để ta có thể xây dựng phương án đánh Buôn Ma Thuật trong trường hợp địch không có phòng ngự dự phòng, chỉ “chọi” với Trung đoàn 53 của địch đang chốt tại đó”. Phương án nghi binh được Bộ tư lệnh đưa ra họp bàn với anh em các bộ phận, sau đó cấp trên giao nhiệm vụ cho Phòng Tác chiến chúng tôi xây dựng kế hoạch.

Tháng 10-1974, sau hai tuần soạn thảo, kế hoạch nghi binh do tôi viết tay trên 10 trang giấy pơ-luya chính thức được Tư lệnh Vũ Lăng thông qua. Đồng chí Vũ Lăng còn cẩn thận dặn tôi: “Cậu nhớ giữ kín nhé, trước mắt là chỉ mình với cậu biết thôi đấy!”. Nội dung kế hoạch “Nghi binh 10-1974” được tiến hành trên 4 hướng gồm: Hướng bắc, đông bắc thị xã Kon

Tum; hướng tây, tây nam thị xã Kon Tum; hướng đường 19 An Khê và hướng tây Plây-cu. Tham gia vào kế hoạch nghi binh ngoài lực lượng tại chỗ được bố trí ở các hướng còn có một bộ phận chuyên làm nhiệm vụ nghi binh gồm hai máy 15W của Trung đoàn thông tin cùng hai tổ cơ yếu, trong đó một máy làm nhiệm vụ đóng giả một sư đoàn mới vào, một máy đóng giả Sở chỉ huy tiền phương của B3. Dĩ nhiên, kế hoạch nghi binh chỉ được phổ biến đến Thủ trưởng Phòng Tham mưu và các bộ phận cơ quan trực tiếp làm, còn các đơn vị thực binh tuyệt đối không được biết. Chính vì thế mà một lần đồng chí Thanh Sơn, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 968 đã hỏi tôi: “Anh Tiến này, sư đoàn của tôi nhận nhiệm vụ đánh thật hay đánh giả đấy?”, tôi nghiêm giọng: “Thật chứ, sao lại có chuyện đánh giả ở đây!”...

Kế hoạch nghi binh được chúng tôi gọi tắt là kế hoạch B. Các đơn vị được phổ biến quy định là khi nhận kế hoạch tác chiến mà có chữ “kế hoạch B” thì chỉ huy đơn vị cần lưu ý... không làm theo. Chẳng hạn Sư đoàn 10 nhận nhiệm vụ hành quân cơ động trong “kế hoạch B”, nhưng thực tế cả sư đoàn vẫn đóng quân tại chỗ để nghi binh địch.

Chúng tôi bắt đầu triển khai việc nghi binh từ giữa tháng 11-1974 và trong khoảng thời gian 4 tháng (từ tháng 11-1974 tới đầu tháng 3-1975) địch bị phía ta đưa vào “ma trận” với thật giả lẫn lộn. Có một lần ta di chuyển “thật” mà bị chúng “đánh hơi” được, đó là giữa tháng 2-1975, địch hay tin Sư đoàn 320 và Sư đoàn 10 của ta đã di chuyển xuống phía nam Tây Nguyên, chúng liền điều Trung đoàn 45 từ Kon Tum xuống lòng sục dọc đường 14. Biết Sư đoàn 320 có nguy cơ bị lộ, Bộ tư lệnh Mặt trận quyết định cho sư đoàn lui quân để giữ bí mật và tôi đã trực tiếp thảo một bức điện rồi tới đưa tận tay Sư đoàn trưởng Kim Tuấn chứ không sử dụng máy 15W.

Những ngày làm việc ở cơ quan tác chiến trong thời kỳ diễn ra Chiến dịch Tây Nguyên đã rèn cho tôi một thói quen “ngủ tranh thủ” vào bất kỳ giờ nào, bởi hồi đó công việc hằng ngày luôn tất bật, tới đến, các đơn vị mới có điện báo về, tôi phải nắm hết nội dung cơ bản của các bức điện, rồi triển khai nội dung chỉ đạo cho các đơn vị ngay trong đêm. 12 giờ đêm, tôi bắt đầu đọc các bức điện do anh em Trợ lý Tác chiến tổng hợp, sau đó đề xuất với cấp trên. Xong nội dung này thì cũng khoảng 1-2 giờ, và đúng 4 giờ 30 hằng ngày Phòng Tác chiến phải tổ chức giao ban, kết

thúc cuộc giao ban phòng là kịp tới giao ban Bộ tư lệnh vào lúc 6 giờ. Có hôm cuộc giao ban của Bộ tư lệnh tới 8 giờ mới xong. Lúc đó, những bức điện quan trọng do cấp trên triển khai tôi phải trực tiếp soạn, còn lại do anh em trợ lý đảm nhiệm. Ngày nào công việc cũng căng như vậy, trong khi chiến dịch kéo dài tới hàng tháng, vì thế mà tôi phải tự rèn cho mình một thói quen tranh thủ chớp mắt vào bất cứ giờ nào, dù thời gian ngủ chỉ là 5-10 phút...

Trong thời gian ấy, tôi có một kỷ niệm khó quên với chiến sĩ cần vụ tên là Lưu Đình Thiệu. Thiệu quê ở Ân Thi, Hưng Yên và đã ở cùng từ khi tôi còn là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 64. Ở chiến trường việc ăn uống rất kham khổ, có lúc tiêu chuẩn hàng ngày chỉ có 2,5 lạng gạo/người, trong khi Thiệu khá to cao nên thường xuyên bị đói. Tôi vốn ăn ít, có ngày mãi việc, tôi chỉ cần ăn vài chiếc kẹo, vì thế mà tôi thường hay nhường suất cơm của mình cho người chiến sĩ cần vụ. Thiệu cũng rất thật thà, chịu khó. Một tối, tôi đang ngồi nghiên cứu bản đồ trong phòng làm việc thì Thiệu mang đến hai miếng dứa nhỏ bằng hai ngón tay. Thiệu đưa cho tôi một miếng. Tôi hỏi: “Dứa ở đâu ra thế?”. Thiệu giấu không nói, nhưng gặng mãi, Thiệu mới thật thà kể là dứa của anh em đi trinh sát trận địa mang về. Tôi nghiêm giọng, bảo: “Lấy của dân phải không? Đã trót rồi thì thôi, nhưng từ nay không được thế, mình phải gương mẫu để anh em chiến sĩ noi gương chứ”. Biết mình sai, Thiệu im lặng, rơm rớm nước mắt... Sau ngày Buôn Ma Thuột giải phóng, Thiệu nhận nhiệm vụ đi cùng đồng chí Mẫn - Trưởng ban Bản đồ vào thị xã thu gom bản đồ và một số tài liệu, vật dụng cần thiết cho cơ quan tác chiến. Đâu ngờ, trong chuyến đi ấy, Thiệu hy sinh...

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, tổng kết lại mới thấy việc nghi binh đã được anh em các đơn vị phối hợp thực hiện rất tốt. Trong khi ta điều hai sư đoàn chủ lực là Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 từ bắc Tây Nguyên xuống nam Tây Nguyên, Sư đoàn 316 cũng được điều từ miền Bắc vào nam Tây Nguyên thì địch vẫn tin rằng Quân Giải phóng sẽ đánh vào bắc Tây Nguyên, do đó ta đã thu hút một lực lượng lớn của địch lên phía bắc Tây Nguyên, đồng thời bao vây, cô lập Buôn Ma Thuột để có được thắng lợi trong trận then chốt.

Khi đất nước thống nhất, 10 trang giấy sơ-luỹ kế hoạch “Nghi binh 10-1974” đã được tôi lưu giữ làm kỷ niệm trong suốt 35 năm, cho tới khi kỷ vật ấy được tôi đem tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự ngày 11-2-2009...

Trung tướng Khuất Duy Tiến: “Sau này, tôi có về Hưng Yên để tìm hiểu gia cảnh và công tác chính sách đối với người cần vụ của mình, nhưng chẳng ai nắm rõ về liệt sĩ Lưu Đình Thiều. Tôi chỉ biết Thiều quê ở thôn Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu (Ấn Thi, Hưng Yên). Gần 40 năm trôi qua, mỗi khi nhớ lại những giọt nước mắt ân hận của Thiều trong buổi tối ngoài mặt trận, tôi lại cảm thấy trách về sự nghiêm khắc của mình và luôn canh cánh một nỗi niềm: Không biết Thiều đã “trở về” quê hương chưa, hay từng ấy năm anh vẫn còn nằm lại cánh rừng cao su giữa đại ngàn Tây Nguyên?”.

(Báo Quân đội Nhân dân)

CHIẾN DỊCH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 1972: BA MŨI GIÁP CÔNG TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TỔNG HỢP

Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, song song với việc mở chiến dịch tiến công Nguyễn Huệ ở miền Đông Nam Bộ (từ tháng 4-1972 đến tháng 1-1973), Trung ương Cục và Quân ủy Miền mở chiến dịch tiến công tổng hợp chống lại sự đánh phá, bình định của địch ở Khu 8, đồng bằng sông Cửu Long (từ 10-6 đến 10-9-1972). Trong các chiến dịch này, ta sử dụng lực lượng vũ trang ba thứ quân đột phá tuyến phòng thủ biên giới, mở thông hành lang và tuyến trung gian, đưa lực lượng chủ lực xuống chia cắt Đường số 4, tiêu diệt một bộ phận địch trong các chi khu, tiểu khu, đập vỡ hệ thống đồn bốt, phá thế kìm kẹp. Trong thực hành chiến dịch, ta kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, phát động quần chúng mở mương, mở vùng, mở rộng vùng giải phóng, giành một bộ phận nhân dân trong khu vực.

Phương thức tác chiến tổng hợp bằng ba mũi giáp công tiến công địch đóng chốt trên địa bàn chiến dịch trong một kế hoạch thống nhất đã được ta cân nhắc kỹ. Giai đoạn đầu, các mũi tiến công quân sự của ta, trước hết là bộ đội chủ lực Miền nòng cốt là Sư đoàn 5 bộ binh, Đoàn C30B (tương đương sư đoàn) lần lượt đột phá tuyến phòng thủ biên giới gồm các chi khu Long Khốt, Gò Măng Đa, căn cứ Thạnh Tú; đánh tàu địch trên sông Vàm Cỏ Tây, pháo kích thị trấn Mộc Hóa. Một bộ phận chủ lực Khu 8 (Trung đoàn 1, Trung đoàn 88, Trung đoàn 320) và lực lượng phối thuộc của Miền (pháo binh, công binh, thông tin) lợi dụng hành lang biên

giới được mở, mở thông khu trung gian, luồn sâu tiến công các đồn bốt địch ở phía Nam và Bắc đường số 4, tạo điều kiện cho chủ lực đưa lực lượng xuống vùng sâu mở mảng, mở vùng, tạo thế đứng chân liên hoàn để phát triển chiến dịch.

Phát hiện ta đưa một bộ phận lực lượng chủ lực xuống đồng bằng vừa đánh phá hệ thống căn cứ địch vừa hỗ trợ quần chúng chống phá bình định ở vùng quan trọng phía Nam và Bắc đường số 4, đầu tháng 8-1972, Quân đoàn 4 Sài Gòn lập tức điều Sư đoàn 9 bộ binh từ hướng sông Hậu lên kết hợp với Sư đoàn 7 bộ binh mở cuộc hành quân "Cửu Long 4-1" đánh chiếm các khu vực quân dân ta vừa làm chủ. Lương định đúng những tình huống có thể xảy ra, ta chủ động chỉ đạo lực lượng ba thứ quân phản công và tiến công liên tục các mũi hành quân của địch. Trên hướng chủ yếu Nam - Bắc Đường số 4 Mỹ Tho, Trung đoàn 88 quân khu và bộ đội địa phương tiến công địch ở Mỹ Long, vây ép chợ Tam Bình. Sư đoàn 5 (thiếu) và Trung đoàn 320 ở Bắc Đường số 4 đẩy mạnh tiến công đánh bại một mũi hành quân cấp trung đoàn tăng cường của địch trên Đường 20. Hướng phát triển Bến Tre, Trung đoàn 1 quân khu và hai tiểu đoàn địa phương phản công địch trên sông Tiền, sông Hàm Luông, tiến công địch ở vùng yếu Phú Túc, Tường Đa, Tân Lộc. Giữa tháng 8, đầu tháng 9-1972, ta tiến công mạnh quân địch trên huyện Mỏ Cày và huyện Giồng Trôm. Trung đoàn 24 chủ lực Miền và lực lượng địa phương tiến công chợ Thầy Yến, quận lỵ Bến Tranh (Gò Công). Cuối tháng 9-1972, lực lượng vũ trang ba thứ quân cơ bản đánh bại cuộc hành quân "Cửu Long 4-1" của Quân đoàn 4 Sài Gòn.

Cùng với các mũi tiến công quân sự đánh phá hệ thống đồn bốt, tiêu hao, tiêu diệt địch, ta còn tổ chức các mũi tiến công chính trị và binh vận, phát động quần chúng ở xã, huyện mở mảng, mở vùng giải phóng và được nhân dân phối hợp và hỗ trợ mạnh mẽ. Đặc biệt trong giai đoạn 2, các cuộc đấu tranh chính trị và binh vận luôn kết hợp chặt chẽ với mũi tiến công quân sự vừa đấu tranh chống địch hành quân càn quét, bắn phá bừa bãi, đòi bồi thường thiệt hại, vừa cùng lực lượng vũ trang địa phương diệt ác, phá kìm giành quyền làm chủ. Điển hình là phong trào đấu tranh của nhân dân các huyện Cai Lậy, Châu Thành, dọc Đường số 4 (Mỹ Tho), Mỏ Cày, Giồng Trôm, Bình Đại (Bến Tre), Bến Tranh (Gò Công), kênh

Nguyễn Văn Tiếp, kênh Dương Văn Dương (Kiến Phong, Kiến Tường). Tại các nơi này, khi được lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và các đội vũ trang công tác vận động, tuyên truyền đã đồng loạt đứng dậy tham gia bao vây, bức hàng đồn bốt, phá khu đồn, “ấp chiến lược”, góp sức người, sức của phục vụ chiến đấu; đồng thời vận động binh lính địch, gọi hàng, khai thác tin tức, quản lý lính bỏ ngũ, làm binh biến hoặc làm nội ứng cho quân ta chiếm đồn bốt, thu vũ khí.

Chiến dịch tổng hợp ở Khu 8 giành thắng lợi không chỉ phản ánh sự phát triển đến mức cao của nghệ thuật chuẩn bị và thực hành chiến dịch đánh phá bình định, mở mảng, giành dân với quy mô lớn, không gian rộng, thời gian dài, mà còn làm nổi bật nghệ thuật kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự mạnh mẽ và nổi dậy rộng khắp của đông đảo quần chúng trên toàn địa bàn chiến dịch. Thắng lợi của chiến dịch thể hiện sự phát triển cao về trình độ tổ chức, điều hành, chỉ huy các lực lượng chính trị, vũ trang và binh vận từ cơ sở đến từng địa phương và toàn chiến dịch; về nghệ thuật phối hợp chặt chẽ giữa đòn và hướng đánh tiêu diệt chủ lực địch với hướng và đòn đánh phá bình định; về nghệ thuật phát huy cao độ các lực lượng của hai chân, ba mũi, tạo thành sức mạnh tổng hợp rất lớn, bảo đảm liên tục tấn công và nổi dậy giành thắng lợi ngày càng cao. Bài học và kinh nghiệm của loại hình chiến dịch đặc thù này cần được các thế hệ tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại tá **Trần Tiến Hoạt** (*Báo Quân đội Nhân dân*)

PHẢN ĐỘT KÍCH Ở CỬA VIỆT

Cuối năm 1972, đầu tháng 1-1973, Mỹ và Quân đội Sài Gòn đã mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Đặc biệt ở Quảng Trị, địch tăng cường lực lượng nhằm tiến công, chiếm giữ bằng được Cửa Việt, trước khi Hội nghị Pari được ký kết. Cửa Việt được xác định là yết hầu, đầu mối giao thông đường thủy trọng yếu của địch, một vị trí quan trọng về quân sự.

Tập trung cho cuộc tiến công này, địch sử dụng Lữ đoàn đặc nhiệm tinh nhuệ của Vùng chiến thuật 1 cùng các Lữ đoàn 147, 258; hai tiểu đoàn bảo an; 3 thiết đoàn; 4 tiểu đoàn pháo và 4 tàu LCU. Không quân, hải quân Mỹ chịu trách nhiệm chủ yếu về chi viện hỏa lực. Trước âm mưu

của địch, ta kiên quyết tiêu diệt gọn quân địch, giữ vững Cửa Việt. Để đánh thắng, ta tập trung lực lượng mạnh, gồm Sư đoàn chủ lực 320B và các trung đoàn của Sư đoàn 325, 304; các đơn vị của Quảng Trị, Khu Vĩnh Linh, Đặc công Hải quân và lực lượng pháo binh mạnh.

Đêm 25-1-1973, địch bắt đầu tiến công theo ba hướng. Nhưng trong quá trình tiến công, địch đã bị pháo tầm xa của ta bắn mãnh liệt vào các trận địa pháo, sở chỉ huy địch bố trí ở Phương Sơn, điểm cao 367 gây cho chúng nhiều thiệt hại, chỉ huy hiệp đồng bị rối loạn. Các trận địa pháo của ta ở Xuân Lâm tập trung bắn tàu chiến địch. Khi địch ồ ạt tiến công vào trận địa phòng ngự của ta, chúng đã bị pháo cối đi cùng của ta kết hợp với các trận địa pháo binh bố trí bên tả ngạn sông Thạch Hãn bắn cấp tập vào đội hình, buộc chúng phải nhiều lần lui quân về củng cố... Tuy vậy, sau 4 lần tiến đánh, được hỏa lực của không quân, pháo binh, pháo hạm chi viện, ngày 27-1-1973, địch chiếm được Khánh Hội trên hướng chủ yếu; một phần trận địa của ta ở Long Quang và đông An Trạch trên hướng thứ yếu... Nhưng ngay trong đêm 27-1, được pháo binh chi viện, ta đã tổ chức phản kích khôi phục được trận địa.

Suốt hai ngày đêm chiến đấu, với hỏa lực chi viện tập trung rất cao của Mỹ, sư đoàn Thủy quân lục chiến của địch không chiếm được một mục tiêu nào trọn vẹn theo kế hoạch. Trên cả ba hướng, bộ đội ta đánh tốt, hiệp đồng chặt chẽ giữa bộ binh, pháo binh, xe tăng; phòng ngự kiên cường kết hợp với phản kích liên tục của lực lượng cơ động, ta đã làm chủ tình hình, giữ vững được tuyến phòng ngự, diệt nhiều địch, bắn cháy 33 xe tăng các loại và một tàu chiến Mỹ.

Quang Phát (Báo *Quân đội Nhân dân*)

TRẬN ĐÁNH TẠI CHỐT RỚT

Cựu chiến binh Mai Văn Đề hiện cư trú tại số nhà 169 thôn Đình Thôn (Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội). Ông nguyên là chiến sĩ Trung đội 2 (Đại đội 5, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 3, Sư đoàn 9). Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước ông hoạt động ở vùng Chiến khu Đ, nơi được mệnh danh là “Tam giác sắt”. Trong câu chuyện với chúng tôi, ký ức trận đánh tại chốt Rớt, huyện Chợ Thành, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương) là kỷ niệm không thể phai mờ...

Ông kể, theo quy định trong Hiệp định Pa-ri, tất cả các đơn vị quân sự của cả 2 bên phải ở nguyên vị trí. Lúc đó, Đại đội 5 của ông chốt ở xóm Rốt, cạnh Quốc lộ 13 (huyện Chơn Thành, tỉnh Thủ Dầu Một). Đây là vị trí quan trọng, cửa ngõ của vùng giải phóng Đông Nam Bộ. Đại đội 5 nằm ở giữa hai gọng kìm của địch: Gọng kìm thứ nhất cách ta 1km, bên kia cầu Rốt, thuộc huyện Chơn Thành (tỉnh Bình Phước); gọng thứ 2 cách 8km, ở Bàu Bàng (huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một). Tuy đã có lệnh ngừng bắn, nhưng nguy quyền Sài Gòn tráo trở, luôn gây hấn, hòng chiếm lại vùng ta đã giải phóng.

Tối ngày 7-6-1973, Trung úy Lê Trung Phồn, Đại đội trưởng (quê ở Thanh Hóa) tổ chức giao ban và thông báo, rất có thể trong thời gian gần địch sẽ tập kích vào trận địa. Đại đội trưởng yêu cầu cả đơn vị nhanh chóng làm công tác chuẩn bị công sự, trận địa, vũ khí, sẵn sàng đánh trả các đợt tiến công của địch. Chúng tôi đoán địch sẽ tấn công từ Chơn Thành vào nên bố trí công sự trận địa nơi đây chắc chắn hơn. 8h sáng ngày 8-6-1973, trong lúc làm nhiệm vụ quan sát trên hướng được phân công, ông thấy một quả lựu đạn khói rơi vào giữa trận địa. Sau tiếng nổ "bục", cột khói trắng phụt lên, Đại đội trưởng lệnh rút lực lượng vào vị trí ẩn nấp, sẵn sàng cơ động chiến đấu. Ông căng mắt hướng về phía đảm nhiệm quan sát, nhưng không thấy bất cứ động tĩnh nào từ phía địch. 15 phút sau, hàng loạt tiếng nổ lớn của pháo 122mm, 105mm, cối 81 rớt như mưa vào trận địa. Khoảng 30 phút sau, hai chiếc máy bay AD6 kéo đến trút bom. Khi chúng vừa kéo đi, lập tức hàng loạt đạn pháo 175mm từ hướng căn cứ Đồng Dù bắn vào trận địa. Mặt đất vữa ra vì bom đạn cày xới.

Tiếng đạn pháo 175mm dứt tới lượt hai chiếc xe tăng ở chốt bên kia cầu Rốt bắn sang. Tuy nhiên, loạt đạn xe tăng chỉ bắn trùm qua trận địa. Thấy có dấu hiệu lạ, đồng chí Mạnh hô to: "Bộ binh địch chuẩn bị tấn công, Trung đội 2 sẵn sàng chiến đấu". Ông lao ra khỏi vị trí ẩn nấp. Vừa lúc đó, phía sau đội hình trung đội, tiếng đạn trung liên nổ chói tai lẫn với tiếng hô rất đanh: "Địch tập hậu" của đồng chí Lý Bá Phúc (chiến sĩ sử dụng súng trung liên quê ở Hòa Bình) khiến mọi người bất ngờ. Hỏa lực của Trung đội nhanh chóng hướng tập trung về phía địch tấn công. Ông cùng đồng đội đọ súng quyết liệt với địch. Trong lúc tập trung tư tưởng cao độ đối phó với địch, bàn tay phải của ông bị một viên đạn tiểu liên của

địch xuyên qua, máu chảy thành dòng. Nhưng ông đã vượt qua cảm giác đau đớn, tiếp tục ngắm về hướng tiến công của địch.

Sau khoảng 20 phút chiến đấu, mặc dù kiên quyết ngăn chặn, song địch vẫn tiến sâu vào trận địa ta khoảng 30m, đồng chí Nguyễn Văn Quán (quê ở Quảng Bình) bắn liên tục 3 quả B40 vào đội hình của địch. Tiếng nổ quả B40 thứ 3 dứt, không thấy tên địch nào xông lên. Tiếng súng tạm im một lúc thì bất thần một trận mưa pháo thứ 2 tiếp tục trùm lên trận địa. Trận này dữ dội hơn trận trước. Dưới bão đạn của địch, đồng chí Phồn trực tiếp chỉ huy Trung đội 3, lợi dụng giao thông hào vòng vượt bám sát thất lưng địch để đánh. Trung đội 2 ngừng nổ súng, cơ động tiếp cận mục tiêu và kiên quyết ngăn chặn không cho địch phát triển tiến công. Hai trung đội kết hợp với nhau, bên đánh vào sườn, bên chọc thẳng vào giữa đội hình khiến địch bị rối loạn và vỡ trận. Một thời gian ngắn sau, toàn bộ lực lượng địch đã bị đẩy lùi ra khỏi trận địa. Mũi đột kích bất ngờ đánh vào phía sau trận địa của đã bị Đại đội 5 bẻ gãy. Kết thúc trận đánh hôm đó, Đại đội 5 đã tiêu diệt khoảng 54 tên địch. Chốt Rốt vẫn vững vàng.

Ngày hôm sau địch vẫn tiếp tục sử dụng pháo tấn công vào chốt Rốt, nhưng không dám sử dụng bộ binh đột kích. Biết không thể làm suy yếu được sức mạnh của chốt, ngày 10-6, địch cầu hòa. Sau trận đánh đó, Đại đội 5 của chúng tôi được tặng Huân chương giải phóng; đồng chí Mạnh, đồng chí Phúc được tặng tặng Huân chương giải phóng, tôi được Sư đoàn tặng Bằng khen.

Kết thúc câu chuyện với chúng tôi, ông nói rằng: Trong chiến đấu, mỗi chiến sĩ phải có tâm lý tốt, luôn sẵn sàng đối phó với mọi tình huống và thủ đoạn thâm độc của địch; hành động phải dũng cảm, nổ súng phải kiên quyết; dù trong tình huống nào cũng phải bình tĩnh, khôn khéo và xử lý thật linh hoạt. Có như vậy mới chiến thắng được kẻ thù. Có lẽ, những gì mà CCB Mai Văn Đê đúc rút trong suốt những năm tháng chiến đấu trên chiến trường “Tam giác sắt”, nhất là trận đánh tại chốt Rốt sẽ mãi là những kỷ niệm đẹp.

(Theo *Quân đội online*)

THƯỢNG ĐỨC - CUỘC ĐỘ SỨC NẢY LỬA

“MẮT NGỌC”, “CÁNH CỬA THÉP BẤT KHẢ XÂM PHẠM”

Năm 1973-1974, ngay sau khi quân Mỹ buộc phải thực thi hiệp định Pa-ri, quân Ngụy Sài Gòn với lực lượng đông và binh khí hùng hậu của Mỹ

trao lại đã tăng cường giữ Quân khu I. Mặt trận Trị Thiên có nhiều sư đoàn trấn giữ. Trong đó có sư đoàn dù và sư đoàn TQLC, là lực lượng cơ động chiến lược, (trù bị chiến lược) của ngụy. Trong lúc địch đang lo sợ chống trả Quân giải phóng (QGP) ở nam giới tuyến, BTLQK5 thực hiện ý định chiến lược tiến đánh Quận ly Thượng Đức (trong một chiến dịch liên hoàn Nông Sơn-Thượng Đức. Thượng Đức ở phía tây Quảng Đà, cách thành phố Đà Nẵng 40 kilômét theo đường chim bay, là tiền đồn bảo vệ căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng - một trong những căn cứ lớn của địch ở miền Nam. Thượng Đức nằm trong thung lũng sông Vu Gia, như hai nhánh cây xoè ra, cắm sâu vào lòng dãy Trường Sơn, mà gốc cây là vùng B Đại Lộc. Thượng Đức nằm trên một địa bàn rất hiểm yếu, ba bề là núi cao có nhiều dốc đứng, phía đông bằng phẳng là nơi hợp điểm của sông Côn và sông Vu Gia nước sâu và chảy xiết. Ở đây chỉ có đường số 14 qua Ái Nghĩa về Đà Nẵng.

Trong các năm 1968, 1969 và 1970, ta đã nhiều lần đánh Thượng Đức, nhưng không thành công. Mỗi lần bị đánh, địch lại tăng cường hệ thống phòng ngự kiên cố hơn. Chúng còn xây dựng hệ thống hầm ngầm hoàn chỉnh và các hoả điểm bí mật. Chúng mệnh danh Thượng Đức là "mắt ngọc", là "cánh cửa thép bất khả xâm phạm". Chúng huênh hoang tuyên bố. "nước sông Vu Gia có chảy ngược thì Việt Cộng mới lấy được Thượng Đức"

Theo các nhà bình luận quân sự, (QGP) từ đường 14 Trường Sơn về đánh Thượng Đức áp sát Đà Nẵng là lối đánh "theo chiều ngang đất nước", khiến cho Quân khu I đã lúng túng ở Trị Thiên, nay lại bất ngờ be bờ, chống đỡ ở Tây Nam Đà Nẵng.

Ngày 6 tháng 6 năm 1974, Tư lệnh Quân khu 5 đến giao nhiệm vụ cụ thể cho Sư đoàn 304: "Chiến dịch này phải thắng cả về quân sự và chính trị. Quân sự là diệt gọn quân địch, chính trị là giải phóng và đảm bảo đời sống cho hơn một vạn dân. Kinh nghiệm ở Khu 5 chứng minh rằng có thắng về chính trị, giải phóng được nhân dân, đập tan chính quyền cơ sở và bọn tề điệp ác ôn của địch thì thắng lợi mới giữ vững, và khi chủ lực địch ra cũng không líp lại được".

Thượng Đức chia làm ba khu vực; phía Bắc là chi khu quận ly, trước chi khu quận ly là sân bay trực thăng. Phía Tây Bắc là khu trận địa pháo

và ban chỉ huy tiểu đoàn 79 biệt động quân biên phòng. Phía Nam là khu bảo an, quận lý và cảnh sát. Để bảo vệ vòng ngoài địch thiết lập ba tiền đồn A,B,C. Bố trí cụ thể: quận lý gồm sở chỉ huy hành chính, một trung đội cảnh sát, một trung đội thám báo, hai trung đội dân vệ và một toán biệt động. Chi khu gồm ban chỉ huy tiểu đoàn 79 và một đại đội biệt động quân biên phòng. Tiền đồn A, B địch đều bố trí một trung đội bảo an. Riêng tiền đồn C có hai trung đội dân vệ. Ở đầu cầu Hà Tân có một đại đội biệt động quân biên phòng, khu vực Lộc Vinh có một đại đội bảo an. Ở Gò Mồ Côi và xóm Mới, địch bố trí mỗi nơi một trung đội. Dân vệ ở ấp Lộc Bình và đôi ông May, mỗi nơi cũng có một trung đội. Đội hình địch bố trí thành cụm cứ điểm, trên cơ sở từng cứ điểm thành thế liên hoàn.

Để đánh trận Thượng Đức, Sư đoàn 304 phải thực hiện một khối lượng công việc rất to lớn, phải tổ chức và thiết bị chiến trường để có thể đánh hiệp đồng binh chủng, đánh liên tục dài ngày cả mùa khô và mùa mưa. Phải làm mới và sửa chữa 124 kilômét đường ô tô, trong đó có hơn 300 cầu và ngầm từ trục đường Đông Trường Sơn trở về Thượng Đức. Phải cơ động lực lượng từ Quảng Trị và Bắc Khu 5 chặng đường dài xấp xỉ 400 kilômét. Phải vận chuyển hàng nghìn tấn đạn, gạo và các phương tiện vật chất kỹ thuật khác để có thể vừa đánh thắng ở Thượng Đức vừa sẵn sàng đánh bại quân địch ra phản kích chiếm lại. Ngoài ra sư đoàn làm nhà ở tạm, đào hầm và chuẩn bị lương thực, thuốc men để sơ tán hơn 10.000 dân khi ta đánh và giữ Thượng Đức.

Quân khu 5 giao nhiệm vụ cho tỉnh Quảng Đà phối hợp chiến đấu với Sư đoàn 304. Đồng chí Sáu Nam - Phó chủ tịch tỉnh cùng đồng chí Nguyễn Bá Phước - Tỉnh đội phó tổ chức sở chỉ huy bên cạnh Sư đoàn 304. Về phía Sư đoàn 304 các đơn vị tham gia giải phóng Thượng Đức đều đã có nhiều kinh nghiệm chiến đấu kể cả đánh trong công sự và ngoài công sự, cả đánh độc lập và đánh hiệp đồng binh chủng; đã được huấn luyện thành thạo kỹ chiến thuật, tinh thần bộ đội tốt, muốn chiến đấu để lập công. Nhưng Sư đoàn cũng có khó khăn vì chiến trường mới, địa hình chưa quen thuộc và phải đánh địch ở một căn cứ được tổ chức từ lâu, rất kiên cố, công tác chuẩn bị chiến trường khá phức tạp, mà thời gian chuẩn bị lại quá gấp.

Khó khăn lớn nhất lúc này là phải tổ chức làm đường cho nhanh, để kịp triển khai lực lượng chiến đấu. Đồng chí Phan Nuôi-trưởng ban công

binh Sư đoàn 304 đi trinh sát về báo cáo có hai hướng có thể mở đường. Hướng thứ nhất mở theo con đường từ Thành Mỹ đi cầu Hội Khánh, sau đó sẽ vượt sông vào áp sát Thượng Đức. Nếu mở theo hướng đó, ta sẽ tận dụng được con đường cũ. Nhưng do địch đã bỏ hàng chục năm nay không dùng tới, nên cây cối mọc giữa lòng đường, cả ta và địch lại cài rất nhiều mìn thành nhiều lớp chồng chất lên nhau. Trong khi đi nghiên cứu đường, tổ trinh sát công binh đã vấp phải mìn, Đại đội trưởng Phúc và năm chiến sĩ hy sinh. Mặt khác con đường này nếu cơ động xe, pháo qua bến vượt rất dễ bị lộ. Hướng thứ hai là từ Trao mở một con đường mới vào bến Hiên. Nếu mở con đường này, ta phải làm mới 415 kilômét, còn 21 kilômét nữa thì dựa vào con đường địch làm dở đã bỏ từ lâu. Việc đảm bảo bí mật khi cơ động lực lượng tốt hơn, nhưng đoạn từ Hiên vào Thượng Đức (16 kilômét), địch thường đưa thám báo ra phục kích, ta chưa thể sửa ngay được. Ta sẽ phải dùng thuyền và bè, máng chở pháo, đạn xuôi theo sông Côn, rồi dùng sức người kéo lên chiếm lĩnh trận địa.

Chỉ huy Sư đoàn 304 quyết định sử dụng phương án thứ hai và hạ quyết tâm đến ngày 20 tháng 7 phải làm xong đường để kịp đưa lực lượng cơ bản vào đánh Thượng Đức. Khi nổ súng sẽ khẩn trương mở tiếp đoạn đường từ Hiên vào Thượng Đức để các đơn vị binh khí kỹ thuật còn lại (pháo cao xạ) theo đường số 14 vào chiếm lĩnh trận địa.

Đường sông đường bộ cho chiến dịch

Ngày 15 tháng 6, toàn bộ lực lượng chuẩn bị tham gia đánh Thượng Đức đã đến vị trí tập kết. Sư đoàn 304 và các lực lượng tăng cường triển khai ngay nhiệm vụ làm đường cơ động. Hầu như cả sư đoàn đã đổ ra mặt đường, công binh làm ngầm, bộ binh rải ra làm đường. Trời nắng như đổ lửa, gió khô khốc. Để đảm bảo bí mật, bộ đội lặng lẽ mở đường, hạn chế bụi, hạn chế tiếng động lớn, nhưng vẫn phải bảo đảm làm nhanh. Sở chỉ huy trung đoàn 66 do trung đoàn phó Nguyễn Sơn Văn chỉ huy và trung đoàn 3 Sư đoàn 324 do trung đoàn phó Nguyễn Văn Rinh chỉ huy đặt ngay sát mặt đường vừa mở. Ngoài làm con đường mới từ Trao vào bến Hiên, các con đường từ Thành Mỹ đi cầu Hội Khánh, từ bến Hiên đi An Điền, Trúc Hà cũng được sửa lại.

Tối đến, bên bờ sông Bung, pháo binh và công binh phối hợp luyện tập. Những chiếc thuyền được làm gấp bằng tôn và thép được công binh đưa

xuống sông ghép hai ba thuyền lại tạo thành một chiếc phà nhỏ để vận chuyển pháo. Các chiến sĩ công binh cho pháo đi một đoạn sông rồi lại kéo pháo lên, khi gặp những đoạn có ghềnh đá. Cứ thế công binh và pháo binh hiệp đồng liên tục vận chuyển pháo lên và xuống an toàn. Đường từ Trao đến bến Hiên làm xong thì pháo và thuyền cũng có mặt ở bờ sông Côn chờ lệnh cho pháo xuống thuyền xuôi về Thượng Đức. Ngoài việc ghép thuyền chở pháo, bộ đội còn đóng nhiều bè cây chuối, bè nửa để vận chuyển đạn, gạo vào chiến dịch. Cán bộ chỉ huy tỉnh đội Quảng Đà đã đưa hai máy kéo DT54 của Nông trường Quyết Thắng vào bến Hiên để sẵn sàng kéo pháo cao xạ 57 mm vào trận địa khi ta nổ súng đánh Thượng Đức.

Sau một thời gian lao động khẩn trương, từ trục đường chính, ta có 100 kilômét đường mới, toả ra xung quanh đưa lực lượng vào bao vây Thượng Đức. Những ngày chuẩn bị này, cán bộ, chiến sĩ công binh Sư đoàn 304 đã thức thâu đêm trình sát đường sông, đường bộ, ghép phà, ghép bè hàng thả trôi sông, khắc phục hàng trăm ngầm cho xe chạy ra phía trước. Một bộ phận công binh của trung đoàn 3 Sư đoàn 324 còn tổ chức trận địa đóng cọc chằng dây, bẫy mìn trên sông Vu Gia để chặn đường rút về Đà Nẵng bằng đường sông của địch.

Để đảm bảo đúng thời gian chuẩn bị chiến dịch, Quân đoàn 2 sử dụng tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 219 công binh, tăng cường cho Sư đoàn 304. Ngày 8 tháng 6 năm 1974, tiểu đoàn 1 lên đường. Suốt một tuần hành quân liên tục cả ngày đêm trên đoạn đường 200 kilômét.

Ngày 17 tháng 7, con đường đã cơ bản hoàn thành. Tính ra để làm con đường này, bộ đội ta phải bỏ ra hàng trăm nghìn ngày công, 25 tấn thuốc nổ, đào đắp 250.000 mét khối đất, đá, xây dựng hơn 300 cầu và ngầm.

Sau hơn một tháng vật lộn vô cùng gian khổ với con đường, đêm 17 tháng 6, các xe, pháo của ta đã bí mật kéo vào tập trung ở bến Hiên. Một số khẩu pháo nặng được các chiến sĩ ưu tiên đưa xuống thuyền, bè và mảng xuôi về Thượng Đức.

Kéo pháo lên núi đã khó, đưa pháo xuống thuyền và từ thuyền lên bờ còn gay go hơn, nhất là khi phải giữ bí mật, không được phát ra tiếng động, không được có ánh lửa. Nhưng bộ đội ta cùng với một đại đội nữ du kích và hàng trăm dân công của huyện đã khắc phục mọi khó khăn trở

ngại, trong hai đêm đã kéo được hai khẩu pháo 85, một khẩu cối 160 chiếm lĩnh trận địa (cách địch không đầy hai kilômét).

Đêm 28 tháng 7 năm 1974, toàn bộ đội hình các đơn vị tham chiến đã vào chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định sử dụng lực lượng như sau:

- Trung đoàn 66 bộ binh đảm nhiệm đánh trận then chốt, tiến công tiêu diệt chi khu quân sự và quận lỵ Thượng Đức. Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm trên hướng chủ yếu từ hướng Đông đánh thẳng vào khu vực tiểu đoàn 79 biệt động. Tiểu đoàn 9 (hướng thứ yếu), hai đại đội từ tây bắc đánh vào khu bảo an và quận lỵ. một đại đội chặn địch ở cầu Hà Tân, không cho địch rút chạy. Tiểu đoàn 8 là lực lượng dự bị.

- Trung đoàn 3 bộ binh (Sư đoàn 324) tiến công tiêu diệt địch ở đồn Ba Khe và bao vây địch ở điểm cao 52 sử dụng đại đội 17 của trung đoàn, tổ chức cắm cọc và gài mìn, làm vật cản trên sông Vu Gia ở đoạn cuối thôn 15, lực lượng còn lại sẵn sàng đánh địch rút chạy về Đà Nẵng và từ Đà Nẵng lên ứng cứu.- Tiểu đoàn 10 bộ đội địa phương đảm nhiệm diệt địch đóng ở các thôn 12, 13, 14, 15 và một số đồn xung quanh Thượng Đức.

Ác liệt từ trận then chốt

Sau khi Sư đoàn 2 tiến công tiêu diệt Nông Sơn- Trung Phước, đúng 5 giờ ngày 29 tháng 7, Bộ Tư lệnh chiến dịch phát lệnh tiến công Thượng Đức. Hai phát pháo hiệu xanh, đỏ vút lên không trung và tín hiệu "Bão táp" được truyền đi các hướng. Pháo binh ta lập tức dồn dập nã đạn vào Thượng Đức. Ngay từ loạt đạn đầu, tên quận trưởng bị thương nặng. Cả cứ điểm chìm trong khói lửa của hỏa lực ta. Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 nổ súng chậm hơn 15 phút so với toàn mặt trận vì sương mù không rõ mục tiêu. Hỏa lực trung đoàn dồn xuống Ba Khe, Hà Sống. Đúng 6 giờ, đại đội trưởng đại đội 6 Nguyễn Phúc dẫn đại đội đánh thẳng vào Ba Khe, sau 30 phút, làm chủ được căn cứ, diệt hàng trăm tên, bắt 8 tên. Tiền đồn phía đông Thượng Đức đã bị ta chiếm. Tiểu đoàn 8 trung đoàn 3 do tiểu đoàn trưởng Phạm Huy Chương chỉ huy nhanh chóng bao vây Hà Sống, chốt đường bộ và đường sông, ngăn chặn bọn địch từ Thượng Đức về và từ Hà Sống lên chi viện. Các đơn vị khác cũng làm chủ nhiều thôn xóm. Tiểu đoàn 10 bộ đội địa phương làm chủ các mục tiêu được phân công, tạo

thành thế trận bao vây chia cắt địch ngay từ đầu. Cờ Giải phóng tung bay trên các thôn xóm quanh Thượng Đức.

Cuộc chiến đấu lúc đầu tưởng như rất thuận lợi, nhưng tại khu vực mục tiêu chính khi pháo ta chuyển làn, trung đoàn 66 vẫn không tổ chức xung phong được, vì cả hai hướng đều chưa tạo được cửa mở vào cứ điểm. Bộ phá rào ở hướng tiểu đoàn 7 chỉ mở được hai phần ba hàng rào, một bộ khác ở hướng thứ hai bị hỏng máy điểm hoả không sử dụng được. Các đồng chí Nguyễn Quý và Trần Kiên Quyết, cán bộ chỉ huy trung đoàn 66 quyết tâm chuyển sang đánh bọc phá liên tục để mở cửa, nhưng do không chuẩn bị trước, nên chưa thể tiến hành mở cửa tiếp. Mặt khác, do chủ quan, coi thường địch, đơn vị đã không tổ chức đào công sự ở khu vực cửa mở, nên thương vong nhiều. Về phía địch, do vị trí quan trọng của Thượng Đức nên chúng cố sức "tử thủ".

Ngay từ khi nhận được tin ta có thể đánh Thượng Đức, tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân khu I của địch đã gọi Nguyễn Quốc Hùng - quận trưởng Thượng Đức về Đà Nẵng bàn việc phòng thủ. Trưởng ra lệnh điều pháo từ Đà Nẵng lên và cắm trại một thiết đoàn xe tăng cùng hai tiểu đoàn bộ binh để sẵn sàng tiếp viện ứng cứu Thượng Đức khi bị ta tiến công. Trong các ngày 29 và 30 tháng 7, bọn chỉ huy Quân khu 1 địch cho máy bay ở Đà Nẵng liên tục xuất kích chi viện cho quân đồn trú của chúng ở Thượng Đức. Bọn địch trong căn cứ dựa vào hầm ngầm, công sự và hệ thống hoả lực dày đặc vừa ngoan cố đánh cản các đợt xung phong của bộ binh ta, vừa ráo riết tổ chức lực lượng phản kích chiếm lại các vị trí đã mất. Cuộc chiến đấu trở nên gay go, quyết liệt.

Ngày 31 tháng 7, ngày thứ 3, tiểu đoàn 8 nhận nhiệm vụ thay tiểu đoàn 7 tiếp tục tiến công. Nhưng do chỉ huy thiếu tỉ mỉ, cụ thể, tổ chức hiệp đồng chùng chật, tiểu đoàn 8 tổ chức xung phong ba lần vẫn không thành công. Bộ đội bị thương vong; phải đưa về phía sau.

17 giờ ngày 31, trước sự phức tạp của trận đánh then chốt, chỉ huy Sư đoàn 304 lệnh cho trung đoàn 66 tạm ngừng tiến công, chuyển sang giữ vững địa bàn đã chiếm được, sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Sau hội nghị, đồng chí Nguyễn Chánh - Phó tư lệnh Quân khu 5, đồng chí Hoàng Đan - Phó tư lệnh Quân đoàn và đồng chí Trần Bình - Chính ủy Sư đoàn 304, xuống trực tiếp nắm tình hình trung đoàn 66. Tuy

đánh chưa thắng địch và thương vong nhiều, nhưng cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 66 vẫn giữ vững quyết tâm chiến đấu và mong sớm được giao nhiệm vụ đánh tiếp. Cuộc gặp gỡ, động viên của cấp trên đã củng cố thêm quyết tâm cho toàn đơn vị, nên gần một tuần, bộ đội ta vẫn bám trụ trận địa, củng cố công sự tạo thế xen kẽ, vây ép địch. Từ ngày 31 tháng 7 đến ngày 7 tháng 8, trung đoàn 3 Sư đoàn 324 tiếp tục làm nhiệm vụ tiến công tiêu diệt địch ở Hà Sống, Hà Tân, tạo thành thế bao vây Thượng Đức. Cho nên mặc dù trung đoàn 66 không đánh dứt điểm được Thượng Đức, ta vẫn có điều kiện chốt giữ, đánh địch cứu viện, tạo điều kiện cho trung đoàn 66 tổ chức lại lực lượng, rút kinh nghiệm và thực hành tiến công dứt điểm Thượng Đức trong giai đoạn sau.

Cuối tháng 10 năm 1974, Đảng ủy Sư đoàn 304 họp mở rộng thống nhất nhận định: địch tuy chiếm được một số trận địa chốt của ta nhưng chúng đã bị động và sa lầy ở mặt trận Thượng Đức. Chủ trương của Đảng ủy Sư đoàn là nhanh chóng rút kinh nghiệm, tổ chức lại các trận địa phòng ngự, nhất là hệ thống hầm hào chiến đấu để hạn chế đến mức tối đa sự sát thương của phi pháo địch, bảo đảm cho bộ đội có thể tác chiến liên tục, dài ngày. Ngay sau cuộc họp, Sư đoàn đã tổ chức tập huấn cho cán bộ về cách xây dựng trận địa phòng ngự, phá chiến thuật "lấn dũi" của quân dù. Mẫu hình trận địa được xây dựng bên cạnh lớp học. Cán bộ các cấp được phát huy dân chủ, tự do bàn bạc nêu ý kiến phân tích, tranh luận để tìm ra giải pháp hay nhất và tạo nên niềm tin tưởng, sự nhất trí với cách đánh của ta.

Cuộc đọ trí, đọ sức giữa cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 với quân dù tại Thượng Đức tiếp tục diễn ra khẩn trương, quyết liệt. Với tinh thần "tất cả cho phía trước", "tất cả để đánh thắng quân dù", cán bộ, chiến sĩ và nhân dân toàn mặt trận đều hướng về các trận địa chốt, lao động quên mình, khắc phục khó khăn, chuyển đạn, gạo lên phía trước. Đêm đêm, các đơn vị và cơ quan tổ chức chặt gỗ, đưa lên xây dựng và củng cố trận địa cho tới rạng sáng mới trở về phía sau. Các lực lượng ở phía sau còn đào hầm hào dọc đường lên trận địa để bảo đảm an toàn khi cơ động lực lượng và chi viện cho trận địa.

Pháo binh "chân đồng, vai sắt" bắn ngắm trực tiếp

Trong thời gian khó khăn này, các chiến sĩ pháo binh Sư đoàn 304, với truyền thống "chân đồng, vai sắt" đã tập trung lực lượng mở một con đường dài 8 kilômét, dùng sức người kéo pháo vượt qua điểm cao 1000 lên sát điểm cao 1062, tổ chức bắn ngắm trực tiếp, chi viện cho bộ binh chiến đấu. Tại điểm cao 1062, ta và địch giành đi, giật lại từng móm mọt. Cũng chính tại điểm cao 1062 này, sư đoàn dù của địch đã chịu những tổn thất nặng nề và bị chặn đứng không tiến thêm được.

Trong trận phản kích chiếm lại điểm cao 1062 từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 10 năm 1974, Sư đoàn 304 đưa trung đoàn 24 dưới sự chỉ huy của trung đoàn trưởng Phùng Đình Cải vào phối hợp với trung đoàn 66 thực hiện một đòn đánh tiêu diệt xuất sắc trong chiến đấu phòng ngự, loại tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 3 dù ra khỏi vòng chiến. Điểm cao 1062 vẫn do bộ đội ta chiếm giữ.

Thách thức trên điểm cao 1062

Điểm cao 1062 là đỉnh cao của cuộc đọ sức giữa Sư đoàn 304 và sư đoàn dù địch. Nó trở thành biểu tượng chiến thắng của tập thể cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304 kiên cường. Biết bao tấm gương hy sinh anh dũng sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng xuất hiện trong chiến đấu. Trung úy Nguyễn Văn Áy bị thương cả hai chân và một tay vẫn nằm lại trên chốt để chỉ huy và động viên bộ đội chiến đấu. Chính trị viên Thuyết bị thương, vẫn ở lại cùng đồng đội giữ trận địa cho tới lúc có lực lượng phía sau lên thay. Chiến sĩ Nguyễn Văn Thơ chiến đấu dũng cảm, mưu mẹo chụp bắt và ném trả hàng chục quả lựu đạn địch để diệt chúng. Trước lúc hy sinh, Nguyễn Văn Thơ còn bình tĩnh động viên anh em quyết đánh thắng địch. Đầu tháng 11 năm 1974, bị thua đậm, sư đoàn dù đưa tiếp lữ đoàn 2, lực lượng dự bị của chúng vào cuộc.

Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 nhận định: địch tung lực lượng dự bị vào chủ yếu để cứu nguy cho 2 lữ đoàn 1 và 3 của chúng đã mất sức chiến đấu. Với lực lượng mới này, địch chỉ đủ rải ra trên tuyến chiến đấu, không thể có lực lượng tiến công tiếp. Từ nhận định đó, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định tổ chức hỏa lực và xung lực đánh ngay vào lữ đoàn 2 dù, đánh bại âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng Thượng Đức của địch.

Khi lữ đoàn 2 quân dù vừa chân ướt chân ráo đặt chân lên khu vực tập kết, các chiến sĩ pháo binh lập tức nổ pháo đánh phủ đầu. Địch bị

thương vong quá nhiều. Tiếp theo lực lượng bộ binh ta tổ chức tập kích, làm bọn này hết sức hoang mang.

Dùng đạn pháo lép làm giàn phóng

Ngày 17 tháng 11, trinh sát Sư đoàn 304 đánh vào trận địa pháo Nông Lâm 3, phá hủy 4 khẩu pháo, đốt cháy 3 kho đạn. Trước đó trung đoàn 24 tiến công tiêu diệt tiểu đoàn 9 của địch ở tây điểm cao 700.

Ngày 25 tháng 11, công binh Sư đoàn 304 lại dùng đạn pháo chưa nổ của chúng liên kết với mìn làm giàn phóng, đánh vào đội hình địch ở điểm cao 383. Địch hoảng sợ không hiểu là ta có loại vũ khí gì mới.

Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang địa phương liên tục đánh tạt sườn, đánh vào phía sau đội hình tiến công của địch, làm chúng càng thêm rối loạn.

Kế hoạch "tái chiếm" đại bại

Qua 4 tháng anh dũng chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng Thượng Đức, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 304, trung đoàn 3 Sư đoàn 324 và các lực lượng tăng cường đã tiêu diệt và bắt gần 5.000 tên địch. Các tiểu đoàn dù 2, 3, 9 của địch bị tiêu diệt. Các tiểu đoàn còn lại đều bị đòn đau. Sư đoàn dù, một sư đoàn được coi là thiện chiến bậc nhất: nằm trong lực lượng tổng dự bị chiến lược của địch bị đánh quy.

Ngày 20-12-1974, sư đoàn dù mình đầy thương tích rút chạy khỏi chiến trường. Kế hoạch "tái chiếm" Thượng Đức của địch bị bãi bỏ.

Ngay khi sư đoàn dù vừa rút chạy để phòng chủ lực của ta thừa thắng theo đường số 14 đánh sâu hơn nữa xuống hướng Đà Nẵng, bọn chỉ huy địch vội tung lữ đoàn 369 lính thủy đánh bộ lên thay thế, nhằm ngăn chặn quân ta trước cửa ngõ Thượng Đức.

Thường Đức đã cùng với chiến thắng La Sơn - Mỏ Tàu ta đã đánh quy sư đoàn 1 - sư đoàn mạnh nhất của quân khu 1 ngụy, mở rộng vùng giải phóng nam Thừa Thiên tạo thêm một bàn đạp tiến công thứ hai uy hiếp mạnh mẽ giao thông chiến lược của địch giữa Huế và Đà Nẵng.

Theo **Trần Danh** (*Báo Quân đội Nhân dân*)

PHƯỚC LONG - ĐÒN TRINH SÁT CHIẾN LƯỢC

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam (trong hai năm 1975-1976) của Bộ Tổng Tham mưu trình Bộ Chính trị và nhiệm vụ chiến đấu mùa khô 1974-1975 của Quân ủy Miền, tháng 10-1974 ta mở

chiến dịch Đường số 14 - Phước Long, nhằm mục tiêu quan trọng nhất là đánh giá khả năng phản ứng của địch, làm sáng rõ hơn những cơ sở vững chắc để Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam, trong đó tâm điểm của chiến dịch là thị xã Phước Long.

Phước Long là một tỉnh nằm cách Sài Gòn 100 km về phía Đông Bắc, có vị trí như một chiếc cầu nối giữa Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Riêng thị xã Phước Long nằm trên dãy đồi cao phía Tây Bắc núi Bà Rá, rộng khoảng 2km² với dân số vào khoảng 33 nghìn dân (năm 1975). Bao quanh thị xã về phía Bắc và Đông là sông Bé, bờ sông dốc đứng. Phía Tây và Nam là khu đồi Sơn Giang, suối Dung và hồ Long Thủy sinh lầy, rậm rạp. Thị xã nhỏ nhưng được xây dựng vững chắc, công sở, nhà dân đều làm bằng gạch, xi măng. Quân địch đóng trong thị xã được tổ chức phòng thủ nhiều tầng, vững chắc, có trọng điểm; muốn đánh chiếm thị xã phải chuẩn bị nhiều ngày, đột phá từ ngoài vào và vận dụng hình thức tác chiến thành phố. Chính vì vậy địch rất chủ quan, thậm trí sau khi ta tiêu diệt hai chi khu Bù Đăng, Đồng Xoài và yếu khu Bù Na, cô lập tiểu khu Phước Long, địch tuy có hoang mang, giao động nhưng vẫn cho rằng ta chưa có đủ khả năng đánh chiếm thị xã. Trong cuộc họp các tướng lĩnh ngụy Sài Gòn ngày 17- 12- 1974, tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh quân đoàn 3 ngụy, vẫn khẳng định với cấp trên của y rằng: "Tình hình Phước Long sôi động, nhưng đó không phải là trọng điểm tiến công của Việt cộng, trọng điểm vẫn là Tây Ninh". Lợi dụng những phán đoán sai lầm của địch, ta nhanh chóng tiêu diệt chi khu Phước Bình và điểm cao Bà Rá và khẩn trương hình thành thế trận tiến công thị xã Phước Long. Đêm 1-1-1975, các đơn vị của Quân đoàn 4 đã đến vị trí xuất phát xung phong. Phía Nam là Trung đoàn 165; phía Tây là Trung đoàn 141; phía Đông là Trung đoàn 271; phía Đông Bắc là Trung đoàn 16; phía Tây Bắc là Trung đoàn 201. Trung đoàn 2 (Sư đoàn 9) đứng ở phía sau làm lực lượng dự bị cùng một số đơn vị pháo binh, xe tăng và phòng không.

Sáng ngày 2-1-1975, pháo của ta bắt đầu bắn vào các mục tiêu quân sự trong thị xã, kiểm chế hoàn toàn pháo binh địch. Sau đợt bắn phá hoại của pháo binh, các mũi bộ binh được xe tăng dẫn đầu nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu được phân công. Hướng Nam, Trung đoàn 165 chiếm trại Đoàn Văn Kiêu. Hướng Đông Nam, Trung đoàn 271 chiếm

ngã ba Tư Hiền 2...; bốn đại đội của ta đã lọt vào được thị xã, giành giật với địch từng căn nhà, ụ đất. Địch trong thị xã bị dồn đến bước đường cùng đã dựa vào hệ thống công sự, chống trả quyết liệt; chúng huy động 53 lượt máy bay F5 và A37 oanh tạc dữ dội làm hạn chế bước tiến quân của ta, bộ đội ta phải dừng lại đào công sự.

Trong ba ngày 3, 4 và 5 tháng 1, ta tiếp tục tiến đánh thị xã, nhưng tốc độ chậm hơn, thương vong đã tăng lên. Địch cho máy bay lên thẳng định đổ quân xuống thị xã, nhưng vấp phải lưới lửa phòng không của ta, không máy bay nào dám hạ cánh. Địch không tăng được quân, ta cũng chưa tiến thêm được, trận đánh ở vào thế giằng co rất quyết liệt. Một số cán bộ của ta muốn tạm dừng cuộc tiến công để củng cố lực lượng, chuẩn bị thêm. Tình hình rất khẩn trương, vấn đề quan trọng nhất lúc này là tranh thủ thời cơ. Trong lúc lực lượng của Quân đoàn 3 và tổng dự bị của Bộ Tổng tham mưu đang mắc kẹt ở các chiến trường khác, chưa thể tăng viện cho Phước Long trong một vài ngày tới. Nếu chiến sự kéo dài, địch đưa lực lượng về sẽ có những khó khăn lớn hơn. Hơn nữa, địch trong thị xã tuy còn chống trả quyết liệt, nhưng đang hoang mang, dao động, nếu chúng có thời gian hồi sức, trận đánh lại càng khó khăn hơn. Do đó, cán bộ viên bộ đội nâng cao quyết tâm chiến đấu, thực hiện liên tục tiến công; đồng thời, nhanh chóng củng cố lực lượng, xốc lại đội hình, thay đổi hướng đột phá, sử dụng lực lượng dự bị vào chiến đấu. Với quyết tâm chiến đấu cao, tiến công kiên quyết và cách đột phá sáng tạo, quân ta đã dũng cảm tiến công từ nhiều hướng, nhiều mũi, chia cắt cô lập từng bộ phận địch. Trên hướng Trung đoàn 2, bộ đội phải dùng dao, kéo để cắt rào, dùng ván gỗ, bao tải để vượt qua nhiều lớp rào kẽm gai, tập trung sức mạnh đập tan các ổ đề kháng của địch, đánh thẳng vào ty cảnh sát, trận địa pháo, dinh tỉnh trưởng, phối hợp các hướng, mũi cùng lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nhân dân tiêu diệt địch, làm chủ hoàn toàn thị xã Phước Long.

Đây là thắng lợi to lớn, toàn diện nhất của quân và dân Phước Long, lần đầu tiên ở miền Nam và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ta đã giải phóng hoàn toàn một tỉnh ở cửa ngõ Sài Gòn, chiếm giữ một địa bàn có vị trí chiến lược rất quan trọng. Ta đã tiêu diệt một tiểu khu của quân đoàn 3 ngụy, bẻ gãy một mắt xích trong tuyến phòng thủ Sài Gòn

của địch, làm cho hướng Tây Bắc Sài Gòn trở thành máng yếu, uy hiếp trực tiếp tới sào huyệt cuối cùng của địch.

Trận Phước Long có ý nghĩa như một “trận trình sát chiến lược”. Qua đây ta hiểu địch hơn, quân nguy Sài Gòn không còn đủ khả năng đối phó cùng một lúc với nhiều hướng tiến công của ta; không có khả năng chiếm lại một thị xã đã giải phóng, mặc dù Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh treo giải thưởng 3,2 triệu tiền nguy cho quân lính tử thủ Phước Long; từ hô hào “Kiên quyết lấy lại Phước Long” chuyển thành “Ba ngày cầu nguyện cho Phước Long”. Còn Mỹ, sau Phước Long không dễ can thiệp trở lại miền Nam để cứu nguy. Đây là một trong những căn cứ thực tiễn quan trọng nhất để Đảng ta hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Thế Vy (*Báo Quân đội Nhân dân*)

TÂY NGUYÊN - CHIẾN DỊCH MỞ MÀN LỊCH SỬ

Bây giờ thì vị tướng ấy đã đi xa, nhưng với tôi hình ảnh của ông còn đậm mãi, nhất là những dịp được ngồi bên ông, nghe ông kể lại câu chuyện một thời trận mạc mà tên tuổi của ông gắn liền với chiến trường ấy, mảnh đất ấy: Trận mở màn Buôn Ma Thuột trong Chiến dịch Tây Nguyên tháng 3-1975. Ông là Thượng tướng, GS Hoàng Minh Thảo.

Với tác phong điềm đạm, ân cần, ông kể cho tôi nghe về những năm tháng chiến đấu trên chiến trường Tây Nguyên, một thời gian lao, vất vả nhưng thật hào hùng và oanh liệt. Bài học quân sự với những khái niệm cao siêu qua ông thật dễ hiểu và thấm mãi.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa xuân năm 1975, Buôn Ma Thuột là điểm đột phá chiến lược mở đầu cho chiến cuộc. Buôn Ma Thuột không phải là một vị trí quân sự mạnh như Plei-cu, không phải là đầu não quân sự ở Tây Nguyên, nhưng Buôn Ma Thuột là trung tâm chính trị, văn hóa của Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng; nó yếu hơn Plei-cu, nhưng lại rất hiểm. Mà một nguyên tắc quân sự trong chọn mục tiêu tiến công là yếu và hiểm. Ta có thể nhanh chóng đánh chiếm và khi đã giải phóng được Buôn Ma Thuột thì sẽ làm rung động cả Tây Nguyên, ảnh hưởng trực tiếp đến cả vùng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ và cả phía bắc, tây bắc Sài Gòn...

Trước khi đánh Buôn Ma Thuột, ta phán đoán, dự kiến một số tình huống và có kế hoạch xử lý. Bởi muốn giành được chủ động thì không thể

chủ quan, sơ sài. Phải bày tất cả các tình tiết, mâu thuẫn của màn diễn lên bàn, lên bản đồ, phải gạn lọc tình huống, hạn chế, loại trừ mâu thuẫn để đi đến khả năng thực hiện. Về mặt chiến lược, ta có thể hạn chế và loại trừ tình huống địch đưa quân cấp sư đoàn tăng cường cho Tây Nguyên. Để làm được việc đó khi ta định giải phóng Tây Nguyên, phải tìm địch ở Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn là hai đầu nam bắc chiến tuyến để bảo đảm cho Tây Nguyên hoạt động thắng lợi.

Để tìm hãm địch ở Huế, ta để Quân đoàn 2 do đồng chí Nguyễn Hữu An chỉ huy ở tây bắc Huế, buộc địch phải để một bộ phận quân dù và thủy quân lục chiến chuẩn bị đối phó với Quân đoàn 2. Địch rất sợ mất Huế - Đà Nẵng vì ta có Quân đoàn 1 đứng sau Quân đoàn 2 phía bắc Vĩ tuyến 17 sẵn sàng tham chiến khi cần thiết. Để tìm hãm địch ở Sài Gòn, ta để Quân đoàn 4 do đồng chí Hoàng Cẩm chỉ huy ở Đông Nai, buộc địch phải để Sư đoàn dù và Sư đoàn thủy quân lục chiến giữ Sài Gòn. Mối lo của địch đối với Sài Gòn, Huế-Đà Nẵng còn nặng hơn Plei-cu và Buôn Ma Thuột. Chính vì thế cho nên địch bị hờ ở Tây Nguyên.

Để hiểu sâu các vấn đề trên, công tác tham mưu chiến lược bao gồm việc xác định ý định chiến lược, trong đó có mục tiêu định đánh, việc phối hợp, nghi binh lừa địch, việc chia cắt chiến lược... Trong tiến công chiến lược phải xác định chiến trường chủ yếu, chiến trường phối hợp, chiến trường tìm hãm, đó là triển khai chiến lược.

Vào năm 1975, trên cơ sở tình hình các chiến trường Quảng Trị, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, ta nên mở đầu bằng chiến dịch nào? Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã thảo luận và cuối cùng xác định Tây Nguyên là chính, các chiến trường khác phối hợp. Sau khi xác định mục tiêu, thì việc đầu tiên của mưu kế là nghi binh, lừa địch, tìm hãm địch, tạo điều kiện cho chiến trường chính phát động và tiến công thuận lợi. Đó là mưu kế chiến lược. Vì sao ta làm được việc này? Ông đặt câu hỏi và khẳng định: Vì chiến tranh nhân dân của chúng ta phát triển cao ta mới có chỗ đứng chân xen kẻ da báo với địch. Và như vậy, ta đã tạo thế chiến lược cho Tây Nguyên có sơ hở. Tiếp đó, để chắc thắng, Bộ Tổng tư lệnh đột ngột tăng cường cho Tây Nguyên Sư đoàn 316 do đồng chí Đàm Văn Ngụy chỉ huy và Sư đoàn 968 do đồng chí Thanh Sơn chỉ huy từ Hạ Lào sang. Như vậy từ chỗ chỉ có hai sư đoàn và một số trung đoàn độc lập, ở

Tây Nguyên ta có 4 sư đoàn và một số trung đoàn độc lập. Lúc này, Tây Nguyên mạnh hơn một quân đoàn và do đó hình thành một tập đoàn chiến lược.

Vì sao Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chọn Buôn Ma Thuột làm điểm đánh trận mở đầu và cũng là một trận then chốt quyết định của chiến dịch? Trước đó, do những điều kiện cụ thể của chiến trường, ta đã cân nhắc lợi hại giữa Buôn Ma Thuột và Kon Tum, xem chọn thị xã nào làm điểm tiến công.

Tuy nhiên, căn cứ vào những hoạt động của ta và địch trên chiến trường, với nhiều ý kiến phân tích khách quan, khoa học, Bộ Chính trị đã quyết định chọn thị xã Buôn Ma Thuột làm điểm tiến công.

Thị xã Buôn Ma Thuột nằm sâu trong vùng kiểm soát của địch; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa quan trọng của Tây Nguyên và cũng là nơi tập trung bọn đầu sỏ phản động trong vùng. Về mặt quân sự, thị xã này có vị trí rất cơ động, đứng ngay ở ngã ba đường chiến lược 21 nối liền với Nha Trang và đường số 14, phía bắc đi Cheo Reo và Plei-cu, phía nam đi Gia Nghĩa và miền Đông Nam Bộ. Do nằm sâu trong vùng kiểm soát của địch nên quân chiếm đóng của chúng ở đây không bị đối mặt trực tiếp với quân ta như ở Kon Tum, việc bố phòng cũng không chặt chẽ bằng Kon Tum. Đánh Buôn Ma Thuột, ta sẽ có khó khăn trong việc trinh sát nắm địch, nắm địa hình, vận chuyển vật chất hậu cần và cơ động tập kết, triển khai lực lượng. Mọi hoạt động chuẩn bị phải rất công phu và phải tuyệt đối giữ bí mật, kết hợp với hoạt động nghi binh thu hút sự chú ý và đối phó của địch về hướng khác thì mới loại bỏ được khả năng địch tăng cường dự phòng. Quyết tâm chọn Buôn Ma Thuột làm trận đánh then chốt, trận đánh mở đầu là rất chính xác, làm một đòn đánh hiểm, nhằm vào chỗ sơ hở, điểm yếu của địch.

Mặt khác, đây là đòn mở đầu nên ta quyết tâm phải thắng lợi mới tạo thuận lợi cho việc tiếp tục phát triển... Nguyễn Trãi từng nói: "Bỏ chỗ mạnh đánh chỗ yếu, tránh chỗ vững đánh chỗ núng, thì dùng sức một nửa mà thành công gấp bội". Ta cũng học cách đánh này của cha ông ta. Muốn đánh Buôn Ma Thuột thắng nhanh, phải nghi binh đánh Plei-cu để Buôn Ma Thuột vẫn yếu như cũ. Và ta đã tổ chức nghi binh cho Plei-cu.

Bắt đầu, từ cuối tháng 2-1975, ta cho Sư đoàn 968 đánh thật, nghi binh vào các vị trí địch ở tây nam Plei-cu và Kon Tum, sử dụng lực lượng với quy mô thích hợp cho từng mục tiêu và vận dụng các cách đánh bài bản để tiến công địch. Cùng thời gian, sư đoàn đã đánh các cứ điểm địch ở ngoại vi quận lỵ Thanh An, bức rút đồn Tâm, đánh chiếm dãy cao điểm Chư Cara, Chư Gôi, 605, uy hiếp mạnh Thanh Bình, Thanh An tây nam Plei-cu, đồng thời kết hợp đánh nhỏ ở tây Plei-cu, bắc Kon Tum, làm trận địa pháo và huy động dân công, bộ đội mở đường 220 nối Võ Định, bắc Kon Tum với đường 19, đoạn phía đông Plei-cu 40km và rầm rộ làm các con đường dẫn vào hai thị xã Plei-cu và Kon Tum. Ta cũng tung tin sẽ tiến công Kon Tum nhưng bí mật đưa Sư đoàn 968 vào hoạt động ở khu vực Plei-cu và điều Sư đoàn 10, Sư đoàn 320 đang hoạt động ở khu vực này xuống nam Tây Nguyên.

Việc bảo đảm bí mật sự di chuyển hai sư đoàn cùng các đơn vị binh chủng kỹ thuật vào nam Tây Nguyên là công việc hết sức khó khăn. Ta phải cho các sư đoàn này di chuyển như “đèn cù” nhiều lần rồi mới di chuyển chính thức. Đồng thời khi di chuyển chính thức, toàn bộ điện đài và nhân viên báo vụ của hai sư đoàn trên vẫn để lại vị trí cũ hoạt động như thường lệ, truyền đi các báo cáo và mệnh lệnh giả để đánh lừa địch mà chỉ dùng điện thoại của Bộ Tư lệnh Trường Sơn để thông tin cho nhau. Địch cho rằng ta vẫn không hề có dấu hiệu chuyển quân. Trong khi đó Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 đã chuyển từ Plei-cu và Kon Tum về hướng Buôn Ma Thuột rồi.

Trước việc nghi binh của ta, địch đã vội vã rút Trung đoàn 45 đang lùng sục ở Cẩm Ga, Thuận Mẫn về Thanh An để đối phó; Trung đoàn 44 cùng một số liên đoàn quân biệt động cũng bị tiêu hao nặng buộc phải nằm chết gi ở Plei-cu.

Do giữ được bí mật ý đồ hành động và cũng do ta nghi binh có kết quả nên địch trở nên lúng túng. Chúng vẫn phán đoán ta đánh thật vào Plei-cu hoặc Kon Tum.

Mặt khác, ngày 4.3.1975, ta cho Trung đoàn 95A do đồng chí Nguyễn An làm trung đoàn trưởng cắt đường 19-con đường nối Quy Nhơn với Plei-cu đoạn đèo Măng Giang cách Plei-cu khoảng 50km. Sư đoàn 3

Quân khu 5 cắt đoạn đèo Thượng An đến cầu số 13, thế là ngay trong ngày đầu chiến dịch, huyết mạch chính nuôi sống Plei-cu, Kon Tum của địch bị cắt.

Đêm mông 4 rạng sáng ngày 5.3, Trung đoàn 25 ở Chư Cúc đã đánh chiếm và giữ một số đoạn trên đường 21 nối Ninh Hòa với Buôn Ma Thuột. Con đường quan trọng thứ hai của địch nối Tây Nguyên với đồng bằng duyên hải bị cắt đứt. Trên đường số 14, ngày 7.3, Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 chiếm Chư Sê, ngày 8.3 đánh chiếm Thuận Mẩn. Trục đường nối nam bắc Tây Nguyên của địch cũng bị cắt làm đôi. Trong khi thực hiện chia cắt địch, ta đẩy mạnh hoạt động nghi binh của Sư đoàn 968 nhằm giữ khối chủ lực của địch ở bắc Tây Nguyên, đồng thời đưa các đơn vị đánh Buôn Ma Thuột vào vị trí tập kết cuối cùng. Đến ngày 9-3, khi địch vẫn định ninh mục tiêu chính của ta là Plei-cu, Kon Tum thì 12 trung đoàn bộ binh và đơn vị binh chủng của ta đã triển khai xung quanh Buôn Ma Thuột, lúc này đã hoàn toàn bị bao vây cô lập.

Ngày 10.3.1975, lúc hai giờ sáng, ta nổ súng tiến công thị xã Buôn Ma Thuột. Để nghi binh thu hút sự chú ý của địch, bộ đội đặc công và pháo binh nổ súng đánh sân bay Hòa Bình, hậu cứ Trung đoàn 53, khu kho Mai Hắc Đế. Trong đêm, lợi dụng điện trong thành phố lúc tắt, lúc sáng, tiếng súng và sự hỗn loạn của địch, các loại xe pháo, xe tăng, ô tô chở bộ binh của ta từ năm hướng tiến công thị xã. Cái mới trong trận này là ta dùng đặc công đã chiến đánh Sân bay Hòa Bình (đặc công được trang bị súng máy, B40 và cả tên lửa phòng không vác vai) và trụ lại sân bay để đợi bộ binh. Vũ Thế Quang, Sư đoàn phó Sư đoàn 23, Chỉ huy trưởng Buôn Ma Thuột, sau khi ta đã đánh các vị trí trên vẫn phán đoán ta đánh như những ngày thường, đánh ban đêm sau đó thì rút ra. Bởi vì đêm đó ta cũng đánh Đức Lập, một căn cứ của địch nằm ở tây nam Buôn Ma Thuột giáp biên giới Cam-pu-chia.

Lúc 7 giờ sáng ngày 10.3, ta tiếp tục khai hỏa, chúng không cứu được Đức Lập. Tuy tiến công mãnh liệt, nhưng trong ngày 10.3, ta vẫn chưa dứt điểm được Buôn Ma Thuột nên đêm đó, Mặt trận phái Tham mưu trưởng vào tổ chức lại các lực lượng để hôm sau tiếp tục tổng công kích. Và 11 giờ 30 phút ngày 11.3, ta giải phóng Buôn Ma Thuột bắt sống Vũ Thế

Quang, Sư đoàn phó Sư đoàn 23 và Nguyễn Văn Luật, Tỉnh trưởng Đắc Lắc.

Địch mất Buôn Ma Thuột, ta phán đoán, chúng nhất định dùng Sư đoàn 23 phản kích chiếm lại bởi vì đây là vị trí chính trị của Tây Nguyên. Mặt khác, lần đầu tiên mất một thị xã 12 vạn dân có ý nghĩa, chính trị, kinh tế, văn hóa lớn. Địch chỉ có cách phản kích, đi đường bộ từ Plei-cu lên với chiều dài 180km qua ba đèo hiểm trở, trong khi ta đã cho Sư đoàn 320 chốt các đèo đó thì Sư đoàn 23 không thể đi được.

Và là sự thật hiển nhiên, địch chỉ còn cách hạ cánh bằng máy bay lên thẳng để đưa Sư đoàn 23 ngự xuống phía đông Buôn Ma Thuột mà thôi. Mặt khác, Bộ tư lệnh chiến dịch đã tổ chức cho bộ đội chiếm ngay các căn cứ: 45, Buôn Hồ, Đại Lý, Chu Bao, phá các bàn đạp phản kích của địch xung quanh Buôn Ma Thuột. Đường 14, đường 21 bị cắt, các bàn đạp của địch ở xung quanh Buôn Ma Thuột đã bị mất.

Ta xác định địch không thể đi đường bộ được và nếu có đi được cũng phải mất hàng tháng thì đối phương đã củng cố trận địa rồi, khó lòng đánh được. Vả lại, đi cứu viện là đi chữa cháy phải nhanh không thì khó mà cứu được. Nên chỉ còn cách đi trực thăng. Trong gạn lọc tình huống, thì chỉ còn tình huống đó là có khả năng thực hiện được. Phán đoán như vậy, đi đôi với việc xử lý các tình huống khác, ta tập trung vào xử lý tình huống với Sư đoàn 23, cho Sư đoàn 10 từ Đức Lập cơ động khẩn cấp về phía đông bắc Buôn Ma Thuột để chuẩn bị đánh Sư đoàn 23 phản đột kích. Tư lệnh mặt trận quyết định luôn để đơn vị thực hiện kịp mệnh lệnh.

Ngày 12.3, địch đi đúng vào kế hoạch và sa vào thế trận của ta, các Trung đoàn 44 và 45, Sư đoàn 23 đổ bộ xuống đông Buôn Ma Thuột (khu vực Nông Trại, Phước An trên đường 21). Chúng chỉ có thể đổ xuống phía đông, vì phía tây quân ta đang chốt giữ và phía đông nếu không đánh được chúng sẽ rút chạy về Nha Trang. Ta phán đoán đúng. Lực lượng địch không có xe tăng, không có pháo lớn, ở thế bất lợi nên đã bị Sư đoàn 10 của ta phối thuộc xe tăng và pháo binh, lần lượt tiêu diệt trong các ngày từ 14 đến 18.3. Sau khi ta đánh tan Sư đoàn 23, địch "nhắm mắt" đưa một lữ đoàn dù bỏ Đà Nẵng về bảo vệ đèo Phước Hoàng hùng ngăn chặn ta tiến xuống Nha Trang. Ta cho Sư đoàn 10 chuẩn bị đánh lữ đoàn dù nói trên trên đường Buôn Ma Thuột - Nha Trang.

Đèo Phượng Hoàng nằm ở phía tây Ninh Hòa, Sư đoàn 10 do đồng chí Hồ Đệ chỉ huy, có đồng chí Vũ Lăng, Phó tư lệnh đi trực tiếp với sư đoàn. Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên chỉ thị cho Sư đoàn 10 không đánh ngay lũ dù mà phải vây xong mới đánh, địch sẽ rất dễ tan vỡ. Sư đoàn 10 làm đúng như thế và sau hai ngày vây ép địch, sư đoàn đã tiến công Nha Trang - Cam Ranh, chia cắt miền Nam làm đôi.

Trận Buôn Ma Thuột là trận then chốt, đánh bại Sư đoàn 23 là trận then chốt thứ nhất, đánh phản kích là trận then chốt thứ hai, hai trận then chốt này tạo thành trận then chốt quyết định làm chuyển biến cục diện chiến trường Tây Nguyên, địch hết biện pháp đối phó. Giữ không được, đánh vận động cũng không xong, đành phải rút khỏi Tây Nguyên, tạo ra đột biến chiến dịch. Kon Tum, Plei-cu không đánh mà được giải phóng. Sau khi mất Buôn Ma Thuột, Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam cộng hòa quyết định "Tùy nghi di tản" là hoàn toàn sai lầm về chiến lược.

Trước khi đi chuẩn bị chiến dịch, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã dặn Tư lệnh Mặt trận: "Nếu ta đánh mạnh, thắng lớn ở Tây Nguyên thì địch có thể co về giữ đồng bằng". Tâm đắc điều này, Thượng tướng thấy, phán đoán của Tổng Tư lệnh thể hiện một nhãn quan chiến lược thật tài tình. Và thế là Sư đoàn 320 được tăng cường Trung đoàn 95B, một tiểu đoàn thiết giáp và một bộ phận pháo binh nhanh chóng chặn địch rút chạy trên đường 14 khu vực gần tiếp giáp với đường 7. Khi nhận được lệnh, đại bộ phận sư đoàn đang đứng chân ở khu vực Cẩm Ga trên đường số 14 cách Cheo Reo khoảng 50km đã đưa Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 nhanh chóng vượt lên trước bằng "đôi chân vạn dặm" để chặn địch. Chiều ngày 17, Tiểu đoàn 9 đã ra đến đường 7, đông Cheo Reo 4km, xây dựng một điểm chốt cắt ngang đội hình địch. Một khối lượng lớn quân địch buộc phải cụm lại ở Cheo Reo, Phú Thiện. Chủ lực ta ở phía sau có pháo binh và thiết giáp hỗ trợ nhanh chóng bám sát địch, triển khai đội hình tiến công, đập tan cụm quân này vào các ngày 18 và 19.3. Đồng thời Bộ tư lệnh Mặt trận điện cho Quân khu 5 cho lực lượng địa phương Phú Yên ra chặn địch rút chạy từ Plei-cu về Tuy Hòa. Trong khi Sư đoàn 5 của Quân khu 5 phối hợp đánh địch ở đèo An Khê và sau đó Trung đoàn 95A đánh Sư đoàn 22 địch ở Phú Phong, thì trung đoàn địa phương của Bình Định lợi dụng thời cơ vào giải phóng thị xã Quy Nhơn.

Như vậy, chia cắt giao thông, bố trí Sư đoàn 320 ở thế tiện cơ động, nhanh chóng tổ chức bộ phận gọn nhẹ vượt lên trước chặn đội hình địch là các hoạt động tạo thế, góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của trận then chốt thứ ba: Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch rút chạy trên đường số 7, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên.

Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên đã làm rung chuyển, đảo lộn cả thế trận của địch và tạo cho ta phát triển vô cùng thuận lợi, biến thắng lợi chiến dịch thành thắng lợi chiến lược, tạo ra cục diện mới của chiến lược, thúc đẩy chiến tranh chuyển biến rất nhanh chóng có lợi cho ta.

Lúc sinh thời, nhân kỷ niệm Chiến thắng Buôn Ma Thuột, Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp, nguyên Chính ủy Chiến dịch Tây Nguyên cũng tâm niệm và nhắc lại: Chiến thắng Buôn Ma Thuột mãi mãi là dấu son trên trang sử vẻ vang của quân đội ta. Nó là kết quả của cả một quá trình chuẩn bị lâu dài của quân và dân Tây Nguyên. Nếu chúng ta đều biết tới hình ảnh từng đoàn dân công gồm cả người già, trẻ em của các buôn làng đã đi gùi đạn, gùi gạo, mở đường cho chiến dịch; nếu chúng ta biết tới những đồng chí cán bộ của Đảng đã từng cà răng cẳng tai, sống hàng vài chục năm với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên để bám dân, bám đất xây dựng địa bàn, xây dựng chỗ cho chúng ta đứng chân mà đánh giặc; nếu chúng ta biết rằng trước khi chúng ta có xe pháo mà mở những trận đánh lớn như vậy đã có hàng ngàn đồng chí đi trước mở đường, mở địa bàn, giành đi giặt lại với địch từng tấc đất trong điều kiện đói cơm, rách áo, thiếu thuốc men, thiếu vũ khí kéo dài hàng chục năm ròng để chúng ta có những quân hùng tướng mạnh mà đánh địch với thế mạnh như chẻ tre. Nếu chúng ta biết một cách đầy đủ tất cả những gì diễn ra trước khi có trận Buôn Ma Thuột, có mùa xuân cao nguyên 1975, thì chúng ta càng thấy tự hào hơn về Đảng ta, nhân dân ta và quân đội ta...

Chiến tranh đã đi qua hơn ba mươi năm, hai vị lão tướng Hoàng Minh Thảo và Đặng Vũ Hiệp đã đi xa. Nhớ lại chiến dịch Tây Nguyên lịch sử, xin thắp một nén tâm nhang kính cẩn nghiêng mình trước hai lão tướng. Các ông còn mãi với Tây Nguyên với Buôn Ma Thuột thân yêu.

Đại tá, TS Nguyễn Thành Hữu (Lược ghi theo lời kể của cố Thượng tướng, GS Hoàng Minh Thảo).

(*Báo Quân đội Nhân dân*)

SƯ ĐOÀN 316

TRONG TRẬN THEN CHỐT CHIẾN DỊCH

Ngày 9 tháng 1 năm 1975, sư đoàn 316 hành quân bằng xe cơ giới vào chiến trường. Ngày 3 tháng 2 năm 1975 sư đoàn tới Đắc Đam (Tây Nguyên) đúng yêu cầu: Đi nhanh, đến gọn, đủ, an toàn và bí mật.

Tây Nguyên có lực lượng Quân khu 2 ngụy đóng giữ, do thiếu tướng Phạm Văn Phú trực tiếp chỉ huy. Lực lượng lúc này địch có 1 sư đoàn, 7 liên đoàn biệt động quân (tương đương 10 trung đoàn) cùng 4 thiết đoàn tăng - thiết giáp.

Tại Buôn Ma Thuột địch tổ chức 3 khu vực phòng ngự lớn khu bắc, khu đông, khu tây nam theo thế chân kiềng; có 2 sân bay, ở mỗi sân bay thường xuyên có từ 5 đến 7 máy bay trực thăng và vận tải. Đây là hậu cứ của Sư đoàn 23 và của các đơn vị Quân khu 2 ngụy.

Số lượng địch trong thị xã Buôn Ma Thuột lúc này có 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 53, sở chỉ huy nhẹ của Sư đoàn 23, các tiểu đoàn bảo an, sở chỉ huy đoàn biệt động 296 và chi khu cảnh sát của tỉnh. Các lực lượng phòng thủ ở đây đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, chủ yếu dựa vào lực lượng của Sư đoàn 23. Tổng số quân địch trong thị xã có 5.920 tên cả chủ lực, địa phương, cảnh sát, có 17 pháo (từ 105 đến 155), 16 xe tăng, 50 xe M.113. Hướng phòng ngự chính của địch ở Buôn Ma Thuột là hướng tây bắc, khu then chốt là căn cứ Sư đoàn 23 ngụy.

Từ đầu năm 1975, Bộ tư lệnh Mặt trận đã dự kế hoạch đánh Buôn Ma Thuột. Nội dung kế hoạch gồm hai phương án: Một là, đánh địch trong trường hợp không dự phòng, ta giữ được bí mật từ đầu, về cơ bản địch vẫn ở trong trạng thái bố trí như cũ; hai là, khi địch đã có lực lượng dự phòng kịp thời phát hiện được ý đồ tiến công của ta và đã chuyển hướng phòng thủ cơ động quân các nơi về tăng cường cho Buôn Ma Thuột. Cả hai phương án trên được thống nhất theo một kế hoạch tiến hành theo ba bước. Bước mở màn: Sẽ diệt các vị trí ngoại vi Đức Lập, Thuận Mẫn để phá vành đai phòng thủ phía ngoài tạo điều kiện đưa lực lượng và binh khí kỹ thuật của ta vào áp sát Buôn Ma Thuột. Theo Tướng Hoàng Minh Thảo, còn để "loại trừ" "gạn lọc" tình huống ứng cứu phản kích trực tiếp. Bước 2: Nếu địch kịp điều lực lượng mạnh về trước thời gian ta tiến công, các đơn vị sẽ tiến hành vây ép, đánh chiếm từng bước các điểm cao còn lại

ở ngoại vi, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, khi tạo được ưu thế sẽ tiến công toàn tuyến tiêu diệt địch ở Buôn Ma Thuột.

Nếu ta nghi binh và chặn địch tốt ở Buôn Ma Thuột, địch vẫn giữ nguyên như thế phòng ngự ban đầu lực lượng chính vẫn ở Kon Tum, Plây Cu hoặc chỉ điều một ít quân về thì ta sẽ dùng lực lượng đủ mạnh nhanh chóng đột phá thẳng vào tiêu diệt Buôn Ma Thuột bỏ qua bước đánh ngoại vi. Bước 3: Sau khi giải quyết xong về cơ bản các mục tiêu then chốt trong thị xã, các đơn vị củng cố và phát huy thắng lợi đánh bại quân địch phản kích, đồng thời tiêu diệt các vị trí còn lại của địch ở Buôn Ma Thuột.

Theo kế hoạch trên, nhiệm vụ của Sư đoàn 316 khi mới đến, được Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên giao trong bước 1 là đưa Trung đoàn 148 và Trung đoàn 174 làm nhiệm vụ chặn viện dọc đường 14. Trên hướng của Sư đoàn 10 lúc này làm nhiệm vụ đánh Đức Lập, Trung đoàn 149 làm lực lượng dự bị của chiến dịch sẵn sàng đánh vào Gia Nghĩa trong bước 2 hoặc đánh thẳng vào thị xã Buôn Ma Thuột. Trong các bước 2 và 3, sư đoàn sẽ đánh thẳng vào thị xã giải quyết các cứ điểm ngoại vi hoặc đánh Gia Nghĩa tùy theo tình hình và quyết định của mặt trận về thứ tự các bước cụ thể.

Lúc này đoàn cán bộ của sư đoàn do đồng chí Đàm Văn Ngụy đang đi nghiên cứu, chuẩn bị chiến trường ở hướng Gia Nghĩa. Trong cuộc họp của Bộ tư lệnh Mặt trận, do Đại tướng Văn Tiến Dũng chủ trì, chủ trương tranh thủ triệt để yếu tố bất ngờ mà vẫn đánh chắc thắng, làm quy nhanh quân địch:

Ngay trong khi Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 đánh Đức Lập, Thuận Mẫn, Cẩm Ga thì Sư đoàn 316 được tăng cường binh khí, kỹ thuật cùng Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn bộ binh 95B, 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 24 Sư đoàn 10 tiến hành nhiệm vụ tiến công tiêu diệt Buôn Ma Thuột, bỏ qua bước đánh kéo dài ở ngoại vi, không qua bước xây dựng trận địa quá thận trọng như dự kiến. Sau khi diệt xong sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy, Sư đoàn 316 mới điều một bộ phận quay ra tiêu diệt địch ở cầu Sê Rê Pốc giải phóng đoạn đường 14 giữa thị xã và chi khu Đức Lập. Các lực lượng còn lại của sư đoàn tập trung đánh các cụm đê kháng còn lại và quân tăng viện. Khi ta đã hoàn toàn làm chủ thị xã và vùng ven, Sư đoàn 316 mới mở rộng hoạt động phát triển đánh Lạc Thiện, Đức Xuyên, Gia Nghĩa.

Vậy là theo kế hoạch mới: Sư đoàn 316 trở thành lực lượng đột kích chủ yếu vào thị xã Buôn Ma Thuột, mà trọng điểm là sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy.

Ngày 18 tháng 2 năm 1975, Đảng ủy sư đoàn họp lãnh đạo thực hiện phương án đánh mới. Trong 4 hướng đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột, Sư đoàn 316 đảm nhiệm 3 hướng.

Do yêu cầu bí mật của chiến dịch rất cao, mọi hành động của các đơn vị trong thời gian chuẩn bị và chiếm lĩnh trận địa phải thực hiện theo những quy định nghiêm ngặt. Trong khi đó từ vị trí tập kết đến thị xã Buôn Ma Thuột đường rất xa, để tiếp cận các đơn vị đều phải qua một chặng đường hành quân dài. Đơn vị gần nhất là Trung đoàn 148 cũng phải đi mất 3 ngày đêm. Trung đoàn 149 xa nhất phải đi mất 6 ngày đêm. Cùng với một lượng vũ khí và khí tài lớn, lại phải qua phà, vượt sông theo quy định của Bộ tư lệnh Mặt trận, chỉ khi nào đặc công bắt đầu nổ súng, các đơn vị cơ giới mới được vượt sông. Do đó, riêng việc tiến vào trận địa theo đúng thời gian quy định đã hết sức khó khăn, phức tạp, đòi hỏi mỗi đơn vị phải có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ tổ chức vững vàng, chấp hành kỷ luật hết sức chặt chẽ mới hoàn thành được nhiệm vụ.

Ngày 5 tháng 3 năm 1975, sư đoàn nhận lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch bắt đầu triển khai lực lượng tiến công Buôn Ma Thuột. Ngay đêm ấy, từ hướng nam, đồng chí Đàm Văn Ngụy cùng Trung đoàn 149 và các đơn vị tăng cường, vượt đường 14. Ngày 6 tháng 3 vượt sông Xê Băng Hiêng, luồn rừng, vòng xuống vùng ngoại vi phía nam thị xã, bí mật lách qua các đồn bảo an, dân vệ. Đêm ngày 8 tiếp tục vượt sông Sê Rê Pốc tiến vào sát thị xã. Đêm ngày 9 tháng 3, vào chiếm lĩnh trận địa chờ lệnh nổ súng, các loại pháo lớn, xe tăng đêm 9 tháng 3 mới vượt sông Sê Rê Pốc vào chiến đấu nhưng chậm so với giờ nổ súng.

Ngày 6 tháng 3, Trung đoàn 174 tiếp cận sông Sê Rê Pốc, tối 8 vượt sông rất bí mật, đêm 9 vào chiếm lĩnh trận địa. Nhưng do trung đoàn bộ và bộ phận cối 120 đi lạc, các đơn vị vào triển khai đội hình không đồng đều, tới 4 giờ ngày 10 tháng 3, trung đoàn chỉ mới nắm được các mũi bộ binh, phần lớn hỏa lực chưa vào được vị trí. Sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn do đồng chí Hải Bằng chỉ huy nắm sát với sở chỉ huy Trung đoàn 174.

Từ hướng tây bắc, Trung đoàn 148 xuất phát ngày 7 tháng 3, đêm 9 tháng 3 cũng đã vào tới vị trí xuất phát tiến công. Tuy vậy trên đường hành quân trung đoàn đã chạm địch. Pháo của chúng từ thị xã bắn ra chặn đường, đơn vị phải đi đường vòng, do vậy vào chiếm lĩnh chậm. Xe tăng và pháo binh cũng có bộ phận nhầm đường, lạc hướng, nên vào chiến đấu chậm.

Về phía địch, qua nhiều nguồn tin và một số tài liệu thu nhận được, chúng đã phần nào phán đoán ta sẽ đánh vào thị xã. Chúng đã tăng cường 2 tiểu đoàn của Sư đoàn 23 về Buôn Ma Thuột. Tuy vậy các hoạt động của địch mới chỉ mang tính chất phòng xa. Chúng vẫn cho là ta đánh ở Plây Cu và Kon Tum. Khi ta đã đánh Thuận Mẩn, Đức Lập, địch vẫn cho rằng chỉ là để nghi binh ý định đánh Plây Cu và Kon Tum. Như vậy, trên đã tạo được thế nghi binh chiến dịch rất tốt, tạo cơ hội cho 316.

Giờ G đã đến, đó là 1 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3, đặc công ta bắt đầu nổ súng mở đầu cuộc tiến công vào chiếm sân bay Hoà Bình, kho Mai Hắc Đế Buôn Ma Thuột. Ngay sau đó, hoả lực chiến dịch của ta trút đạn vào các mục tiêu trong thị xã. Đến 4 giờ 30 phút ta đã làm chủ được khu nam và tây nam sân bay.

Trung đoàn 95B đánh chiếm sở chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, sau đó cùng đặc công phát triển chiến đấu làm chủ sân bay thị xã. Trung đoàn 148 trên hướng tây bắc mặc dù gặp nhiều trở ngại trong cơ động lực lượng chiếm lĩnh trận địa, nhưng vẫn nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Pháo và xe tăng chưa kịp tới tăng cường, trung đoàn dùng hoả lực tự có để đánh địch. Tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 6 bị pháo địch bắn mạnh vào đội hình nhưng đơn vị đã chủ động ẩn nấp chờ thời cơ xung phong.

Tới 9 giờ ngày 10 tháng 3 pháo binh chiến dịch và sư đoàn chi viện, Trung đoàn 148 bắt đầu tiến công. 10 giờ 40 phút, tiểu đoàn 4 hoàn thành mở cửa trên mũi tiến công chính, cũng là lúc xe tăng ta có mặt. Lập tức ta tổ chức đánh thẳng vào thị xã. Tiểu đoàn 6 đánh chiếm khu thiết giáp, khu hậu cần, tiểu đoàn 1 Trung đoàn 45 địch. Sau khi chiếm lĩnh một số mục tiêu, Trung đoàn 148 tiếp tục cùng xe tăng phát triển đánh sâu vào bên trong, tiến vào Ngã Sáu cùng phối hợp chiến đấu với Trung đoàn 95B.

Trung đoàn 198 trên hướng tây nam đánh vào khu kho Mai Hắc Đế. Trung đoàn 174 vào chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công chậm, 5 giờ tiểu đoàn 3 mới nổ súng đánh Chư Duê. Do số xe tăng và pháo chi viện cho trung đoàn chưa vào được trận địa, các đơn vị đều phải dùng hoả lực tự có để chiến đấu nên không đủ sức mạnh tạo điều kiện cho bộ binh xung phong.

Sau khi tiêu diệt các mục tiêu tiền duyên và mở xong cửa mở, trung đoàn đánh theo trục đường 14 vòng qua kho Mai Hắc Đế thọc thẳng vào trung tâm thị xã. Địch dùng máy bay và pháo binh đánh trả quyết liệt, song không ngăn chặn được bước tiến của ta. Ta lần lượt đánh chiếm các điểm cố thủ, ấp Ba Lê, khu Phạm Ngũ Lão, khu tham mưu địch. Đến đây trung đoàn tưởng đã diệt sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy nên cho dừng đội hình chiến đấu lại...

Trung đoàn 149 chiến đấu trên hướng nam thị xã. Theo kế hoạch ban đầu, trung đoàn chỉ dùng một lực lượng bao vây, kiềm chế hai điểm cao 491 và Chư Lom. Thực tế đây là hai vị trí rất lợi hại, có thể gây trở ngại lớn cho việc chiếm lĩnh trận địa tiến công của ta, nên trung đoàn quyết định phải tiêu diệt cả hai cứ điểm này. Sau khi diệt xong hai cứ điểm, sáng ngày 10 trung đoàn bắt đầu tiến vào Buôn Ma Thuột. Tiểu đoàn 7 vượt đường Thống Nhất đánh địch trong khu nhà thờ Tin Lành rồi tiến về Ngã Sáu, đánh vào cổng chính hậu cứ Sư đoàn 23 ngụy. Địch dùng hoả lực bắn chặn mãnh liệt, kết hợp với không quân phản kích. Tuy đã rất cố gắng nhưng tiểu đoàn 7 cũng chỉ chiếm được khu cư xá sĩ quan, khu nhà thờ quân đội.

Tiểu đoàn 8 tiến vào thị xã lúc 8 giờ, đánh chiếm khu tiếp vận, sở thú y, ngân khố, sau đó tiến về phía đông nam tiểu khu Đắc Lắc. Địch dùng pháo binh chi viện, bộ binh phản kích, cuộc chiến giằng co quyết liệt. Đến 15 giờ tiểu đoàn 8 liên lạc với Trung đoàn 95B. Hai đơn vị cùng phối hợp đánh vào sở chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc. Đến 18 giờ tiểu đoàn được lệnh dừng lại củng cố trận địa, chấn chỉnh lực lượng để tiếp tục cho trận đánh mới.

Tiểu đoàn 9 có nhiệm vụ cùng đặc công thực hiện thọc sâu đánh chiếm sân bay Hoà Bình, nhưng đơn vị vào chậm so với giờ nổ súng. Ngay

sau đó tiểu đoàn thực hiện bao vây tiến công tiêu diệt chi khu quận lỵ Hoà Bình. Tại đây địch không chịu nổi sức tiến công của ta đã bỏ chạy, ta diệt 40 tên, bắt 10 tên, thu 100 súng các loại. Đến 17 giờ 30 phút tiểu đoàn tiến vào sân bay Hoà Bình bắt liên lạc với đặc công đang trụ bám đánh địch phản kích. Ngay sau đó tiểu đoàn tổ chức đợt tiến công mạnh vào khu cố thủ chính của địch trong sân bay nhưng không thành công. Đơn vị dừng lại củng cố chờ hôm sau đánh tiếp.

Đến hết ngày 10 tháng 3, cả 4 hướng đánh vào Buôn Ma Thuột đều giành thắng lợi, ta đã chiếm được nhiều vị trí, còn khu sân bay Hoà Bình, sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy ta chưa tiến công được. Cũng ngay trong ngày 10 tháng 3, địch tăng cường liên đoàn 21 về Buôn Ma Thuột nhằm phản kích chiếm lại khu kho Mai Hắc Đế, Ngã Sáu, tiểu khu Đắc Lắc và bảo vệ sở chỉ huy Sư đoàn 23. Tranh thủ lúc địch đang lúng túng tổ chức đội hình, lực lượng dự bị của ta đã tổ chức tập kích địch phải dạt vào khu vườn cà phê cách thị xã 5km để tổ chức phòng ngự.

Đêm ngày 10 tháng 3, tại các vị trí chưa bị ta đánh chiếm, địch đã liên lạc với nhau, tổ chức tiếp tế và củng cố lực lượng, tăng cường công sự trận địa phòng thủ chờ tăng viện thực hiện phản kích lấy lại những vị trí đã mất.

Cũng đêm 10 tháng 3, Bộ tư lệnh chiến dịch họp rút kinh nghiệm và xác định quyết đánh vào sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy và đánh quân địch đến tăng viện.

5 giờ 30 phút ngày 11 tháng 3, cuộc tiến công mới của ta bắt đầu. Sư đoàn 316 tiếp tục tổ chức bao vây và đột phá vào sở chỉ huy địch. Sau khi hoả lực pháo binh bắn vào các mục tiêu đã định, 6 giờ 30 phút bộ binh ta trên các mũi bắt đầu tiến công.

Trung đoàn 174 hình thành 3 mũi: 1 mũi do tiểu đoàn 3 có xe tăng đi cùng phối hợp với tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24. Một mũi do đại đội 11 tiểu đoàn 3 được tách ra từ đầu thực hiện. Một mũi do tiểu đoàn 1 Trung đoàn 174 có xe tăng chi viện đánh từ hướng tây nam vào. Trung đoàn 149 hình thành 2 mũi: Tiểu đoàn 7 đánh từ phía nam lên, tiểu đoàn 8 từ tiểu khu Đắc Lắc đánh thọc sang sở chỉ huy.

Các mũi của ta đồng loạt tiến công và liên tiếp giành thắng lợi. Mũi tiểu đoàn 7 Trung đoàn 149 sau khi đánh chiếm một loạt vị trí, đã tiến

công vào khu tham mưu, diệt tại chỗ 269 tên, bắt 19 tên rồi tiến vào khu trung tâm sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngày lúc 10 giờ 30 phút. Lúc này đồng chí Bùi Văn Vui, tiểu đội phó, người được giao mang cờ để cắm lên sở chỉ huy địch đã hy sinh khi đánh chiếm khu nhà thờ; đồng chí Trần Công Kỳ, trung đội trưởng đã lấy luôn một lá cờ của ta trong phòng truyền thống của địch dùng bút bi viết tên trung đoàn lên lá cờ, sau đó giao cho ba đồng chí Nguyễn Đức Thịnh, Ngô Văn Quyền, Trần Văn Thanh mang chạy, cờ chiến thắng của ta đã tung bay, tên đại tá Vũ Thế Quang bị Trung đoàn 174 bắt sống trong lúc đang lẩn trốn tìm đường thoát thân. Mục tiêu chính của cuộc tiến công thị xã Buôn Ma Thuột đã hoàn thành.

Một tài liệu của địch sau này thừa nhận: *10 giờ 30 sáng ngày 11 tháng 3/1975, một đoạn hệ thống công sự ở mặt Tây và phía Nam Bộ Tư Lệnh đã bị chọc thủng. Bộ đội và chiến xa của Cộng quân tràn vào hậu cứ Sư Đoàn 23 Bộ Binh như nước vỡ bờ. Đại Tá Vũ Thế Quang, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn, Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Darlac, mở đường máu đem đơn vị thoát khỏi hậu cứ, bỏ lại Ban Mê Thuột. (sau này Luật và Quang bị bắt).*

Mất Buôn Ma Thuột, địch dùng máy bay bắn phá dữ dội vào thị xã và tổ chức các đợt phản kích nhưng đều bị ta đánh bại. Chiều ngày 11 tháng 3, Trung đoàn 174 tiểu đoàn 1 có xe tăng đi cùng tiến đánh Thọ Thành. Tiểu đoàn 9 vẫn cùng đặc công bám giữ địch tại sân bay Hòa Bình. Sở chỉ huy Sư đoàn 23 và một số vị trí quan trọng khác đã bị ta tiêu diệt, nhưng địch vẫn ngoan cố tìm cách phản kích hy vọng chiếm lại thị xã. Ngày 12 tháng 3, Phạm Văn Phú lệnh phải cố thủ các cứ điểm còn lại. Về phía ta, Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên chỉ thị cho các đơn vị tiến công Buôn Ma Thuột phải tích cực phát huy thắng lợi giải quyết nhanh, gọn các mục tiêu còn lại để sớm ổn định tình hình thị xã, đồng thời tổ chức ngay một lực lượng mạnh để đập tan các cuộc phản kích trên mặt đất và cả đường không của địch.

Trung đoàn 148 ngay trong đêm 11 tháng 3 cùng với tiểu đoàn đặc công 4 tiếp tục truy diệt số địch còn lại tại các vị trí đã chiếm và bảo đảm an ninh trật tự trong thị xã. Các đơn vị còn lại tiếp tục phát triển tiến công các mục tiêu co cụm ngoài thị xã.

Sáng ngày 12 tháng 3, tiểu đoàn 1 Trung đoàn 174 đánh chiếm Thọ Thành diệt 40 tên, bắt sống 45 tên, giải phóng hoàn toàn đoạn đường 14 từ Đức Lập về Buôn Ma Thuột.

Ngày 13, địch tăng viện đổ quân xuống Buôn Ma Thuột, nhưng không còn chỗ đứng chân, lại bị quân ta vây đánh ngay buộc phải chuyển sang phòng ngự trong thế vây hãm của ta. Cùng ngày Trung đoàn 148 tiêu diệt ấp Châu Sơn, Đại Lý.

Trung đoàn 149 tiến công căn cứ Trung đoàn 53 ngụy. Tại đây địch dùng phi pháo bắn mạnh, bộ binh phản kích liên tiếp. Lực lượng địch ở đây còn mạnh, thế trận giằng co quyết liệt. Sư đoàn nhận thấy nếu chỉ dùng lực lượng của Trung đoàn 149 tiếp tục tiến công thì sẽ khó giành thắng lợi, do vậy đã báo cáo lên Bộ tư lệnh Mặt trận xin tăng cường lực lượng và thời gian. Đề nghị này không được chấp nhận. Bộ tư lệnh Mặt trận ra lệnh phải nhanh chóng sử dụng Trung đoàn 149 giải quyết bằng được căn cứ này trong ngày.

17 giờ trung đoàn 149 tiếp tục tổ chức tiến công. Tiểu đoàn 9 đánh vào phía tây Trung đoàn 53 ngụy, vượt qua hàng rào tiến vào lô cốt đầu cầu trụ lại đánh phản kích quyết liệt. Tiểu đoàn 8 do xe tăng ta vướng vào chướng ngại vật không lên được, bộ binh phải đột phá nhưng cả ba lần mở cửa đều không thành công. Tiểu đoàn phải dừng lại.

Như vậy đến khi trời tối cả hai mũi mới được phía ngoài căn cứ địch. Bộ tư lệnh Mặt trận lệnh cho Sư đoàn 316 tạm rút Trung đoàn 149 ra ngoài để chuẩn bị cho đợt tiến công sau, sẽ tiến hành vào ngày 16 tháng 3.

Ngày 15 tháng 3, địch lại tổ chức đổ quân xuống tăng cường cho Buôn Ma Thuột. Chuẩn tướng Lê Trung Tường, phó chỉ huy Sư đoàn 23 trong khi bay chỉ huy cuộc đổ bộ đã bị ta bắn trọng thương. Toàn bộ lực lượng Sư đoàn 23 ngụy lúc này như rắn mất đầu, bị ta đánh cho liên tiếp phải co cụm lại xung quanh Chư Cúc, Krông Pốc, Phước An, trên đường 21, không phải để phản kích như dự tính mà là để tăng cường phòng ngự cùng với số quân xuống trước.

Lúc này Trung đoàn 149 cùng với Trung đoàn 66 Sư đoàn 10 tiếp tục đánh vào hậu cứ Trung đoàn 53 địch. Hai trung đoàn tổ chức thành 4 mũi tiến công, 2 mũi ở hướng bắc và đông bắc do Trung đoàn 66 đảm nhiệm, 2 mũi ở hướng nam và tây nam do Trung đoàn 149 đảm nhiệm. 16 giờ ngày

16 tháng 3, pháo binh ta bắt đầu bắn. Ngay sau đó, xe tăng tiến vào bắn thẳng trực tiếp diệt các hỏa điểm chi viện cho bộ binh mở cửa. Máy bay, pháo binh địch điên cuồng chi viện cho xe tăng và bộ binh đánh trả quyết liệt vào đội hình ta. Đến 22 giờ trên cả 4 mũi bộ binh và xe tăng ta đồng loạt đột nhập căn cứ địch, đánh chiếm bàn đạp đầu cầu rồi phát triển nhanh vào khu trung tâm.

Sáng 17, các mũi tiến công của ta đánh thẳng vào sở chỉ huy Trung đoàn 53, lần lượt đánh chiếm các mục tiêu khu nhà xe, nhà kho, cầu lạc bộ sĩ quan, hầm chỉ huy trung đoàn. Đến 8 giờ ta đã đánh chiếm toàn bộ sở chỉ huy Trung đoàn 53, căn cứ mạnh nhất còn lại của địch ở BuônMa Thuột.

Thừa thắng ta tiến đánh sân bay Hòa Bình, căn cứ thiết giáp, căn cứ pháo binh, cùng các mục tiêu còn lại ở trong thị xã và các vị trí ngoại vi.

Mưu cao nhất là mưu lừa địch. Kế hay nhất là kế điều địch. Ta chủ trương kìm chân hai sư đoàn quân nguy ở lại đồng bằng, bằng cách điều sư đoàn 2 về mặt trận Tây Huế và sư đoàn 4 về mặt trận Đồng Nai. Thế là địch buộc phải hút theo hai sư đoàn này. Về phía ta, để cho chắc thắng, ta tăng cường cho Tây Nguyên 2 sư đoàn, trước đây đã có 3 sư đoàn, tổng cộng là 5 sư đoàn để tạo thành một "quả đấm chiến lược". Biết tập trung binh lực, và có khả năng để tập trung binh lực cho những đòn đánh chiến lược chính là một trong những điều then chốt nhất của nghệ thuật cầm quân. (Tướng Hoàng Minh Thảo).

Từ trận then chốt chiến dịch thắng lợi, Sư đoàn 316 đã góp phần xứng đáng vào Chiến dịch Tây Nguyên. Mất Buôn Ma Thuột, Tây Nguyên rung động, địch tìm đường rút chạy bỏ địa bàn Quân khu II. Trận then chốt thứ hai và thứ ba do đơn vị bạn tiến công trong hành tiến, chặn địch tiếp tục giành thắng lợi trong tháng 3, mở ra thời cơ lớn cho dân tộc đầu Xuân 1975.

Trần Danh (Báo Quân đội nhân dân)

CHIẾN DỊCH HUẾ - ĐÀ NẴNG

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21 đến ngày 29-3-1975) là một trong ba chiến dịch lớn của quân Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Thắng lợi của Chiến dịch tiến công Huế-Đà Nẵng có ý nghĩa chiến lược. Cùng với thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên, nó đã làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh, tạo ra những điều kiện rất cơ bản, góp phần giải phóng Sài Gòn và hoàn toàn miền Nam một cách nhanh chóng.

Sau khi mất Tây Nguyên, thế phòng thủ chiến lược của địch bị rung chuyển nghiêm trọng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch Huế-Đà Nẵng lấy tên là "Mặt trận 475". Chiến trường được phân thành hai khu vực: Trị Thiên-Huế và Quảng Nam-Đà Nẵng, trong đó mục tiêu chủ yếu là Huế - Đà Nẵng. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: ngoài lực lượng đã có, Quân khu Trị Thiên được tăng cường thêm Quân đoàn 2, có thêm Sư đoàn 325 (thiếu trung đoàn 95), Sư đoàn 304 và Sư đoàn 2 thuộc Quân khu 5. Ngày 21-3-1975, từ các hướng Bắc, Tây, Nam, quân ta đồng loạt tiến công, hình thành nhiều mũi bao vây địch, mở màn cuộc tiến công Huế. Đến ngày 24-3, quân ta đã bao vây chặt toàn bộ tập đoàn phòng ngự của địch ở Huế; cũng trong ngày 24-3, quân ta đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Tam Kỳ, xóa sổ Sư đoàn 2, Liên đoàn 12 biệt động quân nguy, giải phóng hoàn toàn thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam).

Sáng ngày 25-3-1975, Trung đoàn 101 Sư đoàn 325, Trung đoàn 3 Sư đoàn 324, các đơn vị của quân khu Trị-Thiên và các cánh quân của Quân đoàn 2 từ các hướng tiến về Huế. Quân ta vây kín cả 4 phía và thần tốc tiến vào trung tâm thành phố Huế. Đến 10 giờ 30 phút ngày 25-3-1975, quân giải phóng cầm cờ chiến thắng trên đỉnh Phú Văn Lâu, thành phố Huế được giải phóng. Thắng lợi vang dội này là một đòn phủ đầu chí mạng giáng vào kế hoạch phòng ngự cơ cụm chiến lược mới của địch ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung.

Cùng ngày, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị, hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa (tháng 5-1975). Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng thông qua kế hoạch giải phóng Đà Nẵng và quyết định thành lập Bộ Tư lệnh mặt trận Đà Nẵng. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng tham mưu trưởng, được cử làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân, Tư lệnh Quân khu 5, được cử làm Chính ủy.

Đà Nẵng là một căn cứ quân sự liên hợp hải, lục, không quân hiện đại và mạnh vào bậc nhất ở miền Nam, mặc dù lực lượng còn rất lớn

nhưng đã hoàn toàn bị cô lập. Sau khi mất Huế, lại mất Tam Kỳ (Quảng Ngãi), Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố "tử thủ" Đà Nẵng bằng mọi giá. Thiệu cho rằng sau giải phóng Huế, nếu ta muốn tiến công Đà Nẵng thì phải mất ít nhất một tháng chuẩn bị.

Nhưng chúng đã nhầm, Bộ Tổng tư lệnh với phương châm "nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất, nhưng chắc thắng" quyết định tập trung lực lượng tiến công vào Đà Nẵng. Sáng 29-3, các cánh quân đồng loạt tiến đánh Đà Nẵng. Đến 15 giờ ngày 29-3, quân ta chiếm lĩnh toàn bộ căn cứ liên hợp Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà; 17 giờ giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng. Chiến thắng Đà Nẵng đã kết thúc thắng lợi chiến dịch Huế-Đà Nẵng.

Chiến dịch Huế-Đà Nẵng đã trực tiếp đập tan âm mưu co cụm chiến lược của địch, cùng với chiến dịch Tây Nguyên góp phần quyết định làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng về mặt chiến lược, tạo ra sự nhẩy vọt về cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho ta, đẩy nhanh tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ta đã tiêu diệt một lực lượng lớn quân địch trong một thời gian ngắn. Chỉ trong một thời gian ngắn ta đã tiêu diệt được nhiều sư đoàn chủ lực của địch, trong đó có nhiều sư đoàn tinh nhuệ như sư thủy quân lục chiến, sư 1 bộ binh, sư không quân, loại khỏi vòng chiến đấu 12 vạn tên địch, làm tan rã 137.000 phòng vệ dân sự; ta thu 129 máy bay, 179 tăng thiết giáp, 327 khẩu pháo, hơn 1.100 xe quân sự và tàu xuồng...

Tạo thêm địa bàn chiến lược mới có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt. Các tỉnh mới được giải phóng trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, cùng một vùng mới giải phóng ở các tỉnh Tây Nguyên đã tạo nên vùng hậu phương chiến lược hoàn chỉnh có lợi cho việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, thuận tiện cho việc cơ động bằng đường bộ, đường biển, đường không nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương lớn của cả nước, đáp ứng kịp thời việc tăng cường lực lượng, bổ sung vật chất cho cuộc tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn trong một thời gian ngắn nhất.

Là một chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, diễn ra trong một thời gian ngắn, giành được thắng lợi lớn, cho ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, có những phát triển mới về nghệ thuật chỉ đạo

chiến dịch, đạt hiệu quả chiến đấu, chiến dịch, chiến lược đều rất cao, làm phong phú thêm về mặt lý luận và thực tiễn nghệ thuật quân sự nước ta...

Về nghệ thuật quân sự, đòn tiến công Huế-Đà Nẵng là sự chuyển hướng tiến công sáng suốt, linh hoạt và rất kịp thời của ta, tạo sự sụp đổ dây chuyền nhanh chóng của địch. Trong quá trình tiến công, quân ta đã nhanh chóng cắt đường 1, chia cắt cô lập Huế và Đà Nẵng, hình thành thế bao vây, tiến công áp đảo bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng từ nhiều hướng, không cho địch kịp đối phó và rút chạy.

Đòn tiến công Huế-Đà Nẵng còn là sự kết hợp hoạt động hết sức chặt chẽ, sự chủ động, táo bạo tiến công khi thời cơ đến của quân và dân Quân khu Trị-Thiên, Quân khu 5 cùng Quân đoàn 2 và các đơn vị bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn, thực sự là đòn tiến công chiến lược có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt.

Theo Trung tâm Dữ kiện-Tư liệu/Vietnam

KẾT HỢP BAO VÂY TIẾN CÔNG TRẬN ĐỊA VỚI TẬP TRUNG HỎA LỰC "3 TRÊN 1"

Trong chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng mùa Xuân 1975, Sư đoàn 324 được giao nhiệm vụ tiến công địch trên hướng chủ yếu, theo dọc đường 14 từ La Sơn đến Mỏ Tàu, điểm cao 303 phía tây nam thành phố Huế. Địch ở đây có Sư đoàn 1 và Quân khu 1; ngoài các Trung đoàn 1, 2 và 54 (Sư đoàn 1) còn có Liên đoàn 15 biệt động quân, Trung đoàn 17 Thiết giáp và một số tiểu đoàn bảo an. Chúng bố trí thế trận phòng ngự theo kiểu "chốt kết hợp với kiềng", có chiều sâu, hình thành 3 tuyến khá rõ nét; dựa vào các điểm cao để tạo nên từng cụm chiến đấu liên hoàn, hỗ trợ chi viện cho nhau khi bị tiến công. Trên các cứ điểm, chúng xây dựng hệ thống hầm hào, ụ súng, vật cản tương đối vững chắc. Trước tình hình địch như vậy, Sư đoàn 324 vận dụng chiến thuật "bao vây tiến công trận địa". Tiến công tiêu diệt từng cứ điểm tiến tới tiêu diệt và làm chủ toàn bộ các cứ điểm trên tuyến phòng ngự từ Mỏ Tàu đến điểm cao 303. Sư đoàn sử dụng lực lượng là Trung đoàn 2 đảm nhiệm hướng chính với hai mục tiêu là Mỏ Tàu và cao điểm 303; Trung đoàn 1 tiến công trên hướng thứ yếu, đánh chiếm các cao điểm 74 và 76; Trung đoàn Pháo binh 78 triển

hai trận địa trên các cao điểm 324, 383, 654 (khu vực Động Truồi) chi viện trực tiếp cho bộ binh...

Đúng 5 giờ 45 phút ngày 8-3-1975, toàn sư đoàn nổ súng chiến đấu. Các trận địa pháo của Trung đoàn 78 và Trung đoàn 164 đồng loạt bắn phá các điểm cao 303, 244, 74, 75, 76, Mỏ Tàu. Sau 20 phút cấp tập, pháo binh ta chuyển làn bắn sang các trận địa pháo binh của địch ở Mũi Lẻ, La Sơn, Ấp 5 chi viện cho bộ binh. Trên hướng thứ yếu, Trung đoàn 1 phát triển thuận lợi, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3 nhanh chóng đánh chiếm các điểm cao 75, 76 và các điểm chốt của địch trên trục đường 14. Đến 10 giờ, địch cho 10 xe GMC chở Tiểu đoàn 61 bảo an từ La Sơn lên phản kích. Đến đồi Tằng (trên đường 14) thì lọt vào trận địa phục kích của ta, chiếc xe đi đầu bị mìn nổ tung, đội hình địch ùn lại. Đại đội 16 với 4 khẩu 12,7 mm tức thì bắn tiêu diệt hỗ trợ cho Đại đội 10 xung phong làm chủ trận địa. Quân địch phần lớn bị loại khỏi vòng chiến đấu, một số chạy trở lại La Sơn.

Trong khi đó trên hướng chủ yếu, Trung đoàn 2 gặp khó khăn. Do công tác trinh sát, nghiên cứu chiến trường không được tỉ mỉ, cụ thể và do sương mù dày đặc nên việc triển khai đội hình lúng túng, hiệp đồng không tốt, có bộ phận đi lạc đường, có mũi không vào đúng mục tiêu được phân công, mở cửa mở chậm nên bị địch dùng hỏa lực, công sự vững chắc chống trả quyết liệt và bịt cửa mở. Tiểu đoàn 6 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Thời chỉ huy, đánh vào điểm cao 303 đã chiến đấu ngoan cường, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Đến đợt xung phong thứ năm thì chiến sĩ trung liên hy sinh, Tiểu đoàn trưởng Thời trực tiếp ôm súng trung liên dẫn đầu đội hình tiến lên và đã hy sinh anh dũng. Đến 10 giờ, Tiểu đoàn 6 được lệnh tạm dừng tiến công. Trên hướng bên, Tiểu đoàn 5 đánh chiếm điểm cao 244 đã có phương án đánh tạt sườn sang chi viện cho Tiểu đoàn 6 trên điểm cao 303, nhưng quân nguy lại tổ chức phản kích ngay, khiến Tiểu đoàn 5 không thực hiện được.

Để bảo đảm cho đợt tiến công chắc thắng, Trung đoàn 2 phải tổ chức trinh sát lại địa hình, phân tích kỹ tình hình địch, đắp sa bàn thảo luận, triệu tập hội nghị đảng ủy và hội nghị quân chính để rút kinh nghiệm và xác định quyết tâm, bàn kỹ cách đánh. Trong đó, tập trung vào thay đổi cách dùng hỏa lực; đó là tập trung hỏa lực "ba trên một". Một lô

cốt, ụ súng của địch do ba loại hỏa khí của ta phụ trách; đó là hỏa lực đi cùng, hỏa lực cộng đồng mang vác và tuyến hỏa lực bắn thẳng bằng cơ giới, hạ nòng các loại pháo 37mm, 23mm, 4 nòng, 85mm để tham gia bắn thẳng trực tiếp vào các ổ đề kháng của địch. Về tổ chức hỏa lực cầu vồng, sử dụng các loại pháo, cối bắn chế áp 15 phút tiêu diệt quân địch trên mặt đất; sau đó cối 120mm với ngòi nổ chậm để khoan sâu vào trận địa, phá hoại công sự kiên cố của địch, pháo cơ giới ban đầu bắn chế áp trên tiền duyên tạo ra uy lực mạnh, sau đó bắn kiểm chế các trận địa pháo cối của địch tạo điều kiện cho bộ binh tiến lên. Vào lúc 16 giờ ngày 10-3, Trung đoàn 2 tiếp tục bước vào chiến đấu và nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sau một ngày đêm chiến đấu, Sư đoàn 324 đánh chiếm toàn bộ cụm quân địch ở bắc Động Truồi, La Sơn, giải phóng huyện Phú Lộc, chia cắt Quốc lộ số 1A, cô lập Huế với Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị bạn và nhân dân tiến công, nổi dậy giải phóng Thừa Thiên-Huế.

Kết hợp chiến thuật bao vây tiến công trận địa với cách dùng hỏa lực tập trung “ba trên một”, Trung đoàn 2 nhanh chóng áp đảo đối phương, uy hiếp trực tiếp tinh thần và làm tan rã sức mạnh phản kích của quân địch. Sự kết hợp này còn tạo thuận lợi cho bộ binh tổ chức xung phong làm chủ trận địa và là bài học kinh nghiệm xương máu trong chiến tranh hiện đại ngày nay.

(Báo Quân đội Nhân dân)

CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC: MỞ TOANG CÁNH CỬA THÉP TIẾN VÀO GIẢI PHÓNG SÀI GÒN

Kế hoạch táo bạo

Năm 1975, TỰ Đảng đã xác định, Xuân Lộc là chiếc ốc xoáy cuối cùng quyết định số phận thành phố Sài Gòn. Tại thời điểm đó Xuân Lộc là khu vực phòng thủ kiên cố của Sư đoàn 18, Trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự, có pháo binh và không quân... Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn lúc đó đã xây dựng tuyến phòng thủ từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh để làm vành đai bảo vệ trước sự tiến công của Quân giải phóng. Trong đó, Xuân Lộc với vị trí hiểm yếu chỉ cách Sài Gòn 80km được xem như là cánh cửa cuối cùng để cố thủ. Nếu Xuân Lộc vỡ, chắc chắn Sài Gòn sẽ lung lay, nên địch đã tập

trung xây dựng "cánh cửa thép" này rất vững chắc. Ngày 28-3-1975, đích thân tướng Mỹ Weyand cùng tướng ngự Cao Văn Viên đi thị sát và chọn Xuân Lộc làm phòng tuyến cố thủ với nhận định "Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Về phía quân ta nếu không chọc thủng được phòng tuyến Xuân Lộc thì các cánh quân của mặt trận hướng Đông không thể tiến về Sài Gòn, hợp đồng tác chiến cùng bốn cánh quân kia tạo thành thế tiến công vũ bão đánh vào đầu não địch, đập tan sào huyệt cuối cùng của chế độ tay sai Sài Gòn.

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng cho rằng: "Đầu tháng 4-1975, Xuân Lộc đã được xây dựng thành cứ điểm phòng ngự mạnh, nhằm "tử thủ" bằng mọi giá bảo vệ cửa ngõ Sài Gòn. Trước tầm quan trọng của "cánh cửa thép" Xuân Lộc, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc từ mặt trận hướng đông. Đó là một sự lựa chọn táo bạo, gây bất ngờ lớn với ngự quân Sài Gòn, nhất là vào thời điểm địch đang gặp nhiều khó khăn. Quyết định kịp thời và chính xác đó đã làm rung chuyển tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn, gây tâm lý hoang mang tột độ trong chính quyền Sài Gòn".

Chiến thắng tất yếu

Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4 phối hợp với Sư đoàn Bộ binh 6 (quân khu 7), hai tiểu đoàn xe tăng, trung đoàn pháo binh và 2 tiểu đoàn bộ binh địa phương, cuối chiến dịch được tăng cường thêm Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và đại đội xe tăng. Theo kế hoạch của ban chỉ huy, 5 giờ 40 phút ngày 9 - 4, Quân đoàn 4 đã nổ súng tiến công Xuân Lộc tiến hành một chiến dịch gồm nhiều trận chiến đấu liên tiếp, liên kết chặt chẽ với nhau trong một không gian nhất định. Ngay từ ngày đầu, chiến dịch đã diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Trước thế mạnh của quân ta địch đã điên cuồng chống trả, tăng cường lực lượng quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Sau một ngày bị đánh phủ đầu, địch liên tục tổ chức phản kích hòng chiếm lại các mục tiêu đã bị mất. Ngày 12-4-1975, địch đổ bộ một lữ đoàn dù xuống Long Khánh, tiếp đó lại tăng thêm cho Long Khánh hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 5 cùng nhiều tiểu đoàn pháo binh, tăng thiết giáp. Như vậy để cố thủ Xuân Lộc - Long Khánh, địch đã tập trung trên 30% lực lượng bộ binh, 40% pháo binh và gần hết lực lượng

xe tăng của quân đoàn 3. Sau 3 ngày chiến đấu ác liệt, dù ta đã chiếm được một số mục tiêu, đẩy lùi được một số đợt phản kích của địch nhưng vẫn chưa diệt gọn từng tiểu đoàn của địch, trong khi đó quân đội ta cũng gặp những tổn thất lớn. Trước tình hình trên Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó Tư lệnh Bộ chỉ huy chiến dịch đã cùng Bộ Tư lệnh quân đoàn nghiên cứu diễn biến trận đánh và quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi lại cách đánh.

Từ nhận định toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn - Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy chiến dịch và Quân đoàn chủ trương lập thế trận mới bằng cách cô lập và tách rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã 3 Dầu Giây, cắt quốc lộ 1 ngăn chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong. Ngay sau khi chuyển sang cách đánh mới, quân Giải phóng miền Nam đã giành thế chủ động. "Thay đổi cách đánh này đã tạo bước chuyển quan trọng trong thế trận Xuân Lộc, bộ đội ta đã bao vây, chia cắt, khống chế mọi ngã đường chi viện tiếp tế của địch, buộc địch phải tháo chạy khỏi Xuân Lộc", Thượng tướng Nguyễn Thành Cung, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng nhận định. Trong khi ta chuyển thế trận và cách đánh, địch lại tưởng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta, phía địch công bố chiến thắng Xuân Lộc. Ngày 15-4, ta chuyển hướng tiến công. Pháo 130mm đã bắt đầu bắn phá căn cứ không quân Biên Hòa không cho không quân của địch yểm trợ Xuân Lộc. Tại Xuân Lộc, tình hình thế trận như dầu sôi lửa bỏng, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục quần nhau với địch. Mất Dầu Giây và đường 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu và Xuân Lộc bị cô lập. Mất vị trí quan trọng, Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3 của địch ra lệnh rút bỏ Long Khánh. Quân địch phòng thủ ở Xuân Lộc bị cô lập nên bị quân và dân ta bắt sống hàng trăm tên, trong đó có tỉnh trưởng Long Khánh.

Giá trị tinh thần mang tính quyết định

Sau 12 ngày đêm chiến đấu gay go, quyết liệt với tinh thần dũng cảm, ngoan cường ta đã đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52, sư đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch và giải phóng thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh. Chiến thắng Xuân Lộc đã đập tan "cánh cửa thép" ở cửa ngõ phía đông Sài Gòn, làm suy sụp tinh thần kháng cự của binh lính

quân đội Việt Nam cộng hòa; tạo ra thế và lực mới để quân và dân ta bước vào trận quyết chiến trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, "cánh cửa thép" phía đông Sài Gòn đã mở rộng cho các đơn vị tiến vào Sài Gòn. Chiến thắng Xuân Lộc khơi dậy, cổ vũ tinh thần quyết chiến, quyết thắng khí thế cách mạng tiến công của toàn quân và dân cho trận quyết chiến chiến lược. Đối với chính quyền và quân đội Sài Gòn, sự kiện Xuân Lộc đã tạo ra một áp lực mạnh mẽ làm cho nội bộ lục đục và suy yếu thêm. Thắng lợi của chiến dịch Xuân Lộc là đòn quyết định đánh sập toàn bộ ý chí kháng cự của địch và làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ xung quanh Sài Gòn.

Sự kiện Xuân Lộc diễn ra cách nay đã 37 năm, đã có nhiều cuốn sách và công trình khoa học nghiên cứu dưới những góc độ, cách nhìn nhận khác nhau song đều khẳng định sự cần thiết và rất kịp thời trong thời điểm lịch sử chuyển biến hết sức mau lẹ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Đại tướng Lê Đức Anh - nguyên Chủ tịch nước đã nhận định tại Hội thảo khoa học "Mặt trận hướng Đông - từ chiến dịch Xuân Lộc đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử": "Chiến thắng Xuân Lộc tạo điều kiện rất thuận lợi cho quân và dân trên hướng Đông tiến vào giải phóng Sài Gòn-Gia Định trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giành toàn thắng cho sự nghiệp kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc".

Thanh Giang (Báo Đại đoàn kết)

CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC QUA GÓC NHÌN CỦA MỘT VỊ TƯỚNG

"Cánh cửa thép Xuân Lộc bị phá vỡ đã tạo ra thời cơ lớn cho đại quân ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn", trung tướng Lê Nam Phong, nguyên Tư lệnh Sư đoàn bộ binh 7 (thuộc Quân đoàn 4) đánh giá.

Ở tuổi 86, trung tướng Lê Nam Phong, nguyên Tư lệnh Sư đoàn bộ binh 7 (thuộc Quân đoàn 4) vẫn nhớ như in cái ngày được lệnh đánh Xuân Lộc. Đó là một ngày cuối tháng 3/1975, sau khi giải phóng Lâm Đồng, vị Tư lệnh Sư đoàn 7 được lệnh quay về xuôi. Lúc đầu ông không phán đoán được ý đồ chiến lược, sau đó mới biết thần tốc về xuôi là để tham gia trận

đánh quan trọng vào "cánh cửa thép" Xuân Lộc (thị xã Long Khánh, Đồng Nai hiện nay).

Tướng Phong kể lại, để giữ Xuân Lộc và bảo vệ Sài Gòn, chính quyền Mỹ ngay đã bố trí tại đây lực lượng và phương tiện phòng ngự mạnh nhất, bao gồm Sư đoàn 18 bộ binh, Lữ đoàn 1 dù, Liên đoàn 3 biệt động quân... với khoảng 12.000 quân do tướng ngự Lê Minh Đảo chỉ huy. Họ đã biến Xuân Lộc thành nơi "tử thủ" để bảo vệ Sài Gòn. Chính tướng Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ, đã trực tiếp lên Xuân Lộc thị sát và nhấn mạnh: "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Để phá vỡ tuyến phòng thủ kiên cố này, 2 phương án được Bộ Tư lệnh Miền và Bộ chỉ huy chiến dịch đưa ra bàn thảo. Một là sẽ bao vây cô lập, cắt đường tiếp tế, khống chế trận địa pháo và sân bay buộc Mỹ ngay phải đầu hàng. "Đó là phương án do tôi kiến nghị lên cấp trên. Tuy nhiên phương án này lúc đầu đã không được chấp nhận", người chỉ huy Sư đoàn 7 nói.

Trung tướng Lê Nam Phong nói tiếp, phương án hai là tập trung lực lượng gồm 3 sư đoàn, một lữ đoàn và pháo binh đánh nhanh vào các mục tiêu và vị trí then chốt. "Do đánh giá chưa đúng tương quan lực lượng, tuyến phòng thủ Xuân Lộc và sự ngoan cố của địch nên quân ta gặp nhiều khó khăn, tổn thất và không hoàn thành được mục tiêu đề ra ngay trong 3 ngày đầu chiến dịch", tướng Phong nói.

Đứng trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Chỉ huy chiến dịch đã thay đổi cách đánh mới là chia cắt và cô lập lực lượng quân Mỹ ngay. Từ ngày 12/4/1975, với cách đánh mới, Sư đoàn 7 đã phối hợp với nhiều lực lượng đánh vòng ngoài, chặn cắt các ngã đường tiếp tế, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, bẻ gãy toàn bộ các đợt phản kích của chính quyền Sài Gòn.

Rạng sáng 21/4, lực lượng còn lại của quân đội Mỹ ngay tháo chạy, Xuân Lộc được giải phóng. "Cánh cửa thép Xuân Lộc bị phá đã mở toang cánh cửa cho đại quân ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiến vào giải phóng Sài Gòn, xông thẳng vào sào huyệt cuối cùng của chế độ Mỹ ngay", tướng Phong đánh giá.

Ngay sau chiến thắng Xuân Lộc, trung tướng Lê Nam Phong nhận được lệnh tổ chức lực lượng thọc sâu, tiến vào nội đô Sài Gòn, đánh chiếm

quận 1, Đài Phát thanh ngụy, Nha cảnh sát và dinh Độc Lập. "Lúc đó, Phó tư lệnh Lê Trọng Tấn đã ra lệnh, ai vào trước sẽ cắm cờ trên nóc dinh Độc Lập, do đó 5 cánh quân từ 5 hướng khác nhau đã thần tốc tiến vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ vinh quang này", tướng Phong cho biết.

Trên đường thần tốc tiến vào Sài Gòn, cánh quân của trung tướng Lê Nam Phong đã bị chững lại do quân đội Mỹ ngụy ngoan cố nấp trong các nhà cao tầng bắn tỉa vào đoàn quân. Khi đến cầu Ghềnh vì cầu quá hẹp và yếu, xe tăng không lọt qua được, tướng Phong nhanh chóng lệnh bỏ đường Biên Hòa - Thủ Đức, quay ra đường số 1.

Tướng Phong ngồi trên xe bọc thép tiến về nội đô, trong khi đường ùn tắc bởi biển người tràn ra hò reo, chào đón. Nhận thấy bị chậm thời gian, không kịp cắm cờ chiến thắng lên dinh Độc Lập, người chỉ huy Sư đoàn 7 đã nghĩ ra một sáng kiến. "Tôi giao nhiệm vụ chỉ huy đơn vị cho Phó chính ủy Nguyễn Văn Thái rồi cắm cờ nhảy khỏi xe bọc thép, gọi một chiến sĩ lái xe Honda 90 chở thẳng vào thành phố", ông kể lại.

Tuy nhiên, đến cầu Thị Nghè, ông nhận được tin Quân đoàn 2 đã cắm cờ trên dinh Độc Lập vào lúc 11h30 ngày 30/4/1975 lịch sử. Đúng 12h ông đến dinh Độc lập. "Có hơi buồn nhưng ai vào cắm cờ trước thì cũng là quân đội nhân dân Việt Nam cả", vị tướng già chia sẻ. Ngồi trầm tư suy nghĩ một lúc, vị tướng 86 tuổi thổ lộ, ký ức Xuân Lộc đã làm ông nhớ đến biệt danh "Đại đội trưởng đầu trọc" do chính đại tướng Võ Nguyên Giáp đặt cho trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Ông kể lại, lúc đó đánh xong đồi Độc Lập, ông nhận được nhiệm vụ đánh những điểm xung quanh sân bay, chia cắt sân bay Mường Thanh để quân Pháp không tiếp tế lương thực được. Ông đã cho quân đào chiến hào để nấp. Vì thung lũng Mường Thanh luôn bị ngập nước do mưa to nên quân của ông bị bùn đất bám vào tóc. Ông đã cạo trọc đầu và huy động cả đội cùng làm theo mình.

Vào một đêm tháng 4, một trận mưa to đã cuốn đi đồ đạc và cả bọc phá trôi nổi khắp nơi. Đúng lúc đó, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đi kiểm tra, thấy bọc phá trôi nổi trong chiến hào nên đã gọi người đại đội trưởng này lên. "Tổng tư lệnh hỏi tôi 2 điều: Tại sao anh để bọc phá và đồ đạc trôi nổi trong chiến hào? Tại sao anh lại cạo trọc đầu?" Hồi đó, tôi còn

ít tuổi nên trả lời Tổng tư lệnh một câu xanh rờn, cạo trọc đầu để thể giải phóng Điện Biên", trung tướng Lê Nam Phong kể.

Đáp lại, vị Tổng tư lệnh đã đặt cho ông biệt danh là "Đại đội trưởng đầu trọc". Biệt danh này đã in đậm trong tâm trí ông từ đó đến nay.

Trung tướng Lê Nam Phong tên thật Lê Hoàng Thống, sinh ngày 19/5/1927 tại Quỳnh Lưu, Nghệ An trong một gia đình nông dân nghèo. Ông tham gia cách mạng ngày 3/4/1944 và gần bốn năm sau đã được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Ông nguyên là Tư lệnh Quân đoàn 1, Tham mưu phó mặt trận 719, Tham mưu trưởng Quân đoàn 4, Tư lệnh Sư đoàn 7, Hiệu trưởng Trường Sĩ quan lục quân 2...

(Theo *Vnexpress*)

SỬ DỤNG PHÁO BINH PHÁ VỠ TUYẾN PHÒNG THỦ CỬA NGÕ SÀI GÒN

Sau những thất bại liên tiếp trên các mặt trận Tây Nguyên, Huế-Đà Nẵng và miền Đông Nam Bộ, buộc chính quyền Sài Gòn phải "tử thủ Sài Gòn" để hòng chuyển giao quyền lực trong danh dự. Vì vậy, địch tổ chức tuyến phòng thủ kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là "một mắt xích quan trọng phải quyết giữ", mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn.

Xuân Lộc cách Sài Gòn 80km về phía đông, án ngữ các trục đường giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A vào Sài Gòn, Quốc lộ 20 nối Sài Gòn với Đà Lạt và Quốc lộ 15 nối Sài Gòn với Bà Rịa-Vũng Tàu. Để quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá, địch tập trung lực lượng, phương tiện lớn tại đây và tổ chức phòng ngự thành các cụm điểm tựa, có hệ thống công sự vững chắc, bao quanh là các lớp hàng rào dây thép gai xen lẫn mìn.

Quyết tâm phá vỡ tuyến phòng thủ Sài Gòn, Bộ chỉ huy Chiến dịch và Bộ chỉ huy Miền sử dụng Quân đoàn 4 có tăng cường một trung đoàn pháo 122mm kết hợp với pháo binh của lực lượng vũ trang địa phương, tiến công và giải phóng Xuân Lộc, tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn chủ lực của địch, tạo bàn đạp cho các binh đoàn chủ lực vào đột kích, tiến công các mục tiêu đã lựa chọn trong nội thành, giải phóng Sài Gòn-Gia Định. Có thể nói, hướng Xuân Lộc là một trong hướng tiến công vấp

phải sức kháng cự mạnh mẽ nhất của địch; dài ngày và ác liệt nhất trong các hướng diễn ra trước cửa ngõ Sài Gòn. Trong đó, tính táo bạo, chủ động và linh hoạt là phương châm tác chiến chủ yếu của chiến dịch.

Trong chiến dịch này, ta đã sử dụng pháo binh hợp lý theo 3 cấp chiến dịch, chiến thuật và lực lượng pháo binh đi cùng. Pháo binh cấp chiến dịch, chiến thuật được tổ chức thành các cụm pháo binh để trực tiếp chi viện cho binh chủng hợp thành trên các hướng. Lực lượng pháo binh đi cùng, bao gồm các loại pháo cối trong biên chế, được bố trí thành các phân đội trong đội hình bộ binh, trực tiếp chi viện cho bộ binh, xe tăng chiến đấu. Tổ chức sử dụng pháo binh như vậy nhằm bảo đảm cho từng cấp có hỏa lực pháo binh để phát huy khả năng chiến đấu độc lập ở từng cấp. Pháo binh đã phát huy được hỏa lực chi viện chung cho những nhiệm vụ chủ yếu, thời cơ quan trọng; đồng thời phối hợp, hỗ trợ, bổ sung chặt chẽ cho nhau trong mọi tình huống, bảo đảm tác chiến liên tục theo một kế hoạch thống nhất, không để rơi vào thế bị động trong mọi tình huống diễn biến của chiến dịch.

Pháo binh được sử dụng tập trung, đúng thời cơ, đạt hiệu quả hỏa lực cao chi viện cho binh chủng hợp thành đánh thắng địch trong các trận đánh then chốt, then chốt quyết định của chiến dịch. Nguyên tắc tập trung luôn được bộ đội pháo binh vận dụng hết sức linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả, ngoài việc thể hiện ở số, chất lượng pháo binh được huy động, còn tập trung cả về con người, khả năng tổ chức chỉ huy, bảo đảm và thế trận pháo binh cho từng trận đánh quan trọng. Đợt 1 chiến dịch (từ ngày 9-4 đến 11-4-1975), ta đã tập trung tới 45% số pháo hiện có của toàn chiến dịch cho hướng tiến công chủ yếu (tính cả pháo được tăng cường và lực lượng dự bị). Trong giai đoạn pháo bắn chuẩn bị, chiến dịch đã huy động cả 4 cụm pháo kết hợp với pháo (cối) đi cùng bắn cấp tập vào 12 mục tiêu trong và ngoài thị xã. Trong đó, tập trung 65% hỏa lực pháo tầm xa bắn vào sở chỉ huy Sư đoàn 18, Trung đoàn 5 thiết giáp và 5 trận địa hỏa lực của địch. Với ưu thế vượt trội về lực lượng, lại được chuẩn bị chu đáo về thế trận và cách đánh nên đã tạo ra hỏa lực áp đảo chi viện cho bộ binh, xe tăng tiến công thuận lợi. Tuy nhiên, khi địch tăng quân và sử dụng 2 quả bom CBU-55 ném xuống xã Xuân Vinh, đốt cháy gần như toàn bộ

không khí trong vùng ngoại biên Xuân Lộc... gây cho ta nhiều tổn thất, khó khăn, buộc ta phải thay đổi cách đánh.

Cùng với sự điều chỉnh lực lượng theo cách đánh mới của chiến dịch, bộ đội pháo binh đã gấp rút điều chỉnh lại thế đứng chân, tổ chức lại hỏa lực theo cách đánh mới. Trên cơ sở tính năng kỹ thuật, chiến thuật của từng loại pháo, nhiệm vụ hỏa lực được giao và quyết tâm tác chiến của chiến dịch, bộ đội pháo binh đã triệt để lợi dụng địa hình địa vật, ngày đêm cải tạo địa hình, xây dựng công sự trận địa và ngụy trang kín đáo để lập thế trận pháo binh có lợi, thực hiện đưa pháo vào gần, trong tầm bắn hiệu quả để tăng khả năng sát thương, mức chính xác cho từng loại pháo. Điển hình là Đại đội 26 (Tiểu đoàn 2) đã đưa pháo 130mm vào chiếm lĩnh trận địa tại Hiếu Liêm, tập kích, khống chế sân bay Biên Hòa. Đại đội pháo binh 9 kéo pháo 85mm vào sát Dầu Giây, bằng phương pháp bắn ngắm trực tiếp, đã bất ngờ nổ súng, diệt nhiều sinh lực địch.

Thực hiện cách đánh địch vòng ngoài, cô lập Xuân Lộc, cụm pháo binh 6 đã mãnh liệt tập kích vào cụm điểm tựa ở ngã ba Dầu Giây chi viện cho các sư đoàn thực hành tiêu diệt Chiến đoàn 52 của địch phòng ngự. Đoạn đường số 1 từ Xuân Lộc đến Bầu Cá bị hỏa lực pháo binh ta chặn, cắt; đoạn từ Túc Trưng đến Dầu Giây do ta làm chủ. Cụm pháo binh chiến dịch đã kịp thời chi viện cho lực lượng cơ động đẩy lùi các đợt phản kích của địch từ Trảng Bom lên; trong khi đó, cụm pháo binh 1 cũng kịp thời chi viện cho các sư đoàn bộ binh 7 và 341 đánh thiệt hại nặng hai chiến đoàn 43 và 48 của Sư đoàn 18 địch ở Xuân Lộc. Pháo đi cùng đã luôn sẵn đánh hiểm chi viện cho bộ đội địa phương và dân quân, du kích diệt và bức rút một số đồn địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Chiến dịch Xuân Lộc thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng trên hướng đông, đông bắc, cùng với thắng lợi của quân và dân ta trên các hướng khác, ta đã đập tan mưu đồ "phòng thủ từ xa" của địch, tạo thế và thời cho 5 cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn thuận lợi.

Thiếu tướng Nguyễn Văn Côn (*Báo Quân đội Nhân dân*)

CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ CHỈ ĐẠO NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Đại thắng mùa Xuân 1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với biết bao gian khổ, hy sinh. Trong những chiến công góp phần quan trọng vào Đại thắng mùa Xuân 1975 ngày ấy, chiến thắng Xuân Lộc trên Mặt trận hướng Đông giữ một vị trí có ý nghĩa quyết định, mở toang “cánh cửa thép” phía Đông cho đại quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn - sào huyệt cuối cùng của chế độ Việt Nam cộng hòa.

Đầu tháng 4 năm 1975, sau hơn một tháng tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã giành thắng lợi to lớn: Tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn, hai quân khu mạnh của địch (Quân khu - Quân đoàn 1, Quân khu - Quân đoàn 2), giải phóng hơn 1/2 diện tích và dân số toàn miền Nam, thu giữ một khối lượng lớn vật chất, phương tiện chiến tranh, hình thành thế bao vây tiến công địch ở Sài Gòn - Gia Định. Đó là cơ sở để ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị nhận định: “Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời cơ để mở tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược của quân và dân ta đã bắt đầu”¹. Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất (tháng 4-1975). Vào những ngày này, trên cả hai miền Nam, Bắc, cả dân tộc dồn sức cho trận đánh quyết chiến lịch sử nhằm kết thúc thắng lợi sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Về phía địch, sau khi mất hai quân khu, hai quân đoàn, chúng rơi vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, Mỹ tiếp tục tăng cường viện trợ quân sự giúp chính quyền Sài Gòn gấp rút tổ chức lại lực lượng, củng cố lại hệ thống phòng thủ nhằm giữ Sài Gòn - Gia Định và những vùng đất còn lại, chờ đến mùa mưa sẽ tổ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 36*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 95.

chức phản công hòng giành lại những địa bàn đã mất. Trong toàn bộ hệ thống phòng thủ bảo vệ Sài Gòn - Gia Định, tuyến phòng thủ phía Đông (trọng tâm là thị xã Xuân Lộc) được xây dựng mạnh nhất. Bởi đây là địa bàn án ngữ những trục giao thông quan trọng (như Quốc lộ số 1, Quốc lộ 20, Quốc lộ 15) rất thuận lợi cho ta cơ động lực lượng tiến thẳng vào nội đô Sài Gòn. Đây cũng là nơi được chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mệnh danh là “phòng tuyến thép” và tuyên bố sẽ “tử thủ” Xuân Lộc bằng mọi giá, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn. Chính vì thế, Xuân Lộc nhanh chóng được xây dựng và tăng cường lực lượng trở thành một vị trí phòng thủ có ý nghĩa then chốt để bảo vệ Sài Gòn. Lực lượng địch ở Xuân Lộc gồm Sư đoàn 18 còn nguyên vẹn cùng một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Khi bị tiến công, địch còn tăng viện thêm cho Xuân Lộc nhiều đơn vị chủ lực mạnh cùng sự chi viện tối đa hỏa lực pháo binh của Quân đoàn 3 và của không quân từ hai sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất.

Về phía ta, để tiến vào giải phóng Sài Gòn, nhiệm vụ trước mắt là phải đập tan hệ thống phòng ngự vòng ngoài của địch để tạo thế trận đứng chân vững chắc cho lực lượng tham gia tiến công. Trong tính toán của cơ quan chỉ đạo chiến lược, Xuân Lộc trở thành một trong những mục tiêu quan trọng. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền quyết định sử dụng một bộ phận lực lượng của Quân đoàn 4 phối hợp với bộ đội địa phương và nhân dân tỉnh Long Khánh mở chiến dịch tiến công Xuân Lộc.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu liên tục, trước sức mạnh tiến công của ta, địch buộc phải rút khỏi Xuân Lộc. Thất bại tại Xuân Lộc đã đẩy chính quyền và quân đội Sài Gòn vào tình trạng hoang mang, dao động mạnh. Trên thực tế, sau khi Xuân Lộc được giải phóng, tối ngày hôm đó (21-4-1975), Nguyễn Văn Thiệu đành phải từ chức Tổng thống Việt Nam cộng hòa, Trần Văn Hương lên thay trong bối cảnh khắp Sài Gòn đang ngày càng trở nên hoang loạn bởi chiến dịch di tản của người Mỹ được xúc tiến với nhịp độ rất khẩn trương. Ngày hôm sau, Bộ tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức thông qua kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Bên kia bờ đại dương, Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố, cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt đối với nước Mỹ.

Giờ đây, sau 37 năm nhìn lại, chúng ta có thêm điều kiện nhận thức sâu sắc hơn về tầm vóc, ý nghĩa của Chiến dịch Xuân Lộc trong Đại thắng mùa Xuân 1975. Vì thế, tôi cho rằng cuộc Hội thảo này có ý nghĩa thiết thực về nhiều mặt. Mục đích của cuộc Hội thảo không chỉ dừng lại ở việc làm rõ và khẳng định thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mà điều quan trọng là thắng lợi đó đã để lại những bài học kinh nghiệm quý, cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát huy trong chỉ đạo nghệ thuật quân sự hiện nay.

Một là, bài học về quán triệt ý đồ chiến lược của Trung ương Đảng, hạ quyết tâm kịp thời, chính xác. Theo dõi sát chiến trường, cơ quan chỉ đạo chiến lược phía ta đã đánh giá, phân tích, nhận định đúng diễn biến cơ bản của tình hình, hạ quyết tâm kịp thời và chính xác, chỉ đạo quân và dân ta tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Yêu cầu mà Bộ Chính trị đặt ra cho trận quyết chiến chiến lược này là phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Để chuẩn bị cho đòn tiến công vào Sài Gòn, Quân ủy Trung ương đã chỉ thị cho các lực lượng vũ trang Quân giải phóng miền Nam nhanh chóng đập tan các tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, chiếm lĩnh những địa bàn quan trọng, tạo thế trận và bàn đạp cho các lực lượng chủ lực cơ động tiến công vào nội đô. Điện khẩn ngày 2 tháng 4 năm 1975 của Quân ủy Trung ương gửi Quân ủy Miền chỉ rõ: “Cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh, nhân lúc địch hoang mang, diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Khống chế được sân bay Biên Hòa thì không quân (địch) mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to”¹.

Quán triệt ý đồ chiến lược đó, Bộ tư lệnh Miền đã quyết định mở chiến dịch tiến công Xuân Lộc trên Mặt trận hướng Đông. Việc lựa chọn lực lượng tại chỗ, hạ quyết tâm tiến công Xuân Lộc đó là một sự lựa chọn táo bạo, gây bất ngờ lớn đối với địch, nhất là trong thời điểm chúng đang lâm vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Quyết định kịp thời, chính xác đưa đến thắng lợi cuối cùng của Chiến dịch Xuân Lộc đã làm rung

¹ Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.267.

chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ bảo vệ Sài Gòn của địch, gây tâm lý hoang mang tột độ trong chính quyền và quân đội Việt Nam cộng hòa.

Hai là, bài học về tổ chức và sử dụng lực lượng tại chỗ, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Vào tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc là vị trí có ý nghĩa chiến lược liên quan trực tiếp đến sự sống còn của chế độ Sài Gòn. Nơi đây, địch tập trung phần lớn lực lượng và phương tiện chiến tranh hùng "tử thủ" bằng mọi giá. Ta cũng chưa tạo được ưu thế hoàn toàn áp đảo về lực lượng, binh khí kỹ thuật và hỏa lực so với địch. Tuy nhiên, chúng ta đã biết tổ chức, sử dụng đúng lực lượng tại chỗ, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để giành thắng lợi, như sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương cùng đảng bộ và quân dân thị xã Xuân Lộc trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hành chiến dịch. Các đơn vị chủ lực của Quân đoàn 4 (Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 cùng một số đơn vị khác) đóng vai trò nòng cốt tiến công đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, đập tan các cuộc phản kích của địch. Đảng bộ Xuân Lộc đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương làm chủ vùng ven thị xã, tạo bàn đạp cho bộ đội chủ lực tiến công; đóng góp hàng nghìn gạo lúa, thực phẩm, thuốc men, nước uống phục vụ chiến dịch. Nhiều đơn vị vũ trang và nhân dân địa phương làm liên lạc, dẫn đường cho đơn vị chủ lực tiến công các mục tiêu then chốt. Trong quá trình diễn biến chiến dịch, dù trải qua bom đạn ác liệt của kẻ thù, gặp khó khăn, tổn thất và hy sinh to lớn, nhưng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta luôn nêu cao quyết tâm chiến đấu, chấp hành mọi mệnh lệnh được giao. Nhiều tấm gương chiến đấu, hy sinh anh dũng xuất hiện có sức cổ vũ, động viên tinh thần lớn lao cho quân và dân ta tiếp tục chiến đấu quyết giành thắng lợi cuối cùng. Đó là hình ảnh những chiến sĩ dù bị thương nặng vẫn tình nguyện sát cánh cùng đồng đội chiến đấu đến hơi thở cuối cùng; những du kích gan dạ, những thanh niên xung phong miệt mài tải thương về tuyến sau và vận chuyển lương thực, đạn dược, thuốc men ra trận địa...

Chiến thắng Xuân Lộc còn có sự đóng góp, hợp sức của các mặt trận trên toàn Miền, đặc biệt là lực lượng cánh quân Duyên hải (Quân đoàn 2). Việc cánh quân Duyên hải chọc thủng tuyến phòng thủ Phan Rang và đưa lực lượng áp sát Xuân Lộc đã góp phần tạo thế trận áp đảo của ta trên

toàn chiến trường nói chung, ở mặt trận Xuân Lộc... 11
hy vọng cuối cùng của địch nhằm giữ vững địa bàn chiến lược này.

Ba là, bài học về chỉ đạo, chỉ huy kịp thời, nhạy bén, linh hoạt. Chiến dịch tiến công Xuân Lộc là một trong những thắng lợi điển hình cho sự chỉ đạo kịp thời, nhạy bén, linh hoạt của chỉ huy các cấp từ chiến lược, chiến dịch, chiến thuật.

Sau khi hạ quyết tâm tiến công Xuân Lộc, ngày 2-4-1975, Bộ tư lệnh Miền, trực tiếp là đồng chí Trần Văn Trà - Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4. Chấp hành mệnh lệnh được giao, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn đã họp thông qua kế hoạch tác chiến. Theo đó, cách đánh chiến dịch được xác định là, tập trung lực lượng, sử dụng bộ binh, xe tăng, pháo binh mở các đòn tiến công trực diện vào các vị trí phòng ngự kiên cố của địch; thực hành bao vây, chia cắt, diệt viện nhằm giải phóng khu vực thị xã.

Bước vào chiến đấu và trong ba ngày đầu chiến dịch (từ ngày 9 đến ngày 11-4), ta tổ chức lực lượng, tiến công các cứ điểm phòng ngự của địch theo kế hoạch tác chiến đã xác định. Tuy nhiên, diễn biến thực tế của chiến dịch cho thấy: Trong lúc ta chưa tạo được ưu thế về lực lượng, về binh khí - kỹ thuật, hỏa lực, lại phải chiến đấu trên địa hình bất lợi đánh vào khu vực công sự kiên cố thì cách đánh như vậy là chưa phù hợp. Sau đòn choáng váng ban đầu, địch tập trung lực lượng phản kích dữ dội. Hỏa lực không quân, pháo binh địch dồn dập dội xuống các vị trí tập kết và đội hình tiến công của ta, làm cho ta gặp nhiều khó khăn và tổn thất¹.

Từ đó, yêu cầu đặt ra là phải nhanh chóng thay đổi cách đánh cho phù hợp. Qua nắm tình hình thực tế, Bộ tư lệnh chiến dịch chỉ đạo các cơ quan khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến, đồng thời ra lệnh cho các đơn vị triển khai đội hình tiến công theo cách đánh mới. Từ ngày 15-4-1975, thực hiện bước chuyển hóa thế trận, bộ đội ta từ chỗ tập trung lực lượng tiến công những mục tiêu then chốt trong thị xã Xuân Lộc, chuyển

¹ Chỉ trong 3 ngày đầu chiến đấu, Sư đoàn 7 bị thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ; Sư đoàn 341 bị thương vong 1.200 cán bộ, chiến sĩ; sáu xe tăng bị phá hủy; pháo 85mm và 57mm hỏng gần hết. Dẫn theo Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* - Tập VIII - Toàn thắng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 384.

sang tiến công những đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài (đặc biệt là khu vực ngã ba Dầu Giây), những vị trí chưa có công sự và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau; đồng thời dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục sân bay Biên Hòa không cho máy bay địch cất cánh, nhằm cô lập hoàn toàn Xuân Lộc với hậu phương duy nhất của chúng (Biên Hòa). Cùng với việc thay đổi cách đánh, trên các hướng chiến dịch, ở mỗi mũi tiến công, lãnh đạo, chỉ huy các cấp đều theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời chỉ huy đơn vị và phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ với các đơn vị bạn trong quá trình chiến đấu.

Sự thay đổi cách đánh, thay đổi phong cách chỉ đạo, chỉ huy đã tạo ra bước chuyển quan trọng trong thế trận ở Xuân Lộc. Nhờ đó, bộ đội ta đã tổ chức tiến công tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, bẻ gãy các đợt phản kích của chúng, đồng thời bao vây, chia cắt, không chế mọi ngã đường chi viện, tiếp tế, khiến cho lực lượng địch ở Xuân Lộc bị cô lập hoàn toàn. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, lực lượng còn lại của địch buộc phải tháo chạy khỏi Xuân Lộc.

Như vậy là, Chiến dịch Xuân Lộc ở bước chuyển hóa thế trận chẳng những tạo ra và nhân lên sức mạnh tiến công của ta, chọc thủng được tuyến phòng thủ trọng yếu trên hướng Đông Sài Gòn của địch mà còn là sự kế thừa và phát triển những kinh nghiệm từ chiến dịch Biên giới vào Thu - Đông năm 1950¹ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bốn là, bài học về phát huy thế tiến công chiến lược, chớp thời cơ giành thắng lợi. Thắng lợi của đòn tiến công chiến lược Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng đã phá vỡ thế trận chiến lược của quân đội Sài Gòn, tạo ra bước đột biến “một ngày bằng hai mươi năm”, mở ra khả năng giành thắng lợi cuối cùng của quân và dân ta. Trong bối cảnh đó, phát huy thế tiến công chiến lược chung trên toàn Miền, chớp thời cơ, Bộ tư lệnh Miền đã chủ động mở chiến dịch tiến công Xuân Lộc nhằm tạo ra thế trận vững chắc cho đòn đánh quyết định, đập tan sự phản kháng cuối cùng của địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối.

¹ Trong chiến dịch Biên giới 1950, ta chọn cứ điểm Đông Khê, cách thị xã Cao Bằng 50km về phía nam để tiến công. Quân địch ở Cao Bằng bị bao vây, cắt đứt với hậu phương địch, cuối cùng, buộc chúng phải rút khỏi Cao Bằng

Về phía địch, trong tuyệt vọng, chúng dồn sức, tập trung lực lượng và phương tiện chiến tranh còn lại chống trả hòng ngăn chặn bước tiến của quân ta và trên thực tế, cuộc chiến tại Xuân Lộc đã diễn ra vô cùng ác liệt. Phát huy tư tưởng chiến lược tiến công, bằng ý chí và nghị lực kiên cường, các lực lượng tham gia chiến dịch đã vượt qua những thử thách, hy sinh to lớn, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, thực hiện thắng lợi mục tiêu của chiến dịch. Chiến thắng Xuân Lộc đã mở toang “cánh cửa thép”, tạo thế và tiếp tục tạo thời cơ lớn đưa lực lượng hướng Đông, cùng các hướng khác tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Có thể nói, việc phát huy thế tiến công chiến lược trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 nói chung, trong Chiến dịch Xuân Lộc nói riêng được thực hiện trên cơ sở nắm bắt diễn biến chiến trường, lường định và đánh giá đúng âm mưu và thủ đoạn của đối phương, chọn thời điểm tiến công và tổ chức lực lượng, thế trận phù hợp. Nói như vậy để thấy, khi thời cơ và thế tiến công chiến lược xuất hiện thì cần phải chớp lấy. Chiến dịch Xuân Lộc đã thể hiện rõ điều đó. Và, chính bởi vậy, Chiến thắng Xuân Lộc được gắn liền với thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đại thắng mùa Xuân 1975 mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, là kết tinh của sức lực và trí tuệ, kinh nghiệm và máu xương của biết bao đồng bào, chiến sĩ cả nước. Chiến thắng Xuân Lộc là một trong những điểm nhấn của mùa Xuân toàn thắng ấy. Đó là trận đánh cam go, ác liệt, nhưng cũng đầy mưu trí và sáng tạo. Bài học rút ra từ cuộc chiến năm xưa vẫn nguyên giá trị để nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung (*Báo Quân đội Nhân dân*)

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Ta bước vào chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với tư tưởng “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Ta huy động vào chiến dịch này một lực lượng lớn hơn bất cứ chiến dịch nào trước đây, bao gồm cả lực lượng vũ trang và chính trị.

Những ngày đầu chiến dịch

Thời cơ nối tiếp thời cơ, chiến dịch mở ra chiến dịch, hội nghị Bộ chính trị ngày 31/3/1975 xác định “Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến

lược cuối cùng của quân dân ta đã bắt đầu". Các nghị sĩ Mỹ theo dõi tình hình miền Nam quả quyết, đã quá muộn để làm bất cứ việc gì nhằm lật ngược tình thế ở Việt Nam. Trong kế hoạch quân sự 1975 - 1976 đã ghi rõ: Phải có trận tiêu diệt lớn ở Nam Tây Nguyên. Phải diệt từ 3 đến 5 sư đoàn địch trong một đợt hoạt động nhanh và gọn chứ không được kéo dài lê thê. Kế hoạch nêu rõ diệt địch ở Tây Nguyên mở đầu bằng chiến dịch Buôn Ma Thuột bằng kế hoạch bao vây, chia cắt ngay từ bây giờ không để cho địch co cụm chiến lược rút về miền Đông Nam bộ hay rút về phía đông dọc theo bờ biển Trung bộ.

Ngày 31-12-1974, quân đoàn 4 do Tư lệnh Hoàng Cầm trực tiếp chỉ huy mở cuộc tiến công. Đến 19 giờ ngày 6-1-1975 toàn bộ thị xã Phước Long được hoàn toàn giải phóng. Lần đầu tiên sau Hiệp định Paris ở miền Nam một tỉnh được hoàn toàn giải phóng. Tỉnh đó lại gần Sài Gòn nhưng để có một thế trận tốt ta cần thế trận nghi binh đánh lừa địch tạo sự bất ngờ và ta đã nghi binh bằng làn sóng điện và cho một sư đoàn đánh vào Pleiku. Đòn này rất có giá trị, từ đó địch củng cố hệ thống Kontum - Pleiku. Do đó Buôn Mê Thuột càng sơ hở hơn. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo kể lại, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã tăng thêm cho Tây Nguyên sư đoàn 968 và 316 được bố trí giấu quân vào khu rừng già ở bờ Tây sông Sê rê Pốc. Do vậy đến ngày nổ súng 10-3-1975 mà địch không hay biết. Mãi tới khi những chiếc xe tăng của sư đoàn 316 cán xích trên đường qua thị xã Buôn Ma Thuột tương địch mới sững sốt thất kinh.

Ngày 1/4/1975 chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu được chuẩn bị theo tư tưởng chỉ đạo "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" với tốc độ "một ngày bằng 20 năm". Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị phê chuẩn đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định là "Chiến dịch Hồ Chí Minh", phương án chiến dịch được thông qua lần cuối.

Như một bức tranh hoành tráng, xe pháo và tàu thuyền đủ loại, bộ đội và dân quân du kích, dân công và Thanh niên xung phong, những ngã đường tấp nập..., cả dân tộc từ Bắc chí Nam đang hành quân, hậu phương đang dốc toàn lực ra tiền tuyến, nửa miền Nam vừa được giải phóng cũng góp sức vào chuẩn bị giải phóng nửa còn lại.

Đầu tháng 4/1975 Trung ương cục miền Nam ra chỉ thị cho quân dân Nam bộ và Nam Trung bộ (B2) hãy "táo bạo đánh các điểm theo chốt khi có thời cơ". Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn quyết định mở chiến dịch chia cắt địch trong toàn B2 để bao vây cô lập địch ở Sài Gòn. Điện của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương nhắc nhở cần chuẩn bị thêm trước khi làm ăn lớn. Chỉ thị của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn căn dặn phải biết tập trung lực lượng đầy đủ vào các trận then chốt.

Ngày 8/4/1975, Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia định được thành lập gồm tư lệnh Văn Tiến Dũng, chính ủy Phạm Hùng, các phó tư lệnh Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn, Lê Đức Anh, Đinh Đức Thiện, Phó chính ủy Lê Quang Hòa kiêm chủ nhiệm chính trị. Tại Sở chỉ huy cơ bản tại Hà Nội đồng chí Hoàng Văn Thái làm tổng tham mưu phó phụ trách tác chiến. Ta cho ném bom Dinh Độc Lập¹. Ngày 9-4-1975 ta tiến đánh địch ở Xuân Lộc. Ngày 14-4-1975 Bí thư thứ nhất Lê Duẩn ký bức điện số 37/TK: "Đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh". Ngày 16-4-1975 ta đập tan phòng tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang. Ngày 17-4-1975 Phnôm-pênh giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Campuchia đã kết thúc thắng lợi. Trong khi đó ở Lào chính phủ liên hiệp đóng cửa sứ quán ngụy Sài Gòn và ngụy Phnôm-pênh, sau đó vua Lào ra lệnh giải tán quốc hội, cuộc đấu tranh của quân và dân Lào bước hẳn sang thời kỳ chính trị hiệp thương để giành thắng lợi hoàn

¹ Người ném bom Dinh Độc Lập là Nguyễn Thành Trung, người cán bộ nội tuyến binh vận của ta được cài vào trong lực lượng không quân quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 8.4.1975, anh đã lái máy bay F.5 xuất phát từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang) bay vào ném bom trúng dinh Độc Lập và sau đó hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long. Sự kiện này góp phần gây hoang mang cực độ trong giới đầu sỏ ngụy quyền Sài Gòn.

Ngày 28.4.1975, không đầy 10 phút sau khi tướng Dương Văn Minh thay Thiệu nhậm chức Tổng thống, Nguyễn Thành Trung đã dẫn đường cho 4 chiếc A.37 do Mỹ chế tạo từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang), lượn vòng trên bầu trời Sài Gòn. Lúc 17 giờ 40 phút phi đội của Nguyễn Thành Trung đã ném bom và bắn đạn DK.28 vào sân bay Tân Sơn Nhất khiến 3 máy bay AC.119 và nhiều chiếc C.47 bị phá hủy. Hai trái bom nổ giữa trung tâm điều khiển và vọng kiểm soát. Máy bay phản kích của địch bay mò vì trạm hướng dẫn đã bị hỏng. Cuộc oanh tạc táo bạo, bất ngờ làm tiêu tan hy vọng "thương lượng" của "tân tổng thống" lẩn Hoa Kỳ, làm tăng thêm sự hoang mang và hỗn loạn của địch.

toàn. Ngày 18-4-1975 tổng thống Mỹ G.Ford ra lệnh di tản người Mỹ¹ khỏi Việt Nam. Ngày 20-4-1975 Mỹ buộc Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Ngày 23-4-1975 Mỹ tuyên bố chiến tranh kết thúc, không thể giúp chính phủ Nam Việt Nam. Ngày 24-4-1975 Mỹ - Hương đề nghị xin ngưng bắn... Diễn biến dồn dập ấy diễn ra cùng lúc với 5 cách quân gồm 270.000 bộ đội chủ lực và 180.000 người khác phục vụ chiến dịch đang từng bước chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tiến công vào Sài Gòn.

¹ Trong "cơn lốc kinh hoàng" của cuộc tháo chạy mệnh danh "người liều mạng" rồi "móng quặp chặt", hàng ngàn người tranh nhau bám còng trực thăng trong cơn hoảng loạn, mặc dù từ ngày 10 tháng 4 năm 1975 Bộ chỉ huy quân Giải phóng đã tuyên bố: "Quân giải phóng lúc nào cũng sẵn sàng tạo điều kiện cho cố vấn Hoa Kỳ rút về nước bình an vô sự".

Ngày 3 tháng 4, sau những cơn giận dữ của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Schlesinger và cố vấn Kissinger ở Washington vì sự nấn ná quá đáng của Đại sứ Martin ở Sài Gòn để cố tạo ra vẻ "người Mỹ dằng hoàng ra đi", Tổng thống Ford ra lệnh dứt khoát: "Chấm dứt cuộc di tản vào 3 giờ 30 phút, giờ địa phương, sáng 30 tháng 4". Tuy nhiên, lệnh không thi hành được.

4 giờ 20 phút, tiếp tục cuộc tháo chạy, một máy bay CH-53 đổ xuống lầu thượng tòa Đại sứ, Martin lại nhận được điện của Nhà Trắng: "Tổng thống ra lệnh đại sứ phải đi chuyến này". Martin vẫn chậm chạp. Một nhân viên cấp dưới tỏ vẻ bức tức: "Lệnh là lệnh, đại sứ phải lên. mà lên ngay, vì quân đội Bắc Việt Nam đã ở dưới đường. Họ sẽ nổi giận và bắn chúng ta nếu họ thấy chiếc máy bay để ở đây lâu quá".

Nhà Trắng lại có lệnh rõ ràng: "Cầu hàng không ngừng lúc bản thân Martin đã đi".

Nhưng chiếc CH-53 chở Martin đã rời sân thượng, tòa Đại sứ Mỹ vẫn còn 5 nhân viên, 4 lính thủy đánh bộ người Mỹ và ngót 420 người Việt Nam phần đông là nhân vật cao cấp của Thiệu, nhân viên Sứ quán Nam Triều Tiên, đứng đầu là 1 thiếu tướng... Tất cả những người này chấp nhận bỏ hành lý để thoát cho được.

Moorefield, người được Martin chọn "giúp cai trị" ở tòa Đại sứ là người Mỹ cuối cùng rời Sài Gòn lúc 5 giờ 24 phút ngày 30 tháng 4. Ông ta kể lại cảnh tượng Sài Gòn lúc đó, nhìn từ bầu trời xuống: "Bình yên, phẳng lặng. Trừ một vài đám cháy ở đàng xa..."

Tom Polgar, nhân viên cao cấp ở tòa Đại sứ "Người nguy hiểm nhất đối với Martin" vì những nhận định, báo cáo lên Nhà Trắng cứ trái ngược, nhưng rất "hợp Martin" ở chỗ "chống cộng kịch liệt và ham thích nghiên cứu", cùng ngồi với Martin trên chiếc CH-53 trong cuộc tháo chạy tán loạn, đã ghi lại nhận xét của mình ngày hôm ấy: "Đó là một cuộc chiến tranh (chiến tranh Việt Nam) lâu dài và khó khăn mà chúng ta đã thua. Thất bại độc nhất của lịch sử Hoa Kỳ chắc không báo trước sức mạnh bá chủ toàn cầu của nước Mỹ đã chấm dứt. Nhưng... Ai không học được gì ở lịch sử, bắt buộc sẽ phải nhắc lại lịch sử".

17 giờ ngày 26-4-1975 trận tổng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định bắt đầu theo 5 hướng: Đông, Đông Nam, Bắc, Tây Nam, Tây (Riêng hướng Đông và Đông Nam đánh chiếm trước một ngày). Cả 5 cánh quân của 4 quân đoàn I, II, III, IV và đoàn 232 cùng với cánh quân phía Đông triển khai hướng vào mục tiêu cuối cùng của Sài Gòn - Gia Định. 6 trung đoàn đặc công và hàng chục đội biệt động đã sẵn sàng từ vùng ven tấn công vào nội thành không để cho định phá cầu cản đường tiến của quân ta.

Trên mặt đường bộ trước cố gắng cuối cùng của địch tử thủ ở Xuân Lộc không được, cuộc tấn công thần tốc của cánh quân phía Đông do đồng chí Lê Trọng Tấn làm tư lệnh với hơn 32.000 quân và 2.276 xe pháo, tăng thiết giáp hành quân qua gần 1.000km, đánh thông tuyến đường số 1 vào tận ngõ phía Đông và Đông bắc Sài Gòn

Các mục tiêu tấn công ngập chìm trong bão lửa. Mỹ vội vàng mở chiến dịch "Người liễu mạng" để di tản. Các tướng tá quân đội Sài Gòn từ các sư đoàn bị đánh tơi tả, kẻ bị bắt, kẻ đầu hàng, kẻ tự sát, kẻ cởi quân phục lẫn trốn vào đám tàn quân. Tổng thống ngụy thay đổi chính quyền, các đại diện Mỹ, Pháp tìm kế hoãn binh... Nhưng tất cả đã không thể ngăn cản được sức tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng trong "trận đánh cuối cùng" để kết thúc chiến tranh 30 năm.

Diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh tại Sài Gòn

Suốt ngày 29 đến rạng sáng ngày 30-4 trong địa phận Sài Gòn Gia Định đã có 107 điểm nổi dậy của quần chúng (31 điểm ở ngoại thành, 76 điểm ở nội thành). 5h30 sáng ngày 30-4, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh phát lệnh Tổng công kích vào nội đô, 5 cánh quân ồ ạt tiến vào. Tại Sài Gòn, sáng ngày 30 tháng 4, chiếc xe tăng mang số hiệu 390 húc đổ cổng chính và tiến thẳng vào dinh Độc Lập chiếm dinh lũy cuối cùng của ngụy quyền, cấm cờ giải phóng trên nóc dinh Độc Lập. Tổng thống Dương Văn Minh đã ra tuyên bố đầu hàng trên Đài Phát thanh Sài Gòn hạ lệnh cho quân ngụy ngừng bắn lúc 11 giờ 45 phút chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh (tướng Vĩnh Lộc tổng tham mưu trưởng đã bỏ chạy) và Trung tướng Nguyễn Hữu Có lên gặp Dương Văn Minh báo cáo tình hình quân sự, đã thúc đẩy Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu (Thủ tướng) đi đến quyết định đơn phương ngừng bắn, chờ "bàn giao trong vòng trật tự". Dương Văn Minh họp bộ hạ và đưa ra ý kiến "tuyên bố thành phố bỏ ngõ". Sau khi

bàn luận, Vũ Văn Mẫu viết bản tuyên bố kêu gọi đơn phương ngừng bắn và bàn giao chính quyền cho cách mạng. Bản tuyên bố được phát trên đài phát thanh Sài Gòn lúc 9 giờ 30 phút. Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong ngày 1-5 sau khi trở lại Cửa Tây thành Hà Nội đã viết:

“Hai cuộc trường kỳ kháng chiến thần thánh của dân tộc chống Pháp và chống Mỹ cùng kết thúc bằng một cuộc chiến đấu 55 ngày đêm. Nếu như ở Điện Biên Phủ là 55 ngày đêm thành kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” bằng kế hoạch “đánh chắc, tiến chắc” thì ở lãnh thổ miền Nam rộng lớn bước kết thúc chiến tranh lại không ngừng được rút ngắn, khẩn trương theo khẩu lệnh “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, quyết thắng”.

Trên tất cả các hướng vào Sài Gòn, quân ta tiếp tục tiến công theo mệnh lệnh của Bộ Chính trị “tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống đối của chúng”.

Địch dùng pháo từ phía Đông xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa bắn ra cắt đội hình lữ đoàn xe tăng 20. Một phân đội của lữ đoàn rẽ vào đánh diệt chúng ở liên trường Thủ Đức (ở Cây Mai). Tại đây chiếc xe 707 đã phải chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và người cuối cùng. 9 giờ 30 phút, đoàn xe tăng tiến thuận lợi qua cầu Rạch Chiếc do Z23, lữ đoàn 316 đặc công biệt động đang chiến giữ. Phía trước là cầu Sài Gòn, ở đây tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã chiến đấu quyết liệt, giằng co với địch từ đêm 29 rạng 30 tháng 4, đến 7 giờ sáng ngày 30 tháng 4 mới chiếm lại được đầu cầu phía Đông. Đoàn xe tăng lữ đoàn 203 đến đầu cầu Sài Gòn, 2 xe dẫn đầu đội hình tăng tốc vượt qua được nửa cầu thì bị xe tăng địch ở phía Tây vòm cầu bắn cháy. Đội hình xe tăng ta phải dừng lại ở đầu cầu phía Tây. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn xe tăng Ngô Văn Nhỡ cầm cờ hiệu và điện đài chỉ huy tốp xe dẫn đầu vượt cầu lại bị trúng đạn địch và hy sinh trên tháp pháo. Lữ đoàn phó Trần Minh Công lên chỉ huy vượt cầu. Địch tiếp tục bắn hồng thêm 2 xe tăng. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận và chính trị viên Vũ Đặng Toàn chỉ huy đại đội 4 vượt qua cầu. Địch lui về ngã tư Hàng Xanh, ta bám sát và bắn cháy một xe tăng của chúng tại đây. Các lực lượng tại chỗ bao vây, vận động vô hiệu hóa một số xe khác. Địch ở cầu Thị Nghè ngoan cố chống cự, ta bắn cháy thêm 1 xe tăng, 1 xe thiết giáp.

Qua cầu Thị Nghè, nữ chiến sĩ biệt động Nga (lữ đoàn 16) lên xe tăng cùng Phạm Duy Đô làm nhiệm vụ dẫn đường. Lữ đoàn 203 tiến vào Dinh Độc Lập theo đường Hồng Thập Tự¹ và Đại lộ Thống Nhất² do xe tăng 483 của trung úy Bùi Quang Thận dẫn đầu. Một số chiến sĩ biệt động đã có mặt trước dinh Độc Lập. Trong Dinh cũng đã có mặt một số cán bộ tình báo đường dài của ta: Tô Văn Cang, Vũ Ngọc Nhạ một cơ sở binh vận (chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh). Chiếc xe tăng 390 húc tung cánh cổng sắt Dinh Độc Lập, tiến thẳng vào cửa Dinh. Trong lúc đó, trung úy đại đội, trưởng chỉ huy xe tăng 843 Bùi Quang Thận nhảy ra khỏi xe, tiến thẳng lên sân thượng của tòa nhà, giật bỏ lá cờ vàng 3 sọc và kéo cờ giải phóng lên cột cờ cao nhất của Dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút. Đại đội trưởng Phạm Duy Đô chạy thẳng vào trong Dinh quan sát và trở ra báo cáo ngay với trung tá Chính ủy lữ đoàn 203 Bùi Văn Tùng xác nhận sự có mặt của Tổng thống và Nội các ngụy quyền tại Dinh. Trung tá lữ trưởng Nguyễn Tấn Tài lệnh điều chỉnh đội hình xe tăng bao vây Dinh để phòng địch phản kích, đồng thời phái một bộ phận ra đánh chiếm cảng Sài Gòn.

Đại úy trung đoàn phó Trung đoàn 66 Phạm Xuân Thệ cùng một số cán bộ, chiến sĩ ta được Nguyễn Hữu Hạnh dẫn đường tiến thẳng vào phòng khánh tiết gặp Dương Văn Minh và nội các Vũ Văn Mẫu. Tiếp đó, các đồng chí Bùi Văn Tùng và Nguyễn Tấn Tài vào phòng khánh tiết. Hai cán bộ tình báo của ta cũng đã có mặt tại đây từ sáng với tư cách là người của lực lượng thứ ba đến vận động Dương Văn Minh sớm đầu hàng: Vũ Ngọc Nhạ, Tô Văn Can. Dương Văn Minh đứng dậy nói: "Chúng tôi đang đợi các ông để bàn giao". Ta tuyên bố: "Các ông đã bị bắt làm tù binh, các ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Các ông không còn gì để bàn giao".

Dương Văn Minh chấp nhận, trao khẩu súng ngắn cho đại úy Phan Xuân Thệ và đến đài phát thanh đọc bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Trung tá Bùi Văn Tùng đọc lời chấp nhận đầu hàng của Dương Văn Minh.

Từ sáng ngày 30 tháng 4 cho đến lúc này tại trung tâm Sài Gòn đã có 34 điểm nổi dậy của quần chúng và lực lượng tại chỗ.

¹ Nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai.

² Nay là đường Lê Duẩn.

Sau 11 giờ 30 phút ở 41 điểm chủ lực ta chưa tới, quân chúng và lực lượng tại chỗ tiếp tục nổi dậy.

Ở quận 3, tại phường cư xá Đô Thành, lúc 12 giờ ngày 30 tháng 4 khi lực lượng võ trang ta tiến công quận 3, anh Tư và anh Công, người địa phương, cùng một cán bộ biệt động của Z15 (lữ đoàn 316) dùng loa hô hào nhân dân nổi dậy giành chính quyền, kêu gọi sĩ quan và binh lính địch nộp vũ khí đầu hàng. Ngay chiều 30 tháng 4 hàng trăm đồng bào xin nhận công tác theo yêu cầu của cách mạng, hàng trăm người khác tự động ra đường thu gom vũ khí, quân trang, quân dụng của địch. Đồng bào treo đầy cờ giải phóng trước nhà riêng, công sở và tự nguyện góp cấp thời lương thực thực phẩm cho bộ đội.

Tại phường Bàn Cờ quận 3, các đồng chí cơ sở mật của ta: Chị Bảy, anh Châu, anh Ba Đông, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, chiếm giữ các kho tàng của địch, giữ gìn trật tự, an ninh, làm vệ sinh đường phố. Đồng bào thu gom được 3.000 súng các loại đem nộp cho cách mạng. 16 giờ ngày 30 tháng 4, phường Bàn Cờ tổ chức mít tinh, có 13.000 người dự lễ mừng chiến thắng và giới thiệu những người tốt vào chính quyền mới. Đến 17 giờ, thành lập xong các ban phụ trách phường, khóm và tổ chức chuyên việc đăng ký ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện.

Ở hướng xa lộ Biên Hòa, Z27 sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiếm giữ cầu Rạch Chiếc cho lữ đoàn 203 đi qua, theo lệnh trên, tiến chiếm nhà máy xi măng Hà Tiên, nhà máy Zetcô (nay là liên hợp công trình 4) và giữ nhà máy điện Thủ Đức. Nhờ đó, điện ở thành phố chỉ gián đoạn có vài giờ trong ngày 30 tháng 4.

Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, sau khi lữ đoàn 203 xe tăng qua cầu Sài Gòn tiếp tục tổ chức đánh chiếm các đồn bót địch trên trục lộ 33 đoạn từ ngã ba Bình Trưng đến ngã ba Phú Hữu, cùng cán bộ địa phương phát động quần chúng nổi dậy trừng trị ác ôn, giải phóng hai xã Bình Trưng và Phú Hữu.

Tại nhà máy nước Thủ Đức, từ những ngày 27 và 28 tháng 4, nòng cốt công nhân đã lập đội bảo vệ nhà máy. Hàng trăm công nhân và kỹ sư liên tục bám giữ máy, không cho địch phá, bảo đảm cung cấp đầy đủ nước cho thành phố cả nước và sau khi giải phóng. Ngày 30 tháng 4, khi xe

tăng ta tiến gần đến, đồng chí Muống, đứng đầu Ủy ban khởi nghĩa nhà máy, lãnh đạo công nhân tung tin hù dọa địch và tự mình leo lên nóc nhà máy treo một lá cờ lớn. Địch ở đây rất đông: thường xuyên có một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn ca xạ, 1 đại đội bảo an và ngày 30 tháng 4, còn kéo về đây thêm khoảng 40 xe tăng và thiết giáp... nhưng trước thế tiến như vũ bão của ta và khí thế công nhân tại chỗ, chúng đã phải bỏ chạy.

Toàn bộ lực lượng địch ở Thủ Đức tan rã. Quân chúng xông vào chiếm giữ các căn cứ quân sự của địch, tiến chiếm trụ sở quận. Toàn bộ nguyên quyền quận bỏ chạy.

Với mọi chuẩn bị từ trước, khi đại quân ta tiến vào Sài Gòn, cơ sở cách mạng và quần chúng lao động nội thành kịp thời nổi dậy chiếm lĩnh, làm chủ và bảo vệ các cơ sở kinh tế, chính trị văn hóa quan trọng, bảo đảm mọi sinh hoạt bình thường của một thành phố mới giải phóng.

Ở nhà máy điện Chợ Quán, ngay lúc địch đang tồn tại và thiết quân luật, công nhân đã thay phiên nhau đi sửa chữa đường dây, ổn định dòng điện. Anh em kêu gọi binh lính ngụy quay về với chính nghĩa, ủng hộ hành động nổi dậy của công nhân.

Tại xưởng Ba Son, công nhân tháo gỡ hết chất nổ địch gài, bảo vệ nguyên vẹn nhà máy.

Ở các hãng Esso, Shell, công nhân thành lập các ủy ban công nhân võ trang bảo vệ kho xăng Nhà Bè.

Công nhân các xí nghiệp Vimytes, Sicovina, Vinatexco, Biopharma và hàng loạt hãng, xưởng khác bắt chấp công an, mật vụ, đã nổi dậy chiếm xưởng bảo vệ máy móc.

Các cơ sở cách mạng và quần chúng nổi dậy chiếm lĩnh, cắm cờ trụ sở khóm hai phường Huyện Sĩ, ngã ba Thủ Khoa Huân, đường Lê Thánh Tôn, chợ Bến Thành, cư xá Đô Thành, Ty cảnh sát quận 3, Sở Văn hóa... Một trí thức, cơ sở của ta, đã giữ gìn và trao lại nguyên vẹn cho cách mạng toàn bộ Phòng báo chí Phủ Tổng thống ngụy của Hoàng Đức Nhã (đặt tại số 116 đường Hồng Thập Tự, nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai).

15 giờ ngày 30 tháng 4 tất cả cán bộ Thành ủy cánh A (luôn vào từ đêm 29 tháng 4) đã có mặt trong thành phố, tập kết nhận nhiệm vụ kế tiếp tại khu trường Pétrus Ký.

Cán bộ, chiến sĩ cánh B của Thành ủy có mặt cùng nhân dân thực hiện nổi dậy giành chính quyền, giành quyền làm chủ từ ấp, xã đến thị trấn ngoại thành, cũng đã hội tụ về nhận nhiệm vụ tại dinh tỉnh trưởng Gia Định.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, riêng quân dân Sài Gòn - Gia Định đã diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt sống 12.619 tù binh, chiếm 9 căn cứ quân sự, 5 chi khu, 21 phân chi khu và trụ sở tề... thu 12.275 súng và gần như toàn bộ hồ sơ các cơ quan từ Phủ tổng thống trở xuống. Số ngụy quân lần lượt ra trình diện là 40 vạn và số công an cảnh sát là 10 vạn.

17 giờ ngày 30 tháng 4, tiếng súng đã thực sự chấm dứt ở "thủ đô" ngụy quyền, trừ một số mục tiêu quân sự. Thành phố hơn 3 triệu dân vừa qua cuộc chiến tranh 30 năm, vẫn nguyên vẹn đã chuyển sang trạng thái bình yên đến độ gây ngạc nhiên cho mọi người trên thế giới đang có mặt: nước vẫn chảy đều trong các đường ống; dòng điện chỉ tạm ngừng trong 2 giờ rồi mọi nhà lại sáng; công nhân nhà máy vẫn sẵn sàng cho máy chạy; chợ búa, quán xá vẫn sẵn sàng mở; đường phố vẫn đông người, xe cộ... Người dân Sài Gòn - Gia Định náo nức cất dàn cờ hoa để xuống đường ngày 1-5 mừng cuộc toàn thắng và chờ đêm hội pháo hoa.

Chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Sài Gòn là đô thị lớn nhất Việt Nam, nằm giữa miền Trung và miền Đông Nam Bộ, là trung tâm các đầu mối giao thông chiến lược cả về đường bộ, đường thủy và đường không. Các vùng nông thôn rừng núi, trung du đồng bằng và ven biển bao xung quanh thành phố có mối quan hệ mật thiết về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong thành phố, nhà cửa san sát với những cao ốc nhiều tầng, dân cư đông và tập trung ở mật độ cao. Những đặc điểm nêu trên làm cho Sài Gòn giữ một vị trí địa lý đặc biệt quan trọng.

Đối với địch, nhất là trong chiến tranh xâm lược của Mỹ, Sài Gòn là thủ đô, trung tâm, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả miền Nam. Nơi đây là sào huyệt của tổ chức chính quyền trung ương ngụy và các đảng phái chính trị, tôn giáo, văn hóa, nơi tập trung cơ cấu chỉ đạo, chỉ huy quân sự của toàn bộ cuộc chiến tranh với từng vùng chiến trường, nơi phát ra và chỉ đạo thực hiện các chủ trương chiến lược, các kế hoạch,

biện pháp và thủ đoạn chiến lược, chiến thuật trên toàn chiến trường miền Nam và Campuchia. Chúng tập trung ở Sài Gòn và vùng phụ cận một bộ phận quan trọng lực lượng, sinh lực và phương tiện chiến tranh lớn cùng hệ thống phòng thủ nhiều tầng, từ xa, tập trung các cơ sở kinh tế công nghiệp, thương mại, đáp ứng phần lớn âm mưu cướp vét sức người sức của "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"; đồng thời xây dựng, bố trí các cơ sở dự trữ vật chất, phương tiện chiến tranh lớn nhất ở Đông Dương. Đối phó với phong trào cách mạng quần chúng, ngoài mạng lưới kèm kẹp đồ sộ và nghiêm ngặt, địch tiến hành đánh phá thường xuyên và ác liệt, tinh vi trên mọi phương diện chính trị, quân sự, văn hóa, kinh tế, nơi chúng thực hiện một cách tập trung, đầy đủ nhất chủ nghĩa thực dân kiểu cũ (từ năm 1945 đến năm 1954) và kiểu mới (từ năm 1945 đến năm 1975). Thành phố Sài Gòn là nơi thực dân Pháp nổ súng tiến công mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai và là nơi đế quốc Mỹ cố giữ đến phút cuối cùng của cuộc chiến tranh, là điểm mở đầu và kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc Pháp và Mỹ trong 30 năm qua.

Đối với ta, thành phố Sài Gòn là nơi tập trung số lượng dân cư đông đảo nhất ở miền Nam, nơi có lực lượng học sinh sinh viên, nhân sĩ trí thức, tư sản dân tộc và đặc biệt là lực lượng công nhân công nghiệp (vốn có quan hệ huyết thống gần gũi với nông dân vùng nông thôn Nam Bộ và với công nhân các đồn điền cao su). Nhân dân Sài Gòn có truyền thống yêu tự do, bất khuất chống ngoại xâm rất sâu sắc và liên tục trong suốt lịch sử 300 năm của thành phố. Mọi biến động ở thành phố Sài Gòn, do vị trí trung tâm của nó, đều có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình toàn miền Nam, cả nước và trên thế giới. Sài Gòn trở thành trung tâm đấu tranh chính trị của cả miền Nam trong cả hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, là địa điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng của cuộc chiến tranh cách mạng xét về mặt mục tiêu cơ bản của công cuộc giải phóng hoàn toàn đất nước của dân tộc ta.

Những đặc điểm nêu trên tác động sâu sắc đến toàn bộ tiến trình cuộc kháng chiến diễn ra trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Tiếng súng gây hấn ngày 23 tháng 9 năm 1945 là hành động kết thúc quá trình chuẩn bị trở lại xâm lược Đông Dương của giới tư bản quân phiệt Pháp từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng. Chuẩn bị và

xác định ngay từ đầu quyết tâm kháng chiến, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã đứng dậy tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đồng thời nỗ lực đặt nền móng và phát triển mọi nhân tố của một Nhà nước Dân chủ Cộng hòa mới được thành lập. 15 tháng đầu kháng chiến của quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và Nam Bộ, Nam Trung Bộ đã giáng một đòn phủ đầu vào dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, làm xáo trộn kế hoạch chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của chúng, tạo ra khoảng thời gian quý báu để nhân dân cả nước có điều kiện xây dựng lực lượng mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài diễn ra trên phạm vi toàn quốc.

Từ đầu năm 1947, trong điều kiện Sài Gòn bị chiếm đóng hoàn toàn, "được bình định, ổn định" và ngày càng trở thành trung tâm chiến lược xây dựng Nam Bộ thành hậu phương dự trữ của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã từng tiếp tục xây dựng lực lượng mọi mặt, xây dựng các loại lực lượng vũ trang thích hợp, mở rộng phong trào chiến tranh du kích, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, đưa cuộc kháng chiến phát triển thành cao trào vào năm 1950.

Sau năm 1950, được sự chi viện của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp ra sức bình định Nam Bộ, trọng tâm là Sài Gòn, Chợ Lớn - Gia Định, đẩy phong trào cách mạng vào thời kỳ khó khăn kéo dài. Quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năng động tổ chức lại chiến trường, bố trí lực lượng, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, vượt qua nhiều khó khăn nhằm khôi phục, giữ vững và phát triển phong trào trong điều kiện bị địch bao vây và đánh phá ác liệt. Hoạt động kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã làm suy yếu địch từ trong hậu phương của chúng, cầm chân địch tại chỗ, tạo điều kiện cho quân và dân toàn miền đẩy mạnh đợt hoạt động hưởng ứng chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ sau Hiệp định Genève 1954, đế quốc Mỹ gạt Pháp và các thế lực thân Pháp, từng bước nắm quyền thống trị miền Nam Việt Nam, xây dựng nguy quân quyền, thi hành chính sách thực dân mới. Sài Gòn trở thành thủ đô của nguy quyền miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ

tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã phát động phong trào đấu tranh chính trị tiến công địch ngay từ đầu, phát triển phong trào bảo vệ hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Genève, đưa Sài Gòn trở thành trung tâm đấu tranh chính trị của toàn miền Nam. Vượt qua khó khăn thử thách trong những năm tiếp sau, đặc biệt trong các năm 1957 - 1958 - 1959, nhân dân Sài Gòn - Gia Định vẫn bền bỉ bảo tồn, gây dựng và duy trì phong trào đấu tranh chính trị liên tục, nhằm bảo vệ quyền dân sinh, dân chủ, chống chính sách tổ cộng diệt cộng, từng bước xây dựng lực lượng tự vệ vũ trang ở vùng nông thôn Gia Định, phối hợp đấu tranh liên kết giữa đô thị và nông thôn nội ngoại thành, đưa dần đấu tranh chính trị phát triển lên đấu tranh chính trị có tự vệ vũ trang hỗ trợ, tiến đến thực hiện nổi dậy từng phần, giành quyền làm chủ ở một số vùng nông thôn ven sát sào huyệt địch (1960 - 1961)

Chuyển sang thời kỳ chiến tranh cách mạng, chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy, quân và dân Sài Gòn - Gia Định bám sát đường lối chủ trương và phương châm chiến lược đấu tranh cách mạng của trên, phát huy tính năng động cách mạng, đề ra phương thức tổ chức và hình thức đấu tranh cụ thể cho các vùng hoạt động (nội đô, ven đô, nông thôn, ngoại thành), trong xây dựng các loại lực lượng và kết hợp sử dụng các hình thức đấu tranh thích hợp ở từng vùng trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Các tầng lớp quần chúng nhân dân ở nội ngoại ô thành phố đều được huy động vào mặt trận đấu tranh chống Mỹ và ngụy quyền tay sai (đặc biệt lực lượng học sinh sinh viên và quần chúng lao động, Phật tử) đưa phong trào cách mạng phát triển lên thế chủ động tấn công địch, góp phần làm khủng hoảng sâu sắc chế độ chính trị ngụy quyền và cùng với lực lượng nhân dân ở vùng nông thôn làm phá sản quốc sách áp chiến lược của chúng, Giữa năm, 1965, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh, ào ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ. Quân và dân Sài Gòn - Gia Định xác định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, hình thành mặt trận chống Mỹ cứu nước ngày càng rộng lớn ngay tại Sài Gòn - Gia Định. Cao trào đấu tranh chính trị chống Mỹ cùng với những trận tập kích quân sự vang dội trong nội đô và sự phát triển tiến công của Quân giải phóng ở các hướng xung quanh thành phố đã góp phần làm thất bại hai cuộc phản công chiến lược

mùa khô 1966 - 1967 của Mỹ ngụy. Bước sang năm 1968, ngay tại sào huyệt địch, các lực lượng cách mạng Sài Gòn - Gia Định đã tích cực chuẩn bị táo bạo cùng lực lượng toàn miền thực hành tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, đánh vào nhiều mục tiêu chiến lược quan trọng bậc nhất của Mỹ ngụy, gây cho chúng những tổn thất nặng nề, góp phần cùng cả nước làm suy sụp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris.

Sau đợt 2 Tết Mậu Thân 1968, dù trong điều kiện bị địch phản kích đánh phá khốc liệt, lực lượng bị tiêu hao giảm sút, cơ sở bị bể vỡ nhiều, nhưng quân và dân Sài Gòn - Gia Định vẫn vững tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, kiên trì bám trụ địa bàn, chịu đựng gian khổ hy sinh, khéo léo chuyển hướng và phương pháp đấu tranh, quay về khôi phục xây dựng cơ sở, thực lực, giữ vững và tiến tới đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị dưới nhiều hình thức ở nội đô, kiên cường đánh địch càn quét, liên tục chống phá chương trình bình định nông thôn của địch, giành lại và mở nhiều lōm làm chủ, giải phóng, phát triển hệ thống thông tin giao thông liên lạc ở vùng ven, tạo lại thế tiến công mới cho đến Hiệp định Paris.

Trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh, quân và dân Sài Gòn - Gia Định kịp thời đề phòng và uốn nắn những biểu hiện hòa bình chủ nghĩa sau ngày ký Hiệp định Paris, tranh thủ thời cơ, tiếp tục phát triển thực lực cách mạng, tạo thế tạo lực mới. Từ cuối năm 1974, khi thời cơ cách mạng chúng bắt đầu xuất hiện, đã tích cực xây dựng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, phát huy hiệu lực ở cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận, đẩy mạnh tiến công địch trên khắp nội ngoại ô thành phố, góp phần thúc đẩy tính thế cách mạng nhanh chính chín muồi. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Sài Gòn - Gia Định kịp thời đón nhận thời cơ, tham gia tổng tiến quân và nổi dậy trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực tiến vào thành phố, đập tan bộ máy ngụy quân ngụy quyền từ cơ sở tới trung ương, làm chủ mọi sinh hoạt của thành phố ngay từ giờ phút đầu giải phóng.

Ba mươi năm chiến tranh ròng rã, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã hoàn thành vẻ vang sứ mạng mà lịch sử giao phó "đi trước về sau", cùng quân và dân cả nước lần lượt đánh bại các chiến lược chiến

tranh của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trải suốt những năm chiến tranh tàn khốc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định một lòng son sắt với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Bác Hồ, kiên cường chịu đựng và vượt qua mọi gian lao thử thách, kiên cường chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng quê hương, giải phóng đất nước. Cả trong những ngày cam go nhất của buổi đầu kháng chiến, giai đoạn từ năm 1951 đến năm 1953, giai đoạn năm 1957 - 1958 - 1959, những ngày địch khủng bố ác liệt sau Tết Mậu Thân, dân và quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định vẫn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lần hồi gây dựng cơ sở (có khi đi trở lại từ con số không), sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì sự nghiệp chung, lòng không hề vướng bận may mắn lợi ích riêng tư của bản thân mình. Trên mảnh đất Củ Chi, có những căn nhà được dựng đi dựng lại không dưới mười lần trên nền đất cũ, có những người mẹ chít ngang đầu 8 vành tang trắng. Hàng ngàn đồng bào, chiến sĩ trải hết các nhà tù, ném đủ các đoàn tra tấn dã man và thâm hiểm nhất mà kẻ thù có thể nghĩ ra vẫn một lòng trung trinh với sự nghiệp cách mạng. Không thể nào ghi lại được đầy đủ chiến công và sự hy sinh của toàn thể dân, quân, cán bộ, đảng viên Sài Gòn - Gia Định những chiến sĩ anh hùng cách mạng. Máu của họ thấm dẫm trên mọi góc phố, cửa ô, mọi nẻo đường, làng xóm, vườn tược. Khôn thể nào nhắc lại được đầy đủ lịch sử các địa danh Vườn Thơm, Láng Le, Bàn Cờ, Bình Mỹ, Khu 5 Hóc Môn, Rừng Sác, Bung Sáu Xã, Tám Giác Sắt, Củ Chi... những mảnh đất mà tên gọi và sự tích chắc chắn sẽ lưu lại mãi mãi trong lịch sử cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta.

Thắng lợi của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của toàn dân tộc trong cuộc chiến tranh 30 năm vừa qua, một cuộc chiến tranh "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ hai mươi, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế và có tính thời sự sâu sắc" (Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần IV)

Ba mươi năm, xương máu, mồ hôi của hàng vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố đổ xuống đã vun tưới thêm truyền thống chống ngoại xâm vốn được tinh cất trong suốt chiều dài lịch sử ba trăm năm của cư dân vùng đất Bến Nghé này. Đó là tình yêu quê hương đất nước, yêu độc lập tự do, là lòng trung thành vô hạn và ý nguyện dấn thân vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Đó là ý chí bất khuất và năng động trước mọi ngăn trở của hoàn cảnh, tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường và trí tuệ mưu lược thấm đẫm tinh thần thượng võ, nghĩa hiệp, là phẩm chất cần cù lao động sáng tạo xây dựng cuộc sống mới. Đó chính là tinh thần đoàn kết gắn bó, là tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng loại, là lối ứng xử bất thiệp, hào hiệp, nhân nghĩa, có thủy có chung.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định được vinh dự mang tên Bác Hồ - Thành phố Hồ Chí Minh. Quân và dân thành phố lại tiếp tục bước vào cuộc đấu tranh mới: khắc phục hậu quả chiến tranh, sửa đổi lệch lạc trong bước đi, đổi mới sự lãnh đạo, khôi phục và phát triển lực lượng sản xuất mới, từng bước đưa thành phố tiến lên theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành phố ngày càng giàu mạnh, văn minh, đấu tranh giữ vững thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tăng cường và củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc. Hàng ngàn người con của thành phố đã lên đường chiến đấu anh dũng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và làm tròn nghĩa vụ quốc tế trên đất nước Campuchia.

Lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài gần một phần ba thế kỷ đang lùi xa vào quá khứ. Nhưng những giá trị quyền thống và bài học lịch sử của nó thì còn lại mãi mãi với các thế hệ cư dân chủ nhân của thành phố Hồ Chí Minh - thành phố anh hùng

(Theo *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến 1945-1975*. NXB TP.HCM)

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - ĐỈNH CAO CỦA NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Cách đây 35 năm, với cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã kết

thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thắng lợi oanh liệt đó đã tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội IV của Đảng (1976) đã khẳng định: "Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả tổng hợp của một loạt nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Nguồn gốc của mọi nhân tố ấy chính là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta"¹; mà "trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng"². Đó là đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm mục tiêu chung là hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với đường lối đó, Đảng ta đã huy động được sức mạnh lớn nhất của cả nước, sức mạnh của tiền tuyến lớn miền Nam và sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc; kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh ngoài nước, có được từ sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ chí tình của nhân dân và bạn bè quốc tế, trước hết là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là sự đoàn kết, sát cánh chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước: Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia... tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng.

Thắng lợi vĩ đại đó đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô nhất, dài ngày nhất và ác liệt nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ và làm suy yếu hệ thống đế quốc chủ nghĩa; đồng thời, góp phần tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Đã 35 năm trôi qua, kể từ ngày Đại thắng 30-4-1975, nhưng ký ức hào hùng và niềm tự hào về chiến thắng oanh liệt đó vẫn vẹn nguyên

¹ Văn kiện Đảng: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t 37, tr 472, 484.

² Văn kiện Đảng: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, T.37, tr 472, 484.

trong mỗi chúng ta. Nó đang và sẽ mãi là động lực tinh thần to lớn để chúng ta kiên định, vững bước trên con đường mà Đảng, Bác Hồ kính yêu và nhân dân ta đã chọn: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiếp tục công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ra sức phấn đấu vì mục tiêu: **"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"** mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã xác định.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là chiến công chói lọi trong nửa cuối thế kỷ XX của quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng; là tài sản vô giá của dân tộc, để lại cho chúng ta những bài học quý báu trên nhiều phương diện. Bài học quyết định, mang tính bao trùm, đó là đường lối lãnh đạo đúng đắn và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó của Đảng ta; trong đó, trực tiếp là đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Đường lối quân sự của Đảng ta được hình thành trên cơ sở nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng, tổ chức và xây dựng quân đội cách mạng... kết hợp với truyền thống quân sự của dân tộc, được vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó có sự kế thừa kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, được bổ sung, phát triển và từng bước hoàn thiện trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Một trong những biểu hiện tập trung nhất về mặt nội dung của đường lối quân sự của Đảng, đó là: khoa học, nghệ thuật quân sự. Từ thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta có thể khẳng định rằng: nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam, hay nói cụ thể hơn là nền khoa học, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam đã không ngừng phát triển, hết sức độc đáo, sáng tạo, đạt đến đỉnh cao trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Điều đó thể hiện tập trung ở những nội dung chủ yếu sau.

1 - Đánh giá đúng tình hình, nắm vững thời cơ chiến lược và triệt để tận dụng thời cơ để mở cuộc Tổng tiến công chiến lược, kết thúc chiến tranh trong thời gian ngắn, có lợi nhất

Đây là thành công nổi bật của Đảng ta về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược trong chiến tranh giải phóng và cũng là nét đặc sắc về nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Trải qua mấy chục năm

chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, ta càng đánh càng mạnh, liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh, những cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, rút quân Mỹ và quân các nước đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam. Với kết quả đó, chúng ta đã thực hiện quyết tâm chiến lược theo tư tưởng của Bác Hồ kính yêu: "đánh cho Mỹ cút", để rồi tiến tới "đánh cho ngụy nhào". Sự chuyển biến về chiến lược đó đã tạo ra bước ngoặt căn bản về tương quan so sánh giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng, tạo ra những thuận lợi mới đối với cách mạng Việt Nam. Đến cuối năm 1974, trên cơ sở bám sát, đánh giá đúng tình hình thế giới, trong nước, nhất là so sánh lực lượng ta - địch, điểm mạnh và điểm yếu chí mạng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn sau khi đế quốc Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam và khả năng của ta..., Đảng ta nhận định: địch không thể đương đầu nổi với lực lượng cách mạng đã mạnh hẳn lên cả về chính trị và quân sự; từ đó, đi đến kết luận: nhân dân ta, dân tộc ta đang đứng trước thời cơ lịch sử để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược, Đảng ta cùng quân, dân cả nước đã hạ quyết tâm chiến lược, mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy quy mô lớn trên toàn chiến trường miền Nam, nhằm tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ ngụy quân với số lượng trên một triệu tên, đập tan bộ máy ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân. Để bảo đảm chắc thắng cho cuộc Tổng tiến công chiến lược, nhất là trận quyết chiến chiến lược (chiến dịch Hồ Chí Minh) - đòn đánh quyết định cuối cùng tại sào huyệt của địch, Đảng ta đã tính toán, cân nhắc và chuẩn bị hết sức chu đáo; trong đó có việc hệ trọng là tính tới khả năng Mỹ quay lại can thiệp với mức độ và hình thức khác nhau để có sự chủ động đối phó, với quyết tâm cao nhất cả về tinh thần và lực lượng bảo đảm đủ điều kiện giành thắng lợi, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhìn lại toàn bộ cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 (diễn ra theo đúng chủ trương, kế hoạch dự kiến của Bộ Chính trị), chúng ta thấy rõ: nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh cách mạng và chỉ đạo chiến lược hết sức tài tình, sắc bén, táo bạo và đầy sức sáng tạo của Đảng ta, cùng với nền khoa học, nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam đặc sắc, phong phú, phát triển đến đỉnh cao. Trong đó, thành công trước hết và nổi bật của Đảng ta

là đánh giá đúng tình hình, so sánh lực lượng giữa địch và ta, nắm vững thời cơ lịch sử, hạ quyết tâm chiến lược chính xác.

2 - Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh; kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công để giành thắng lợi quyết định

Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết cục tất yếu của cả quá trình chiến đấu anh dũng, bền bỉ của đồng bào và chiến sĩ cả nước, trực tiếp là đồng bào và chiến sĩ miền Nam suốt một phần năm thế kỷ, từ sau thắng lợi vĩ đại của cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, Đảng ta đã động viên và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; đó là: sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc vừa chiến đấu, xây dựng, vừa chi viện đắc lực sức người, sức của cho miền Nam, kết hợp với sức mạnh của đồng bào và chiến sĩ miền Nam trực tiếp trên tuyến đầu đánh Mỹ và thắng Mỹ. Để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, Đảng ta đã kiên định và vận dụng sáng tạo quan điểm về con đường cách mạng miền Nam phải là con đường cách mạng bạo lực, với hai lực lượng cơ bản: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, thực hiện đánh địch trên mọi quy mô: đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ của lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích); thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ. Quán triệt và nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công và phương châm chiến lược đánh lâu dài, nhưng đồng thời biết tạo thời cơ, tranh thủ thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược (1968, 1972) làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho ta, để cuối cùng thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đánh bại hoàn toàn quân địch, giành thắng lợi triệt để và trọn vẹn.

Cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 là đỉnh cao của sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công để đánh bại và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch, kết thúc chiến tranh trong thời gian

ngắn, có lợi nhất. Nó thể hiện nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và tài thao lược quân sự sắc bén, sáng tạo, táo bạo mà đúng đắn của Đảng ta. Sự kết hợp giữa tiến công quân sự của bộ đội chủ lực và nổi dậy của quần chúng được thực hiện hết sức chặt chẽ, hiệu quả, trong suốt cuộc Tổng tiến công chiến lược. Những đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực, bằng một loạt trận đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh thẳng vào các thành thị, trung tâm đầu não, căn cứ quân sự lớn của địch, tiêu diệt, làm tan rã lực lượng lớn và gây cho chúng hoang mang tột độ đã tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy lực lượng chính trị của quần chúng nổi dậy, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở địa phương, cơ sở để giành quyền làm chủ. Tương tự như vậy, sự nổi dậy mạnh mẽ của lực lượng quần chúng đông đảo trên nhiều địa bàn từ nông thôn đến thành thị, với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt đã tạo thuận lợi cho bộ đội chủ lực cả về thế, lực và điều kiện để nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch; đồng thời, để tập trung lực lượng vào những mục tiêu chủ yếu của cuộc Tổng tiến công.

Như vậy, có thể thấy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung, trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 nói riêng, Đảng ta đã vận dụng rất sáng tạo cả quy luật chiến tranh cách mạng và quy luật khởi nghĩa vũ trang, để tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất, vào thời điểm quyết định, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3 - Kế thừa truyền thống quân sự của dân tộc; nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân để giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại

Dân tộc ta có quyền tự hào bởi truyền thống đánh giặc, giữ nước hào hùng, với tư tưởng và nghệ thuật quân sự đặc sắc. Nhờ đó, trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, cha ông ta đã nhiều lần đánh bại các kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế - quân sự hơn hẳn để giành và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Truyền thống quân sự dân tộc với nét đặc sắc cấu thành bởi những nhân tố cơ bản: "muu sâu, kế hiểm, thế vững, lực mạnh" được Đảng ta kế thừa, vận dụng sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm

lược và phát triển từng bước trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt đạt đến đỉnh cao trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Đó là nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam hết sức độc đáo, sáng tạo. Nó được vận dụng trong cuộc Tổng tiến công chiến lược với những nội dung chủ yếu là: nghệ thuật lựa chọn hướng, mục tiêu tiến công đúng đắn, thời cơ tiến công thích hợp; nghệ thuật tổ chức xây dựng lực lượng và cơ động, tập trung lực lượng kịp thời; nghệ thuật xác định phương pháp tác chiến (cách đánh), hình thức tác chiến phù hợp; nghệ thuật lợi dụng, khai thác triệt để sai lầm của địch, hạn chế điểm mạnh, khoét sâu điểm yếu của chúng; thực hành tiến công mãnh liệt, thần tốc, táo bạo, bất ngờ để tiêu diệt từng bộ phận lớn quân địch, tiến tới tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch...

Trước hết, nói về nghệ thuật chọn hướng, mục tiêu và thời cơ tiến công. Đây là những vấn đề hết sức quan trọng của nghệ thuật quân sự, nhất là trong tác chiến chiến lược. Nếu lựa chọn hướng, mục tiêu, thời cơ tiến công chính xác sẽ góp phần giành thắng lợi và ngược lại, nếu chọn không đúng sẽ dẫn tới thất bại, vì thế không được phạm sai lầm, đặc biệt là trong Tổng tiến công chiến lược. Sau khi hạ quyết tâm chiến lược, chúng ta tiếp tục nghiên cứu rất kỹ về địch và thấy rằng: tuy lực lượng của chúng còn lớn, nhưng chúng phải rải khắp trên toàn miền Nam để tổ chức phòng thủ chiến lược, với đặc điểm bố trí lực lượng chỉ mạnh ở hai đầu. Từ đó, ta đã chọn Tây Nguyên, là địa bàn chiến lược quan trọng để mở đầu cuộc tiến công chiến lược. Thực tế cho thấy, sự lựa chọn đó hoàn toàn chính xác và rất sáng tạo. Với việc ta giải phóng Tây Nguyên và tiếp đó lần lượt giải phóng các tỉnh thuộc Quân khu II thì toàn bộ hệ thống phòng thủ chiến lược của địch ở miền Nam bị chia cắt, tạo nên phản ứng dây chuyền, làm rung chuyển toàn bộ bộ máy chiến tranh của địch. Ngay khi chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc, ta đã kịp thời mở các mũi tiến công về Quân khu I lúc đó đã bị cô lập, nhằm vào mục tiêu quan trọng là Huế và Đà Nẵng. Sau khi lực lượng địch ở Quân khu I, Quân khu II bị xóa sổ, cùng với những hoạt động của quân và dân ta ở Quân khu III, Quân khu IV của địch được đẩy mạnh, đã xuất hiện những nhân tố mới của cuộc chiến tranh: địch bị tiêu diệt và tan rã hàng chục vạn quân; ta thì trên đà thắng lợi, lực lượng dồi dào, thế trận vững... Tình hình đó đã chín muồi để

ta mở trận quyết chiến chiến lược (chiến dịch Hồ Chí Minh) tại Sài Gòn - Gia Định - sào huyệt cuối cùng của địch.

Như vậy, có thể thấy, với việc xác định hướng, mục tiêu tiến công đúng đắn, lựa chọn thời cơ tiến công thích hợp, chúng ta đã quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, phương châm đánh địch trên cả ba vùng chiến lược phù hợp với hoàn cảnh mới. Trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975, ta tiếp tục đánh địch ở cả rừng núi, đồng bằng và thành thị, trong đó, chọn hướng rừng núi để mở đầu, sau đó phát triển xuống đồng bằng, nhưng hướng và mục tiêu của các cuộc tiến công đều là thành thị và cuối cùng đánh chiếm thủ đô của địch cũng là thành thị. Nét đặc sắc của việc chọn hướng, mục tiêu và thời cơ tiến công được thể hiện ở cả phạm vi chiến lược, chiến dịch và chiến thuật; trong đó, tựu trung, chúng ta đều nhằm vào những nơi hiểm yếu của địch để đánh bại chúng. Đó thường là nơi địch yếu hoặc tương đối yếu và cũng có thể là nơi địch tương đối mạnh hoặc mạnh, nhưng có sơ hở hoặc tương đối sơ hở và ở đó ta có điều kiện triển khai lực lượng, hình thành thế trận, phát huy được sức mạnh áp đảo, gây được bất ngờ, bằng cách đánh hay để đánh gục chúng.

Về nghệ thuật tổ chức lực lượng và cơ động, tập trung lực lượng.
Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, để bảo đảm chắc thắng, hoàn thành quyết tâm chiến lược đã xác định, chúng ta đã huy động lực lượng, cơ sở vật chất, kỹ thuật rất lớn. Tất nhiên, để thực hiện được điều này thì trước đó, Đảng ta đã chú trọng và dày công tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là các binh đoàn chiến lược với các thành phần binh chủng kỹ thuật hiện đại (xe tăng, thiết giáp, pháo binh, phòng không...) có đủ khả năng tiến hành các chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Đó là một thành công nổi bật của Đảng ta về tổ chức xây dựng lực lượng chiến lược, trong bối cảnh vừa chiến đấu vừa tổ chức xây dựng; nhờ đó, chúng ta không những duy trì được sức mạnh chiến đấu trong suốt quá trình chiến tranh, mà còn chuẩn bị được lực lượng đủ mạnh để đánh đòn quyết định, kết thúc chiến tranh thắng lợi. Trong cuộc Tổng tiến công, ta có những binh đoàn chiến lược tại chỗ, bố trí sẵn trên các hướng, các địa bàn chiến lược; đồng thời, lại có những binh đoàn cơ động chiến lược, lực lượng dự bị chiến lược lớn luôn sẵn sàng tham chiến và đối phó với các tình huống đột xuất, bất trắc

ngoài dự kiến. Việc tổ chức những binh đoàn chiến lược lớn gồm nhiều binh chủng hợp thành, được bố trí tại chỗ và cơ động một cách hợp lý đã bảo đảm cho ta luôn giành quyền chủ động về chiến lược và đủ khả năng tiến hành các chiến dịch tiến công quy mô lớn đồng thời và kế tiếp, giáng đòn quyết định, giành thắng lợi trong thời gian ngắn, có lợi nhất. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã tập trung lực lượng mạnh, có ưu thế hơn hẳn địch về các chỉ số so sánh: tổng quân số, xe tăng, pháo binh,... với sức cơ động cao; nhờ đó, ta đã duy trì được sức mạnh chiến đấu, tốc độ tiến công, hiệu suất chiến đấu cao, thực hiện tốt phương châm: "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" mà Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chỉ thị để đánh thắng hoàn toàn quân địch trong thời gian ngắn. Những đòn tiến công mãnh liệt của bộ đội chủ lực, kết hợp chặt chẽ với sự tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng trên các địa bàn, đã tạo nên sức mạnh vô cùng lớn để đánh bại ngụy quân, đập tan ngụy quyền là nét độc đáo, đầy sức sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Về phương pháp tác chiến, hình thức tác chiến. Trong cuộc Tổng tiến công chiến lược, cũng như trong từng chiến dịch, ta đã quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng phương pháp tác chiến, hình thức tác chiến hết sức linh hoạt, táo bạo, sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, nên đã đạt hiệu suất, hiệu quả chiến đấu rất cao. Chúng ta đã phát triển lên một bước mới cách đánh truyền thống của chiến tranh nhân dân: kết hợp tiến công và nổi dậy; kết hợp, phối hợp tác chiến của lực lượng vũ trang ba thứ quân; kết hợp cả đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ... Ta đã mở những chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, quan hệ chặt chẽ với nhau, theo ý định chiến lược thống nhất: thực hiện chia cắt, bao vây, phá vỡ hệ thống phòng thủ chiến lược của địch, tiêu diệt và làm tan rã bộ phận lớn quân địch, kết hợp với tiến công rộng khắp ở quy mô vừa và nhỏ của lực lượng vũ trang địa phương và nổi dậy mạnh mẽ giành quyền làm chủ của quần chúng. Cách đánh đó đã làm cho địch rơi vào tình thế hoảng loạn, sụp đổ hoàn toàn. Trong các chiến dịch tiến công, chúng ta đã vận dụng linh hoạt phương pháp tác chiến và các hình thức, thủ đoạn tác chiến: tiến công trận địa, bao vây, chia cắt, đột phá thọc sâu... làm cho địch không thể đối phó, liên tiếp bị bất ngờ về nhiều mặt.

Khi thì chúng bị bất ngờ về phương hướng, mục tiêu tiến công của ta như ở Tây Nguyên; khi thì bị bất ngờ về cách đánh như ở Huế, hoặc thời gian tiến công như ở Đà Nẵng; khi thì bị bất ngờ cả về thời gian, tốc độ tiến công và quy mô tập trung lực lượng của ta như ở Sài Gòn - Gia Định. Nhưng trên hết, bất ngờ lớn nhất đối với địch là thời gian của cuộc Tổng tiến công chiến lược; chúng đã tính toán sai khi cho rằng: vào thời điểm đó, ta chưa đủ khả năng mở cuộc Tổng tiến công chiến lược. Đó là điểm mấu chốt khiến chúng hoàn toàn bị động về chiến lược, mà đã bị động về chiến lược thì thất bại là tất yếu.

Trên đây là một số nội dung chính về nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân đã được vận dụng trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Cùng với đó, còn rất nhiều nội dung khác như nghệ thuật vận dụng thời gian, không gian; nghệ thuật đánh trận mở đầu, trận kết thúc; nghệ thuật tổ chức và xây dựng thế trận; nghệ thuật nghi binh, lừa địch... Và, tất nhiên, cùng với nghệ thuật quân sự cần phải nhấn mạnh một nhân tố rất cơ bản tạo nên sức mạnh áp đảo địch để giành thắng lợi là nhân tố chính trị - tinh thần; đây là chỗ mạnh tuyệt đối, mang tính truyền thống của dân tộc Việt Nam ta.

Đại thắng mùa Xuân 1975 kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân ta. ý nghĩa và những bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra từ chiến thắng vĩ đại đó còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Trách nhiệm và cũng là hành động thiết thực nhất của chúng ta là tiếp tục nghiên cứu những kinh nghiệm đó để phát triển nền khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu của công cuộc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

RẠNG DANH PHÁO BINH CHIẾN DỊCH

Trên toàn miền Nam, lực lượng pháo binh tham gia cuộc Tổng tiến công năm 1975 với số lượng lớn. Tính từ ngày 18-1-1975, (chiến dịch Tây Nguyên 129 khẩu pháo cỡ lớn, 94 khẩu pháo xe kéo, 35 khẩu pháo mang vác ĐKB, H12, cối 120mm) và 349 khẩu pháo, cối nhỏ.

Chiến dịch Huế-Đà Nẵng có 384 khẩu (103 khẩu pháo xe kéo, 281 khẩu pháo mang vác, không kể pháo cối nhỏ).

Chiến dịch Hồ Chí Minh có 509 khẩu (241 khẩu pháo xe kéo, 88 khẩu pháo mang vác, không kể pháo cối nhỏ). Lượng vật tư kỹ thuật, đạn dược tiêu thụ rất lớn, thời gian lại rất khẩn trương chỉ trong 55 ngày đêm với 3 chiến dịch lớn nên công tác kỹ thuật gặp không ít khó khăn, đặc biệt là công tác bảo đảm kỹ thuật và bảo đảm đạn. Để giải quyết khó khăn này, thực hiện chủ trương lấy pháo, đạn dịch đánh địch.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, lực lượng kỹ thuật pháo binh cùng với các lực lượng khác đã thu hồi đưa vào sử dụng nhiều xe pháo, đạn dược và khí tài của địch. Nhiều phân đội pháo binh chuyển từ pháo 122mm sang pháo 105mm, 155mm, dùng hàng ngàn viên đạn, hàng vạn lít xăng dầu chiến lợi phẩm, do đó dù phải truy kích địch xa tuyến hậu cần cơ bản hàng trăm kilômét vẫn bảo đảm đủ xăng dầu, đạn dược, sức kéo để cơ động theo sát đội hình bộ binh và đủ hỏa lực chiến đấu kịp thời. Các đơn vị còn mạnh đạn sử dụng tù, hàng binh (có chọn lọc) để khai thác, sử dụng các phương tiện, xe kéo pháo, khí tài hệ 2, phát hiện các kho đạn, kho xăng dầu của địch. . .

Trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, trên hướng Quân khu 5 đã thu hồi và đưa vào sử dụng 5.963 viên đạn pháo địch, chiến 79% số đạn pháo xe kéo tiêu thụ trong chiến dịch, pháo binh Quân khu Trị Thiên đã sử dụng 15 khẩu pháo xe kéo, 6.000 viên đạn địch để đánh địch. Riêng Lữ đoàn 164 Quân đoàn 2 sử dụng nhiều xe chiến lợi phẩm tăng sức cơ động từ 25% lên 100% bảo đảm được yêu cầu cơ động thần tốc vào tham gia giải phóng Sài Gòn.

Trong chiến dịch Tây Nguyên có thể nêu lên 3 đòn hỏa lực pháo binh.

Đòn hỏa lực thứ nhất: Hỏa lực pháo binh chi viện bộ binh, xe tăng thọc sâu đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột. Đây là đòn hỏa lực được chuẩn bị kỹ cho trận tiến công quy mô tương đối lớn, dùng hỏa lực pháo bắn chuẩn bị, bảo đảm cho bộ binh xe tăng trên nhiều hướng; mũi thọc sâu đánh chiếm cùng lúc những mục tiêu chủ yếu trong thị xã Buôn Ma Thuột.

Theo kế hoạch giờ "G" là 06.00h ngày 10-3-1975 nhưng thời tiết xấu nên đến 07 giờ 15 phút, pháo binh mới bắt đầu thực hành hỏa lực chuẩn bị với gần 5.000 viên đạn cỡ lớn cùng lúc bắn vào 3 mục tiêu chủ

yếu là sở chỉ huy sư 23, sở chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, căn cứ liên hiệp quân sự và 7 trận địa pháo địch. Đạn trúng mục tiêu ngay loạt đạn đầu, diệt nhiều địch, gây cháy, nổ làm tê liệt hoàn toàn các trận địa pháo địch. . . khoảng gần trưa bộ binh và xe tăng ta đã chạm địch ở các cứ điểm ngoại vi thành phố. Đến 15.00h quân ta đánh chiếm được sở chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc, khu căn cứ liên hợp quân sự và một phần sở chỉ huy sư đoàn 23. Căn cứ này địch tổ chức phòng ngự khá kiên cố, quân ta phải tổ chức lại để tiến công, đến 06.00h ngày 11 tháng 3 năm 1975 sau đợt hoả lực pháo bắn chuẩn bị lần thứ hai với mật độ đạn lớn, kết hợp với pháo bắn thẳng của pháo 85mm, pháo mang vác... đến 09.00h ta làm chủ sở chỉ huy sư 23 ngụy, và tới 11.00 cùng ngày quân ta đã làm chủ hoàn toàn Buôn Ma Thuột.

Đòn hoả lực thứ hai: Pháo binh cơ động linh hoạt, bám sát và chi viện kịp thời cho bộ binh, xe tăng đánh phản kích của địch tại Phước An. Đây là trận mà hoả lực pháo binh phải đánh nhiều mục tiêu ngoài kế hoạch, lại phải di chuyển trận địa nhưng do có dự kiến từ trước và tổ chức được nhiều đài quan sát luôn sâu bám sát đội hình chiến đấu của Sư đoàn bộ binh 316 và Sư đoàn bộ binh 10, nên ngày 12-3-1975 khi trung đoàn 45 ngụy đổ bộ bằng trực thăng xuống điểm cao 581 định cùng trung đoàn 53 và liên đoàn biệt động số 21 tổ chức phản kích thì lập tức bị hoả lực các cụm pháo chiến dịch của ta bắn trúng, bắn mạnh chia cắt đội hình của chúng, tạo điều kiện cho bộ binh, xe tăng liên tiếp trong những ngày 13 đến 15 tháng 3 tiêu diệt từng trung đoàn địch, đánh chiếm căn cứ trung đoàn 53 ngụy, số còn lại phải rút chạy về Phước An.

Trung đoàn bộ binh 24 đã dùng xe cơ giới truy kích có xe tăng tăng cường và được cụm pháo 675 trực tiếp chi viện; sáng 16-3-1975 sau đợt tập kích hoả lực pháo Đ74 của cụm pháo 675, các mũi bộ binh xe tăng Trung đoàn 24 của ta đã đánh chiếm quận lỵ Phước An tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, thừa thắng quân ta đánh chiếm quận lỵ Chư Pảh tiêu diệt tàn quân của sư đoàn 23 ngụy và đập tan toàn bộ kế hoạch phản kích của địch vào Buôn Ma Thuột.

Đòn hoả lực thứ ba: Pháo binh vừa cơ động vừa chuẩn bị chi viện Sư đoàn 320A hợp vây tiêu diệt toàn bộ quân địch tháo chạy khỏi Tây Nguyên.

Từ chiều 16 tháng 3, ta đã phát hiện quân địch từ 2 tỉnh Kon Tum và PLây Cu, rút theo đường 7 qua Cheo Reo về đồng bằng. Bộ chỉ huy mặt trận lệnh cho Sư đoàn 320A có Trung đoàn 95 làm dự bị được tăng cường một tiểu đoàn xe tăng và cụm pháo binh 675 bám chặt và tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch rút chạy khỏi Tây Nguyên. Kế hoạch tác chiến của Sư đoàn 320A như sau: Trung đoàn 66 dùng xe ô tô cơ động được tăng cường 2 khẩu 105mm và 2 khẩu 85mm có nhiệm vụ chia cắt đội hình địch trên đường 7. Trung đoàn 64 làm nhiệm vụ luôn sẵn đánh chiếm 1 đoạn đường 7, phía đông nam thị xã Cheo Reo, chặn đầu cuộc hành quân rút chạy của địch. Trung đoàn 48 đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu được tăng cường trung đoàn pháo của sư đoàn. Trung đoàn pháo 675 nhanh chóng cơ động chiếm lĩnh trận địa bắn ngay vào Cheo Reo.

16.00h ngày 17 tháng 3 năm 1975, tiểu đoàn đi đầu của Trung đoàn 64 đã chạm địch trên đường số 7, ngay lập tức quân ta tiêu diệt đoàn xe 8 chiếc và làm chủ đường số 7 phía đông nam Cheo Reo 4 - 5km. Cùng ngày 17 tháng 3 sau khi bộ binh đánh chiếm Chư Păh mở đường cho pháo xe kéo cơ động và chiếm lĩnh trận địa, đến 11 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3, pháo Đ74 đã bắt đầu rót đạn vào các mục tiêu trong thị xã Cheo Reo gây cho địch hoang mang rối loạn; 18.30h quân ta đã chiếm sân bay Cheo Reo; cụm pháo của Trung đoàn 48 bắt đầu phát huy hoả lực, pháo 85mm cùng xe tăng tiêu diệt các ổ đề kháng của địch, chi viện cho bộ binh liên tiếp đánh chiếm trại Ngô Quyền, ty cảnh sát, tiền khu quân sự và đến sáng ngày 19 tháng 3 quân ta làm chủ hoàn toàn Cheo Reo, bắt gọn 6 liên đoàn biệt động, 3 thiết đoàn xe tăng, 6 tiểu đoàn pháo 155mm và 105mm; 3 tỉnh Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

Đây là trận tác chiến hiệp đồng quy mô lớn, diễn biến phức tạp, nhiều nhiệm vụ bắn ngoài kế hoạch, trên một chính diện rộng, tung thâm sâu; địa hình rừng núi, đường sá ít nhưng do có sự chuẩn bị chu

đáo, xây dựng lực lượng pháo đủ cho các cấp trước chiến dịch nên pháo binh ta đã phát huy mạnh mẽ sức mạnh hoả lực của mình.

Trong việc tổ chức các cụm pháo, ta rất linh hoạt như cụm pháo chiến dịch trong 2 đòn hoả lực 1 và 2, Bộ chỉ huy luôn luôn nắm quyền sử dụng đến khi quân địch rút chạy, Bộ chỉ huy đã nhanh chóng chuyển thuộc tất cả cho các sư đoàn sử dụng do đó việc hiệp đồng tác chiến bộ - pháo kịp thời chắc chắn và hiệu quả. Về cách bắn luôn coi trọng lối bắn trực tiếp của pháo xe kéo đi cùng bộ binh, xe tăng trong chiến đấu tiến công, đây cũng là truyền thống đẹp sử dụng pháo xe kéo của mặt trận Tây Nguyên.

Lữ Văn (Báo Quân đội nhân dân)

NHỚ VỀ MÙA XUÂN TOÀN THẮNG

Nhớ câu thơ của Bác Hồ

Năm tháng qua đi, nhớ lại quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta không quên lời dự báo chiến lược của Bác Hồ trong bài thơ chúc Tết ngày 1-1-1969, bài thơ chúc Tết cuối cùng trước khi Người đi xa:

Năm qua thắng lợi vẻ vang

Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to

Vì độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Tiến lên, chiến sĩ đồng bào

Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.

Trong bài thơ này, Bác Hồ, nhà chiến lược thiên tài đã thiết kế một lộ trình hai bước để tiến tới thắng lợi cuối cùng. Điều thú vị là quá trình hai bước "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" được diễn đạt bằng một câu thơ cực kỳ giản dị, mộc mạc, dân dã, ít có câu thơ Việt Nam nào mà những từ "cút" và "nhào" được dùng đắt đến như thế.

Trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972 là trận quyết chiến chiến lược buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước. Đó là bước thứ nhất "đánh cho Mỹ cút", tạo tiền đề cho bước thứ hai "đánh cho ngụy nhào" trong mùa Xuân toàn thắng năm 1975.

Nói đến chiến thắng B52, chúng ta nhớ lại tầm nhìn chiến lược của Bác. Từ rất sớm, năm 1962, Người đã căn dặn đồng chí Phùng Thế Tài, Tư

lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân: "Ngay từ bây giờ, chú phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay này". Ngày 19-7-1965, đến thăm Quân chủng Phòng không-Không quân, Người đã chỉ rõ: "Dù chúng có B57, B52 hay "bê gì" đi nữa, ta cũng đánh, mà đã đánh là nhất định thắng". Năm 1967, chỉ hai năm trước khi đi xa, Người còn dặn đồng chí Phùng Thế Tài (lúc này là Phó tổng Tham mưu trưởng): "Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Mỹ nhất định thua, nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội".

Thực tế lịch sử đã diễn ra đúng như lời tiên đoán của Bác.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, quân và dân ta đã thực hiện trọn vẹn câu thơ Xuân của Bác: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Ngày đó, tôi là phái viên của Tổng cục Chính trị đi theo cánh quân phía Đông vào cho tới Dinh Độc Lập. Năm tháng trôi qua nhưng kỷ niệm về ngày lịch sử ấy vẫn hiện ra đậm nét trong ký ức tôi. Giữa không khí tung bừng của ngày toàn thắng, chúng tôi đã có những giây phút xúc động chưa từng thấy. Tất cả chúng tôi đều xúc động nhớ Bác Hồ. Trong tâm trí chúng tôi, "Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân" và "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng".

Hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam

Sau Hiệp định Pa-ri, có hai khả năng để thống nhất đất nước.

Khả năng thứ nhất: Dịch tôn trọng Hiệp định Pa-ri, thành lập được Chính phủ ba thành phần ở miền Nam, nhân dân ta sẽ thống nhất Tổ quốc trong hòa bình.

Khả năng thứ hai: Mỹ ngụy ngoan cố phá hoại Hiệp định, tiếp tục gây chiến. Ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go quyết liệt để giành thắng lợi hoàn toàn, thu giang sơn về một mối.

Thực tiễn trên chiến trường đã diễn ra theo khả năng thứ hai. Từ thực tiễn này, những ý đồ chiến lược của Bộ thống soái tối cao và của các cấp lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường đã được đề xuất, trở thành quyết sách chiến lược của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Đó là các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Quân ủy Trung ương, Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung

ương Đảng và các mệnh lệnh chỉ thị từ Bộ thống soái tối cao chỉ đạo các chiến trường trong quá trình đánh cho ngụy nhào.

Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng (10-1973) là Nghị quyết hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam: "Cách mạng miền Nam phải tiếp tục tiến lên bằng con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công". Đây là một quyết tâm chiến lược rất đúng đắn, rất sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Trước đó, do sớm nhận thức phương hướng chiến lược nói trên nên từ đầu năm 1973, Quân ủy Trung ương đã chỉ thị thành lập một Tổ trung tâm trong Bộ Tổng tham mưu có nhiệm vụ chuẩn bị Kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam. Thời cơ chiến lược đã đến gần, nhưng giành thắng lợi bằng cách nào, đó là điều không đơn giản.

Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp nghe báo cáo kinh nghiệm kết thúc cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô, cuộc Chiến tranh giải phóng của nhân dân Trung Quốc và giai đoạn cuối cùng của một số cuộc chiến tranh khác.

Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nhấn mạnh, khả năng phát động tổng khởi nghĩa kết hợp với tổng công kích, lấy địa bàn chủ yếu là thành thị để giải phóng miền Nam. Bí thư Quân ủy Trung ương Võ Nguyên Giáp liên hệ với tình hình miền Nam thấy: "Không thể đặt tổng khởi nghĩa lên hàng đầu mà tất yếu phải có những trận tiến công lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tạo điều kiện đánh vào thành phố, vào sào huyệt chủ yếu của địch, kết hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng để kết thúc chiến tranh giành toàn thắng" (*Võ Nguyên Giáp, Tổng tập hồi ký, tr.1183*). Trải qua nhiều lần trao đổi ý kiến, đồng chí Lê Duẩn đồng ý.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng đã chỉ đạo tổ Trung tâm nghiên cứu hoàn chỉnh kế hoạch chiến lược theo hướng đó. Đề cương Kế hoạch chiến lược được dự thảo nhiều lần. Biết bao vấn đề lớn về địch, về ta, về thời cơ, về cách đánh được đặt ra: Tiến công vào thời điểm nào? Sử dụng lực lượng ra sao? Mở tiến công tiêu diệt lớn thì hướng chính nên ở đâu? Đánh như thế nào để tiêu diệt lớn quân ngụy? Khả năng can thiệp của Mỹ như thế nào?...

Quân ủy Trung ương nhận định: Dù thời cơ tạo ra có thuận lợi bao nhiêu thì cũng phải đánh sập nguy quân nguy quyền, đòn công kích phải đi trước một bước. Bất kể trong trường hợp nào, cũng phải nắm trong tay một lực lượng tập trung tương đối mạnh. Để có những quả đấm chủ lực mạnh, được sự đồng ý của Bộ Chính trị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ thị thành lập các quân đoàn chủ lực cơ động. Trong 2 năm từ tháng 3-1973 đến tháng 3-1975 các Quân đoàn 1, 2, 3, 4 và Đoàn 232 tương đương quân đoàn đã lần lượt ra đời.

Kế hoạch chiến lược đã được các chỉ huy chiến trường góp ý kiến chỉnh lý nhiều lần trước khi trình Bộ Chính trị và được Bộ Chính trị thông qua trong cuộc họp từ ngày 18-12-1974 đến ngày 2-1-1975.

Bước một (năm 1975): Mở nhiều đợt tấn công và nổi dậy làm cho lực lượng địch suy yếu nhanh chóng, tạo điều kiện cho năm 1976. Hướng tiến công chiến lược đầu tiên là Tây Nguyên, cụ thể là Nam Tây Nguyên.

Bước hai (năm 1976): Tổng tiến công và nổi dậy đánh chiếm Sài Gòn, giành toàn thắng.

Trên cơ sở Kế hoạch cơ bản hai bước trên đây, Bộ Chính trị chỉ thị xây dựng một Kế hoạch thời cơ giải phóng miền Nam sớm. Bộ Chính trị nhận định: Năm 1975, tiến công quân sự mạnh tạo nên phong trào chính trị, thúc đẩy thời cơ, có thể tạo ra thời cơ mới, thậm chí có thể tạo ra thời cơ phát triển đột biến. Thời cơ chiến lược thường xuất hiện trong thời gian ngắn và không bao giờ đứng lâu tại chỗ. Phải kịp thời phát hiện thời cơ, nắm bắt thời cơ, chớp lấy thời cơ để giành thắng lợi cao nhất.

Thực tiễn chiến trường năm 1975 đã diễn ra đúng như dự kiến của Bộ Chính trị. Kế hoạch chiến lược hai năm đã được hoàn thành chỉ trong 55 ngày đêm.

Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm chiến lược chính xác. Suy nghĩ về kết thúc chiến tranh đã được hình dung đúng ngay từ lúc khởi đầu. Vừa chắc thắng vừa nhanh, đó là nét tài tình và độc đáo trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Bộ Chính trị những ngày tháng đầu năm 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đòn điểm huyết Buôn Ma Thuột

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên có dáng võ tướng với khuôn mặt rắn rỏi, đôi mắt sắc sảo dưới hàng lông mày

hình lưỡi mác, trong một lần nói chuyện với chúng tôi (lúc đó là học viên lớp bổ túc tại Học viện Quân sự cấp cao, sau này là Học viện Quốc phòng) đã chỉ rõ tầm nhìn chiến lược của Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Đại tướng đã từng nói: "Ai làm chủ được Tây Nguyên thì làm chủ được Đông Dương". Đại tướng đã điều Thượng tướng Hoàng Minh Thảo vào giữ cương vị Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên từ nhiều năm trước. Trong một lần triệu tập Thượng tướng Hoàng Minh Thảo ra Hà Nội tham khảo ý kiến, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nêu câu hỏi: "Nếu đánh Tây Nguyên thì đánh ở đâu trước?". Thượng tướng Hoàng Minh Thảo trả lời: "Đánh Tây Nguyên thì đánh vào Buôn Ma Thuột trước. Vì Buôn Ma Thuột là thị xã lớn nhất, là hậu cứ của địch, là nơi địch yếu mà là hiểm yếu."

Buôn Ma Thuột là địa bàn chiến lược cơ động, từ đây ta có thể phát triển theo ba hướng: Đánh lên Tây Nguyên, đánh xuống đồng bằng ven biển, đánh vào miền Đông Nam Bộ, cắt chiến trường miền Nam làm đôi. "Nguyên tắc chọn hướng tấn công chủ yếu là chọn nơi địch yếu mà là hiểm yếu" - đồng chí Hoàng Minh Thảo khi nói chuyện với chúng tôi là Giám đốc Học viện Quân sự cấp cao đã nhấn mạnh với các học viên như vậy. Đó là bài học sâu sắc đối với chúng tôi.

Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tiến công chiến lược đầu tiên trong Kế hoạch chiến lược cơ bản đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương duyệt. Do tầm quan trọng của chiến dịch, Quân ủy Trung ương cử đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng làm đại diện Quân ủy Trung ương trực tiếp tại mặt trận.

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo kể: Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đi một nước cờ thần tình: Cắm hai quân đoàn ở hai đầu (Quân đoàn 4 ở Đồng Nai và Quân đoàn 2 ở Huế) buộc địch phải điều động tổng dự bị chiến lược của chúng là hai sư đoàn dù và lính thủy đánh bộ ra hai đầu để giữ hai khu vực chiến lược quan trọng là Huế và Sài Gòn, làm cho thế trận phòng ngự của địch bị căng ra hai đầu, để hở quãng giữa là Tây Nguyên.

Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp lại tăng thêm lực lượng cho mặt trận Tây Nguyên, điều Sư đoàn 316 từ Bắc vào và Sư đoàn 968 từ Lào sang. Tây Nguyên bước vào chiến dịch có lực lượng tới 4 sư đoàn và một số trung đoàn độc lập, lại có sự phối hợp của Sư đoàn 3 Sao Vàng thuộc Quân khu 5

và Binh đoàn 559 Trường Sơn. Tây Nguyên trở thành một quân đoàn mạnh.

Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng một loạt hoạt động cài thế bao vây chia cắt, cô lập Buôn Ma Thuột. Ta dùng mưu tăng cường hoạt động nghi binh thu hút sự chú ý của địch về phía Bắc (Kon Tum) đánh trận "giả" ở Plei-cu, địch mắc mưu, đưa Trung đoàn 45, đơn vị mạnh của sư đoàn 23 ngụy từ Buôn Ma Thuột lên Plei-cu để sơ hở hướng Nam Tây Nguyên và Buôn Ma Thuột.

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo phân tích: "Ta ghìm địch ở đầu mạnh (Bắc Tây Nguyên) để phá vỡ địch ở đầu yếu là Nam Tây Nguyên. Đó là một thành công trong nghệ thuật dùng mưu". Nói điều đó, đôi mắt của ông rực sáng.

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo cho biết, công tác chuẩn bị chiến đấu cũng rất công phu: San : ừng, xẻ núi, bắc cầu, cưa cây sẵn nhưng chưa cho đổ, khi cần vượt qua thì đánh đổ cho nhanh. Tất cả đều phải giữ bí mật. Hơn 3 sư đoàn bộ binh với nhiều trung đoàn pháo binh, xe tăng-thiết giáp, nghĩa là hàng chục ngàn bộ đội với các loại vũ khí, xe cộ, lán trại, kho tàng, hành quân từ phía Bắc xuống Nam Tây Nguyên, áp sát Buôn Ma Thuột và Đức Lập, thậm chí ăn Tết rồi mới vào trận mà địch không hề hay biết. Ta vẫn giữ được bí mật tuyệt đối cho đến trước giờ G, đó là một thành công lớn trong sự chuẩn bị chiến đấu.

2 giờ sáng ngày 10-3, ta nổ súng đánh Buôn Ma Thuột, Trung đoàn Đặc công 198 và pháo phản lực (DKB, H12, rốc két) bắn vào sân bay và khu kho Mai Hắc Đế. Công binh cho đổ các cây cưa sẵn. Xe tăng, xe bọc thép bật đèn sáng trong đêm mở hết tốc lực tiến vào thành phố, đột phá, thọc sâu, vu hồi, trút bão lửa khiến địch không kịp trở tay. Vũ Thế Quang, Đại tá Sư đoàn phó sư 23 ngụy; Nguyễn Trọng Luật, Đại tá, Chỉ huy trưởng tiểu khu Đắc Lắc phải bỏ sở chỉ huy tháo chạy.

Trận Buôn Ma Thuột tiếp diễn với trận tiêu diệt lực lượng phản kích của địch. Trong hai ngày 12 và 13-3-1975, địch cho quân đổ bộ đường không xuống đông Buôn Ma Thuột, Phước An và tây sân bay Hòa Bình. Địch sa ngay vào các bẫy ta đã giăng sẵn. Các trung đoàn 44, 45, Sở chỉ

huy nhẹ của sư đoàn 23 ngay lần lượt bị tiêu diệt. Cuộc phản kích của địch hông chiếm lại Buôn Ma Thuột bị đập tan.

Ngày 14-3-1975, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu họp với Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên, các tướng Đặng Văn Quang, Phạm Văn Phú ở Cam Ranh, quyết định rút khỏi Kon Tum và Plei-cu để bảo toàn lực lượng, thực hiện rút lui chiến lược, co cụm chiến lược.

Nhưng địch không thể rút lui nổi, co cụm nổi bởi vì quân ta với ý chí quyết thắng vượt lên trên sức lực của mỗi người, lập tức truy kích, tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy trên đường số 7. Đường đã bị bỏ từ lâu, cầu hỏng, phà qua sông không có, hàng trăm xe pháo của địch ùn tắc, quân lính địch bỏ xe tháo chạy. Ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ cánh quân địch rút lui, thu hàng trăm xe pháo các loại. Kon Tum, Plei-cu không đánh mà giải phóng.

Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng đã tạo ra một bước phát triển đột biến trong tình hình chiến cuộc.

Thời cơ chiến lược xuất hiện. Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm "Khẩn trương chuyển hẳn sang phương án thời cơ, chuyển cuộc tiến công chiến lược thành Tổng tiến công chiến lược, hoàn thành kế hoạch hai năm (1975-1976) ngay trong năm 1975".

Đây là một quyết tâm rất lớn, rất kịp thời, phát hiện thời cơ chiến lược, nắm bắt thời cơ để chuyển biến cục diện chiến tranh.

Đòn tiến công chiến lược thứ hai giải phóng Huế - Đà Nẵng

Hạ tuần tháng 3-1975, Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Không khí cơ quan Bộ Tổng tư lệnh sôi nổi, mọi người rất vui mừng thấy cuộc tiến công chiến lược phát triển nhanh hơn dự kiến.

Thượng tướng Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị gọi tôi đến giao nhiệm vụ: "Cử đồng chí làm phái viên của Tổng cục Chính trị theo dõi mặt trận Huế - Đà Nẵng. Đồng chí lên đường ngay. Huy động các lực lượng báo chí, thông tấn, văn hóa văn nghệ trong và ngoài quân đội bám sát mặt trận. Giải phóng đến đâu phải có tin, ảnh chiến sự đến đấy. Các đoàn văn công quân đội sẵn sàng tiến vào vùng giải phóng". Đồng chí Song Hào, nguyên là Chính ủy Đại đoàn Quân Tiên Phong 308 khi tiếp

quản Thủ đô, đã nhắc nhở tôi kinh nghiệm ngày giải phóng Thủ đô năm 1954.

Trước đó, Điện ảnh Quân đội đã cử một bộ phận quay phim bám sát Sư đoàn 316, đã quay được những hình ảnh sinh động quân ta đánh chiếm Sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy và các mục tiêu khác trong thị xã Buôn Ma Thuột.

Tôi huy động các lực lượng phóng viên báo chí, văn nghệ sĩ rồi lên đường ngay, theo tuyến Hồ Chí Minh vào tây Huế. Nhưng tôi đến chậm. Đường Hồ Chí Minh nườm nượp những đoàn xe chở quân của Quân đoàn 1 được lệnh lên đường chiến đấu. Vinh dự được vào chiến trường vào thời điểm lịch sử, nét mặt các chiến sĩ tươi rói. Xe tôi bị kẹt, tôi phải bỏ xe, dùng mọi phương tiện kể cả xe lam của đồng bào vùng mới giải phóng để đến được Đà Nẵng một ngày sau khi thành phố được giải phóng. Tôi gặp đồng chí Lê Linh, Chính ủy Quân đoàn 2. Chúng tôi ôm nhau giữa Đà Nẵng giải phóng, trong lòng xiết bao vui sướng. Lê Linh với tôi là bạn thân từ trong kháng chiến chống Pháp, khi ấy Lê Linh là Chính ủy Trung đoàn 36, Đại đoàn 308 mà tôi là Phó chính ủy. Lê Linh hồ hởi kể chuyện: "Từ ngày 19-3, quân ta đã giải phóng thị xã và toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Quân khu Trị Thiên và Quân đoàn 2 được lệnh gấp rút đưa quân xuống đồng bằng, nhanh chóng cắt đứt đường số 1 không cho địch rút về co cụm ở Đà Nẵng. Quân ta khẩn trương đánh chặn, chia cắt đội hình địch, đánh tan sư đoàn 1 ngụy, giải phóng hoàn toàn Trị Thiên Huế. Ta chiếm lĩnh đèo Hải Vân, bịt cửa Thuận An không cho địch rút chạy. Pháo tầm xa của ta bắn phá sân bay Phú Bài. Hàng chục nghìn quân ngụy cùng với hàng trăm xe tăng, xe bọc thép bị ta tiêu diệt và bắt sống. Cảnh thảm bại trên đường số 7 ở Tây Nguyên lại diễn ra trên đường từ Huế xuống cửa Thuận An. Quân ta tiến vào thành phố Huế, phối hợp với quân chúng nổi dậy giải phóng hoàn toàn Cố đô Huế ngày 26-3. Lá cờ cách mạng nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh được kéo lên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn".

Đồng chí Lê Linh nói tiếp: "Quân đoàn 2 được lệnh nhanh chóng tiến vào giải phóng Đà Nẵng. Mặt trận Quảng Đà được thành lập do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy. Tình hình chuyển biến rất nhanh, Tư lệnh và Chính ủy Mặt trận Quảng Đà chỉ làm việc với nhau bằng điện đài, không kịp họp hành gì cả".

Bộ Tổng tư lệnh hạ lệnh: Ngày 27-3, Quân đoàn 2 và một sư đoàn của Quân đoàn 1 tiến công ở phía bắc Đà Nẵng, riêng Sư đoàn 304 tiến công từ hướng tây nam.

Phía nam Đà Nẵng, các lực lượng của Sư đoàn 2 (Quân khu 5) dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Chu Huy Mân bỏ qua các mục tiêu dọc đường tiến thẳng về Đà Nẵng. Pháo binh ta nã đạn khổng lồ chế bến cảng và sân bay, bán đảo Sơn Trà và Sở chỉ huy quân đoàn 1 ngụy. Ta tập trung lực lượng từ hai phía: Từ Thừa Thiên - Huế đánh vào, từ Nam Ngãi đánh ra, quyết không cho địch rút chạy để co cụm vào giữ Sài Gòn. Ngày 29-3-1975, cả hai cánh quân cùng tiến công vào thành phố Đà Nẵng, phối hợp với quần chúng nổi dậy đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế, giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An. Ta tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn quân địch trong bộ máy quân sự, hành chính của ngụy quân ngụy quyền tại thành phố lớn miền Trung này.

Đồng chí Lê Linh nói tiếp: "Chiến dịch này do Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy. Anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) đôn đốc ráo riết. Thời gian là lực lượng. Chỉ trong một thời gian ngắn kỷ lục có 3 ngày mà ta đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng tỉnh Quảng Đà, đặc biệt là căn cứ quân sự Đà Nẵng, căn cứ liên hợp lớn nhất và quan trọng nhất của địch ở miền Nam Việt Nam. Anh Văn gửi điện khen cả hai cánh quân: Cánh Quân đoàn 2 phía Bắc do Nguyễn Hữu An, Lê Linh, Hoàng Đan chỉ huy và cánh quân phía Nam: Sư đoàn 2 (Quân khu 5) do Nguyễn Chơn chỉ huy".

Ngày hôm sau, tôi nhận được lệnh của Tổng cục Chính trị đón đồng chí Lê Quang Hòa, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị vào Đà Nẵng để cùng với đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó tổng Tham mưu trưởng thành lập cánh quân Duyên Hải có nhiệm vụ tiến theo đường số 1 vào tham gia Mặt trận Sài Gòn.

Như vậy là đòn tiến công chiến lược thứ hai giải phóng Huế - Đà Nẵng đã được hoàn thành xuất sắc. Lại một bước nhảy vọt mới trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam vào mùa xuân lịch sử 1975.

Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa

Trong cuộc đời quân ngũ của tôi, có những lần tôi nhận được lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mà khi đọc lên thì mệnh lệnh đó âm vang trong tâm hồn tôi như một lời hịch của non sông đất nước. Đặc biệt phải kể tới là ngày 7-4-1975, trên đường hành quân tiến về Sài Gòn, tôi nhận được bức điện của Đại tướng Tổng tư lệnh với nội dung: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng". Mệnh lệnh nổi tiếng ấy như một lời hịch của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Lúc này, tôi là phái viên của Tổng cục Chính trị theo sát cánh quân Duyên Hải. Tôi giúp đồng chí Lê Quang Hòa truyền đạt tức khắc mệnh lệnh của Đại tướng đến khắp các đơn vị thuộc cánh quân Duyên Hải.

Cánh quân này mới thành lập, không nằm trong dự kiến từ trước, gồm lực lượng Quân đoàn 2 vừa giải phóng Đà Nẵng, Sư đoàn 3 Sao Vàng thuộc Quân khu 5, các đơn vị pháo binh, cao xạ, xe tăng, công binh, có nhiệm vụ đánh địch trong hành tiến, khẩn trương hành quân để đến kịp thời gian cùng các đơn vị bạn tham gia giải phóng Sài Gòn. Đồng chí Lê Trọng Tấn là Tư lệnh, đồng chí Lê Quang Hòa là Bí thư Ban Cán sự Đảng lâm thời.

Cánh quân Duyên Hải hồ hởi lên đường như được chấp cánh bay về Nam, bảo đảm tốc độ. Thế nhưng, mới ra khỏi Đà Nẵng, chúng tôi đã gặp trở ngại đầu tiên: Cầu Cầu Lâu bắc qua sông Thu Bồn bị địch phá sập 2 nhịp, công binh khắc phục bắc cầu tạm cho các đơn vị nhẹ đi trước, triển khai một bến phà quân sự để chở loại xe trọng tải lớn. Cứ như vậy thì quá chậm. Một người dân vùng mới giải phóng cho biết, phía thượng lưu cách cầu Cầu Lâu hơn 10km, có một cây cầu, thế là cả đoàn xe tăng rầm rập cơ động dọc theo bờ sông Thu Bồn cố gắng bù lại thời gian đã mất.

Dọc đường qua các tỉnh miền Trung mới giải phóng, đông đảo đồng bào ra đứng hai bên đường hoan hô bộ đội. Tôi gặp một tốp phụ nữ đứng chỉ trở, hỏi ra thì trong tốp phụ nữ này, có một chị đã chờ chồng 20 năm nay, thấy bộ đội giải phóng vội chạy ra đón, hy vọng được thấy anh ấy trở về.

★★★

Ngày 10-4, đến Phan Rang thì cánh quân gặp tuyến phòng thủ từ xa của địch. Chúng tôi còn cách Sài Gòn 350km. Tại đây có 2 hải cảng Tân Thành và Ninh Chữ, có sân bay Thành Sơn với lực lượng bộ binh và một sư đoàn không quân ngụy. Sáng 14-4, quân ta nổ súng đánh Phan Rang, quân địch được phi pháo yểm hộ, dựa vào hệ thống công sự và địa hình có lợi, ngoan cố chống cự. Sáng 16-4, Tư lệnh Quân đoàn 2 Nguyễn Hữu An tổ chức một đội hình thọc sâu gồm xe tăng, thiết giáp đánh thẳng theo Đường số 1, chiếm thị xã Phan Rang, chiếm hai cảng Tân Thành và Ninh Chữ, đồng thời theo Đường 11 đánh ngược lên phía Tây Bắc, vu hồi vào sườn phía Tây của địch, chiếm sân bay Thành Sơn, thu 40 máy bay còn nguyên vẹn (sau này dùng để tổ chức phi đội Quyết thắng ném bom sân bay Tân Sơn Nhất chiều 28-4). Tối 16-4, tôi và đồng chí Đào Huy Vũ, Tư lệnh bộ đội Tăng - Thiết giáp, phái viên của Bộ Tổng tư lệnh có mặt ở sân bay Thành Sơn lúc quân ta bắt sống viên Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và viên Chuẩn tướng không quân Phạm Ngọc Sang.

Thừa thắng, bộ binh và xe tăng của Quân đoàn 2 tiến đánh thị xã Phan Thiết. Sáng 20-4, chúng tôi đến Xuân Lộc. Anh Lê Trọng Tấn và anh Lê Quang Hòa nhanh chóng bắt liên lạc với Bộ chỉ huy Mặt trận Sài Gòn. Cánh quân Duyên Hải trở thành cánh quân phía Đông trực thuộc Bộ chỉ huy Mặt trận Sài Gòn.

Cuộc tiến công thần tốc của cánh quân Duyên Hải với hơn 32.000 quân và 2.276 xe, pháo, tăng thiết giáp qua một chặng đường gần một nghìn ki-lô-mét, đánh địch mà đi là một đòn chiến lược sáng tạo, kịp thời, đánh thông tuyến Đường số 1 từ Bắc vào Nam, đến tận cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, tăng thêm lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Chiến dịch mang tên Bác

Đến Xuân Lộc, tôi được biết là từ ngày 9-4, Quân đoàn 4 do đồng chí Hoàng Cầm là Tư lệnh, đồng chí Hoàng Thế Thiện là Chính ủy, đã mở cuộc tiến công vào "cánh cửa thép" trên tuyến phòng ngự phía Đông của địch ở Sài Gòn. Nơi đây địch bố trí một lực lượng khá mạnh gồm Sư đoàn 18 ngụy và một số đơn vị bảo an, cảnh sát, phòng ngự trong công sự kiên cố. Lê Minh Đảo, Sư đoàn trưởng ngụy hò hét "tử thủ". Trận đánh đã diễn ra phức tạp. Địch tăng viện thêm quân và dùng đến cả loại bom CBU có sức mạnh sát thương, hủy diệt lớn. Anh Lê Trọng Tấn quyết định tăng

cường cho Quân đoàn 4, Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và pháo đạn để tiến công dứt điểm Xuân Lộc. Ngày 20-4, địch rút chạy khỏi Xuân Lộc. "Cánh cửa thép" phía Đông Sài Gòn đã bị mở toang.

Anh Lê Quang Hòa về Bộ chỉ huy Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định. Đồng chí cho tôi biết, Bộ Chính trị đã thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch: Anh Văn Tiến Dũng là Tư lệnh; anh Phạm Hùng là Chính ủy; các anh Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn, Lê Đức Anh, Đinh Đức Thiện là Phó tư lệnh; anh Lê Quang Hòa là Phó chính ủy kiêm Chủ nhiệm Chính trị; anh Lê Ngọc Hiền quyền Tham mưu trưởng.

Thế theo đề nghị của Bộ chỉ huy chiến dịch, Bộ Chính trị đã đồng ý đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Được phổ biến điều này, tất cả chúng tôi cũng như các đơn vị tham gia chiến dịch đều cảm thấy vinh dự được tham gia trận quyết chiến chiến lược cuối cùng mang tên vị lãnh tụ vô vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Hạ tuần tháng 4-1975, các lực lượng lớn của quân ta tham gia chiến dịch đã vào vị trí triển khai:

Ở hướng Bắc, Quân đoàn 1 từ miền Bắc vào đã có mặt ở khu vực nam Sông Bé.

Ở hướng Tây Bắc, Quân đoàn 3 gồm các lực lượng ở Tây Nguyên đã đến Dầu Tiếng.

Ở hướng Tây và Nam, Đoàn 232 tương đương một quân đoàn do đồng chí Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch trực tiếp chỉ huy đã áp sát Đường số 4, Mỹ Tho.

Ở hướng Đông, Quân đoàn 4 sau khi giải phóng Xuân Lộc áp sát Trảng Bom. Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 (Quân khu 5) đã áp sát Long Thành Vũng Tàu, Nước Trong, Bà Rịa. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân Duyên Hải nay là Phó tư lệnh chiến dịch chỉ huy hướng này.

Tại Sài Gòn, các lực lượng biệt động, đặc công, các lực lượng của Thành đội Sài Gòn đã đứng sẵn ở vùng ven và nội đô chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy khi chủ lực tiến công. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó bí thư Trung ương Cục và đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục đặc trách phong trào nổi dậy của quần chúng.

Thế trận đã bày xong. Năm mục tiêu quan trọng đã được xác định: Dinh Tổng thống Ngụy quyền, Bộ Tổng tham mưu quân ngụy, Sân bay Tân Sơn Nhất, Biệt khu thủ đô và Tổng nha Cảnh sát.

Giờ phút quyết định đã điểm

Tôi đi theo cánh quân hướng Đông do đồng chí Lê Trọng Tấn chỉ huy. Cánh quân này tiến công căn cứ Nước Trong, Chi khu quân sự Long Thành và thị xã Bà Rịa. Ở Nước Trong, địch chống cự, dùng máy bay bắn phá và phản kích suốt cả ngày, Sư đoàn 304 mở nhiều đợt tấn công nhưng chưa dứt điểm. Anh Lê Trọng Tấn đôn đốc việc đánh chiếm căn cứ Nước Trong và nhất là việc triển khai trận địa pháo tầm xa ở Nhơn Trạch để bắn vào căn cứ không quân Tân Sơn Nhất.

Tối 28-4, tôi nghe đài phương Tây đưa tin: "Hồi 16 giờ 40 phút chiều, 5 chiếc máy bay A37 do Mỹ chế tạo đã giội bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất". Đó là phi đội Quyết thắng do phi công Nguyễn Thành Trung, người của ta hoạt động trong hàng ngũ địch, trước đó đã ném bom dinh Tổng thống ngụy quyền và bay ra vùng giải phóng, nay huấn luyện các phi công ta sử dụng máy bay A37 của Mỹ ném bom vào sân bay Tân Sơn Nhất. Cuộc ném bom bất ngờ của Không quân Việt Nam đạt hiệu quả lớn về phá hủy máy bay và sân bay địch, nhưng hiệu quả tâm lý đối với quân ngụy còn lớn hơn nhiều.

Theo kế hoạch của Bộ Chỉ huy chiến dịch, 5 giờ 30 phút sáng 30-4, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn. Riêng cánh quân phía Đông, đồng chí Lê Trọng Tấn đề nghị cho nổ súng sớm từ 18 giờ ngày 29-4. Lý do là cánh quân phía Đông phải vượt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, nếu cùng nổ súng sẽ đến không kịp. Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh đồng ý để cánh quân phía Đông nổ súng sớm hơn kế hoạch. Như vậy trên thực tế, từ 18 giờ ngày 29-4-1975, trận tiến công Sài Gòn, Gia Định đã bắt đầu.

Sáng 30-4, binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 trong cánh quân phía Đông do đồng chí Lê Trọng Tấn chỉ huy vượt cầu xa lộ trên sông Đồng Nai, diệt ổ đề kháng của địch ở Thủ Đức phía Bắc cầu Rạch Chiếc. Trận địa pháo tầm xa của ta đặt ở Nhơn Trạch đã bắn mấy trăm viên đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Lữ đoàn xe tăng 203 của Quân đoàn 2 qua cầu Sài Gòn đến ngã tư thứ bảy thì rẽ trái đánh thẳng vào Dinh Độc Lập. Xe tăng 843 dẫn đầu đến cổng dinh dừng lại, xe tăng 390 vượt lên húc đổ cổng dinh. Đại đội trưởng Đại đội 4 xe tăng cầm cờ Giải phóng chạy lên cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4...

Cho đến nay, bao năm tháng đã trôi qua, nhưng tôi không thể nào quên cảm xúc đã đến với tôi trong ngày lịch sử ấy khi tôi bước vào thăm cỏ khoảng sân trước Dinh Độc Lập. Vui mừng khôn xiết nhưng bỗng dưng hai mắt nhòa ngấn lệ.

Đại thắng mùa Xuân, thắng lợi của ý chí và trí tuệ Việt Nam

Quyết đánh và biết đánh, anh dũng và thông minh, đó là nét nổi bật của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược lớn mạnh. Trong cuộc trường chinh 30 năm giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, nhân dân Việt Nam đã nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng, đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Chiến thắng vĩ đại mùa Xuân 1975 kết thúc cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là một biểu hiện sáng ngời của ý chí và trí tuệ Việt Nam.

Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã theo dõi diễn biến mau lẹ của tình hình chiến sự và so sánh lực lượng giữa địch và ta trên chiến trường, tạo thời, tạo thế, tạo lực, tìm ra và tạo thời cơ có lợi nhất cho ta, tạo thế mạnh của ta, khoét sâu thế yếu của địch, tập trung lực lượng đánh những đòn quyết định để giành thắng lợi hoàn toàn. Khi tình hình thay đổi, đã kịp thời thay đổi quyết sách về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, tích cực chủ động, cơ động linh hoạt, bí mật bất ngờ, giành được thắng lợi lớn nhất trong một thời gian ngắn nhất.

Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã có quyết sách kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển Kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam trong hai năm lúc đầu sang Kế hoạch thời cơ rút xuống một năm, rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa, chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng đã giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn.

Quyết đánh và biết đánh, anh dũng và thông minh, sáng tạo, đó là nét nổi bật trong sự chỉ đạo của Đảng và hành động của quân và dân ta trên chiến trường trong mùa Xuân đại thắng 1975.

Trận quyết chiến chiến lược mùa Xuân 1975 là trận quyết định ở giai đoạn kết thúc chiến tranh. Trận quyết định kết thúc chiến tranh có yêu cầu đặc biệt là phải tiêu diệt lớn sinh lực địch, đập tan ý chí kháng cự của chúng, dẫn đối phương vào một tình thế không còn có thể tiếp tục cuộc chiến tranh được nữa, buộc chúng phải đầu hàng vô điều kiện. Đó là đặc điểm của trận quyết định kết thúc chiến tranh và Đại thắng mùa Xuân 1975 là một trận quyết định như thế.

Thắng lợi của chiến tranh là kết quả của sự hy sinh chiến đấu lâu dài, sự nỗ lực to lớn của toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong các nhân tố đưa đến thắng lợi, phải kể đến sự lãnh đạo điều hành chỉ huy ở tầm vĩ mô kết hợp với sự sáng tạo cụ thể của từng mặt trận, từng đơn vị, trong đó Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Mùa Xuân 1975, Bộ thống soái tối cao đã tỏ rõ tài năng mưu lược, hiểu địch, hiểu mình, điều hành toàn diện cuộc chiến tranh trên phạm vi cả nước, khẩn trương, linh hoạt, thận trọng, chắc thắng, giành toàn thắng trong tình hình quốc tế vô cùng phức tạp lúc đó. Các đòn tiến công chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh đều diễn ra theo một kế hoạch thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh, có sự phối hợp với nhau cả về kế hoạch và tình huống chiến dịch, tạo tiền đề cho nhau và cùng tạo ra điều kiện để hình thành đòn quyết định chiến lược cuối cùng.

Suy nghĩ về chiến công oanh liệt của dân tộc Việt Nam ở giai đoạn kết thúc chiến tranh, chúng ta thấy Đại thắng mùa Xuân là điển hình thành công của ý chí quyết tâm và tài năng trí tuệ của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bộ tham mưu cách mạng dũng cảm, sáng suốt, dày dặn kinh nghiệm đã lãnh đạo chiến tranh đến ngày toàn thắng.

Xuất phát từ thực tiễn, phân tích tình hình thực tiễn, đề ra những quyết sách đột phá phù hợp với quy luật vận động của chiến tranh cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng, đó là bài học lịch sử còn nguyên giá trị cho tới ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Trung tướng Phạm Hồng Cư (Báo *Quân đội nhân dân*)

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
CHƯƠNG I NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (TỪ 1945-1954).....	16
Chiến dịch Việt Bắc.....	17
Nghệ thuật tổ chức, sử dụng lực lượng Trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947.....	20
Bình Ca, chiến công đầu mãi còn vang dội.....	25
Tướng Baufre kể chuyện cuộc tấn công Việt Bắc.....	27
Trận phục kích ở Bản Sao, đèo Bông Lau.....	31
Chiến thắng sông Lô.....	33
Chiến thắng sông Lô.....	36
Tâm Vu! Đây đó vang lừng chiến công.....	42
Chiến thắng Tâm Vu & Đồi trâu huyền thoại.....	44
Để hiểu thêm về tác giả bức tranh trận Tâm Vu.....	47
Trận đánh phục kích xuất sắc La Ngà.....	49
Chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn và những công trình tưởng niệm liệt sĩ.....	53
Kết hợp “đánh điểm, diệt viện” với luôn sâu đánh hiểm.....	57
Chiến dịch Nguyễn Huệ: Chủ động tạo thế tác chiến tổng hợp.....	58
Chiến dịch Bến Cát.....	60
Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950.....	63

Chiến thuật đánh điểm diệt viện trong Chiến dịch Đông Khê 1950.....	72
Chiến dịch Trần Hưng Đạo: Mở lối cho cách đánh vận động chiến.....	76
Sở chỉ huy của Đại tướng võ nguyên giáp trong chiến dịch Trần Hưng Đạo 1950-1951.....	78
Quân dân Vĩnh Phúc trong Chiến dịch Trần Hưng Đạo.....	82
Chiến dịch Hòa Bình.....	87
Chiến công diệt xe tăng của anh hùng Cù Chính Lan trong Chiến dịch Hòa Bình	91
Công tác hậu cần bảo đảm cho Chiến dịch Hòa Bình	93
Chiến dịch Tây Bắc	97
Chiến dịch Nghĩa Lộ	103
Ký ức những ngày đi chiến dịch.....	107
Chiến dịch Tây Bắc 1952 - nhìn từ phía bên kia thất bại được dự đoán..	115
Thắng lợi về mọi mặt	118
Công binh như cán mác	120
Trung tá Bigeard và “Cuộc rút lui Tú Lệ năm 1952”	125
Nghệ thuật quân sự và bài học lịch sử trong Chiến dịch Tây Bắc.....	129
Mở đường vào Tây Bắc.....	130
Chiến dịch Thượng Lào.....	137
Chiến dịch An Khê	140
Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.....	142
Điện Biên phủ 1954 - Sức mạnh và trí tuệ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.....	149
Điện Biên Phủ và bản lĩnh Võ Nguyên Giáp	153

Điện Biên Phủ và tướng Giáp qua mắt nhà làm phim quốc tế.....	156
Trận Điện Biên Phủ dưới góc nhìn của một nhà báo phương Tây	159
Công tác hậu cần trong Chiến dịch Điện Biên Phủ	163
Chiến dịch Điện Biên Phủ: nghệ thuật vây hãm kết hợp đột phá chiến dịch.....	167
Trận phục kích tại cầu Đắc Pơ	170
CHƯƠNG II NHỮNG TRẬN ĐÁNH CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (TỪ 1954 – 1975).....	173
Chiến thắng Nậm Thà: Một mẫu mực điển hình về quan hệ đặc biệt Việt - Lào.....	174
Trận Bình Giã	181
Trận chiến Bình Giã	184
Trận hải chiến đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.....	187
Kỵ binh bay gãy cánh.....	190
Trận phản kích ở đèo Nhông.....	198
Đặng Minh Nhuận và trận Ấp Bắc.....	199
Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa đặc biệt đối với nhân dân Cuba	203
Núi Thành - Trận đầu đánh Mỹ.....	207
Chiến dịch Sa Thầy: Tài điều địch của tướng lĩnh Việt.....	209
Chiến dịch Đắc Tô 1 năm 1967: chủ động dụ địch vào khu quyết chiến để tiêu diệt	213
Trận chiến đồi 875 Đắc Tô trong giáo khoa Mỹ.....	215
Ia Đrăng - trận đánh làm chấn động nước Mỹ.....	218

Trận Ia Đrăng “là một thảm kịch” đối với sư đoàn kỵ binh số 1 của Mỹ	222
Trận Ia Đrăng và chiến thuật nắm thắt lưng địch	226
“Mũi tên gãy” trong thung lũng Ia Đrăng	229
Chiến dịch Pleime - Cuộc đổ sức lịch sử.....	233
Sóng ngầm	235
Đồng Rùm - Trận vận động tập kích xuất sắc.....	242
Trận Côn Tiên 1967: “Chốn thần tiên” hay địa ngục?.....	245
Trận đánh cứ điểm làng Vây - Nhờ thế trận lòng dân	249
Nhớ mùa xuân ra trận 45 năm trước.....	249
Cuốn điều lệ đảng và Đồng tiền thấm máu	251
Trận làng Vây - Thay đổi học thuyết xe tăng	253
Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.....	257
Mậu Thân 1968 - 45 năm nhìn lại.....	263
Những bông hồng trong kỳ tích Mậu Thân	282
Trận Đồng Dù 1969: Địa danh vang lừng chiến công.....	284
Trận Đồng Dù: Không đánh đồng loạt mà phối hợp thọc sâu chia cắt	285
Chiến dịch phản công.....	287
Đường 9 - Nam Lào 1971	287
Chiến dịch đường 9 - Nam Lào 1971: Chiến trường nảy lửa.....	298
Chiến dịch đường 9 - Nam Lào 1971 và những bài học kinh nghiệm vận dụng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.....	301
81 ngày đêm rực lửa tại Thành cổ Quảng Trị năm 1972	313
Chiến dịch Quảng Trị năm 1972: “Mở đường” dưới lòng sông Thạch Hãn	326

“Bão táp” pháo binh trong Chiến dịch Trị - Thiên (Xuân - Hè 1972)	328
Mở màn chiến dịch tiến công Trị - Thiên	330
Những dấu chân in màu đất hai miền	332
Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không	336
12 ngày đêm đánh B52 - Con số và dữ liệu	347
Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp với “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”	353
“Điện Biên Phủ trên không”: Việt Nam là dân tộc anh hùng.....	358
12 ngày đối đầu	360
Sức mạnh “rồng lửa” trong chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”	367
Bản lĩnh người Hà Nội làm nên chiến thắng	370
Chiến dịch Linebacker II dưới con mắt của sử gia Mỹ	373
B52 “sắp chết”... mà không biết	376
Chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh: Bày mưu “giương tây, kích đông”	388
Chiến dịch tiến công bắc tây nguyên năm 1972: lập thế trận và nghi binh, tác chiến hiệp đồng binh chủng	390
Kỷ niệm 37 năm Chiến dịch Tây nguyên (3-1975/3-2012): Tôi đã chấp bút kế hoạch nghi binh	392
Chiến dịch Đồng bằng sông Cửu Long 1972: Ba mũi giáp công trong chiến dịch tiến công tổng hợp	396
Phản đột kích ở Cửa Việt.....	398
Trận đánh tại Chốt Rốt	399
Thượng Đức - Cuộc đọ sức nảy lửa	401

Phước Long - Đòn trinh sát chiến lược.....	410
Tây Nguyên - Chiến dịch mở màn lịch sử.....	413
Sư đoàn 316 trong trận then chốt chiến dịch	421
Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.....	429
Kết hợp bao vây tiến công trận địa với tập trung hỏa lực “3 trên 1”.....	432
Chiến thắng Xuân Lộc: mở toang cánh cửa thép tiến vào giải phóng Sài Gòn	434
Chiến dịch Xuân Lộc qua góc nhìn của một vị tướng.....	437
Sử dụng pháo binh phá vỡ tuyến phòng thủ cửa ngõ Sài Gòn.....	440
Chiến dịch Xuân Lộc trong Đại thắng mùa Xuân 1975 và những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo nghệ thuật quân sự Việt Nam.....	443
Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.....	449
Đại thắng mùa Xuân 1975 - Đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam	464
Rạng danh pháo binh chiến dịch	473
Nhớ về mùa Xuân toàn thắng	477

**NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN
Số 43 Lò Đúc – Hà Nội**

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ TIẾN DŨNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
CƠ LONG

Biên tập: HỮU PHƯỚC
Trình bày bìa: NGOC LIÊM
Sửa bản in: LÊ HỒNG HẢI

In 1.000 bản, khổ 19 x 27 cm tại Công ty Cổ phần In Việt Nam
Giấy ĐKKHXB số: 260 – 2013/CXB/06/02-61/VHTT
Quyết định xuất bản số: 59/QĐ-VHTT ngày 06/05/2013
Của Nhà xuất bản Văn Hóa- Thông Tin
In xong và nộp lưu chiểu: Quý II năm 2013



Giá: 345.000Đ